

TÀI LIỆU ÔN TẬP NGỮ VĂN 9 LÊN 10

PHẦN 1: ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

STT	Nội dung	
Chuyên đề 1: Ôn tập thơ hiện đại Việt Nam		
1	Đồng chí	1
2	Bài thơ về tiểu đội xe không kính	17
3	Đoàn thuyền đánh cá	25
4	Bếp lửa	37
5	Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ	50
6	Ánh trăng	57
7	Mùa xuân nho nhỏ	82
8	Viếng lăng Bác	70
9	Sang thu	106
10	Nói với con	96
Chuyên đề 2: Ôn tập truyện hiện đại		
1	Làng	116
2	Lặng lẽ Sa Pa	130
3	Chiếc lược ngà	144
4	Những ngôi sao xa xôi	156
Chuyên đề 3: Ôn tập văn học Trung đại		
1	Người con gái Nam Xương	170
2	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh	182
3	Hoàng Lê Nhất thống chí	188
4	Truyện Kiều	198
5	Lục Vân Tiên	220
Chuyên đề 4: Ôn tập văn bản nhật dụng		
1	Phong cách Hồ Chí Minh	243
2	Đấu tranh cho một thế giới hòa bình	248
3	Tuyên bố thế giới về sự sống còn...	245
4	Bàn về đọc sách	227

5	Tiếng nói của văn nghệ	233
6	Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới	237

CHUYÊN ĐỀ 1: THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

BÀI 1: ĐỒNG CHÍ

Chính Hữu

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<ul style="list-style-type: none"> - Tên khai sinh: Trần Đình Đắc(1926-2007), quê Can Lộc, Hà Tĩnh. Bút danh : Chính Hữu. - Là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp. - Chính Hữu bắt đầu cầm bút từ năm 1947 và tập trung khai thác ở hai mảng đề tài chính là người lính và chiến tranh. Đặc biệt là tình cảm đồng chí, đồng đội, sự gắn bó của tiền tuyến với hậu phương. - Phong cách sáng tác: Thơ Chính Hữu vừa bình dị vừa trí tuệ; ngôn ngữ giàu hình ảnh; giọng điệu phong phú, cảm xúc dồn nén, khi thiết tha, trầm hùng khi lại sâu lắng, hàm súc.
Hoàn cảnh sáng tác	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ sáng tác mùa xuân 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông(1947)- thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. - Bài thơ được in trong tập “ Đầu súng trăng treo” (1966). * Bài thơ được đánh giá là tiêu biểu của thơ ca kháng chiến giai đoạn 1946-1954.
Thể thơ	Thơ tự do
Mạch cảm xúc và bố cục	<p>* Mạch cảm xúc: Bài thơ theo thể tự do, 20 dòng chia làm 3 đoạn. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, nhưng ở mỗi đoạn sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm (các dòng 7, 17 và 20).</p> <p>Sáu dòng đầu có thể xem là sự lý giải về cơ sở của tình đồng chí. Dòng 7 có cấu trúc đặc biệt (chỉ một từ với dấu chấm than) như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.</p> <p>Mười dòng tiếp theo, mạch cảm xúc sau khi dồn tụ ở dòng 17 lại tiếp tục khơi mở trong những hình ảnh, chi tiết biểu hiện cụ thể, thấm thía tình đồng chí và sức mạnh của nó.</p> <p>Ba dòng thơ cuối được tác giả tách ra thành một đoạn kết, đọng lại và ngân rung với hình ảnh đặc sắc “Đầu súng trăng treo” như là một biểu tượng giàu chất thơ về người lính.</p> <p>* Bố cục: 3 đoạn</p>

	<p>+ Đoạn 1: 7 câu thơ đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí của những người lính.</p> <p>+ Đoạn 2: 10 câu thơ tiếp theo: những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.</p> <p>+ Đoạn 3: 3 câu kết: Biểu tượng đẹp về tình đồng chí.</p>
Ý nghĩa nhan đề	Đồng chí: (đồng là cùng; chí là chí hướng) Đồng chí là chung chí hướng, chung lý tưởng. Người cùng trong một đoàn thể chính trị hay một tổ chức cách mạng thường gọi nhau là “đồng chí”. Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 “đồng chí” là cách xưng hô quen thuộc trong các cơ quan, đoàn thể cách mạng, đơn vị bộ đội. Vì vậy, tình đồng chí là bản chất cách mạng của tình đồng đội và thể hiện sâu sắc tình đồng đội.
PT biểu đạt	Biểu cảm
Chủ đề	Bài thơ ca ngợi tình đồng chí đồng đội thiêng liêng cao cả, vào sinh ra tử có nhau của các anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp.
Giá trị nội dung	Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thấm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng. Đồng thời còn làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.
Giá trị nghệ thuật	<p>- Bài thơ sử dụng những chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng và giàu sức biểu cảm</p> <p>- Giọng điệu tự nhiên, trầm bổng thể hiện cảm xúc dồn nén, chân thành</p>

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

*** Khái quát:** Bài thơ được viết vào khoảng đầu năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc thu – đông(1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình cảm đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó mặn nồng. Bài thơ in trong tập “ Đầu súng trăng treo” (1966).

1. Cơ sở hình thành nên tình đồng chí, đồng đội(7 câu đầu):

CS1- Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân.

*Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

Nghệ thuật	Nội dung
- Thủ pháp đối được sử dụng trong 2 câu thơ đầu	gợi lên sự tương đồng trong cảnh ngộ của người lính.
- Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành	đã cho thấy những người lính, họ đều xuất thân từ những người nông dân chân lấm tay bùn, vất vả và nghèo khó. Chính vì thế mà mỗi quan tâm hàng đầu của họ chính là về đất đai khi họ giới thiệu về mình.
+ Thành ngữ "nước mặn đồng chua":	gợi lên một miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt. Cái đói, cái nghèo như manh nha từ trong làn nước.

+ Còn cụm từ “đất cày lên sỏi đá”	lại gọi lên trong lòng người đọc về một vùng đồi núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác. Cái đói, cái nghèo như ăn sâu vào trong lòng đất.
-> Các anh tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược thì cũng giống nhau ở cái nghèo, cái khổ. Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm giai cấp là sợi dây tình cảm nối họ lại với nhau, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn.	

CS2- Cùng chung chí hướng, lí tưởng cách mạng cao đẹp.

Từ hai con người vốn chẳng hề thân quen, nay cùng chung lí tưởng cách mạng mà gặp gỡ, từ đó mà làm nên tình đồng chí.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí!

Nghệ thuật	Nội dung
- Tô “đôi” -Tù ph-ng trôi tuy ch/4ng quen nhau	- Tô “đôi” chØ 2 ng4i, 2 @4i t4ng ch/4ng thÓ t, ch r4i nhau kÓt h4p v4i tã “xa l’” l4m cho ý xa l’ @4c nh4n m’n4h h-n. -Tù ph-ng trôi tuy ch/4ng quen nhau nh4ng c4ng m4t nh4p @4p c4a tr, i tim, c4ng tham gia chiÓn @4u, gi÷a hã @4 n4y n4 m4t thã t×nh c4m cao @4p: T×nh @4ng chÝ - t×nh c4m 4y kh4ng ph4i chØ l4 c4ng c4nh ng4 m4 c4n l4 s4 g34n kÓt tr4n v4n c4 v4 lý trÝ, l4n lý t4ng v4 m4c @4Ých cao c4: chiÓn @4u gi4nh @4éc l4p t4 do cho t4 qu4c.
- Hình ảnh thơ có sự sóng đôi	g4i n4n tình g4n b3 keo sơn của người lính cách mạng.
+ “Súng bên súng”: là cách nói giàu hình tượng	để diễn tả sự cùng nhau kề vai sát cánh đi bên nhau trong chiến đấu; cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ.
+ “Đầu sát bên đầu”: là cách nói hoán dụ	tượng trưng cho ý chí, quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

CS3- Cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn.

Trong cuộc sống nơi chiến trường, họ cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn

Nghệ thuật	Nội dung
+ “đêm rét chung chăn”-	là thể hiện sự gắn bó, sẻ chia, sẵn sàng chia ngọt, sẻ

một hình ảnh đẹp	bụi những lúc thiếu thốn về vật chất. Chính sự sẻ chia, đồng cam cộng khổ ấy đã tạo nên hơi ấm để xua tan đi cái lạnh lẽo, cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, giúp họ gắn kết với nhau mà vượt lên gian khó.
-> Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn “tri kỉ” tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng.	
+ Tổ “chung”	<p>- C¶ 7 c©u th¬ cũ duy nhÊt lĩ tổ “chung” nhng bao hũm nhiÒu ý: chung c¶nh ngé, chung giai cÊp, chung chÝ híng, chung mét kh,t vãng...</p> <p>- Nh×n l'i c¶ 7 c©u th¬ ®Çu nh÷ng tõ ng÷ nãi vÒ ngêi lÝnh: ®Çu tiªn lµ “anh” vµ “t«i” trªn tång dõng th¬ nh mét kiÓu xng danh khi mçi gÆp gì, dẽng nh vËn lµ hai thÕ giú riªng biÕt. Rãi “anh” víi “t«i” trong cïng mét dõng, ®Õn “®«i ngêi” nhng lµ “®«i ngêi xa l”, vµ rãi ®· biÕn thụng ®«i tri kù - mét t×nh b'ñ keo s-n, g¾n bã. Vµ cao h-n n÷a lµ ®ãng chÝ. Nh vËy, tõ rôi r'c riªng lĩ, hai ngêi ®· dÇn <u>nhËp thụng chung, thụng mét, khá t,ch rôi.</u></p> <p>Đôi có nghĩa là “hai”, nhưng từ “ hai” chỉ 2 cá thể hoàn toàn tách biệt, từ “ đôi” thể hiện sự gắn kết không thể tách rời. Từ “ đôi người xa lạ”, họ đã trở “ đôi tri kỉ”, thành đôi bạn tâm tình thân thiết, hiểu bạn như hiểu mình.</p>
+ Tác giả đã rất khéo léo khi sử dụng từ “ đôi”	
- Khép lại đoạn thơ là một câu thơ có vị trí rất đặc biệt, được cấu tạo bởi hai chữ “ đồng chí!”.	<p>+ <u>Vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, một định nghĩa về đồng chí.</u></p> <p>+ <u>Thể hiện cảm xúc dồn nén,</u> được thốt ra như một cao trào của cảm xúc, trở thành tiếng gọi thiets tha của tình đồng chí, đồng đội.</p> <p>+ Dòng thơ đặc biệt ấy <u>như một bản lề gắn kết.</u> Nó nâng cao ý thơ đoạn trước và mở ra ý thơ đoạn sau. Dấu chấm cảm đi kèm hai tiếng ấy bỗng như chứa đựng bao triu mến yêu thương.</p>
=> Đoạn thơ đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí đồng, đội sống chết có nhau.	

2. Những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí, đồng đội(10 câu tiếp).

a. Trước hết, là sự cảm thông sâu xa những hoàn cảnh, tâm tư, nỗi niềm sâu kín của nhau.

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
 Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
 Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

Nghệ thuật	Nội dung
- Trước hết, họ thấu hiểu cảnh ngộ, mối bận lòng của nhau về chốn quê nhà:	
+ Đó là một hoàn cảnh còn nhiều khó khăn: neo người, thiếu sức lao động “ruộng ...cày”	
+ Hình ảnh “gian nhà không”	đã diễn tả cái nghèo về vật chất và thiếu thốn cả người trụ cột trong gia đình các anh. Ruộng nương, căn nhà là những tài sản quý giá, gần gũi, gắn bó, vậy mà họ sẵn sàng bỏ lại nơi hậu phương.
- Không những thế, họ còn thấu hiểu lí tưởng, ý chí lên đường giải phóng quê hương của bạn mình.	
+ Từ “mặc kệ”	đã cho thấy sự quyết tâm ra đi của những người lính; họ gửi lại quê hương, ruộng nương, gian nhà và cả những tình cảm buồn vui của thời thơ ấu cho người thân yêu để lên đường cầm súng đánh giặc cứu nước.
- Những người lính còn thấu hiểu cả nỗi nhớ quê nhà luôn đau đáu, thường trực trong tâm hồn của nhau.	
+ Hình ảnh “giếng nước gốc đa”	là một hình ảnh rất giàu sức gợi, đây vừa là nhân hóa, lại vừa là hoán dụ biểu trưng cho quê hương, người thân nơi hậu phương luôn luôn dõi theo và nhớ nhung người lính da diết.
+ Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là người lính đang nhớ nhà. Nỗi nhớ hai chiều nên càng da diết, khôn nguôi. Nhưng chính nỗi nhớ quê hương ấy lại là động lực mạnh mẽ giúp người lính quyết tâm chiến đấu.	

b. Đồng cam, cộng khổ trong cuộc đời quân ngũ:

Chính Hữu là người trực tiếp tham gia chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông năm 1947. Hơn ai khác, ông thấu hiểu những thiếu thốn và gian khổ của cuộc đời người lính.

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
 Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi
 Áo anh rách vai
 Quần tôi có vài mảnh vá
 Miệng cười buốt giá
 Chân không giày
 Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.*

- Bằng bút pháp miêu tả hết sức chân thực, hình ảnh thơ chọn lọc, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với sự đồng cảm sâu sắc.

Nghệ thuật	Nội dung
+ Đầu tiên, người lính chia sẻ,	đùm bọc lẫn nhau khi mắc phải bệnh tật.
. <u>Hình ảnh: “ón lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi”</u>	là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Đây là một hình ảnh xuất phát từ cái nhìn chân thực của người lính trong chiến tranh.
Từ “với” trong cụm từ “anh với tôi”	đã diễn tả sự sẻ chia của người lính đối với người bạn của mình khi bị ốm sốt rét.
=> Chính sự quan tâm giữa những người lính đã trở thành điểm tựa vững chắc để họ vượt qua những gian khổ, khó khăn.	
Người lính không chỉ chia sẻ với nhau về bệnh tật mà còn đồng cam, cộng khổ khi phải đối diện với sự thiếu thốn, khó khăn về vật chất.	
<p><u>Hình ảnh: "áo rách vai, quần vái mảnh vá, chân không giày" là những hình ảnh liệt kê</u></p> <p>- cÆp c©u sãng ®«i, ®èi ơng nhau</p> <p>“Th-ng nhau tay n¾m lÊy bụn tay”</p>	<p>đã miêu tả chính xác, cụ thể những thiếu thốn của người lính.</p> <p>- T,c gi¶i ®· x©y dùng nh÷ng cÆp c©u sãng ®«i, ®èi ơng nhau (trong tổng cÆp c©u vµ tổng c©u). §,ng chó ý lụ ngêi lÝnh bao giê còng nh÷n b'n, nãi vÒ ban tríc khi nãi vÒ m×nh, ch÷ “anh” bao giê còng xuÊt hiÖn tríc ch÷ “t«i”. C, ch nãi Êy ph¶i ch÷ng thÓ hiÖn nĐt ®Ñp trong t×nh c¶m th-ng ngêi nh thÓ th-ng th©n, trãng ngêi h-n trãng m×nh. ChÝnh t×nh ®ãng ®éi ®· lụm Êm lßng nh÷ng ngêi lÝnh ®Ó hã vÊn cêi trong buét gi, vµ vît l¹n tr¹n buét gi,.</p> <p>- Hã qu¹n m×nh ®i ®Ó ®éng vi¹n nhau, truyÒn cho nhau h-i Êm “Th-ng nhau tay n¾m lÊy bụn tay”. §©y lụ mét cõ chØ rÊt c¶m ®éng chøa chan t×nh c¶m ch©n thụn. Nã kh«ng ph¶i c,i b¾t tay th«ng th mụ lụ hai bụn tay tù t×m ®Ön vii nhau truyÒn cho nhau h-i Êm ®Ó v l¹n buét gi,, nh÷ng bụn tay nh biÖt nãi. Vµ ®ã kh«ng ph¶i sù g³n bã bÊt chít mụ lụ sù g³n bã trong chiÖn ®Êu, ®ãng cam céng khæ khiÖn t×nh ®ãng chÝ thãm s©u dụy ®Ó ®i tíi chiÖu cao: cĩng sèng chÖt cho lý t ẽng. Trong suèt cuéc kh,ng chiÖn trêng kú ®Çy gian lao vÊt v¶i Êy, t×nh c¶m ®ãng chÝ ®· ®i vµo chiÖu s©u cĩa sù sèng vµ t©m hån ng chiÖn sÛ ®Ó trë thụn nh÷ng kù niÖm kh«ng bao giê qu¹n.</p> <p>=>C©u th- kh«ng chØ nãi l¹n t×nh c¶m g³n bã s©u nÆng cĩa nh÷ng ngêi lÝnh mụ cĩn thÓ hiÖn sọc m'nh cĩa t×nh c¶m Êy.</p>

3. Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội(3 câu cuối).

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

- Đó là khoảng thời gian “đêm nay” rất cụ thể với khung cảnh “rừng hoang – sương muối” hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt.

- Tuy nhiên, người lính vẫn “*đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*”.

Nghệ thuật	Nội dung
+ Hình ảnh “ đứng cạnh bên nhau”	cho thấy tinh thần đoàn kết, luôn sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh.
+ Động từ “chờ”	cho thấy được tư thế chủ động, hiên ngang và sẵn sàng chiến đấu của người lính.
+ Nghệ thuật tương phản đối lập	được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lần át cả không gian toàn cảnh của người lính.
<p>+ Kết thúc bài thơ là một hình ảnh độc đáo, là điểm sáng của bức tranh về tình đồng chí, rất thực nhưng cũng rất lãng mạn.</p> <p><u>Chất hiện thực</u>: Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, trong tầm ngắm, người lính phát hiện một điều thú vị và bất ngờ: vầng trăng lơ lửng như treo ở đầu mũi súng.</p> <p><u>Chất lãng mạn</u>: Vầng trăng xuất hiện trong không gian căng thẳng, khắc nghiệt của cuộc chiến mà lại như đang “ treo” trên đầu ngọn súng, chữ “treo” rất thơ mộng, như nối liền mặt đất với bầu trời.</p> <p><u>Hình ảnh “súng – trăng”</u> được đặt cạnh bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng: giữa hiện thực – ảo mộng; khắc nghiệt- lãng mạn; chiến tranh – hòa bình; chiến sĩ – thi sĩ. Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính: họ vừa là chiến sĩ lại vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu. Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả.</p>	

* **Đánh giá:**

- Nghệ thuật- ngôn ngữ thơ hàm súc, cô đọng, giàu sức biểu cảm, lời thơ giản dị mà giàu sức tạo hình; giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, thiết tha, sử dụng sáng tạo bút pháp tả thực và lãng mạn,

- Nội dung: Chính Hữu đã khắc họa thành công vẻ đẹp chân chất, mộc mạc, bình dị của người lính cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Khép lại trang thơ, bức tượng đài người chiến sĩ với tình cảm đồng chí, đồng đội cứ dấy lên trong tâm trí độc giả với lòng biết ơn sâu sắc sự hi sinh lớn lao vì hòa

bình đất nước của các anh. Từ đó, ta mới thấy hết được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ và phát triển quê hương, dân tộc mình.

- Bài thơ đã đánh dấu 1 bước ngoặt mới cho khuynh hướng sáng tác của thơ ca kháng chiến.

Đặc biệt là cách xây dựng hình tượng người chiến sĩ Cách mạng, anh bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi hai người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chăn chung thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

Câu 1: Trong những câu thơ trên có một từ bị chép sai. Đó là từ nào? Hãy chép lại chính xác câu thơ đó. Việc chép sai từ như vậy ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ như thế nào?

Câu 2: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng, đầu sát bên đầu”, nêu tác dụng của biện pháp đó.

Câu 3: Từ “tri kỷ” trong bài có ý nghĩa gì? Em hãy chép chính xác một câu thơ trong bài em đã học cũng sử dụng từ tri kỷ, ghi rõ tên tác giả tác phẩm. So sánh hai từ tri kỷ đó.

Câu 4: Dòng thơ thứ 7 trong bài thơ có gì đặc biệt? **Mạch cảm xúc và suy nghĩ trong bài thơ được triển khai như thế nào trước và sau dòng thơ đó? Xét theo cấu tạo ngữ pháp câu thơ thứ 7 thuộc kiểu câu nào? Tại sao?**

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Trong đoạn thơ có từ bị chép sai là “hai”

Chép lại: “Anh với tôi đôi người xa lạ”

- Chép sai như vậy sẽ ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ và dụng ý nghệ thuật của tác giả: Từ “hai” là chỉ số lượng, có sự tách biệt còn từ “đôi” là danh từ chỉ đơn vị chỉ sự gắn kết không tách rời.

Đây chính là sự gần gũi, quen thuộc trong cái xa lạ, một trong những yếu tố tạo nên cơ sở của tình đồng đội, đồng chí

Câu 2:

- Biện pháp điệp từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng đầu sát bên đầu” nhằm tạo nên sự đối ứng trong một câu thơ:
- + Gọi lên sự khắc nghiệt, nguy hiểm của chiến tranh (hình ảnh súng sẵn sàng chiến đấu).
- + Thể hiện sự chung sức, cùng nhau đoàn kết, chiến đấu.
- Biện pháp hoán dụ: Đầu sát bên đầu

Câu 3:

Từ “tri kỉ” có nghĩa: thấu hiểu mình, hiểu bạn như hiểu bản thân mình.

Câu thơ trong bài Ánh trăng của Nguyễn Duy có chứa từ *tri kỉ*:

“Vầng trăng thành tri kỉ”

Từ *tri kỉ* trong bài đồng chí diễn tả sự thấu hiểu giữa 2 người lính cùng chiến tuyến, cùng lý tưởng chiến đấu, cùng hoàn cảnh chiến đấu.

Từ *tri kỉ* trong bài Ánh trăng diễn tả sự đồng điệu thấu hiểu của trăng với con người, của con người với chính quá khứ của mình.

Câu 4: Dòng thơ thứ 7 trong bài thơ có gì đặc biệt? Mạch cảm xúc và suy nghĩ trong bài thơ được triển khai như thế nào trước và sau dòng thơ đó? Xét theo cấu tạo ngữ pháp câu thơ thứ 7 thuộc kiểu câu nào?

Ý 1: Dòng thơ thứ bảy trong bài thơ “Đồng chí” là một điểm sáng tạo, một nét độc đáo qua ngòi bút của Chính Hữu. Dòng thơ được tác riêng độc lập, là một câu đặc biệt gồm từ hai âm tiết đi cùng dấu chấm than, ngân vang như tiếng gọi tha thiết, tạo một nút nhấn, lắng lại. Hai tiếng “Đồng chí” thật giản dị, đẹp đẽ, là điểm hội tụ, là nơi kết tinh bao tình cảm đẹp: tình giai cấp, tình bạn, tình người trong chiến tranh.

Ý 2: Dòng thơ thứ bảy có ý nghĩa như một bản lề gắn kết cơ sở của tình đồng chí và biểu hiện của tình đồng chí, là điểm nhấn, là mạch cảm xúc chung cho toàn bài. Có thể nói, hai tiếng “Đồng chí” vang lên thật giản dị và mang ý nghĩa vô cùng thiêng liêng trong thơ ca kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ý 3: Xét theo cấu tạo ngữ pháp câu thơ thứ 7 thuộc câu đặc biệt

Câu 5: Hãy viết đoạn văn quy nạp, nêu cảm nhận của em về khổ thơ trên. Đoạn văn sử dụng phép liên kết và câu cảm thán (gạch dưới từ ngữ dùng làm phép liên kết).

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi phía dưới:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
 Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
 Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính
 Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
 Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi
 Áo anh rách vai
 Quần tôi có vài mảnh vá
 Miệng cười buốt giá
 Chân không giày
 Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*

Câu 1: Nội dung chính tác giả muốn làm nổi bật đoạn thơ trên là gì?

Câu 2: Từ “*mặc kệ*” đặt giữa câu thơ có cùng với hình ảnh làng quê quen thuộc đã gợi cho em cảm xúc gì về tình cảm của người lính cách mạng?

Câu 3: Theo em hình ảnh “giếng nước gốc đa” là hình ảnh ẩn dụ hay hoán dụ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.

Câu 4: Thông qua hình ảnh “miệng cười buốt giá”, “sốt run người”, “áo rách vai” và cho em hiểu điều gì về cuộc sống của những người lính?

Câu 5: Trong đoạn thơ trên, Chính Hữu viết: *Áo anh rách vaiChân không giày*. Ở bài thơ “Nhớ” (sáng tác cùng thời kì với bài Đồng chí), Hồng Nguyên viết: *Áo vải chân không – Đi lòng giặc đánh*. Hãy cho biết những câu thơ ấy phản ánh hiện thực nào của cuộc chiến?

Câu 6: Viết đoạn văn 5-7 câu, nêu cảm nhận của em về câu thơ “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Trong đoạn sử dụng thành phần biệt lập(gạch chân và chỉ rõ thành phần biệt lập đó).

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Nội dung chính tác giả muốn làm nổi bật đoạn thơ trên là: biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.

Câu 2:

- Từ “*mặc kệ*” được đặt giữa câu thơ có những hình ảnh của làng quê quen thuộc không phải để nói về sự thờ ơ, vô tình của những người lính trước gia đình, quê hương.

- Câu thơ chứa từ “*mặc kệ*”: “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” giàu sức biểu cảm và gợi hình:

+ Để lại cả cơ nghiệp ra đi, người thân ở lại đó là sự hi sinh lớn lao hạnh phúc cá nhân vì mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

+ Những người lính phải nén lại nỗi nhớ mong quê hương để tiếp tục chiến đấu.

Câu 3:

- “Giếng nước gốc đa” là hình ảnh hoán dụ về quê hương cũng như người thân nơi hậu phương của người lính.

- Câu thơ có nỗi nhớ hai chiều da diết: quê hương nhớ người lính và người lính nhớ gia đình, quê nhà.

→ Những người lính chia sẻ nỗi nhớ quê hương, nỗi nhớ nhà cùng với nhau. Họ sống với nhau trong tình thương nỗi nhớ, và cùng nhau vượt qua nỗi nhớ để tiếp tục chiến đấu.

Câu 4:

Hình ảnh người lính cụ Hồ trong thời kì kháng chiến chống Pháp:

- Xuất thân từ người nông dân nghèo, tự nguyện đến với cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Cuộc sống gian nan, vất vả và gian khổ, thiếu thốn.
- Có sự gắn kết bền chặt tình cảm đồng chí, đồng đội, tinh thần chiến đấu.
- Trong khó khăn vẫn hiện hữu vẻ đẹp của sự sẻ chia, đoàn kết trên những gian khổ, hi sinh.

Câu 5:

Những câu thơ của Chính Hữu và Hồng Nguyên phản ánh hiện thực gian khổ, thiếu thốn của cuộc kháng chiến trong những ngày đầu.

Câu 6:

** Yêu cầu chung:*

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.
- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

** Yêu cầu cụ thể:*

- Câu thơ thể hiện sức mạnh gắn bó sâu nặng của tình đồng chí.
- + Những người lính quên đi những khó khăn để động viên và truyền cho nhau hơi ấm.
- + Đây là một cử chỉ cảm động chứa chan tình cảm chân thành, sự cảm thông giữa những người lính.
- + Cái bắt tay không phải thông thường mà là những bàn tay tự tìm đến với nhau truyền cho nhau hơi ấm để cùng vượt qua giá lạnh, buốt giá.
- Đánh giá: một cử chỉ tưởng như đơn giản mà sâu sắc.

Đoạn văn tham khảo:

- (1) Câu thơ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” thể hiện sức mạnh gắn bó sâu nặng của tình đồng chí.
- (2) Những người lính quên đi những khó khăn để động viên và truyền cho nhau hơi ấm.
- (3) Đây là một cử chỉ cảm động chứa chan tình cảm chân thành, sự cảm thông giữa những người lính.
- (3) Cái bắt tay không phải thông thường mà là những bàn tay tự tìm đến với nhau truyền cho nhau hơi ấm để cùng vượt qua giá lạnh, buốt giá.
- (4) Chao ôi, một cử chỉ tưởng như đơn giản thôi mà sâu sắc, cảm động biết bao!

Thành phần biệt lập: cảm thán

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi phía dưới:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo*

Câu 1: Trong câu thơ “*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*”, vì sao Chính Hữu lại dùng từ “chờ” mà không dùng từ “đợi”?

Câu 2: Hình ảnh “*đầu súng trăng treo*” cho thấy cảm xúc gì được thể hiện trong bài thơ? Qua đó em hiểu thêm gì về tâm hồn của những người lính trong kháng chiến chống Pháp?

Câu 3: Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?

Câu 4: Viết đoạn văn 5-7 câu theo phương pháp tổng phân hợp phân tích biểu tượng cao đẹp nhất của tình đồng chí thông qua 3 câu thơ cuối bài.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Đối diện cảnh núi rừng lạnh lẽo và hoang vu và hoàn cảnh chiến đấu nguy hiểm, những người lính cùng sát cánh bên nhau.

+ Nhiệm vụ canh gác, đối mặt với hiểm nguy trong gang tấc cũng chính nơi đó sự sống cái chết cách nhau trong gang tấc.

+ Trong hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm tình đồng đội thực sự thiêng liêng, cao đẹp

- Tâm thế chủ động, sẵn sàng “chờ giặc tới” thật hào hùng:

+ Những người lính sát cánh bên nhau vững chãi làm mờ đi khó khăn, nguy hiểm trực chờ phía trước của cuộc kháng chiến gian khổ.

→ Ca ngợi tình đồng chí, sức mạnh đồng đội giúp người lính vượt lên khắc nghiệt về thời tiết và nỗi nguy hiểm trên trận tuyến.

Câu 2: Hình ảnh “*đầu súng trăng treo*” là hình ảnh độc đáo, bất ngờ, cũng chính là điểm nhấn của toàn bài thơ.

+ Hình ảnh thực và lãng mạn.

+ Súng là hình ảnh đại diện cho chiến tranh, khói lửa.

+ Trăng là hình ảnh của thiên nhiên trong mát, thanh bình.

- Sự hòa hợp giữa trăng với súng tạo nên vẻ đẹp tâm hồn của người lính và đồng đội, nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc.

→ Câu thơ như nhãn tự của toàn bài thơ, vừa mang tính hiện thực, vừa mang sắc thái lãng mạn, là một biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.

Câu 3: Đó là tên một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến. Đó là cách xưng hô phổ biến của những người lính, công nhân, cán bộ từ sau Cách mạng. Đó là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới.

Câu 4:

** Yêu cầu chung:*

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

*** Yêu cầu cụ thể:**

- Câu đầu nói lên hoàn cảnh làm việc của những người lính: rừng hoang, sương muối.
- Câu thứ hai thể hiện sự gấn bó của họ: Trên cái nền hùng vĩ và khắc nghiệt của thiên nhiên: Trong cảnh *rừng hoang sương muối* rừng mùa đông ở Việt Bắc sương muối phủ đầy trời, nhưng người lính vẫn đứng cạnh nhau, im lặng, phục kích chờ giặc tới, từ “chờ” thể hiện tư thế chủ động.
- Hai câu đầu đối nhau rất chỉnh và gợi cảm giữa khung cảnh và toàn cảnh. Khung cảnh lạnh lẽo, buốt giá nhưng toàn cảnh lại ấm nồng, ấm áp tình đồng chí, đồng đội
- Hình ảnh “Đầu súng, trăng treo” là hình ảnh độc đáo, bất ngờ là điểm nhấn của toàn bài. Hình ảnh thơ rất thực và lãng mạn.
- Chỉ với 3 câu đã vẽ lên bức tranh đẹp kết tinh tình đồng chí, đồng đội của người lính, là biểu tượng đẹp đẽ, giàu chất thơ.

Đoạn văn tham khảo:

(1) Nếu những câu thơ đầu tiên của Chính Hữu thể hiện cơ sở hình thành tình đồng chí tới những biểu hiện cảm động nghĩa tình của những người lính dành cho nhau thì ba câu thơ cuối chính là nhãn tự của cả bài, có sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn thể hiện biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.

(2) Giữa khung cảnh lạnh lẽ, hoang vu của núi rừng Tây Bắc, những người lính đứng kề cạnh bên nhau xua đi cái lạnh nơi rừng thiêng nước độc.

(3) Chính nơi đó, ranh giới giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh, thì những người lính càng trở nên mạnh mẽ, đoàn kết.

(4) Họ sát cánh bên nhau chủ động chờ giặc tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù.

(5) Hình ảnh cuối bài tỏa sáng với sự hòa kết hình ảnh súng - hình ảnh của khói lửa chiến tranh kết hợp với hình ảnh ánh trăng trong mát, thanh bình nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc.

(6) Chỉ với ba câu thơ xúc động, chân thực nhưng cũng giàu sự lãng mạn, bức tranh về tình đồng chí của người lính là biểu tượng giàu chất thơ nhất hiện lên thật cao đẹp, ngời sáng.

Câu 5: Học sinh viết đoạn văn theo yêu cầu.

*** Yêu cầu chung:**

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

*** Yêu cầu cụ thể:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: biểu tượng cao đẹp về tình đồng chí.

- Hoàn cảnh:

+ Thời gian: đêm .

=> Tối tăm, hiểm nguy.

+ Không gian: rừng hoang, sương muối.

=> Hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt, hoang vắng, lạnh lẽo.

- Hình ảnh người lính: đứng cạnh bên nhau.

=> Người lính luôn kề vai sát cánh, đồng hành cùng nhau trong mọi hoàn cảnh.

=> Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, hiểm nguy nơi chiến trường.

- Tư thế "chờ giặc tới": hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu trước mọi kẻ thù.

- Hình ảnh "đầu súng trăng treo": mang lớp nghĩa thực và nghĩa biểu tượng.

+ Nghĩa thực: đêm khuya, sương mờ đục, bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống, người lính đứng gác giữa rừng khốc liệt, súng trên vai, mũi súng hướng lên trời cao như chạm vào vàng trắng và trắng như treo lơ lửng nơi đầu súng.

+ Nghĩa biểu tượng : " Trăng" là biểu tượng của thiên nhiên, của hòa bình, "súng" là hiện thân của chiến tranh gian khổ, sự hi sinh. Súng và trăng- cứng rắn và dịu dàng, hiện thực và lãng mạn, chiến sĩ và thi sĩ.

=> Hình ảnh độc đáo gợi ra niềm hy vọng vào tương lai chiến thắng của cuộc chiến, ước mơ về hòa bình tươi sáng của dân tộc.

=> Nghệ thuật: câu thơ dài ngắn có nhịp điệu, hình ảnh gần gũi mà sâu sắc, ngôn ngữ tự nhiên, chân thành.

- Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân.

Đoạn văn tham khảo:

(1) Chính Hữu khép lại bài thơ bằng một hình tượng thơ:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo*

(2) Đêm khuya chờ giặc tới, trăng đã xế ngang tầm súng. (3) Bất chợt chiến sĩ ta có một phát hiện thú vị: Đầu súng trăng treo. (4) Câu thơ như một tiếng reo vui hồn nhiên mà chứa đựng đầy ý nghĩa. (5) Trong sự tương phản giữa súng và trăng, người đọc vẫn tìm ra sự gắn bó gần gũi. (6) Súng tượng trưng cho tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược. (7) Trăng tượng trưng cho cuộc sống thanh bình, yên vui. (8) Khẩu súng và vàng trăng là hình tượng sóng đôi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam bất khuất, hào hoa muôn thuở. (9) ***Chất hiện thực nghiệt ngã và lãng mạn bay bổng đã vào quện lẫn nhau tạo nên hình tượng thơ để đời.***

- Phép liên kết: lặp: Súng, trăng

BÀI 2: BÀI THƠ VỀ TIẾU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Phạm Tiến Duật

KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Phạm Tiến Duật (1941-2007), quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>- Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 1964, Phạm Tiến Duật gia nhập quân đội, hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn và trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ cứu nước.</p> <p>- Phong cách sáng tác:</p> <p>+ Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ qua các hình tượng người lính và cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.</p> <p>+ Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc.</p>
Hoàn cảnh sáng tác	<p>- Bài thơ viết năm 1969, thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra rất ác liệt trên con đường chiến lược Trường Sơn.</p> <p>- Bài thơ được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1969 và được đưa vào tập thơ “Vàng trắng quàng lửa” của tác giả.</p>
Thể loại	Thơ tự do
Bố cục : 4 phần	<p>- Phần một : Khổ 1,2 : Hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế hiên ngang của người lính.</p> <p>- Phần hai : Khổ 3,4 : Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.</p> <p>- Phần 3 : Khổ 5,6 : Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe.</p> <p>- Phần 4 : Khổ 7 : Ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cách mạng của người lính.</p>
Ý nghĩa nhan	- Bài thơ có nhan đề khá dài, khá đặc biệt : “ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> ”.

đề	<p>Nhan đề bài thơ thoát nghe sẽ thấy như có chỗ thừa : thừa hai chữ “<i>bài thơ</i>”. Nhưng chính chỗ thừa ấy sẽ tạo sức hút cho người đọc ở vẻ khác lạ và độc đáo ở sức gợi : gợi chất thơ của cuộc sống nơi chiến trường.</p> <p>- Hình ảnh “<i>tiểu đội xe không kính</i>” được đưa vào nhan đề bài thơ :</p> <p>+ Gợi hiện thực phổ biến, quen thuộc trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>+ Gợi hiện thực của cuộc chiến vô cùng gay go, khốc liệt.</p> <p>+ Gợi vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn, vẻ đẹp của lòng dũng cảm, của ý chí nghị lực, của sự kiên cường.</p>
PT biểu đạt	Biểu cảm xen lẫn miêu tả và tự sự
Chủ đề	Bài thơ ca ngợi những chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời đánh Mỹ dũng cảm ngoan cường, lạc quan yêu đời trong mưa bom bão đạn, quyết chiến đấu hi sinh vì một lí tưởng cao cả là giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.
Giá trị nội dung	“ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> ” của Phạm Tiến Duật đã khắc hoạ một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính. Qua đó, tác giả khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.
Giá trị nghệ thuật	Tác giả đã đưa vào bài thơ chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường, ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ tự nhiên, khoẻ khoắn.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

*** Khái quát:** Bài thơ được sáng tác năm 1969. Đây là thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Bài thơ nằm trong chùm thơ đoạt giải nhất cuộc thi thơ do báo văn nghệ tổ chức và được in trong tập thơ “*Vàng trắng quàng lửa*” năm 1970.

1. Hình ảnh những chiếc xe không kính:

- Xưa nay, xe cộ rất ít khi đi vào thơ ca, nếu có thì thường được “*thi vị hóa*”, “*lãng mạn hóa*”. Nhưng những chiếc xe đợ Phạm Tiến Duật đưa vào thơ lại thực đến trần trụi:

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi

Nghệ thuật	Nội dung
Với giọng điệu thân nhiên pha chút ngang tàng , lời thơ mang tính khẩu ngữ, hình ảnh độc đáo, điệp ngữ “không” kết hợp với nghệ thuật liệt kê, động từ mạnh “ <i>giật, rung</i> ”	tác giả đã làm hiện lên hình ảnh những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích bởi bom đạn chiến tranh.
<p>=> Hai câu thơ đầu lí giải nguyên nhân những chiếc xe không có kính, đồng thời thể hiện tâm trạng xót xa cho những chiếc xe- người bạn đồng hành thủy chung của những người lính.</p> <p>Qua đó, tác giả tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.</p>	

- Hình ảnh những chiếc xe không kính một lần nữa lại được tác giả miêu tả một cách chân thực, sinh động ở khổ thơ cuối:

Không có kính rồi xe không có đèn

Không có mui xe thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Nghệ thuật	Nội dung
Nghệ thuật liệt kê “không có kính, không có đèn, không có mui, thùng xe có xước” kết hợp với điệp ngữ : “không có” mang ý phủ định	đã nhấn mạnh những chiếc xe không chỉ không kính mà còn không đèn, không mui... bị biến dạng, tàn phá nặng nề. Mặc dù vậy, xe vẫn băng ra chiến trường.
=> Từ trong hiện thực khốc liệt đến trần trụi, những chiếc xe không kính bỗng trở nên thành một hình ảnh độc đáo, “nên thơ”- chất thơ của lòng yêu nước, tinh thần quả cảm mà những người lính đã đem lại cho chiếc xe từ chính trái tim nhiệt huyết của mình- trái tim cầm lái.	

2. Hình ảnh những người lính lái xe.

- Thiếu những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp:

a. Tư thế ung dung, hiên ngang, sẵn sàng ra trận.

Ung dung buồng lái ta ngồi,

Nhìn đất, nhìn trời nhìn thẳng

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái

Nghệ thuật	Nội dung
Nghệ thuật đảo ngữ: đưa từ láy “ung dung” lên đầu câu kết hợp với đại từ “ta”	Đã nhấn mạnh tư thế bình thản, hiên ngang, tự tin tiến về phía trước của người lính lái xe.
- Với nhịp thơ: 2/2/2(<i>Nhìn đất, nhìn trời nhìn thẳng</i>) - Giọng điệu: đùa vui hóm hỉnh, điệp ngữ “nhìn” kết hợp với nghệ thuật liệt kê	Đã cho thấy cái nhìn đầy tự chủ, nhìn thẳng về phía trước như sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn.
- Qua khung cửa xe, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài, với mọi khó khăn, gian khổ.	
+ Điệp ngữ “ nhìn thấy”, nghệ thuật nhân hóa “ gió xoa mắt đắng”, từ láy “ đột ngột” và nghệ thuật so	Đã diễn tả sự cảm nhận thế giới bên ngoài một cách chân thực, sinh động của người lính do những chiếc

sánh	xe không kính đem lại.
+ Hình ảnh “con đường chạy thẳng vào tim”	- Gợi đến tốc độ lao nhanh của chiếc xe, khiến cho người cầm lái và con đường như không còn khoảng cách. Điều đó cho thấy sự khẩn trương của người lính đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. - Còn là hình ảnh ẩn dụ về con đường chiến đấu vì miền Nam độc lập.
+ Hình ảnh “gió, sao trời, cánh chim” là những hình ảnh là hình ảnh của thiên nhiên đẹp, gợi cảm	thể hiện nét lãng mạn trong tâm hồn người lính.

b. Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.

Xe không kính, người lính còn phải chịu thêm những khắc nghiệt của Trường Sơn:

Không có kính ừ thì có bụi

Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc

Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha

Không có kính ừ thì ướt áo

Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời

Chưa cần rửa, lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi

Nghệ thuật	Nội dung
Hình ảnh “ mưa, gió, bụi”	tượng trưng cho những gian khổ mà người lính gặp phải do những chiếc xe không kính đem lại.
Điệp cấu trúc “không có... ừ thì” “chưa cần” - BPNT so sánh: như, từ láy “ phì phèo”, “ha ha”.	Đã cho thấy thái độ bất chấp khó khăn , coi thường gian khổ, hiểm nguy, tinh thần lạc quan, dũng cảm của người lính.
Sự phối hợp thanh điệu: những thanh trắc “ bụi, tóc trắng, lấm, ướt áo, xối”... đặc tả những khó khăn, gian khổ kết hợp với những thanh bằng, đặc biệt câu cuối đoạn gợi những phút yên ả, ung dung trong buồng lái.	=> Ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, người lính vẫn tìm được giây phút thư thái. Đó là bản lĩnh của những chiến sĩ lái xe.
- Ngôn ngữ: mang tính khẩu ngữ - Giọng điệu thơ hóm hỉnh, khẩu khí	Đã làm nổi bật lên niềm vui, tiếng cười của người lính. Tiếng cười bật lên sáng khoái, lạc

ngang tàng, lời thơ gần gũi với ngôn ngữ đời thường.	quan khác với tiếng cười “buốt giá” ngậm ngùi động viên nhau của người lính thời kì kháng chiến chống Pháp g thơ Chính Hữu.
--	---

=> Chính sự lạc quan, tinh thần dũng cảm của người lính lái xe ấy đã giúp những chiếc xe không kính vượt qua bao mưa bom bão đạn, giúp cuộc chiến đi gần hơn đến thắng lợi.

c. Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe (khổ 5, 6)

Và trong cuộc chiến tranh đầy gian lao, thử thách ấy, tình cảm đồng chí, đồng đội lại càng trở nên gắn bó và gần gũi với nhau hơn:

Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới

Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi

Nghệ thuật	Nội dung
Hình ảnh “ những chiếc xe từ trong bom rơi”	là một hình ảnh tả thực về những chiếc xe vượt qua bao thử thách khốc liệt của chiến trường trở về
Cách gọi “ tiểu đội”	là cách nói dí dỏm, giàu hình ảnh, vừa gọi lên những đoàn xe mang trên mình biết bao thương tích của chiến tranh, vừa gọi lên được cái thân thương thấm tình đồng đội.
Hình ảnh “ bắt tay ...” rất giàu sức gợi	Những chiếc xe không kính lại đem lại sự tiện lợi để người lính trao cho nhau những cái bắt tay. Cái bắt tay: + Đã cho thấy tinh thần đoàn kết, gắn bó với nhau của các chiến sĩ lái xe. - Thể hiện được sự đồng cảm sâu sắc trong tâm hồn của những người lính. .+ Là lời động viên ngấn ngùi, thầm lặng mà họ dành cho nhau, là lời hứa quyết tâm... + Là sự chia sẻ vội vàng tất cả những vui buồn kiêu hãnh trên những cung đường đã qua.

Cuộc trú quân ngấn ngùi mà thấm tình đồng đội, những bữa cơm nhanh đã chiến, chung bát chung đĩa là sợi dây vô hình giúp các chiến sĩ xích lại gần nhau hơn:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây
Vòng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

Nghệ thuật	Nội dung
Câu thơ “ chung...”	là cách định nghĩa “ rất lính”, tếu táo nhưng chân tình, sâu nặng. Gắn bó với nhau trong chiến đấu,

	họ càng gắn bó với nhau trong đời thường.
Từ láy ‘chông chênh’	Gợi cảm giác bấp bênh, tạm bợ, cho thấy phút nghỉ ngơi vội vàng của người lính.
Điệp ngữ “lại đi” kết hợp với nhịp thơ 2/2/3	tạo âm điệu nhịp nhàng cho câu thơ, khẳng định đoàn xe không ngừng tiến về phá trước. Đó là nhịp sống, chiến đấu và hành quân của tiểu đội xe không kính mà không một sức mạnh tàn bạo nào ngăn cản được.
Nghệ thuật ẩn dụ “trời xanh thêm”	Màu xanh của niềm tin, hi vọng vào ngày mai, gợi sự lạc quan của người lính.

d. Tình yêu tổ quốc thiết tha và ý chí giải phóng miền Nam

Không có kính rồi xe không có đèn

Không có mui xe thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Một lần nữa, sự tàn khốc của chiến tranh lại được Phạm Tiến Duật nhắc đến thông qua hình ảnh những chiếc xe chân thực, sinh động:

Nghệ thuật	Nội dung
Thủ pháp liệt kê “không kính, không đèn...”	Gợi lên hình ảnh những chiếc xe bị tàn phá, méo mó, biến dạng, qua đó phản ánh hiện thực chiến tranh khốc liệt
Nghệ thuật điệp ngữ “không có” kết hợp với thủ pháp đối lập	Đã nhấn mạnh dù chiếc xe không nguyên vẹn, nhưng chỉ cần có “một trái tim”, những chiếc xe ấy vẫn băng ra chiến trường giải phóng miền Nam.
Hình ảnh hoán dụ “trái tim”	Thể hiện lòng yêu nước thiết tha, căm thù giặc Mĩ sôi sục, ý chí kiên cường giải phóng miền Nam.
-> Trái tim yêu thương, trái tim cầm lái đã giúp người lính chiến thắng bom đạn của kẻ thù. Trái tim ấy đã trở thành nhãn tự của bài thơ và để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng bạn đọc.	

*** Đánh giá: Với việc:**

- Lựa chọn chi tiết độc đáo, hình ảnh chân thực.
 - Ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ, nhịp điệu linh hoạt, giọng điệu ngang tàng, trẻ trung.
 - Và một số BPNT
- “Bài thơ về...” đã:
- Khắc họa h/ả độc đáo: những chiếc xe không kính.

- Qua đó làm nổi bật hình ảnh người chiến sĩ lái xe Trường Sơn ...

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho hai khổ thơ sau:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng*

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

*Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái*

Câu 1: Hãy cho biết những câu thơ trên trích trong bài thơ nào, do ai sáng tác. Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

Câu 2: Có ý kiến cho rằng bài thơ hấp dẫn ngay từ nhan đề độc đáo. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

Câu 3: Tại sao có thể nói hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật.

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu theo phương thức diễn dịch để làm rõ hình ảnh của người lính lái xe trên chiếc xe không kính?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Những câu thơ trên trích trong bài thơ **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** của Phạm Tiến Duật.

- Bài thơ được sáng tác năm 1969 trong thời kì kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt trên tuyến đường chiến lược.

- Bài thơ đạt giải nhất cuộc thi báo Văn nghệ 1969 và được đưa vào tập “Vàng trăng quầng lửa” của tác giả.

Câu 2:

Bài thơ độc đáo ngay từ nhan đề tác phẩm.

- Nhan đề tưởng dài, tưởng như có chỗ thừa nhưng thu hút người đọc bởi vẻ độc đáo, lạ lẫm của nó.

Bài thơ làm nổi bật hình ảnh độc đáo: Những chiếc xe không kính.

- Hai chữ bài thơ thêm vào cho thấy lãng kính nhìn hiện thực khốc liệt của chiến tranh, chất thơ của tuổi trẻ, hiên ngang, bất khuất, dũng cảm vượt qua thiếu thốn, gian khổ nguy hiểm của thời chiến.

Câu 3:

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật bởi xưa nay hình ảnh tàu xe đi vào thơ ca đều được lãng mạn hóa, mỹ lệ hóa nhưng Phạm Tiến Duật lại không ngần ngại đưa vào thơ của mình hình ảnh trần trụi, thực tế “những chiếc xe không kính”.

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là nhân chứng hùng hồn, chân thực cho hiện thực chiến tranh khốc liệt lúc bấy giờ.

Với tâm hồn lãng mạn, nhạy cảm cùng với nét tinh nghịch, ngang tàng hình tượng những chiếc xe không kính xuất hiện trong thơ như để thử thách con người, cũng như để khẳng định chất thép, tinh thần dũng cảm, lạc quan coi thường hiểm nguy của những người lính lái xe Trường Sơn.

Câu 4:

** Yêu cầu chung:*

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

** Yêu cầu cụ thể:*

Đoạn văn tham khảo:

- Tư thế hiên ngang, bất khuất: ung dung, nhìn thẳng $\Rightarrow$ coi thường khó khăn, nguy hiểm.

- Thái độ, tinh thần lạc quan, bông đùa với những khó khăn: Bụi phun vào tóc, vào mặt là một trò gây cười, mưa ướt áo cứ đi tiếp vì gió lùa áo khô nhanh thôi, xe không kính cũng có cái hay đó là tầm nhìn rộng hơn, thấy được con đường “chạy thẳng vào tim”, thấy sao trời gần hơn “ùa vào buồng lái”.

- Thái độ lạc quan, yêu đời, tự tin có chút bướng bỉnh, ngang ngạnh; hình ảnh người lính lái xe hiện lên vừa đáng yêu vừa đáng nể.

(1) Trong bom đạn chiến tranh hình ảnh những chiếc xe không kính làm nổi bật hình ảnh những chiến sĩ lái xe Trường Sơn.

(2) Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu không làm khuất phục được ý chí chiến đấu lại khiến người lính lái xe bộc lộ được những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh tế lớn lao của họ đặc biệt là lòng dũng cảm, vượt qua mọi khó khăn.

(3) Họ chính là chủ nhân của những chiếc xe không kính nên khi miêu tả, tác giả đã khắc họa những ấn tượng sinh động khi đang ngồi trên những chiếc xe không kính trong tư thế “nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng” qua khung cửa xe đã bị bom đạn làm mất kính.

(4) Những câu thơ tả thực tới từng điểm diễn tả cảm giác về tốc độ của những chiếc xe đang lao nhanh ra đường:

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái*

(5) Những hình ảnh thực như gió, con đường, sao trời, cánh chim vừa thực vừa thơ, lại cái thi vị nảy sinh trên những con đường bom rơi đạn nổ.

(6) Dù trải qua hiện thực chiến tranh khốc liệt những người lính vẫn hướng về phía trước, xem thường mọi hiểm nguy với tinh thần thể hiện cái hiên ngang, trẻ trung của tuổi trẻ.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho câu thơ:

“Những chiếc xe từ trong bom rơi”

Câu 1: Chép tiếp 7 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện hai khổ thơ tiếp theo.

Câu 2: Cho biết từ “trái tim” dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển. Nêu ý nghĩa của hình ảnh ấy trong việc thể hiện vẻ đẹp người lính lái xe?

Câu 3: Em hiểu thế nào về hình ảnh trong hai câu thơ:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo phương thức quy nạp nêu cảm nhận về khổ thơ cuối bài "Bài thơ về tiểu đội xe không kính".

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

*Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi lại đi trời xanh thêm.*

Câu 2:

- Từ “trái tim” được dùng theo nghĩa chuyển.
- Trái tim thay thế cho tất cả những thiếu thốn trên xe “không kính, không đèn, không mui”, họp nhất với tinh thần, ý chí của người lính lái xe không gì có thể ngăn cản, tàn phá được.
- Xe được chạy bằng chính trái tim, xương máu của chiến sĩ, trái tim ấy là niềm tin, niềm lạc quan và sức mạnh chiến thắng. Những chiếc xe càng thêm độc đáo vì đó là những chiếc xe do ý chí, niềm tin sắt đá cầm lái.

Hình ảnh trái tim được hiểu theo nghĩa ẩn dụ và hoán dụ: trái tim tượng trưng cho tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ cao đẹp thiêng liêng: tất cả vì miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh, chất ngang tàng, lòng dũng cảm cùng tinh thần lạc quan vào ngày thống nhất.

- Trái tim trở thành nhãn tự toàn bài thơ, hội tụ tất cả vẻ đẹp của tinh thần, ý chí của người lính lái xe cũng như để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc.

Câu 3:

- Bếp Hoàng Cầm ra đời trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là bếp dã chiến, có công dụng làm tan loãng khói bếp tỏa ra, khi nấu ăn tránh máy bay phát hiện.

- Hình ảnh bếp Hoàng Cầm trong thơ Phạm Tiến Duật gợi lên tình cảm thấm thiết như ruột thịt của những người lính.
- Tác giả đưa ra cách định nghĩa thật thú vị về gia đình, vừa hài hước, tếu táo lại tình cảm sâu lắng, thiêng liêng giúp con người xích lại gần nhau hơn trong những cái chung: chung bát, chung đĩa, chung nắm cơm, bếp lửa, chung hoàn cảnh, chung con đường với vô vàn thách thức nguy hiểm.

Câu 4:

*** Yêu cầu chung:**

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

*** Yêu cầu cụ thể:**

- Ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
- + Bài thơ khép lại bằng hình ảnh thể hiện ý chí kiên cường vì Tổ quốc, đó là sức mạnh sâu sắc, phi thường của người lính để vượt lên tất cả, bất chấp mọi nguy nan, mọi sự hủy diệt, tàn phá.
- + Biện pháp liệt kê, điệp ngữ được sử dụng nhằm nhấn mạnh sự ác liệt của chiến tranh ngày càng tăng, và sự thiếu thốn, mất mát ngày càng lớn.
- + Điều kì diệu và đặc biệt là không gì có thể cản trở, tàn phá được chuyển động của chiếc xe vì “xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”.
- + Mọi thứ trên xe không còn nguyên vẹn nhưng vẫn nguyên vẹn trái tim, ý chí của người lính. Đó chính là sự ngoan cường, dũng cảm, vượt lên trên mọi gian khổ ác liệt mà còn là sức mạnh của tinh thần yêu nước.
- + Đối lập với những cái “không có” ở trên là một cái “có”, sức mạnh từ trái tim có thể chiến thắng bom đạn kẻ thù. Những chiếc xe chạy bằng sức mạnh của trái tim.
- + Trái tim là hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ, kết tinh cho vẻ đẹp về tâm hồn và phẩm chất của người lính lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ sống cao đẹp: vì miền Nam, vì sự thống nhất đất nước.
- Hình ảnh những người lính chiến đấu với lý tưởng độc lập tự do gắn với chủ nghĩa xã hội, họ ý thức về trách nhiệm của thế hệ mình. Hình ảnh của họ đã thể hiện thế hệ anh hùng, mạnh mẽ, hiên ngang.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Kết thúc bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, Phạm Tiến Duật viết:

... Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

(Trích Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: Theo em vì sao tác giả lại nhắc lại hình ảnh của những chiếc xe không kính ở cuối bài thơ?

Câu 2: Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu đầu của khổ thơ trên và nêu tác dụng?

Câu 3: Trong chương trình Ngữ văn THCS, mối quan hệ giữa cái “không” và cái “có” đã được một nhà thơ khác sử dụng rất thành công để biểu đạt dụng ý nghệ thuật. Em hãy nêu tên tác phẩm và ghi rõ tên tác giả.

Câu 4: Hình ảnh “trái tim” có ý nghĩa như thế nào? Qua đó ca ngợi phẩm chất gì của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ?

Câu 5: Dựa vào nội dung của đoạn thơ trên, em hãy viết một văn bản ngắn trình bày suy nghĩ của em về một tình cảm đẹp của người lính lái xe ấy.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Tác giả nhắc lại hình ảnh những chiếc xe không kính, không đèn, không mui, thùng xe xây xước nhằm khẳng định sự gian khổ, ác liệt nơi chiến trường ngày càng tăng.

Câu 2:

- Các biện pháp điệp ngữ và liệt kê (chỉ rõ)

- Tác dụng:

+ Tái hiện chân thực hình ảnh những chiếc xe trên tuyến đường TS

+ Tô đậm những thiếu thốn, khó khăn, gian khổ của người lính, sự khốc liệt của chiến trường và bản lĩnh của những người lính lái xe

Câu 3:

- Kể tên văn bản: Bạn đến chơi nhà

- Tác giả: Nguyễn Khuyến

Câu 4:

- Trái tim của những người chiến sĩ lái xe một lòng hướng về miền Nam ruột thịt.

- Phẩm chất: yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu vì miền Nam, vì Tổ quốc.

Câu 5:

a-Yêu cầu về kỹ năng:

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng và phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận...)

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng.

- Dựng đoạn có sự liên kết tốt.

b- Yêu cầu về kiến thức:

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: Học sinh có thể chọn tình đồng đội hoặc lòng yêu nước.

- Giải thích theo đúng yêu cầu đã chọn.

- Nêu biểu hiện và dẫn chứng để làm sáng rõ vấn đề.
- Phê phán lối sống không đúng đắn.
- Nêu phương hướng hành động của bản thân.

BÀI 3 : ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Huy Cận

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Huy Cận (1919-2005) tên đầy đủ là Cù Huy Cận, quê ở làng Ân Phú, huyện Vụ Quang (trước đây thuộc huyện Hương Sơn, sau là Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>- Ông là một trong những gương mặt xuất sắc của nền fthi ca Việt Nam hiện đại.</p> <p>- Huy Cận đã nổi tiếng trong phong trào thơ mới với tập thơ “Lửa thiêng” (1940). Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945 và sau cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam.</p> <p>- Huy Cận đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).</p> <p>- Phong cách sáng tác : Thơ Huy Cận luôn vận động ở nhiều đối cực : vũ trụ- cuộc đời, sự sống- cái chết, hiện thực- lãng mạn, niềm vui- nỗi buồn... ; giọng điệu mộc mạc, chân tình, lắng đọng ; hình ảnh thâm trầm, khơi gợi.</p>
Hoàn cảnh sáng tác	<p>- Bài thơ ra đời năm 1958. Đây là thời kì miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội để chi viện cho chiến trường miền Nam</p> <p>- Bài thơ là kết quả sau chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ Huy Cận mới thực sự nảy nở trở lại, dồi dào trong cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới.</p> <p>- Bài "Đoàn thuyền đánh cá" được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ “Trời mỗi ngày lại sáng” (1986).</p>
Thể loại	Thể thơ 7 chữ
Mạch cảm xúc và bố cục	<p>Bài thơ được bố cục theo trình tự thời gian, không gian chuyển ra khơi của đoàn thuyền, gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1 (2khổ đầu): cảnh đoàn thuyền ra khơi - Phần 2 (4 khổ tiếp theo): cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển. - Phần 3 (khổ cuối): hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về. <p>Nêu thời gian và không gian được miêu tả trong bài thơ:</p> <p>Bài thơ đã tạo ra một khung cảnh không gian và thời gian rất đáng chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian rộng lớn bao la với mặt trời, biển, trăng, sao, mây, gió;

	- Thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ từ lúc hoàng hôn đến bình minh, cũng là thời gian của một chuyến ra biển rồi trở về của đoàn thuyền đánh cá: mặt trời xuống biển, cả trời đất vào đêm, trăng lên cao, đêm thở, sao lùa... rồi sao mờ, mặt trời đội biển nhô lên trong một ngày mới. Điểm nhịp thời gian cho công việc của đoàn thuyền đánh cá là nhịp tuần hoàn của thiên nhiên vũ trụ.
Ý nghĩa nhan đề	- Hình ảnh đoàn thuyền gọi về một sự đoàn kết, ở đó có sự đồng lòng, chung sức giữa các thành viên. - Phản ánh không khí lao động sôi nổi, hăng say của những người dẫn chài. - Gọi lên những thành quả lao động góp phần xây dựng đất nước theo nhịp sống mới sau chiến tranh.
PT biểu đạt	Tự sự, miêu tả, biểu cảm
Chủ đề	Ca vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, sự giàu có của biển khơi; ngợi ca khí thế lao động hăng say, yêu đời của người lao động mới đã được giải phóng, đang làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời và đất nước.
Giá trị nội dung	Bài thơ khắc hoạ nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.
Giá trị nghệ thuật	Nghệ thuật: - Sáng tạo hình ảnh thơ bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo. - Âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

* **Khái quát:** Bài thơ rút từ tập “Trời mỗi ngày lại sáng” (1958), được Huy Cận sáng tác trong chuyến đi thực tế tại vùng mỏ Quảng Ninh năm 1958. Bài thơ ca ngợi thiên nhiên vũ trụ và con người lao động trong cuộc sống mới ở miền Bắc thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào trước đất nước, con người và cuộc sống.

1. Cảnh ra khơi và tâm trạng náo nức của con người(2 khổ đầu).

a. Cảnh hoàng hôn trên biển.

Mở đầu bài thơ là cảnh mặt hoàng hôn trên biển được miêu tả thật độc đáo và ấn tượng:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

Nghệ thuật	Nội dung
Cảnh được miêu tả ở một điểm nhìn, một vị trí đặc biệt. Đó là điểm nhìn di động trên con thuyền trên biển	Vì thế, khi người quan sát nhìn về phía mặt trời lặn qua một khoảng biển sẽ thấy mặt trời như đang lặn xuống biển.
Nghệ thuật so sánh, nhân hóa “ Mặt trời...lửa”	Vừa gọi được cái kì vĩ, tráng lệ của hoàng hôn trên biển, mặt trời như một hòn than cháy hồng đang từ từ lặn xuống biển, vừa gọi được bước đi của thời gian.
Hình ảnh nhân hóa” sóng...”	Gợi cảm giác gần gũi, thân thương, vũ trụ như ngôi nhà lớn, màn

	đêm là tấm cửa khổng lồ, những con sóng lăn tăn trên đại dương là những chiếc then cửa.
-> Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật đẹp, kỳ vĩ, tráng lệ như thần thoại đồng thời gợi sự gần gũi như ngôi nhà thân quen, gợi sự bình yên đối với người dân chài.	

b. Cảnh ra khơi :

- Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc.

“ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

Nghệ thuật	Nội dung
Hình ảnh “ Đoàn thuyền”	gợi ra sự tập nập, không khí lao động sôi nổi trên biển.
Chữ “lại”	vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào ổn định, vừa thể hiện sự đối lập giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người.
Ba hình ảnh: Câu hát, cánh buồm và gió khơi.	<p>- Trước hết, thể hiện trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn: người đánh cá căng buồm và cất câu hát, nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi.</p> <p>- Còn là hình ảnh ẩn dụ thể hiện niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì học tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.</p>

- Người dân chài ra khơi mang tâm trạng phấn chấn, náo nức:

“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”

Nghệ thuật	Nội dung
Câu thơ mở đầu sử dụng cách ngắt nhịp 2/5	Tạo âm hưởng vừa trang trọng, vừa khỏe khoắn
Từ “hát rằng”	Gợi lên niềm vui và hi vọng của người dân chài
Phép liệt kê kết hợp với hình ảnh so sánh “ cá thu...”	mang âm hưởng ngợi ca, tự hào về sự giàu có của biển.
Phép nhân hóa “ đêm ngày...”	<p>- Cho thấy không khí lao động hăng say, không hề ngày đêm của người lao động.</p> <p>- Gợi hình ảnh đàn cá chao qua chao lại trên mặt biển, biển như một tấm lụa khổng lồ mà cá là “ đoàn thoi” đang mãi miết dệt. Liên tưởng này kéo theo một liên tưởng khác: “ đoàn thoi” cá dệt nên</p>

	tắm lưới của người dân chài
Lời mời gọi kết hợp với dấu chấm cảm	Thể hiện mong ước hồn hậu của ngư dân, họ hát bài ca gọi cá vào lưới và thể hiện tình yêu với biển.
=> Hai khổ thơ đầu đã phác họa rất thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng của người dân chài.	

2. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển và vẻ khí thế của người lao động(4 khổ giữa)

a. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển được miêu tả cụ thể và rất sinh động:

“Thuyền ta lái gió với buồm trắng
 Lướt giữa mây cao với biển bằng
 Ra đậu dặm xa dò bụng biển
 Dàn đan thế trận lưới vây giăng”

Nghệ thuật	Nội dung
Hình ảnh đoàn thuyền được tái hiện trên nền thiên nhiên bao la, rộng lớn:	chiều cao của gió trắng, chiều rộng của mặt biển và chiều sâu của lòng biển.
Cách nói khoa trương, phóng đại và thủ pháp nhân hóa qua hình ảnh “lái...”	cho thấy con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la giờ đây qua cái nhìn của nhà thơ trở nên lớn lao, kỳ vĩ và ngang tầm vũ trụ. Con thuyền ấy có gió là người cầm lái, còn trắng là cánh buồm -> cho thấy trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn đồng thời gợi sự nhịp nhàng, hoà quyện của đoàn thuyền với biển trời.
Hàng loạt những động từ: lái, lướt, dò, dàn đan, vây giăng	Cho thấy hoạt động của đoàn thuyền và con người. Con thuyền lao đi với tốc độ rất nhanh “lướt”. -> Câu thơ vừa gợi sự khéo léo như nghệ sĩ của người dân chài vừa cho thấy tâm hồn phóng khoáng, chinh phục biển cả, làm chủ thiên nhiên của họ.
=> Như vậy, tâm vóc của con người và đoàn thuyền đã được nâng lên, hoà nhập vào kích thước của thiên nhiên vũ trụ. Không còn cái cảm giác nhỏ bé lẻ loi khi con người đối diện với trời rộng, sông dài như trong thơ Huy Cận trước cách mạng. Hình ảnh thơ thật lãng mạn, bay bổng và con người có tâm hồn cũng thật vui vẻ, phơi phới. Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên.	

b. Theo đoàn thuyền đánh cá, tác giả mở ra sự giàu có, hào phóng của biển cả:

“Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,
 Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
 Cái đuôi em quẫy trắng vàng choé,
 Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long”.

Nghệ thuật	Nội dung
Bằng cách liệt kê tên của các loài cá	Tác giả đã miêu tả sự phong phú và giàu có của biển cả quê

khác nhau: “Cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song”.	hương qua những loài cá ngon, quý hiếm.
Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ kết hợp với các tính từ chỉ màu sắc: lấp lánh, đen hồng, vàng choé.	<p>Đã cho thấy biển không chỉ giàu mà còn rất đẹp. Tất cả tạo nên một bức tranh sơn mài nên thơ và đầy chất lãng mạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh ẩn dụ độc đáo: những con cá song giống như ngọn đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước dưới ánh trăng lấp lánh. - Hình ảnh nhân hóa “Cái đuôi em quẫy trắng vàng choé” là hình ảnh đẹp nhất. Ánh trăng in xuống mặt nước, những con cá quẫy đuôi vào nước mà như quẫy ánh trăng tan ra, lóe sáng. Từ “em” thể hiện tình cảm yêu mến, thiết tha của tác giả.
Tác giả sử dụng nghệ thuật nhân hóa: “Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”.	<ul style="list-style-type: none"> - Vừa miêu tả nhịp điệu của những cánh sóng, vừa gợi nhịp thở của biển, vũ trụ lúc đêm về. Biển như mang linh hồn của con người. - Câu thơ còn độc đáo ở chỗ: tác giả đã tạo ra hình ảnh đảo ngược: ánh sao in bóng xuống biển đêm, nhưng không phải sao bị sóng đẩy vào mạn thuyền mà dường như chính ánh sao như lùa nước Hạ Long làm nên tiếng thở của đêm.
-> Tất cả làm nên một bức tranh hoà nhịp kỳ diệu giữa thiên nhiên và con người lao động.	

c. Trước sự giàu có của biển cả, lòng người háo hức, vui tươi:

“Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ,
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”.

Nghệ thuật	Nội dung
Cụm từ “Ta hát”	Gợi sự thân thiết, gợi niềm vui, phấn chấn yêu lao động.
Hình ảnh nhân hóa “Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao”	<p>Gợi nhiều liên tưởng: trong đêm trăng sáng, vầng trăng in xuống mặt nước, sóng xô bóng trăng dưới nước gõ vào mạn thuyền tạo nên nhịp điệu cho bài ca lao động.</p> <p>-> Có thể nói đây là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc đánh cá trên biển. Thiên nhiên đã cùng con người hoà đồng trong lao động.</p>
Hình ảnh so sánh “như lòng mẹ”	Gợi sự bao dung, ân tình của biển cả dành cho con người, đồng thời thể hiện lòng biết ơn sâu nặng của con người với biển quê hương.

d. Khung cảnh lao động hăng say trên biển lúc bình minh:

“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”.

Khổ thơ miêu tả hình ảnh người lao động trên nền trời đang sáng dần, ửng hồng.

Nghệ thuật	Nội dung
Nhịp thơ 2/2/3	Cho thấy hoạt động nhịp nhàng, khẩn trương của người dân chài.
Hình ảnh “ kéo xoăn tay”	Gợi vẻ đẹp khỏe khoắn của người dân chài trong lao động, đồng thời gợi lên mẻ lưới bội thu.
Hình ảnh “ vẩy bạc”, “ đuôi vàng” đầy ắp khoang thuyền	vừa gợi màu sắc sáng đẹp, vừa cho thấy sự giàu có của biển cả quê hương và niềm vui phơi phới của người lao động.
Nhịp thơ 2/2/3 ở câu cuối khổ thơ	tạo một sự nhịp nhàng giữa lao động của con người với sự vận hành của vũ trụ.
=> Đoạn thơ đã diễn tả được một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên, đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lướn lao, phi thường.	

3. Cảnh đoàn thuyền thắng lợi trở về trong bình minh rực rỡ, tráng lệ. (Khổ cuối).

“Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”.

4 câu cuối đã dựng lên quang cảnh kỳ vĩ về cuộc chạy đua của con người (đoàn thuyền) với mặt trời.

Nghệ thuật	Nội dung
Ở câu thơ đầu, tác giả sử dụng cấu trúc lặp lại câu thơ cuối của khổ thơ đầu tiên. Chỉ khác nhau từ “ cùng” và từ “ với”:	<p>- “ cùng” và “ với” đều thể hiện sự gắn kết giữa câu hát và gió khơi, nhưng “ cùng” sử dụng thanh bằng, gợi lên sự hài hòa giữa ngọn gió và câu hát, từ đó tái hiện một chuyến đi biển thuận lợi và bình yên. Còn từ “ với” sử dụng thanh trắc tạo nên sự khỏe khoắn và niềm vui phơi phới khi người dân chài trở về với mẻ lưới bội thu.</p> <p>“Câu hát” mở đầu lúc họ bắt đầu lên đường ra khơi, và khi trở về lại những câu hát ấy. Cấu trúc lặp như một điệp khúc ngân nga, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương.</p> <p>-> Có lẽ câu hát lúc ra đi là câu hát lạc quan tin tưởng khi trở về con thuyền sẽ đầy ắp cá tươi, còn câu hát lúc trở về là câu hát vui sướng trước thành quả lao động sau một đêm vất vả.</p>
Hình ảnh nhân hóa, phóng đại “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”.	<p>Cho thấy đoàn thuyền như một sinh thể sống chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ vũ trụ. Qua đó cho thấy khí thế khẩn trương, sức lực sức dồi dào, vẫn hăng say mạnh mẽ sau một đêm lao động vất vả của người dân chài.</p> <p>-> Bằng hình ảnh thơ bay bổng, tác giả đã làm nổi bật tư thế của những con người lao động- tư thế sánh ngang với vũ trụ, chiến thắng thiên nhiên và làm chủ thiên nhiên.</p>
Cùng với câu hát được lặp lại ở khổ cuối, ta còn thấy hình ảnh mặt trời cũng xuất hiện. Hình ảnh nhân hóa “	Vừa gợi cái kì vĩ, tráng lệ của thiên nhiên, vừa gợi bước đi của thời gian.

mặt trời đội biển” kết hợp với động từ “nhô”:	-> Bình minh báo hiệu một ngày mới, báo hiệu một sự sống sinh sôi nảy nở, là sự khởi đầu của những niềm vui, niềm hạnh phúc mà người dân chài có được sau một chuyến hành trình rất vất vả và cực nhọc.
Hình ảnh hoán dụ “mắt cá... phơi”	Ta lại bắt gặp một hình ảnh mặt trời khác, không phải của thiên nhiên mà của muôn ngàn mắt cá lấp lánh trong buổi bình minh- đó là ánh sáng của thành quả lao động lấp lánh niềm vui, hi vọng.
=> Ý thơ phảng phất không khí thần thoại, khổ thơ mang âm hưởng của bản anh hùng ca lao động thể hiện niềm vui phơi phơi của con người lao động khi làm chủ đất trời, làm chủ cuộc đời.	

*** Đánh giá:**

- Với ngòi bút tràn đầy cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ; hình ảnh thơ phong phú, giàu sức gợi; kết cấu đầu cuối tương ứng đặc sắc...
- Bài thơ đã phác họa thành công vẻ đẹp thiên nhiên và con người lao động mới. Đồng thời thấy được sự hồi sinh của thiên nhiên, đất nước sau chiến tranh.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho hai câu thơ:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa*

Câu 1: Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo?

Câu 2: Cho biết tên tác giả và văn bản chứa những câu thơ trên?

Câu 3: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 4: Hãy trình bày hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Mạch cảm xúc của bài thơ được triển khai theo trình tự nào? Nêu hiệu quả nghệ thuật của nó?

Câu 5: Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu nêu cảm nghĩ của em về vẻ đẹp của người lao động trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn gián tiếp và phép lặp.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo:

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

*Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng.
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!*

Câu 2: “ Đoàn thuyền đánh cá”- Huy Cận.

Câu 3: Thể thơ 7 chữ.

- Hoàn cảnh sáng tác: giữa năm 1958, Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ của Huy Cận mới thực sự nảy nở và dồi dào trở lại khi có nguồn cảm hứng về thiên nhiên đất nước, lao động cũng như cuộc sống mới.

- Mạch cảm xúc của bài thơ được trình bày theo trình tự thời gian, không gian chuyển ra khơi của đoàn thuyền cho tới khi đoàn thuyền trở về, tất cả đều mang âm hưởng của niềm vui, niềm hạnh phúc trong lao động, đổi mới.

Câu 4:

- Bài thơ ra đời năm 1958. Đây là thời kì miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội để chi viện cho chiến trường miền Nam. Bài thơ là kết quả sau chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ Huy Cận mới thực sự nảy nở trở lại, dồi dào trong cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới.

- Bài thơ được bố cục theo trình tự thời gian, không gian chuyển ra khơi của đoàn thuyền, gồm 3 phần:

- + Phần 1 (2 khổ đầu): cảnh đoàn thuyền ra khơi
- + Phần 2 (5 khổ tiếp theo): cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển.
- + Phần 3 (khổ cuối): hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về.

Câu 5:

*** Yêu cầu chung:**

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Đoạn văn cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả; trong đó sử dụng lời dẫn gián tiếp và phép lặp.

*** Yêu cầu cụ thể:**

- Bài thơ đã khắc họa được vẻ đẹp và sức mạnh của con người lao động trước thiên nhiên kì vĩ.
- Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi tấp nập.

+ Hình ảnh con người trước thiên nhiên rộng lớn, kì vĩ.

Tâm vóc của con người được nâng lên: công việc đánh cá được dàn dụa như thế trận hào hùng, gọi ra tâm hồn phóng khoáng, dũng cảm chinh phục biển cả của người nghệ sĩ.

+ Tâm vóc của con người được nâng lên hòa nhập với kích thước của thiên nhiên, vũ trụ.

Con người không còn nhỏ bé lẻ loi khi đối diện với cuộc đời.

+ Con người ra khơi trong niềm vui câu hát.

Sự lãng mạn bay bổng, tinh thần lạc quan thấm vào từng câu hát khi những người lao động hăng say hát bài ca của niềm tin hi vọng, nhịp nhàng cùng thiên nhiên.

+ Con người với ước mơ trong công việc.

Với khí thế phơi phới, của đoàn thuyền và niềm vui, sức mạnh của người lao động trên biển làm chủ biển khơi, chinh phục biển khơi.

+ Cảm nhận được vẻ đẹp của biển.

Con người thấy được sự giàu có trù phú của biển cả, hiểu được biển là mẹ thiên nhiên mang lại nguồn thức ăn, sức sống dồi dào cho cuộc đời.

+ Người lao động vất vả nhưng tìm thấy niềm vui trong lao động và trước thắng lợi.

→ Hình ảnh người lao động được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn cho thấy tinh thần, niềm vui của tác giả trong cuộc sống đổi mới.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Bài thơ *Cảnh phong lan bể* của Chế Lan Viên có câu: *Con cá song cầm đuốc dẫn thơ về*... Bài *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận cũng có một câu thơ giàu hình ảnh tương tự.

Câu 1: Em hãy chép chính xác khổ thơ có câu thơ đó theo sách Ngữ văn 9 và cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

Câu 2: Con cá song và ngọn đuốc và những sự vật vốn khác nhau trong thực tế nhưng nhà thơ Huy Cận lại có một sự liên tưởng hợp lý. Vì sao vậy? Câu thơ của ông giúp người đọc hiểu thêm những gì về thiên nhiên và tài quan sát của nhà thơ?

Câu 3: Dưới đây là câu chủ đề cho một đoạn văn trình bày cảm nhận về khổ thơ được chép theo yêu cầu ở câu 1:

Chỉ với bốn câu thơ, Huy Cận đã cho ta thấy một bức tranh kỳ thú về sự giàu có và đẹp đẽ của biển cả quê hương.

Em hãy viết tiếp khoảng 4 đến 6 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phép lập luận diễn dịch, trong đó có một câu ghép và lời dẫn trực tiếp.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Chép chính xác khổ thơ trong bài *Đoàn thuyền đánh cá*

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng*

- Nêu đúng hoàn cảnh ra đời: năm 1958, trong chuyến đi thực tế ở Quảng Ninh

Câu 2:

- Vì: trong thực tế cá song có thân bài nhiều chấm, vạch màu đen hồng nên dưới ánh trăng chúng bơi lội trông như rước đuốc.

- Hiểu thêm về thiên nhiên:

+ Thiên nhiên biển cả đẹp huyền ảo, lung linh như đêm hội...

+ Tài quan sát tinh tế và trí tưởng tượng bay bổng... của nhà thơ.

Câu 3:

* Yêu cầu chung: Đoạn văn trình bày theo phép lập luận diễn dịch, có độ dài khoảng từ 4 đến 6 câu, liên kết chặt chẽ, đủ lý lẽ và dẫn chứng làm rõ ý khái quát, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp...

Đoạn văn tham khảo:

(1) Chỉ với bốn câu thơ, Huy Cận đã cho ta thấy một bức tranh kì thú về sự giàu có và đẹp đẽ của biển cả quê hương.

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng

....

Dàn đan thế trận lưới vây giăng”

- (2) Hình ảnh con thuyền được lý tưởng hóa trở nên kì vĩ ngang tầm với vũ trụ.
 - (3) Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé nay đã lớn lao, trước thiên nhiên.
 - (4) *Cảm giác cô đơn nhỏ bé của con người không còn nữa bởi con người với sức mạnh tự thân đã dần làm chủ được đời sống của mình.*
 - (5) Con thuyền băng băng vượt trùng khơi để “dò bụng biển” hình ảnh có tính chất lãng mạn hóa thông qua lăng kính của tác giả, con thuyền trở nên phóng khoáng, dũng cảm chinh phục biển cả.
 - (6) Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng của thiên nhiên. .
- **Câu ghép:** *Cảm giác cô đơn nhỏ bé của con người không còn nữa bởi con người với sức mạnh tự thân đã dần làm chủ được đời sống của mình.*

- **Lời dẫn trực tiếp:**

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng

....

Dàn đan thế trận lưới vây giăng”

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Cho đoạn thơ:

*Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*

Câu 1: Trong đoạn thơ trên có những hình ảnh nào được lặp lại so với khổ thơ đầu? Điều đó có ý nghĩa gì?

Câu 2: Nhận xét sự lặp lại và biến đổi về những hình ảnh giữa khổ thơ đầu và khổ thơ cuối.

Câu 3: Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo phương thức tổng - phân - hợp cảm nhận về hình ảnh mặt trời ở đầu và cuối cuối bài.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Trong đoạn thơ trên hình ảnh được lặp lại so với khổ thơ đầu hình ảnh “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”.

- Đây là hình ảnh hoành tráng, lãng mạn và đặc biệt.

Đoàn thuyền lớn lao, sánh ngang với hình ảnh mặt trời vĩ đại.

+ Huy Cận lấy một vật nhỏ bé, bình dị để đi ngầm so sánh với hình ảnh vĩ đại của thiên nhiên.

+ Cách nói nhân hóa, nói phóng đại diễn tả nguồn năng lượng, sức sống, sức lao động của văn hăng say, mạnh mẽ sau một đêm lao động của người dân chài lưới.

+ Qua đó, tác giả làm nổi bật hình ảnh những người lao động, thực chất là người dân chài lưới.

→ Những người lao động miệt mài với biển khơi nay trở về trong tư thế sòng ngang với vũ trụ, thậm chí trong cuộc chạy đua với thiên nhiên họ đã chiến thắng, họ làm chủ được thiên nhiên và là chủ của cuộc đời mình.

Câu 2:

Hình ảnh được lặp lại và những chi tiết có trong có thay đổi trong ai khổ thơ. Việc lặp lại và thay đổi đã tạo nên sự đối ứng đầu cuối, thể hiện trọn vẹn hành trình ra khơi và trở về.

- Sự khác biệt là ở hướng của đoàn thuyền (ra khơi và trở về); ở thời gian (hoàng hôn và bình minh); hình ảnh bao trùm (mặt trời lặn và mặt trời mọc); ở khí thế con người (hăng hái khi ra đi, phấn chấn trước thành quả lao động khi trở về).

Câu 3:

(1) Những câu thơ cuối bài "Đoàn thuyền đánh cá" có cảnh mặt trời "đội biển" trái ngược với hình ảnh mặt trời lặn ở khổ thơ đầu.

(2) Mở đầu khổ thơ là hình ảnh câu hát theo suốt hành trình chinh phục tự nhiên. Nếu mở đầu câu hát tạo động lực thì nay câu hát ấy là khúc khải hoàn ca về chiến thắng, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương.

(3) Mở đầu là hình ảnh mặt trời đi vào tĩnh lặng của buổi hoàng hôn thì nay hình ảnh mặt trời mới rực rỡ xuất hiện báo hiệu sự sống sinh sôi nảy nở, sự khởi đầu của niềm vui, niềm hạnh phúc sau chuyến hành trình vất vả, cực nhọc.

(4) Khổ thơ cuối là cảnh đoàn thuyền thắng lợi trở về trong bình minh, rực rỡ, tráng lệ.

(5) Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá chạy đua cùng mặt trời làm nổi tư thế của những con người lao động, bởi đoàn thuyền thực chất nói tới người dân chài, đoàn thuyền là hình ảnh hoán dụ chỉ con người.

(6) Hai câu thơ cuối, lại là hình ảnh một mặt trời mới, không phải mặt trời tự nhiên mà là hình ảnh mặt trời từ mắt cá lấp lánh trong buổi bình minh, là niềm vui hạnh phúc của những người lao động.

(7) Đó là niềm vui chiến thắng, niềm vui của thành quả lao động, niềm vinh quang của người lao động, rất bình dị, nhỏ bé.

(8) Hình ảnh mặt trời ở khổ thơ đầu và cuối của bài thơ làm nổi bật tư thế làm chủ vũ trụ của con người lao động.

BÀI 4 : BẾP LỬA

Bảng Việt

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Tác giả	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng Việt, tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng – sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. - Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. - Hiện nay ông là chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội. - Phong cách sáng tác : Thơ Bằng Việt mang giọng điệu thủ thỉ, tâm tình ; ngôn ngữ điềm đạm ; cấu tứ mạch lạc và hệ thống thi ảnh đặc sắc.
Hoàn cảnh sáng tác	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài. - Bài thơ được đưa vào tập Hương cây – Bếp lửa (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.
Thể loại	Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ, 8 chữ
Mạch cảm xúc và bố cục	<p>* Mạch cảm xúc: Bài thơ là lời tâm sự của người cháu hiếu thảo ở phương xa gửi về người bà.</p> <p>Bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi về những kỷ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh bà với sự chăm sóc, lo toan, vất vả và tình yêu thương trìu mến dành cho đứa cháu. Từ những kỷ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà. Cuối cùng, người cháu muốn gửi niềm mong nhớ về với bà. Mạch cảm xúc bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỷ niệm đến suy ngẫm.</p> <p>* Bố cục: 4 phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khổ đầu: hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc hồi tưởng về bà. - 4 khổ tiếp: những kỷ niệm ấu thơ, hình ảnh bà và bếp lửa. - Khổ 6: những suy nghĩ của tác giả về bà và hình ảnh cuộc đời bà. - Khổ cuối: nỗi nhớ của cháu về bà và bếp lửa.
Ý nghĩa nhan đề	<p>“<i>Bếp lửa</i>” là một hình ảnh độc đáo, sáng tạo, xuất hiện nhiều lần trong bài thơ, nó vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước hết, đây là một bếp lửa thực, quen thuộc, gần gũi trong mỗi gia đình của người Việt. Đồng thời, nó là hình ảnh gắn với kỉ niệm ấu thơ về một người bà cụ thể, có thật của tác giả. - Bếp lửa là biểu tượng giàu ý nghĩa : <ul style="list-style-type: none"> + Bếp lửa gợi lên sự tận tảo, chăm sóc, yêu thương của người bà dành cho người cháu trong những năm tháng đói nghèo, chiến tranh để trưởng thành và khôn lớn. + Bếp lửa gợi lên bao vất vả, cực nhọc của đời bà. Song bà nhóm bếp lửa cũng chính là nhóm lên sự sống, niềm vui, niềm tin và hi vọng cho cháu vào một tương lai phía trước. + Bếp lửa còn là biểu tượng của gia đình, quê hương, đất nước, cội nguồn... đã nâng bước người cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

PT biểu đạt	Biểu cảm+ Tự sự+ Miêu tả+ Nghị luận
Chủ đề	Qua hình ảnh bếp lửa- ngọn lửa, tác giả thể hiện lòng thương nhớ và biết ơn bà của đứa cháu đi xa, đồng thời nói lên tình yêu thiết tha đối với gia đình, quê hương, đất nước.
Giá trị nội dung	qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ “Bếp lửa” gợi lại những kỷ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình quê hương đất nước.
Giá trị nghệ thuật	bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi một kỷ niệm, cảm xúc, suy nghĩ về bà và tình bà cháu.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

*** Khái quát:** Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt sáng tác năm 1963, khi tác giả là sinh viên du học ở Liên Xô và bắt đầu đến với thơ. Bài thơ in trong tập “ Hương cây- Bếp lửa” (1968), là tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.

Qua dòng hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại những kỉ niệm xúc động tình bà cháu, thể hiện tình cảm kính yêu và biết ơn vô hạn của cháu đối với bà, cũng là đối với quê hương, đất nước.

* Phân tích:

1. Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc nhớ thương (3 câu đầu) :

Dòng hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương về bếp lửa.

Nghệ thuật	Nội dung
Mở đầu bài thơ, điệp ngữ “ một bếp lửa” được nhắc lại hai lần ngân lên như một điệp khúc thiết tha, sâu lắng	gợi lên một hình ảnh quen thuộc trong mọi gia đình.
Hình ảnh “ bếp lửa” trước tiên là một hình ảnh tả thực	Là một hình ảnh quen thuộc, không thể thiếu trong mỗi gia đình.
Còn là hình ảnh ẩn dụ	gợi bóng dáng của người bà tảo tần thức khuya dậy sớm
Từ láy “ chồn vờn”	là từ láy tượng hình vừa miêu tả ngọn lửa bốc cao, bập bùng tỏa sáng, ẩn hiện giữa làn sương sớm vừa gợi cái mờ nhòe của hình ảnh ký ức theo thời gian.
“ <i>Ấp iu</i> ” là một sáng tạo mới mẻ của nhà thơ . Đó không phải là từ láy, từ ghép đơn thuần mà là sự kết hợp và biến thể của hai từ “ <i>áp ỉu</i> ” và “ <i>nâng niu</i> ”.	“ <i>Ấp iu</i> ” gợi đến bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm bếp, lại đúng với công việc nhóm lửa cụ thể

- Hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy những cảm xúc yêu thương trong lòng cháu.

“ Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

Chữ “ thương” là từ biểu cảm trực tiếp, diễn tả cảm xúc đến tự nhiên trong lòng cháu, đồng thời bộc lộ thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà.

“*Biết mấy nắng mưa*” là một cách nói ẩn dụ gợi ra phần nào cuộc đời vất vả lo toan của bà.

2. Những kỷ niệm tuổi thơ bên bà và bếp lửa (năm khổ tiếp theo):

a. Đó là tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn:

Lên bốn tuổi, cháu đã quen mùi khói

Năm ấy, là năm đói mòn, đói mỏi

Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến bây giờ sống mũi còn cay!

Nghệ thuật	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> Hình ảnh những năm tháng chiến tranh chống Pháp gian khổ được hiện về qua thành ngữ “<i>đói mòn, đói mỏi</i>” cái đói kéo dài làm mệt mỏi, kiệt sức và hình ảnh “<i>khô rạc ngựa gầy</i>” 	<p>Đã miêu tả một hiện thực đau thương trong lịch sử- nạn đói năm 1945, do chính sách cai trị hà khắc của phát xít Nhật và thực dân Pháp đã khiến hơn hai triệu đồng bào ta chết đói và hình ảnh những con người xơ xác trong cuộc sống mưu sinh.</p> <p>-> Những câu thơ trĩu xuống khiến lòng người nao nao nghẹn ngào khi nghĩ về kí ức đau thương ấy.</p>
- Nhưng ấn tượng sâu đậm nhất vẫn là mùi khói bếp:	
Từ “ <i>khói</i> ” được nhắc lại nhiều lần trong khổ thơ qua những hình ảnh: “ <i>mùi khói</i> ”, “ <i>khói hun</i> ”	Gợi ám ảnh về một thời gian khó đã đi qua.
Cảm giác “ <i>sống mũi còn cay</i> ”	là cái cay cay vì khói bếp và cũng là cái cay cay bởi nỗi xúc động của người cháu như hòa quyện.

b- Tuổi thơ luôn được sống trong tình yêu thương, đùm bọc, che chở của bà:

- Bếp lửa đánh thức kỉ niệm tuổi thơ: tiếng chim tu hú:

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

Tu hú kêu trên những cánh đồng xa

Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà

Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Cuộc sống của hai bà cháu đầy vất vả, khó khăn nhưng tràn đầy tình yêu thương.

Nghệ thuật	Nội dung
“ <i>Tám năm ròng</i> ”	gợi khoảng thời gian tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở của bà.

Lời thơ đa diết kết hợp với câu hỏi tu từ, dấu chấm cảm cuối dòng thơ	Khiến những câu thơ như lời tâm tình câu cháu gửi đến bà.
---	---

- Tám năm ấy, đất nước có chiến tranh “*Mẹ cùng cha bận công tác không về*”, cháu ở cùng bà, cháu lớn lên trong tình thương và sự chăm sóc nuôi dưỡng của bà:

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Nghệ thuật	Nội dung
Hai câu thơ 16 chữ mà chữ bà , chữ cháu đã chiếm đúng một nửa.	Ngôn từ đã hội tụ tất cả tình thương của bà dành cho cháu, gọi tả tình bà cháu quấn quýt yêu thương, một tình thương ấp ủ, chở che.
Hay nhất, hàm súc nhất là từ ngữ “ <i>cháu ở cùng bà</i> ”, “ <i>bà bảo</i> ”, “ <i>bà dạy</i> ”, “ <i>bà chăm</i> ”	đã diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng đôn hậu, tình thương bao la, sự chăm chút của bà đối với cháu nhỏ.
Năm chữ “ <i>nghe thương bà khó nhọc</i> ” nói lên lòng biết ơn bà của đứa cháu đã và mang nặng trong trái tim mình tình thương của bà dành cho cháu.	
Nghĩ về ngọn lửa hồng của bếp lửa, nghĩ về tiếng chim tu hú gọi bầy, đứa cháu gọi nhẩn tha thiết tha chim tu hú “ <i>kêu chi hoai</i> ”.	Câu thơ cảm thán và câu hỏi tu từ diễn tả nỗi thương nhớ bà bồi hồi tha thiết. Nhà thơ đắm chìm trong suy tưởng để trò chuyện với con chim quê hương, trách nó không đến ở với bà để bà đỡ nhớ cháu, đỡ cô đơn tuổi già.
Trong nhiều gia đình Việt Nam, do nhiều cảnh ngộ khác nhau, mà vai trò của người bà đã thay thế vai trò của người mẹ hiền.	

c. Miên man theo dòng cảm xúc hồi tưởng, hình ảnh bà càng hiện lên rõ nét, cụ thể với những phẩm chất cao quý:

- Bình tĩnh, vững lòng, đỉnh ninh vượt qua mọi thử thách khốc liệt của chiến tranh, làm tròn nhiệm vụ hậu phương để người đi xa công tác được yên lòng.

- Bà là chỗ dựa tinh thần vững chắc.

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi

Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh

Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:

“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố

Mày có viết thư chớ kể này kể nọ

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Lời dặn trực tiếp của bà khi cháu viết thư cho bố không chỉ giúp ta hình dung giọng nói, tiếng nói, tình cảm và suy nghĩ của bà mà còn làm sáng lên phẩm chất của người bà, người mẹ Việt Nam yêu nước, đầy lòng hy sinh, kiên trì nhóm lửa, giữ lửa

3. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa:

Từ những kỉ niệm tuổi thơ được sống bên bà, nhận được sự yêu thương, chăm sóc của bà bên bếp lửa quê hương, người cháu suy ngẫm về cuộc đời bà và bếp lửa:

a. Những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa:

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng

- Hình ảnh ‘bếp lửa’ ở dòng thơ đầu là hình ảnh tả thực về sự vật hữu hình, cụ thể, gần gũi và gắn liền với những gian khổ của đời bà.

- Từ hình ảnh “bếp lửa” hữu hình, tác giả liên tưởng đến “ngọn lửa” vô hình “lòng bà luôn ủ sẵn” với ý nghĩa trừu tượng và khái quát:

+ Bếp lửa bà nhóm lên không chỉ bằng nhiên liệu bên ngoài mà còn bằng chính ngọn lửa từ lòng bà- ngọn lửa câu tình yêu thương, niềm tin vô cùng dai dẳng, bền bỉ và bất diệt.

+ Ngọn lửa bền bỉ và bất diệt ngày ngày bà nhóm cũng chính là niềm vui, niềm tin, niềm yêu thương để nâng đỡ cháu trên chặng đường dài.

+ Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa- ngọn lửa của sự sống, của niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

Nghệ thuật	Nội dung
Các động từ “nhen”, “ủ”, “chứa”	Đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà
Điệp ngữ “một ngọn lửa” và kết cấu song hành	đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào.
-> Thông qua những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa, tác giả đã khẳng định và ngợi ca vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại, đầy yêu thương của bà hiện lên lấp lánh như một thứ ánh sáng diệu kì.	

b. Những suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ, của đứa cháu về người bà yêu kính, về bếp lửa trong mỗi gia đình Việt nam chúng ta.

Bà cần mẫn lo toan, chịu thương chịu khó, thức khuya dậy sớm vì bát cơm, manh áo của con cháu trong gia đình. Để rồi mỗi khi nhớ lại, cháu vô cùng cảm phục và biết ơn bà:

Lặn dạn đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nghệ thuật	Nội dung
Nghệ thuật đảo ngữ: đưa từ láy “lặn dạn” lên đầu câu, kết hợp với cụm từ “đời bà”, “mấy chục năm rồi”, hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa”	Đã diễn tả một cách sâu sắc và trọn vẹn về cuộc đời đầy những lặn dạn, gian nan, vất vả của bà. Đồng thời thể hiện sự thấu hiểu một cách sâu sắc trong tình cảm của cháu.
Phó từ “vẫn”	khẳng định thói quen không bao giờ thay đổi của bà “thói quen dậy sớm” để làm công việc nhóm lửa, nhóm lên niềm tin, tình yêu thương cho cháu.

-> Tình thương yêu tác giả dành cho bà được thể hiện trong từng câu chữ. Tình cảm ấy giản dị, chân thành mà sâu nặng, thiết tha.

- Bà không chỉ nhóm lửa bằng đôi tay khăng khieu, gầy guộc mà còn bằng tất cả tấm lòng đôn hậu đối với con cháu.

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Nghệ thuật	Nội dung
Điệp ngữ “nhóm” được nhắc lại 4 lần mang đến nhiều liên tưởng	<p>+ “<i>Nhóm bếp lửa</i>”, “<i>nhóm nồi xôi gạo</i>” là hình ảnh tả thực công việc nhóm bếp, nhóm lửa của bà.</p> <p>+ “<i>Nhóm niềm yêu thương</i>”, “<i>nhóm dậy cả những tâm tình</i>” là hình ảnh ẩn dụ về công việc thiêng liêng và cao quý: bà đã khơi dậy trong tâm hồn cháu và những người xung quanh niềm yêu thương, chia sẻ.</p>
<p>Chính từ đó mà, theo mạch suy ngẫm, nhà thơ đi lên khái quát rất tự nhiên và hợp lý: “<i>Ôi kỳ diệu và thiêng liêng - bếp lửa</i>”. Đúng vậy, vì bếp lửa thật giản dị, bình thường và phổ biến trong mọi gia đình Việt Nam, nhưng bếp lửa cũng thật cao quý, kỳ diệu và thiêng liêng vì nó luôn gắn liền với bà - người giữ lửa, nhóm lửa, truyền lửa, người tạo nên tuổi thơ của cháu. Bếp lửa trở thành một mảnh tâm hồn, một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của cháu.</p> <p>-> Có thể nói, cảm xúc của nhà thơ như dâng trào khi suy ngẫm về bà và bếp lửa. Khổ thơ như một sự tổng kết đề ngợi ca, khẳng định về bà: bà là người phụ nữ tần tảo, giàu đức hi sinh, luôn chăm lo cho mọi người.</p>	

4. Nỗi nhớ bà và bếp lửa:

Bốn câu kết thể hiện một cách đậm thấm tình thương nhớ, lòng kính yêu và biết ơn của đứa cháu bé bỏng nay đã đi xa:

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu

Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở

- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?

Nghệ thuật	Nội dung
Dấu chấm giữa dòng thơ ngắt câu thơ thành hai câu tự sự	Đề gọi sự chảy trôi của thời gian, sự biến đổi của không gian và vẽ lên một thực tại: người cháu năm xưa giờ đã lớn khôn, trưởng thành, đã được chấp cánh bay xa, được làm quen với những chân trời rộng mở.
Điệp ngữ “trăm”	mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ

Điệp ngữ “ có ” kết hợp với thủ pháp liệt kê và câu hỏi tu từ cuối câu	Cho thấy người cháu có những thay đổi lớn trong cuộc đời, đã tìm được bao niềm vui mới. + Khẳng định đứa cháu không thể quên được ngọn lửa của bà, ngọn lửa ấy đã thành kỉ niệm, niềm tin nâng bước người cháu trên suốt chặng đường dài.
-> Khổ thơ chứa đựng đạo lí thủy chung, cao đẹp bao đời của người Việt: “ uống nước nhớ nguồn”. Đạo lí ấy được nuôi dưỡng ở mỗi tâm hồn con người từ ấu thơ, để rồi như chắp cánh cho mỗi người bay cao, bay xa trên hành trình cuộc đời.	

*** Đánh giá:**

Với sự kết hợp hài hòa của các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, miêu tả, bình luận, hình ảnh thơ đẹp, chất thơ trong trẻo, trẻ trung... qua dòng hồi tưởng của người cháu đã trưởng thành, nhớ lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và bếp lửa, nhà thơ đã bộc lộ những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đối với gia đình, quê hương, đất nước.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho đoạn thơ sau:

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
 Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
 Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*

Câu 1: Tên bài thơ và tác giả?

Câu 2: Bài thơ sáng tác trong hoàn cảnh nào? Thể thơ?

Câu 3: Bài thơ là lời của nhân vật nào nói với nhân vật nào, nói với ai và nói về việc gì? Nêu mạch cảm xúc của bài thơ?

Câu 4: Chỉ ra từ láy trong đoạn thơ trên. Những từ láy ấy giúp em hiểu hình dung gì về hình ảnh “bếp lửa” mà tác giả nhắc tới.

Câu 5: Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về câu thơ: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: “ Bếp lửa”- Bằng Việt

Câu 2: - Bài thơ được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên ngành luật ở nước ngoài. Thể thơ: 8 chữ

Câu 3: Bài thơ là lời của người cháu nói với bà, nói về kỉ niệm tuổi thơ bên bà và những suy ngẫm về cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.

Mạch cảm xúc của bài thơ: Bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, bài thơ giống như lời tâm sự của người cháu hiếu thảo gửi cho người bà.

Bắt đầu ngọn nguồn cảm xúc từ hình ảnh bếp lửa. Từ đó gợi lại kỉ niệm tuổi thơ được bà chăm sóc, nuôi nấng. Từ những kỉ niệm người cháu thấu hiểu, suy ngẫm về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị và cao quý. Mạch cảm xúc thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm tới suy ngẫm.

Câu 4:

Từ láy gợi lên hình ảnh về bếp lửa:

+ Chờn vờn: dòng hồi tưởng được bắt đầu bằng hình ảnh thân thương, ấm áp: bếp lửa “chờn vờn sương sớm”. Gọi tả hình ảnh bếp lửa có thật được cảm nhận bằng thị giác ẩn hiện trong sương sớm “chờn vờn”.

+ Ấp iu: gọi bàn tay dịu dàng, kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút, tỉ mỉ của người nhóm lửa.

→ Điệp ngữ “một bếp lửa” kết hợp với các từ láy “chờn vờn”, “ấp iu” gợi lên hình ảnh sống động, chân thực và lung linh của một bếp lửa gần gũi, thân thuộc trong gia đình người Việt.

Hình ảnh bếp lửa tự nhiên, đánh thức dòng hồi tưởng của cháu về bà, người nhóm lửa mỗi sớm mai. Hình ảnh bài thơ lúc nào cũng chập chờn, lay động.

Câu 5:

*** Yêu cầu chung:**

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xonng cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Đoạn văn có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

*** Yêu cầu cụ thể:** Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:

- Câu thơ: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa” gợi lên hình ảnh bếp lửa và tình bà cháu trào dâng một cảm xúc mãnh liệt, thương người bà lặng lẽ, âm thầm trong khung cảnh “biết mấy nắng mưa”.

- Cụm từ “biết mấy nắng mưa” là hình ảnh AD gợi những vất vả, trắc trở bà phải vượt qua để nuôi đứa cháu trưởng thành.

- Người bà âm thầm, chịu đựng những vất vả “mưa nắng ở đời để nuôi dạy cháu.

- Động từ “thương” gợi lên tình cảm, sự thấu hiểu và biết ơn của cháu đối với những vất vả bà đã trải qua để nuôi mình.

- Cả bài thơ có ... cháu đã dành trọn để thương bà.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho câu thơ:

“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

Câu 1: Chép 15 câu tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ.

Câu 2: Trong những dòng hồi tưởng về tuổi thơ của người cháu những kỉ niệm nào về tình bà cháu được gợi lại?

Câu 3: Vì sao đã bao lâu rồi mùi khói của bếp lửa khiến người cháu có cảm giác “*Nghĩ lại tới giờ sống mũi còn cay*”.

Câu 4: Tìm biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ dưới đây:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.*

Câu 5: Đoạn thơ có nhắc tới tiếng chim tu hú, trong chương trình ngữ văn THCS cũng có bài thơ nói tới tiếng chim tu hú, nêu tên bài thơ và tác giả. Âm thanh tiếng chim tu hú ở hai bài thơ có ý nghĩa khác nhau như thế?.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Chép 15 câu tiếp theo:

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa
Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!*

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

Câu 2:

Những kỉ niệm về tuổi thơ được gợi lại trong tâm trí người cháu:

- Tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn từ năm lên bốn tuổi đó là những năm tháng chiến tranh gian khổ ác liệt: “đói mòn đói mỏi”.
- + Cái đói ám ảnh tâm trí đứa trẻ, nhà thơ đã cho ta thấy một quá khứ tang thương đầy những thảm cảnh của dân tộc gắn với thân phận người dân mất nước.
- + Những hình ảnh đau thương của dân tộc gây ấn tượng mạnh, sâu đậm với tâm hồn nhà thơ, ấn tượng về khói bếp “hun nhèm mắt”.
- Tuổi thơ có gian khổ của những ngày giặc ngoại xâm gây tội ác.

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

- Dòng hồi tưởng của đứa cháu gắn với âm thanh của tiếng chim tu hú, âm thanh quen thuộc nơi đồng quê mỗi dịp hè về cứ vang vọng, cuộn xoáy trong lòng người xa xứ.

+ Với 11 câu thơ, tiếng tu hú được nhắc tới 5 lần, khi tháng thốt, khi khắc khoải, lúc lại mơ hồ từ những cánh đồng xa.

+ Không gian mênh mông, bao la, buồn tới lạnh lùng. Trong từng cung bậc của tiếng tu hú, tình cảm, nỗi nhớ của người cháu càng trở nên da diết, mạnh mẽ hơn.

→ Tác giả lựa chọn những hình ảnh, âm thanh tiêu biểu nhắc lại những ấn tượng khó phai về tuổi thơ của chính mình.

Câu 3:

- Đứa cháu sau bao năm xa cách với bếp lửa và mùi khói nhưng vẫn mang cảm giác “Nghĩ lại tới giờ sống mũi còn cay”:

+ Người cháu luôn xúc động, bồi hồi mỗi khi nghĩ về những năm tháng khôn khó của tuổi thơ.

+ Cháu cảm thấy kỉ niệm sống dậy, người cháu thương nhớ bà và tình bà cháu vẫn vẹn nguyên.

→ Đây là dòng cảm xúc chân thật và xúc động của đứa cháu về bà và về tuổi thơ của mình.

Câu 4:

Hai câu thơ trên sử dụng biện pháp liệt kê:

+ Các cụm từ: bà bảo, bà dạy, bà chăm diển tả sâu sắc tấm lòng nhân hậu, tình yêu thương bao la và sự chăm sóc tận tình của bà dành cho người cháu.

+ Từ “bà” và “cháu” được lặp lại nhiều lần nhằm gọi tả tình bà cháu quấn quít, yêu thương.

+ Người bà thay thế cha mẹ là chỗ dựa vững chắc cho cháu.

→ Hình ảnh người bà tần tảo, khuya sớm, bà là sự kết hợp cao quý tình cha, nghĩa mẹ, công thầy.

Những hình ảnh về bà in đậm trong tâm trí người cháu và gây xúc động mỗi khi cháu nhớ về.

Câu 5:

Bài thơ nhắc tới tiếng chim tu hú trong chương trình ngữ văn THCS: "Khi con tu hú" của Tố Hữu.

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Tiếng chim tu hú trong hai bài thơ:

+ Trong bài "Bếp lửa" của Bằng Việt: tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè, mở ra sự ấm áp, tha thiết của tình bà cháu, tiếng chim tu hú gọi nhớ về những ngày tháng tuổi thơ được bà chăm sóc, dạy dỗ.

+ Trong bài "Khi con tu hú" của Tố Hữu: tiếng chim tu hú quen thuộc, báo hiệu mùa hè. Tiếng tu hú gọi bầy như thôi thúc người chiến sĩ phá bỏ rào cản để đón nhận vẻ đẹp, sự tự do của sự sống tươi đẹp bên ngoài.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Cho câu thơ sau:

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Câu 1: Chép tiếp 7 câu thơ để hoàn thành bài thơ.

Câu 2: Em hiểu từ “lận đận” trong câu thơ trên như thế nào? Trong bài thơ, hai lần tác giả dùng cụm từ “biết mấy nắng mưa” để nói về cuộc đời của bà. Điều đó có ý nghĩa như thế nào? Hãy tìm một câu thành ngữ có chứa hai từ “nắng”, “mưa” và giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thành ngữ em vừa tìm được.

Câu 3: Điệp từ “nhóm” trong đoạn thơ vừa chép là kiểu điệp từ gì? Các từ “nhóm” trong đoạn thơ có ý nghĩa như thế nào?

Câu 4: Xét về mục đích nói, câu thơ cuối đoạn thơ vừa chép thuộc kiểu câu gì? Chỉ ra và gọi tên các thành phần biệt lập được dùng trong câu thơ đó.

Câu 5. Hãy kể tên bài thơ khác viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

Câu 6: Cho câu mở đoạn “*Đoạn thơ những suy ngẫm sâu sắc và tình cảm chân thành của nhà thơ với người bà vô cùng yêu thương và kính trọng*”, viết tiếp thân đoạn khoảng 6-8 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phương thức diễn dịch.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1. *Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

Mấy chục năm rồi tới tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới xẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!

Câu 2. Từ “lận đận” là từ lấy tượng hình, cuộc đời bà là cuộc đời đầy truân chuyên, vất vả, nhiều gian khổ, chèn vênh.

+ Bà đối mặt và vượt qua mọi “mưa nắng” cuộc đời để trở thành chỗ dựa cho con cái. → Hình ảnh bà chính là hình ảnh người phụ nữ Việt Nam tần tảo, giàu đức hi sinh dù gian truân nhưng vẫn sáng lên tình yêu thương.

Ví dụ: “Giải nắng dầm mưa” hay “Năm nắng mười mưa”: Chỉ những khó khăn, vất vả...(Chấp nhận mọi phương án đúng mà HS đưa ra)

Câu 3. Từ “nhóm” là động từ được lặp lại bốn lần trong khổ thơ thứ sáu và mang nhiều ý nghĩa khác nhau.

+ Từ “nhóm” trong “nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm” được sử dụng với nghĩa gốc thể hiện hành động làm cho lửa bén tạo ra nhiệt, để đun nấu, đây là bếp lửa thực tế, có thể cảm nhận bằng thị giác, xúc giác.

+ Ba từ “nhóm” còn lại mang ý nghĩa ẩn dụ.

Người bà khơi dậy trong lòng đứa cháu những yêu thương, kí ức đẹp có giá trị trong lòng bà đã nhóm lên, đã khơi dậy niềm yêu thương, những kí ức đẹp, có giá trị trong cuộc đời mỗi người.

+ Bà là người truyền hơi ấm, tình yêu thương, khơi dậy trong lòng đứa cháu những điều tốt đẹp về tình cảm gia đình, niềm lạc quan với cuộc sống.

+ Hình ảnh bếp lửa cũng từ đó in đậm, làm sống dậy những kỉ niệm tuổi thơ trong lòng đứa cháu, nhắc nhở đứa cháu nhớ về nguồn cội, về quê hương.

Câu 4. Câu thơ: “Ôi kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa!” là câu cảm thán thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi khám phá ra điều kì diệu giữa cuộc đời bình dị.

+ Từ ngọn lửa bà nhen nhóm mỗi ngày, cháu nhận ra niềm tin, tình yêu thương, ngọn nguồn của tình nghĩa.

- Trong câu có sử dụng thành phần biệt lập: thành phần phụ chú, nhằm giải thích, nhấn mạnh về điều kì lạ và thiêng liêng với người cháu - bếp lửa - tình bà cháu.

Câu 5. Kể tên hai bài thơ viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9:

- “Nói với con” – Y Phương và “Con cò” – Chế Lan Viên....

Câu 6.

* Yêu cầu:

- Nội dung: học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

* Đoạn văn tham khảo:

(1) Đọc đoạn thơ những suy ngẫm và tình cảm chân thành của nhà thơ với người bà vô cùng yêu thương và kính trọng.

(2) Tác giả thấu hiểu nỗi vất vả và sự “lận đận” của bà, cuộc đời bà trải qua nhiều gian truân, vất vả, nhiều khó khăn tưởng không bao giờ dứt.

(3) Nhưng bà luôn là hình ảnh mẫu mực về người phụ nữ Việt Nam can trường, giàu đức hi sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương.

(4) Tất cả được thể hiện qua động từ “nhóm” được lặp đi lặp lại tới bốn lần với những ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.

(5) Nó dần bồi lên những nét kì lạ và thiêng liêng của bếp lửa chính là sự yêu thương, bền bỉ của bà.

(5) Bà trong tâm trí tác giả vừa là người thấp lùn lại là người giữ lửa tới thế hệ mai sau. Bà khơi dậy trong tâm hồn người cháu tình những tình cảm tốt đẹp, giúp cháu có tuổi thơ ấm áp tình người và nhiều kỉ ức đẹp.

(7) Hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà vì vậy dù có đi xa tới đâu người cháu luôn nhớ về bà, nhớ về nguồn cội từ những điều bình dị nhỏ bé nhất - bếp lửa.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Cho đoạn thơ:

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi

Đờ đần bà dựng lại túp lều tranh

Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh

“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố

Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Câu 1: Đoạn thơ trên nhắc tới mấy hình ảnh ngọn lửa? Sự khác nhau giữa những ngọn lửa đó là gì?

Câu 2: Hình ảnh người bà hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào?

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

Câu 3: Tại sao trong đoạn thơ, tác giả dùng hình ảnh “ngọn lửa” mà không phải “bếp lửa”? Hình ảnh “ngọn lửa” ở đây có ý nghĩa gì?

Câu 4: Theo em, trong bài thơ ngoài tình cảm bà cháu còn tình cảm nào khác?

Câu 5: Cho câu thơ “Bà là người nhóm lửa, giữ lửa và truyền lửa”. Coi câu văn trên là câu mở đoạn, em hãy viết tiếp 12 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phương thức tổng - phân - hợp nêu cảm nhận về người bà trong bài thơ. Đoạn văn có sử dụng thành phần cảm thán và câu đơn mở rộng thành phần.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Trong đoạn thơ trên có nhắc tới hai hình ảnh ngọn lửa:

- Ngọn lửa từ bếp lửa của bà ân cần, ấm cúng, nhẫn nại, ngọn lửa tượng trưng cho những phẩm chất đáng quý của bà.

+ Những năm tháng kháng chiến khó khăn, ác liệt nhưng bà vẫn “vững lòng” là chỗ dựa cho con cháu.

+ Bà kiên cường trước mọi thử thách, tai họa khốc liệt của chiến tranh để trở thành hậu phương vững chắc cho con cái đi công tác.

+ Lời dạy của người bà đối với đứa cháu giúp ta hình dung ra được tình cảm, suy nghĩ cũng như làm sáng lên những phẩm chất của người mẹ Việt Nam anh hùng.

- Ngọn lửa của kẻ thù thiêu rụi sự sống, tàn phá cuộc sống thanh bình “năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”.

→ Ngọn lửa của bọn giặc hủy diệt sức sống thì niềm tin và tình yêu thương của người bà được nhen nhóm mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Câu 2: Những phẩm chất đáng quý của bà tỏa sáng cả bài thơ, trong ba câu thơ trên:

Bà kiên trì, kiên nhẫn nhen nhóm, xây dựng lại những thứ mất mát trong chiến tranh.

- Trong lòng bà vẫn luôn chứa ngọn lửa của niềm tin, hy vọng và tình yêu thương. Ngọn lửa của tình yêu thương, đức tính can trường, vững vàng là ngọn lửa không thể dập tắt.

Câu 3: Tác giả sử dụng từ “ngọn lửa” chỉ tấm lòng, niềm tin chất chứa bên trong của con người.

Cả câu thơ cho thấy tấm lòng của bà ấm áp, yêu thương, ngọn lửa bất tận của tình yêu thương không gì dập tắt được.

+ Từ ngọn lửa mang tính biểu tượng.

Câu 4:

Qua dòng hồi tưởng, suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ "Bếp lửa" gợi lại những kỉ niệm xúc động về tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

Câu 5:

* Đoạn văn tham khảo:

Bà là người nhóm lửa, giữ lửa và truyền lửa.

(2) Bà vẫn tiếp tục nhóm lên ngọn lửa của yêu thương, của sẻ chia ấm áp, của bầu trời tuổi thơ đẹp đẽ trong cháu.

(3) Bếp lửa nhóm lên hay tay bà gây dựng?

(4) Tất cả đều là nhuwngxmieenf kì lạ và thiêng liêng, không ai gọi tên bao giờ.

(5) Nhà thơ chỉ có thể thốt lên một tiếng “Ôi!” đầy cảm động.

(6) Ngọn lửa bà trao cho cháu được cháu giữ vẹn nguyên để trở thành ngọn lửa trường tồn, bất diệt.

Nội dung tư tưởng của “Bếp lửa” được thể hiện sâu sắc hơn nhờ những hình ảnh thơ sinh động, giàu sức liên tưởng: „bếp lửa chờn vờn sương sớm”, “bếp lửa ấp iu nồng đượm”,... cùng với đó là điệp từ *nhóm* đặc biệt được sử dụng ở cuối bài thơ, Song quan trọng hơn tất cả là niềm cảm xúc chân thành và lòng yêu mến vô bờ của nhà thơ đối với người bà kính yêu của mình.

Đọc và cảm nhận tình yêu thương chan chứa trong bài thơ *Bếp lửa*, người đọc thấy yêu hơn, trân trọng hơn những ngọn lửa tỏa trong căn nhà mình cùng những người thân yêu ta có được trên đời.

BÀI 5: KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ

Nguyễn Khoa Điềm

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

<i>Tác giả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Khoa Điềm (1943), quê ông ở Thừa Thiên Huế trong gia đình trí thức cách mạng. - Nguyễn Khoa Điềm là gương mặt tiêu biểu trong thế hệ các nhà thơ chống Mỹ. - Thơ Nguyễn Khoa Điềm không cầu kì về hình thức, câu chữ tự nhiên, đời thường, lời thơ nhẹ nhàng, tha thiết nhưng cũng đậm chất suy tư, dồn nén cảm xúc, thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia vào cuộc chiến đấu của nhân dân.
----------------	--

	- Tác phẩm tiêu biểu: “Đất ngoại ô” (thơ, 1973), “Cửa thép” (kí,1972), “Mặt đường khát vọng”(trường ca, 1974)...
Hoàn cảnh sáng tác	- Bài thơ được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác năm 1971 – những năm tháng quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Giai đoạn này, cuộc sống của bộ đội và nhân dân ta trên các chiến khu rất gian nan, thiếu thốn. Ở những chiến khu miền rừng núi, cán bộ và nhân dân ta vừa bám rẫy, bám rừng vừa gia tăng sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ căn cứ. - In trong tập “Đất và khát vọng” (1984).
Thể loại	Thơ tám chữ
Mạch cảm xúc và bố cục	* 3 đoạn tương đương với ba khúc hát ru, mỗi đoạn có hai khổ thơ: - Khúc thứ nhất: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương bộ đội. - Khúc thứ hai: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương dân làng. - Khúc thứ ba: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương đất nước.
Ý nghĩa nhan đề	- Nhan đề bài thơ có tính khái quát: Em Cu Tai là một hình ảnh cụ thể, nhưng còn có bao nhiêu em bé đã lớn lên trên lưng của những bà mẹ người dân tộc Tà-ôi. Cũng có bao nhiêu bà mẹ ngoài đời nhưng nhà thơ lại chỉ viết về một bà mẹ mà thôi. - Nhan đề bài thơ cũng là một ý thơ: Bài thơ ca ngợi người mẹ miền núi, cũng là người mẹ Việt Nam, kết hợp lòng thương con, yêu con với yêu bộ đội, yêu thương dân làng, yêu nước. Hình ảnh người mẹ là hình ảnh tượng trưng đã nuôi lớn những người con của mình để hiến dâng cho cuộc kháng chiến giành độc lập tự do của Tổ quốc.
PT biểu đạt	Biểu cảm+ Tự sự+ Miêu tả
Chủ đề	Bài thơ ca ngợi tấm lòng đôn hậu, dạt dào tình thương con của bà mẹ Tà ôi ; tình thương con gắn liền với tình yêu nước, yêu bộ đội Cụ Hồ, yêu bà con làng bản quê hương.
Giá trị nội dung	- Bài thơ là khúc hát ru, cũng là lời tâm tình tha thiết của người mẹ Tà – ôi đối với đứa con yêu đang từng ngày lớn lên trên lưng mẹ. Bài thơ bộc lộ tình yêu thương đậm thấm của người mẹ đối với con, tình cảm gắn bó với quê hương, với cuộc sống lao động và chiến đấu nơi núi rừng chiến khu, dù còn gian nan vất vả; đồng thời gửi gắm ước vọng con mau lớn khôn, khỏe mạnh, trở thành công dân của một đất nước tự do.
Giá trị nghệ thuật	Bài thơ như những điệp khúc của lời ru vừa ngọt ngào, trêu mến vừa tha thiết, mãnh liệt, với mỗi khúc ru lại mở ra một trường cảm xúc mới. Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp, giàu sức biểu đạt và biểu cảm như: “Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng”; “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng”...

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

* **Khái quát:** Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác ở chiến khu phía Tây Thừa Thiên vào ngày 25/3/1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang dần đi đến thắng lợi, tuy nhiên đời sống chiến đấu của quân dân ta còn nhiều khó khăn gian khổ. Bài thơ được in trong tập Đất và khát

vọng (1984), là sự kết hợp giữa thể thơ tám chữ và một số câu 7 chữ, âm điệu của bài thơ nhẹ nhàng, như ôm ấp, vỗ về của một lời ru, chính giọng điệu trữ tình này đã thể hiện được tình cảm thiết tha triu mến của người mẹ đối với con, đối với cách mạng, với đất nước, quê hương.

* Bài thơ có hai lời ru đan xen nhau được chia tách ra thành 3 đoạn với những điệp khúc và nhịp điệu lấy đi lấy lại tạo nên âm hưởng diu dặt, tha thiết, triu mến. Cả hai lời ru đều hướng tới một đối tượng trữ tình: em cu Tai.

Thứ nhất là lời ru của nhà thơ mở đầu bằng điệp khúc :

“Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi – Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ”.

Thứ hai là lời ru của người mẹ với điệp khúc:

“Ngủ ngoan a – kay ơi, ngủ ngoan a kay hời”

Mỗi đoạn thơ trong bài thơ là một khúc hát ru và cả bài thơ là ba khúc hát ru tất cả đều hay, đều đầm thắm, ngọt ngào trong tình yêu và khát vọng của người mẹ Tà ôi.

1. Phân tích tình cảm của người mẹ Tà Ôi trong khúc hát ru thứ nhất

Người mẹ Tà Ôi hiện lên là một người mẹ giàu tình thương con và giàu lòng yêu nước

- Qua lời ru của tác giả, ta thấy người mẹ ấy luôn địu con trên lưng trong lúc làm việc, dù cho công việc có nặng nhọc, dù mẹ có vất vả thì em Cu Tai vẫn luôn bên mẹ:

*“Mẹ già gạo, mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi”*

Nghệ thuật	Nội dung
Hình ảnh sóng đôi "nhịp chày nghiêng" và "giấc ngủ em nghiêng"	Đã vẽ lên hình ảnh người mẹ đang già gạo chày tay trong khi địu con nhỏ đang ngủ trên lưng, nhịp chày nghiêng, kéo theo giấc ngủ con nghiêng. Người mẹ ấy vẫn để Cu Tai có giấc ngủ trọn vẹn trên lưng mẹ. Tưởng như trong từng động tác của nhịp chày già gạo cũng đã ngân lên nhịp điệu ru ngọt ngào và nhịp đưa em đều đặn an bình như trên một cánh võng êm.
Bằng ngòi bút tả thực, tác giả miêu tả "Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi"	Tô đậm nỗi vất vả nhọc nhằn của mẹ.
Hình ảnh "Vai mẹ gầy"	Gọi vóc dáng nhọc nhằn, lam lũ của mẹ. Nhưng cũng chính đôi vai gầy ấy lại hóa thành chiếc gối êm đưa con vào giấc ngủ.
Câu thơ “ lưng đưa nôi...”	đã diễn tả sâu sắc và cảm động tình mẹ yêu con. Người mẹ Tà ôi lấy thân mình làm nôi, vai gầy làm gối và ru con không chỉ bằng lời ru thông thường mà ru con bằng lời ru từ trái tim, từ tình yêu con tha thiết sâu thẳm trong lòng mẹ.
=> Người mẹ ấy hy sinh nhiều vô kể, mang nặng đẻ đau, đôi tay tảo tần già gạo, đôi vai làm chiếc gối, tấm lưng làm chiếc nôi và hát ru con ngủ bằng cả trái tim yêu thương tràn đầy.	

- Trong lời ru của mẹ, mẹ đã gửi gắm, mong muốn bao điều tốt đẹp cho con:

“Mẹ thương A -Kay, mẹ thương bộ đội”

Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vùng chày lún sân”

Nghệ thuật	Nội dung
Điệp ngữ “mẹ thương” xuất hiện trong câu thơ ngắt hai vế đều đặn	đã cho thấy người mẹ thương con như thương bộ đội, lòng yêu con gắn liền với tình yêu người kháng chiến.
Hình ảnh “ hạt gạo trắng ngần”	Cho thấy người mẹ Tà Ôi mong có gạo để nuôi bộ đội, mẹ còn mơ một cuộc sống no đủ, êm đềm đến với con.
Hình ảnh “ vùng chày...”	Còn cho thấy mẹ ước mong con trưởng thành, khỏe mạnh, lao động giỏi.
-> Những mong ước ấy thật chân thật và cao quý vì đó là điều mong mỏi của người mẹ lao động nghèo dành cho con và cho kháng chiến.	

2. Phân tích khúc hát ru thứ 2.

Hình ảnh người mẹ Tà Ôi với công việc lao động sản xuất trên chiến khu.
“Mẹ đang tĩa bắp trên núi Ka -lưi”
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ”

Nghệ thuật	Nội dung
Thủ pháp tương phản « lưng...»	làm nổi bật sự lớn lao mệnh mang của núi rừng, đồng thời làm nổi bật được hình ảnh vất vả tảo tần của người mẹ. Tấm lưng mẹ tuy nhỏ nhắn nhưng bền bỉ thậm chí còn kiêu hãnh hơn lưng núi, bởi trên lưng mẹ có "mặt trời" là người con yêu thương
hình ảnh ẩn dụ « mặt trời »	gợi lên thật sâu sắc, cảm động tình mẹ yêu con - « Mặt trời của bắp » là mặt trời thực của thiên nhiên, vũ trụ. - « Mặt trời của mẹ » là hình ảnh ẩn dụ về con. Con là nguồn sống, là năng lượng tiếp sức cho mẹ trong công việc lao động vất vả, cũng giống như ánh mặt trời là nguồn sống, chiếu sáng cho cây bắp được sinh tồn và phát triển.

Lời ru của mẹ :

“ Mẹ thương A-kay, mẹ thương làng đói
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười ka-lưi”.

Từ tình thương con, mẹ mở rộng sang tình thương bộ đội và sang cả buôn làng.

Nghệ thuật	Nội dung
“ Hạt bắp lên đều”	ẩn dụ cho cuộc sống no đủ mà mẹ mong ước
Câu thơ « Mai sau con lớn phát mười ka-lưi”.	Gợi về một ngày mai rất gần, con sẽ trưởng thành, khỏe mạnh, phi thường, đem sự no ấm cho buôn làng

=> Tình thương gắn liền với những điều ước đó đã cho ta thấy một người mẹ giàu tình thương người và luôn biết sống vì người khác.

3. Phân tích khúc hát ru thứ 3.

- Đặc biệt hơn, hình ảnh người mẹ Tà Ôi trong đoạn thơ này có một sự thay đổi, không chỉ yêu thương con mà còn hành động vì tình yêu một cách dứt khoát mạnh mẽ:

“Mẹ đi chuyển lán mẹ đi đập rừng.
Mẹ đi em đi để giành trận cuối
Từ trên lưng mẹ em tới chiến trường”

Nghệ thuật	Nội dung
Hai động từ “đi” kết hợp hình ảnh liệt kê “chuyển lán, đập rừng”	Gợi hình ảnh người mẹ đang bảo vệ căn cứ, di chuyển lực lượng để kháng chiến lâu dài với tinh thần quyết tâm cao
Phép liệt kê “anh trai cầm súng, chị gái cầm chông” và em Cu -Tai cũng theo mẹ « giành trận cuối”	Gợi một gia đình, một dân tộc cùng đứng lên chống lại kẻ thù chung, cho thấy sự lướn mạnh của quân đội ta
Cấu trúc « từ...đến »	Gợi sự trưởng thành của em Cu tai từ trên lưng mẹ đã khôn lớn
=> Từ tình thương con, thương bộ đội đến tình thương làng, thương đất nước, ta thấy tình thương của mẹ ngày càng rộng mở, người mẹ thật giàu đức hi sinh.	

- Đó là cơ sở cho những ước mơ thật đẹp:

“Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ.

Mai sau con lớn làm người Tự do”

- Trong tình cảm của người Tà -ôì cũng như của những người con Miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ thì Bác Hồ - người cha của dân tộc luôn là nguồn động viên, là biểu tượng của chiến thắng, là hình ảnh của đất nước tự do.

- Bởi vậy mong được gặp Bác là cảm xúc thường trực, dù cho lúc này Bác đã mất, bởi lẽ chỉ có thống nhất mẹ mới được ra với Bác. Giấc mơ đẹp gắn liền với ước mơ giành trọn vẹn non sông, thoả lòng Bác mong.

- Lời ru kết lại cùng hình ảnh em Cu -Tai của tương lai là “người Tự do” của một đất nước hoà bình. Đó cũng là mong ước chung của nhân dân, của những người Việt Nam yêu nước.

=>Người mẹ Tà Ôi quả là một người mẹ yêu nước nồng nàn và luôn tha thiết với độc lập tự do của Tổ Quốc.

3. Kết luận:

- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm đã tạo ra được những cảm xúc đồng điệu với bao người con miền Nam anh dũng thời chống Mĩ, nói lên trọn vẹn vẻ đẹp và tâm tư của người dân tộc miền Tây Thừa Thiên trung dũng kiên cường, thủy chung với cách mạng. Cảm xúc bình dị trong sáng với hình tượng người mẹ đã làm nên sức hấp dẫn riêng của tác phẩm. Từ ngôn ngữ đến hình ảnh thơ đều đậm chất dân tộc, đem đến cho người đọc những cảm nhận đặc biệt thương mến cùng hoà theo lời ru cho giấc ngủ thanh bình của em bé Tà ô

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc kỹ đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:

"...Em ngủ ngoan đừng làm mẹ mỏi

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng..."

Câu 1: Đoạn thơ trên nằm trong văn bản nào? Do ai sáng tác?

Câu 2: Nêu biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn thơ trên? Cho biết tác dụng của phép tu từ đó?

Câu 3: Theo em ý nghĩa của văn bản trên là gì?

Câu 4: Em hiểu thế nào về những ước mong, ý chí của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được thể hiện trong văn bản đó.

Câu 5: Cùng đề tài trên, nhà thơ Chế Lan Viên viết:

"...Lên rừng xuống bể

Cò sẽ tìm con,

Cò mãi yêu con.

Con dù lớn vẫn là con của mẹ,

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con..."

(*Con cò*- Chế Lan Viên- Ngữ văn 9)

Hãy viết một đoạn văn bản nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về tình mẹ.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong văn bản "*Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ*" của Nguyễn Khoa Điềm

Câu 2: Biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn thơ trên: Ẩn dụ

Từ "**Mặt trời**" trong câu thơ thứ hai chỉ *em bé nằm trên lưng mẹ*

Tác dụng: làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi cảm. Thể hiện sự gắn bó của đứa con với người mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng, niềm tin của mẹ vào ngày mai.

Câu 3: Ý nghĩa văn bản: Ca ngợi tình cảm thiết tha cao đẹp của bà mẹ Tà-ôi dành cho con, cho quê hương cho đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Câu 4: HS bộc lộ suy nghĩ đúng đắn, hợp lý với yêu cầu đề bài

Câu 5:

a. Yêu cầu về kỹ năng

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng và phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận...)

- Diễn đạt ý mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể thuyết phục. không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng.

- Dựng đoạn có sự liên kết tốt.

- Bài làm viết một đoạn văn:

b. Yêu cầu về kiến thức

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận
- Giải thích ngắn
- Nêu biểu hiện (dẫn chứng)
- Tại sao? Giá trị
- Phê phán những biểu hiện lệch lạc, sai trái
- Bài học nhận thức, liên hệ bản thân

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho câu thơ sau:

“Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội

Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng”

(“Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ”- Nguyễn Khoa Điềm - Ngữ văn 9)

Câu 1: Phân biệt nghĩa của từ “*nghiêng*” trong câu thơ trên? Cho biết đó là hiện tượng gì trong tiếng Việt?

Câu 2: Trong bài thơ “ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ“, tại sao chỉ có một em cu Tai mà tác giả lại viết là “những em bé lớn trên lưng mẹ”? Nhan đề bài thơ có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Viết đoạn văn khoảng 8- 10 câu theo cách diễn dịch cảm nhận về cái hay của hai câu thơ trên, trong đoạn văn sử dụng ít nhất một câu ghép và thành phần biệt lập tình thái.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Phân biệt nghĩa của từ “*nghiêng*” trong câu thơ trên? Cho biết đó là hiện tượng gì trong tiếng Việt?

- Từ “*nghiêng*” trong “*giấc ngủ em nghiêng*” được sử dụng với nghĩa chuyển miêu tả trạng thái của giấc ngủ, đứa trẻ trên lưng mẹ ngủ không yên giấc, nghiêng theo nhịp chày giã gạo, nổi vất vả của người mẹ lan truyền sang đứa con, em cu Tai chia sẻ gian truân cùng với mẹ.

- Đây là hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong tiếng Việt.

Câu 2: Trong bài thơ “ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ“, tại sao chỉ có một em cu Tai mà tác giả lại viết là “những em bé lớn trên lưng mẹ”? Nhan đề bài thơ có ý nghĩa như thế nào?

- Chỉ có một em cu Tai, nhưng tác giả lại viết là *những em bé*. Đây là cách khái quát ở trong thơ. Em cu Tai là một hình ảnh cụ thể, nhưng có bao nhiêu em bé ở rừng đã lớn trên lưng của các bà mẹ người dân tộc Tà- ôi. Cũng có bao nhiêu bà mẹ ngoài đời, nhưng nhà thơ lại chỉ viết một từ *mẹ* mà thôi. Một em bé để nói rất nhiều em bé. Một bà mẹ , nhưng là để nói về nhiều người mẹ.

- Nhan đề bài thơ là một ý thơ. Bài thơ ca ngợi người mẹ miền núi, cũng là người mẹ Việt Nam, kết hợp lòng thương con, yêu con với yêu thương bộ đội, yêu thương dân làng, yêu nước. Hình ảnh người mẹ là hình ảnh tượng trưng đã nuôi lớn những người con của mình để hiến dâng cho cuộc kháng chiến giành độc lập, tự do của Tổ quốc.

Câu 3:

*** Đoạn văn tham khảo:**

(1) Hai câu thơ:

“*Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội*

Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng”

miêu tả người mẹ trong công việc già gạo nuôi quân.

(2) Nếu câu thơ trên tả thực thì câu thơ dưới thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng giữa mẹ và con.

(3) Tác giả vừa miêu tả công việc già gạo nặng nhọc của người mẹ, vừa miêu tả giấc ngủ chập chờn, giấc ngủ nghiêng của cụ Tai trên lưng mẹ.

(4) Dường như chú bé cũng thấy được nỗi vất vả và ý nghĩa đẹp đẽ trong việc làm của mẹ nên hơi thở em hoà cùng hơi thở mẹ và em ngủ ngoan cho mẹ yên lòng.

(5) Từ “nghiêng” trong “giấc ngủ em nghiêng” được sử dụng với nghĩa chuyển miêu tả trạng thái của giấc ngủ, đứa trẻ trên lưng mẹ ngủ không yên giấc, nghiêng theo nhịp chày già gạo, nỗi vất vả của người mẹ lan truyền sang đứa con, em cụ Tai chia sẻ gian truân cùng với mẹ.

(6) Nếu ai đã từng chứng kiến cảnh già gạo bằng chày trong cối gỗ của đồng bào miền núi thì mới thấy hết sự vất vả khi biến hạt thóc thành hạt gạo trắng ngần.

(7) Nhà thơ đã chọn lựa những động tác tiêu biểu để miêu tả công việc già gạo nặng nhọc và thể hiện tình mẹ con chân chất, sâu nặng của người mẹ miền núi.

(8) Cảnh tượng mộc mạc ấy đã làm xúc động lòng người.

- **Câu ghép:** (2), (4), (5)

- **Thành phần tình thái:** Dường như

BÀI 6 : ÁNH TRĂNG

Nguyễn Duy

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Nguyễn Duy, tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ (1948) quê ở Thanh Hoá.</p> <p>- Ông thuộc thế hệ nhà thơ quân đội trưởng thành trước cuộc chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>+ Trước đổi mới : Nguyễn Duy tập trung viết về đề tài chiến tranh và quê hương với khuynh hướng sử thi , phản ánh những vẻ đẹp đơn sơ, bình dị ; những mất mát, hi sinh và cuộc sống lam lũ của người nông dân.</p> <p>+ Sau đổi mới : Nguyễn Duy mạnh mẽ, táo bạo, dám phơi bày những bất cập của</p>
----------------	---

	<p>xã hội đương thời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau chiến tranh, Nguyễn Duy vẫn say sưa và tiếp tục con đường thơ của mình. Thơ ông ngày càng đậm đà, ổn định một phong cách, một giọng điệu “quen thuộc mà không nhàm chán”. - Phong cách sáng tác : Thơ Nguyễn Duy có giàu chất triết lý, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở, day dứt, suy tư. Có sự thống nhất của nhiều yếu tố đối lập : mộc mạc, dân dã mà tinh tế, sâu sắc ; ngang tàng, táo tợn mà thiết tha, sâu lắng ; tự nhiên ngẫu hứng mà trau chuốt, công phu. - Các tác phẩm chính: Cát trắng (thơ 1973), ánh trăng (1978), Mẹ và em (thơ 1987) ... - Tác giả đã được nhận các giải thưởng: Giải nhất thơ tuần báo “Văn nghệ (1973); Giải A về thơ của hội nhà văn Việt Nam (1985).
Hoàn cảnh sáng tác	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh. (Ba năm sau ngày kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước). - Bài thơ được in trong tập thơ cùng tên và được giải A của Hội nhà văn Việt Nam năm 1984.
Thể loại	- Thể thơ 5 chữ với những chữ cái đầu khổ được viết hoa. Toàn bài chỉ có một dấu phẩy và dấu chấm cuối bài. Nó khiến cho cảm xúc liền mạch, sâu lắng,
Mạch cảm xúc và bố cục	<p>* Mạch vận động cảm xúc: Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng được bộc lộ theo mạch tự sự. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “giật mình” cuối bài thơ.</p> <p>* Bố cục: Bài thơ chia làm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 khổ thơ đầu: ký ức về vàng trắng trong quá khứ của tác giả và trong hiện tại. - Khổ 4 tình huống bất ngờ khiến hồi ức lùa về. - 2 khổ cuối: sự hối hận của tác giả vì đã lãng quên vàng trắng.
Ý nghĩa nhan đề	<ul style="list-style-type: none"> - Nhan đề : “Ánh trăng” trước hết là một phần của thiên nhiên với tất cả những gì gần gũi, thân thuộc. - “Ánh trăng” là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung gắn với lịch sử hào hùng của dân tộc. - Gọi cho ta liên tưởng đến những con người giản dị mà thủy chung, nghĩa tình : nhân dân, đồng đội.
PT biểu đạt	- Bài thơ là sự kết hợp hài hòa hai phương thức tự sự và trữ tình.
Chủ đề	Bài thơ ca ngợi vàng trắng tri kỷ của tuổi thơ, của người lính một thời trận mạc, đồng thời gợi nhắc mọi người biết sống ân nghĩa thủy chung, giữ tròn đạo lý tốt đẹp
Giá trị nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ là lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, bình dị, hiền hậu. - Từ đó, gợi nhắc người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

Giá trị nghệ thuật	<p>- Giọng điệu tâm tình, tự nhiên kết hợp giữa yếu tố trữ tình và tự sự.</p> <p>- Hình ảnh giàu tính biểu cảm: trăng giàu ý nghĩa biểu tượng.</p>
---------------------------	--

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

* **Khái quát:** Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh, ba năm sau ngày đất nước giải phóng. Bài thơ in trong tập thơ cùng tên và được tặng giải A của hội nhà văn Việt Nam năm 1984.

1. Vầng trăng trong quá khứ (hai khổ đầu):

Trong 2 khổ thơ đầu, tác giả gợi lại những kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng trong quá khứ:

“Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ
Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa”

Nghệ thuật	Nội dung
Với giọng điệu tâm tình, thủ thi	Tác giả đưa ta về với quá khứ êm đềm.
Cách gieo vần lưng “đồng”, “sông” và điệp ngữ “ với” lặp lại 3 lần	<p>Đã nhấn mạnh sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên, diễn tả niềm hạnh phúc của tuổi thơ được đi nhiều, tiếp xúc nhiều và ngắm những cảnh đẹp thiên nhiên của tác giả.</p> <p>-> Vầng trăng đã trở thành tri kỉ, thành người bạn tâm tình, gần gũi gắn bó với tuổi thơ tươi đẹp, trong sáng. Cứ như thế, trăng theo nhịp bước người chiến sĩ lữ hành dân theo năm tháng, đến cả những nơi gian khổ, hiểm nguy nhất, là trong chiến tranh.</p>
Nghệ thuật nhân hóa “ vầng trăng thành tri kỉ”	Cho thấy trăng luôn gắn bó, trở thành người bạn thân thiết, luôn đồng cam cộng khổ với người lính.
Vần lưng một lần nữa lại xuất hiện: “hồn nhiên”, “thiên nhiên”	làm cho âm điệu câu thơ thêm liền mạch, dường như nguồn cảm xúc của tác giả vẫn đang tràn đầy.
Từ láy “ trần trụi”, hình ảnh so sánh ẩn dụ “ hồn nhiên như cây cỏ”	Gợi vẻ đẹp bình dị, đơn sơ, mộc mạc, trong sáng của vầng trăng. Đó cũng là cốt cách, vẻ đẹp hồn nhiên, vô tư, mộc mạc trong tâm hồn người lính trong những năm tháng ở rừng.
Nghệ thuật nhân hóa “ vầng trăng tình nghĩa”	Vầng trăng mang vẻ đẹp nguyên thủy như vẻ đẹp của thiên nhiên, khiến cho nhân vật trữ tình cảm nhận dường như sẽ không bao giờ có thể quên cái vầng trăng tri kỉ-tình nghĩa ấy. Nhấn mạnh thêm bản chất thủy chung, mộc mạc của vầng trăng. Chính vì thế, nhân vật trữ tình tâm niệm “không bao giờ quên”
Từ “ ngỡ”	Như báo hiệu những chuyển biến trong câu chuyện cũng như trong tình cảm của con người.
=> Trong quá khứ, dấu hoàn cảnh đầy gian khổ, trăng luôn đồng hành cùng con người trên mỗi bước đường, trở thành người bạn tri âm tri kỉ chia sẻ niềm vui nỗi buồn. Trăng là biểu tượng của quá khứ tình	

nghĩa, thủy chung.

2. Vàng trắng trong hiện tại (hai khổ tiếp):

Qua thời gian, sự biến đổi của của hoàn cảnh đã làm mọi thứ trở nên thay đổi.

“Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dung qua đường”

Nghệ thuật	Nội dung
Nghệ thuật đối sử dụng giữa 2 đoạn thơ	Đã cho thấy sự đối lập về hoàn cảnh sống giữa hiện tại và quá khứ.
“ quen ánh điện cửa gương” là cách nói hoán dụ	Để tô đậm cuộc sống đầy đủ, tện nghi, khép kín trong căn nhà hiện đại, xa rời thiên nhiên.
Hình ảnh so sánh, nhân hóa “ vàng trắng... qua đường”	Diễn tả sự thay đổi trong tình cảm của con người: vàng trắng vẫn như xưa, vẫn hàng ngày qua ngõ như đôi theo cuộc sống của con người nhưng người thì thờ ơ không nhận ra.
=> Câu thơ cho thấy một ý nghĩa khái quát: khi hoàn cảnh sống thay đổi thì con người có thể dễ dàng quên đi quá khứ, quên đi những gian khổ nhọc nhằn của một thời đã qua. Song, cái sự “ quên” ấy cũng là lẽ thường tình bởi những lo toan thường nhật từ cuộc sống.	

- Tác giả đặt con người vào một tình huống bất ngờ:

“Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn -đỉnh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn”

Nghệ thuật	Nội dung
Cách đảo trật tự cú pháp ở câu thơ đầu, kết hợp từ láy “ thình lình”	đã diễn tả tình huống mất điện đột ngột vào ban đêm.
Ba động từ “vội, bật, tung” đặt liên nhau	đã diễn tả sự khó chịu, bức bối và hành động khẩn trương đi tìm nguồn sáng của con người trong giây phút mất điện hiếm hoi giữa lòng thành phố.
Từ láy “đột ngột” được lựa chọn rất đắt:	nhằm diễn tả một tình huống hết sức bất ngờ.
Hình ảnh “ vàng trắng tròn” xuất hiện chiếu rọi vào căn phòng tối om	Đã tạo nên một sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối. Chính khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc và sự bừng tỉnh trong nhận thức của nhân vật trữ tình.
=> Đây là khổ thơ quan trọng của bài thơ, giống như một nút thắt, có ý nghĩa bước ngoặt trong mạch cảm xúc, góp phần bộc lộ tư tưởng và mở ra những suy ngẫm của nhà thơ.	

Luận điểm 3: Cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình (hai khổ tiếp):

- Từ tình huống bất ngờ, đã mở ra những dòng cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình:

“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng”

Nghệ thuật	Nội dung
Điệp ngữ “mặt” xuất hiện hai lần trong một câu thơ	nhấn mạnh sự giao cảm giữa trăng và người trong một tư thế tập trung, chú ý. -> Một cái nhìn trực diện và cảm xúc thiết tha dâng trào trong lòng nhà thơ, đó là cảm xúc về những kỉ niệm ấu thơ, những gì thân thiết, gần gũi êm đềm trong sáng mà bấy lâu dường như bị lu mờ, phai nhạt dưới ánh điện cửa gương.
Từ “ mặt” thứ 2 là từ nhiều nghĩa, mang lại sự hàm súc cho ý thơ:	+ Đó là khuôn mặt tri kỉ mà nhân vật trữ tình lãng quên. + Mặt đối mặt còn là hiện tại đối diện với quá khứ, sự vô tình đối diện với sự thủy chung.
Cuộc đối thoại không lời trong khoảnh khắc đã khiến cho cảm xúc dâng trào. Từ láy “rưng rưng”:	là cảm xúc nghẹn ngào, bồi hồi, xúc động như trực trào nước mắt của nhân vật trữ tình
Cấu trúc song hành : “như là...là” kết hợp với bptt so sánh, điệp ngữ “như là”, “ là”, liệt kê: đồng, bể, sông, rừng	đã diễn tả dòng kí ức của một thời gắn bó, chan hòa với thiên nhiên bỗng như ủa về

- Khổ thơ cuối thể hiện những suy ngẫm và triết lí sâu sắc của nhà thơ:

“Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình”

Nghệ thuật	Nội dung
Hình ảnh vầng trăng “tròn vành vạnh”	biểu tượng cho quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên, viên mãn, tròn đầy không bị phai nhạt.
Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc”	là sự im lặng nghiêm khắc nhưng cũng đầy bao dung, độ lượng. Sự im lặng ấy khiến cho nhân vật trữ tình “ giật mình” thức tỉnh.
Từ “ giật mình” là một sự sáng tạo độc đáo Nguyễn Duy.	+ Cái giật mình là cảm giác và phản xạ tâm lí của một con người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình của bản thân và sự nông nổi trong cách sống của mình

	<p>+ Cái giạt mình của sự ăn năn, để tự thấy cần phải thay đổi</p> <p>+ Nhắc nhở bản thân phải trân trọng những gì đã qua</p>
<p>=> Khổ thơ dồn nén bao tâm sự, suy ngẫm, triết lí sâu sắc. Qua đó, nhà thơ muốn gửi gắm đến mọi người về lẽ sống, về đạo lí “ uống...”, ân nghĩa, thủy chung.</p>	

*** Đánh giá:**

Thể thơ 5 chữ, giọng điệu thơ tâm tình, tự nhiên kết hợp tự sự với trữ tình; nhịp thơ khi chảy trôi tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì ngân nga thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư, “ Ánh trăng” như là một lời tâm sự của tác giả về những năm tháng gian khổ đã đi qua với những tình cảm bình dị, hiền hậu.

Đồng thời bài thơ còn gửi gắm đến chúng ta một thái độ sống tích cực: “ Uống...”

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Trăng là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tác nghệ thuật. Mở đầu một khổ thơ trong một tác phẩm của mình, một nhà thơ viết:

“Trăng cứ tròn vành vạnh”

Câu 1: Em hãy chép những câu thơ tiếp theo để hoàn thành khổ thơ.

Câu 2: Hãy cho biết tên bài thơ và tác giả của những câu thơ em vừa chép?

Câu 3: Nêu vài nét về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm trên. Hoàn cảnh sáng tác ấy có mối liên hệ như thế nào với chủ đề của bài thơ.

Câu 4: Hình ảnh bao trùm trong bài thơ (có khổ thơ em vừa chép) là hình ảnh nào? Hãy nêu những tầng ý nghĩa của hình ảnh đó?

Câu 5: Hãy viết một đoạn văn trình bày theo cách Tổng hợp – phân tích- tổng hợp có độ dài khoảng 10-12 câu, trong đó có sử dụng một câu cảm thán phân tích khổ thơ em vừa chép để làm rõ nội dung : *Khổ thơ thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm* (Gạch chân dưới câu cảm thán đó).

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Chép chính xác khổ thơ cuối trong bài thơ ánh trăng:

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giạt mình.

Câu 2: Bài thơ Ánh trăng- Nguyễn Duy

Câu 3.

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mỗi liên hệ với chủ đề: Là 3 năm sau ngày giải phóng miền Nam, kết thúc chiến tranh giải phóng đất nước. Những người chiến sĩ trở về với đồng bằng, miền xuôi và bị cuốn đi bởi những lo toan tất bật của đời sống thường nhật → không ít người trong số họ lãng quên, bội bạc quá khứ. Tác giả viết bài thơ này như một lời nhắc nhở, tự vấn.

Câu 4: Hình ảnh bao trùm trong bài thơ là hình ảnh vầng trăng

- Vầng trăng trong bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng
- + Vầng trăng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời nhỏ rồi đến thời chiến tranh ở rừng.
- + Vầng trăng là biểu tượng của quá khứ nghĩa tình, hơn thế, trăng còn là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.
- + ở khổ thơ cuối cùng, trăng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên chẳng thể phai mờ, là người bạn, nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

Câu 5: Viết đoạn văn: Cần đảm bảo các yêu cầu sau :

- Về hình thức:
 - + Trình bày đúng cách viết đoạn văn
 - + Đoạn văn được viết theo cách tổng hợp- phân tích – tổng hợp
 - + Sử dụng câu cảm thán và gạch chân dưới câu cảm thán
- Về nội dung: Đảm bảo các ý cơ bản sau :
 - + Trăng đã trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng không thay đổi. “Trăng tròn vành vạnh” biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ, dù cho con người đổi thay “ vô tình”
 - + Ánh trăng còn được nhân hoá “ im phăng phắc” gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thủy chung nghĩa tình.
 - + Sự im lặng ấy làm nhà thơ “ giật mình” thức tỉnh, cái “ giật mình của lương tâm nhà thơ thật đáng trân trọng , nó thể hiện sự suy nghĩ trăn trở tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn.
 - + Dòng thơ cuối dồn nén biết bao niềm tâm sự, lời sám hối ăn năn dù không cất lên nhưng chính vì thế càng trở nên ám ảnh day dứt.
 - + Qua đó Nguyễn Duy muốn gửi đến mọi người lời nhắc nhở về lẽ sống, về đạo lí ân nghĩa thủy chung.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*”Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ*

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngờ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa”*

Câu 1: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu đầu đoạn thơ. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 2: Câu thơ: “*vàng trắng thành tri kỉ*” tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì ? nêu tác dụng?

Câu 3: Giải nghĩa từ “tri kỉ”. Ghi lại câu thơ có sử dụng từ “tri kỉ” trong chương trình Ngữ Văn 9. Nêu sự khác nhau giữa hai từ tri kỉ đó?

Câu 4: Trong bài thơ các hình ảnh : *đồng, sông, bể, rừng* được nhắc lại ở một khổ thơ khác. Em hãy chép lại chính xác khổ thơ đó. Theo em, các hình ảnh : *đồng, sông, bể, rừng* ở hai khổ thơ khác nhau như thế nào ?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Điệp từ “ với “ và liệt kê : *đồng, sông, bể*
- Gọi ra không gian mênh mông, êm đềm , trong sáng , đầy kỉ niệm tuổi thơ
- Trong những năm tháng ấy trăng và người là bạn, gắn bó mật thiết chia sẻ ngọt bùi.
- Giúp ta cảm nhận được niềm hạnh phúc của tuổi thơ tác giả khi gắn bó hòa hợp với thiên nhiên.

Câu 2:

- Sử dụng nghệ thuật nhân hóa qua từ “ tri kỉ”
- Tác dụng: gọi lên sự gắn bó thân thiết giữa vàng trắng và con người. Trăng trở thành người bạn của con người, chia sẻ buồn vui, tiếp thêm niềm tin sức mạnh cho người lính trong những năm tháng chiến đấu đầy gian khổ hiểm nguy ...
- Tác giả : hiểu và trân trọng tình cảm của trăng, sống thủy chung, tình nghĩa..

Câu 3:

- Tri kỉ : hiểu bạn như hiểu mình .
- Câu thơ “ *Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ* “
- Khác nhau:
- + Bài “ *Ánh trăng* “ từ “ tri kỉ “ dùng phép nhân hóa để khẳng định tình cảm cao đẹp giữa người và trăng.
- + Bài “ *Đồng chí* ” : ngợi ca tình bạn giữa những người lính chống Pháp.

Câu 4: Trong bài thơ các hình ảnh : *đồng , sông, bể , rừng* được nhắc lại ở một khổ thơ khác. Em hãy chép lại chính xác khổ thơ đó. Theo em, các hình ảnh: *đồng, sông, bể, rừng* ở hai khổ thơ khác nhau như thế nào ?

- Học sinh chép khổ thơ.
- Khác nhau: Khổ 1 hình ảnh: *đồng, sông, bể, rừng* là hình ảnh thiên nhiên, gợi không gian mênh mông rộng lớn: không gian của thiên nhiên, vũ trụ. Là hình ảnh gắn liền với thực tế trong quá khứ êm đềm của tác giả.
- Khổ 5 như là *đồng* là *bể* / như là *sông* là *rừng* là phép so sánh ,liệt kê được hiểu theo nghĩa khái quát. *Đồng , sông, bể , rừng* biểu tượng cho những kỉ niệm đẹp trong quá khứ, những kỉ niệm ấy cứ ùa về trong tâm trí của con người như một dòng chảy, gợi con người nhớ về quãng thời gian đẹp đẽ nhất của mình. Là hình ảnh chỉ xuất hiện trong tâm tưởng nhà thơ khi gặp lại trăng.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*”Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buynh-đình tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn”*

Câu hỏi

Câu 1: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : Từ hồi về thành phố /quen ánh điện cửa gương.

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : "vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường"

Câu 3: Viết về trăng, ở hai khổ thơ đầu Nguyễn Duy dùng từ “tri kỉ”, “tình nghĩa” đến khổ thơ thứ ba tác giả lại dùng từ “người dưng”. Hãy lí giải vì sao nhà thơ lại viết như thế?

Câu 4:

- Tình huống “Thình lình đèn điện tắt” có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?

- Đoạn thơ trên gợi nhắc cho em nhớ tới bài thơ nào mà ở đó, hình ảnh trăng và rừng cũng trở nên vô cùng gần gũi, thân thuộc với cuộc đời người lính? Hãy ghi rõ tên tác giả của tác phẩm ấy.

Câu 5. Có ý kiến cho rằng khổ thứ tư của bài thơ là bước ngoặt của mạch cảm xúc. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 6: Từ “thình lình” và “đột ngột” đặt ở đầu câu có tác dụng gì? Hai từ này có thể thay đổi vị trí cho nhau được không? Vì sao?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Nghệ thuật hoán dụ “ ánh điện cửa gương”

- Tác dụng:

+ Gợi cuộc sống đầy đủ tiện nghi , khép kín trong những căn phòng hiện đại , xa rời thiên nhiên.

+ Hoàn cảnh sống thay đổi , con người thay đổi thói quen , quên đi cuộc sống tràn đầy ánh trăng ,quên đi người bạn nghĩa tình năm xưa...

+ Cho thấy tác giả rất tinh tế trong việc dẫn dắt, tạo tình huống cho câu chuyện

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : "vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường"

- Nghệ thuật: nhân hóa , so sánh

- Tác dụng:

+ Vầng trăng được nhân hóa như con người, vẫn dõi theo bước đường con người vẫn tròn đầy , vẫn thủy chung tình nghĩa. Nhưng đối lập với trăng, tình cảm của con , hờ hững , lạnh nhạt , dưng dưng đến vô tình.

+ Với người lính vầng trăng trở thành người xa lạ => Tình cảm thay đổi khi hoàn cảnh sống đổi thay của con người thật đáng sợ. Con người đã trở thành kẻ bạc bẽo, vô tình. Sự vô tâm của con người đã khiến họ trở thành kẻ quay lưng với quá khứ.

=> Gợi nỗi xót xa , đau lòng...

+ Cho thấy tác giả rất tinh tế trong việc khắc họa tâm lí, tình cảm của nhân vật trữ tình.

Câu 3: Viết về trăng, ở hai khổ thơ đầu Nguyễn Duy dùng từ “tri kỉ”, “tình nghĩa” đến khổ thơ thứ ba tác giả lại dùng từ “người dưng”. Hãy lí giải vì sao nhà thơ lại viết như thế?

Tác giả viết như vậy bởi vì:

+ Trong quá khứ: người và trăng luôn đồng hành, có nhau trong mọi hoàn cảnh, con người gắn bó, gần gũi, hòa mình với trăng với thiên nhiên.

+ Còn hiện tại: con người sống tách biệt thiên nhiên, xa rời thiên nhiên, mà làm bạn với ánh điện cửa gương, quen với cuộc sống hiện đại, nên con người quên trăng.

- Cách dùng từ của tác giả đã giúp ta cảm nhận được sự thay đổi trong tình cảm của người với trăng.

Câu 4:

- Tình huống “Thình lình đèn điện tắt” có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?

- Đoạn thơ trên gợi nhắc cho em nhớ tới bài thơ nào mà ở đó, hình ảnh trăng và rừng cũng trở nên vô cùng gần gũi, thân thuộc với cuộc đời người lính? Hãy ghi rõ tên tác giả của tác phẩm ấy.

- Tình huống Thành linh đèn điện tắt có vai trò, ý nghĩa: tạo nên bước ngoặt trong việc thể hiện cảm xúc của bài thơ và từ đó làm nổi bật chủ đề tác phẩm.

- Đoạn thơ trên gọi nhắc bài thơ “Đồng chí”, tác giả Chính Hữu.

Câu 5. Có ý kiến cho rằng khổ thứ tư của bài thơ là bước ngoặt của mạch cảm xúc. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

- Là ý kiến đúng đắn.

- Tác giả thay đổi mạch cảm xúc khi gặp tình huống bất ngờ trong cuộc sống.

- Khổ thơ thứ 4 của bài thơ là bước ngoặt của mạch cảm xúc. Trong dòng diễn biến thời gian, sự việc bất thường ở khổ thơ thứ tư: “Thành linh đèn điện tắt”, chính là bước ngoặt để tác giả bộc lộ cảm xúc, cũng chính là chủ đề bài thơ. Cuộc sống với bộn bề, lo toan vất vả đã cuốn con người theo dòng chảy, trắng tường đã mờ chìm đi trước một cuộc sống thị thành bộn bề, gấp gáp nhưng rồi vầng trăng xưa đã có dịp sáng lên trong một khoảnh khắc khi cuộc sống hiện đại biến mất để rồi tác giả đã gửi đến một triết lí: cuộc đời mỗi con người giống như một dòng chảy có những quanh co, uốn khúc nhưng phải qua những khúc quanh, qua những biến cố, con người mới nhận ra đâu là chân giá trị của cuộc sống.

Câu 6 : Từ “thành linh” và “đột ngột” đặt ở đầu câu có tác dụng gì? Hai từ này có thể thay đổi vị trí cho nhau được không? Vì sao?

- Hai từ : “thành linh” và “đột ngột” đảo lên đầu câu tạo nên nhịp thơ nhanh và nhấn mạnh tính chất bất thường của tình huống.

- Hai từ này không đổi vị trí cho nhau được vì:

+ Từ “ Thành linh”: chỉ diễn tả sự việc nhanh, bất ngờ của đèn điện tắt

+ Từ “đột ngột” diễn tả cảm xúc thăng thốt , bất ngờ của con người khi nhận ra trăng vẫn tròn , vẫn tỏa sáng , vẫn đồng hành cùng con người...

=> Đổi vị trí: không phù hợp với trình tự sự việc và cảm xúc(Sự việc xảy ra trước cảm xúc của con người)

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng...*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

Câu 1: Nghĩa của từ “ mặt” trong câu thơ “ *Ngửa mặt lên nhìn mặt*” được hiểu như thế nào? Đó là hiện tượng gì trong tiếng Việt? Nêu hiệu quả nghệ thuật trong cách sử dụng từ?

Câu 2: Chỉ ra những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ và cho biết tác dụng của các từ láy này trong việc thể hiện dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình?

Câu 3: Tại sao có thể nói các câu thơ trên có hình thức độc thoại nội tâm? Cho biết vai trò của hình thức đó trong đoạn trích.

Câu 4: Em hiểu “ giật mình” ở đây là gì? Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến cái “giật mình” của nhân vật?

Câu 5: Hãy viết một đoạn văn trình bày theo cách Tổng hợp – phân tích- tổng hợp có độ dài khoảng 10-12 câu, trong đó có sử dụng một câu cảm thán phân tích khổ thơ em vừa chép để làm rõ nội dung : *Khổ thơ thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm (Gạch chân dưới câu cảm thán đó).*

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Giải nghĩa từ “mặt”1: Khuôn mặt của con người, từ “mặt”2: mặt trăng.
- Đây là từ nhiều nghĩa, và là hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong tiếng Việt.
- Tác dụng: Tạo sự đa nghĩa cho ý thơ: con người đối diện với trăng, hay đối diện với người bạn mình trong quá khứ, đối diện với con người thực của mình trong quá khứ, bạc bẽo vô tình đối diện với thủy chung, nghĩa tình; hiện tại đối diện với quá khứ.
- Liên hệ: Cách sử dụng từ tinh tế và khéo léo của tác giả

Câu 2:

- Các từ láy: *rung rung, vành vạnh, phăng phắc*.
- Tác dụng:
 - + *rung rung*: gợi cảm xúc nghẹn ngào, muốn khóc mà không thể khóc → diễn tả tâm trạng con người khi đối diện với trăng.
 - + “*Vành vạnh*”: gợi tả dáng vẻ tròn đều và đầy đặn → biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ nghĩa tình.
 - + “*Phăng phắc*”: nhấn mạnh trạng thái im lặng đến mức không có một tiếng động dù là nhỏ nhất → gợi liên tưởng đến cái nhìn bao dung, độ lượng mà nghiêm khắc của trăng – người bạn thủy chung, quá khứ ân tình.
- => Giàu sức gợi tả và biểu cảm, đem đến những liên tưởng sâu sắc, tinh tế về tình nghĩa vẹn đầy, thủy chung và lời nhắc nhở, tự vấn lương tâm.
- Tác giả: nhìn nhận sự việc sâu sắc, từ câu chuyện riêng nâng lên thành triết lí trong cuộc sống: cần biết trân trọng quá khứ.

Câu 3. Đoạn thơ thuộc hình thức độc thoại nội tâm vì: đây là những lời tâm sự trong lòng tác giả, không được phát ra thành lời

- Tác dụng: cho thấy những trăn trở, day dứt của người thi nhân khi đối mặt với vầng trăng. Nhận ra sự bội bạc của mình với quá khứ thủy chung tình nghĩa.

Câu 4:

- “Giật mình ” : thức tỉnh , tự vấn lương tâm , tự hỏi lỗi , ăn năn...
- Khách quan :
 - + Bất ngờ gặp lại vầng trăng ,nhận thấy trăng vẫn đồng hành cùng con người.
 - + Ánh trăng – ánh mắt người bạn soi rọi đến góc khuất của tâm hồn khiến nhà thơ nhận ra sự bội bạc của bản thân với người bạn thủy chung , tình nghĩa...
- Chủ quan : nhận ra mình đã thay đổi , đã vô tình bạc nghĩa quay lưng lại với quá khứ , ân tình thủy chung => cần phải thay đổi ...

Câu 5:

Về nội dung: Đảm bảo các ý cơ bản sau :

- Trăng đã trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng không thay đổi. “ Trăng tròn vành vạnh” biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ, dù cho con người đổi thay " vô tình”
- Ánh trăng còn được nhân hoá “ im phăng phắc” gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thủy chung nghĩa tình.
- Sự im lặng ấy làm nhà thơ “ giật mình” thức tỉnh, cái “ giật mình của lương tâm nhà thơ thật đáng trân trọng , nó thể hiện sự suy nghĩ trăn trở tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn.
- Dòng thơ cuối dồn nén biết bao niềm tâm sự, lời sám hối ăn năn dù không cất lên nhưng chính vì thế càng trở nên ám ảnh day dứt.
- Qua đó Nguyễn Duy muốn gửi đến mọi người lời nhắc nhở về lẽ sống, về đạo lí ân nghĩa thủy chung.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:

Cho đoạn thơ sau:

Trăng cứ tròn vành vạnh kể
chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc đủ
cho ta giật mình

(*Ánh trăng*- Nguyễn Duy)

Câu 1: Khổ thơ trên đã có sự vận dụng khéo léo các biện pháp nghệ thuật để hình ảnh ánh trăng trở nên sống động và mang ý nghĩa sâu sắc. Hãy chỉ ra và gọi tên các biện pháp nghệ thuật ấy.

Câu 2: Hãy giải thích tại sao tác giả chỉ viết hoa từ những dòng đầu tiên của mỗi khổ thơ.

Câu 3: Bài thơ "Ánh trăng" mang bóng dáng câu truyện kể. Theo em yếu tố tự sự và trữ tình được kết hợp như thế nào trong bài thơ?

Câu 4: Viết một đoạn văn khoảng 8-10 câu, diễn tả cảm nhận của em về hình tượng “trăng” trong khổ thơ vừa chép. Đoạn thơ có sử dụng câu bị động và thành phần phụ chú.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên: nhân hóa.

Nhân hóa vầng trăng trở thành “tri kỉ” người gần gũi, gắn bó, thấu hiểu mọi tâm tư, tình cảnh.

+ Trăng trở thành người bạn chia sẻ mọi vui buồn, trăng đồng cam cộng khổ, xoa dịu những nỗi đau của chiến tranh bằng ánh sáng tươi mát, hiền hòa.

+ Trăng là người bạn đồng hành, đồng cam cộng khổ với người chiến sĩ, trăng chính là hiện thân của quá khứ chan hòa tình nghĩa.

Câu 2:

Trong bài thơ "Ánh trăng" tác giả chỉ sử dụng một dấu chấm duy nhất, nhằm tạo ra sự liên mạch về cảm xúc. Cảm xúc xuyên suốt toàn bộ bài thơ, không bị ngắt quãng, đứt đoạn.

Mỗi chữ cái đầu khổ thơ được viết hoa, tạo thành một câu kể dài trọn vẹn ý, điều đó cũng là sự sáng tạo, cách tân mới mẻ trong thơ.

Câu 3:

Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ tới hiện tại với các mốc sự kiện hiện tại trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng theo đó bộc lộ dựa trên mạch tự sự của văn bản.

Theo mạch tự sự đi từ việc hồi tưởng quá khứ, tới nhận ra lầm lỗi của bản thân trong hiện tại để lắng kết lại thành cái “giật mình” cuối bài thơ.

Câu 4: Viết một đoạn văn k câu, diễn tả cảm nhận của em về hình tượng “trăng” trong khổ thơ vừa chép. Đoạn thơ có sử dụng câu bị động và thành phần phụ chú.

*** Đoạn văn tham khảo:**

- (1) Khổ thơ cuối kết tinh đạo lý, thể hiện tư tưởng sâu sắc của tác giả.
 - (2) “Trăng cứ trong vành vạnh” gợi lên sự trọn vẹn, thủy chung của thiên nhiên và của quá khứ.
 - (3) Trăng bị con người lãng quên- “vô tình”- nhưng trăng chỉ im lặng.
 - (4) Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa để nói về cái nhìn nghiêm khắc, nhưng có phần bao dung để nhân vật người lính tự soi chiếu vào chính bản thân mình, nhận ra lỗi sai.
 - (5) Sự im lặng dẫn tới cái “giật mình” thức tỉnh của người lính.
 - (6) Con người giật mình chính là cái giật mình thức tỉnh của lương tâm trong sạch, nhân cách tốt đẹp.
 - (7) Giật mình để không quên lãng quá khứ, không đánh mất và thơ ở với quá khứ.
 - (8) Hình ảnh ánh trăng lúc này có giá trị khái quát, nhắc nhở chân thành về lẽ sống ân tình, thủy chung.
- Câu bị động: *Trăng bị con người lãng quên- “vô tình”- nhưng trăng chỉ im lặng.*
- Thành phần phụ chú: - “vô tình”-

BÀI 7 : VIẾNG LĂNG BÁC

Viễn Phương

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<ul style="list-style-type: none"> - Viễn Phương tên khai sinh là Phan Thanh Viễn, sinh năm 1928, quê ở tỉnh An Giang. - Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, ông hoạt động ở Nam Bộ, là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mỹ cứu nước. - Thơ Viễn Phương tập trung khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của nhân dân, đất nước trong công cuộc chiến đấu trường kì, gian khổ của dân tộc. - Phong cách sáng tác : cảm xúc sâu lắng, thiết tha ; giọng thơ nhỏ nhẹ, trong sáng ; ngôn ngữ đậm đà màu sắc dân tộc.
Hoàn cảnh sáng tác	Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, lãnh chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành, tác giả ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ "Viếng lăng Bác" được sáng tác trong dịp đó, và in trong tập "Như mây mùa xuân" (1978).
Xuất xứ	- Bài thơ được in trong tập "Thơ Việt Nam" (1945 1975).
Thể loại	Thơ 8 chữ
Mạch cảm xúc và bố cục	<p>* Mạch cảm xúc: đi theo trình tự của một cuộc vào lăng viếng Bác, từ khi đứng trước lăng đến khi bước vào Lăng và trở ra về. Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước. Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bắt tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vầng trăng, trời xanh. Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tâm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác. Mạch cảm xúc như trên đã tạo nên một bố cục khá đơn giản, tự nhiên và hợp lý của bài thơ.</p> <p>* Bố cục: 4 phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khổ 1: cảm xúc của tác giả trước không gian, cảnh vật bên ngoài lăng. - Khổ 2: Cảm xúc trước đoàn người vào lăng viếng Bác. - Khổ 3: Cảm xúc khi vào lăng, nhìn thấy di hài Bác.

	- Khổ 4: Những tình cảm, cảm xúc trước lúc ra về.
Ý nghĩa nhan đề	<p>Ý nghĩa Bài thơ là tiếng lòng thành kính, xót thương, biết ơn vô hạn của nhà thơ cũng như của đồng bào miền Nam đối với vị lãnh tụ- người cha già kính yêu của dân tộc.</p> <p>- Viếng là đến chia buồn với thân nhân người đã mất.</p> <p>- Thăm là đến gặp gỡ, hỏi han trò chuyện với người còn sống.</p> <p>- Nhan đề dùng từ viếng theo đúng nghĩa đen khẳng định một sự thật: Bác đã đi xa.</p> <p>- Trong câu thơ đầu dùng từ thăm là ngụ ý nói giảm. Bác như vẫn còn đang sống trong lòng mọi người đặc biệt là trong lòng nhân dân miền Nam</p>
Chủ đề	Bài thơ ca ngợi công đức của Bác Hồ, thể hiện lòng thương tiếc, kính yêu và biết ơn Người khi nhà thơ đến viếng lăng.
Giá trị nội dung	Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.
Giá trị nghệ thuật	Bài thơ có giọng điệu trang trọng và tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm, ngôn ngữ bình dị mà cô đúc.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Luận điểm 1: Cảm xúc ban đầu của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác

a) Viễn Phương là một người con miền Nam, tham gia hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như nhiều đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỗi một ngày ra thăm Bác. Bởi vậy, khi đứng trước lăng Người, nhà thơ không giấu nổi niềm xúc động: cảm xúc bồi hồi pha lẫn nỗi xúc động sâu xa:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác"

Nghệ thuật	Nội dung
Với lời lẽ giản dị,	câu thơ như một lời thông báo ngắn gọn: Nhà thơ ở miền Nam, nơi tuyến đầu của Tổ quốc, sau bao nhiêu năm mong mỏi nay cũng được về thăm Người.
Sử dụng đại từ nhân xưng " Con - Bác":	<p>- Đó là lối nói, lối xưng hô quen thuộc của người miền Nam để gọi sự gần gũi, thân thiết.</p> <p>- Thể hiện được lòng tôn kính và tình cảm yêu thương ruột thịt.</p> <p>- Gọi một liên tưởng , đó là Viễn Phương như một đứa con xa nay mới được trở về bên vị cha già của dân tộc.</p>
Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh khi sử dụng từ "thăm" để thay cho từ "viếng":	<p>- Để giảm bớt nỗi đau thương, mất mát của những đứa con xa về muộn.</p> <p>- Đồng thời, bắt tử hóa hình tượng Bác trong lòng những người con miền Nam và đối với cả dân tộc Việt Nam.</p>

=> Câu thơ giản dị như một lời kể, xong nó lại gói ghém bao tình cảm của người con miền Nam sau bao mong nhớ, đợi chờ mới được về thăm lăng Người.

b) Đứng trước lăng vị cha già kính yêu của dân tộc, ấn tượng đầu tiên trong lòng nhà thơ chính là hàng tre xanh mát:

"Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng."

Nghệ thuật	Nội dung
Từ cảm thán "Ôi!"	biểu thị niềm xúc động, tự hào trước hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác.
Hình ảnh "hàng tre bát ngát"	là một hình ảnh tả thực về quang cảnh quanh lăng Bác; đồng thời gợi sự gần gũi, thân thương của những xóm làng Việt Nam.
Hình ảnh "hàng tre xanh xanh Việt Nam" là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng:	- Hàng tre ấy tượng trưng cho những con người, dân tộc Việt Nam với sức sống tràn trề - Gợi tả một quân đội với tinh thần kiên cường, bất khuất, trong "bão táp mưa sa" vẫn đứng bên cạnh giữ giấc ngủ ngàn thu của Người.
Thành ngữ "bão táp mưa sa"	gợi về những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã cùng nhau "chung lưng, đấu cật" để dựng nước và giữ nước.
Lối miêu tả "đứng thẳng hàng"	gợi những hàng tre mang dáng dấp đấp cứng cỏi, kiên cường, hiên ngang, bất khuất như tính cách của người dân Việt Nam.
=> Khổ thơ là niềm xúc động sâu sắc, niềm thành kính của Viễn Phương khi đến thăm và đứng trước lăng Bác.	

2. Luận điểm 2: Cảm xúc trước hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác

Đứng trước lăng, sau ấn tượng về "hàng tre xanh xanh" hình ảnh của dòng người vào lăng viếng Bác với nỗi tiếc thương và lòng biết ơn sâu nặng:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân."

Nghệ thuật	Nội dung
Nghệ thuật sóng đôi : giữa hình ảnh "mặt trời" thực và "mặt trời" ẩn dụ:	- Hình ảnh mặt trời trong câu thơ "Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng", là hình ảnh thực. Đây là mặt trời của thiên nhiên soi sáng không gian vũ trụ và mang lại sự sống cho muôn loài.

	- Hình ảnh mặt trời trong câu thơ : "Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ" là hình ảnh ẩn dụ về Bác Hồ : Bác chính là mặt trời chân lý, soi sáng giúp dân tộc thoát khỏi kiếp nô lệ khổ đau, và mang đến một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Từ đó, ta thấy được sự tôn kính, lòng biết ơn sâu sắc mà cả dân tộc dành cho Bác.
Mặt trời thiên nhiên được nhân hóa với hai hành động: ngày ngày " đi qua trên lăng" và nhìn thấy mặt trời "trong lăng rất đỏ"	đã tô đậm hơn tầm vóc vĩ đại của Người.
Chi tiết đặc tả "rất đỏ"	gợi trái tim đầy nhiệt huyết vì Tổ quốc, vì nhân dân của Bác. Mặt trời đó sẽ mãi mãi soi sáng, sưởi ấm, cô thấm cho đời.
Hình ảnh "dòng người" đi liền với điệp từ "ngày ngày":	- Gợi một dòng thời gian vô tận, từ ngày này sang ngày khác, biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn thành kính vào lăng viếng Bác. - Mang giá trị tạo hình,gợi quang cảnh những đoàn người nối hàng dài vào lăng để viếng Bác.
Hình ảnh "tràng hoa" là hình ảnh ẩn dụ	gợi liên tưởng đến dòng người vào lăng viếng Bác với tâm lòng thành kính, dâng trào như được kết từ hàng vạn trái tim, tấm lòng con người Việt Nam.
Hình ảnh hoán dụ "bảy mươi chín mùa xuân"	để chỉ 79 năm trong cuộc đời của Người - 79 mùa xuân Người hi sinh cho đất nước.
=> Khổ thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.	

3. Luận điểm 3: Cảm xúc khi vào trong lăng, đứng trước thi hài Bác

Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, thật tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác:

" Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền."

Nghệ thuật	Nội dung
Sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm, nói tránh	để phủ nhận một sự thật đau lòng: Người đang ngủ một giấc bình yên, giữa vầng trăng sáng dịu hiền.
Hình ảnh ẩn dụ "vầng trăng sáng dịu hiền":	- Gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, nhân cách sống cao đẹp, sáng trong của Bác. - Bộc lộ tấm lòng biết ơn sâu sắc của tác giả dành cho Bác.

	- Gọi đến những vầng thơ tràn ngập ánh trăng của Người.
Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: " Vẫn biết trời xanh là mãi mãi".	- "Trời xanh" , trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng. - Mặt khác, "trời xanh" còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như "trời xanh" vĩnh hằng.
"Nhói"	là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột, quặn thắt . Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận đáy sâu tâm hồn mình, nỗi đau đớn tột cùng không nói thành lời.
Cặp quan hệ từ "vẫn , mà"	diễn tả sự mâu thuẫn. cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Và con người đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng.
Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.	

4. Luận điểm 4: Cảm xúc của nhà thơ khi tạm biệt lăng Bác

Khép lại nỗi đau mất mát ấy là những giọt nước mắt luyến tiếc, bịn rịn không muốn rời Bác. Khổ thơ đã diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác.

"Mai về miền nam thương trào nước mắt"

Nghệ thuật	Nội dung
Từ ngữ thời gian "Mai" đi liền với địa danh "miền Nam"	gợi sự chia xa, gợi khoảng cách, gợi cả tấm lòng, tình cảm của những người con miền Nam.
Lối nói "thương trào nước mắt"	đã cụ thể hóa nỗi nhớ thương da diết, gợi chiều sâu của sự gắn bó với miền Bắc, với bác Hồ của những người miền Nam.

Nhà thơ bày tỏ ước muốn hóa thân để ở lại bên cạnh Bác:

" Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này."

Nghệ thuật	Nội dung
Nhịp điệu dồn dập và điệp từ "muốn làm"	khởi đầu cho mỗi dòng thơ giúp nhà thơ tô đậm mức độ thiết tha, mãnh liệt của niềm mong ước.
Hệ thống hình ảnh giàu sức gợi: "con chim", "đóa"	- Lớp nghĩa thực: Tác giả muốn góp cuộc đời mình để làm đẹp cho cảnh quan quanh lăng, ao ước được hóa thân thành con chim để cất tiếng hót làm vui lăng Bác; làm giỏ hoa để đem lại sắc hương, tô

hoa", "cây tre"	điểm cho vườn hoa quanh lăng. Đặc biệt là ước nguyện "muốn làm cây tre trung hiếu" để nhập vào hàng tre bát ngát, toả bóng mát cho lăng. - Lóp nghĩa ẩn dụ: khát vọng ở lại để canh giấc ngủ thiên thu cho Người; bày tỏ niềm biết ơn sâu sắc dành cho vị cha già của dân tộc; góp phần làm nên vẻ đẹp bất khuất, hiên ngang, trung hiếu của tâm hồn Việt Nam.
Bài thơ khép lại bằng hình ảnh "cây tre trung hiếu",	tạo nên một kết cấu đầu cuối tương ứng, nhằm bày tỏ khát vọng và tấm lòng nhà thơ dành cho Bác. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn.

*** Đánh giá:**

Bài thơ sử dụng giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào kết hợp với thể thơ 8 chữ, xen lẫn những dòng thơ 7 hoặc 9 chữ. Nhịp thơ chủ yếu là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính và những cảm xúc sâu lắng. Riêng khổ cuối, nhịp thơ nhanh hơn, phù hợp với sắc thái của niềm mong ước.

Hình ảnh thơ có nhiều sáng tạo, kết hợp hình ảnh thực với hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. Những hình ảnh ẩn dụ - biểu tượng như "mặt trời trong lăng", "tràng hoa", "trời xanh" vừa quen thuộc, vừa gần gũi với hình ảnh thực, vừa sâu sắc, có ý nghĩa khái quát và mang giá trị biểu cảm. Qua đó thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, niềm tự hào, đau xót của nhà thơ và đồng bào miền Nam vừa được giải phóng ra thăm lăng Bác.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Mở đầu bài thơ, tác giả Viễn Phương với giọng tâm tình:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”.

Câu 1: Hãy chép chính xác 3 câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ.

Câu 2: Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, hoàn cảnh đó có liên quan gì tới nhà thơ.

Câu 3: Em hãy trình bày ngắn gọn mạch cảm xúc của bài thơ. Từ những hiểu biết của em về bài thơ, hãy giải thích tác dụng của từ “thăm” trong câu thơ và cụm từ “giấc ngủ bình yên”.

Câu 4: Hãy tìm tên tác phẩm và tác giả cũng có nhà thơ mượn hình ảnh cây tre để nói tới tình yêu thương, sự đoàn kết gắn bó của người Việt Nam.

Câu 5: Cho câu chủ đề sau: “*Khổ thơ đầu tiên của bài Viếng lăng Bác diễn tả những cảm xúc chân thành, xúc động của nhà thơ khi đến thăm lăng Bác*”.

Hãy viết đoạn văn từ 10 – 12 câu theo phương thức tổng - phân - hợp để làm sáng tỏ ý kiến đó. Đoạn văn có sử dụng phép thế và câu có thành phần phụ chú.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng*

Câu 2:

Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đất nước được độc lập thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa được khánh thành, tác giả ra miền Bắc, đây là lần đầu tác giả ra viếng lăng Bác.

Như vậy mọi cảm xúc chân thành, tha thiết nhất của nhà thơ được thể hiện xúc động trong bài thơ.

Câu 3:

- Mạch cảm xúc:

+ Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước.

+ Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác.

+ Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tâm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác.

- Tác giả sử dụng từ “thăm” để thay cho từ viếng dù tiêu đề “Viếng lăng Bác”. Từ “thăm” là từ nói giảm nói tránh của tác giả để giảm đi nỗi đau thương mất mát. Qua đây cũng gợi lên sự yêu thương, kính mến của tác giả dành cho Bác.

Câu 4:

Hình ảnh cây tre cũng nói về sự yêu thương, đoàn kết của người Việt Nam: bài thơ "Tre Việt Nam" của Nguyễn Duy.

Tác giả nhắc tới hình ảnh cây tre, mượn hình ảnh cây tre để nói tới tình yêu thương và sự đoàn kết gắn bó của người Việt Nam.

Câu 5:

* Yêu cầu:

- HS biết cách làm một đoạn văn nghị luận văn học.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có cảm xúc.

* **Đoạn văn tham khảo:**

(1) Khổ thơ đầu tiên của bài Viếng lăng Bác diễn tả những cảm xúc chân thành, xúc động của nhà thơ khi đến thăm lăng Bác.

(2) Câu thơ có tính thông báo: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác” là lời nói chân thành, xúc động của một người con khi từ miền Nam ra thăm lăng Bác.

(3) Tác giả dùng từ “thăm” để giảm nhẹ nỗi đau mất mát và như để khẳng định Người còn mãi.

(4) Cách xưng hô thân mật(xưng “con”) thể hiện được lòng tôn kính và tình cảm yêu thương ruột thịt.

(5) Đồng thời cách xưng hô còn dọi một liên tưởng, đó là Viễn Phương như một đứa con xa nay mới được trở về bên vị cha già của dân tộc.

(6) Nỗi đau như cố giấu mà giọng thơ vẫn có những điều đau xót, ngậm ngùi.

(7) Hình ảnh gây ấn tượng đầu tiên với tác giả chính là hình ảnh hàng tre “xanh xanh”.

(8) Từ cảm thán "Ôi!" biểu thị niềm xúc động, tự hào trước hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác.

(8) Trong góc nhìn xúc động của nhà thơ, hàng tre vừa có cái nhìn thực, vừa là hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho sức sống kiên định, dũng cảm của dân tộc.

(9) Hình ảnh "hàng tre bát ngát" là một hình ảnh tả thực về quang cảnh quanh lăng Bác; đồng thời gợi sự gần gũi, thân thương của những xóm làng Việt Nam.

(10) Hình ảnh hàng tre “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng” giàu ý nghĩa liên tưởng, mang biểu tượng của tâm hồn thanh cao, sự quật cường của người Việt.

(11) Có thể nói, khổ thơ là niềm xúc động sâu sắc, niềm thành kính của Viễn Phương khi đến thăm và đứng trước lăng Bác.

- **Phép thế:** nhà thơ- tác giả

- **Thành phần phụ chú:** (xưng “con”).

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho hai câu thơ sau:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

Câu 1: Hai câu thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

Câu 2: Thể thơ?

Câu 3: Hình ảnh mặt trời nào là ẩn dụ? Hãy phân tích ý nghĩa hình ảnh đó trong việc thể hiện tấm lòng, tình cảm gì của tác giả.

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 6- 8 câu, phân tích hai câu thơ sau, trong đoạn sử dụng 1 phép liên kết:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: “Viếng lăng Bác”- Viễn Phương

Câu 2: 8 chữ

Câu 3:

Hình ảnh “mặt trời” ở câu thơ thứ hai là hình ảnh ẩn dụ (tượng trưng cho Bác Hồ). Bác như mặt trời đem tới nguồn sáng, soi đường cho toàn dân tộc. Màu sắc “rất đỏ” làm cho câu thơ trở nên thật đẹp, tạo ấn tượng sâu sắc, nói lên tư tưởng cách mạng, lòng yêu nước nồng nàn của Bác.

Tác giả xây dựng hình ảnh ẩn dụ để nói lên sự vĩ đại của Bác, thể hiện được sự tôn trọng, kính mến của tác giả và toàn dân đối với Bác - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta.

Câu 4:

*** Đoạn văn tham khảo:**

(1) Đứng trước lăng, sau ấn tượng về "hàng tre xanh xanh" là hình ảnh của dòng người vào lăng viếng Bác với nỗi tiếc thương và lòng biết ơn sâu nặng:

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân

(2) Hình ảnh "dòng người" đi liền với điệp từ "ngày ngày" gợi một dòng thời gian vô tận, từ ngày này sang ngày khác, biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn thành kính vào lăng viếng Bác.

(3) Câu thơ mang giá trị tạo hình, gợi quang cảnh những đoàn người nối hàng dài vào lăng để viếng Bác.

(4) Hình ảnh "tràng hoa" là hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng đến dòng người vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng trào như được kết từ hàng vạn trái tim, tấm lòng con người Việt Nam.

(5) "Bảy mươi chín mùa xuân" là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng cho số tuổi của Bác, hình ảnh về cuộc đời đẹp như những mùa xuân đã hòa nhập vào mùa xuân độc lập, tự do của dân tộc.

(6) Hai câu thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc.

(7) Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

- Phép liên kết(phép thế): Bác- vị cha già kính yêu của dân tộc- Người

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Cho đoạn thơ sau:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

Câu 1: Hình ảnh cây tre trong khổ thơ cuối cùng của bài là sự lặp lại hình ảnh cây tre trong khổ thơ đầu, em hãy cho biết sự lặp lại như vậy có ý nghĩa gì?

Câu 2: Có một tác phẩm cũng nhắc tới khát vọng muốn trở thành con chim, trở thành nhành hoa, em hãy chép lại khổ thơ đó, nêu tên tác giả và nhan đề.

Câu 3: Nhận xét về giọng điệu của bài thơ và cho biết giọng điệu đó được tạo nên từ những yếu tố nào và có quan hệ như thế nào với cảm xúc của tác giả?

Câu 4: Viết đoạn văn 12 câu theo phương thức quy nạp làm rõ cảm xúc lưu luyến không muốn rời của tác giả đối với Bác. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và thành phần biệt lập.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

Ở đây, hình ảnh cây tre đã mang nét nghĩa mới so với hình ảnh cây tre ở khổ thơ thứ nhất. Trong phần mở đầu, hình ảnh hàng tre xuất hiện với dáng đứng thẳng cho dù phải đương đầu với bão táp mưa sa. Thì tới cuối bài thơ tác giả lại khao khát trở thành cây tre trung hiếu để có thể được đứng canh gác cho Người, đây chính là ước nguyện chân thành, tha thiết của tác giả Viễn Phương.

Câu 2:

Tác phẩm "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải có nhắc tới hình ảnh con chim và nhành hoa, trong khổ thơ:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hòa ca*

Một nốt trầm xao xuyến

Khổ thơ này diễn tả khát vọng chân thành, giản dị của tác giả Thanh Hải, muốn được đóng góp, cống hiến cho đời âm thanh, hương thơm vào cuộc sống kì diệu, muôn màu muôn vẻ ngoài kia. Ở phần mở bài, tác giả phác họa hình ảnh mùa xuân bằng chi tiết bông hoa và tiếng chim, tới khổ thơ thứ 4 hình ảnh con chim, nhành hoa tạo sự đối ứng chặt chẽ về ý thơ.

Câu 3:

Giọng điệu của bài thơ vừa trang nghiêm, sâu lắng vừa tha thiết, đau xót, tự hào, thể hiện tâm trạng xúc động khi tác giả vào lăng viếng Bác.

Giọng điệu được tạo nên bởi nhiều yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, từ ngữ, hình ảnh. Thể thơ 8 chữ nhưng có đan xen những dòng thơ 7 chữ hoặc 9 chữ. Cách gieo vần bằng, vần trắc.

Những vần bằng liên tiếp diễn tả dòng cảm xúc dâng trào, các vần trắc thể hiện nỗi tiếc thương, đau xót.

Nhịp: các khổ thơ nhìn chung là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính.

Riêng khổ cuối nhịp thơ nhanh hơn với điệp từ muốn làm được lặp lại ba lần, thể hiện mong ước thiết tha và nỗi lòng lưu luyến của tác giả.

Câu 4:

(1) Tâm trạng tiếc nuối lưu luyến của nhà thơ trong giây phút chia li thật xúc động, mãnh liệt: *Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

(2) Từ ngữ chỉ thời gian "mai" đi liền với địa danh "miền Nam" gợi sự chia xa, gợi khoảng cách, gợi cả tấm lòng, tình cảm của những người con miền Nam.

(3) Dòng cảm xúc "thương trào nước mắt" được diễn tả giản dị mà sâu lắng đã cụ thể hóa nỗi nhớ thương da diết, gợi chiều sâu của sự gắn bó với miền Bắc, với Bác Hồ của những người miền Nam.

(4) Ước nguyện thành kính của nhà thơ được giải bày qua khao khát:

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này

(5) Điệp từ "muốn làm" nhấn mạnh khao khát tới cháy bỏng, được ở cạnh, được đứng canh giấc ngủ yên bình cho Bác đã thôi thúc nhà thơ muốn hóa thân thành cảnh vật, sự sống xung quanh lăng Người.

(6) Tác giả vừa bộc lộ trực tiếp, vừa bộc lộ gián tiếp tình cảm chân thành dành cho Bác.

(7) Điều đặc biệt là hình ảnh cây tre được lặp lại trong khổ thơ cuối có nhiều nét mới. (8) Hình ảnh cây tre lúc này ẩn dụ cho lòng thành kính, sự trung thành với lý tưởng cách mạng và Bác.

(9) Bài thơ khép lại bằng hình ảnh "cây tre trung hiếu", tạo nên một kết cấu đầu cuối tương ứng, nhằm bày tỏ khát vọng và tấm lòng nhà thơ dành cho Bác.

(10) "Cây tre trung hiếu" phải chăng cũng chính là phẩm chất của con người Việt Nam, mãi mãi kiên trung với Bác và lý tưởng cách mạng.

(11) Khổ thơ đã diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác, đó cũng là tình cảm chung của nhân dân Việt Nam dành cho Bác.

- **Thành phần biệt lập(tình thái):** phải chăng
- **Lời dẫn trực tiếp:** "mai", "iền Nam", hương trào nước mắt", "muốn làm", "cây tre trung hiếu"

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Cho đoạn thơ sau:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

Câu 1: Hình ảnh cây tre trong khổ thơ cuối cùng của bài là sự lặp lại hình ảnh cây tre trong khổ thơ đầu, em hãy cho biết sự lặp lại như vậy có ý nghĩa gì?

Câu 2: Có một tác phẩm cũng nhắc tới khát vọng muốn trở thành con chim, trở thành nhành hoa, em hãy chép lại khổ thơ đó, nêu tên tác giả và nhan đề.

Câu 3: Nhận xét về giọng điệu của bài thơ và cho biết giọng điệu đó được tạo nên từ những yếu tố nào và có quan hệ như thế nào với cảm xúc của tác giả?

Câu 4: Viết đoạn văn 12 câu theo phương thức quy nạp làm rõ cảm xúc lưu luyến không muốn rời của tác giả đối với Bác. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và thành phần biệt lập.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích trong bài Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương. Bài thơ được viết năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, Lăng Hồ Chủ tịch vừa khánh thành. Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác.

Câu 2: Cảm xúc trong bài thơ được biểu hiện theo trình tự từ ngoài vào trong, rồi lại trở ra ngoài, hợp với thời gian một chuyến viếng lăng Bác.

- Từ "thăm" thể hiện tình cảm của nhà thơ đối với Bác vừa kính yêu, vừa gần gũi.

- Cụm từ "giấc ngủ bình yên" là một cách nói tránh, nói giảm nhằm miêu tả tư thế ung dung thanh thản của Bác - vị lãnh tụ cả đời lo cho dân, cho nước, có đêm nào yên giấc nay đã có được giấc ngủ bình yên.

Câu 3: Một bài thơ có nhắc đến trăng, ví dụ như Ánh trăng của Nguyễn Duy "Trăng cứ tròn vành vạnh/ kể chi người vô tình/ ánh trăng im phăng phắc/ đủ cho ta giật mình". Hay "Đầu súng trăng treo" trong Đồng chí của Chính Hữu...

Câu 4:

Đoạn văn viết cần đạt được những yêu cầu sau:

- Bám sát nội dung khổ thơ: phân tích được hình ảnh của Bác được miêu tả trong tư thế ung dung thanh thản, thấy được cảm xúc trào dâng của nhà thơ khi đứng trước Bác.

- Không viết quá dài hoặc quá ngắn so với yêu cầu 15 câu của đề. Trình tự nghị luận là qui nạp, có sử dụng phép lặp và một thành phần phụ chú.

*** Đoạn văn tham khảo:**

(1) Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian.

(2) Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, thật tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác:

" Bác nằm trong lãng giãc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền."

(3) Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm, nói tránh để phủ nhận một sự thật đau lòng: Người đang ngủ một giấc bình yên, giữa vầng trăng sáng dịu hiền.

(4) Hình ảnh ẩn dụ "vầng trăng sáng dịu hiền" gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, nhân cách sống cao đẹp, sáng trong của Bác.

(5) Đồng thời hình ảnh đó còn bộc lộ tấm lòng biết ơn sâu sắc của tác giả dành cho Bác và gợi đến những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người.

(6) Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: " Vẫn biết trời xanh là mãi mãi".

(7) "Trời xanh", trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

(8) Mặt khác, "trời xanh" còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như "trời xanh" vĩnh hằng.

(9) "Nhói" là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột, quặn thắt.

(10) Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận đáy sâu tâm hồn mình, nỗi đau đớn tột cùng không nói thành lời.

(11) Cặp quan hệ từ "vẫn , mà" diễn tả sự mâu thuẫn, cảm giác “nghe nhói ở trong tim” mâu thuẫn với nhận biết “trời xanh là mãi mãi”.

(12) Giữa tình cảm và lý trí của tác giả dường như có sự mâu thuẫn.

(13) Nhà thơ đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng.

(14) Cảm xúc này của tác giả là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót.

(15) Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

- **Lập:** tác giả

- **Thành phần phụ chú:** (7) "Trời xanh", *trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực*, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

BÀI 8: MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

Thanh Hải

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Thanh Hải (1930-1980) tên khai sinh là Phạm bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Ông hoạt động văn nghệ từ cuối những năm kháng chiến chống Pháp. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Thanh Hải ở lại quê hương hoạt động và là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học Cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu.</p> <p>- Phong cách sáng tác : ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, cảm xúc chân thành, đậm thắm...</p>
Hoàn cảnh sáng tác	- Hoàn cảnh lịch sử: Năm 1980, đất nước lúc này đã hoàn toàn thống nhất, non sông thu về một mối, cả đất nước sục sôi khí thế xây dựng cuộc sống mới.

	- Bài thơ được viết vào tháng 11/1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện niềm yêu mến cuộc sống đất nước thiết tha và ước nguyện của tác giả.
Xuất xứ	- Bài thơ được in trong tập “Thơ Việt Nam” (1945 1985).
Thể loại	Thơ 5 chữ
Mạch cảm xúc và bố cục	<p>* Mạch cảm xúc: được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mở rộng ra với mùa xuân đất nước, cách mạng. Cảm xúc lắng đọng dần vào suy tư và ước nguyện: nhà thơ muốn nhập vào bản hoà ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “<i>một mùa xuân nho nhỏ</i>”. Bài thơ khép lại với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.</p> <p>* Bố cục: Gồm 4 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khổ 1: Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời - Khổ 2+3: Cảm xúc về mùa xuân của đất nước - Khổ 4+5: Suy nghĩ và ước nguyện của tác giả trước mùa xuân đất nước. - Khổ cuối: Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.
Ý nghĩa nhan đề	<p>- Tính từ « nhỏ nhỏ » ở nhan đề bài thơ đã cụ thể hóa, hữu hình hóa mùa xuân và mang đến những lớp nghĩa khác nhau :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lớp nghĩa thực : gọi về mùa xuân của đất trời, của thiên nhiên, vũ trụ. + Là hình ảnh ẩn dụ độc đáo thể hiện khát vọng, lí tưởng muốn cống hiến tất cả những gì đẹp đẽ nhất, tinh tú nhất cho cuộc đời, quê hương, đất nước của nhà thơ.
Chủ đề	Niềm say mê trước mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, đồng thời thể hiện khát vọng được cống hiến hết mình để làm đẹp cho mùa xuân của đất nước của tác giả.
Giá trị nội dung	Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.
Giá trị nghệ thuật	Bài thơ theo thể năm tiếng, có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị gợi cảm, so sánh ẩn dụ và sáng tạo.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Luận điểm 1: Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên

Bài thơ mở ra một khung cảnh thiên nhiên trong trẻo và tràn đầy sức sống của mùa xuân:

"Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời "

Nghệ thuật	Nội dung
------------	----------

Sử dụng nghệ thuật đảo ngữ:	<p>- Đảo động từ " mọc" lên đầu câu thơ để tô đậm sức sống mạnh mẽ đến bất ngờ của một bông hoa trên dòng sông xanh.</p> <p>- Gọi liên tưởng về một bông hoa đang từ từ vươn lên trên mặt nước tràn đầy sức xuân và sắc xuân.</p>
Bức tranh xuân xứ Huế được chấm phá bằng hình ảnh chọn lọc và giàu sức gợi: " Dòng sông xanh", "hoa tím biếc", "chim chiền chiện".	<p>- Đó là những hình ảnh, tín hiệu đặc trưng của mùa xuân xứ Huế.</p> <p>- Gọi lên không gian mênh mông sóng nước và một bầu trời cao rộng, trong veo.</p>
Sử dụng những gam màu tươi tắn "xanh, tím".	Gợi bức tranh thiên nhiên mùa xuân hài hòa, tươi sáng
Các từ cảm thán "ôi" , "chi" “mà”	gợi lên một chất giọng ngọt ngào, thân thương, gần gũi.
Hình ảnh "giọt long lanh rơi" thật giàu sức gợi :	<p>- Đó có thể là giọt mưa mùa xuân, giọt sương buổi sớm long lanh trong ánh sáng.</p> <p>- Trong mối quan hệ với câu thơ trước, tiếng hót của con chim chiền chiện vang vọng nhưng không tan biến trong không gian mà đọng lại thành từng giọt trong vắt, "long lanh". Như một thứ quà tặng của thiên nhiên xứ Huế, thi nhân đã vội vàng đưa đôi bàn tay để hứng lấy. Tiếng chim từ chỗ được cảm nhận bằng thính giác chuyển thành thị giác rồi xúc giác. Đó chính là nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được Thanh Hải sử dụng một cách tài tình.</p>
Đại từ "tôi" được điệp hai lần và đi liền với hành động " hứng "	cho thấy thái độ trân trọng của thi nhân trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Đồng thời, gợi sự tận hưởng, chiêm lĩnh và giao hòa với mùa xuân.
=> Chỉ với vài nét vẽ , đang xem một chút chất nhạc, Thanh Hải đã phác họa được một bức tranh có cái hồn mùa xuân xứ Huế . Nó đủ đầy cả màu sắc, hình ảnh, âm thanh. Từ đó, bộc lộ được niềm say xưa, ngây ngất của tác giả trước thiên nhiên đất trời mùa xuân.	

2. Luận điểm 2: Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước

Từ vẻ đẹp của mùa xuân quê hương, Thanh Hải đã mở rộng để khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của mùa xuân đất nước:

"Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hồi hã

Tất cả như xôn xao..."

a) Nhà thơ cảm nhận mùa xuân đất nước qua hình ảnh "người cầm súng" và "người ra đồng" : Biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của đất nước ta là cùng chiến đấu ở tiền tuyến và lao động xây dựng hậu phương vững chắc.

Nghệ thuật	Nội dung
Hình ảnh "người cầm súng" đi liền với hình ảnh "lộc giắt đầy trên lưng"	gợi liên tưởng đến vòng lá nguyệt trang của người chiến sĩ đang nảy những chồi non, lộc biếc cùng các anh ra trận để bảo vệ tổ quốc.
Hình ảnh "người ra đồng" đi liền với hình ảnh "lộc trải dài nương mạ"	gợi liên tưởng đến những cánh đồng màu mỡ, xanh tươi của những bàn tay khéo léo gieo trồng.
Điệp từ "mùa xuân", "lộc":	- Gợi quang cảnh mùa xuân tươi đẹp đang vun những chồi non lộc non. - Gợi thành quả trong công cuộc dựng xây và bảo vệ đất nước.
Điệp từ "tất cả" đi liền với những từ láy "hối hã", "xôn xao"	làm cho nhịp thơ trở nên nhanh gấp, gợi một nhịp sống sôi động, hối hã, khẩn trương trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước.

b) Trước mùa xuân của đất nước, nhà thơ đã bày tỏ niềm tự hào và niềm tin vào tương lai tươi sáng:

" Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước"

Nghệ thuật	Nội dung
Hệ thống tính từ " vất vả", "gian lao"	đã giúp tác giả đúc kết chặng đường 4000 năm dựng nước và giữ nước với biết bao thăng trầm, thử thách. Trong suốt chiều dài lịch sử ấy, đất nước ta đã trải qua biết bao đau thương và mất mát, xong đã khẳng định được sức mạnh, ý chí và bản lĩnh của dân tộc mình.
Hình ảnh so sánh " đất nước như vì sao" gợi lên những liên tưởng và ý nghĩa thật sâu sắc:	- Gợi liên tưởng đến nguồn sáng lấp lánh, tồn tại vĩnh hằng trong không gian và thời gian. - Gợi ý nghĩa về dân tộc Việt Nam ta trong suốt chiều dài lịch sử, từ trong đêm tối nô lệ đã phá tan xiềng xích, thoát khỏi phong kiến, thực dân để tỏa sáng. - Gợi niềm tin của tác giả vào một tương lai tươi

	sáng, rộng mở với khí thế đi lên mạnh mẽ không gì cản nổi.
Điệp từ "đất nước" cộng với cấu trúc song hành "đất nước bốn ngàn năm... đất nước như vì sao..."	diễn tả sự vận động đi lên của lịch sử và khẳng định sự trường tồn vĩnh cửu của đất nước.
Cụm từ "cứ đi lên"	thể hiện ý chí, lòng quyết tâm và niềm tin sắt đá của nhà thơ và cả dân tộc về tương lai tươi sáng của đất nước.
=> Giọng thơ vừa tha thiết sôi nổi, vừa trang trọng đã gói trọn niềm yêu mến tự hào, tin tưởng của nhà thơ vào đất nước.	

3. Luận điểm 3: Khát vọng và lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ

a) Từ những cảm xúc vui mừng, say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời xứ Huế vào xuân, vào tương lai tươi sáng của đất nước, Thanh Hải đã có những lời ước nguyện thật thiết tha, cảm động:

" Ta làm con chim hót
Ta là một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến"

Nghệ thuật	Nội dung
Đại từ "ta"	bộc lộ một cách trực tiếp tâm niệm của thi nhân.
Điệp cấu trúc ngữ pháp "Ta làm... Ta nhập..." được đặt ở vị trí đầu của ba câu thơ	đã khiến cho nhịp điệu thơ trở nên nhẹ nhàng, khiến cho câu thơ như một lời thủ thỉ tâm tình về ước nguyện hóa thân, hiến dâng cho quê hương, đất nước của nhà thơ.
Hệ thống hình ảnh "con chim hót", "cành hoa", "nốt trầm xao xuyến" là những hình ảnh giản dị nhưng cũng thật hàm súc:	<p>- Con chim cất cao tiếng hót để làm vui cho đời; cành hoa điểm sắc để tắm cho mùa xuân, một nốt trầm trong muôn nốt nhạc của bản hòa ca muôn điệu. Đó là những hình ảnh hết sức giản dị, nhỏ bé song đã cho thấy ước nguyện khiêm nhường mà cao quý của thi nhân.</p> <p>- Những hình ảnh này có sự đối ứng chặt chẽ với những hình ảnh mở đầu của bài thơ để khẳng định một lẽ tự nhiên, tất yếu: con chim sinh ra là để dâng tiếng hót cho đời; bông hoa sinh ra là để tỏa hương sắc; bản hòa ca tung bừng, rộn rã song không thể thiếu nốt trầm.</p> <p>-> Gọi liên tưởng đến mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người và đất nước.</p>
=> Công hiến cho đời, cho đất nước là một lẽ sống tốt đẹp mà Thanh Hải luôn theo đuổi.	

b) Từ cái khát vọng sống cao quý, tác giả đã nâng lên thành một lý tưởng sống cao cả:

"Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc "

Tác giả xin được làm một "mùa xuân nho nhỏ" để góp phần làm đẹp cho mùa xuân lớn của dân tộc. Đây chính là một hình ảnh ẩn dụ đặc sắc của nhà thơ Thanh Hải.

Nghệ thuật	Nội dung
Từ láy "nho nhỏ":	- Thể hiện ước muốn, khát vọng khiêm tốn và giản dị của nhà thơ. - Gợi về những gì đẹp đẽ và tinh túy nhất của cuộc đời con người để góp cho mùa xuân đất nước.
Tính từ " lặng lẽ"	đã cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, lối sống và nhân cách. Mùa xuân của Thanh Hải không hề ồn ào, khoa trương, náo nhiệt mà lặng lẽ hiến dâng. Dâng cho đời là dâng một cách tự nguyện, không đòi hỏi sự đền đáp. Đó chính là lối sống, cống hiến đẹp đẽ, vô tư, trong sáng nhất mà con người cần hướng tới.
Điệp cấu trúc ngữ pháp " Dù là ... Dù là..." và hình ảnh tương phản "tuổi hai mươi" và "khi tóc bạc"	khiến cho lời thơ như một lời hứa, lời tự nhủ với mình. Đồng thời, khẳng định sự tồn tại bền vững của những khát vọng sống, lý tưởng sống là cống hiến, hy sinh.
=> Lời tổng kết của nhà thơ về cuộc đời mình, một cuộc đời thật đẹp xứng đáng để chúng ta suy ngẫm, học tập và noi theo.	

c) Bài thơ khép lại trong giai điệu ngọt ngào, êm dịu của làn điệu dân ca trữ tình xứ Huế :

" Mùa xuân ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế "

Nghệ thuật	Nội dung
"Khúc Nam ai"	là khúc nhạc buồn thương, da diết để gợi con đường đầy hy sinh, gian khổ mà đất nước đã đi qua.
" Khúc Nam bình"	là khúc nhạc êm ái , dịu ngọt để gợi mùa xuân hiện tại với cuộc sống thanh bình, no ấm.
"Nhịp phách tiền"	là điệu nhạc rộn ràng để khép lại bài thơ, đó là giai điệu của cuộc sống mới, sức Sống mới của dân tộc.
=> Tình yêu đời, yêu cuộc sống trỗi dậy thật mãnh liệt, trở thành khúc hát tâm tình trong những dòng thơ cuối. Khúc hát đó thật cảm động, cao quý và đáng trân trọng	

biết bao.

*** Đánh giá:**

Với việc sử dụng thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch của cảm xúc; ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi.

Tác giả đã tái hiện thành công vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước. Qua đó bày tỏ lễ sống cao đẹp, là sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình cho đất nước.

C. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU :**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, nhà thơ bắt đầu bằng câu:

Mọc giữa dòng sông xanh

Câu 1: Chép chính xác 5 câu để hoàn thiện đoạn thơ.

Câu 2: Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, trong hoàn cảnh đó có ý nghĩa thế nào đối với việc bày tỏ cảm xúc của nhà thơ?

Câu 3: Nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ, từ đó liên hệ tới mối quan hệ với tác phẩm.

Câu 4: Đoạn thơ vừa chép sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em hãy nêu tác dụng của biện pháp ấy.

Câu 5: Viết đoạn văn quy nạp từ 10 -> 12 câu với chủ đề: Khổ đầu bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp và tràn đầy sức sống.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: HS chép để hoàn thiện khổ thơ:

*Mọc giữa dòng sông xanh
 Một bông hoa tím biếc
 Oí con chim chiền chiện
 Hót chi mà vang trời
 Từng giọt long lanh rơi
 Tôi đưa tay tôi hứng*

Câu 2:

Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ viết vào tháng 11/1980, không bao lâu sau trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện được niềm yêu mến cuộc sống, yêu nước thiết tha và ước nguyện của tác giả.

Từ tình yêu cuộc sống, yêu cuộc đời, thiên nhiên được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mở rộng ra với mùa xuân đất nước, cách mạng. Cảm xúc lắng đọng dần vào suy tư và ước nguyện: nhà thơ muốn nhập vào bản hòa ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ khép lại những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

Câu 3:

- Mùa xuân nho nhỏ là một sáng tác độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ.
- Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người.
- Sự hòa quyện giữa cái chung và cái riêng, giữa mối quan hệ cá nhân và cộng đồng.
- Bài thơ thể hiện nguyện ước của nhà thơ, muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình rất khiêm nhường. Mong ước nhỏ nhoi, giản dị được cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước. Đó là chủ đề mà bài thơ mà nhà thơ muốn gửi gắm.

Câu 4:

- Đảo trật tự cú pháp: đưa từ “mọc” lên đầu câu-> nhấn mạnh sức sống của bông hoa
- Biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:
 - + Giọt long lanh là những giọt mưa xuân, giọt mưa xuân, trong sáng, rơi xuống từng nhành cây, kẽ lá.
 - + Tiếng chim từ chỗ là âm thanh (cảm nhận bằng thính giác) chuyển thành “từng giọt” (hình và khối, cảm nhận bằng thị giác), từng giọt long lanh ánh sáng và màu sắc có thể bằng xúc giác (tôi đưa tay tôi hứng).
- Câu thơ gợi ra niềm cảm xúc say mê, ngây ngất của tác giả trước cảnh trời đất xứ Huế vào mùa xuân, thể hiện mong muốn hòa nhập thiên nhiên, đất trời trong tâm tưởng giữa mùa đông lạnh giá khiến ta vô cùng khâm phục.

Câu 5:

- Yêu cầu hình thức: Viết đoạn văn quy nạp tức là câu chủ đề phải đưa xuống cuối đoạn văn (chú ý có từ liên kết: Quả thật, có thể nói...).
- Yêu cầu nội dung: Đoạn thơ cần bám sát những ý sau:
 - + Vài nét phác họa của tác giả về mùa xuân: dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện hót vang trời.
 - + Không gian cao rộng (với dòng sông, với mặt đất, bầu trời bao la), cả sắc màu tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc – màu tím đặc trưng của xứ Huế), cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện hót vang trời.
 - + Cảm xúc say sưa, ngây ngất của nhà thơ: được diễn tả ở chi tiết rất tạo hình: “Từng giọt long lanh rơi. Tôi đưa tay tôi hứng”.

*** Đoạn văn tham khảo:**

- (1) Bức tranh thiên nhiên mở đầu bằng không gian thoáng đãng, yên ả, thơ mộng.
- (2) Đó là không gian của một dòng sông xanh.
- (3) Dòng sông ấy gợi nhắc đến sông Hương thơ mộng của Xứ Huế và không gian của mùa xuân không ngừng được mở rộng với tiếng hót vang trời của con chim chiền chiện.
- (4) Chiền chiện vốn là loài chim báo tin xuân, hình ảnh của nó xuất hiện trong khổ thơ khiến người đọc có cảm giác không gian như được trải đầy một sắc xuân.
- (5) Thanh Hải lựa chọn màu sắc trẻ trung, tươi tắn và căng tràn sức sống cho bức tranh mùa xuân của mình.
- (6) Đó là màu xanh của dòng sông hoà lẫn màu xanh của bầu trời.

(7) Là một màu tím biếc đến nao lòng của xứ Huế.

(8) Nhưng bức tranh này không chỉ có hình ảnh, màu sắc mà còn có cả âm thanh.

(9) Chỉ có điều ở đây tiếng chim hót như trở nên cụ thể, hữu hình, thành hình khối long lanh náo nức để có thể đưa tay ra mà hứng, mà nâng niu.

(10) *Quả thật, Thanh Hải với lòng yêu thiên nhiên say đắm đã thể hiện mọi bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, tràn đầy sức sống.*

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho đoạn thơ:

Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xô xao...

(Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)

Câu 1: Từ “lộc” trong bài được sử dụng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Hãy giải thích tại sao tác giả lại miêu tả người lính là “lộc giắt đầy trên lưng”?

Câu 2: Phân tích để làm rõ giá trị của các điệp ngữ trong đoạn thơ trên.

Câu 3: Em hãy viết đoạn văn khoảng 8-10 câu theo phương thức diễn dịch để làm rõ vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp ấy. Đoạn thơ có sử dụng phép thế và câu chứa thành phần phụ chú ngữ.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

Từ “lộc” là sự sáng tạo độc đáo của tác giả:

+ Lộc của “người ra đồng”: nói về những người lao động, những người ươm mầm cho sự sống, ươm mầm non trên những cánh đồng quê hương. Từ “lộc” cho ta liên tưởng tới những cánh đồng mênh mông với những chồi non nhú lên xanh biếc từ những hạt thóc giống mùa xuân. Từ “lộc” còn mang sức sống, sức mạnh của con người. Có thể nói chính con người tạo nên sức sống mùa xuân thiên nhiên đất nước.

+ “Mùa xuân người cầm súng. Lộc giắt đầy trên lưng”: liên tưởng đến những người chiến sĩ, những người cầm súng khi ra trận trên vai trên lưng có cành lá ngụy trang. Những cành lá ấy mang lộc biếc, chồi non, mang theo cả mùa xuân của thiên nhiên, cây cỏ. Từ “lộc” làm cho người ta thấy tràn ngập niềm tin, hy vọng đã tiếp thêm sức mạnh ý chí để họ vươn xa ra, bảo vệ đất nước.

→ Con người chính là nhân tố quyết định tạo ra, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đất nước. Hình ảnh “lộc” xuân tràn theo người ra đồng là đẹp ý thơ với cuộc sống

lao động và chiến đấu. Xây dựng và bảo vệ, là hai nhiệm vụ không thể tách rời, họ đem mùa xuân mọi nơi trên đất nước.

Câu 2:

- Chỉ rõ những điệp ngữ trong đoạn: *mùa xuân, lộc, tất cả*.

- Vị trí của điệp ngữ: đầu câu thơ.

- Cách điệp: nối liền và cách nhau.

- Tác dụng: tạo nhịp điệu cho câu thơ. Các điệp ngữ tạo nên điểm nhấn cho câu thơ như nốt nhấn của bản nhạc, góp phần gợi không khí sôi nổi, khẩn trương, tập nập của bức tranh đất nước vừa lao động, vừa chiến đấu.

Câu 3:

a. Về hình thức:

- Độ dài khoảng 12 câu .

- Bố cục đoạn văn theo cách diễn dịch.

- Không mắc lỗi về diễn đạt.

b. Về nội dung, trình bày được những cảm nhận về đoạn thơ:

- Suy ngẫm về mùa xuân của đất nước, dân tộc.

- Những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã vượt qua.

- Hình ảnh "người cầm súng" đi liền với hình ảnh "lộc giắt đầy trên lưng"

- Hình ảnh "người ra đồng" đi liền với hình ảnh "lộc trải dài nương mạ"

Đoạn văn tham khảo:

(1) *Trước cảm hứng bất tận về mùa xuân tự nhiên đất trời, tác giả suy ngẫm về mùa xuân của đất nước, dân tộc:*

Mùa xuân người cầm súng

...

Tất cả như xôn xao

(Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)

(2) Tác giả dùng hai tính từ đặc tả đúng những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã vượt qua:

Đất nước bốn nghìn năm

Vất vả và gian lao

(3) Sự “vất vả” và “gian lao” ở đây nhà thơ muốn nói tới chính là quá trình nước ta đi vượt qua khó khăn, thử thách để “*cứ đi lên phía trước*”.

(4) Hình ảnh lộc tràn ngập khắp khổ thơ cũng chính là sáng tạo nghệ thuật của Thanh Hải khi nói về những lực lượng nòng cốt, chủ đạo giúp đất nước phát triển, vững bền.

(5) Hình ảnh “lộc” của người cầm súng khiến ta liên tưởng tới cành lá ngụy trang cũng như tương lai, sức sống và khát vọng thanh bình về quốc gia độc lập.

(6) Hình ảnh “lộc” của người ra đồng là hình ảnh những chồi non, mầm sống từ những cánh đồng quê hương.

(7) Từ “lộc” mang sức sống, niềm hy vọng ngày mai ấm no hơn, hạnh phúc hơn.

(8) Nhà thơ tin tưởng, tự hào vào tương lai tươi sáng của đất nước dù trước mắt còn nhiều gian nan, thử thách.

- Phép thể: Tác giả- nhà thơ- Thanh Hải

- Thành phần phụ chú: (Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Cho hai câu thơ:

Đất nước

Bốn ngàn năm không nghỉ

(Chúng con chiến đấu cho con người sống mãi Việt Nam ơi, Nam Hà)

Câu 1: Những câu thơ trên gọi cho em liên tưởng tới khổ thơ nào đã học trong bài "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải(chép khổ thơ đó)?

Câu 2: Em hãy chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ em vừa chép? Biện pháp tu từ đó đã cho em cảm nhận gì về ý nghĩa khổ thơ đó?

Câu 3: Viết đoạn văn khoảng nêu cảm nhận của em về hình ảnh đất nước trong khổ thơ vừa chép.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

Những câu thơ trên cho em liên tưởng tới khổ thơ:

Đất nước bốn nghìn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước

Nhà thơ tin tưởng, tự hào về tương lai đất nước, cho dù trước mắt nhiều khó khăn, gian lao. Và đất nước được hình dung bởi hình ảnh so sánh đẹp và ý nghĩa.

Câu 2:

- HS chỉ ra được trong khổ thơ tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật nhân hóa và so sánh, điệp từ

- Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật:

+ Phép nhân hóa: đất nước vất vả gian lao -> hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, mang vóc dáng của người mẹ, người chị tần tảo, cần cù.

+ Phép so sánh đất nước với “ vì sao cứ đi lên phía trước”, nhà thơ đã sáng tạo hình ảnh đất nước rất khiêm nhường nhưng cũng rất tráng lệ. Là 1 vì sao nhưng ở vị trí đi lên trước dẫn đầu. Đó cũng là hình ảnh của cách mạng VN, của đất nước trong lịch sử.

+ Điệp từ : đất nước cùng các biện pháp tu từ trên góp phần làm nổi bật và gợi ấn tượng về hình ảnh đất nước với niềm yêu mến, tự hào của tác giả

Câu 3:

*** Đoạn văn tham khảo:**

Hình ảnh đất nước được thể hiện ngắn gọn qua khổ thơ:

“Đất nước bốn ngàn năm

....
Cứ đi lên phía trước”

Chặng đường phát triển của đất nước gắn chặt với việc đấu tranh chống lại thế lực ngoại xâm, vì vậy tác giả sử dụng từ “vất vả” để nói tới quá trình sống, chiến đấu và làm việc. Tác giả sử dụng hình ảnh so sánh gợi liên tưởng đẹp đẽ về hình hài của đất nước. So sánh đất nước với vì sao là sự trân trọng, ngợi ca sức sống, sự trường tồn bền bỉ của đất nước. Nhà thơ tin tưởng vào sự trường tồn và phát triển của đất nước cho dù quá khứ, hiện tại đất nước luôn gặp khó khăn.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Cho đoạn thơ:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc*

(Trích "Mùa xuân nho nhỏ" – Thanh Hải)

Câu 1: Nhan đề "Mùa xuân nho nhỏ" được cấu tạo bởi những từ loại nào? Việc kết hợp như vậy thể hiện nguyện vọng nào của tác giả?

Câu 2: Nốt nhạc trong bài thơ thể hiện nét gì? Điều đó góp phần gì vào việc thể hiện nguyện ước của tác giả?

Câu 3: Phát hiện và phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong hai khổ thơ trên.

Câu 4: Hãy nêu ý nghĩa và nhận xét sự lặp lại, biến đổi của những chi tiết, hình ảnh, đại từ trong khổ thơ đầu và khổ thơ thứ tư.

Câu 5: Hãy viết đoạn văn khoảng 8-10 câu theo cách lập luận tổng - phân - hợp làm rõ tâm niệm của nhà thơ. Đoạn văn có sử dụng thành phần phụ chú.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

"Mùa xuân nho nhỏ" có cấu tạo danh từ (mùa xuân) kết hợp với tính từ (nho nhỏ) tạo ra sự hòa kết độc đáo mang ẩn dụ sáng tạo, giàu ý nghĩa góp phần thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm, cùng ước nguyện chân thành của nhà thơ Thanh Hải dành cho cuộc đời.

+ Mùa xuân: mang nghĩa thực, chỉ mùa khởi đầu của năm, đây là mùa của sự sinh sôi, phát triển.

+ Mùa xuân còn mang ý nghĩa ẩn dụ khi chỉ những thứ đẹp, tinh túy nhất của sự sống và cuộc đời mỗi người, mùa xuân còn tượng trưng cho tuổi trẻ, trí tuệ và sức trẻ nhiệt huyết.

+ Từ láy nho nhỏ thể hiện sự giản dị, khiêm nhường.

→ Đặt nhan đề tác phẩm là "Mùa xuân nho nhỏ", tác giả muốn thể hiện sự khiêm nhường, chân thành trong nguyện ước giản dị và tha thiết được cống hiến sức của mình vào những điều tốt đẹp của đất nước. Nhan đề cũng thể hiện sự hòa quyện cái chung và cái riêng, giữa cá nhân với cộng đồng.

Câu 2:

“*Một nốt trầm*” chính là sự khiêm nhường, lặng lẽ của tác giả giữa bản đàn muôn điệu của cuộc sống. Nốt trầm để nâng đỡ các nốt nhạc khác thăng hoa hơn, ở đây tác giả rất tinh tế khi kết hợp nốt trầm lắng với tính từ “*xao xuyến*”. Như vậy, chính nốt trầm tạo dấu ấn, gây được những xao động đẹp đẽ trong lòng người đọc. Nguyện ước chân thành, nhỏ bé của nhà thơ được hóa thân thành những điều đẹp đẽ như nốt trầm xao xuyến kia, luôn có mặt, hiện hữu trong bản đàn muôn bậc của sự sống.

Câu 3:

Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:

Ta làm con chim hót

....

Dù là khi tóc bạc

- Biện pháp điệp ngữ: “*ta làm*” diễn tả khát vọng muốn được làm những việc hữu ích dâng hiến cho cuộc đời được bày tỏ qua những hình ảnh tự nhiên, giản dị: chim, nhành hoa, nốt trầm.

+ Điệp từ “*ta*” như một lời khẳng định, đó không chỉ là ước nguyện của nhà thơ mà còn là ước nguyện chung của rất nhiều người.

+ Biện pháp đảo ngữ trong câu thơ “*lặng lẽ dâng cho đời*”: nhấn mạnh vào trạng thái trầm lặng khi cống hiến, khát vọng được hóa thân một cách lặng lẽ, khiêm nhường.

+ Điệp ngữ “*dù là*” nhấn mạnh vào sự tha thiết cũng như sức cống hiến không ngừng nghỉ, có thể nói đây là sự tận hiến của người khát khao sống có ích cho đời dù là khi trẻ hay già.

+ Mùa xuân nho nhỏ: biện pháp ẩn dụ đầy sáng tạo thể hiện thiết tha và cảm động ước mong được cống hiến, sống đẹp và có ích với cuộc đời chung.

Câu 4:

Hình ảnh con chim và hình ảnh bông hoa được lặp lại trong hai khổ thơ: khổ đầu và khổ thơ thứ tư.

+ Ở khổ thơ đầu, hình ảnh được miêu tả cụ thể gợi cảm mang ý nghĩa diễn tả sự tươi đẹp của cuộc sống.

+ Sự lặp lại chi tiết bông hoa và con chim hót làm cho hai chi tiết này trở thành biểu tượng của mùa xuân và từ đó xuất hiện hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” ở khổ thơ thứ năm rất tự nhiên.

- Ở đầu đoạn thơ xưng hô đại từ “*tôi*” nhưng đến khổ thứ tư chuyển thành đại từ “*Ta*” diễn tả điều tâm niệm của tác giả là khát vọng chung của nhiều người, nhiều lứa tuổi.

+ Tiếng lòng của nhà thơ gặp và giao hòa với tiếng lòng của nhiều người vì vậy tác giả sử dụng tiếng nói chung “*ta*”.

Câu 5:

*** Đoạn văn tham khảo:**

(1) "Mùa xuân nho nhỏ" là bài ca đẹp đẽ và sâu lắng về ước nguyện cống hiến chân thành của nhà thơ muốn được sống đẹp, sống có ích với cuộc đời chung.

(2) Khao khát đó cháy bỏng, tự nhiên và thuần phác khi nhà thơ lựa chọn những hình ảnh của tự nhiên giản dị để diễn tả:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến*

(3) Tác giả nguyện làm con chim, làm một cành hoa dâng hương thơm, tiếng hót làm đẹp cho đời.

(4) Đặc biệt ước nguyện muốn hóa thành thành "một nốt trầm" hòa nhịp, nâng đỡ bản đàn muôn điệu của cuộc đời.

(5) Nếu như phần mở đầu, tác giả phác họa hình ảnh mùa xuân của tự nhiên bằng hình ảnh bông hoa và tiếng hót thì tới đoạn thơ này, hình ảnh đó được lặp lại như một sự đối ứng chặt chẽ, sự thống nhất trong tâm tưởng.

(6) Điệp từ "ta" một lần nữa khẳng định và nói thay ước nguyện mong muốn được cống hiến của rất nhiều người trong thời kì đất nước bước vào đổi mới.

(7) Nhưng trên hết, ước nguyện muốn được hóa thân của tác giả cháy bỏng và thật đẹp khi tác giả sử dụng từ "lặng lẽ" đây là cách nói khiêm tốn, chân thành mà giản dị lối sống cao đẹp.

(8) *Khổ thơ cho thấy khát vọng được cống hiến âm thầm, lặng lẽ của tác giả- người từng trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc, đã cống hiến và sống có ích cho tới cuối đời - Thanh Hải!*

- Thành phần phụ chú: - *người từng trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc, đã cống hiến và sống có ích cho tới cuối đời -*

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi :

Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một nốt trầm xao xuyến.

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

Câu 1: Em hiểu như thế nào về nhan đề “ Mùa xuân nho nhỏ”

Câu 2: Xác định một biện pháp tu từ mà em thích nhất trong đoạn thơ trên và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 3: Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống của mỗi con người?

Câu 4: Có bạn cho rằng, bài thơ là một lời giáo huấn đạo lý khô khan? Em có đồng tình với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 5: Viết một văn bản ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về một trong các bài học mà em rút ra được từ đoạn thơ trên?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đây là một sáng tạo mới mẻ, độc đáo.

- Nhà thơ nguyện làm một mùa xuân nghĩa là sống đẹp với tất cả sức sống tươi trẻ nhưng rất khiêm nhường góp vào mùa xuân lớn của đất nước

Câu 2: HS chọn , xác định đúng một phép tu từ : so sánh, điệp ngữ... Nêu tác dụng

Điệp cấu trúc ngữ pháp " Ta làm... Ta nhập..." được đặt ở vị trí đầu của ba câu thơ đã khiến cho nhịp điệu thơ trở nên nhẹ nhàng, khiến cho câu thơ như một lời thủ thi tâm tình về ước nguyện hóa thân, hiến dâng cho quê hương, đất nước của nhà thơ.

Câu 3: Từ đoạn thơ HS nêu suy nghĩ:

- Cuộc sống mỗi con người nằm trong cuộc sống chung

- Muốn cuộc sống tốt đẹp, có ý nghĩa, mỗi người phải biết sống có ích, biết cống hiến...

Câu 4: HS tự bộc lộ suy nghĩ đúng đắn, hợp lí, phù hợp với nội dung **Câu 5:**

*** Yêu cầu về kĩ năng:**

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Có bố cục và hệ thống ý tương đối rõ ràng .

- Biết vận dụng và phối hợp các thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục . Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng.

- Dựng đoạn có sự liên kết khá tốt.

- Bài làm viết một đoạn văn

*** Yêu cầu về kiến thức:**

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: HS chọn một trong các vấn đề: tình yêu quê hương đất nước, khiêm nhường, lối sống đẹp.... □ Giải thích ngắn

- Học sinh nêu được những biểu hiện

- Lý giải tại sao? Giá trị, vai trò- kèm dẫn chứng.

- Mở rộng vấn đề

- Nêu phương hướng hành động của bản thân.

BÀI 9 : NÓI VỚI CON

Y Phương

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<ul style="list-style-type: none"> - Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. - Cảm hứng chủ đạo trong thơ Y Phương là gia đình, quê hương, đất nước. - Phong cách sáng tác: Ngôn ngữ thơ giản dị, hồn nhiên, in đậm lối tư duy của người vùng cao; hình ảnh phong phú, mang giá trị biểu tượng...
Hoàn cảnh sáng tác	- Bài thơ được sáng tác năm 1980, năm năm sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đó là giai đoạn mà đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân cả nước nói chung và đồng bào miền núi nói riêng còn rất nhiều khó khăn, vất vả.
Xuất xứ	- Bài thơ được in trong tập “Thơ Việt Nam” (1945 1975).
Thể loại	Thơ tự do
Mạch cảm xúc và bố cục	<p>* Mạch cảm xúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mượn lời nói với con, Y Phương gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người, bộc

	<p>lộ niềm tự hào về sức sống bền bỉ của quê hương mình.</p> <p>- Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.</p> <p>* Bố cục: 2 phần:</p> <p>- Đoạn 1: (Từ “Chân phải... trên đời”): người cha nói với con về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con</p> <p>- Đoạn 2: (phần còn lại): Người cha nói về truyền thống quê hương và dặn dò con trên đường đời.</p>
Ý nghĩa nhan đề	<p>Nhan đề bài thơ là "Nói với con" nhưng cũng như chính lời nói của nhà thơ nhắc nhở thế hệ con cháu phải biết rõ cội nguồn từ đó giữ gìn truyền thống của quê hương sống xứng đáng là những con người nhỏ mà không bé (nhỏ đáng hình nhưng không nhỏ tâm chí) Nhan đề bài thơ khái quát được ý nghĩa của toàn bài thơ, tức là bài thơ đi từ tình cảm gia đình rồi mở ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha để nâng lên lẽ sống. Cảm xúc chủ đề của bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thiết.</p>
Chủ đề	<p>Lời người cha nói với con về lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ mai sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, quê hương là tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam suốt bao đời nay.</p>
Giá trị nội dung	<p>Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.</p>
Giá trị nghệ thuật	<p>Giọng điệu trau chuốt tha thiết, thể hiện qua lời tâm sự của cha với con, của thế hệ đi trước với thế hệ mai sau.</p> <p>Thể thơ tự do làm cho cảm xúc cụ thể, rõ ràng.</p> <p>Nhịp điệu lúc nhẹ nhàng bay bổng, khi khúc chiết rành rọt, lúc mạnh mẽ âm vang - > lời khuyên của cha thấm sâu vào con.</p> <p>Ngôn ngữ cụ thể mà giàu khái quát, bao hàm nhiều ý nghĩa, hình ảnh thơ độc đáo.</p>

1. Những cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con

a) Trong những lời tâm tình, tác giả nói với con cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con trước hết là gia đình:

" Chân phải bước tới cha
 Chân trái bước tới mẹ
 Một bước chạm tiếng nói
 Hai bước tới tiếng cười"

Nghệ thuật	Nội dung
Sử dụng hệ thống từ ngữ	gợi cho chúng ta liên tưởng đến những bước chân

giàu giá trị tạo hình: "chân phải", "chân trái", "một bước", "hai bước"	chập chững đầu tiên của một em bé trong sự vui mừng của cha mẹ.
Thủ pháp liệt kê thứ nhất qua hình ảnh "tiếng nói", "tiếng cười" kết hợp với biện pháp AD chuyển đổi cảm giác	<ul style="list-style-type: none"> - Tái hiện được hình ảnh của một em bé đang ở lứa tuổi bi bô tập nói. - Gọi đến khung cảnh của một gia đình đầm ấm, hòa thuận luôn tràn đầy niềm vui, hạnh phúc, tràn đầy tiếng nói, tiếng cười.
Thủ pháp liệt kê thứ hai qua hình ảnh "tới cha", "tới mẹ": kết hợp với biện pháp hoán dụ	<ul style="list-style-type: none"> - Tái hiện hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, lúc thì sà vào lòng mẹ, khi lại nắm lấy tay cha. - Gọi lên ánh mắt như đang dõi theo và vòng tay dang rộng đón đợi của cha mẹ.
Nhịp thơ 2/3 với cấu trúc đối xứng, kết cấu sóng đôi nhẹ nhàng	đã tạo nên một âm điệu, không khí tươi vui và gọi đến một mái ấm gia đình đề huề, hạnh phúc.
Lời thơ giản dị như một lời tâm tình thủ thỉ	Y Phương đã nói với con, gia đình chính là cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con. Vì thế, trên hành trình vạn dặm của cuộc đời, con không được phép quên. Hãy trân trọng niềm hạnh phúc giản dị, ngọt ngào và cũng rất đỗi thiêng liêng đó.

b) Cùng với gia đình, thì quê hương chính là mạch nguồn không thể thiếu nuôi dưỡng con khôn lớn và trưởng thành:

" Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lò cùi nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng"

Nghệ thuật	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> - Người đồng mình yêu lắm con ơi- câu cảm thán - Quê hương được giới thiệu qua lối nói hình ảnh của người vùng cao - "người đồng mình". 	<ul style="list-style-type: none"> - chan chứa niềm xúc động tự hào - Là người vùng mình, người miền mình. Đây có thể hiểu là những người cùng sống trên một miền đất, cùng quê hương, cùng một dân tộc. - Cách giới thiệu hình ảnh ấy lại đi liền với hô ngữ "con ơi" khiến lời của cha với con thật trìu mến, thân thương.
- Hệ thống hình ảnh giàu	

sức gọi:	
"Đan lò cài nan hoa" :	tả thực công cụ lao động còn thô sơ được "người đồng mình" trang trí trở nên đẹp đẽ; gợi đôi bàn tay cần cù, khéo léo, tài hoa và giàu sáng tạo của "người đồng mình", đã khiến cho những nan nứa, nan tre đơn sơ, thô mộc trở thành "nan hoa".
"Vách nhà ken câu hát":	tả thực lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng, gia đình của " người đồng mình", khiến cho những vách nhà như được ken đầy trong những câu hát si, hát lượn; gợi một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của người miền cao.
Các động từ “đan” "cài", "ken"	vừa miêu tả được động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó của những "người đồng mình" trong cuộc sống lao động.
- Thủ pháp nhân hóa:	
"Rừng cho hoa"	tả thực vẻ đẹp của những rừng hoa mà thiên nhiên, quê hương ban tặng; gợi sự giàu có và hào phóng của thiên nhiên, quê hương.
"Con đường cho những tấm lòng"	gợi liên tưởng đến những con đường trở về nhà, về bản; gợi đến tấm lòng, tình cảm của "người đồng mình" với gia đình, quê hương, xứ sở.
- Điệp từ "cho"	cho thấy tấm lòng rộng mở mở, hào phóng, sẵn sàng ban tặng tất cả những gì đẹp nhất, tuyệt vời nhất của quê hương, thiên nhiên.
=> Nếu như gia đình là cội nguồn sinh thành và dưỡng dục con, thì quê hương bằng văn hóa, lao động đã nuôi dưỡng và che chở cho con thêm khôn lớn, trưởng thành. Quê hương nuôi dưỡng con về tâm hồn và lẽ sống.	

c) Cuối cùng, tác giả tâm sự với con về kỉ niệm êm đềm, hạnh phúc nhất của cha mẹ. Bởi đó cũng là cội nguồn để sinh thành nên con:

" Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới

Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời"

Nghệ thuật	Nội dung
"Nhớ về ngày cưới"	là nhớ về kỷ niệm cho sự khởi đầu của một gia đình. Nó là minh chứng cho tình yêu và con chính là kết tinh của tình yêu ấy.
"Ngày đầu tiên đẹp nhất"	đó có thể là ngày cưới của cha mẹ, nhưng cũng có thể là ngày đầu tiên con chào đời.
=> Đoạn thơ là lời dặn dò, nhắn nhủ tâm tình của người cha về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con: gia đình, quê hương chính là những nền tảng cơ bản để tiếp bước cho con khôn lớn, trưởng thành. Bởi vậy, con phải luôn sống bằng tất cả tình yêu và niềm tự hào.	

2. Những phẩm chất cao quý của người đồng mình và lời khuyên của cha

a) Cuộc sống của người đồng mình

"Người đồng mình thương lắm con ơi!

Nghệ thuật	Nội dung
Sử dụng lối nói hình ảnh của người vùng cao: "người đồng mình"	để gọi lên sự gần gũi, thân thương trong một gia đình.
Động từ "thương" đi liền với từ chỉ mức độ "lắm"	<ul style="list-style-type: none"> - cuộc sống còn vất vả gian lao - để bày tỏ sự đồng cảm sẻ chia, thấu hiểu với những nỗi vất vả, khó khăn của con người quê hương. - vẻ đẹp của người đồng mình nhẩn lại âm thầm tỏa sáng trong hoàn cảnh khó khăn - trân trọng giữ gìn và mong muốn phát huy => Đây là cảm xúc chủ đạo của đoạn thơ.
=> Cuộc sống của người đồng mình đầy vất vả gian lao: Sống trên đá gập ghềnh, trong thung nghèo đói, lên thác xuống ghềnh. Thiên nhiên khắc nghiệt cuộc sống cần không chứa đựng nhiều khó khăn thử thách.	

b. Những phẩm chất cao quý của người đồng mình

-Nói về cuộc sống của người đồng mình đầy vất vả gian lao người cha đã khéo léo "đan" ,"cài" những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình:

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn"

Nghệ thuật	Nội dung
Hệ thống từ ngữ giàu sức gợi qua hai tính từ "cao", "xa":	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi liên tưởng đến những dãy núi cao, trùng điệp là nơi cư trú của đồng bào vùng cao. - Những tính từ này được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, gợi những khó khăn như chồng chất khó khăn để thử thách ý chí con người. - Hệ thống hình ảnh mang tư duy của người miền núi, khi tác giả lấy cao của trời, của núi để đo nỗi buồn, lấy xa của đất để cho ý chí của con người.
=> Câu thơ đượm chút ngậm ngùi, xót xa để diễn tả thực tại đời sống còn nhiều những khó khăn, thiếu thốn của đồng bào vùng cao. Đồng thời, cũng đầy tự hào trước ý chí, nghị lực vươn lên của họ.	

- Từ phẩm chất của người đồng mình, Y Phương tiếp tục nói với con về ý chí và vẻ đẹp truyền thống của người vùng cao:

" Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục"

Nghệ thuật	Nội dung
Nghệ thuật tương phản:	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh "thô sơ da thịt" đã tả thực vóc dáng, hình hài nhỏ bé của "người đồng mình". - Cụm từ "chẳng mấy ai nhỏ bé" gợi ý chí, nghị lực phi thường, vượt lên hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn của "người đồng mình". <p>Nghệ thuật tương phản đã làm tôn lên "tâm vóc", "vóc dáng" của "người đồng mình": họ có thể còn "thô sơ da thịt" nhưng họ không hề yếu đuối.</p>
Hình ảnh "tự đục đá kê cao quê hương" vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc:	<ul style="list-style-type: none"> - Tả thực quá trình dựng nhà, dựng bản của người vùng cao, được kê trên những tảng đá lớn để tránh mối mọt. - Ẩn dụ cho tinh thần tự lực cánh sinh, họ đã dựng xây và nâng tầm quê hương.
=> Trong quá trình dựng làng, dựng bản, dựng xây quê hương ấy, chính họ đã làm nên phong tục, bản sắc riêng cho cộng đồng. Câu thơ tràn đầy niềm tự hào về những phẩm chất cao quý của người đồng mình. Từ đó, Y Phương nhắn nhủ, răn dạy con phải biết kế thừa, phát huy những vẻ đẹp của con người quê hương.	

b) Lời khuyên của người cha

- Hãy biết sống theo những truyền thống tốt đẹp của người đồng mình:

"Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc"

Nghệ thuật	Nội dung
Điệp từ "sống" được lặp đi lặp lại liên tiếp	đã tô đậm được mong ước mãnh liệt của cha dành cho con.
Hình ảnh ẩn dụ và phép liệt kê "đá gập ghềnh" và	<ul style="list-style-type: none"> - Gợi không gian sống hiểm trở, khó làm ăn, canh tác. - Gợi đến cuộc sống nhiều vất vả, gian khó và đói

"thung nghèo đói":	nghèo. Từ đó, người cha mong muốn ở con: hãy biết yêu thương, gắn bó, trân trọng quê hương mình.
Hình ảnh so sánh: "Sống như sông như suối"	+ Gọi về cuộc sống bình dị, hồn nhiên, gắn bó với thiên nhiên. + Gọi lối sống trong sáng, phóng khoáng, dào dạt tình cảm như sông, những suối. - Từ đó, người cha mong muốn ở con: một tâm hồn trong sáng, phóng khoáng như thiên nhiên.
Thủ pháp đối: "lên thác" >< "xuống ghềnh"	gợi một cuộc sống vất vả, lam lũ, nhọc nhằn, không hề bằng phẳng, dễ dàng. Từ đó, người cha mong muốn ở con: phải biết đối mặt, không ngại ngần trước những khó khăn và phải biết vươn lên, làm chủ hoàn cảnh.
=> Đoạn thơ là lời khuyên của cha, khuyên con hãy tiếp nối cái tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra. Hãy tiếp nối cả ý chí can đảm, lòng kiên cường của người đồng mình.	

- Khép lại bài thơ, là lời dặn dò vừa ân cần, trìu mến vừa nghiêm khắc của người cha:

" Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường tình

Không bao giờ được nhỏ bé

Nghe con"

Nghệ thuật	Nội dung
Hai tiếng "lên đường"	cho thấy người con đã khôn lớn, trưởng thành, có thể tự tin, vững bước trên đường đời.
Hình ảnh thơ được lặp lại "thô sơ da thịt"	nghư là lời khẳng định để khắc sâu trong tâm trí con, rằng : con cũng là người đồng mình, cũng mang hình hài, vóc dáng nhỏ bé.
Nhưng con "không bao giờ được nhỏ bé"	mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời.
Hai tiếng "nghe con"	nghe thật thiết tha, ân cần, xúc động, ẩn chứa biết bao mong muốn của người cha.
=> Với giọng điệu thiết tha, tâm tình, trìu mến, người cha đã gửi gắm cho con những bài học quý giá, để trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời con mãi mãi khắc ghi.	

*** Đánh giá:**

- Thể thơ tự do, phóng khoáng, phù hợp với lối nói, diễn đạt và tư duy của người vùng cao.

- Giọng điệu thơ khi tâm tình, tha thiết, khi mạnh mẽ, nghiêm khắc, rất phù hợp với lời của người cha nói với con mình.

- Bài thơ "Nói với con" thể hiện tình cảm sâu nặng của người cha dành cho con. Đồng thời, bộc lộ tình yêu quê hương, xứ sở và lòng tự hào về người đồng mình.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho hai câu thơ

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ*

Câu 1: Hãy chép chính xác 9 câu thơ tiếp theo và cho biết đoạn thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ?

Câu 3: Em hiểu “người đồng mình” là gì? Cách gọi “người đồng mình” của tác giả có gì sâu sắc?

Câu 4: Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

*Đan lò cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Hướng dẫn trả lời*

Câu 1:

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình thương lắm con ơi
Đan lò cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời*

Bài thơ "Nói với con" của Y Phương.

Câu 2:

Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: Bài thơ sáng tác năm 1980 khi đất nước gặp nhiều khó khăn do vừa thoát khỏi chiến tranh. Bài thơ như lời tâm sự với đứa con gái về những giá trị về tình người và văn hóa.

Câu 3:

“Người đồng mình” là cách gọi thân thương, chân thành và giản dị của tác giả về người cùng quê, cùng bản với mình.

Câu 4:

Hai câu thơ gợi lên khung cảnh lao động của người dân miền núi.

- "Đan lò cài nan hoa": tả thực công cụ lao động còn thô sơ được "người đồng mình" trang trí trở nên đẹp đẽ; gợi đôi bàn tay cần cù, khéo léo, tài hoa và giàu sáng tạo của "người đồng mình", đã khiến cho những nan nứa, nan tre đơn sơ, thô mộc trở thành "nan hoa".

- "Vách nhà ken câu hát": tả thực lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng, gia đình của "người đồng mình", khiến cho những vách nhà như được ken dày trong những câu hát si, hát lượn; gợi một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của người miền cao.

Hai câu thơ thi vị bởi trong lao động, người ta vẫn lạc quan, vui vẻ tận hưởng cuộc sống, và sống hạnh phúc bởi bàn tay lao động.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

.... "Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn.
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con"...

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, trang 72, NXB Giáo dục, 2007)

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả.

Câu 2: Giải nghĩa cụm từ "Người đồng mình".

Câu 3: Qua hai câu thơ của đoạn trích:

"Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói".

Em hãy cho biết "Người đồng mình" sống ở vùng nào và đặc điểm của hoàn cảnh sống ở đó ra sao?

Câu 4: Tìm và nêu ý nghĩa của biện pháp tu từ so sánh có trong đoạn thơ trên.

Câu 5: Qua lời tâm tình của đoạn thơ, người cha mong ước ở con cách sống như thế nào?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm Nói với con của tác giả Y Phương.

Câu 2:

- "Người đồng mình" là người vùng mình, người miền mình, có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.

Câu 3:

- Người đồng mình sống trên đá, trong thung và cuộc sống hiện tại còn nhiều đói nghèo, khó khăn, cực nhọc. Chỉ với những hình ảnh mộc mạc cùng lối so sánh tự nhiên, người cha trong lời dặn dò con biết quý trọng những gì mình đang có, biết gắn bó và yêu thương quê hương còn nhiều khó khăn, đói nghèo.

Câu 4:

Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

Câu 5:

Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng:

- Tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của quê hương.
- Cha khuyên con tiếp nối tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra của người đồng mình và cả lòng can đảm, ý chí kiên cường của họ.
- Dù gặp trở ngại con phải biết đương đầu với khó khăn, vượt qua thách thức, không được sống yếu hèn, hẹp hòi, ích kỉ. Phải sống sao cho xứng đáng với cha mẹ, với người đồng mình.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, trang 72, NXB Giáo dục, 2007)

Câu 1: Những dòng thơ trên có ở trong bài thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Cụm từ in đậm ở dòng thơ đầu tiên là thành phần gì trong câu?

Câu 3: Chỉ ra những từ ngữ mang ý nghĩa hàm ý trong đoạn thơ trên. Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời thơ ấy là gì?

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 10 câu theo mô hình tổng – phân – hợp, trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết câu để thể hiện mong muốn của người cha với con: Hãy vững bước tự tin trên đường đời.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm Nói với con của tác giả Y Phương.

Câu 2: Cụm từ in đậm ở dòng thơ đầu tiên là thành phần *gọi đáp*.

Câu 3: . Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời thơ ấy là gì?

- Những từ ngữ mang ý nghĩa hàm ý trong đoạn thơ trên: *thô sơ da thịt, nhỏ bé*

+ **Thô sơ da thịt:** hình hài, vóc dáng nhỏ bé, mộc mạc.

+ **Không nhỏ bé:** không được tầm thường, mà phải có ý chí.

Câu 4: Viết đoạn văn theo mô hình tổng – phân – hợp, trong đoạn văn có sử dụng phép thế và câu cảm thán để thể hiện mong muốn của người cha với con thể hiện qua 4 câu thơ cuối: Hãy vững bước tự tin trên đường đời.

* **Đoạn văn tham khảo:**

(1) Kết thúc bài thơ về cha mong muốn con mình phải tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương, lấy đó làm hành trang để vững bước vào đời.

(2) Lời nhắn nhủ và mong ước của người cha được thể hiện qua những câu thơ ngắn gọn và dứt khoát:

Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

(3) Lời cuối nói với con càng trở nên tha thiết.

(4) “Lên đường” là hình ảnh ẩn dụ để chỉ con đường đời, con đường đi tới tương lai, khi đó con phải thật mạnh mẽ, vững vàng, không được phép yếu mềm, buông xuôi trước cuộc đời.

(5) Hình ảnh thơ được lặp lại "thô sơ da thịt" như là lời khẳng định để khắc sâu trong tâm trí con, rằng : con cũng là người đồng mình, cũng mang hình hài, vóc dáng nhỏ bé.

(6) Người cha muốn con phải biết lắng nghe, biết giữ lấy cốt cách giản dị, mộc mạc của người lao động.

(7) Nhưng con "không bao giờ được nhỏ bé" mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời.

(8) Hai tiếng "nghe con" nghe thật thiết tha, ân cần, xúc động, ẩn chứa biết bao mong muốn của người cha.

(9) Đó là cả một tấm lòng người cha bao la, đó cũng là niềm tin người cha dành cho con.

(10) Với giọng điệu thiết tha, tâm tình, trù mến, người cha đã gửi gắm cho con những bài học quý giá, để trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời con mãi mãi khắc ghi.

- Phép liên kết: (7) **Nhưng** con "không bao giờ được nhỏ bé" mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời.

(*Nhưng: phép nối*)

SANG THU

Hữu Thỉnh

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Hữu Thỉnh tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh năm 1942, quê ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.</p> <p>- Năm 1963, Hữu Thỉnh nhập ngũ, vào binh chủng Tăng Thiết Giáp rồi trở thành cán bộ văn hoá tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ.</p> <p>- Ông đã tham gia Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam các khoá III, IV, V. Từ năm 2004, Hữu Thỉnh là Tổng thư ký Hội nhà văn Việt Nam.</p> <p>- Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu thuộc lớp nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>+ Trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước, bao trùm tron gtoanf bộ sáng tác của Hữu Thỉnh là camrm hứng về quê hương, đất nước, nhân dân.</p> <p>+ Sau chiến tranh, ngòi bút của ôn ghương về những cảm xúc đời thường hay những thân phận cá nhân.</p> <p>- Phong cách sáng tác: cảm xúc tinh tế, lãng mạn ; hình ảnh giản dị mà giàu sức gợi cảm.</p>
Hoàn cảnh sáng tác	Gần cuối năm 1977, in lần đầu trên báo Văn nghệ. Sau đó được in nhiều lần trong các tập thơ.
Xuất xứ	Trong tập thơ “Từ chiến hào đến thành phố”, xuất bản năm 1991.
Thể loại	Thơ 5 chữ
Mạch cảm xúc	* Mạch cảm xúc: “ <i>Sang thu</i> ” là 1 bức thông điệp lúc giao mùa. Mùa hạ dần qua,

và bố cục	<p>mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, sự trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với 2 nội dung nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên lúc sang thu và suy ngẫm về đời người khi chớm thu.</p> <p>* Bố cục: 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khổ 1: Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa, tín hiệu báo thu về. - Khổ 2: Quang cảnh đất trời ngả dần sang thu - Khổ 3: Những biến chuyển âm thầm của tạo vật và suy ngẫm về đời người lúc chớm thu.
Ý nghĩa nhan đề	<ul style="list-style-type: none"> - “Sang thu” trước hết gọi lên khoảnh khắc giao mùa của thiên nhiên, khi đất trời chuyển từ hạ sang thu. - Gọi khoảnh khắc chuyển giao giữa tuổi trẻ sang độ tuổi trưởng thành, vững vàng, từng trải.
Chủ đề	Bài thơ thể hiện những cảm xúc, những rung động tâm hồn trước cảnh vật thiên nhiên trong những ngày cuối hạ đầu thu
Giá trị nội dung	Là sự cảm nhận tinh tế về vẻ đẹp thiên nhiên của bước chuyển mùa từ hạ sang thu. Đồng thời nói lên sự xúc động của lòng người trong khoảnh khắc giao mùa.
Giá trị nghệ thuật	Là thơ giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, cảm xúc tinh tế, sâu lắng, kết hợp tâm lòng chân thành của nhà thơ tạo nên sức cuốn hút cho tác phẩm.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Những tín hiệu giao mùa

- "Sang thu" là một khoảnh khắc rất đặc biệt của thiên nhiên. Đó là lúc hạ vẫn chưa kịp đi mà hương thu đã lặng lẽ đến rồi.

- Trước sự thay đổi ấy, hẳn phải là một hồn tinh tế và giàu cảm xúc lắm thì nhà thơ mới cảm nhận được:

" Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về"

- Hữu Thỉnh đã lựa chọn một hình ảnh quen thuộc, gần gũi để làm nên một tứ thơ mới mẻ khi ông sử dụng một làn "hương ổi" để làm tín hiệu giao mùa:

Nghệ thuật	Nội dung
"Hương ổi" đi liền với từ "bỗng" được đặt ở đầu câu thơ	đã diễn tả cảm giác bất ngờ, đột ngột, ngỡ ngàng của nhân vật trữ tình.
"Hương ổi" đi liền với động từ "phả"	diễn tả một làn hương ngào ngạt, sánh đậm. Đồng thời gợi cho ta liên tưởng đến không gian thân thuộc

	của những làng quê. Đó có thể là một làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ với những khu vườn, những lối ngõ sum suê cây trái. Làn " hương ổi" trở thành phong vị riêng trong thơ thu Hữu Thỉnh.
"Gió se"	là ngọn gió heo may đặc trưng của mùa thu đất Bắc. Đó là một thứ gió khô và thoáng chút se lạnh. Làn "gió se" ấy đã làm dịu đi cái nắng oi ả, gay gắt của mùa hạ và khiến cho làn "hương ổi" như sánh lại và trở nên ngọt ngào hơn.
Nghệ thuật nhân hóa qua từ láy "chùng chình"	đã gợi lên dáng vẻ lững lờ, chậm rãi, cố ý chậm lại đầy lưu luyến của màn sương.
Cụm từ "qua ngõ"	gợi liên tưởng đến những đường làng, ngõ xóm hay cũng là cửa ngõ của thời gian thông giữa hai mùa (cuối hạ, đầu thu).
"Hình như"	là một lối nói giả định, phán đoán không chắc chắn, với một chút nghi hoặc. Nhưng lại rất phù hợp để diễn tả về cảm nhận mơ hồ lúc giao mùa.
Sự kết hợp một loạt các từ "bỗng", "phả", "hình như"	đã thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, vui mừng, hạnh phúc của tác giả trong phút giao mùa của vạn vật.
=> Đó là những cảm nhận tinh tế của tác giả lúc thu sang, và đối diện với những khoảnh khắc ấy là niềm vui, niềm hạnh phúc vô bờ.	

2. Quang cảnh thiên nhiên phút giao mùa

a) *Quang cảnh thiên nhiên được tái hiện chân thực và sống động qua việc lựa chọn những hình ảnh đặc trưng:*

" Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã"

Nghệ thuật	Nội dung
Hai câu thơ đầu có cấu trúc đối tự nhiên, chặt chẽ	đã diễn tả vẻ đẹp thiên nhiên và lòng người phút giao mùa.
Hình ảnh "dòng sông" được nhân hóa qua từ láy "dềnh dàng" :	Tả thực một dòng sông tĩnh lặng, trong trẻo với dòng chảy êm đềm. Con sông được nhân hóa như đang được nghỉ ngơi sau một mùa hạ vất vả với bão giông.
Từ "được lúc"	gợi ta liên tưởng đến hình ảnh những con người đã đi qua thời chiến, trải qua lửa đạn giờ đang được sống chậm lại, đến lúc phải nghỉ ngơi.
Hình ảnh những chú "chim" được nhân hóa qua từ láy "vội vã" :	- Tả thực những cánh chim di cư bay về phương Nam để tránh rét. - Những cánh chim được nhân hóa như bắt đầu nhanh

	hơn, gấp gáp hơn khi nhận ra những đợt gió heo may se lạnh đang ủa về.
từ " bắt đầu"	gợi liên tưởng đến những người lính bước ra từ trong chiến tranh. Họ cứ ngỡ đã đến lúc phải nghỉ ngơi để suy ngẫm, song lại chính là lúc họ " bắt đầu" phải vội vã, tất bật trong những lo toan của cuộc sống mới.
Nghệ thuật đối được tác giả sử dụng một cách nhịp nhàng, tài tình qua hình ảnh " dềnh dàng" >< "vội vã".	<p>- Làm nổi bật hai động thái trái ngược của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa.</p> <p>- Làm nổi rõ hai tâm trạng trái ngược nhau của con người khi bước từ chiến tranh sang hòa bình.</p>

b) Quang cảnh thiên nhiên tiếp tục tái hiện qua những sáng tạo vô cùng độc đáo, ấn tượng:

" Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu"

Nghệ thuật	Nội dung
Nghệ thuật nhân hóa qua cụm từ có ý nghĩa tượng hình “ vắt nửa mình”	<p>- Gợi lên không gian của một bầu trời cao rộng, trong trẻo lúc thu về.</p> <p>Khiến cho đám mây như có hình, có hồn và trở nên gần gũi, sinh động.</p> <p>- Gợi liên tưởng đến bước đi của thời gian, đám mây như một cây cầu đặc biệt để nối liền những ngày cuối hạ và đầu thu.</p>
Hình ảnh "đám mây" còn mang ý nghĩa thế sự :	gợi sự giao thời của đời sống khi đất nước đang chuyển giao từ chiến tranh sang hòa bình.
Khoảnh khắc giao mùa được tái hiện rất tinh tế, sống động bằng những câu thơ giàu giá trị tạo hình. Và ẩn sâu khoảnh khắc đó còn là hình ảnh của đời sống lúc sang thu với biết bao biến chuyển.	

3. Những suy ngẫm về đời người lúc chớm thu

a) Những biến chuyển của thiên nhiên:

" Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa"

Nghệ thuật	Nội dung
Nghệ thuật đối, đảo qua hình ảnh "vẫn còn" >< "vơi dần" ; "nắng" >< "mưa"	đã tái hiện sự vận động trái chiều của hai hiện tượng thiên nhiên.
Hình ảnh "nắng" và "mưa"	là những hiện tượng của thiên nhiên, vận hành theo

	quy luật và có thể dự báo. Tác giả đã mượn những hiện tượng thiên nhiên quen thuộc, dễ nắm bắt để cụ thể hóa khoảnh khắc giao mùa.
Những từ ngữ chỉ mức độ, ước lượng: "vẫn còn" , "bao nhiêu" , "vội" , "bớt"	được sắp xếp theo trình tự giảm dần, cho thấy dấu hiệu của mùa hạ đang nhạt dần và những dấu hiệu của mùa thu ngày một đậm nét hơn. Tác giả đã làm hiện hình bước chân của mùa thu giữa đất trời.

b) Đối diện với mùa thu của đất trời, trong lòng nhà thơ dào dạt bao suy ngẫm về đời người lúc chớm thu qua những hình ảnh giàu sức gợi :

" Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi"

Nghệ thuật	Nội dung
Hình ảnh của "sấm":	- Là một hiện tượng, dấu hiệu cho những cơn mưa rào mùa hạ. - Ẩn dụ cho những biến động, bất thường, thử thách trong cuộc đời của mỗi một con người.
Hình ảnh "sấm" đi liền với lối miêu tả "bớt bất ngờ" và "hàng cây đứng tuổi" :	- Tả thực về một hiện tượng, đó là sang thu, tiếng sấm như nhỏ dần, không còn đủ sức làm lay động những hàng cây đã qua bao mùa thay lá. - Là một ẩn dụ về những con người từng trải, giờ đến tuổi xế chiều thì trở nên vững vàng hơn, ung dung hơn trước những đổi thay , biến động của cuộc đời.
=> Khổ thơ đã bộc lộ trọn vẹn những khoảnh khắc thiên nhiên và đời người sang thu, với những cảm nhận tinh tế và suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ.	

*** Đánh giá:**

- Bài thơ "Sang thu" là sự cảm nhận tinh tế của tác giả về vẻ đẹp thiên nhiên với những bước chuyển mình từ hạ sang thu. Đồng thời, qua tác phẩm còn nói lên niềm xúc động, những suy ngẫm và triết lý trong khoảnh khắc giao mùa của nhà thơ.

- Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, tự nhiên nhưng giàu sức gợi, độc đáo và mới lạ.

- Giọng thơ nhẹ nhàng , sâu lắng.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1a:

Câu 3: Có học sinh chép khổ thơ

Bỗng nhận ra hương ổi

Tỏa vào trong gió se

Sương bông bênh qua ngõ

Hình như thu đã về

- a. Chỉ ra từ học sinh chép sai và sửa lại
- b. Giải thích rõ những từ chép sai đó ảnh hưởng như thế nào đến bài thơ?

Gợi ý:

- a. Chỉ ra từ chép sai và sửa lại:

Tỏa -> *phả*

Bông bênh -> *chùng chình*

- b. Giải thích từ chép sai ảnh hưởng đến ý thơ

- Từ *tỏa*

+ Nếu dùng từ *tỏa*, câu thơ mới chỉ gợi hương thơm từ một điểm lan truyền ra xung quanh.

+ Nếu dùng từ *Phả* gợi mùi hương ổi đang ở vào độ nồng nàn nhất. Nó đậm đà như sánh lại, luồn vào trong gió, ướp hương thơm cho gió gây sự bất ngờ cho cảm nhận.

➔ Rõ ràng từ *tỏa* và từ *phả* đều là những từ đồng nghĩa nhưng sắc thái biểu cảm của từ *Phả* mạnh hơn. Bởi vậy nếu dùng từ *tỏa* sẽ làm mất đi cái hay của ý thơ.

- từ *bông bênh*

+ Nếu dùng từ *bông bênh*, tác giả mới chỉ diễn tả được dáng chuyển động lên xuống nhẹ nhàng của làn sương theo gió. Theo đó câu thơ chỉ thuần túy miêu tả cảnh sắc thiên nhiên, ít sắc thái biểu cảm, và không ẩn chứa hồn người lúc sang thu.

+ Với từ *chùng chình*, màn sương mùa thu như được tác giả thổi hồn vào khiến nó như một thực thể mang cảm xúc con người cũng bịn rịn, lưu luyến, vẫn vương mùa cũ mà chưa muốn đặt chân sang mùa mới. Nó mang trong mình bước chuyển của thời gian, của không gian rất chậm và khẽ.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

Bông nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

Câu 1: Đoạn thơ trích trong văn bản nào? Tác giả?

Câu 2: Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

Câu 3: Bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh là bức thông điệp lúc giao mùa, em hãy trình bày mạch cảm xúc của bài thơ?

Câu 4: Nêu ý nghĩa nhan đề tác phẩm.

Câu 5: Xác định thành phần tình thái trong khổ thơ trên, nêu tác dụng.

Câu 6: Em hãy chỉ ra các biện pháp tu từ có trong khổ thơ trên của bài "Sang thu"? Nêu tác dụng?

Câu 7: Có thể thay thế từ "phả" bằng từ "tỏa" được không? Vì sao?

Câu 8: Hãy viết đoạn văn theo phương thức tổng hợp - phân tích - tổng hợp để làm rõ hình ảnh thiên nhiên lúc giao mùa và cảm xúc của con người.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Sang thu (Hữu Thỉnh)

Câu 2: Hoàn cảnh sáng tác: Gần cuối năm 1977, in đầu tiên trên báo văn nghệ, sau đó được in nhiều lần trong các tập thơ. Trong tập thơ "Từ chiến hào đến thành phố" xuất bản 1991.

Câu 3:

Mạch cảm xúc của bài thơ: Sang thu là bức thông điệp lúc giao mùa, mùa hạ dần qua, mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, những trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với nội dung độc đáo nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và suy ngẫm về đời người khi sang thu.

Câu 4:

Ý nghĩa nhan đề tác phẩm: "Sang thu" như một lời thông báo về bước chuyển mình lúc giao mùa. Nhan đề bài thơ cho người đọc thấy được cảm nhận tinh tế của Hữu Thỉnh về sự chuyển mình trong khoảnh khắc sang thu. Thông qua nhan đề ta cũng cảm nhận được góc nhìn và những rung cảm đẹp đẽ của Hữu Thỉnh trước cuộc sống và tự nhiên.

Câu 5:

Thành phần tình thái thể hiện trong câu "Hình như thu đã về". Cảm xúc "hình như" gợi cảm giác mơ hồ mong manh, chưa thật rõ nét. Gợi cảm xúc băng khuâng, xao xuyến đến lạ của tác giả trước bước chuyển mùa còn có phần chầm chậm tiếc nuối.

Câu 6:

Biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ đầu bài "Sang thu":

- Biện pháp đảo ngữ:

+ Sử dụng động từ "bỗng" diễn tả sự bất ngờ, như một từ để thu hút tất cả các giác quan phải chú ý tới những dấu hiệu thu sang.

- Thủ pháp nhân hóa: "sương chùng chình qua ngõ" khiến cho hình ảnh những màn sương giống như cô gái mong manh, tinh khôi vẫn còn ngập ngừng trong từng bước đi của mình → Hình ảnh đẹp về nàng thu mơ mộng, thanh tao.

Câu 7:

Không thể thay từ "phả" bằng từ "tỏa" bởi vì:

+ Từ “phả” nghĩa là bốc mạnh hoặc tỏa ra thành luồng - theo từ điển của Hoàng Phê) là động từ có sắc thái mạnh hơn động từ “tỏa” mới diễn tả được mùi vị của hương ổi chín đậm trong gió, mạnh mẽ choáng lầy tâm trí của con người, mùi hương đó quyện thành luồng, hương thơm như sánh lại.

+ “Tỏa” sẽ gọi ra sự lan tỏa về mùi hương trong không gian, hương ổi sẽ không thể kích thích và gây được ấn tượng mạnh với người cảm nhận.

+ Tác giả muốn gây ấn tượng mạnh với người đọc về sự tập trung khi cảm nhận hương vị đặc trưng của mùa thu.

Câu 8:

* Đoạn văn tham khảo:

(1) *Khổ thơ đầu bài sang thu giản dị gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc bởi những cảm nhận tinh tế của Hữu Thỉnh trước sự chuyển giao mùa.*

(2) Nhà thơ nhận ra tín hiệu thu sang trong ngọn gió thu mang theo luồng hương ổi chín ngào ngạt khiến tác giả phải thốt lên: “Bỗng nhận ra hương ổi”.

(3) Như một sự phát hiện tạo ra thú vị và bất ngờ cho tác giả, đó cũng là cách tác giả muốn thu hút sự tập trung của mọi giác quan để cảm nhận hết vẻ đẹp mùa thu.

(4) Hình ảnh “sương chùng chình qua ngõ” bắt lấy được cái hồn của thời gian, thời gian tưởng như vô hình bây giờ hiện hữu thành hình ảnh làn sương thu mỏng manh, chảy trôi chậm chậm như còn lưu luyến, quán quýt những con ngõ nhỏ.

(5) Chính điều đó khiến tác giả cũng mơ hồ “hình như” gọi cảm xúc tác giả về bước chuyển mùa đầy băng khuâng, xao xuyến.

(6) *Khổ thơ đầu thật đẹp gọi lên được những rung động tinh tế của tác giả trước khoảnh khắc giao mùa.*

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích từ văn bản nào ? Của ai ? Sáng tác vào năm nào?

Câu 2: Chỉ rõ và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ từ vựng được sử dụng trong đoạn thơ trên ?

Câu 3: Hai từ “dềnh dàng” và cụm từ “bắt đầu, vội vã” trong đoạn thơ vừa chép có ý nghĩa gì trong việc thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà thơ?

Câu 4:

Bằng một đoạn văn diễn dịch (6 -8 câu) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của những hình ảnh được tác giả miêu tả trong khổ thơ trên. Trong đoạn văn em viết có sử dụng một phép liên kết và câu hỏi tu từ.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích từ bài thơ Sang thu, tác giả Hữu Thỉnh, sáng tác vào năm 1977.

Câu 2:

- Trong đoạn thơ trên tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ nhân hóa.

- Phân tích:

+ "Sông dềnh dàng": từ *dềnh dàng* đã nhân hóa sông, dòng sông không chảy cuộn cuộn, gấp gáp như trong những ngày mưa lũ mùa hạ nữa mà trở nên chậm chạp, thông thả.

+ "chim vội vã": Từ *vội vã* đã nhân hóa những cánh chim, những cánh chim đang chuẩn bị về phương Nam để tránh rét.

+ "đám mây ...vắt nửa mình" Hình ảnh *đám mây* giống như người thiếu nữ vắt chiếc khăn mềm mại nổi hai nhíp bờ thời gian giữa hạ và thu.

- Tác dụng: Cách miêu tả đã đem lại hiệu quả diễn đạt rất sinh động, khiến sự vật trở nên sống động, có hồn.

Câu 3:

Từ “dềnh dàng” và “cụm từ “bắt đầu vội vã” gợi ra hai trạng thái đối lập của sự vật, hiện tượng.

+ Sông dềnh dàng: gợi hình ảnh dòng sông chậm chạp, lững lờ trôi, giống bước đi của thời gian và của khoảnh khắc giao mùa thanh tao, nhẹ nhàng.

+ “Bắt đầu vội vã” là hình ảnh những đàn chim bắt đầu tìm cho mình cuộc sống ấm áp, dễ chịu hơn, tránh đi sự se lạnh của mùa mới đang tới gần.

Câu 4:

- Viết đúng đoạn văn diễn dịch, đảm bảo từ 6 đến 8 câu. Hành văn rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả.

- Đoạn văn có thể gồm các ý:

+ Dòng sông và con chim trở nên có hồn, có tâm trạng như con người. Chim vội vã bay đi tìm nơi tránh rét cho mùa đông cũng như con người hối hả hơn khi bước sang mùa thu của cuộc đời.

+ Dòng sông êm trôi nhẹ nhàng, gợi khung cảnh thơ mộng cũng như lòng người thấy man mác, băng khuâng khi mùa thu tới.

+ Hình ảnh "đám mây mùa hạ" được cảm nhận tinh tế, kết hợp với trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ. Hình ảnh đám mây còn sót lại trên bầu trời thu trong xanh, mỏng, kéo dài, nhẹ trôi hững hờ như còn vương vấn, lưu luyến không rời xa, cảnh có hồn.

+ Đó là những hình ảnh gợi rõ cảm giác giao mùa, hạ đã qua mà thu chưa đến hẳn.

- Đoạn văn viết có sử dụng thành phần biệt lập tình thái hoặc cảm thán, chỉ rõ.

* **Đoạn văn tham khảo:**

(1) Nếu khổ thơ đầu bài "Sang thu" thể hiện tín hiệu thu sang, thì tới khổ thơ thứ hai hình ảnh, sự vật, không gian được mở rộng và có chiều sâu hơn thông qua cảm nhận và quan sát tinh tế của Hữu Thỉnh.

(2) Hình ảnh dòng sông “dềnh dàng” tiếp nối chuỗi hình ảnh mơ hồ sương khói ở khổ một nhưng lại mang cảm giác thư thái, thanh thoi của con sông sau những ngày bận rộn chảy trôi trong mùa mưa lũ.

(3) Sự dềnh dàng phải chăng cũng chính là con người trước khoảnh khắc giao mùa muốn lắng mình lại, để suy tư về cuộc đời và để lại dấu ấn đẹp cho cuộc sống?

(4) Đôi lập với hình ảnh đó là hình ảnh “chim bắt đầu vội vã”.

Những cánh chim, tiếng hót líu lo vui nhộn của mùa hè giờ đây dường như bận rộn hơn, để tìm nơi ấm áp tránh cái lạnh của mùa mới.

(5) Nhưng kết tinh đẹp nhất là hai câu thơ: “Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu”.

(6) Sức gọi của câu thơ là vô hạn khi gọi lên trong lòng người đọc về hình ảnh chiếc cầu giao mùa mỏng manh như đẹp và nên thơ.

(7) Ranh giới vô hình trong khoảnh khắc giao mùa tác giả bắt trọn vẹn khoảnh khắc đó để rồi cô kết trong câu thơ mềm mại, uyển chuyển như chính hình ảnh mà tác giả vẽ lên trong bài.

- Phép liên kết: phép nối(Nhưng)

- Câu hỏi tu từ: (3) Sự dềnh dàng phải chăng cũng chính là con người trước khoảnh khắc giao mùa muốn lắng mình lại, để suy tư về cuộc đời và để lại dấu ấn đẹp cho cuộc sống?

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Câu 1: Chép thuộc lòng khổ cuối bài thơ “ Sang thu”?

Câu 2: Có ý người cho rằng hình ảnh “sấm” và “hàng cây đứng tuổi” là hình ảnh ẩn dụ. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

Câu 3: Dựa vào kiến thức đã học từ bài "Sang thu" em hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu phân tích ý kiến: “*Hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở cuối bài thơ là chìa khóa quan trọng dẫn lối người đọc tới hồn người sang thu.*” Trong đoạn có sử dụng thành phần biệt lập phụ chú.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Chép thuộc lòng khổ cuối bài thơ “ Sang thu”:

Câu 2:

+ Sấm và hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở đây chính là hình ảnh ẩn dụ, chứa đựng suy nghĩ và triết lý về con người và cuộc đời.

+ Sấm tượng trưng cho những điều giông bão, những thử thách khó khăn trong cuộc sống.

+ Hàng cây đứng tuổi ẩn dụ cho những con người từng trải, những trải nghiệm đã tôi luyện thành những con người cứng cáp.

Cả hai câu thơ: “*Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi*” để nói về lắng đọng rất suât để nhận ra xao động mơ hồ huyền ảo của thiên nhiên và những sự xôn xao, băng khuâng sâu lắng con người. Hai câu thơ cuối nói về hình ảnh con người trải qua biến cố thử thách sẽ có kinh nghiệm, trở nên hiểu mình, hiểu người và hiểu đời hơn.

Câu 3:

*** Đoạn văn tham khảo:**

- (1) Khổ thơ cuối bài "Sang thu" là khổ thơ kết tinh những chiêm nghiệm, suy ngẫm của Hữu Thỉnh về con người và cuộc đời trước khoảnh khắc sang thu.
- (2) Chẳng thế mà, có người nhận định "Hình ảnh hàng cây đứng tuổi đứng tuổi ở cuối bài thơ là chìa khóa quan trọng dẫn lối người đọc tới hồn người sang thu".
- (3) Đất trời sang thu, vạn vật thay đổi, còn lòng người thì băng khuâng, xao xuyến trước khoảnh khắc của bước chuyển mùa.
- (4) Đất Trời vào thu được cảm nhận bằng trải nghiệm: cảnh không còn là ngoại cảnh mà lắng đọng vào tâm tư con người.
- (5) Đất trời vẫn còn bao nhiêu nắng nhưng không còn gay gắt, chói chang như mùa hạ.
- (6) Mưa đã thưa dần, không còn xối xả, bất chợt như những cơn mưa đầu mùa.
- (7) Sấm cũng đã bớt bất ngờ.
- (8) Thiên nhiên dần đi vào thế ổn định hay cũng chính là sự ổn định của một đời người khi tuổi đã sang thu.
- (9) Với thủ pháp nhân hóa và ẩn dụ, hai câu cuối mang ý nghĩa hàm ẩn sâu sắc.
- (10) Chiêm nghiệm của đời người, quy luật của tự nhiên (xuân- hạ- thu- đông) cũng ứng với quy luật của đời người (sinh- lão- bệnh- tử)
- (11) Đất trời sang thu thật tuyệt nhưng đời người vào thu thì đồng nghĩa với bước vào trạng thái xế chiều của cuộc đời.
- (12) Có điều gì nhụt bang khuâng tiếc nuối, nhưng cũng có chút tự hào vì con người lúc này đã từng trải, kiên định, vững vàng hơn tuổi trẻ; sẵn sàng đón nhận và bình tĩnh trước những sóng gió cuộc đời, như nhà thơ Tố Hữu từng viết:

Thác bao nhiêu thác cũng qua

Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời

(Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*)

- **Thành phần phụ chú:** (xuân- hạ- thu- đông), (sinh- lão- bệnh- tử), (Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*)

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

"Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về"

(Sang thu, *Hữu Thỉnh*)

Câu 1. Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt nào? Tìm nội dung chính của đoạn thơ?

Câu 2. Hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau về ý nghĩa của từ chùng chình trong:

"Sương chùng chình qua ngõ"

(Sang thu, Hữu Thỉnh)

và

"Không khéo thằng con trai anh lại trễ mất chuyến đò trong ngày, Nhĩ nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình..."

(Bên quê, Nguyễn Minh Châu)

Câu 3. Nêu cảm nhận sâu sắc của em về nội dung đoạn thơ trên bằng một đoạn văn từ 5-7 câu.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1.

- Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt biểu cảm.

-Nội dung chính của đoạn thơ:

+ Dấu hiệu thu sang qua làn hương ổi , gió se, sương chùng chình...

+Tâm trạng ngỡ ngàng của con người khi nhận ra dấu hiệu sang thu.

Câu 2:

-Thành phần biệt lập: Tình thái "*Hình như*"

-Tác dụng: Diễn tả tâm trạng ngỡ ngàng, chưa tin chưa dám chắc dù đã nhận ra dấu hiệu thu sang ở một chốn làng quê.

Câu 3:

- Điểm giống: chỉ một sự dịch chuyển rất chậm.

- Điểm khác:

+Từ *chùng chình* trong câu "*Sương chùng chình qua ngõ*" là nghệ thuật nhân hóa chỉ làn sương thu nhẹ, mỏng manh, giăng mắc, nửa muốn đi, nửa muốn níu dừng lại nơi ngõ xóm.

+ Từ *chùng chình* trong câu "*...con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình...*" là nghệ thuật ẩn dụ chỉ sự lặp lại những điều đáng tiếc như của người bố ở người con: Đó là lãng quên gia đình quê hương. Lỗi sai này bố đã hối hận và đến con cũng không có sự tiến triển đổi thay. Con cũng giống như bố.

Câu 4 :

*** Yêu cầu về hình thức:** Viết đoạn văn(5-7 câu)

*** Yêu cầu về nội dung:** đảm bảo các ý sau:

- Những dấu hiệu sang thu ở một chốn làng quê qua những hình ảnh rất đối mộc mạc, gần gũi quen thuộc:

+ Hương thu...

+Gió thu...

+Sương thu...

- Tâm trạng của con người ngỡ ngàng, bất ngờ, bối rối chưa dám tin vào những điều đã nhìn thấy, cảm thấy.

=> Đó chính là giây phút giao mùa sang thu đang diễn ra ở một chốn làng quê.

BÀI 1 : LÀNG

Kim Lân

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

<i>Tác giả</i>	<p>- Kim Lân tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, (1920-2007), quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>- Ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và đã có sáng tác đăng báo trước Cách mạng tháng Tám 1945. Vốn gần bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân.</p>
----------------	---

	- Phong cách nghệ thuật : Kim Lân có một lối viết tự nhiên, chậm rãi, nhẹ nhàng, hóm hỉnh và giàu cảm xúc ; cách miêu tả rất gần gũi, chân thực. Đặc biệt ông có biệt tài phân tích tâm lí nhân vật.
Hoàn cảnh sáng tác	“Làng” được viết vào giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong thời kì này thì người dân nghe theo chính sách của chính phủ: kêu gọi nhân dân ta tản cư, những người dân ở vùng địch tạm chiếm đi lên vùng chiến khu để chúng ta cùng kháng chiến lâu dài. – Kim Lân kể lại: “Hồi ấy gia đình tôi cũng đi sơ tán. Trên khu ở mới, có tin đồn làng tôi là làng Việt gian. Mọi người đều nhìn những người dân làng với con mắt chế giễu, khinh thường. Tôi yêu ngôi làng của tôi và không tin làng tôi lại có thể đi theo giặc Pháp. Tôi viết truyện ngắn “Làng” như thể để khẳng định niềm tin của mình và minh oan cho làng tôi”
Xuất xứ	Đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948.
Ý nghĩa nhan đề	- Xuyên suốt tác phẩm, nhà văn kể về làng chợ Dầu nhưng không lấy tên tác phẩm là « Làng chợ Dầu ». Nếu lấy tên tác phẩm là « Làng chợ Dầu » thì câu chuyện sẽ trở thành chuyện riêng của một cái làng cụ thể ; ông Hai sẽ trở thành người nông dân cụ thể của làng chợ Dầu ấy. Như vậy, chủ đề tư tưởng của truyện bị bó hẹp, không mang ý nghĩa khái quát. - Tác giả đã sử dụng một danh từ chung là « Làng » mang ý nghĩa khái quát để đặt tên cho tác phẩm. Đó sẽ là câu chuyện về những làng quê nước ta trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp ; ông Hai sẽ trở thành nhân vật biểu tượng cho người nông dân Việt Nam yêu làng, yêu nước. Như vậy, chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của truyện được mở rộng.
Thể loại	Truyện ngắn
Bố cục 3 đoạn	- Đoạn 1: Từ đầu...đến... “ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!”: Ông Hai trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. - Đoạn 2: Tiếp...đến...”cùng vợ được đi đôi phần”: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc. - Đoạn 3: Còn lại: Tâm trạng của ông Hai khi tin làng mình theo giặc được cải chính.
Tóm tắt	Câu chuyện kể về ông Hai Thu, người làng Chợ Dầu. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, theo lời kêu gọi của cụ Hồ Chí Minh, toàn dân tham gia kháng chiến, kể cả hình thức tản cư. Do hoàn cảnh neo đơn, ông Hai đã cùng vợ con lên tản cư ở Bắc Ninh dù rất muốn ở lại làng chiến đấu. Ở nơi tản cư, tối nào ông cũng sang nhà bác Thứ bên cạnh để khoe về làng mình rằng làng ông có nhà cửa san sát, đường thôn ngõ xóm sạch sẽ. Ông khoe cái phòng thông tin, cái chòi phát thanh và phong trào kháng chiến của làng, khi kể về làng ông say mê, háo hức lạ thường. Ở đây, ngày nào ông cũng ra phòng thông tin để nghe tin tức kháng chiến, ông vui mừng trước những chiến thắng của quân dân ta. Nhưng rồi một hôm, ở quán nước nọ, ông nghe được câu chuyện của một bà dưới xuôi lên tản cư nói rằng làng Dầu của ông theo giặc. Ông vô cùng đau khổ, xấu hổ, cúi gằm mặt đi thẳng về nhà, suốt ngày chẳng dám đi đâu, chẳng dám nói chuyện với ai, chỉ nơm nớp lo mụ chủ nhà đuổi đi. Buồn khổ quá, ông tâm sự với đứa con út cho khuây khoả. Ông chớm có ý định về làng để xác minh sự thật nhưng lại tự mình phản đối vì nghĩ về làng, làng là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ bởi làng ông đã theo Tây mất rồi. Thế rồi một hôm có ông chủ tịch dưới xã lên chơi cải chính tin làng ông theo giặc. Ông lão sung sướng mùa tay đi khoe khắp làng rằng nhà ông đã bị đốt nhẵn. Tối hôm ấy, ông lại sang nhà bác Thứ kể về làng mình.
Chủ đề	Truyện nói về tình yêu Làng của ông Hai Thu khi phải xa làng đi tản cư, qua đó ca ngợi tình yêu quê hương đất nước và nhiệt tình tham gia kháng chiến chống Pháp của

	người nông dân Việt Nam
Ngôi kể	- Truyện được kể theo ngôi thứ ba. - Tác dụng : làm cho câu chuyện trở nên khách quan và tạo cảm giác chân thực cho người đọc.
Giá trị nội dung	Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải dời làng đi tản cư đã được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong truyện “ <i>Làng</i> ”.
Giá trị nghệ thuật	Tác giả đã thành công trong việc xây <i>dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật</i> .

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Tình huống truyện:

a. Khái niệm tình huống truyện:

- Tình huống truyện là một hoàn cảnh có vấn đề xuất hiện trong tác phẩm. Trong hoàn cảnh đó, nhân vật sẽ có hành động bộc lộ rõ nhất, điển hình nhất bản tính của mình. Tính cách nhân vật sẽ rõ, chủ đề tác phẩm sẽ bộc lộ trọn vẹn.

b. Tình huống truyện trong truyện ngắn “*Làng*”:

- Tình huống truyện đặc sắc: khi ông Hai nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc.

+ Tác giả đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống đối nghịch với tình cảm, niềm tự hào mãnh liệt về làng Chợ Dầu của ông Hai: Một con người vốn yêu làng và luôn hãnh diện về nó thì bỗng nghe tin làng lập tức theo giặc.

+ Vai trò: tạo tâm lí, diễn biến gay gắt trong nhân vật, làm bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước ở ông Hai.

- Ý nghĩa của tình huống truyện:

+ Về mặt kết cấu của truyện: tình huống này phù hợp với diễn biến của truyện, tô đậm tình yêu làng, yêu nước của người nông dân Việt Nam mà tiêu biểu là nhân vật ông Hai.

+ Về mặt nghệ thuật : tình huống truyện đã tạo nên một cái thắt nút cho câu chuyện, tạo điều kiện để bộc lộ mạnh mẽ tâm trạng và phẩm chất của nhân vật, góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.

(Gây ra mâu thuẫn giằng xé tâm lí ông lão đáng thương và đáng trọng ấy; tạo ra điều kiện để thể hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc; góp phần giải quyết chủ đề tác phẩm: phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Sự phát triển của câu chuyện sẽ bám theo cái tình huống oái oăm này).

2. Diễn biến tâm trạng của ông Hai:

a. Trước khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc: ông là một người nông dân mang tình yêu làng tha thiết.

- Trước Cách mạng tháng Tám: Ông tự hào, hãnh diện về làng và kể về nó với niềm say mê, náo nức đến lạ thường: Ông khoe con đường làng lát đá xanh, trời mưa đi chẳng lấm chân; ông khoe sinh phần của một vị quan tổng đốc trong làng;...

- Khi kháng chiến bùng nổ: ông khoe về một làng quê đi theo kháng chiến làm cách mạng; ông kể một cách rành rọt những hố, những ụ, những giao thông hầm hào;...

- Khi buộc phải tản cư, ông Hai đã rất nhớ về làng:

+ Ông thường xuyên chạy sang nhà bác Thứ để kể lể đủ thứ chuyện về làng, để vơi đi cái nỗi nhớ làng.

+ Ông kể cho sướng cái miệng, cho vơi cái lòng mà không cần biết người nghe có thích hay không.

+ Nhớ làng da diết – muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến.

+ Ông thường xuyên theo dõi tình hình của làng cũng như tình hình chiến sự: Mong nắng cho Tây chết, ở phòng thông tin, ông nghe được những tin chiến thắng của quân ta -> Ruột gan ông cứ múa cả lên.

* **Nhận xét:** Ông Hai là người nông dân có tính tình vui vẻ, chất phác, có tấm lòng gắn bó với làng quê và cuộc kháng chiến. Ông yêu thương, gắn bó với làng quê, tự hào và có trách nhiệm với cuộc kháng chiến của làng.

Tạo ra một hoàn cảnh đặc biệt, Kim Lân đã thể hiện một cách rất tự nhiên, chân thực tình cảm, niềm tự hào của ông Hai với làng chợ Dầu của mình.

b. Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng theo giặc:

- Ông Hai nghe tin xấu về làng khi ông vừa ở phòng thông tin ra, còn đang lâng lâng trong niềm vui chiến thắng của quân và dân ta. Khi nghe tin xấu ông Hai sững sờ, xấu hổ, uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”. Từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ vì cái tin ấy quá bất ngờ. Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên” làm ông không thể không tin. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ, tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quý nhất nay cũng đã quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một lần nữa.

- Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông vờ làng ra chỗ khác, rồi về thẳng nhà. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông “cúi gằm mặt mà đi”.

- Về đến nhà ông nằm vật ra giường rồi tủi thân nhìn lũ con “nước mắt ông lão cứ giàn ra”.

+ Trong trạng thái khủng hoảng, giận dữ ông nắm chặt hai tay mà rít: “chúng bay ăn miếng cơm hay ăn miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”.

+ Niềm tin bị phản bội, những mối nghi ngờ bùng lên và giằng xé trong ông: “ông kiểm điểm từng người trong óc”.

=> Bao nhiêu điều tự hào về quê hương như sụp đổ trong tâm hồn người nông dân rất mực yêu quê hương ấy. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

- Sau giây phút ấy, tất cả dường như sụp đổ, tâm trí ông bị ám ảnh, lo lắng, day dứt. Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam – nhông... là ông lùi ra một nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

- Ông Hai rơi vào tình trạng bế tắc, tuyệt vọng khi nghĩ tới tương lai.

+ Ông lo cho số phận của những đứa con rồi sẽ bị khinh bỉ, hắt hủi vì là trẻ con làng Việt gian: “Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu”.

+ Ông lo cho bao nhiêu người tản cư làng ông sẽ bị khinh, tẩy chay, thù hằn, ghê tởm: " Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian!... Suốt cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hận cái giống Việt gian bán nước..."

+ Ông lo cho tương lai của gia đình rồi sẽ đi đâu, về đâu, làm ăn sinh sống ra sao: "Rồi đi biết làm ăn, buôn bán làm sao? Ai người ta chứa".

- Nếu như trước đây, tình yêu làng và tình yêu nước hòa quyện trong nhau thì lúc này, ông Hai buộc phải có sự lựa chọn. Quê hương và Tổ quốc, bên nào nặng hơn? Đó không phải là điều đơn giản vì với ông, làng Chợ Dầu đã trở thành một phần của cuộc đời, không dễ gì vứt bỏ; còn cách mạng là cứu cánh của gia đình ông, giúp cho gia đình ông thoát khỏi cuộc đời nô lệ. Cuối cùng, ông đã quyết định: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy, tình yêu làng dầu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu cũng không thể mãnh liệt hơn tình yêu đất nước. Đó là biểu hiện vẻ đẹp trong tâm hồn của con người Việt Nam, khi cần họ sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng.

=> Quyết định của ông Hai đã khẳng định tình yêu nước mạnh mẽ, thiêng liêng, rộng lớn, bao trùm lên tình cảm của làng quê. Điều gì đã khiến ông có sự lựa chọn dứt khoát đó? Phải chăng chính niềm tin vào Đảng, cách mạng, kháng chiến đã hướng ông có được sự lựa chọn đó.

- Nhưng dù đã dứt khoát như thế, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với nơi mà ông đã sinh ra, lớn lên và gắn bó gần hết cuộc đời. Bởi vậy, ông muốn được tâm sự, như để phân bua, để minh oan, cởi bỏ nỗi lòng.

+ Ông trút hết nỗi lòng vào những lời thủ thỉ, tâm sự với đứa con ngây thơ, bé bỏng.

+ Tình yêu sâu nặng với làng, nên ông muốn lý trí và trái tim bé bỏng của con phải khắc sâu, ghi nhớ câu: " Nhà ta ở làng chợ Dầu" - nơi chôn rau cắt rốn của bố con ông.

+ Ông nhắc cho con về tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cụ Hồ của bố con ông: " Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu, trên cổ soi xét cho bố con ông".

+ Ông khẳng định tình cảm sâu nặng , bền vững và rất thiêng liêng ấy : " Cái lòng của bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai".

-> Đó là một cuộc trò chuyện đầy xúc động. Nỗi nhớ quê, yêu quê, nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương theo giặc cứ chông chênh đan xen trong lòng ông lão. Nhưng trong ông vẫn cháy lên một niềm tin tưởng sắt đá, tin tưởng vào Cụ Hồ, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Niềm tin ấy đã phần nào giúp ông có thêm nghị lực để vượt qua khó khăn này. Dường như ông Hai đang nói chuyện với chính mình, đang giải bày với lòng mình và cũng như đang tự nhắc nhở: hãy luôn “Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh”. Tình quê và lòng yêu nước thật sâu nặng và thiêng liêng.

Dưới hình thức trò chuyện, tâm sự với đứa con, nhưng thực chất là lời tự vấn, để tự minh oan và khẳng định tấm lòng thủy chung của mình với làng, kháng chiến, cách mạng; để làm vơi đi phần nào những khổ tâm đã dằn vặt ông bấy lâu nay

* **Nhận xét:** Qua diễn biến tâm trạng của ông Hai, Kim Lân đã khám phá và làm nổi bật những nét đẹp trong tâm hồn người nông dân cách mạng: hài hòa giữa lòng yêu làng và tình yêu nước, nhiệt tình cách mạng.

c. Tâm trạng của ông Hai khi tin làng mình theo giặc được cải chính.

- Đúng lúc ông Hai có được quyết định khó khăn ấy thì cái tin làng Chợ Dầu phản bội đã được cải chính. Sự đau khổ của ông Hai trong những ngày qua nhiều bao nhiêu thì niềm phấn khởi và hạnh phúc của ông lúc này càng lớn bấy nhiêu, như có một phép hồi sinh khiến thái độ ông Hai thay đổi hẳn: " Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên". Ông “bô bô” khoe với mọi người về cái tin làng ông bị “đốt nhẵn”, nhà ông bị “đốt nhẵn”. Nội dung lời “khoe” của ông có vẻ vô lí bởi không ai có thể vui mừng trước cảnh làng, nhà của mình bị giặc tàn phá. Nhưng trong tình huống này thì điều vô lí ấy lại rất dễ hiểu: Sự mất mát về vật chất ấy chẳng thấm vào đâu so với niềm vui tinh thần mà ông đang được đón

nhận. Nhà văn Kim Lân đã tỏ ra rất sắc sảo trong việc nắm bắt và miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật. Đó là minh chứng hùng hồn, chứng minh cho lòng ông, cho bố con gia đình ông và những người tản cư trên đây không theo giặc, vẫn một lòng thủy chung, tình nghĩa và sẵn sàng hy sinh tất cả cho kháng chiến.

Ông Hai chỉ là một người nông dân bình thường như bao người nông dân khác nhưng ông đã biết hy sinh tài sản riêng của mình cho kháng chiến. Điều này cho thấy cuộc kháng chiến chống Pháp đã đi sâu vào tiềm thức của người dân để trở thành cuộc kháng chiến toàn dân.

=> **Nhận xét:** Từ một người nông dân yêu làng, ông Hai trở thành người công dân nặng lòng với kháng chiến. Tình yêu làng, yêu nước đã hòa làm một trong ý nghĩ, tình cảm, việc làm của ông Hai. Tình cảm ấy thống nhất, hòa quyện như tình yêu nước được đặt cao hơn, lớn rộng lên tình làng. Đây là nét đẹp truyền thống mang tinh thần thời đại. Ông Hai là hình ảnh tiêu biểu của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

Tình yêu làng và lòng yêu nước của ông Hai thực sự sâu sắc và khiến người đọc vô cùng cảm động. Tin cải chính đã trả lại cho ông tình yêu, niềm tự hào sâu sắc về làng. Nó đã xây dựng lên trong ông những "bức tường thành" vững chắc không súng đạn nào có thể công phá, cháy rụi được.

3. Những đặc sắc về nghệ thuật

- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện: Tác giả đặt nhân vật vào tình huống cụ thể để thử thách nhân vật, để nhân vật tự bộc lộ chiều sâu tư tưởng và chủ đề của truyện.

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật:

+ Khắc họa thành công nhân vật ông Hai, một người nông dân yêu làng, yêu nước tha thiết,...

+ Tác giả miêu tả rất cụ thể những diễn biến nội tâm từ suy nghĩ, hành động đến ngôn ngữ,...

+ Với thủ pháp nghệ thuật đối thoại và độc thoại nội tâm đã diễn tả một cách chính xác và mạnh mẽ những ám ảnh, day dứt của nhân vật.

Điều đó chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc người nông dân và thế giới tinh thần của họ .

- Nghệ thuật sử dụng ngôn từ rất đặc sắc:

+ Ngôn ngữ chuyện mang tính khẩu ngữ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày của những nông dân.

+ Lời kể chuyện và lời nói của nhân vật có sự thống nhất về sắc thái, giọng điệu.

+ Ngôn ngữ nhân vật vừa có nét chung của người nông dân Việt Nam cần cù, chịu khó, lại vừa mang đậm những nét cá tính riêng của nhân vật nên rất sinh động.

- Cách trần thuật truyện tự nhiên, linh hoạt với những chi tiết sinh hoạt, đời sống hàng ngày xen vào với mạch tâm trạng khiến cho chuyện sinh động hơn.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1

Đọc phần trích sau rồi trả lời câu hỏi:

“*Có người hỏi:*

- *Sao bảo làng Chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?*

- *Ấy thế mà bây giờ đồ đồn ra thế đấy!*

Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm.chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:

- Hà, nằng góm, về nào...

Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên cứ vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú:

- Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát!

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mộ chủ nhà.

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu..."

(Trích Làng – Kim Lân)

Câu 1: Xác định nội dung của phần trích trên?

Câu 2: Tâm trạng đau đớn, tủi hổ của ông Hai được biểu hiện qua những chi tiết nào trong phần trích.

Câu 3: Xác định ngôn ngữ độc thoại và độc thoại nội tâm có trong đoạn trích trên? Các hình thức ngôn ngữ ấy có tác dụng thế nào trong việc thể hiện diễn biến tâm lí nhân vật ông Hai?

Câu 4: Trong hai lời thoại được in đậm sau, phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ

“Có người hỏi:

- Sao bảo làng Chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?

- Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!

Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm. chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:

-Hà, nằng góm, về nào...

Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. [...]

Câu 5: Từ tình yêu làng quê gắn liền với tình yêu đất nước của nhân vật ông Hai và câu nói của nhà văn I-li-a Ê-ren-bua:

“Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu làng quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”

Hãy viết một văn bản nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Nội dung của phần trích: Tâm trạng đau đớn tủi hổ của ông Hai khi nghe mọi người chửi làng Chợ Dầu của ông việt gian bán nước

Câu 2: Xác định những chi tiết: vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác rồi đi thẳng, cúi gằm mặt xuống mà đi, nằm vật ra giường, nước mắt giàn ra.

Câu 3: Độc thoại: - Hà, nằng góm, về nào...

Độc thoại nội tâm: Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...

* Tác dụng: Khắc họa sâu sắc tâm trạng đau đớn, dằn vặt của ông Hai; làm cho câu chuyện sinh động hơn

Câu 4:

- *Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!* : vi phạm phương châm về chất
- *Hà, nắng gắt, về nào...* : vi phạm phương châm quan hệ

Câu 5:

Yêu cầu về kỹ năng

- Nắm phương pháp làm văn nghị luận xã hội
- Bố cục rõ ràng
- Biết vận dụng các phương pháp nghị luận
- Văn phong trôi chảy, trong sáng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục

Yêu cầu về kiến thức

1. Giới thiệu được vấn đề nghị luận: lòng yêu quê hương, đất nước.
2. Lòng yêu nước là gì?
 - Nêu được một vài biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước. (có dẫn chứng)
 - + Trong lịch sử
 - + Trong hoàn cảnh đất nước, xã hội hiện nay
 - + Biểu hiện về lòng yêu nước ở một học sinh.
 - Bàn bạc mở rộng và phê phán mặt trái của vấn đề.
3. Khẳng định ý kiến, quan điểm của bản thân về lòng yêu nước và nêu phương hướng hành động.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2

Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi từ 1 đến 3:

“Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm (1). Chẳng lẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được (2). Ông kiểm điểm từng người trong óc (3). Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà (4). Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm cái điều nhục nhã ấy!...(5)”

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

Câu 2: “Ông lão” trong đoạn trích trên là nhân vật nào? Điều “nhục nhã” được nói đến là điều gì?

Câu 3: Trong đoạn trích trên, những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật? Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn văn trên nằm trong tác phẩm Làng.- Tác giả là Kim Lân.

Câu 2:

- "Ông lão" trong đoạn trích trên là nhân vật ông Hai.
- "Điều nhục nhã" được nói đến là làng Chợ Dầu theo giặc.

Câu 3:

- Những câu văn là lời trần thuật của tác giả: (1), (3).
- Những câu văn là lời độc thoại của nội tâm của nhân vật: (2), (4), (5).
- Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng của ông Hai: băn khoăn, day dứt nhưng vẫn tin tưởng vào lòng trung thành của người dân làng Chợ Dầu với cách mạng.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3

“Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang gian bác Thứ.

Chưa đến bậc cửa, ông lão đã bô bô:

- *Bác Thứ đâu rồi? bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi, đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả. Bác Thứ chưa nghe thùng câu chuyện ra sao, ông lão lại lật đật bỏ lên nhà trên.*
- *Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!*
- Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác”.*

(Ngữ văn 9 – tập 1)

(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác?

Câu 2: Xác định từ xưng hô trong đoạn trích?

Câu 3: Tìm lời dẫn của nhân vật có trong đoạn trích. Cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 4: Ông Hai nói: *”Làng chợ Dầu chúng em Việt gian”* - tác giả sử dụng nghệ thuật gì?

Câu 5: Nêu nội dung của đoạn trích trên?

Câu 6: Tại sao tác giả lại để ông Hai nói “sai sự mục đích”?

Câu 7: Nhân vật ông lão trong đoạn truyện trên nhà bị tây đốt thế mà lại đi thông báo với mọi người như khoe về một chiến công. Hãy nêu cảm nhận của em về hành động đó.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn truyện trên nằm trong tác phẩm “Làng”. Tác giả là Kim Lân.

Hoàn cảnh sáng tác: Truyện ngắn Làng được viết vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đăng lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948

Câu 2: Từ xưng hô: tôi- ông chủ, em

Câu 3: Lời dẫn:

- *Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính....cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả.*

(Lời dẫn trực tiếp)

Câu 4: Nói ”Làng Chợ Dầu chúng em Việt gian” là cách nói hoán dụ - lấy làng để chỉ những người dân làng Chợ Dầu

Câu 5: Nội dung của đoạn trích: Ông Hai thông báo về việc làng ông không theo Tây.

Câu 6: *Sai sự mục đích:* dùng với nghĩa là sai sự thật. Đúng ra phải dùng từ ”mục kích” (nhìn thấy rõ ràng, tận mắt). Tác giả để ông Hai thích nói chữ nhưng dùng từ không chính xác. Điều này cho ta thấy ngôn ngữ của nhân vật trong truyện rất đặc sắc. Ngôn ngữ của nhân vật ông Hai vừa có nét chung của người nông dân, vừa mang đậm cá tính của nhân vật nên rất sinh động

Câu 7:**Yêu cầu về kỹ năng**

- Nắm phương pháp làm văn nghị luận văn học.
- Bố cục rõ ràng
- Biết vận dụng các phương pháp nghị luận
- Văn phong trôi chảy, trong sáng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục

Yêu cầu về nội dung:*** Đoạn văn tham khảo:**

Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời. Vậy mà ông Hai sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin ”Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ” một cách tự hào như khoe về một chiến công. Hành động này không bình thường nhưng lại hoàn toàn chân thực. Cái sự việc phũ phàng kia là minh chứng khẳng định làng ông không theo giặc. Dường như ông coi đó là một đóng góp cho kháng chiến, là một niềm hạnh phúc. Trong niềm vui lớn lao ấy, sự mất mát kia chẳng thấm vào đâu. Trong sự cháy rụi của nhà ông có sự hồi sinh của làng Chợ Dầu, cái làng xứng đáng với tình yêu, niềm tự hào trong ông. Tài sản riêng bị phá huỷ nhưng danh dự của làng được bảo toàn. Làng Chợ Dầu vẫn là làng anh dũng kháng chiến. Đó là niềm vui kì lạ, thể hiện một cách đau xót và cảm động tinh thần yêu nước và cách mạng của người dân VN trong kháng chiến.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4

“... Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?.”

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Do ai sáng tác? Nêu hoàn cảnh sáng tác?

Câu 2: Đoạn văn trên là suy nghĩ của nhân vật nào? Nhân vật đó đang ở trong hoàn cảnh nào?

Câu 3: Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong đoạn văn trên có gì đặc sắc?

Câu 4: Tìm một câu rút gọn có trong đoạn văn và chỉ rõ cách rút gọn?

Câu 5: Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày cảm nhận của em về đoạn trích trên?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn trích trên thuộc văn bản "Làng" do Kim Lân sáng tác.
- Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm: sáng tác năm 1948 thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Câu 2:

- Suy nghĩ đó là của nhân vật ông Hai.
- Ông đang trong hoàn cảnh đau khổ, nhục nhã khi nghe tin làng Chợ Dầu làm Việt gian theo Tây.

Câu 3:

- Nghệ thuật tự sự trong đoạn trích trên rất đặc sắc trong việc khắc họa nhân vật của tác giả:
- Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm (sử dụng nhiều câu hỏi tu từ) nhằm mục đích nói lên những suy nghĩ của nhân vật.
- Làm nổi bật quá trình đấu tranh nội tâm của ông Hai sau khi nghe tin làng mình theo giặc: băn khoăn không tin, rồi bắt buộc phải tin vì có bằng chứng và rồi nhục nhã, lo lắng cho tương lai của gia đình, của người làng...

Câu 4:

- Câu rút gọn trong đoạn văn: *Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao?*
- Bộ phận chủ ngữ được rút gọn.

Câu 5:

Học sinh viết được đoạn văn theo yêu cầu sau:

- * Về hình thức: Đảm bảo kết cấu một đoạn văn, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp
- * Về nội dung: Trình bày được cảm nhận về tâm trạng của nhân vật ông Hai, đó là sự nửa tin, nửa ngờ của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Buộc phải tin đó là sự thật nên ông Hai lo sợ cho tương lai của những người làng Chợ Dầu đang tản cư ở khắp nơi.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5

“Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây...”, cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.

Hay là quay về làng? ...

Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì ở cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ...

Nước mắt ông lão giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây (...)

Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, làm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à? Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.”

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc tác phẩm nào, của tác giả nào? Ghi rõ thời gian sáng tác tác phẩm.

Câu 2: Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 3: Câu “Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây..” là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 4: Có bạn cho rằng đoạn trích trên đã sử dụng chủ yếu hình thức ngôn ngữ độc thoại, lại có bạn cho rằng đó là độc thoại nội tâm. Ý kiến của em thế nào?

Câu 5: Câu văn: “Hay là quay về làng?...” thuộc kiểu câu nào chia theo mục đích nói? Dấu ngoặc kép trong đoạn văn tác dụng gì?

Câu 6: Có ý kiến cho rằng: Thành công trong cách xây dựng tình huống truyện ngắn *Làng* là nhà văn đã đặt ông Hai vào những giằng xé nội tâm để buộc nhân vật phải lựa chọn giữa tình yêu làng và tình yêu nước. Em hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu lý giải ý kiến trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu hỏi tu từ và một câu có chứa thành phần khởi ngữ.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn trích đó nằm trong truyện *Làng* của nhà văn Kim Lân, truyện được viết năm 1948, thời kì đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Câu 2: Nội dung của đoạn trích: sự giằng xé nội tâm của nhân vật ông Hai giữa việc quay về làng hay ở lại.

Câu 3: Câu “Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây..” là lời dẫn trực tiếp

Câu 4: Đoạn văn trích này chủ yếu dùng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, đó là những lời nói bên trong của nhân vật, không nói ra thành tiếng.

Câu 5: Câu văn: “Hay là quay về làng?...” thuộc kiểu câu nghi vấn. Dấu ngoặc kép trong đoạn văn tác dụng đánh dấu lời thoại trực tiếp.

Câu 6:

Yêu cầu về kỹ năng

- Nắm phương pháp làm văn nghị luận văn học.
- Bố cục rõ ràng
- Biết vận dụng các phương pháp nghị luận
- Văn phong trôi chảy, trong sáng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục

Yêu cầu về nội dung: làm rõ tình yêu làng và tình yêu nước của ông Hai trước và sau khi nghe tin làng Dầu theo giặc.

*** Đoạn văn tham khảo:**

- (1) Truyện đã xây dựng được một tình huống đặc sắc, đó là khi ông Hai nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc.
- (2) Tác giả đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống đối nghịch với tình cảm, niềm tự hào mãnh liệt về làng Chợ Dầu của ông Hai: Một con người vốn yêu làng và luôn hãnh diện về nó thì bỗng nghe tin làng lập tức theo giặc.
- (3) Tình huống đó đã tạo nên nút thắt cho câu chuyện, tạo điều kiện để bộc lộ mạnh mẽ tâm trạng và phẩm chất của nhân vật, góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.
- (4) Đồng thời, gây ra mâu thuẫn giằng xé tâm lí nhân vật, tạo ra điều kiện để thể hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc.

(5) Tình huống truyện góp phần giải quyết chủ đề tác phẩm: phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 6

Cho đoạn trích sau:

Ông nằm vật trên giường vắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hò, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khurót lăm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.
(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ truyện ngắn nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn này.

Câu 2: Dòng cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật ông lão được thể hiện qua việc nhắc lại các từ, cụm từ nào trong đoạn trích? Trong dòng cảm xúc, suy nghĩ ấy có những kỉ niệm nào của ông với làng kháng chiến?

Câu 3: Xét mục đích nói, câu văn “*Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa?*” thuộc kiểu câu gì? Vì sao nỗi trăn trở của ông lão trong câu văn đó lại là một biểu hiện tình cảm công dân.

Câu 4: Với hiểu biết của em về truyện ngắn trên, hãy viết một đoạn văn quy nạp khoảng 15 câu, (có sử dụng thành phần phụ chú) để khẳng định: Truyện đã khắc họa thành công hình ảnh những người nông dân trong kháng chiến.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn được trích từ truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân
- Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm: Truyện ngắn được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và được đăng trên tạp chí văn nghệ năm 1948.

Câu 2:

- Dòng cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật ông lão được thể hiện qua việc nhắc lại những từ, cụm từ trong đoạn trích: nghĩ ngợi, nghĩ về, nghĩ đến, muốn, nhớ.
- Trong dòng cảm xúc ấy, có những kỉ niệm của ông Hai với làng kháng chiến: những ngày cùng làm việc với anh em, cũng hát hò bông phèng, cũng đào, cũng cuốc, đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...

Câu 3:

- Xét về mục đích nói, câu văn “*Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa?*”: Thuộc kiểu câu nghi vấn.
- Nỗi trăn trở của ông lão thể hiện tình cảm công dân vì:
 - + Hình ảnh cái chòi gác ở đầu làng là hình ảnh tiêu biểu, là biểu hiện sống động và thực tế không khí kháng chiến ở làng Chợ Dầu, ở nông thôn Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp.
 - + Nỗi trăn trở của ông lão về cái chòi gác không biết đã dựng xong chưa chính là sự quan tâm, nỗi niềm lo lắng đầy trách nhiệm của một công dân yêu nước với phong trào cách mạng của làng ông, cho cuộc kháng chiến của dân tộc.

Câu 4:

a. Về hình thức:

- Học sinh viết đúng yêu cầu của một đoạn văn nghị luận văn học: lập luận chặt chẽ, thuyết phục.
- Cách trình bày nội dung đoạn viết theo đúng cách quy nạp.
- Diễn đạt trong sáng, lưu loát, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi viết câu; trình bày rõ ràng, sạch đẹp.
- Độ dài đúng quy định: khoảng 15 câu.

b. Về thực hành tiếng Việt:

- Học sinh sử dụng thích hợp, chính xác, gạch chân và chú thích rõ ràng: Sử dụng thành phần phụ chú.

c. Về nội dung:

- Truyện khắc họa thành công hình ảnh những người nông dân trong kháng chiến

*** Đoạn văn tham khảo:**

(1) Ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân là một người nông dân có tình yêu làng, hòa quyện với tình yêu đất nước.

(2) Hình ảnh ông Hai được miêu tả chủ yếu qua diễn biến nội tâm trước và sau khi nghe tin làng Dầu (**quê hương ông**) theo giặc.

(3) Ở nơi tản cư, ông luôn nhớ làng, theo dõi tin tức kháng chiến.

(4) Ông đón nhận tin đồn làng chợ Dầu theo Tây giữa lúc tâm trạng đang vui sướng vì những tin thắng trận của quân ta.

(5) Khi nghe tin, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức, niềm tự hào về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy.

(6) Về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “*nước mắt ông lão cứ giàn ra*”.

(7) Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hệt hẳng đến mê dại, dữ dằn và gay gắt.

(8) Suốt mấy ngày sau, ông bị ám ảnh nặng nề, không dám đi đâu...

(9) Những đau đớn, dằn vặt, sự hổ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn.

(10) Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông.

(11) Cuối cùng ông đã quyết định: “*không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù*”.

(12) Như vậy, tình yêu làng dầu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.

(13) Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu “*Nhà ta ở làng chợ Dầu*”, đồng thời ông nhắc con, cũng là tự nhắc mình “*ủng hộ cụ Hồ Chí Minh*”. (14) Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng.

(15) Ông Hai sung sướng khi tin đồn được cải chính: hã hê khoe Tây đốt nhà mình, nổi mắt mắt riêng chẳng thấm vào đâu so với hạnh phúc vì đó là minh chứng làng ông theo kháng chiến, ủng hộ cách mạng.

(16) Hình ảnh ông Hai trong tác phẩm Làng của Kim Lân là hình ảnh tiêu biểu cho những người nông dân Việt Nam yêu làng, yêu nước thời kì kháng chiến chống Pháp.

- **Thành phần phụ chú:** (quê hương ông)

BÀI 1 : LẶNG LẼ SA PA

Nguyễn Thành Long

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Nguyễn Thành Long (1925-1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kháng chiến chống Pháp, là cây bút chuyên về truyện ngắn và ký.</p> <p>- Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi cách mạng nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung.</p> <p>- Tác phẩm của ông tập trung vào hai đề tài lớn : cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân liên khu 5 và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.</p> <p>- Phong cách sáng tác : Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long nhẹ nhàng, tình cảm, thường pha chút chất kí ; ngôn ngữ trong sáng, giàu chất thơ và luôn xây dựng được những nhân vật mang tính hình tượng.</p>
Hoàn cảnh sáng tác	Truyện ngắn là kết quả chuyến đi lên Lào Cai hè 1970 của tác giả.
Xuất xứ	Truyện từ tập “Giữa trong xanh” in năm 1972.
Ngôi kể	<p>Ngôi kể: thứ 3: tác giả đặt điểm nhìn vào ông họa sĩ.</p> <p>Tác dụng: làm cho câu chuyện chân thực, khách quan, mặt khác có điều kiện thuận lợi để làm nổi bật chất trữ tình, đào sâu suy nghĩ của nhân vật, phù hợp với suy nghĩ của tác giả.</p>
Ý nghĩa nhan đề	<p>- Nhan đề « Lặng lẽ Sa Pa » là một nhan đề giàu chất thơ, góp phần khắc họa chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.</p> <p>+ Lặng lẽ gợi đến một khung cảnh rất êm đềm, thanh tĩnh của Sa Pa.</p> <p>+ Nhưng « Lặng lẽ » chỉ là cái không khí bên ngoài của cảnh vật. Đằng sau vẻ lặng lẽ ấy là sự miệt mài, nhiệt huyết, hăng say để cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.</p> <p>Dưới vẻ Lặng lẽ của Sa Pa luôn có những con người âm thầm làm việc, cống hiến cho sự đổi thay của đất nước. Họ chính là những dòng sông cuộn chảy mang phù sa bồi đắp cho đất nước thêm đẹp giàu.</p>
Bố cục 3 phần	<p>- Phần 1 (từ đầu...<i>cô độc nhất thế gian</i>): Anh thanh niên qua lời kể của bác lái xe.</p> <p>- Phần 2 (tiếp...<i>có vật gì như thế</i>): Cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa anh thanh niên, bác họa sĩ và cô kỹ sư.</p> <p>- Phần 3 (còn lại): Cuộc chia tay giữa ba nhân vật.</p>
Tóm tắt	Xe tới chân đỉnh Yên Sơn, bác lái xe dừng lại, giới thiệu với ông họa sĩ già và cô kỹ sư trẻ một anh thanh niên làm công tác khí tượng và vật lý địa cầu sống một mình trên núi. Trong cuộc gặp gỡ 30 phút ngắn ngủi, anh thanh niên kể về công việc của mình,

	công việc đơn giản nhưng gian khổ và cô đơn. Anh đã bộc lộ những suy nghĩ đúng đắn về công việc và cuộc đời. Khi ông họa sĩ định vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác mà anh cho là đáng vẽ hơn như ông kỹ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét. Những điều khám phá được ở anh thanh niên làm cho người khách vô cùng xúc động. Khi họ trở về, anh còn tặng cô gái một bó hoa và tặng bác già một làn trứng ếch đường.
Chủ đề	Thông qua cuộc gặp gỡ giữa bốn nhân vật, ông họa sĩ già, cô kỹ sư trẻ, bác lái xe với anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu trên đỉnh Yên Sơn giữa núi rừng Lào Cai, tác giả ca ngợi những con người lao động bình thường âm thầm lặng lẽ cống hiến công sức của mình cho công cuộc xây dựng XHCN và thống nhất đất nước.
Giá trị nội dung	Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khắc họa thành công hình ảnh những người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa những công việc thầm lặng.
Giá trị nghệ thuật	Truyện đã xây dựng được một tình huống truyện hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.

B. PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

1. Tình huống truyện

- Một trong những mâu chốt của nghệ thuật xây dựng truyện ngắn là xây dựng tình huống truyện.

- Tình huống cơ bản của truyện ngắn "**Lặng lẽ Sa Pa**" khá đơn giản: chính là cuộc gặp gỡ tình cờ của anh thanh niên làm việc một mình ở trạm khí tượng với bác lái xe và hai hành khách trên chuyến xe ấy - ông họa sĩ và cô kỹ sư lên thăm trong chốt lát nơi ở và nơi làm việc của anh thanh niên.

- Tác dụng:

+ Tình huống gặp gỡ này là cơ hội thuận tiện để tác giả khắc họa "bức chân dung" nhân vật chính một cách tự nhiên, khách quan và tập trung, qua sự quan sát của các nhân vật khác và qua chính lời lẽ, hành động của anh.

+ Được soi chiếu, đánh giá và cảm nhận một cách khách quan từ những nhân vật khác.

+ Đồng thời, qua "bức chân dung" (cả cuộc sống và những suy nghĩ) của người thanh niên, qua sự cảm nhận của các nhân vật khác (chủ yếu là ông họa sĩ) về anh và những người như anh, tác giả đã làm nổi bật được chủ đề của tác phẩm: "*Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những đỉnh thụt cũ kỹ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước*".

2. Nhân vật anh thanh niên

*** Hoàn cảnh sống và làm việc:**

- Nhân vật chính trong truyện làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Công việc của anh là: "*đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu*". Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ộp thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm công việc đã quy định).

- Nhưng cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người – một hoàn cảnh thật đặc biệt.

*** Những nét đẹp trong việc làm, cách sống, suy nghĩ, tình cảm và quan hệ với mọi người.**

a) Một người yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm trong công việc

- Một người yêu nghề, dám chấp nhận hi sinh:

+ Chấp nhận sống và làm việc trong một hoàn cảnh, môi trường đặc biệt: trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.

+ Coi công việc như một người bạn: "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?...Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn chết mất".

+ Tìm thấy những ý nghĩa trong công việc: "báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu".

+ Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu: Phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng.

- Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc:

+ Làm việc một mình trên đỉnh núi cao, không có ai giám sát xong anh vẫn luôn tự giác, tận tụy: Mỗi ngày đều bốn lần đi "ốp" để báo về nhà, không ngần ngại những đêm mưa tuyết,...

+ Tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, đúng giờ giấc và chính xác đến từng phút: Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vì sợ hết ba mươi phút.

+ Anh luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mình.

=> **Nhận xét:** Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước thêm giàu đẹp.

b) Một người có tinh thần lạc quan và yêu tha thiết cuộc sống

- Anh biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống của mình bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà mình ở; nuôi gà, nuôi ong để làm giàu nguồn lương thực cho mình.

- Luôn tự trau dồi bản thân bằng cách đọc qua sách, để nâng cao hiểu biết và chất lượng cuộc sống.

- Không chỉ sắp xếp xếp, tổ chức công việc một cách khoa học, mà ngay trong cuộc sống anh cũng thật gọn gàng, ngăn nắp : Một căn nhà ba gian sạch sẽ khiến ông họa sĩ phải trầm trồ và bất ngờ.

=> **Nhận xét:** Tinh thần lạc quan đã làm điểm tựa vững bền giúp anh chủ động vượt lên hoàn cảnh còn nhiều khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần và tìm được niềm vui , ý nghĩa của cuộc sống.

c) Một con người chân thành, cởi mở và hiếu khách

- Thể hiện ở nỗi thèm người, muốn được nhìn ngắm, trò chuyện với con người. Vì thế, anh đã lấy khúc cây chắn ngang đường để dừng những chuyến xe hiếm hoi.

- Khi gặp được người thì anh mừng đến mức tất tả, cuống cuống như không kiềm được cảm xúc: "Anh chạy vụt đi, cũng tất tả như khi đến", "Người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ".

- Anh là một người thân thiện, cởi mở ngay cả với những người mới gặp lần đầu : niềm nở, hồ hởi không giấu lòng, pha trà, tặng hoa và cả quà ăn đường.

- Trân trọng từng giây từng phút gặp gỡ: Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

- Anh quan tâm, chu đáo đến cả những người tình cờ gặp gỡ và sẵn sàng yêu thương, sẻ chia: Nghe bác lái xe kể về việc vợ mình bị bệnh, anh đã lặng lẽ đi tìm củ tam thất để bác gái ngâm rượu uống.

=> **Nhận xét:** Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa.

d) Một con người khiêm tốn

- Công việc của anh đang làm góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước: phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu. Nhưng anh lại cho những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác.

- Khi ông họa sĩ xin ký họa chân dung, anh từ chối, e ngại : "Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đánh cho bác vẽ hơn".

* Qua những nét phác họa của Nguyễn Thành Long, anh thanh niên hiện lên thật chân thực, sinh động, đẹp đẽ. Giữa thiên nhiên im lặng, hắt hiu, giữa cái lạnh lẽ muôn thuở của Sa Pa đã vang lên những âm thanh trong sáng, những sắc màu lung linh của những con người lao động mới như anh.

3. Các nhân vật phụ

a) Nhân vật ông họa sĩ

- Tuy không phải là nhân vật chính của truyện, nhưng ông họa sĩ có vị trí quan trọng, mang quan điểm trần thuật của tác giả. Người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát, miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện.

+ Trước hết, ông là một nghệ sĩ chân chính, nghiêm túc, say mê đi tìm cái đẹp: "Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại của cuộc đời... Đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan".

+ Ngay từ những phút đầu gặp anh thanh niên, ông họa sĩ đã xúc động và bối rối. " Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết. Ôi! Một nét thôi cũng đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác" .

+ Trước chàng trai trẻ đáng yêu, ông họa sĩ bỗng thấy như "nhọc quá" vì những điều người ta suy nghĩ về anh.

+ Những lời tâm sự anh thanh niên, khiến ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác.

- Những cảm xúc và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên, đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo được chiều sâu tư tưởng của tác phẩm.

b) Nhân vật cô kỹ sư

- Cô kỹ sư là một hình ảnh đẹp đẽ, biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ: cô vừa tốt nghiệp đã tình nguyện lên miền núi Lai Châu nhận nhiệm vụ.

+ Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, được nghe những điều anh tâm sự, chia sẻ về bản thân và những người khác khiến cô "bàng hoàng".

+ Cái "bàng hoàng" như một sự va đập giúp cô bừng dậy những tình cảm và suy nghĩ lớn lao ,đẹp đẽ:

+ Cô đánh giá, kiểm điểm đúng hơn mỗi tình đầu nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ.

+ Vững tin và quyết tâm về quyết định cho chuyển ra đi đầu đời của mình.

+ Từ quý mến, khâm phục cô dần dần thấy biết ơn vô cùng anh thanh niên. Không phải chỉ vì bó hoa to mà anh tặng mà còn vì "một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô".

- Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Đó là sự đồng cảm về lý tưởng của thế hệ thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ.

Đồng thời, qua tâm tư, cảm xúc của cô kỹ sư, tao nhận ra vẻ đẹp và sức mạnh của nhân vật anh thanh niên.

c) Nhân vật bác lái xe

- Là người xuất hiện từ đầu tác phẩm, bác là người dẫn dắt, giới thiệu một cách sơ lược và kích thích sự chú ý về nhân vật chính của tác phẩm - "người cô độc nhất thế gian".

+ Bác là một người yêu nghề và có trách nhiệm với công việc: Đã có ba mươi năm lái xe và hiểu tường tận Sa Pa.

+ Là một con người niềm nở và cởi mở: trên khuôn mặt hồ hởi, bác giới thiệu về thiên nhiên và cảnh sắc Sa Pa; chia sẻ với ông họa sĩ và cô kỹ sư về anh thanh niên.

+ Có một tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa.

+ Bác là cầu nối giữa anh thanh niên với cuộc đời: Bác mua sách giúp anh; giới thiệu anh với những người bạn mới;...

- Mặc dù chỉ xuất hiện qua một vài chi tiết của truyện nhưng bác họa sĩ là một phần quan trọng giúp nhân vật anh thanh niên xuất hiện một cách tự nhiên và góp phần dẫn dắt chuyện.

d) Những nhân vật được giới thiệu gián tiếp

- Đó là những con người làm việc miệt mài, cống hiến thầm lặng: Anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-păng cao 3142m; ông kỹ sư vườn rau dưới Sa Pa ngày ngày ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào.

- Dám hy sinh cả tuổi trẻ và hạnh phúc cá nhân: Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét, "nửa đêm mưa gió, rét buốt, mặc, cứ nghe sét là choáng choáng chạy ra" và mười một năm chưa ngày nào xa cơ quan.

* Trong tác phẩm, những nhân vật này không xuất hiện một cách trực tiếp mà chỉ được giới thiệu gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên. Song, họ đã thể hiện được những phẩm chất vàng trong tâm hồn, cách sống và góp phần làm sáng tỏ chủ đề, tư tưởng của truyện được mở rộng.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho đoạn văn sau: (...) "*Gian khổ nhất là lần ghi vào báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay ra tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung.*" (...) (Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long – Sách Ngữ văn 9, tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào, được nói ra trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Những lời tâm sự đó giúp em hiểu gì về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật? Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống của nhân vật còn có điều gì đặc biệt?

Câu 3: Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy cho biết: Trong hoàn cảnh ấy, điều gì đã giúp nhân vật trên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ?

Câu 4: Chỉ ra một câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên.

Câu 5: Viết một đoạn văn tổng phân hợp làm rõ nội dung sau: Những trang văn của Nguyễn Thành Long đã khắc họa thiên nhiên Sa Pa thật rực rỡ, nên thơ, giàu cảm xúc. (Đoạn văn có sử dụng phép liệt kê. Gạch 1 gạch chỉ rõ).

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của nhân vật anh thanh niên, khi tâm sự với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc của mình.

Câu 2: - Những lời tâm sự đó giúp em hiểu về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật: Mỗi ngày anh phải gửi bản “ốp” về “nhà”, có những lúc tưởng chừng không thể làm được. Nửa đêm dù mưa tuyết, giá lạnh, đúng giờ “ốp” thì cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc.

- Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên khá đặc biệt:

+ Sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ. Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao.

+ Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn...là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người.

Câu 3: Trong hoàn cảnh sống và làm việc đặc biệt ấy, điều đã giúp nhân vật anh thanh niên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ là:

- Lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm với công việc.

- Anh biết tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động: Nuôi gà, trồng hoa, tự học và đọc sách ngoài giờ làm việc.

Câu 4: Chép một trong hai câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn:

- “Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.

- Hoặc là câu “Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung”.

Câu 5:

Đoạn văn tham khảo :

(1) Lặng lẽ Sa Pa của của Nguyễn Thành Long đem đến cho người đọc thưởng thức bức tranh núi rừng rộng lớn cùng tây Bắc.

(2) Bức tranh thiên nhiên được miêu tả từ xa đến gần, từ bầu trời đến mặt đất.

(3) Xa xa núi cao, thác đổ trắng xóa, đường núi quanh co uốn lượn, câu cối rậm rạp, những đàn bò đứng đỉnh ăn cỏ trong những thung lũng ven đường, nắng len tới đốt cháy rừng cây... mây bị nắng xua đi cuộn tròn...

(4) Những vòm lá ướt sương...

(5) Đến gần là vườn hoa đơn, hoa thược dược vàng, tím, hồng phấn, tổ ong với đủ màu sắc rực rỡ do bàn tay của con người tạo ra.

(6) Tất cả đã làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp kì lạ, hấp dẫn, gọi ra cho ta bao liên tưởng và khát khao về vùng đất thơ mộng.

- Phép liệt kê :

(3) Xa xa núi cao, thác đổ trắng xóa, đường núi quanh co uốn lượn, câu cối rậm rạp, những đàn bò đủng đỉnh ăn cỏ trong những thung lũng ven đường, nắng len tới đốt cháy rừng cây... mây bị nắng xua đi cuộn tròn...

(5) Đến gần là vờn hoa đơn, hoa thược dược vàng, tím, hồng phấn, tổ ong với đủ màu sắc rực rỡ do bàn tay của con người tạo ra.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, hẳn các em còn nhớ: Khi được mời lên nhà anh thanh niên, họa sĩ đã nghĩ thầm: "*Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn*". Nhưng rồi, sau những câu chuyện anh kể, những việc anh làm, họa sĩ lại nghĩ: "*Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận một sự thử thách*".

Câu 1: Em hiểu cách nhìn nhận, đánh giá của họa sĩ về nhân vật anh thanh niên đã thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi đó? Ý nghĩ sự thay đổi đó là gì?

Câu 2: Bên cạnh nhân vật họa sĩ, còn nhiều nhân vật phụ khác cũng đã góp phần làm rõ tính cách nhân vật anh thanh niên. Đó là những nhân vật nào?

Câu 3: Viết đoạn văn phân tích nhân vật họa sĩ trong tác phẩm. Trong đoạn có sử dụng khởi ngữ và thành phần phụ chú. (Yêu cầu: gạch chân dưới các thành phần đó)

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Cách nhìn nhận, đánh giá của họa sĩ với nhân vật anh thanh niên đã thay đổi; từ chưa hiểu đến hiểu, cảm phục.

- Sự thay đổi đó có được là do những điều họa sĩ chứng kiến, nghe, thấy, và cảm nhận từ anh thanh niên.

Câu 2: Bên cạnh nhân vật anh thanh niên, trong truyện còn có những nhân vật phụ khác góp phần làm rõ tính cách nhân vật anh thanh niên. Đó là bác lái xe, cô kĩ sư trẻ, ông họa sĩ, ông kĩ sư dưới vườn rau Sa Pa và anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét.

Câu 3: Viết đoạn văn:

* Về nội dung: phân tích nhân vật họa sĩ với những biểu hiện sau:

- Tâm hồn nhạy cảm, mẫn cảm : Ông họa sĩ trong câu chuyện với người thanh niên mặc dù gặp gỡ rất ít phút, chỉ thoáng nghe người thanh niên kể chuyện về công việc của mình, ông cảm nhận ngay được nét đẹp tâm hồn của anh, ông cảm thấy rối bời bời ông đã bắt gặp điều mà ông vẫn ao ước được biết »

- vẻ đẹp tâm hồn cao quý của người thanh niên.

- Là con người từng trải, hiểu đời, hiểu người sâu sắc - Là con người gắn bó với hội họa, có nhiều trăn trở về nghề nghiệp

=> lòng yêu nghề, say mê với nghề. Dấu ấn nghề nghiệp đã in dấu lên vẻ ngoài của ông

+ Sắp nghỉ hưu vẫn muốn vẽ tranh. ông hiểu vẽ là một công việc gian nan. Ông cảm thấy ngòi bút của mình dường như bất lực trong việc tái hiện lại vẻ đẹp cuộc sống con người. Chỉ có những người thực sự giỏi mới không tự bằng lòng với mình, tự thấy mình phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

+ Ông càng xúc động trước những nét đẹp bình dị, đáng quý của anh thanh niên, ông càng khát khao sáng tác. Làm thế nào để phác họa được bức chân dung chàng trai, làm thế nào để người xem phát hiện được,

cảm nhận được nét đẹp của anh như ông đang xúc động, làm thế nào để gửi gắm suy tư của ông vào bức tranh đó.

=> Quả thực ta thấy ông là một con người có tâm hồn nhạy cảm, có nhiều suy nghĩ sâu sắc về nghề nghiệp.

* Về hình thức: đoạn văn phải có dùng khởi ngữ và thành phần phụ chú.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Câu 1: Có người nhận xét rằng: Truyện “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long xây dựng trên cơ sở tình huống truyện đơn giản nhưng vẫn tạo được sức hấp dẫn. Tình huống truyện đó là gì?

Câu 2: Chủ đề của tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” được tác giả nêu trực tiếp nhưng kín đáo trong câu văn giàu chất suy tưởng. Em có nhận ra câu văn đó không, hãy chép lại theo trí nhớ.

Câu 3: Cách sống của người thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn đã gợi cho họa sĩ những thay đổi trong suy nghĩ về anh, khiến họa sĩ muốn thể hiện anh trong tác phẩm của mình. Hãy viết một đoạn văn từ 10 đến 12 câu theo cách quy nạp để làm rõ nhận xét trên. Trong đoạn có dùng một thành phần phụ chú (Gạch chân dưới thành phần phụ chú đó)

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Tình huống của truyện “Lặng lẽ Sa Pa” là cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh cao Yên Sơn với ông họa sĩ già và cô kĩ sư mới ra trường.

Câu 2: Chủ đề của câu chuyện được thể hiện trong câu: ...Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.

Câu 3: Viết đoạn văn:

* Hình thức: độ dài khoảng 10 đến 12 câu, trình bày theo cách diễn dịch.

* Ngữ pháp: có câu dùng thành phần phụ chú. Gạch chân.

* Nội dung: làm rõ những đổi thay trong suy nghĩ của ông họa sĩ về nhân vật anh thanh niên, từ đó hiểu hơn về nhân vật chính.

- Suy nghĩ của ông họa sĩ khi thấy anh thanh niên lên nhà trước khách “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp...” Tức là sống luộm thuộm, cầu thả.

- Nhưng rồi qua lời anh kể, những điều ông chứng kiến, suy ngẫm, ông thấy người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm ông nhọc quá, ông hiểu gặp con người như anh là một cơ hội hạn hữu cho sáng tác, ông muốn thể hiện anh trong sáng tác của mình, làm thế nào đặt được tâm lòng mình vào trong tác phẩm...cho người xem hiểu được anh ta mà không phải như một ngôi sao xa...

- Như vậy, vẻ đẹp tâm hồn của anh thanh niên đã khơi dậy trong họa sĩ cảm hứng sáng tạo, tác động đến tâm hồn họa sĩ...

- Qua sự thay đổi thái độ đánh giá của họa sĩ với anh thanh niên, nhân vật được hoàn chỉnh và vẻ đẹp của nhân vật cũng tự nhiên gợi xúc cảm cho người đọc.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

“Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng một – không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ có cháu góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu,

thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một – hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy, cháu sống thật hạnh phúc. Ô, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.”

(SGK Ngữ văn 9, Tập 1, NXBGD)

Câu 1: Tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh sáng tác của tp có đoạn trích trên.

Câu 2: Tìm câu văn có chứa thành phần khởi ngữ và gạch chân dưới thành phần khởi ngữ.

Câu 3: Em có cảm nhận gì về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích trên?

Câu 4 : Trong đoạn trích trên, nhân vật anh thanh niên có nói: “Nhưng từ hôm ấy, cháu sống thật hạnh phúc”. Em hiểu như thế nào về niềm hạnh phúc của nhân vật đó? Quan niệm của em về hạnh phúc?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Tác giả: Nguyễn Thành Long- Tác phẩm: *Lặng lẽ Sa pa*

- Hoàn cảnh sáng tác: năm 1970, sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai, In trong tập “Giữa trong xanh”

Câu 2: Câu văn có chứa thành phần khởi ngữ: *Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế.*

Câu 3: Cảm nhận được các vẻ đẹp sau của anh thanh niên:

- Nhiệt tình, hăm hở cống hiến. Đóng góp tích cực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Khiêm nhường, vô tư, hồn nhiên
- Tình cảm gia đình và tình cảm yêu nước hòa quyện, gắn bó.
- Có quan niệm sống tích cực. lí tưởng sống đẹp

Câu 4: Niềm hạnh phúc của anh thanh niên:

- Anh đã góp phần phát hiện đám mây khô giúp không quân ta hạ máy bay phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng. Đó là niềm vui được cống hiến, được làm việc có ích cho đất nước.
- Còn một lí do nữa khiến anh vui sướng là bằng sự làm việc hăng say, nhiệt tình, anh đã lập chiến công và có thể thi đua cùng người cha đang trực tiếp tham gia chiến đấu. Niềm hạnh phúc của chàng trai trẻ là được cùng sống và làm việc với những người thân yêu nhất vì mục đích cao cả: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

* Từ việc cảm nhận niềm hạnh phúc của anh thanh niên trong đoạn văn trên, HS nêu quan niệm riêng của mình về hạnh phúc. Chú ý quan niệm ấy phải phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh sống hiện tại: là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, sống trong thời bình.

Ví dụ: Hạnh phúc là được học tập, được theo đuổi những khát vọng chân chính; được thực hiện những ước mơ đem lại cuộc sống tốt đẹp cho bản thân, góp phần đem lại lợi ích chung cho xã hội; hạnh phúc là được sống trong một gia đình êm ấm, thương yêu...

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 6:

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

“ Những nét hờn hờ trên mặt người lái xe chột đuôi ra rồi bằng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lẩn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc:

- Cái gì thế ?

Bác lái xe xướng to:

- Cho xe nghỉ một lúc lấy nước. Luôn tiện bà con lột da. Nửa tiếng, các ông, các bà nhé.

Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, người lái xe quay sang nhà họa sĩ nói với vợ:

- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn.”

(Ngữ văn 9, tập I)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Nhân vật được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" trong tác phẩm đó là nhân vật nào? Vì sao nhân vật đó lại được giới thiệu là "cô độc nhất thế gian"?

Câu 3: Các lời thoại của bác lái xe trong đoạn trích là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 4: Trong câu “*Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.*”, từ “*đầu*” nào dùng theo nghĩa gốc và từ “*đầu*” nào dùng theo nghĩa chuyển?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa"

- Tác giả Nguyễn Thành Long

Câu 2:

- Nhân vật được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" trong tác phẩm đó là nhân vật Anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu .

- Sở dĩ anh được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" bởi: anh sống và làm việc một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cây cối và mây mù bao phủ, đã bốn năm anh chưa về nhà, anh "thèm người" đến nỗi có lần phải chặt cây chắn đường chặn xe mong gặp người để trò chuyện.

Câu 3: Các lời thoại của nhân vật Bác lái xe trong đoạn văn trên là lời dẫn trực tiếp

Câu 4:

- Từ "đầu" trong cụm từ "cao quá đầu" là từ nghĩa gốc

- Từ "đầu" trong cụm từ "nhô cái đầu màu hoa cà" là từ ngữ nghĩa chuyển

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 7:

Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:

"Phải, người họa sĩ già vừa nói chuyện, tay vừa hí hoáy vào cuốn sổ tì lên đầu gối. Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời. Ông thấy ngòi bút của ông bất lực trên từng chặng đường đi nhỏ của ông, nhưng nó như là một quả tim nữa của ông, hay chính là quả tim cũ được “đề cao” lên, do đó mà ông khao khát, mà ông yêu thêm cuộc sống. Thế nhưng, đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan. Làm một bức chân dung, phác họa như ông làm đây, hay rồi vẽ dầu, làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được

chính tấm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức tranh đó? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách."

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sapa)

Câu 1: đoạn trích trên nói về ai? Trong đoạn trích trên chủ yếu sử dụng kiểu ngôn ngữ nào?

Câu 2: Ghi lại 1 câu văn trong đoạn trích có thành phần biệt lập và cho biết đó là thành phần biệt lập nào?

Câu 3: Bộ phận in đậm trong câu văn “*Ông thấy ...cuộc sống*” sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

Câu 4: Trình bày cảm nhận của em về nhân vật người họa sĩ già trong đoạn trích trên bằng 01 đoạn văn diễn dịch (khoảng 10 dòng).

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: đoạn trích trên nói về ông họa sĩ. Đoạn trích chủ yếu sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

Câu 2: “*Chao ôi ta bắt gặp.....chặng đường dài*”. TPBL *chao ôi*- TPCT.

Câu 3: sd biện pháp so sánh.

Td: cho thấy tầm quan trọng của ngôi bút người họa sĩ già trong việc tạo nên sự sống đích thực của cơ ông.

Câu 4: Ông có những suy nghĩ rất đẹp về nghệ thuật và con người:

- Ông là một người nghệ sĩ chân chính luôn khao khát nghệ thuật, khát khao sáng tác. Luôn tìm kiếm vẻ đẹp trong cuộc sống để đưa vào nghệ thuật.
- Ông luôn trăn trở phải vẽ được cái gì mà suốt đời mình thích.
- Ông là người nghệ sĩ nhiều kinh nghiệm và óc quan sát tinh tế: (căn phòng, vườn hoa và chân dung anh thanh niên đều được miêu tả qua lăng kính của người họa sĩ).

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 8:

Cho đoạn trích sau : . . . "*Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách . . .*"

Câu 1: Những câu văn trên được rút ra từ tác phẩm nào, của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm ấy? Nhà văn trần thuật câu chuyện theo điểm nhìn của nhân vật nào? Cách trần thuật đó góp phần như thế nào để tạo nên sự thành công của truyện?

Câu 2: Xác định một thành phần biệt lập và một phép liên kết câu trong đoạn trích đó.

Câu 3: Từ nội dung đoạn trích trên đây, em hãy nhận xét, đánh giá về nhân vật ông bằng 3 câu văn.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: HS nêu đúng

- Tên tác phẩm: "Lặng lẽ Sa Pa" - Tác giả: Nguyễn Thành Long

- Hoàn cảnh sáng tác: Sau chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả; khi đó miền Bắc tiến lên xây dựng CNXH, xây dựng cuộc sống mới, là hậu phương lớn cho miền Nam chống M cứu nước.

Nhà văn trần thuật câu chuyện theo điểm nhìn của nhân vật ông họa sĩ

Tác dụng: + Chân dung nhân vật chính là anh thanh niên được hiện dần lên một cách khách quan, chân thực, có chiều sâu tư tưởng, nổi bật chất trữ tình qua sự cảm nhận tinh tế của một con người từng trải, có con mắt nghệ thuật.

+ Có thể chủ động điều chỉnh nhịp kể (hoặc có thể kể một cách linh hoạt), xen vào nội dung kể những dòng suy nghĩ bình luận, cảm xúc để câu chuyện có chiều sâu tư tưởng, góp phần làm rõ chủ đề câu chuyện: Ca ngợi những con người lao động âm thầm lặng lẽ, cống hiến hết sức mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Câu 2; Thành phần biệt lập cảm thán: *Chao ôi*

Phép liên kết nối: *Mặc dù vậy*

Câu 3: HS diễn đạt bằng một vài câu văn đúng ngữ pháp, với nội dung nhận xét đánh giá: ông họa sĩ là người khao khát, quyết tâm tìm đối tượng cái đẹp của nghệ thuật hội họa trong cuộc sống con người

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 9:

Đọc đoạn trích sau:

Họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Còn cô kĩ sư chỉ “ồ” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong, ... ngay lúc dưới chân kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.

(Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, SGK Ngữ văn 9)

Câu 1: Cô họa sĩ trong đoạn văn trên giữ vai trò như thế nào trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa*?

Câu 2: Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm?

Câu 3: Đoạn văn trên giúp em hiểu gì về nhân vật anh thanh niên – nhân vật chính trong truyện?

Câu 4: Vì sao ông họa sĩ rất bất ngờ, ngạc nhiên?

Câu 5: Ứng xử của anh thanh niên trong đoạn văn trên đã để lại ấn tượng tốt đẹp. Từ nhận xét đó, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về cách ứng xử đối với mọi người trong cuộc sống bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Góp phần làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của truyện
- Làm nổi bật vẻ đẹp của anh thanh niên
- Cô cũng là một đại diện tiêu biểu cho vẻ đẹp của thanh niên thế hệ lúc bấy giờ

Câu 2:

“*Lặng lẽ Sa Pa*” : Đảo ngữ → Gọi:

+ Khung cảnh êm đềm, thanh tĩnh của miền đất Sa Pa.

+ Ấn dụ: Vẻ đẹp của con người và cuộc sống Sa Pa. (Cuộc sống thanh bình, con người khiêm nhường). Những vẻ đẹp ấy tiềm ẩn, lắng xuống chiều sâu chứ không khoa trương, ồn ã.

Câu 3: Anh thanh niên là một người có tinh thần trách nhiệm trong cuộc việc; là người gọn gàng, biết thu xếp cuộc sống, là người lạc quan, yêu đời.

Câu 4: Ông họa sĩ bất ngờ vì:

- Cách nhìn nhận đánh giá về anh thanh niên của ông họa sĩ có sự thay đổi: từ chưa hiểu đến hiểu và cảm phục. Lúc đầu, ông chưa gặp, chưa hiểu về anh thanh niên. Sau đó ông được chứng kiến, được nghe và cảm nhận về anh.

- Anh còn trẻ, sống một mình nhưng rất gọn gàng, ngăn nắp, khoa học

Câu 5:

*** Yêu cầu về kĩ năng:**

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Có bố cục và hệ thống ý tương đối rõ ràng .

- Biết vận dụng và phối hợp các thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng.

- Dựng đoạn có sự liên kết khá tốt.

- Bài làm viết một đoạn văn

*** Yêu cầu về kiến thức:**

- Mở đoạn: Giới thiệu:

Ứng xử: cách cư xử, giao tiếp, trò chuyện, trao đổi với nhau bằng những hành động rất đỗi thường hằng ngày. Tuy nhiên đối phương có thể nhìn vào đó để đánh giá được con người bạn như thế nào.

- Thân đoạn:

- Vì sao cư xử có văn hóa?

+ Tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, hài hòa với mọi người

+ Đánh giá được bản thân mỗi người....

- Những người ứng xử có văn hóa luôn được mọi người yêu quý, tôn trọng.

- Nhưng bên cạnh đó vẫn còn những người ứng xử thiếu văn hóa, nói tục, chửi bậy,...

- Liên hệ bản thân

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 10:

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu nghĩ ngay ngôi sao lẻ loi kia một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được. Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai chả “thèm” ở bác? Minh sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai? Lời nói đó được nói trong hoàn cảnh nào. Hình thức ngôn ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích? Dấu hiệu giúp em nhận ra điều ấy?

Câu 2: Đọc đoạn trích trên em thấy nhân vật cháu có những phẩm chất gì?

Câu 3. Câu văn: “*Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc*” giúp em hiểu gì về nhân vật trong truyện?

Câu 4: Từ phẩm chất của nhân vật cháu trong đoạn trích trên và những hiểu biết về thực tế cuộc sống, em hãy trình bày suy nghĩ về nhiệt huyết của thế hệ trẻ Việt Nam đối với con người và cuộc đời trong giai đoạn hiện nay bằng một đoạn văn có độ dài khoảng 2/3 trang giấy thi.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1.

- Lời của anh thanh niên nói với bác họa sĩ
- Hoàn cảnh: cuộc trò chuyện của anh thanh niên với bác họa sĩ khi bác lên thăm nhà của anh trên đỉnh Yên Sơn
- Hình thức ngôn ngữ: Đối thoại
- Dấu hiệu: Bắt đầu bằng gạch đầu dòng, báo hiệu lời nói đối thoại trong cuộc giao tiếp.
- Tên nhân vật: anh thanh niên
- Hình thức ngôn ngữ: đối thoại
- Dấu hiệu: dấu gạch đầu dòng đánh dấu lời nói trực tiếp

Câu 2. Phẩm chất của anh thanh niên:

- Có quan niệm đúng đắn về công việc: ta với việc là một đôi, không thấy cô đơn, lẻ loi.
- Anh không lẻ loi, đơn độc mà tìm thấy những người bạn đồng hành trên con đường mình đã chọn: ông kĩ sư vườn rau Sa Pa, anh cán bộ địa chất lập bản đồ sét
- Yêu công việc của mình
- Lối sống đẹp, có tinh thần trách nhiệm cao.

Câu 3: Anh thanh niên là người: Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: “...mình vì ai mà làm việc”. Dù đang một mình nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao nhiêu người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa.

Câu 4. Đoạn văn cần đảm bảo một số nội dung sau:

- Nhiệt huyết là lòng đam mê, hăng say khi thực hiện một công việc nào đó
- Lòng nhiệt huyết là yếu tố cần thiết để giúp chúng ta thành công đặc biệt là thế hệ trẻ.
- Ý nghĩa của lòng nhiệt huyết:
 - + Động lực thôi thúc ta không ngừng cố gắng.
 - + Là động lực giúp ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách
 - + Giúp ta vươn đến thành công
 - + Thúc đẩy xã hội phát triển....

- Mở rộng:
 - + Bên cạnh đó vẫn còn những kẻ sống hợ hợt không có mục tiêu, không có nhiệt huyết phấn đấu
 - + Những kẻ như vậy dễ dàng thất bại, và là một trong những yếu tố khiến xã hội thụt lùi
- Liên hệ bản thân

BÀI 3 : CHIẾC LƯỢC NGÀ

Nguyễn Quang Sáng

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Nguyễn Quang Sáng – sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.</p> <p>- Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học.</p> <p>- Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng có nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong 2 cuộc kháng chiến cũng như sau hoà bình.</p> <p>- Phong cách sáng tác : Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng là lối viết chân chất, mộc mạc, bình dị với giọng văn đậm chất Nam Bộ.</p>
Hoàn cảnh sáng tác	<p>- Truyện ngắn "Chiếc lược ngà" được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Đây là giai đoạn mà cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt.</p> <p>- Truện được in trong tập truyện ngắn cùng tên.</p>
Thể loại	Truyện ngắn
Ý nghĩa nhan đề	<p>- Chiếc lược ngà là hình ảnh, chi tiết trung tâm của tác phẩm, gắn kết cuộc đời, tính cách của các nhân vật và góp phần khắc họa sâu nội dung truyện.</p> <p>- Với bé Thu, chiếc lược ngà là mơ ước, là món quà đầu tiên và cũng là kỷ vật cuối cùng của người cha. Bởi vậy, chiếc lược ngà <i>là kỷ vật, là hình ảnh của người cha.</i></p> <p>- Với ông Sáu, chiếc lược ngà không chỉ là món quà ông dành tặng con mà còn là hình bóng của cô con gái yêu quý. Bởi vậy, chiếc lược ngà <i>là tất cả tình thương nỗi</i></p>

	<p>nhớ ông gửi gắm cho cô con gái bé bỏng.</p> <p>- Với bác Ba, chiếc lược ngà là sự trao gửi thiêng liêng giữa người cán bộ cách mạng với đứa con gái của người đồng đội đã nằm lại nơi chiến trường.</p> <p>- Với cha con ông Sáu, chiếc lược ngà là biểu tượng thiêng liêng bất diệt và cầu nối tình cảm sâu nặng của hai cha con.</p>
Bố cục 3 phần	<p>- Phần 1 (từ đầu đến "chị cũng không muốn bắt nó về"): Ông Sáu trở về thăm nhà trong ba ngày nghỉ phép nhưng bé Thu không nhận ông là ba.</p> <p>- Phần 2 (tiếp theo đến "vừa nói vừa từ từ tuột xuống"): Bé Thu nhận ra ba và cuộc chia tay của hai cha con.</p> <p>- Phần 3 (đoạn còn lại): Ông Sáu hi sinh ở chiến trường và chuyện chiếc lược ngà.</p>
Tóm tắt	<p>- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến. Mãi đến khi con gái lên tám tuổi ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu – con ông – không nhận ra cha vì vết sẹo trên mặt làm ông không giống với người cha trong bức ảnh mà em biết. Em đối xử với ba như với người xa lạ. Cho đến lúc em nhận ra cha, tình cha con trở dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải ra đi.</p> <p>- Ở khu căn cứ, người cha ấy đã dồn hết tình cảm yêu thương và nỗi nhớ mong con vào một việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để tặng cô con gái bé bỏng. Trong một trận càn, ông đã hy sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược ngà nhờ người bạn gửi về cho con gái của mình.</p>
Ngôi kể	Thứ nhất
Chủ đề	Truyện kể về tình cảm cha con sâu nặng của ông Sáu và bé Thu, qua đó tác giả ca ngợi tình cha con sâu nặng, tình đồng đội thiết tha trong cảnh ngộ éo le thời chiến tranh, đồng thời ca ngợi truyền thống cách mạng yêu nước của người nông dân Nam Bộ.
Giá trị nội dung	thể hiện tình cha con cảm động và sâu nặng trong hoàn cảnh éo le, khắc nghiệt của chiến tranh.
Giá trị nghệ thuật	tình huống bất ngờ, tự nhiên, hợp lý; thành công trong việc miêu tả tâm lý và xây dựng tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật trẻ em (bé Thu).

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Tình huống truyện : * Tác giả đã xây dựng hai tình huống truyện đặc sắc:

- Tình huống thứ nhất: Cuộc gặp gỡ của hai cha con ông Sáu sau tám năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha, đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi. Đây là **tình huống cơ bản** của truyện.

- Tình huống thứ hai: ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con, nhưng ông Sáu đã hy sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con gái.

=> Nếu tình huống thứ nhất bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha thì tình huống thứ hai lại biểu lộ tình cảm sâu sắc của người cha với đứa con.

* **Ý nghĩa**: - Tình huống truyện kịch tính, chứa nhiều yếu tố bất ngờ tạo nên nghệ thuật thắt nút. Từ đó, thể hiện tình cảm cha con thiêng liêng, sâu nặng.

- Đặt nhân vật vào những tình huống éo le, làm cho những tình cảm được đẩy lên cao trào. Qua đó, tác giả muốn khẳng định một điều hết sức thiêng liêng: tình cảm cha con là thứ tình cảm bất tử, không súng đạn nào chia cắt được.

2. Nhân vật bé Thu: * Hoàn cảnh của bé Thu:

- Bé Thu sinh ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, cha phải đi lính chiến đấu chống giặc, bé Thu chỉ biết cha qua một tấm ảnh chụp.

- Sau tám năm dòng xa cách, ông Sáu- cha của bé trở thăm nhà, thật trớ trêu thay, bé Thu lại không nhận ra cha và tỏ thái độ lạnh tránh ông.

a. Trước khi bé Thu nhận ra ông Sáu là ba:

- Thoạt đầu, khi thấy ông Sáu vui mừng, vỗ vập mình, Thu tỏ ra ngờ vực, lạnh tránh và sợ hãi chạy đi. Cảnh gặp gỡ diễn ra trong phút chốc nhưng cũng khiến người đọc không cầm được nước mắt.

- Trong những ngày ông Sáu ở nhà, bé Thu có thái độ ngang ngạnh, thậm chí hỗn xược với ông Sáu.

- Thu xa lánh ông Sáu trong khi ông Sáu luôn tìm cách vỗ về, Thu nhất quyết không chịu gọi tiếng ba.

- Má dọa đánh, Thu buộc phải gọi ông Sáu vô ăn cơm, nhờ ông chắt nước cơm nhưng lại nói trống.

- Bị dồn vào thế bí nó nhăn nhó muốn khóc nhưng tự lấy rá chắt nước cơm chứ không chịu gọi ba.

- Thu hất tung cái trứng cá ra mâm, cơm văng tung tóe, bị ba đánh đòn nhưng cô không khóc mà chạy sang nhà ngoại.

* **Nhận xét:** Sự ngang ngạnh và hành động ngang ngược của Thu không đáng trách. Cô bé không nhận ông Sáu là cha vì cô bé chỉ nhớ một người duy nhất là cha, đó là người chụp chung ảnh với má. Ông Sáu có thêm vết sẹo trên má khi bị thương nên khác với người trong ảnh. Đó thực sự là tình yêu thương sâu sắc và cảm động mà Thu dành cho người cha của mình.

Miêu tả thái độ, hành động bất thường của cô bé, tác giả đã tái hiện hoàn cảnh éo le trong chiến tranh; đồng thời khắc họa được hình ảnh một cô bé đầy cá tính.

b. Khi bé Thu nhận ra ông Sáu là ba:

- Được bà ngoại trò chuyện, tìm ra lí do Thu không nhận ông Sáu là cha và khuyên nhủ, con bé lăn lộn suốt đêm không ngủ được, nó ân hận rồi căm thù giặc và thương ba nó vô hạn.

- Không còn ngang ngạnh, cau có, cố chấp mà thay vào đó là khuôn mặt “sầm lại buồn rầu” và “nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”.

- Khi cô bé bắt gặp cái nhìn trìu mến và vẻ buồn rầu của ba thì “đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”.

+ Tiếng gọi ba cất lên trong sâu thẳm tâm hồn bé bỏng của con bé, sự khao khát tình cha con bị kìm nén bỗng bật lên, tiếng gọi suốt 8 năm chờ đợi.

+ “Nó vừa kêu vừa chạy xô tới dang hai chân ôm lấy cổ ba nó”. Nó hôn khắp người ông Sáu và hôn cả vết sẹo dài trên má ông

+ Hai tay Thu ôm chặt cổ ba, chân quắp chặt lấy ba không muốn ông Sáu rời đi: “Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!” Đây là một ước mơ rất thực. Em không muốn rời xa ba của mình khi đã nhận ra ba, em khao khát được bù đắp những thiếu thốn tình cảm mà chiến tranh đã cắt lìa.

+ Khi buộc phải chia tay, Thu ao ước được ba mua cho cây lược ngà, cho thấy cô muốn có vật kỉ niệm của ba để được thấy ba luôn bên mình.

* **Nhận xét:** Bé Thu có tình yêu thương cha mãnh liệt, vô bờ. Miêu tả những biến đổi tình cảm của bé Thu, tác giả đã một lần nữa tô đậm tình yêu thương ba của cô bé. Qua đó, ta thấy Thu buồn bã, cá tính nhưng cũng rất giàu tình cảm.

2. Nhân vật ông Sáu:

* **Hoàn cảnh:** Ông Sáu là một nông dân Nam Bộ, tham gia kháng chiến từ năm 1946, khi con gái chưa được một tuổi, lúc con lên tám tuổi ông mới được về thăm quê ba ngày.

a. Trong ba ngày phép về thăm nhà:

- Trong những ngày ông về thăm quê, giây phút gặp lại con sau bao năm xa cách, ông Sáu hết sức vui mừng.

+ Háo hức, vội vã, nôn nóng mong gặp con: nhảy lên bờ, bước vội: “không thể chờ xuống cập lại bến, anh nhón chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra... vội vàng với những bước chân dài”.

+ Kêu to gọi con đầy xúc động: “Thu! Con”.

+ Sừng sờ, bàng hoàng khi con bỏ chạy: mặt sầm lại, hai tay buông xuống.

⇒ Những từ miêu tả: “đứng sững lại”, “mặt anh sầm lại” và “tay buông xuống như bị gãy” đã diễn tả được nỗi đau dường như quá lớn, quá sức chịu đựng với ông Sáu. Ông Sáu đang xúc động thì phải nhận sự sợ hãi, xa lánh của bé Thu, tâm trạng từ trông chờ, vui sướng trở thành bàng hoàng, đau đớn.

- Thời gian ở bên con:

+ Ông Sáu chỉ ở nhà với con, chờ con gọi một tiếng “ba”, lúc nào cũng “lúc nào cũng vỗ về con”. Ông muốn bù đắp tình cảm cho con.

+ Mọi sự cố gắng của ông từ giả vờ không nghe con gọi khi nó nói trống, không giúp con chắt nước cơm, gấp thức ăn cho con là một sự nỗ lực đau đớn của người cha khi con gái không nhận mình. Cảm xúc đau đớn dồn nén đến tột giận, ông đánh con.

- Cảnh chia li:

+ Ông không dám lại gần con bé, ánh mắt của ông trĩu mến lẫn buồn rầu, bất lực nhìn con gái.

+ Khi con gái nhận và ôm chặt lấy mình, ông Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con.

+ Ông hứa với con bé sẽ trở về với chiếc lược ngà tặng con.

⇒ Tình phụ tử đã vượt qua sự ngăn cách của thời gian, của chiến tranh. Ông Sáu đã nhận được sự công nhận và yêu thương của bé Thu.

b. Trong những ngày ông ở căn cứ:

- Ông thương nhớ con, ân hận vì mình đã đánh con.

- Tình yêu thương con dồn vào việc thể hiện lời hứa với con, làm cho con một chiếc lược ngà.

- Tự ông đi tìm ngà voi rồi tự tay ông ngồi cưa từng cái răng lược, thận trọng, khổ công như một người thợ bạc gõ lưng, tỉ mỉ khắc lên đó một dòng chữ: “Yêu nhớ tặng Thu – con của ba”. Thình thoảng những lúc rảnh rỗi, ông lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho thêm bóng, thêm mượt...

-> Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một sản phẩm duy nhất trong đời. Cho nên cây lược ngà kết tinh trong nó tình phụ tử: mộc mạc mà đầm thắm, sâu sa, đơn sơ mà kỳ diệu.

+ Khi bị thương nặng, biết không thể sống được, ông đã dồn tất cả tàn lực của mình làm một việc: “đưa tay vào túi móc cây lược đưa lại cho ông Ba” như trao lại lời trăng trối cuối cùng, tuy không thành lời nhưng nói rõ ràng, thiêng liêng hơn cả một lời di chúc. Bởi đó là uỷ thác, là ước nguyện cuối cùng đối với người bạn thân.

⇒ Ông Sáu đã dồn tất cả tình cảm của mình dành cho con vào việc làm chiếc lược ngà. Dẫu cây lược đó chưa lần nào được chải trên mái tóc của bé Thu nhưng đã phần nào gỡ rối những mối tơ long, vơi đi nỗi dày vò ân hận và nuôi dưỡng khát vọng đoàn viên. Chiếc lược ngà là vật chứa đựng biết bao yêu thương, nhung nhớ của ông Sáu dành cho con gái. Đó là một tín vật của tình phụ tử. Đó cũng là một lời hứa với con gái của ông. Dù ông không thể trở về, nhưng chiếc lược minh chứng cho tình yêu của ông dành cho con vẫn còn đó. Chiếc lược ngà -biểu tượng cao quý của tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu.

* **Đánh giá:**

- “ Chiếc lược ngà” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu, sáng tác trong thời kì kháng chiến, ca ngợi tình cảm gia đình, tình đồng chí, niềm tin và khát vọng hòa bình.

- Cốt truyện chặt chẽ, cách lựa chọn tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý.

- Lựa chọn ngôi kể, cảnh kể và ngôn ngữ lời thoại cho nhân vật...

-> Góp phần không chỉ làm cho câu chuyện đảm bảo tính khách quan, chân thực, tin cậy mà còn hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể và dẫn dắt nội dung câu chuyện theo dòng cảm xúc của mình.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Những lúc rảnh rỗi, anh của từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc... Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng được khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “ Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám- năm đó ta chưa vỡ trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – nguy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu... Cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh...”

(Trích *Chiếc lược ngà* – Nguyễn Quang Sáng)

Câu 1: Xác định lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn trên?

Câu 2: Truyện được kể theo lời trần thuật của nhân vật nào? Cách chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện nội dung tư tưởng của truyện.

Câu 3: Nêu nội dung ý nghĩa chính của đoạn văn trên?

Câu 4: “Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu”. Tưởng tượng là người chứng kiến cảnh đó, em hãy viết một vài câu để diễn tả “ cái nhìn ấy”.

Câu 1: Lời dẫn trực tiếp: “ Yêu nhớ tặng Thu con của ba”.

+ Không chỉ chứng kiến khách quan, mà còn bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật.

+ Các sự việc và nhân vật khác trong truyện bộc lộ rõ ý nghĩa, tư tưởng của truyện.

Tạo sức thuyết phục.

Câu 3: Tình yêu thương sâu nặng của ông Sáu dành cho con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

Câu 4: Viết vài câu diễn tả được tâm trạng, cảm xúc, nỗi niềm, sự trao gửi ... qua ánh mắt của ông Sáu trước khi hi sinh.

Câu 5: - Xác định được vấn đề bàn luận.

- Đúng kiểu bài nghị luận xã hội.

- Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.

- Bố cục rõ ràng, lời văn trong sáng.

- Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rùng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hót hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hờ như đứa trẻ được quà.

Câu 1: Đoạn trích trên được trích trong tác phẩm nào? Ai là tác giả?

Câu 2: Nhân vật *tôi* và *anh* được nói đến trong đoạn trích là ai?

Câu 3: Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn in đậm và cho biết đó là kiểu câu gì xét về mặt cấu tạo ngữ pháp?

Câu 4: Câu văn *Mặt anh hớn hờ như đứa trẻ được quà* diễn tả điều gì? Dựa vào những hiểu biết của em về tác phẩm, hãy lí giải vì sao *mặt anh hớn hờ* như vậy?

Câu 1: Đoạn trích trong tác phẩm *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

Câu 2: Nhân vật *tôi* là bác Ba và *anh* là ông Sáu.

Câu 3: Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu văn in đậm:

Tôi / hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa

C1 V1 *phu chú*

rừng, giọt mưa / còn đọng trên lá, rừng / sáng lấp lánh.

- Câu ghép.

Câu 4: Câu văn "Mặt anh hớn hờ như đứa trẻ được quà" diễn tả niềm vui của ông Sáu.

- Ông Sáu vui như vậy vì trước khi ông Sáu trở lại chiến trường, bé Thu đã dặn ông trong tiếng khóc: *Ba về ba mua cho con cây lược nghe ba*. Nhật được khúc ngoà, ông Sáu sẽ tự tay làm cho con cây lược bằng cả tình yêu thương và niềm mong nhớ con.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Dưới đây là trích đoạn trong truyện ngắn "Chiếc lược ngà" (Nguyễn Quang Sáng):

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bắt thẩn hắt cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?"

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2013)

Câu 1: Chiếc lược ngà được viết năm nào? Ghi lại từ mang màu sắc Nam bộ trong đoạn trích.

Câu 2: Những biểu hiện của nhân vật bé Thu ở trên nói lên thái độ gì và qua đó bộc lộ tình cảm như thế nào đối với nhân vật ông Sáu? Lời kể được in nghiêng trong đoạn trích trên giúp em nhận biết mục đích nói ở câu văn có hình thức nghi vấn sau đó là gì?

Câu 3: Viết một đoạn văn (khoảng 15 câu) theo cách lập luận quy nạp làm rõ tình cảm sâu nặng của bé Thu đối với cha trong truyện ngắn trên, ở đó sử dụng câu có thành phần biệt lập và phép lặp để liên kết (gạch dưới phần biệt lập và từ ngữ dùng làm phép lặp).

Câu 4: Kể tên một tác phẩm khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9, trong đó cũng có nhân vật người cha, vì chiến tranh xa cách, khi trở về, đứa con cũng hoài nghi, xa lánh. Từ cảnh ngộ của người cha trong hai tác phẩm, em có suy ngẫm gì (không quá 5 dòng) về chiến tranh.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Tác phẩm "Chiếc lược ngà" được viết năm 1966

Những từ mang màu sắc Nam bộ trong đoạn trích trên: Chén, xoi

Câu 2: Thái độ phản ứng quyết liệt, không chấp nhận ông Sáu là cha đẻ của mình. Điều này chứng tỏ bé Thu có cá tính mạnh mẽ, tình cảm chân thật. Em chỉ yêu cha khi tin chắc đúng là cha mình (em thấy ông Sáu không giống tấm hình chụp chung với má). Tình yêu của bé Thu sâu sắc, đầy bản lĩnh.

- Mục đích nói ở câu văn có hình thức nghi vấn là bộc lộ cảm xúc bức tức của ông Sáu khi thấy bé Thu có hành động phản ứng quyết liệt trước sự chăm sóc của ông đối với bé. Đằng sau câu nói đó, người đọc thấy được sự khát khao của người cha mong đứa con chấp nhận mình là cha của nó.

Câu 3:

-Về ngữ pháp:

- Gạch chân đoạn văn và chú thích rõ ràng thành phần biệt lập (có thể là tình thái từ, hoặc từ cảm thán, hoặc thành phần phụ chú, hoặc gọi đáp) và từ ngữ dùng làm phép lặp, được sử dụng thích hợp trong đoạn văn.

- Về nội dung: Học sinh có thể tham khảo mạch ý sau để làm rõ tình cảm sâu nặng của bé Thu đối với người cha trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”:

* Khi ông Sáu về đến nhà:

- Bé đang chơi ở nhà chòi, thấy người đàn ông có vết sẹo dài bên má phải đỏ ửng, giật giật trông rất sợ, bé đã “giật mình, tròn mắt, ngơ ngác nhìn” một cách ngỡ ngàng. Rồi bé mặt tái đi, vụt chạy, kêu thét lên. Điều này cho thấy, bé chưa chuẩn bị tâm lý từ trước rằng ba của bé sẽ về thăm nhà.

* Trong ba ngày ở nhà:

Ông Sáu luôn gần gũi, khao khát bé Thu gọi mình một tiếng “Ba”, song bé Thu đã có những hành động phản ứng ông một cách ương ngạnh, bướng bỉnh:

- Nói trống (nói trống không) “vô ăn cơm”, “cơm chín rồi”, “cơm sôi rồi”, “chất nước giùm cái!” để tránh dùng từ “Ba” vì từ “Ba” đối với bé rất thiêng liêng.

- Hành động “hắt cái trứng cá to vàng” ông Sáu gấp vào chén cho nó và khi ông Sáu không kiểm chế được, đã đánh bé thì bé đã “gắp lại trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm”, bỏ về bà ngoại. Khi nhảy xuống xuống, nó cố làm cho “dây lòi tới kêu rồn rảng” để thể hiện phản ứng quyết liệt với ông Sáu.

* Những chi tiết trên cho thấy, sự ương ngạnh, bướng bỉnh của bé Thu trong hoàn cảnh chiến tranh xa cách, trắc trở không đáng trách. Bạn đọc thông cảm với bé vì em còn quá nhỏ, chưa hiểu được thời gian năm tháng, sự khốc liệt của chiến tranh sẽ làm ngoại hình con người có thể biến dạng đi không giống tấm hình chụp thời trẻ của ông Sáu. Hơn nữa, bé Thu chỉ biết mặt ba qua tấm hình chụp chung với má. Bé cũng chưa chuẩn bị tâm lý gặp lại ba khi ba của bé về nhà trước khi nhận nhiệm vụ mới.

* Thu nhận ra ông Sáu là người cha của mình (trọng tâm)

- Buổi sáng cuối cùng trước phút ông Sáu lên đường, thái độ, hành động của Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn vì bé được bà ngoại giải thích vết sẹo trên má phải ông Sáu là do bị Tây bắn. Nó đã nằm im nghe bà kể, lẫn lộn và thỉnh thoảng thờ dãi như người lớn. Điều này cho thấy, bé ân hận, hối tiếc.

- Lúc chia tay với ông Sáu: Đôi mắt mở to mênh mông của bé nhìn với vẻ “ngỡ ngàng sâu xa” và khi ông Sáu khẽ chào bé “Thôi, ba đi nghe con!” thì bé đã kêu thét lên “Ba...a...a...ba!”

* Tiếng “Ba” mà bé khao khát được gọi đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung ra từ đáy lòng nó. Tiếng kêu “ba” xé tan cả không gian im lặng, xé ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đây là tiếng gọi “ba” đầu tiên và cũng là cuối cùng của cuộc đời bé Thu vì sau đó ông Sáu đã hy sinh.

Hành động:

- Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như con sóc, nó chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba, vừa nói trong tiếng khóc, không cho ba đi.

- Nó “hôn tóc, hôn cổ, hôn vai” vì muốn cảm nhận hết tình cảm của người cha mà nó khao khát bao năm nay. Đặc biệt, “nó hôn cả vết sẹo dài bên má của ba” mà nó rất sợ vì nó muốn chuộc lại lỗi lầm trong ba ngày đã có hành động, thái độ không phải với ông Sáu. Hiểu được nguyên nhân của vết sẹo dài, bé Thu càng yêu thương và tự hào vì ba của bé là một chiến sĩ cách mạng.

* Chiến tranh qua hình ảnh “vết sẹo dài” đã không những không chia cắt được tình cảm cha con của người chiến sĩ cách mạng mà còn làm cho tình cảm đó trở nên sâu sắc, mãnh liệt hơn.

- Được bà và mẹ giải thích rằng ba đi, thống nhất đất nước, ba sẽ về Thu đã để cho ba đi và dặn ba về sẽ mua cho bé một cây lược. Điều này cho thấy bé hiểu được công việc mà cách mạng đang cần ba.

- Sau này biết tin ba mình hy sinh, bé Thu đã tiếp nối công việc của ba đang làm dở: trở thành cô giao liên thông minh, dũng cảm, nhiều lần cứu đoàn cán bộ cách mạng thoát khỏi phục kích của giặc.

*Kết đoạn:

- Với tấm lòng yêu mến, trân trọng tình cảm trẻ thơ, với sự am hiểu tâm lý trẻ em, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa tình cảm yêu cha sâu sắc, mãnh liệt, đầy bản lĩnh của đứa con người chiến sĩ cách mạng mà không làm mất đi vẻ hồn nhiên, ngây thơ của trẻ em, đồng thời khẳng định chiến tranh khốc liệt với hoàn cảnh đầy éo le, không chia rẽ được tình cảm cha con của những người chiến sĩ cách mạng.

Câu 4:

* Tác phẩm khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9, trong đó có nhân vật người cha, vì chiến tranh xa cách, khi trở về, đứa con trai cũng hoài nghi, xa lánh là “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

* Suy nghĩ về chiến tranh:

Học sinh có thể trình bày cách cảm nhận khác nhau, dưới đây là một số gợi ý để học sinh tham khảo:

- Từ cảnh ngộ của người cha trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” và “Người con gái Nam Xương”, em thấy chiến tranh thật là dã man, tàn bạo. Nó khiến cho những người cha phải chia lìa gia đình, vợ con, những đứa trẻ ra đời mà không biết mặt cha, không được hưởng tình yêu thương, chăm sóc của người cha. Chiến tranh cũng đã gây nên sự hiểu nhầm đáng tiếc trong những gia đình có người cha đi lính.

- Bé Đản (trong Người con gái Nam Xương) đã mất đi một người mẹ Vũ Nương rất yêu thương con và khao khát một cuộc sống gia đình hạnh phúc. Bé Thu chỉ được hưởng tình cha con trong giây phút ngắn ngủi trước khi chia tay để cha bé lên đường làm cách mạng.

- Qua hai tác phẩm được học, em thấy rõ tình cảm cha con, tình cảm gia đình quan trọng thiêng liêng biết nhường nào với trẻ thơ.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Cho đoạn trích:

“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức để trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc lấy cây lược đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh”

Câu 1: Nêu tên tác phẩm, tác giả của đoạn trích?

Câu 2: Theo em tại sao tác giả lại viết “chỉ có tình cha con là không thể chết được” và tại sao nhân vật tôi (ông Ba) lại “không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn” của đôi mắt ông Sáu?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Nêu đúng tên tác giả, tác phẩm, viết đúng chính tả, mỗi ý được 0,25.

- Tác phẩm: Chiếc lược ngà. - Tác giả: Nguyễn Quang Sáng

Câu 2:

- Hình thức : HS viết được đoạn văn hoàn chỉnh, diễn đạt lưu loát, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.

- Nội dung : Đoạn văn phải đảm bảo các ý:

* Ông Ba nghĩ “chỉ có tình cha con là không thể chết được” vì:

+ Trong giây phút hấp hối cuối cùng, điều mà ông Sáu nghĩ đến vẫn là chiếc lược ngà chưa trao được cho con.

+ Sự sống trong ông đang lụi tàn nhưng tình cha con lại đang bùng lên mãnh liệt hơn bao giờ hết.

* Ông Ba “không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn của ông Sáu” vì:

+ Đó là cái nhìn của một người sắp ra đi, cái nhìn gửi gắm vào đó tất cả những tình cảm cháy bỏng của mình.

+ Đó là ánh mắt chứa đựng muôn vàn yêu thương, chứa đựng cả nỗi đau xót khi không còn gặp lại đứa con gái. Ánh mắt chứa đựng cả tình yêu mãnh liệt nhờ ông Ba gửi tới con gái, là mệnh lệnh thiêng liêng trao cho đồng đội “anh hãy trao cây lược cho bé Thu”.

+ Đó là đôi mắt không bao giờ chết cũng như tình cha con mãi mãi tồn tại. Chiến tranh có thể cướp đi sự sống nhưng không thể hủy diệt tình cảm phụ tử mãnh liệt, thiêng liêng.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:

Dưới đây là đoạn trích trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng):

Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

– Thôi! Ba đi nghe con! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

– Ba...a...a...ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba nó.

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2014).

Câu 1: Trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*, những tình huống nào đã bộc lộ sâu sắc và cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu?

Câu 2: Chỉ ra 2 lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích trên và chuyển chúng thành những lời dẫn gián tiếp.

Câu 3: Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm rõ tình cảm cha con sâu nặng, cảm động của ông Sáu và bé Thu trong cảnh chia tay, trong đó có sử dụng kiểu câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định và phép lặp để liên kết (gạch dưới câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định và các từ ngữ được sử dụng trong phép lặp)

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

– Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách nhưng bé Thu không nhận ra cha, đến lúc bé nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi.

– Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con nhưng chưa kịp trao thì ông đã hi sinh.

Câu 2:

– Học sinh chỉ đúng 2 lời dẫn trực tiếp

– Chuyển thành lời dẫn gián tiếp đạt yêu cầu

Câu 3:

* Đoạn văn diễn dịch

– Phần mở đoạn đạt yêu cầu

– Phần thân đoạn gồm khoảng 12 câu với đầy đủ dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ: tình cảm cha con sâu nặng, đầy cảm động của ông Sáu và bé Thu trong cảnh chia tay

+ Tình huống éo le: ông Sáu phải vào chiến trường sau ba ngày phép, lúc này bé Thu mới nhận ra ba

+ Tình yêu thương mãnh liệt bé Thu dành cho ba thể hiện ở các chi tiết như tiếng gọi ba, cử chỉ, hành động dành cho ba...

+ Tình yêu thương con sâu sắc ở ông Sáu biểu lộ qua những chi tiết

diễn tả tâm trạng, cử chỉ, đặc biệt là ánh nhìn của ông dành cho con... Từ những cảm nhận trên, cần khẳng định thành công của tác giả trong việc tạo tình huống, miêu tả tâm lí nhân vật nhằm làm nổi bật tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 6:

Cho đoạn trích:

“Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”. (Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.196)

Câu 1: Đoạn trích trên được rút ra từ tác phẩm nào, tác giả ai?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích?

Câu 3: Kể tên hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích?

Câu 4: Xác định thành phần khởi ngữ trong câu: “Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1. Tên tác phẩm: Chiếc lược ngà

Tên tác giả: Nguyễn Quang Sáng

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 3: Tên 2 nhân vật được nhắc tới: Anh Sáu, bé Thu

Câu 4: Thành phần khởi ngữ: Còn anh

BÀI 4: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

Lê Minh Khuê

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

<i>Tác giả</i>	<ul style="list-style-type: none">- Lê Minh Khuê, sinh năm 1949, quê Tĩnh Gia – Thanh Hoá- Là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.- Thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ, bắt đầu viết văn vào đầu những năm 70.- Những sang tác của bà có sự chuyển biến rõ nét qua hai giai đoạn:<ul style="list-style-type: none">+ Trước 75: Viết về cuộc sống, chiến đấu của TNXP, bộ đội trên đường Trường Sơn.+ Sau 75: Viết về những chuyển biến đời sống XH và con người trên tinh thần đổi mới.
----------------	--

	<p>- Sở trường: Viết về truyện ngắn với ngòi bút miêu tả kinh tế, đặc sắc (đặc biệt là nhân vật nữ).</p> <p>- Phong cách sáng tác: Truyện ngắn của Lê Minh Khuê thể hiện một ngòi bút dung dị, giàu nữ tính; một giọng điệu đa sắc thái: khi thì tự hào, ngợi ca; khi lại mỉa mai, châm biếm; lúc lại trữ tình, suy tư; ngôn ngữ mang màu sắc trong trẻo.</p> <p>- Tác phẩm chính: Cao điểm màu hạ (1978); Đoàn kết (1980); Bi kịch nhỏ (1993); Một mình qua đường (tập truyện – 2006).</p>
Hoàn cảnh sáng tác	<p>- Truyện “Những ngôi sao xa xôi” là một trong những tác phẩm đầu tay của nhà văn Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.</p> <p>- Tác phẩm được đưa vào tuyển tập “Nghệ thuật truyện ngắn thế giới” và xuất bản ở Mỹ.</p>
Ý nghĩa nhan đề:	<p>- “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” vừa mang ý nghĩa cụ thể, vừa gợi đến ý nghĩa tượng trưng:</p> <p>+ Nó gắn liền với hình dung, tưởng tượng của Phương Định về những ngọn đèn trên quảng trường thành phố và những ngọn đèn đó lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích về xứ sở thần tiên chọi hiện lên trong cảm xúc của Phương Định.</p> <p>+ “<i>Những ngôi sao</i>” thường nhỏ bé, không dễ nhận ra, và ở lại ở một vị trí xa xôi, vì thế nó đòi hỏi phải khám phá, kiếm tìm mới phát hiện được vẻ đẹp sức cuốn hút của nó.</p> <p>+ “<i>Những ngôi sao</i>” gợi vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng, mơ mộng và lãng mạn của những thiếu nữ Hà thành trẻ trung, xinh đẹp.</p> <p>+ “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” là ước mơ, khát vọng về một cuộc sống hòa bình giữa khoảnh khắc bàng hoàng của bom đạn, chiến tranh, đường như trở nên xa xôi.</p> <p>+ “<i>Những ngôi sao</i>” còn là biểu tượng cho vẻ đẹp sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong tâm hồn của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn nói riêng và chống Mỹ nói chung: lạc quan, yêu đời, dũng cảm, kiên cường.</p> <p>“<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” là một nhan đề đậm chất lãng mạn, đặc trưng cho văn học Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước.</p>
Bố cục 3 phần	<p>- Phần 1 (từ đầu cho đến “ngôi sao trên mũ”): Phương Định kể về cuộc sống của mình cùng các đồng đội trong tổ trinh sát mặt đường của cô.</p> <p>- Phần 2 (tiếp đến “chị Thao bảo”): Nho bị thương trong một lần phá bom, Phương Định cùng chị Thao lo lắng và chăm sóc.</p> <p>- Phần 3 (phần còn lại): Sau giờ phút hiểm nguy, hai chị em ngồi hát, niềm vui trước cơn mưa đá đột ngột.</p>
Tóm tắt	<p>- “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” là câu chuyện kể về ba nữ thanh niên xung phong: Phương Định, Nho, Thao - tổ trưởng, làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường ở một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bom.</p> <p>- Công việc của họ hết sức nguy hiểm. Đặc biệt, họ phải bình tĩnh đối mặt với thân chết trong mỗi lần phá bom - công việc diễn ra từ ba đến năm lần mỗi ngày.</p>

	<p>- Họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm. Cuộc sống của ba cô gái dù là khắc nghiệt và nguy hiểm nhưng vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản thơ mộng và đặc biệt họ gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội dù mỗi người cá tính.</p> <p>- Phương Định - nhân vật kể chuyện và cũng là nhân vật chính là một cô gái giàu cảm xúc, hay mơ mộng, hồn nhiên và luôn nhớ về những kỷ niệm với gia đình và thành phố của mình. Trong một lần phá bom, Nho bị thương, Phương Định và chị Thao đã hết lòng lo lắng chăm sóc. Một cơn mưa đá bất chợt đến trên điểm cao khiến các cô hết sức vui thích.</p>
Chủ đề	Ca ngợi cuộc sống, chiến đấu của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ.
Ngôi kể:	<p>Truyện kể về ngôi thứ nhất, người kể là Phương Định, nhân vật chính trong tác phẩm.</p> <p>Tác dụng: Thuận lợi trong việc biểu hiện thế giới tâm hồn cảm xúc; suy nghĩ của nhân vật, đồng thời phù hợp với nội dung tác phẩm tăng tính chân thực cho câu chuyện.</p>
Ý nghĩa nhan đề:	<p>- Vừa mang nghĩa cụ thể, vừa mang nghĩa tượng trưng:</p> <p>+ Nhan đề gợi nhớ về những ngôi sao mà Phương Định đã từng nhớ lại, cô nhớ lại khoảng thời gian bình yên từng sống của gia đình, cô có tấm lòng luôn hướng về gia đình, về quê hương.</p> <p>+ Nhan đề còn gợi ước mơ, khát vọng về cuộc sống hòa bình.</p> <p>+ Đồng thời nhan đề còn muốn nói đến ba cô gái thanh niên xung phong trên đỉnh Trường Sơn là Nho, Phương Định và chị Thao. Ba người họ giống như những ngôi sao trên bầu trời rộng lớn, ở họ tỏa ra những vẻ đẹp lấp lánh và diệu kì riêng.</p>
Giá trị nội dung	Truyện “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i> ” của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.
Giá trị nghệ thuật	<p>Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, có cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật.</p> <p>+ Chọn ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, trẻ trung đầy nữ tính, giàu tính khẩu ngữ.</p> <p>+ Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế, chân thực, đời thường (tâm trạng dễ vui, dễ buồn, hay mơ mộng, hoài niệm của tuổi mới lớn; cảm giác sắc nhọn mỗi lần bên trái bom....); đặt nhân vật trong những tình huống đặc biệt, khám phá, phát hiện và miêu tả nhân vật qua những hành động, suy nghĩ,...</p>

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Nhân vật Phương Định

a. Hoàn cảnh sống và chiến đấu của Phương Định:

- Cũng như các cô gái thanh niên xung phong khác, Phương Định sống và chiến đấu trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn nhất, sự nguy hiểm và ác liệt.

- Công việc: cùng đơn vị nữ thanh niên xung phong hằng ngày quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. Mỗi ngày, có thể phải phá bom từ 3 đến 5 lần.

* Như vậy, hằng ngày cuộc sống của Phương Định là phải đối diện với bom đạn và có thể hy sinh bất cứ lúc nào. Thế nhưng từ hoàn cảnh sống khắc nghiệt ấy, Phương Định vẫn thể hiện được những nét đẹp tâm hồn đáng quý.

b. Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định

*** Phương Định là cô gái Hà Thành trẻ trung, xinh đẹp, tâm hồn trong sáng:**

- Phương Định là cô gái có nét đẹp duyên dáng, yêu kiều: một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn; hai bím tóc dài, mềm mại; đôi mắt dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng, cái nhìn xa xăm... Vẻ đẹp của Phương Định đã hấp dẫn bao chàng trai, chính cô thừa nhận "Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi...".

- Cách cư xử: ý nhị, kín đáo, kiêu kỳ của con gái Hà Thành, Phương Định nhạy cảm, biết mình được nhiều anh lính để ý nhưng cô chưa dành tình cảm cho ai, cô không sẵn sàng vốn vã như những cô gái khác.

- Vào chiến trường, sống ở nơi sự sống hủy diệt nhưng lúc nào Phương Định cũng giữ nguyên những nét đẹp trong sáng của những cô gái mới lớn:

+ Thích làm duyên, làm điệu ngay giữa cuộc sống chiến trường khốc liệt: thích ngắm mắt mình trong gương, thích ngồi bó gối mơ màng...

+ Thích hát, hay hát, tự bịa cả ra lời hát; hát trong mọi khoảnh khắc như chưa bao giờ nghe thấy bom rơi, đạn nổ. Tiếng hát của cô át tiếng bom, hát cả đau thương

gian khổ, hiểm nguy. Đó là biểu hiện của tinh thần lạc quan, yêu đời và niềm tin yêu cuộc sống.

+ Hồn nhiên, mơ mộng: Đêm đêm, cô nhìn lên những ngôi sao trên bầu trời, mơ về ngày mai hòa bình, thống nhất. Khi một trận đánh khốc liệt vừa đi qua, chỉ một cơn mưa đá bất chợt ập xuống nơi núi rừng Trường Sơn cũng khiến Phương Định quên hết cả mưa bom, bão đạn, quên cả căng thẳng, nguy hiểm; cô và đồng đội lại say sưa tận hưởng niềm vui như con trẻ, đưa cô sống lại tất cả những kỷ ức tươi đẹp thời thiếu nữ kiêu sa bên gia đình nơi thành phố mến thương.

=> **Nhận xét:** Sống ở nơi thần chết luôn rình rập nhưng tâm hồn Phương Định không hề chai sạn. Chiến tranh, bom đạn kẻ thù có thể hủy diệt sự sống nhưng không bao giờ cướp đi được sự hồn nhiên, tinh thần lạc quan và sự trong sáng, tâm hồn trẻ trung của những cô gái trẻ như Phương Định.

*** Phương Định là nữ thanh niên xung phong dũng cảm, can trường, tinh thần trách nhiệm cao.**

- Phương Định tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam hiến dâng cuộc đời mình cho Tổ quốc:

+ Phương Định cũng có thời học sinh hồn nhiên, trong sáng. Cô có những tháng năm sống yên bình, hạnh phúc cùng với mẹ trong một ngôi nhà nhỏ.

+ Nhưng khi Tổ quốc cần những người con ra trận, cô đã từng biệt Hà Thành trở thành thanh niên xung phong sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt của mặt trận Trường Sơn.

+ Vào đây mới được ba năm, một khoảng thời gian không dài nhưng cũng đủ để cô quen với bom đạn chiến đấu và hy sinh.

+ Cô nói về công việc của mình: "việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom". Đó là những công việc hết sức nguy hiểm nhưng được cô nói gọn gàng, nhẹ như không, giản dị mà cũng thật anh hùng.

→ Công việc dù gian khổ và nguy hiểm, nhưng với Phương Định được sống và chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc, cô coi đó là trách nhiệm, nghĩa vụ là niềm hạnh phúc của tuổi trẻ khi được hiến dâng cuộc đời mình cho đất nước.

- Phương Định rất dũng cảm và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc phá bom: Khí phách anh hùng và lòng dũng cảm của cô thể hiện rõ nhất khi cùng đồng đội đi phá bom. Trên tuyến đường Trường Sơn ác liệt, mỗi ngày địch trút bom từ ba đến năm lần. Phá bom là công việc thường xuyên của cô. Nhưng mỗi lần phá bom đều rất căng thẳng, từng cảm giác nhỏ nhất của Phương Định đã được nhà văn miêu tả hết sức tinh tế.

+ Khi đi đến bên quả bom: cô không đi khom "khi có thể cứ dang hoàng mà bước tới". Khai thác chi tiết này nhà văn muốn ca ngợi tư thế tuyệt đẹp của con người Việt Nam khi ra trận: một cô gái mảnh dẻ, nhỏ bé nhưng không hề run sợ trước bom đạn của kẻ thù.

+ Ở bên quả bom: cô phải làm nhiều động tác: đào lỗ chôn thuốc mìn, dùng dây cháy chậm, châm ngòi, khóa lấp đất rồi chạy về nơi trú ẩn. Nhưng khi lưỡi xẻng chạm vào vỏ quả bom, cô phát hiện vỏ quả bom đang nóng lên nhưng lại không rõ nguyên nhân. Vậy mà cô vẫn bình tĩnh, thao tác cẩn trọng, tỉ mỉ, thành thạo theo đúng mệnh lệnh chỉ huy của chị Thao.

+ Chờ quả bom nổ: đây là giây phút căng thẳng nhất. Và trong cô còn có thêm sự lo lắng: nhỡ thuốc mìn không nổ phải chôn lại lần thứ hai trong khi quả bom đang nóng lên. Nguy hiểm nhân lên nhiều lần. Trong cô đã nghĩ tới cái chết nhưng rất mờ nhạt. Vì với cô, dù phải hy sinh cô cũng quyết tâm phá bằng được quả bom.

+ Những lúc căng thẳng, nguy hiểm, Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng "chỉ là cái chết mờ nhạt, không cụ thể", chưa bao giờ cái chết trở thành nỗi ám ảnh đến mức có phải lo lắng, phải trần trọc. Cô đặt mục đích hoàn thành nhiệm vụ phá bom lên trên cả tuổi xuân, trên cả mạng sống của mình.

=> **Nhận xét:** Phương Định mang lí tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời chống Mỹ, sẵn sàng "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" như bao chàng trai, cô gái Việt Nam tình nguyện lên đường bảo vệ non sông. Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội cô đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp thống nhất non sông, Bắc Nam sum họp.

*** Phương Định là cô gái giàu tình cảm, giàu tình đồng chí, đồng đội:**

Từ già Thu đô yêu dấu để vào với Trường Sơn, Phương Định luôn dành tình yêu thương, sự quan tâm cho những người đồng đội.

- Cô yêu mến, khâm phục tất cả những chiến sĩ cô gặp đêm đêm trên mỗi bước đường ra trận. Cô coi họ là thần tượng, là những người dũng cảm, thông minh và can đảm nhất. Họ là động lực tiếp cho cô sức mạnh mỗi khi làm nhiệm vụ phá bom.

- Phương Định dành nhiều tình cảm nhất cho những chị em trong cùng tổ trinh sát. Cô kể về họ bằng giọng kể đầy thân thương, trìu mến và hiểu họ một cách sâu sắc. Cô coi Nho, Thao như người thân trong gia đình. Cô khâm phục, ngưỡng mộ sự "bình tĩnh đến phát bực" của chị Thao; cô hiểu tất cả những điểm yếu, những lo toan đang quay cuồng trong đầu óc chị. Cô nhìn nhận và coi Nho như một đứa em gái đáng yêu. Nho bị thương, cô làm tất cả, chăm sóc cho Nho như một người chị chăm em, như một nữ y tá dạn dày kinh nghiệm chiến trường. Nhìn vào mắt đồng đội, cô hiểu được tất cả những nghĩ suy thầm kín trong lòng họ.

=> **Nhận xét:** Tình đồng chí đã trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc, xoa dịu trong cô nỗi nhớ gia đình, người thân, là động lực để cô chiến đấu dũng cảm để hướng về ngày mai hòa bình.

*** Đánh giá:**

- Nhân vật Phương Định là hình ảnh của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã mang vào Trường Sơn cả tuổi thanh xuân, cống hiến không tiếc máu xương để giữ cho tuyến

đường Trường Sơn không một giờ đứt mạch. Qua nhân vật, người đọc thêm yêu mến, tự hào, trân trọng hơn quá khứ hào hùng của dân tộc.

- Liên hệ trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay: tiếp nối và phát huy những lý tưởng sống cao đẹp của thế hệ cha anh, gìn giữ và xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh,...

2. Những nét chung và những nét riêng của ba cô gái thanh niên xung phong:

a. Hoàn cảnh sống chiến đấu:

- Phương Định, Nho, chị Thao làm thành một tổ trinh sát mặt đường trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa trong những năm thnags chống Mĩ.

- Họ sống trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung mật bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt.

- Công việc đặc biệt nguy hiểm (phải chạy ở trên cao cả ban ngày, phơi mình giữa vùng trọng điểm bắn phá của máy bay địch; sau mỗi trận bom, phải đo khối lượng đất đá, đánh dấu những quả bom chưa nổ, phá bom).

-> Đây là công việc hàng ngày của 3 cô gái – một công việc vô cùng mạo hiểm, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm bình tĩnh... *“Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ... Rồi khi xong việc quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào, chạy về hang”.*

b. Những nét chung:

Tuy ba cô gái mỗi người một cá tính, hoàn cảnh riêng khác nhau nhưng họ đều có phẩm chất chung của người chiến sỹ thanh niên xung phong ở chiến trường.

* Phẩm chất:

- Trước tiên đó là lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ:

+ Tuy cuộc sống của họ là nơi chiến trường ác liệt, luôn đối mặt với nguy hiểm, cái chết có thể đến bất cứ khi nào nhưng để thông mạch giao thông luôn thông suốt nên các cô luôn vẫn sẵn sàng cho việc ra trận địa; mà không chờ vào sự trợ giúp của người khác.

+ Là con gái, các cô cũng có những giây phút sợ hãi, có những lúc nghĩ đến cái chết khi nguy hiểm kề bên, nhưng điều ấy chỉ thoáng qua rất mờ nhạt nhường chỗ cho ý nghĩ làm thế nào để những quả bom kia phải nổ (Đặt nhiệm vụ lên trên cả tính mạng).

+ Lê Minh Khuê đã miêu tả chân thật cụ thể đến từng chi tiết khi tạo nên sức gợi tả trong từng câu, từng chữ về cảm giác căng thẳng, sắc nhọn rợn người khi kề cận cái chết *“Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai ngườiứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom đang nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”*. Tiếp đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom.

+ Cảm thấy có ánh mắt các chiến sỹ đang dõi theo mình, “tôi không sợ nữa”, “ Tôi sẽ không đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới” -> bình tĩnh, tự tin thực hiện từng thao tác phá bom, chạy đua với thời gian để vượt qua cái chết.

+ Sau mỗi đợt bom đánh họ lại lao lên mặt đường làm nhiệm vụ. Không biết bao nhiêu lần họ bị bom vùi. Trong 3 người thì 2 người đã từng bị thương, đó là Nho và Phương Định. Họ nói về cái chết nhẹ nhàng. Đề rồi sau mỗi trận bom vượt qua cái chết họ lại hát say sưa những bài hát tươi vui.

- Họ có tình đồng đội gắn bó, thân thiết:

+ Hiểu được tính tình, sở thích của nhau.

+ Quan tâm chăm sóc nhau rất chu đáo (Phương Định bồn chồn, lo lắng khi chờ Thao và Nho đi trinh sát bom trên cao điểm; khi Nho bị thương, Phương Định và chị Thao đã lo lắng, băng bó chăm sóc Nho cẩn thận với một niềm xót xa như chị em ruột thịt.

- Tâm hồn: trẻ trung, trong sáng, nhạy cảm, giàu mơ ước.

- Sự khốc liệt của chiến tranh đã tôi luyện tâm hồn vốn nhạy cảm yếu đuối thành bản lĩnh kiên cường của người anh hùng cách mạng.

- Tuy nhiên, họ vẫn giữ được những nét hồn nhiên, trong sáng:

+ Chị Thao thích hát, thích làm duên, thêu thùa

+ Nho hồn nhiên, thích ăn kẹo

+ Phương Định hát hay, nhiều mơ ước về tương lai...

- Phương Định (cũng như Nho và Thao) là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước.

c. Nét riêng:

Bên cạnh những điểm chung, Mỗi cô gái đều có những vẻ đẹp riêng, làm phong phú và hoàn thiện trên bức chân dung của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

- Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, « trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng », có « cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn » rất dễ thương khiến Phương Định « muốn bế nó lên tay ». Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên của trẻ thơ : « vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo » ; khi bị thương nằm trong hang vẫn nhồm dậy, xoe tay xin mấy viên đá mưa, nhưng khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : « Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi », Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu » ... Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người.

- Phương Định cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố của mình. Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng của các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.

- Còn Thao, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu những khát khao và rung động của tuổi trẻ. « Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu ». Chị lại hay tia đôi lông mày của mình, tia nhỏ như cái tăm. Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. Đặc biệt là sự « bình tĩnh đến phát bực » : máy bay địch đến nhưng chị vẫn « móc bánh quy trong túi, thong thả nhai ». Có ai ngờ con người như thế lại sợ máu và vết : « thấy máu, thấy vết là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét ». VÀ không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua, chị không hát trôi chảy được bài nào. Nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rồi là chị ngồi chép bài hát.

=> Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn.

*** Đánh giá:**

- Bằng cách đặt ba nhân vật vào tình huống sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt ở mặt trận Trường Sơn, miêu tả diễn biến tâm lý một cách tinh tế; tác giả ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái dũng cảm trong chiến đấu, hồn nhiên trẻ trung yêu đời, có tình đồng chí đồng đội gắn bó. Thao, Nho, Phương Định là tiêu biểu cho lý tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ.

- Ở mỗi nhân vật nữ trong Những ngôi sao xa xôi, nhà văn đã miêu tả có những phẩm chất chung và có những nét cá tính riêng của mỗi người làm nên sự phong phú cho thế giới nhân vật trong tác phẩm.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi cho dưới đây:

“ Nhưng tạnh mất rồi. Tạnh rất nhanh như khi mưa đến. Sao chóng thế? Tôi bỗng thần thờ, tiếc không nói nổi. Rõ ràng tôi không tiếc những viên đá. Mưa xong thì tạnh thôi. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể những cái đó... Hoặc là cây, hoặc là cái vòm tròn của nhà hát, hoặc bà bán kem đẩy chiếc xe chở đầy thùng kem, trẻ con háo hức bầu xung quanh. Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp lánh ánh đèn trông như một con sông nước đen. Những ngọn điện trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích nói về những xứ sở thần tiên. Hoa trong công viên. Những quả bóng sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố. Tiếng rao của bà bán xôi sáng có cái mừng đợi trên đầu...”

(Ngữ văn 9 – Tập II/NXB GD)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào?

Câu 2: Tác phẩm ra đời vào thời gian nào?

Câu 3: Cho biết nội dung của đoạn trích?

Câu 4: Các tổ hợp từ: *những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, một con sông nước đen, những ngọn điện trên quảng trường, những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích, những xứ sở thần tiên* thuộc loại cụm từ nào?

Câu 5: Câu văn: “*Hoa trong công viên*” thuộc kiểu câu nào?

Câu 6: Câu văn *Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp lánh ánh đèn trông như một con sông nước đen* có sử dụng phép tu từ nào?

Câu 7: Tìm 3 từ thuộc trường từ vựng chỉ tâm trạng trong đoạn văn trên?

Câu 8: Viết đoạn văn giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, có sử dụng thành phần phụ chú và một phép liên kết.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”- Lê minh Khuê.

Câu 2: Tác phẩm ra đời vào năm 1971.

Câu 3: Nội dung của đoạn trích: cảm xúc băng khuâng và dòng hồi tưởng của nhân vật Phương Định sau cơn mưa đá.

Câu 4: Các tổ hợp từ: *những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, một con sông nước đen, những ngọn điện trên quảng trường, những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích, những xứ sở thần tiên* thuộc loại cụm danh từ.

Câu 5: Câu văn: “*Hoa trong công viên*” thuộc kiểu câu đặc biệt.

Câu 6: Câu văn *Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp lánh ánh đèn trông như một con sông nước đen* có sử dụng phép tu từ so sánh. **Câu 7:** Tìm 3 từ thuộc trường từ vựng chỉ tâm trạng trong đoạn văn: thần thờ, tiếc, nhớ.

Câu 8: Viết đoạn văn giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, có sử dụng thành phần phụ chú.

Lê Minh Khuê (sinh năm 1949), quê Tỉnh Gia – Thanh Hoá. Bà là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn, thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ, bắt đầu viết văn vào đầu những năm 70. Truyện ngắn của Lê Minh Khuê thể hiện một ngòi bút dung dị, giàu nữ tính; một giọng điệu đa sắc thái: khi thì tự hào, ngợi ca; khi lại mỉa mai, châm biếm; lúc lại trữ tình, suy tư; ngôn ngữ mang màu sắc trong trẻo

- Thành phần phụ chú: (sinh năm 1949)
- Phép liên kết: phép thế: “bà” thay thế cho Lê Minh Khuê

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Dưới đây là trích đoạn trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê):

Những cái xảy ra hàng ngày: máy bay rít, bom nổ. Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét. Đất dưới chân chúng tôi rung. Máy cái khẩn mặt mắc ở đây cũng rung. Tất cả, cứ như lên cơn sốt. Khói lên, và cửa hang bị che lấp. Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.

Chị Thao cầm cái thuốc trên tay tôi, nuốt nốt miếng bích quy ngon lành: “Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đứa đi cũng đủ”, rồi kéo tay áo Nho, vác xềng lên vai và đi ra cửa.

Tôi không cãi chị. Quyền hạn phân công là ở chị. Thời gian bắt đầu căng lên. Trí não tôi cũng không thua. Những gì đã qua, những gì sắp tới... không đáng kể nữa. Có gì lý thú đâu, nếu các bạn tôi không quay về?...

(Ngữ văn 9, tập II, NXB Giáo Dục, 2010)

Câu 1. Tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

Câu 2. Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 3. Tìm hai câu rút gọn trong đoạn văn trên và cho biết hiệu quả của việc sử dụng các câu rút gọn đó.

Câu 4. Từ tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* và những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về sức mạnh của tình đoàn kết trong cuộc sống hiện nay.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1. Truyện *Những ngôi sao xa xôi* được viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc ta đang diễn ra ác liệt

Câu 2. Đoạn trích tái hiện lại những cảnh tượng bom đạn chiến tranh khốc liệt trên tuyến đường Trường Sơn. Ở nơi đó có những nữ thanh niên xung phong dũng cảm chiến đấu, phá bom. Họ có tình đồng đội keo sơn, họ vô cùng gắn bó, yêu thương, quan tâm hết mực đến nhau

Câu 3.

- Hai câu rút gọn trong đoạn trích:

Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét

Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.

- Hiệu quả của việc sử dụng các câu rút gọn: Làm cho câu văn ngắn gọn, tránh lặp từ; thông tin nhanh, nhịp văn dồn dập phản ánh được sự khốc liệt của chiến trường.

Câu 4. Đoạn văn cần đảm bảo những yêu cầu về:

- Nội dung: Từ tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi*, nêu được những suy nghĩ của về sức mạnh của tình đoàn kết: giúp con người hòa nhập, gắn kết trong cộng đồng; tạo nên sức mạnh lớn lao để vượt qua khó khăn, đạt được thành công trong mọi hoàn cảnh.

+ Đoàn kết là một nhân tố hết sức cần thiết để dẫn đến sự thành công. Xã hội ngày càng phát triển theo chiều hướng tích cực thì tinh thần đoàn kết lại càng phải được giữ vững và phát huy. Đoàn kết không chỉ mang lại cho ta những kết quả tốt đẹp mà nó cũng đã trở thành sợi dây vô hình liên kết con người lại gần với nhau hơn, từ đó tạo nên những mối quan hệ xã hội tốt đẹp.

+ Phải đoàn kết thì chúng ta mới có thể tồn tại và phát triển. Nhưng đoàn kết cũng không có nghĩa là giúp người khác làm việc xấu hay che giấu những lỗi lầm của nhau. Mỗi người chúng ta cần nhận thức rõ về đoàn kết bởi vì nó chỉ mang lại một kết quả tốt đẹp khi ta có mục đích đúng đắn. Nhận thức sai lầm về tình đoàn kết sẽ hại người và đôi khi ta cũng đã vô tình hại chính bản thân.

+ Là một học sinh, chúng ta cần rèn luyện tinh thần đoàn kết và giúp đỡ nhau một cách đúng đắn trong học tập. Ngoài ra, mỗi người học sinh hãy tuyên truyền cho những người thân trong gia đình cũng như mọi người về tinh thần đoàn kết.

- Hình thức: kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt rõ ý, độ dài theo qui định...

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc kĩ đoạn văn và các câu hỏi:

“ Có một đám mây kéo ngoài cửa hang. Một đám nữa. Rồi một đám nữa bay qua ngày càng nhanh. Bầu trời mở rộng trước cửa hang đen đi. Con giông đến. Cát bay mù. Gió quạt lên, quạt xuống những cành cây khô cháy. Lá bay loạn xạ. Đột ngột như một biến đổi bất thường trong tim con người vậy. Ở rừng mùa này thường như thế. Mưa. Nhưng mưa đá. Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lạnh canh gõ trên nóc hang. Có cái gì vô cùng sắc xé không khí ra từng mảnh vụn. Gió. Và tôi thấy đau, ướm ở má.”

Câu 1: Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn là:

Câu 2: Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn trên?

Câu 4: *Nội dung* của đoạn văn trên là:

Câu 5: Đoạn văn trên sử dụng nhiều câu văn ngắn có tác dụng gì?

Câu 6: *Ngôi kể* của *Những ngôi sao xa xôi* thuộc ngôi thứ mấy? Kể tên một tác phẩm trong chương trình ngữ văn 9 cũng sử dụng *Ngôi kể* giống tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi*?

Câu 7: Câu: “ *Gió.*” thuộc *kiểu câu* gì?

Câu 8: Viết một đoạn văn quy nạp (12 câu): “Những ngôi sao xa xôi” đã khắc họa vẻ đẹp tâm hồn của thanh niên Hà Nội qua hình ảnh Phương Định dũng cảm gan dạ mà cũng thật trong trẻo, mộng mơ.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn là: miêu tả

Câu 2: Phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn trên:

- Phép liên tưởng: qua các từ ngữ: *mây, bầu trời, cơn giông, gió, lá bay, mưa, mưa đá, lạnh canh, ướm.*

- Phép nối: qua từ “ và”

Câu 4: *Nội dung* của đoạn văn trên là: Quang cảnh và tâm trạng ngạc nhiên của các cô gái khi có mưa đá.

Câu 5: Đoạn văn trên sử dụng nhiều câu văn ngắn có tác dụng diễn tả các hiện tượng nối nhau liên tiếp, dồn dập.

Câu 6: *Ngôi kể* của *Những ngôi sao xa xôi* thuộc ngôi thứ mấy? Kể tên một tác phẩm trong chương trình ngữ văn 9 cũng sử dụng *Ngôi kể* giống tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi*?

- Ngôi thứ nhất.

- Tên tác phẩm khác cũng sử dụng ngôi thứ nhất: Chiếc lược ngà

Câu 7: Câu: “ *Gió.*” thuộc kiểu câu đặc biệt

Câu 8:

- Đoạn văn giàu chất thơ (tâm trạng trước trận mưa đá) => cảm xúc băng khuâng xao xuyến, niềm vui nỗi buồn chợt đến, chợt đi.

- Niềm tin ấy cứ lấp lánh mãi như ánh sáng của những ngôi sao xa xôi mà không gì, không một thế lực tàn bạo, khắc nghiệt nào có thể dập tắt được.

- Trong cảm xúc băng khuâng, xao động, thoáng qua của Phương Định, hình ảnh ngôi nhà, người mẹ, những gì thân thuộc gần gũi đến hình ảnh lung linh của những ngôi sao mà tác giả đã hơn một lần nhắc đến, ánh sáng của đèn điện ngõ là thực mà như là ảo. Tất cả hiện lên trong ánh sáng lung linh của ký ức mộng mơ, rất thiếu nữ, rất dung dị của người Hà Nội.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

“Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở trong một hang dưới chân cao điểm. Con đường qua trước hang, kéo lên đồi, đi đến đâu đó, xa! Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lẫn lộn. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han rỉ nằm trong đất.

Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gọi sự khao khát làm nên những sự tích anh hùng. Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản. Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “những con quỷ mắt đen”.

Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo “Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng” (Những ngôi sao xa, Lê Minh Khuê, Ngữ văn 9, tập 2)

Câu 1: Câu văn “ *Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom.* ” là câu rút gọn thành phần nào?

Câu 2: Chỉ ra phép liên kết trong đoạn?

Câu 3: Từ ngữ được gạch chân trong câu văn “*Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản.*” là từ kết nối chỉ kiểu quan hệ nào?

A. Quan hệ bổ sung

C. Quan hệ nghịch đối

B. Quan hệ thời gian

D. Quan hệ nhân quả

Câu 4: Viết đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật Phương Định (khoảng 12 -> 15 câu).

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Câu văn " *Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom.* " là câu rút gọn thành phần Chủ ngữ.

Câu 2: Phép liên kết:

- Phép lặp: Chúng tôi
- Phép nối: Do đó

Câu 3: Từ ngữ được gạch chân trong câu văn "*Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản.*" là từ kết nối chỉ kiểu quan hệ nhân quả.

Câu 4:

Gợi ý: Triển khai các ý sau:

Phương Định là hình ảnh tiêu biểu của những người con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc.

- Cô rất trẻ, có thời học sinh hồn nhiên vô tư bên người mẹ trong những ngày thanh bình của thành phố.

- Ngay giữa chiến trường ác liệt, Phương Định vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng: cô hiện lên rất đời thường, rất thực với những nét đẹp tâm hồn: nhạy cảm, hay mơ mộng và thích hát (cảm xúc của Định trước cơn mưa đá).

- Là cô gái kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (hay ngấm nhìn mình qua gương, biết mình đẹp và được các anh bộ đội để ý nhưng không tỏ ra sẵn sàng, vồn vã... nét kiêu kỳ của những cô gái Hà Thành).

- Tình cảm đồng đội sâu sắc: yêu mến hai cô bạn cùng tổ, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. (chăm sóc Nho khi Nho bị thương...).

- Ngồi lên những phẩm chất đáng quý: có trách nhiệm với công việc, dũng cảm, bình tĩnh, tự tin... (thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật trong một lần phá bom). Tác giả am hiểu và miêu tả sinh động nét tâm lý của những nữ thanh niên xung phong.

=> Nhân vật Phương Định đã để lại trong lòng người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục về phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Đoạn văn tham khảo :

Là con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc, cô mang theo những kỉ niệm đẹp của một thời học sinh vô tư lự bên người mẹ và những hình ảnh, những kỉ niệm thân thương quá đối với thành phố của cô (1). Ở chiến trường 3 năm, đã quen với những thử thách nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết, nhưng cô không hề mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai : nhạy cảm, mơ mộng và thích được hát(2). Cô hồn nhiên đến đáng yêu khi gặp cơn mưa đá trên cao điểm : « *Tôi chạy vào, bỏ trên bàn tay đang xoè ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra, vui thích cuống cuồng. Rồi mưa tạnh, tôi bỗng thần thờ tiếc không nói nổi* »(3). Cùng với trận mưa đá ấy, những kỉ niệm thời thiếu nữ lại trào lên trong cô « xoáy mạnh như sóng » biết bao hình ảnh thân thương của gia đình, thành phố và quê hương (4). Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường (5). Là cô gái xinh đẹp, đầy nữ tính, biết điệu đà làm dáng nhưng Phương Định lại rất kín đáo, tế nhị, có chiều sâu trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (6). Biết mình được các anh lính để mắt, điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng cô không hề tỏ ra vồn vã, sẵn sàng, cô luôn kín đáo giữa đám đông : « *đứng ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt* » (7). Cô yêu mến đồng đội, đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ, luôn lo lắng sau mỗi lần phá bom : « *Tôi phủi áo, căng mắt nhìn qua khói và chạy theo chị Thao... Chị Thao vấp ngã. Tôi đỡ chị... Tôi moi đất, bế Nho đặt lên đùi mình* », rồi chăm sóc đồng đội như một y tá(8). Cô còn yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn (9). Trong suy nghĩ của cô : « *những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ* (10). Cuộc sống chiến đấu đối mặt với kẻ thù hàng ngày, thần Chết luôn đe dọa từng giây phút đã rèn luyện cho cô gái Hà thành đức tính dũng

cảm, gan dạ, tự tin để hoàn thành mọi nhiệm vụ (11). Công việc hàng ngày của cô và đồng đội rất nhiều và nguy hiểm : phá bom, ít nhất là 3 quả, có ngày 5 quả », công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim, nhưng cô nói về chừng ấy công việc gọn gàng, khô khốc, tĩnh nhẹ như không, cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị và còn cho là có cái thú riêng : *« có ở đâu như thế này không. Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng ra như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ »* (12). Chiến tranh và đạn bom giặc Mỹ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết : *« quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến 5 lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể »* (13). Thế đấy, những cảm xúc, suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục (14). Tất cả đã được tác giả kể chân thực, sinh động và tự nhiên qua tâm lí nhân vật ở những sự việc và chi tiết có ý nghĩa trong truyện, và những nét tâm lí này lại được chính nhân vật nói lên qua vai kể của mình nên lại càng thấm thía(15).

CHUYÊN ĐỀ 3: ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

BÀI 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Trích “Truyện kỳ mạn lục” - Nguyễn Dữ)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh, năm mất), quê ở Trường Tân- Thanh Miện- Hải Dương.</p> <p>- Nguyễn Dữ sống vào nửa đầu thế kỷ XVI, là thời kỳ Triều đình nhà Lê đã bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn phong kiến Lê, Mạc, Trịnh tranh giành quyền lực, gây ra những cuộc nội chiến kéo dài.</p> <p>- Ông nổi tiếng là người học rộng, tài cao. Ông là học trò xuất sắc của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bình Khiêm; nhưng chỉ làm quan một năm rồi cáo về, sống ẩn dật ở vùng núi Thanh Hoá. Đó là cách phản kháng của nhiều tri thức tâm huyết đương thời.</p>
PT biểu đạt	Tự sự có kết hợp yếu tố biểu cảm
Xuất xứ	<p>“Chuyện người con gái Nam Xương” là truyện thứ 16 trong số 20 truyện nằm trong tác phẩm nổi tiếng nhất của Nguyễn Dữ “<i>Truyện kỳ mạn lục</i>” (ghi chép tản mạn những truyện kỳ lạ vẫn được lưu truyền). Viết bằng chữ Hán.</p> <p>Truyện có nguồn gốc từ một truyện cổ dân gian trong kho tàng cổ tích Việt Nam “Vợ chàng Trương”.</p>
Thể loại	<p>Truyện truyền kỳ:</p> <p>- Là loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ Trung Quốc và thịnh hành từ thời Đường,</p> <p>- Truyện truyền kỳ thường mô phỏng những cốt truyện từ dân gian hoặc dã sử. Sau đó, được tác giả sắp xếp lại tình tiết, bồi đắp thêm cho đời sống các nhân vật, đặc biệt là xen kẽ các yếu tố kì ảo...</p>
Bố cục 3 đoạn	<p>- <i>Đoạn 1</i>:... của mình: Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.</p> <p>- <i>Đoạn 2</i>: ... qua rồi: Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương.</p> <p>- <i>Đoạn 3</i>: Còn lại: Cuộc gặp gỡ giữa Vũ Nương và Phan Lang trong đội Linh Phi. Vũ Nương được giải oan.</p>
Tóm tắt	Vũ Thị Thiết (Vũ Nương) là người phụ nữ nhan sắc, đức hạnh. Chồng nàng là Trương Sinh phải đi lính sau khi cưới ít lâu. Nàng ở nhà, một mình vừa nuôi con nhỏ vừa chăm sóc mẹ chồng đau ốm rồi làm ma chu đáo khi bà mất. Trương Sinh trở về, nghe lời con,

	<p>nghe vợ thất tiết nên đánh đuổi đi. Vũ Nương uất ức gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn, được thần Rùa Linh Phi và các tiên nữ cứu. Sau đó Trương Sinh mới biết vợ bị oan. Ít lâu sau, Vũ Nương gặp Phan Lang, người cùng làng chết đuối được Linh Phi cứu. Khi Lang trở về, Vũ Nương nhờ gửi chiếc hoa vàng nhắn chàng Trương lập đàn giải oan cho nàng. Trương Sinh nghe theo, Vũ Nương ẩn hiện giữa đồng, nói vọng vào bờ lời tạ từ rồi biến mất.</p>
Chủ đề	<p>Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” thể hiện niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt, đồng thời ca ngợi vẻ đẹp truyền thống của những phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến.</p>
Giá trị nội dung	<p>- “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” đã thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. Qua đó thể hiện những vẻ đẹp phẩm chất quý báu của họ.</p> <p>- Tác phẩm còn như một thông điệp vượt thời gian: Tất cả mọi người đều có quyền sống và quyền hạnh phúc. Đặc biệt là những người phụ nữ, họ có quyền bình đẳng để phát huy tài năng và phẩm chất của mình. Đó cũng chính là những biểu hiện của một xã hội hiện đại, văn minh.</p>
Giá trị nghệ thuật	<p>- Xây dựng tình huống truyện độc đáo, đặc biệt là chi tiết chiếc bóng. Đây là sự khái quát hoá tâm lòng, sự ngộ nhận và sự hiểu lầm của từng nhân vật. Hình ảnh này hoàn thiện thêm vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương, đồng thời cũng thể hiện rõ nét hơn số phận bi kịch của Vũ Nương nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung.</p> <p>- <i>Nghệ thuật dựng truyện</i>. Dẫn dắt tình huống truyện hợp lý. Chi tiết chiếc bóng là đầu mối câu chuyện lại chỉ xuất hiện một lần duy nhất ở cuối truyện, tạo sự bất ngờ, bàng hoàng cho người đọc và tăng tính bi kịch cho câu chuyện.</p> <p>- Có nhiều sự sáng tạo so với cốt truyện cổ tích “<i>Vợ chàng Trương</i>” bằng cách sắp xếp thêm bớt chi tiết một cách độc đáo.</p> <p>- <i>Nghệ thuật xây dựng nhân vật</i>: Nhân vật được xây dựng qua lời nói và hành động. Các lời trần thuật và đối thoại của nhân vật sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ nhưng vẫn khắc hoạ đậm nét và chân thật nội tâm nhân vật.</p> <p>- <i>Sử dụng yếu tố truyền kỳ (kỳ ảo) làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm</i>. Yếu tố kỳ ảo, hoang đường làm câu chuyện vừa thực vừa mơ, vừa có hậu vừa không có hậu, làm hoàn chỉnh vẻ đẹp của Vũ Nương.</p> <p>- <i>Kết hợp các phương thức biểu đạt</i>: Tự sự + biểu cảm (trữ tình) làm nên một áng văn xuôi tự sự còn sống mãi với thời gian.</p>

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Nhân vật Vũ Nương:

- Vũ nương được giới thiệu là người phụ nữ thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp.

- Chính vì cảm kích trước vẻ đẹp của nàng mà Trương Sinh đã xin mẹ “đem 100 lạng vàng cưới về”. Chi tiết này đã tô đậm vẻ đẹp nhan sắc và phẩm chất của nàng.

a. Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp:

* **Trong quan hệ với chồng:** Là người vợ thủy chung, luôn giữ gìn khuôn phép, yêu thương chồng hết mực, khát khao có một mái ấm gia đình hạnh phúc:

- Khi xây dựng gia đình, gắn kết cuộc đời với Trương Sinh, biết chồng có tính đa nghi, nàng luôn “*giữ gìn khuôn phép, không từng lúc nào để vợ chồng phải thất hoà*”=> khao khát và luôn có ý thức xây dựng vun vén cho mái ấm gia đình, giữ gìn hạnh phúc cho trọn vẹn-> đó cũng là ước mơ chung của bất cứ người phụ nữ nào.

- Rồi khi chồng nàng phải đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy với lời tiễn biệt đầy cảm động: “*Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng mong được đeo ấn, phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang được hai chữ bình yên*”=> Ước mong đó thật giản dị nhưng ẩn chứa sau đó là niềm khao khát và ý thức trân trọng giữ gìn mái ấm hạnh phúc gia đình mà nàng đang có. Mặt khác nó cũng khẳng định được tấm lòng thủy chung yêu thương và lo lắng cho chồng của Vũ Nương.

- Những tháng ngày Trương sinh đi lính, nàng luôn mong nhớ đợi chờ: “*Mỗi khi bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được*”=> Phép ẩn dụ tượng trưng đã diễn tả đầy đủ được nỗi mong nhớ tháng ngày như biển trời cũng như đức hi sinh và tinh thần chịu đựng của người chinh phụ.

- Khi bị chồng nghi oan, nàng hết sức phân trần để chồng hiểu. Qua những lời nói tha thiết đó, ta thấy được thái độ trân trọng và mong muốn được chồng thấu hiểu của nàng.

- Khi không còn hi vọng, nàng mượn bến Hoàng Giang để chứng minh tấm lòng trong sạch của mình. Hành động kết liễu cuộc đời là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ phẩm giá của nàng.

* **Trong quan hệ với mẹ chồng:** Nàng là một người con dâu hiếu thảo.

- Vũ nương thay Trương Sinh làm tròn bổn phận của một người con: chăm sóc mẹ chồng khi già yếu, ốm đau “*Lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, thuốc thang, lễ bái thần phật*”.

- Khi mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót “*Phàm việc ma chay tế lễ như đối với cha mẹ đẻ mình*”.

- Lời trăn trối của mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành và công lao to lớn của Vũ Nương: “*Xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ*”.

* **Trong quan hệ với con:**

- Ở nhà, Vũ Nương một mình vượt cạn, sinh bé Đản, vừa thực hiện thiên chức của người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng con nhỏ, lại vừa thay chồng thực hiện chức trách của người cha dạy dỗ bé Đản.

- Nàng còn là một người mẹ tâm lý, không chỉ chăm lo cho con về mặt vật chất, mà còn cả về mặt tinh thần: bé Đản sinh ra chưa biết mặt cha, lo con thiếu thốn tình cảm của cha nên chỉ vào cái bóng của mình trên vách mà bảo “*cha Đản*”.

* **Đánh giá:** Vũ Nương không chỉ hoàn thành tốt trách nhiệm của một người vợ, người con, người mẹ, người cha mà còn là người trụ cột gia đình, người đem lại ngọn lửa ấm áp tình yêu thương thắp lên trong ngôi nhà vắng bóng đàn ông trụ cột. Nàng xứng đáng được hưởng những gì hạnh phúc, tuyệt vời nhất. Nhưng trớ trêu thay, hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.

b. Vũ Nương là người phụ nữ bất hạnh:

- Khi Trương Sinh trở về tưởng chừng như hạnh phúc sẽ mỉm cười với Vũ Nương nhưng đó lại là lúc những oan khuất đổ ập xuống cuộc đời và số phận nàng. Dù vậy trong nỗi oan khuất tày trời thì những phẩm chất tốt đẹp của nàng càng có cơ hội toả sáng, đặc biệt là tấm lòng trinh bạch.

+ Thấy hạnh phúc đang có nguy cơ đứng trước bờ vực thẳm nàng cố phân trần, níu giữ, nàng cố phân trần trước thái độ độc đoán, gia trưởng nhất quyết đuổi đi của Trương Sinh: “*Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết, tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót, đâu có sự hư thân mất nết như chàng nghĩ, dám mong bày tỏ để cởi mối nghi ngờ, xin chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp*”.

+ Không thể tự mình oan cho mình được, nàng già bày: “*Thiếp nếu đoan trang giữ tiết trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỵ Nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mê, nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin khắp mọi người phỉ nhổ*”

=> Tất cả những lời bộc bạch ấy đã gop phần minh chứng cho những phẩm hạnh tốt đẹp và tấm lòng trinh bạch thủy chung của Vũ Nương.

- Dù sống dưới thủy cung (ở một thế giới khác) nhưng nàng vẫn luôn hướng về chồng con. Điều này được thể hiện rõ trong câu chuyện giữa nàng với Phan Lang “Và chẳng, ngựa Hồ gầm gió Bắc, chim Việt đậu cành Nam. Cầm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày”. => Đó là tấm lòng nhân nghĩa, vị tha, nhân hậu và rất cao thượng của nàng, ngay cả đối với Trương Sinh – kẻ đã phụ bạc và ruồng rẫy nàng, vứt bỏ nàng không mấy may thương tiếc. Phẩm chất đáng quý đó đại diện cho biết bao người phụ nữ Việt Nam từ xưa tới nay.

- Chi tiết cuối truyện, Vũ Nương hiện về với câu nói: “*Thiếp cảm ơn đức Linh Phi, Đa tạ tình chàng... không thể về nhân gian được nữa*” Có ý nghĩa khắc sâu phẩm chất nhân hậu rộng lượng của người phụ nữ Việt Nam: Sống nội tâm, có trước, có sau.

* **Đánh giá:**

- Câu chuyện là lời tố cáo đanh thép với chế độ phong kiến đã chà đạp lên quyền sống của con người. Hiện thân của chế độ ấy là nhân vật Trương Sinh.

- Liên hệ thực tế: Hiện nay chúng ta đang phấn đấu xây dựng một xã hội bình đẳng...

2. Nguyên nhân cái chết của Vũ Nương:

a. Nguyên nhân trực tiếp: Chiếc bóng trên vách khiến bé Đan Ngộ nhận đó là cha mình, khi người cha thật trở về thì không chịu nhận và vô tình gây ra hiểu lầm dẫn đến người mẹ bị nghi oan.

b. Nguyên nhân gián tiếp:

- Tính cách câu Trương Sinh: đa nghi, độc đoán, gia trưởng.

- Cuộc hôn nhân không bình đẳng: Vũ Nương vốn là “con kẻ khó” được Trương Sinh đem trăm lạng vàng mà cưới về.

- Hơn nữa xã hội cũ “trọng nam khinh nữ”, người phụ nữ trong gia đình không có tiếng nói, Vũ Nương không thể minh oan cho mình.

- Chiến tranh phong kiến: Trương Sinh phải đi lính, nên không có cơ hội hiểu vợ.

3. Ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo

* **Các chi tiết kỳ ảo trong câu chuyện:**

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.

- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp; gặp lại Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.

- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất.

* **Cách đưa các chi tiết kỳ ảo:**

- Các yếu tố này được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh, về thời điểm lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mỹ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi

nàng mắt... Cách thức này làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần gũi với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

*** Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo:**

- Cách kết thúc này làm nên đặc trưng của thể loại truyện truyền kỳ.
- Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.
- Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.
- Thể hiện về ước mơ, về lẽ công bằng ở cõi đời của nhân dân ta.
- Chi tiết kỳ ảo đồng thời cũng không làm mất đi tính bi kịch của câu chuyện. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách ở giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sức tỉnh giấc mơ - giấc mơ về những người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thực cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được người phụ nữ. Đây là giấc mơ mà cũng là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình.

-> Yêu cầu trả lời ngắn gọn, giải thích rõ yêu cầu của đề bài; các ý có sự liên kết chặt chẽ; trình bày rõ ràng, mạch lạc.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Vũ Thị Thiết, người con gái Nam Xương, tính tình đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mẫn vì dung hạnh, xin mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương Sinh có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải bất hòa. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con hào phú nhưng không có học, nên phải ghi trong sổ lính vào loại đầu”.

Câu 1: Cho biết tên văn bản, tác giả có chứa đoạn trích trên?

Câu 2: Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Câu 3: Nội dung của đoạn trích trên là gì?

Câu 4: Giải thích cụm từ “tư dung tốt đẹp” và từ “dung hạnh” được sử dụng trong hai câu đầu đoạn trích.

Câu 5: Em hãy chỉ ra phương thức liên kết trong đoạn văn trên?

Câu 6: Tìm thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn trích trên?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Văn bản: Chuyện người con gái Nam Xương- Nguyễn Dữ

Câu 2: Đoạn trích trên được viết theo phương thức tự sự.

Câu 3: Nội dung chính: giới thiệu về nhân vật Vũ Nương - người con gái đẹp người đẹp nết được Trương Sinh, con nhà hào phú, cưới về làm vợ.

Câu 4:

- Tư dung tốt đẹp: nhan sắc và dáng vẻ tốt đẹp.
- Dung hạnh: chỉ nhan sắc và đức hạnh.

Ý nói Vũ Nương là người con gái không chỉ đẹp về ngoại hình, dung nhan mà còn có đức hạnh.

Câu 5: Phương thức liên kết trong đoạn văn trên: phép nối, phép lặp, phép thế.

- Phép nối: từ ngữ để nối “song”.
- Phép thế: từ “nàng”, “vợ” thay thế cho từ “Vũ Nương”.
- Phép lặp: từ “Trương Sinh”.

Câu 6: Thành phần biệt lập: thành phần phụ chú (người con gái quê ở Nam Xương), nhằm bổ sung thông tin về quê quán cho nhân vật được kể.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Nàng bắt đầu dĩ nói:

- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lên núi Vọng Phu kia nữa.

(Chuyện người con gái Nam Xương- Nguyễn Dữ)

Câu 1: Vũ Nương nói câu nói trên trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Cụm từ “thú vui nghi gia nghi thất” có nghĩa là gì?

Câu 3: Nêu hàm ý của câu văn: *Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.*

Câu 4: Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên, nêu tác dụng?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Vũ Nương nói câu trên khi bị chồng nghi oan nàng hai lòng, không chung thủy.

Câu 2: Thú vui nghi gia nghi thất: ý nói nên cửa nên nhà, thành vợ thành chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Câu 3: Hàm ý: Vũ Nương đau khổ tới tột cùng vì hạnh phúc lứa đôi tan vỡ, ngay cả việc chờ đợi chồng, trông ngóng chồng như trước kia cũng không thể. Vũ Nương thất vọng khi bị Trương Sinh ruồng bỏ, tình vợ chồng gắn bó bấy lâu tan vỡ.

Câu 4: Trong câu nói của Vũ Nương có nhiều hình ảnh mang tính ẩn dụ:

- + *Bình rơi trâm gãy.*
- + *Sen rũ trong ao.*
- + *Liễu tàn trước gió.*
- + *Kêu xuân cái én lìa đàn.*
- + *Nước thẳm buồn xa.*
- + *Lên núi vọng phu.*

- Chọn phân tích hình ảnh ẩn dụ “trâm gãy bình tan” hình ảnh của sự chia lìa, tan vỡ, mượn hình ảnh trâm gãy, bình tan để nói về hiện trạng tình vợ chồng của Vũ Nương nay đã tan vỡ.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“ Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục nơ, thần sông có linh, xin ngày chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mỹ. Nhược bằng lòng chìm dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”.

Câu 1: Lời nói của Vũ Nương chứng tỏ điều gì về nhân vật này?

Câu 2: Nguyên nhân nào dẫn tới cái chết của Vũ Nương?

Câu 3: Trong “*Chuyện người con gái Nam Xương*”, chi tiết cái bóng có ý nghĩa gì?

Câu 4: Viết đoạn văn quy nạp (khoảng 10 câu - 12 câu) có sử dụng phép lập và một câu có thành phần biệt lập, cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Lời nói của Vũ Nương chứng tỏ nàng là người ngay thẳng, trong sạch.

- Lời than của nàng trước trời cao, sông thẳm là sự minh chứng cho tấm lòng trinh bạch, nàng muốn được thần sông chứng giám cho nỗi oan khuất cũng như ghi nhận đức hạnh của nàng.

Câu 2: Nguyên nhân dẫn tới cái chết của Vũ Nương

- Nguyên nhân trực tiếp: lời nói ngây thơ của đứa con (bé Đản), bé Đản không chịu nhận Trương Sinh là cha.

- Nguyên nhân gián tiếp:

+ Do người chồng tính tình đa nghi, hay ghen, gia trưởng.

+ Cách cư xử nóng nảy, hồ đồ, phũ phàng của Trương Sinh.

+ Chiến tranh phi nghĩa nổ ra, gây ra sinh li tử biệt.

+ Do xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, lời nói của người phụ nữ không được coi trọng.

Câu 3:

Cái bóng trong câu chuyện có ý nghĩa đặc biệt vì đây là chi tiết tạo nên cách thắt nút, mở nút hết sức bất ngờ.

- Cái bóng có ý nghĩa thắt nút câu chuyện vì :

+ Đối với Vũ Nương: Trong những ngày chồng đi xa, vì thương nhớ chồng, vì không muốn con nhỏ thiếu vắng bóng người cha nên hàng đêm, Vũ Nương đã chỉ bóng mình trên tường, nói dối con đó là cha nó. Lời nói dối của Vũ Nương với mục đích hoàn toàn tốt đẹp.

+ Đối với bé Đản: Mới 3 tuổi, còn ngây thơ, chưa hiểu hết những điều phức tạp nên đã tin là có một người cha đêm nào cũng đến, mẹ đi cũng đi, mẹ ngồi cũng ngồi, nhưng nín thin thít và không bao giờ bế nó.

+ Đối với Trương Sinh: Lời nói của bé Đản về người cha khác (chính là cái bóng) đã làm nảy sinh sự nghi ngờ vợ không thủy chung, nảy sinh thái độ ghen tuông và lấy đó làm bằng chứng để về nhà mắng nhiếc, đánh đuổi Vũ Nương đi để Vũ Nương phải tìm đến cái chết đầy oan ức.

- Cái bóng cũng là chi tiết mở nút câu chuyện.

Chàng Trương sau này hiểu ra nỗi oan của vợ cũng chính là nhờ cái bóng của chàng trên tường được bé Đản gọi là cha.

Bao nhiêu nghi ngờ, oan ức của Vũ Nương đều được hoá giải nhờ cái bóng.

- Chính cách thắt, mở nút câu chuyện bằng chi tiết cái bóng đã làm cho cái chết của Vũ Nương thêm oan ức, giá trị tố cáo đối với xã hội phong kiến nam quyền đầy bất công với người phụ nữ càng thêm sâu sắc hơn.

Câu 4: Đoạn văn tham khảo:

Vũ Nương, người con gái đức hạnh, luôn giữ gìn khuôn phép dù Trương Sinh có đa nghi và phòng ngừa quá sức thì gia đình vẫn chưa bao giờ xảy ra tranh chấp, bất hòa. Khi chiến tranh nổ ra, chồng nàng phải ra trận, **Vũ Nương** tiễn chồng ra trận vẫn ân cần dặn dò chồng những lời ân tình, mong ngày về chồng mang theo hai chữ bình an. Ở nhà, nàng một mực giữ tiết, chăm sóc chu toàn gia đình, những mong sớm có ngày đoàn tụ với chồng. Nào đâu, sóng gió ập tới, lời nói ngây thơ của đứa con bé bỏng đã khiến tính đa nghi của chồng nàng nổi dậy. Bị chồng ruồng rẫy, hắt hủi, nàng nói tới thân phận của mình và khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng nhưng mỗi nghi ngờ ở Trương Sinh vẫn khôn nguôi. Không còn lại gì, lòng nàng dâng trào nỗi thất vọng tột cùng, nỗi đau đớn ê chề bởi hạnh phúc gia đình không có cách nào hàn gắn nổi. Nỗi oan khuất trời không thấu, khiến mọi sự chịu đựng, hy sinh trước đó đều vô nghĩa. Nàng giải thích trong sự bất lực và tuyệt vọng đắng cay trước sự đối xử nhẫn tâm của chồng.

- **Phép lặp:** Vũ Nương

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Nàng bắt đầu dĩ nói:

- *Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cát én lìa đàn, nước thấm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?

Câu 2: Chỉ ra cặp đại tự xưng hô trong đoạn văn trên.

Câu 3: Cụm từ “nghi gia nghi thất” có nghĩa là gì?

Câu 4: Ghi lại một thành ngữ có trong đoạn trích trên?

Câu 5: Nêu và phân tích tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn trích trong VB: chuyện người con gái Nam Xương của N.Đữ.

Câu 2: Đại từ xưng hô: thiếp, chàng

Câu 3: Cụm từ nghi gia nghi thất: nên cửa nên nhà, ý nói thành vợ thành chồng, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.

Câu 4: thành ngữ: *bình rơi trâm gãy*

Câu 5: phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích: ẩn dụ

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:

“Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thế sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp đã chẳng thể về nhân gian được nữa”.

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

Câu 1: Những câu văn trên trích từ văn bản nào, tác giả là ai? Đó là lời của ai nói với ai, nói trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Qua những lời nói đó, em hiểu gì về số phận bi kịch cũng như vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật?

Câu 3: Cũng viết về người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, chương trình ngữ văn 8 và 9 còn có những tác phẩm nào? Kể ra ít nhất hai tác phẩm ghi rõ tên tác giả?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Những câu văn trên trích từ văn bản: *chuyện người con gái NX* của ND.

Đó là lời của VN nói với TS. TS lập đàn giải oan cho nàng trên bến Hoàng Giang, VN cũng đã trở về, nàng ngồi trên kiệu hoa đứng giữa dòng mà nói vọng vào những lời như thế rồi “bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần rồi biến mất”

Câu 2: Là nv nhân đạo ND k muốn những người đức hạnh, nét na như VN bị chết. song hiện thực VN đã chết để minh oan đền đáp sự ngay thẳng, trong sạch thủy chung của nàng tg đã tưởng tượng ra sự hồi sinh của nàng- nàng được tiên nữ cứu vớt, đưa về động tiên sống. Và ông tt, sang tạo ra cảnh ngộ với TS. VN trở về dương thế nhưng chỉ hiện ra giữa dòng nói vọng vào “thiếp chẳng về nhân gian được nữa”. Qua đó ta thấy số phận người phụ nữ trong xã hội xưa thật bất hạnh, mặc dù học có những phẩm giá tốt đẹp...

Câu 3: Truyện Kiều (Nguyễn Du), Bánh trôi nước (HXX)

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 6:

Vũ Thị Thiét, người con gái quê ở Nam Xương (1). Người đã thùy mị nét na, lại thêm có tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính hay ghen, đối với vợ phòng ngừa thái quá (2). Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa(3).

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Ai là tác giả?

Câu 2: Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Câu 3: Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 4: Bộ phận in đậm ở câu (1) trong đoạn trích làm thành phần gì trong câu?

Câu 5: Giải thích từ “dung hạnh” dùng trong câu 2 của đoạn trích trên?

Câu 6: Hãy nhận xét về cách giới thiệu nhân vật của Nguyễn Dữ trong đoạn trích trên. Qua đó em biết gì về tình cảm của nhà văn với nhân vật?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản: *chuyện người con gái NX* của ND.

Câu 2: đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt: NL

Câu 3: Nội dung chính của đoạn trích: giới thiệu về nhân vật VN

Câu 4: bộ phận in đậm ở câu (1) trong đoạn trích làm thành phần: phụ chú

Câu 5: Dung hạnh có nghĩa là nhan sắc và đức hạnh. Ý muốn nói Vũ Nương vừa là người có sắc, vừa là người đẹp nết.

Câu 6: ND giới thiệu tên tuổi quê quán, tính cách hoàn cảnh của nhân vật. Đó là giới thiệu nv mang tính truyền thống.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 7:

Sau đây là một phần của cuộc trò chuyện giữa nhân vật Phan Lang và Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ):

Phan Lang nói:

Nhà cửa của tiên nhân, cây cối thành rừng, phần mộ của tiên nhân, cỏ gai lấp mắt.

Nương tử dầu không nghĩ đến, nhưng còn tiên nhân mong đợi ở nương tử thì sao?

Nghe đến đây, Vũ Nương ứa nước mắt khóc rồi nói:

- Có lẽ không thể gửi mình ẩn vết ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Và chẳng Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

(Trích *Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Câu 1: Phan Lang trò chuyện với Vũ Nương trong hoàn cảnh nào? Từ “tiên nhân” được nhắc tới trong lời của Phan Lang để chỉ những ai?

Câu 2: Vì sao sau khi nghe Phan Lang nói, Vũ Nương “ứa nước mắt khóc” và quả quyết “tôi tất phải tìm về có ngày”?

Câu 3: Em hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về vai trò của gia đình trong cuộc sống của mỗi chúng ta.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Phan Lang nói chuyện với Vũ Nương trong hoàn cảnh: Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa sau đó gặp nạn rồi được Linh Phi cứu giúp, gặp Vũ Nương dưới thủy cung.

- “Tiên nhân” chỉ Trương Sinh – Chồng Vũ Nương.

Câu 2:

Khi nghe Phan Lang nói Vũ Nương “ứa nước mắt khóc” và “quả quyết tìm về có ngày”:

+ Vũ Nương còn nặng tình nặng nghĩa với chồng con

+ Hoàn cảnh thêm về nét đẹp của người con gái thủy chung, nhân hậu qua nhân vật Vũ Nương

+ Vũ Nương dù chết vẫn muốn rửa oan, bảo toàn danh dự và nhân phẩm

Câu 3:

Các em có thể tham khảo dàn ý sau:

* Mở đoạn: Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người. Gia đình hạnh phúc chính là mục đích cao đẹp nhất mà con khát khao có được.

* Thân đoạn:

a. Giải thích: Gia đình là gì?

+ Đó là tế bào của xã hội, là tổng hợp các mối quan hệ, ứng xử, giá trị nhân cách, tình cảm, đạo đức, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cộng đồng, dân tộc.

+ Trong gia đình, mọi người có quan hệ về huyết thống và các quan hệ đặc biệt khác, thường có cùng quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ.

b. Bàn luận: Gia đình có ý nghĩa và vai trò vô cùng đặc biệt với cuộc đời mỗi con người.

- Gia đình là mái ấm, là nơi ta được sinh ra, được sống và trưởng thành.

- Gia đình là điểm tựa, là chỗ dựa vững chắc, là bến đỗ bình yên nhất trong cuộc đời con người.

(Dẫn chứng: Anh Nhĩ trong “Bến quê”, Chí Phèo khao khát hạnh phúc bình dị: chồng kéo lưới, vợ dệt vải, Vũ Nương "chỉ mong có thú vui nghi gia nghi thất"...)

- Gia đình là cái nôi, là cơ sở, nền tảng bồi dưỡng và hình thành nhân cách cao đẹp cho c/n.

- Liên hệ bản thân: yêu thương gia đình.

3. Kết đoạn: Khẳng định vai trò của gia đình với con người

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 8:

Dưới đây là một đoạn trong “*Chuyện người con gái Nam Xương*” (Nguyễn Dữ)

... “*Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng: – Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục, thân sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.*”...

(Theo Ngữ văn lớp 9, tập một, NXB Giáo dục, 2010)

Câu 1:

Trong tác phẩm, lời thoại trên là độc thoại hay đối thoại? Vì sao?

Câu 2:

Lời thoại này được Vũ Nương nói trong hoàn cảnh nào? Qua đó nhân vật thể hiện phẩm chất và mong ước gì? Ghi lại ngắn gọn (khoảng 6 câu) suy nghĩ của em về những phẩm chất ấy của nhân vật.

Câu 3:

Làm nên sức hấp dẫn của truyện truyền kỳ là những yếu tố kỳ ảo. Nêu hai chi tiết kỳ ảo trong truyện “*Người con gái Nam Xương*”.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

Trong tác phẩm, lời thoại trên là độc thoại, vì đó là lời than của Vũ Nương và cũng là lời nguyện của nàng nói với lòng mình để giải bày tâm lòng trong trắng của mình trước khi tự vẫn.:

Câu 2:

- Lời thoại này được Vũ Nương nói đến trong hoàn cảnh khi bị chồng mình là Trương Sinh nghi ngờ là người vợ không thủy chung. Vũ Nương đã phân trần, khẳng định tấm lòng thủy chung, khát khao cuộc sống gia đình, tình nghĩa vợ chồng, cầu xin chồng đừng nghi oan, tìm mọi cách hàn gắn cuộc sống hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ, song nàng vẫn bị chồng mắng nhiếc, đánh đập, đuổi nàng đi không cho nàng thanh minh, không cho họ hàng, hàng xóm bên vực và biện bạch cho. Cuộc hôn nhân của nàng và Trương Sinh đã đến độ không thể hàn gắn nổi. Vũ Nương đã đau đớn, thất vọng đến tột cùng, ra bến Hoàng Giang mượn dòng nước con sông quê hương để giãi bày nỗi oan khuất và tấm lòng thủy chung, trong sáng của mình trước khi tự vẫn.

* Qua lời thề nguyện, Vũ Nương muốn khẳng định:

- Khao khát được sống hạnh phúc trong cuộc sống gia đình.
- Tấm lòng thủy chung, trong sáng của mình với chồng.
- Lòng tự trọng của một người vợ khi bị chồng đánh đập, hắt hủi.

* Học sinh viết tiếp (khoảng 6 câu) bày tỏ sự chia sẻ, cảm thông với tâm sự đau đớn, tuyệt vọng của Vũ Nương, nhưng cũng thấy:

- Nàng hiểu được thân phận của mình, tự nhận mình là “kẻ bạc mệnh” có “duyên phận hẩm hiu”, song vẫn khát khao được sống hạnh phúc với chồng con và mong thần sông minh oan cho tấm lòng thủy chung, trong trắng của mình. Lời than, lời thề nguyện của Vũ Nương thật thống thiết, ai oán.
- Hành động tự trầm mình của Vũ Nương là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự. Có nỗi tuyệt vọng đấng cay, nhưng người đọc cũng thấy được lòng tự trọng, sự chỉ đạo của lý trí, chứ không như hành động bột phát trong cơn nóng giận như truyện cổ tích miêu tả “Nàng chạy một mạch ra sông, đắm đầu xuống nước tự vẫn”.
- Phẩm chất cao đẹp của Vũ Nương thể hiện qua lời thề nguyện cũng là phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ lao động xưa: Dù cuộc sống của họ có khổ đau bất hạnh, song họ vẫn luôn giữ tròn phẩm chất thủy chung, sắt son, nghĩa tình của mình.

Câu 3:

Học sinh có thể đưa các chi tiết kỳ ảo sau:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa, sau chạy giặc Minh, chết đuối, lạc vào động rùa của Linh Phi được Linh Phi cứu, đãi yến tiệc rồi trò chuyện với Vũ Nương dưới thủy cung.
- Vũ Nương hiện về giữa dòng sông sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng ở bến Hoàng Giang trong cảnh vồng lọng, cờ tán rực rỡ, nói vài lời từ biệt với chồng rồi trở lại sống với Linh Phi.

BÀI 2: CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH

(Trích Vũ Trung Tuy Bút)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Tác giả Phạm Đình Hổ (1768 – 1839) tên chữ là Tùng Niên hoặc Bình Trục, hiệu Đông Dã Tiều, tục gọi là Chiêu Hổ, người làng Đan Loan, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương).</p> <p>- Ngay từ nhỏ, ông đã tỏ ra là một người có chí hướng: “<i>Làm người con trai phải lập thân hành đạo... lấy văn thơ nổi tiếng ở đời</i>”</p> <p>- Là người có nhân cách cao thượng, sống vào thời buổi đất nước loạn lạc nên muốn ẩn cư. Đến thời Minh Mạng nhà Nguyễn, vua vời ông ra làm quan, ông đã mấy lần từ chức, rồi lại bị triệu ra.</p> <p>- Phạm Đình Hổ để lại nhiều công trình biên soạn khảo cứu có giá trị thuộc đủ các lĩnh vực: văn học, triết học, lịch sử, địa lý... tất cả đều bằng chữ Hán.</p>
Ý nghĩa nhan đề:	Vũ trung tùy bút (tùy bút viết trong những ngày mưa)
Xuất xứ	Đoạn trích nằm trong tác phẩm “ Vũ Trung tùy bút (tùy bút viết trong những ngày mưa) được viết khoảng đầu đời Nguyễn (thế kỉ XIX).
Thể loại	Viết theo thể tùy bút , hiểu theo nghĩa là ghi chép tùy hứng, tản mạn, không cần hệ thống, kết cấu gì.
Bố cục 2 phần	<p>- Phần một: Từ đầu đến “ biết đó là triệu bất tường”: Những thú ăn chơi của chúa Trịnh.</p> <p>- Phần hai: Còn lại: Sự tham lam, những nhiễu của quan lại trong phủ Chúa.</p>
Tóm tắt	<p>Khoảng năm Giáp Ngọ, trong nước có chúa Trịnh Sâm thích chơi đèn đuốc, thường ngự ở các ly cung. Xây dựng đình đài liên miên. Nhân việc đó, nội quan đều mặc quần áo đàn bà, cải trang để bán một số đồ vật kiếm tiền. Có lúc cho bọn nhạc công ngồi trên gác chuông chùa Trấn Quốc và chơi vài bài.</p> <p>Mỗi khi tìm thấy những loài trân cầm dị thú, Chúa đều thu hết. Bọn quan lại thấy thế bèn mượn gió bẻ măng, hù dọa nhân dân. Hễ thấy nhà giàu nào có cây cảnh hay đồ vật đẹp nào đều quy cho vào tội phạm thù, người ta phải van xin chí chết mới được tha. Nhà tác giả cũng có trồng một cây lê và hai cây lựu nở hoa rất đẹp nhưng cũng phải chặt đi cũng vì có ấy.</p>
Giá trị nội dung	" <i>Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh</i> " phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê - Trịnh.
Giá trị nghệ thuật	Phạm Đình Hổ thành công ở thể loại tùy bút, sự ghi chép chân thực, sinh động, giàu chất trữ tình. Các chi tiết miêu tả chọn lọc, đắt giá, giàu sức thuyết phục, tả cảnh đẹp tỉ

	mỉ nhưng lại nhuốm màu sắc u ám, mang tính dự báo. Giọng điệu tác giả gần như khách quan nhưng cũng đã khéo léo thể hiện thái độ lên án bọn vua quan qua thủ pháp liệt kê.
--	--

(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại cận thân trong phủ Chúa:

a) *Thói ăn chơi xa xỉ, xa hoa của vua chúa và sự những nhieu của bọn quan lại thời Lê – Trịnh được Phạm Đình Hồ miêu tả rất cụ thể, sinh động.* Cuộc sống của chúa là cuộc sống giàu sang đến tột đỉnh.

- Chúa cho xây nhiều cung điện, đền đài ở khắp mọi nơi, để thoả ý thích chơi đèn đuốc “ngắm cảnh đẹp”, ý thích đó biết bao nhiêu cho vừa, vì vậy “việc xây dựng đình đài cứ liên miên”, hao tiền, tốn của.

- Chúa bày ra nhiều cuộc dạo chơi tốn kém ở các li cung (cung điện lâu đài xa kinh thành). Những cuộc dạo chơi của chúa ở Tây hồ được miêu tả tỉ mỉ: Diễn ra thường xuyên “*tháng ba bốn lần*”, huy động rất nhiều người hầu hạ “*binh lính dàn hầu bốn mặt hồ*” – mà Hồ Tây thì rất rộng. Không chỉ là dạo chươì đơn thuần, mà còn là nghi lễ tiếp đón tung bừng, độc đáo, những trò chơi lố lăng (tổ chức hội chợ, cho quan nội thần cải trang thành đàn bà bày bán hàng), chùa Trấn Quốc, nơi linh thiêng của phật giáo cũng trở thành nơi hoà nhạc của bọn nhạc công cung đình.

- Dùng quyền lực để tìm và cướp lấy các của quý trong thiên hạ như trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch... (chim quý, thú lạ, cây cổ thụ, những hòn đá có hình dáng kỳ lạ, chậu hoa, cây cảnh) về tô điểm cho nơi ở của chúa.

- Tác giả chọn một cảnh điển hình của cuộc cướp đoạt ấy là cảnh lính tráng trở một cây đa cổ thụ về phủ chúa (đây là một chi tiết tiêu biểu làm rõ chủ đề). Tác giả miêu tả kỹ lưỡng, công phu bằng những từ ngữ sống động, một giọng văn thật nặng nề: “*Cây đa to, cành lá rườm rà, được rước qua sông*”... *như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ đến vài trượng, phải một cơ binh mới khiêng nổi, lại có bốn người đi kèm, đều cầm gươm đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay*”. Người viết tuy bút, danh nho Phạm Đình Hồ đã đưa ra những sự việc cụ thể, chân thực và khách quan, không bình luận mà các hình ảnh, chi tiết hiện lên đầy ấn tượng.

* **Nhận xét:** Những chi tiết kể, tả chân thực cho thấy phủ chúa là nơi bày ra những trò chơi tốn kém và hết sức lố bịch. Để phục vụ cho sự ăn chơi ấy thì tiền của, công sức, mồ hôi nước mắt và thậm chí cả mạng sống của nhân dân phải hao tổn biết bao nhiêu mà kể.

b) *Ấn tượng nhất là cảnh đêm nơi vườn nhà chúa qua đoạn văn “Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu, vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường”.*

- Cảnh được miêu tả là cảnh thực nhưng âm thanh lại gợi cảm giác ghê rợn trước một cái gì tan tác, đau thương như không phải trước cảnh đẹp yên tĩnh, phồn thực. “triệu bất tường” tức là điềm gở, điềm chẳng lành.

- Hình ảnh ẩn dụ tả cảnh bất thường của đêm thanh cảnh vắng như báo trước sự suy vong tất yếu của một triều đại chỉ biết chăm lo đến chuyện ăn chơi hưởng lạc trên mồ hôi, nước mắt và cả xương máu của dân lành. Cảm xúc chủ quan của tác giả đến đây mới được bộ lộ.

2. Sự tham lam những nhieu của bọn quan lại trong phủ Chúa.

- Tác giả đã vạch trần thủ đoạn « mượn gió bẻ măng » của bọn hoạn quan, cung giám : Lợi dụng uy quyền của các chúa để vơ vét của cải trong thiên hạ : vừa ăn cướp, vừa la làng.

- Thời chúa Trịnh Sâm, bọn quan lại hầu cận trong phủ chúa rất được sủng ái, bởi chúng có thể giúp chúa đắc lực trong việc bày các trò ăn chơi, hưởng lạc. Do thế, chúng cũng ý thể nhà chúa mà hoành hành, tác oai, tác quái trong nhân dân.

- Để phục vụ cho sự hưởng lạc ấy, chúa cũng như các quan đã trở thành những kẻ cướp ngày. Chúng ra sức hoành hành trấn lột khắp nơi trong thành tìm đồ vật, cây cối đẹp, con thú cướp về trang trí cho phủ chúa lộng lẫy xa hoa : *"bao nhiêu loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian, chúa đều sức thu lượm"* *"trong phủ, tùy chỗ điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ, trông như bển bể đầu non"* Chúa có những vật quý ấy thì bao người dân bị ăn cướp trắng trợn. Bọn quan lại thường *"mượn gió bẻ măng, ngoài dọ dẫm"*, dò xem nhà nào có vật quý thì biên vào hai chữ "phụng thủ", đem cho người đến lấy phẳng đi. Rồi vừa ăn cướp vừa la làng, chúng còn dọa giấu vật của phụng để dọa lấy tiền của dân. Người dân vừa bị cướp vật quý vừa bị đòi tiền, có khi lại còn phải tự tay phá huỷ những thứ mình đã chăm sóc, nuôi trồng để tránh khỏi tai vạ. Còn bọn hoạn quan đối với chúa thì được thưởng, được khen, được thăng quan tiến chức, bổng lộc ních đầy túi, một công mà lợi cả đôi đường.

- Đoạn văn cuối là chi tiết kể rất thật về gia đình của chính tác giả: bà mẹ của tác giả đã phải sai chặt đi một cây lê và hai cây lựu quý, rất đẹp trong vườn nhà mình để tránh tai vạ. Đây không chỉ là điều tác giả mất thấy tai nghe mà còn là điều ông đã trải qua, nên rất có sức thuyết phục. Cảm xúc của tác giả (thái độ bất bình, phê phán) cũng được gửi gắm một cách kín đáo qua đó.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Khoảng năm Giáp Ngọ, Ất Mùi (1774 - 1775) trong nước vô sự, Thịnh Vương (Trịnh Sâm) thích chơi đèn đuốc, thường ngự ở các li cung trên Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thúy. Việc xây dựng đèn đài cứ liên miên. Mỗi tháng ba bốn lần, Vương ra cung Thụy Liên trên bờ Tây Hồ, binh lính dàn hồ vòng quanh bốn mặt hồ, các nội thần thì đều bịt kín khăn, mặc áo như đàn bà, bày bách hóa chung quanh bờ hồ để bán".

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

Câu 2: Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

Câu 3: Nội dung của đoạn trích trên là gì?

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh"-Phạm Đình hồ

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

Câu 3:

Nội dung: Thói ăn chơi xa đọa của vua chúa và những nhiễu của bọn vua chúa, quan lại thời Trịnh được Phạm Đình Hồ miêu tả rất cụ thể, sinh động.

+ Chúa cho xây dựng đèn đài, cung điện ở khắp nơi liên miên, thỏa ý thích chơi đèn đuốc, ngắm cảnh đẹp.

+ Chúa bày ra các cuộc dạo chơi tốn kém ở li cung: *tháng ba lần, huy động binh lính dàn hầu bốn mặt hồ.*

+ Nơi linh thiêng của phật giáo cũng trở thành nơi hòa nhạc của bọn vũ công.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“ Buổi ấy, bao nhiêu những loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn nhân gian, Chúa đều ra sức thu lấy, không thiếu một thứ gì. Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài ra đến vài trượng, phải một cơ binh khiêng mới nổi, lại bốn người đi kèm, đều cầm guơm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay. Trong phủ, tùy chỗ điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bển bể đầu non. Mỗi khi đêm thanh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất thường”.

Câu 1: Trong đoạn trích trên câu nào sử dụng biện pháp liệt kê, nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 2: Hình ảnh chúa trong đoạn trích trên được thể hiện như thế nào?

Câu 3: Nhận xét thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

Câu 4: Nhận xét cách ghi chép của tác giả.

Câu 5: Ấn tượng về cảnh đêm nơi vườn chúa được miêu tả thế nào?

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Câu văn sử dụng biện pháp liệt kê: “Buổi ấy, biết bao nhiêu những loại trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn nhân gian, Chúa đều sức thu lấy, không thiếu một thứ gì.

Các từ ngữ liệt kê: trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh.

- Nhấn mạnh những thứ quý hiếm trong dân gian đều bị chúa ra sức vơ vét, chiếm làm của riêng. Chúa Trịnh là kẻ tham lam, tàn ác.

Câu 2: Hình ảnh chúa Trịnh trước ngòi bút miêu tả của tác giả Phạm Đình Hổ.

- Dùng quyền lực để cướp bóc những thứ của quý trong thiên hạ về tô điểm cho phủ chúa.

- Cảnh điển hình của cuộc cướp đoạt: bọn lính tráng khiêng một cây đa cổ thụ về phủ chúa.

- Tác giả miêu tả kĩ lưỡng, công phu, bằng ngôn từ chân thật, sống động.

Câu 3: Tác giả thể hiện thái độ căm ghét, phẫn nộ trước hành động tham lam của bọn quan lại, đặc biệt là hành động cướp bóc thức quý hiếm trong dân gian của chúa.

- Tác giả đau xót trước hiện trạng đất nước ngày càng suy yếu, còn vua chúa sa đọa, quan lại thì những nhieu, vơ vét đầy túi.

Câu 4: Cách ghi chép của tác giả trong đoạn trích: ngòi bút chân thực, việc ghi chép cụ thể, sinh động.

Câu 5: Cảnh tượng vườn đêm của chú được miêu tả bằng một câu liệt kê dài: “ Mỗi khi cảnh đêm thanh vắng... là triệu bất thường.”

- Cảnh được miêu tả là cảnh thực, gợi lại cảm giác ghê rợn trước cái tan tác, đau thương chứ không phải cảnh yên bình.

- “Triệu bất thường”, hình ảnh ẩn dụ cảnh bất thường của đêm thanh vắng như báo trước sự suy vong tất yếu của triều đại chỉ biết ăn chơi, hưởng thụ.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ “phụng thủ” vào. Đêm đến, các cây tre qua tường thành lén ra, sai tay chân binh lính đến lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa lấy tiền. Hòn đá hoặc cây cối gì to lớn quá, thậm chí phải phá hủy tường nhà để khiêng ra. Các nhà giàu bị họ vu cho là giấu vật cung phụng, thường phải bỏ cửa ra kêu van chí chết, có khi phải đập bỏ núi non bộ, hoặc phá bỏ cây cảnh để tránh khỏi tai vạ.

Câu 1: Đoạn trích trên sử dụng chủ yếu phương thức biểu đạt nào?

Câu 2: Bọn quan lại hầu cận trong phủ chúa đã những nhiều dân bằng nhưng thủ đoạn nào?

Câu 3: Hình ảnh người dân trong đoạn trích như thế nào?

Câu 4: Qua đoạn trích em cảm nhận về tình trạng nước ta thời vua Lê - Trịnh thế nào?

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Đoạn trích trên sử dụng phương thức tự sự là chủ yếu.

Câu 2: Sự tham lam, những nhiều của bọn quan lại ở phủ chúa.

- Thời chúa Trịnh Sâm, bọn quan lại lớn nhỏ trong phủ đều được sung ái, chúng là tay chân đắc lực bày ra các trò ăn chơi, hưởng lạc cho chúa.

- Chúng ý thể vào chúa để ra ngoài ăn chơi, hưởng lạc, sách nhiễu dân chúng: “*bọn hoạn quan cung giám thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm*”.

- Bọn quan lại ra sức cướp bóc, trấn lột khắp nơi, chúng “vừa ăn cướp vừa la làng”.

Câu 3: Hình ảnh người dân khốn đốn, khổ cực, bị vu oan, bị đòi tiền trước những cuộc ăn cướp của bọn quan lại, tay sai.

+ Nhà giàu bị họ vu cho giấu của cung phụng, phải bỏ cửa ra kêu van chí chết.

Câu 4: Cảm nhận về tình trạng của đất nước thời vua Lê - chúa Trịnh.

- Thời đại phong kiến Lê Trịnh là thời đại thối nát, mục ruỗng, quan lại không chăm lo cho dân chúng mà ra sức cướp bóc, hà hiếp dân chúng.

- Vua chúa bày ra những trò lố lăng, kịch cỡm, tốn kém để ăn chơi, tiệc tùng.

- Nhân dân không chỉ chịu đói khổ mà còn chịu áp bức bởi bị áp bức vì bị bóc lột, ăn cướp.

→ Triều đại thối nát, mục ruỗng dự báo tiền đồ, triều ấy sụp đổ là điều không tránh khỏi.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ ... Buổi ấy, có bao nhiêu những loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian, Chúa đều sức thu lấy, không thiếu một thứ gì. Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rủ rờ, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hóc đá, rễ dài đến vài trượng, phải một cơ binh mới khiêng nổi, lại bốn người đi kèm, đều cầm guơm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay. Trong phủ, tùy chỗ, điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bển bể đầu non.(...).Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng , ra ngoài dọa dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ “phụng thủ” vào. Đêm đến, các cây tre qua tường thành lén ra, sai tay chân đem lính đến lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa lấy tiền...”

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Trình bày nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 3: Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 4: Tìm trong đoạn trích trên những câu văn nói về sự nhùng nhể của bọn quan lại hầu cận và nêu nhận xét của em về ý nghĩa của việc xây dựng những chi tiết ấy?

Câu 5: Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lối sống xa hoa, lãng phí của một bộ phận không nhỏ các bạn trẻ hiện nay.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 2: Nội dung : Phản ánh đời sống xa hoa, sự áp bức, bóc lột của vua chúa và sự nhùng nhể của bọn quan lại thời Lê.

- Hs có nhiều cách diễn đạt khác nhau, đảm bảo tốt yêu cầu đều đạt điểm tối đa.

Câu 3: - Phương thức biểu đạt chính là tự sự

Câu 4: - *Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng , ra ngoài dọa dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ “phụng thủ” vào. Đêm đến, các cậu trèo qua tường thành lên ra, sai tay chân đem lính đến lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa lấy tiền...*

Học sinh nhận xét ý nghĩa: Tác giả muốn phơi bày mặt trái của bọn quan lại, phê phán thái độ ức hiếp, nhùng nhể của chúng

Câu 5:

Nghị luận xã hội

a. Yêu cầu về kĩ năng :

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội
- Bố cục và hệ thống ý rõ ràng
- Biết vận dụng nhiều thao tác nghị luận.
- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi diễn đạt, không sai chính tả, dùng từ, ngữ pháp, trình bày bài rõ ràng.

b. Yêu cầu về nội dung : Trên cơ sở HS bám sát vào văn bản ở trên để nghị luận về hiện tượng lãng phí.

- Mở đoạn : Giới thiệu về hiện tượng lãng phí
- Thân đoạn :
 - + Giải thích về hiện tượng lãng phí trong XH và của một bộ phận không nhỏ học sinh hiện nay.
 - + Nêu hiện trạng của hiện tượng (tìm những biểu hiện về hiện tượng lãng phí)
 - + Chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên
 - + Phân tích những tác hại của hiện tượng
 - + Tìm ra hướng khắc phục

Kết đoạn : Khái quát lại hiện tượng, nêu nhận thức của bản thân.

BÀI 3: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG TRÍ

Ngô Gia Văn Phái

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Ngô Gia Văn Phái: một nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây, trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí (1753-1788), làm quan thời Lê Chiêu Thống, và Ngô Thì Du (1772-1840), làm quan dưới triều nhà Nguyễn.</p> <p>- Họ là những nhà Nho mang nặng tư tưởng trung quân, ái quốc. Ngô Thì Chí từng chạy theo Lê Chiêu Thống khi Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc lần thứ hai. Ông cũng chính là người dâng « Trung hưng sách » bàn kế để khôi phục nhà Lê và chống lại nhà Tây Sơn.</p> <p>- Họ là những cây bút trung thực và có tư tưởng tiến bộ. Họ đã phản ánh được một cách chân thực, sống động những sự kiện lịch sử dân tộc trong khoảng ba mươi năm cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX.</p>
Hoàn cảnh sáng tác	<p>- Tác phẩm viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Nó không chỉ dừng lại ở sự thống nhất của vương triều nhà Lê, mà còn được viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào 30 năm cuối thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.</p> <p>- Tác phẩm được viết ở nhiều thời điểm nối tiếp nhau, từ giai đoạn cuối triều Lê đến đầu triều Nguyễn và do một số tác giả kế tục nhau viết.</p> <p>- Tác phẩm được viết bởi hai tác giả chính : Ngô Thì Chí viết bảy hồi đầu, Ngô Thì Du viết bảy hồi tiếp sau, còn ba hồi cuối có thể do một người khác viết vào khoảng cuối hoặc đầu triều Nguyễn.</p>
Nhan đề	“ Hoàng Lê nhất thống chí ”: ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê.
Thể loại	<p>Viết theo thể <i>Chí</i>- là một thể văn ghi chép sự vật, sự việc. Một thể loại văn vừa có tính văn học, vừa có tính lịch sử lại vừa mang tính triết lí(hiện tượng văn- sử- triết bất phân).</p> <p>Cũng có thể xem Hoàng Lê nhất thống chí là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi.</p>
Đại ý và bố cục	* Đại ý : Đoạn trích miêu tả chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung, sự thảm bại nhục nhã của quân tướng nhà Thanh và số phận lũ vua quan phản nước, hại dân.

	<p>* Bố cục: 3 đoạn</p> <p>- Đoạn 1: (từ đầu đến “hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788)”: <i>Được tin báo quân Thanh chiếm Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân dẹp giặc.</i></p> <p>- Đoạn 2: (“Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh... vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành”): <i>Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.</i></p> <p>- Đoạn 3: (“Lại nói, Tôn Sĩ Nghị và vua Lê... cũng lấy làm xấu hổ”): <i>Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm bại của vua tôi Lê Chiêu Thống.</i></p>
Tóm tắt	<p>Tóm tắt hồi 14 “Hoàng Lê nhất thống chí”</p> <p>- Trước thế mạnh của giặc, quân Tây Sơn ở Thăng Long, rút quân về Tam Điệp và cho người vào Phủ Xuân cấp báo với Nguyễn Huệ.</p> <p>- Nhận được tin ngày 24/11, Nguyễn Huệ liền tổ chức lại lực lượng chia quân làm hai đạo thủy - bộ.</p> <p>- Ngày 25 tháng Chạp, làm lễ lên ngôi lấy hiệu là Quang Trung, trực tiếp chỉ đạo hai đạo quân tiến ra Bắc.</p> <p>- Ngày 29 tháng Chạp, quân Tây Sơn ra đến Nghệ An, Quang Trung cho dừng lại một ngày, tuyển thêm hơn 1 vạn tinh binh, mở một cuộc duyệt binh lớn.</p> <p>- Ngày 30, quân của Quang Trung ra đến Tam Điệp, hội cùng Sở và Lân. Quang Trung đã khẳng định : "<i>Chẳng quá mười ngày có thể đuổi được người Thanh</i>". Cũng trong ngày 30, giặc già chưa yên, binh đao hãy còn mà ông đã nghĩ đến kế sách xây dựng đất nước mười năm sau chiến tranh. Ông còn mở tiệc khao quân, ngầm hẹn mừng 7 sẽ có mặt ở thành Thăng Long mở tiệc lớn. Ngay đêm đó, nghĩa quân lại tiếp tục lên đường. Khi quân Tây Sơn ra đến sông Thanh Quyết gặp đám do thám của quân Thanh, Quang Trung ra lệnh bắt hết không để sót một tên.</p> <p>- Rạng sáng ngày 3 Tết, nghĩa quân bí mật bao vây đồn Hạ Hồi và dùng mưu để quân Thanh đầu hàng ngay, hạ đồn dễ dàng.</p> <p>- Rạng sáng ngày mùng 5 Tết, nghĩa quân tấn công đồn Ngọc Hồi. Quân giặc chống trả quyết liệt, dùng ống phun khói lửa ra nhằm làm ta rối loạn, nhưng gió lại đổi chiều thành ra chúng tự hại mình. Cuối cùng, quân Thanh phải chịu đầu hàng, thái thú Diên châu Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử.</p> <p>- Trưa mùng 5 Tết, Quang Trung đã dẫn đầu đoàn quân thắng trận tiến vào Thăng Long. Đám tàn quân của giặc tìm về phía đê Yên Duyên gặp phục binh của ta, trốn theo đường Vịnh Kiều lại bị quân voi ở Đại áng dồn xuống đầm Mực giầy xáo, chết hàng vạn tên. Một số chạy lên cầu phao, cầu phao đứt, xác người ngựa chết làm tắc cả khúc sông Nhị Hà. Mùng 4 Tết nghe tin quân Tây Sơn tấn công, Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống đã vội vã bỏ lên biên giới phía bắc. Khi gặp lại nhau, Nghị có vẻ xấu hổ nhưng vẫn huyênh hoang. Cả hai thu nhặt tàn quân, kéo về đất Bắc.</p>
Vị trí đoạn trích	Đoạn trích thuộc hồi thứ 14, viết về sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh.
Giá trị nội dung	Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả “ Hoàng Lê nhất thống chí ” đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số

	phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.
<i>Giá trị nghệ thuật</i>	Kể chuyện xen kẽ miêu tả một cách sinh động cụ thể, gây được ấn tượng mạnh.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ:

a) Trước hết Quang Trung là một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán:

- Từ đầu đến cuối đoạn trích, Nguyễn Huệ luôn luôn là con người hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết.
- Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “định thân chinh cầm quân đi ngay”.
- Rồi chỉ trong vòng hơn 1 tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “tể cáo trời đất”, lên ngôi hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc...

b) Đó là một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén:

* Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị hùng hổ kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, vận mệnh đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”, Nguyễn Huệ đã quyết định lên ngôi hoàng đế để chính danh vị, lấy niên hiệu là Quang Trung.

- Việc lên ngôi đã được tính kỹ với mục đích thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài và quan trọng hơn là “để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người”, được dân ủng hộ.

**** Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch và ta:***

- Qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, Quang Trung đã chỉ rõ “đất nào sao ấy”, “người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác”. Ông còn vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân ta, vợ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”.

- Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông từ ngàn xưa như: Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành...

- Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người phù Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính vừa chí tình, vừa nghiêm khắc: “các người đều là những kẻ có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”.

**** Sáng suốt trong việc xét đoán bề tôi:***

- Trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ta thì “quân thua tại tướng” nhưng ông hiểu lòng họ, sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen.

- Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và sử dụng như một vị quân sư “đa mưu túc trí”. Việc Sở và Lân rút chạy Quang Trung cũng đoán là do Nhậm chủ mưu, vừa là để bảo toàn lực lượng, vừa gây cho địch sự chủ quan. Ông đã tính đến việc dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao.

c) Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng:

- Mới khởi binh đánh giặc, chưa giành được tấc đất nào vậy mà vua Quang Trung đã nói chắc như đinh đóng cột “phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”.

- Đang ngồi trên lưng ngựa, Quang Trung đã nói với Nhậm về quyết sách ngoại giao và kế hoạch 10 tới ta hoà bình. Đối với địch, thường thì biết là thắng việc binh đao không thể dứt ngay được vì xỉ nhục của nước lớn còn đó. Nếu “chờ 10 năm nữa ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì chúng”.

d) Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người:

- Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung hoạch định kế hoạch từ 25 tháng chạp đến mùng 7 tháng giêng sẽ vào ăn tết ở Thăng Long, trong thực tế đã vượt mức 2 ngày.

- Hành quân xa, liên tục như vậy nhưng đội quân vẫn chỉnh tề cũng là do tài tổ chức của người cầm quân.

e) Hình ảnh vị vua lẫm liệt trong chiến trận:

- Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa. Ông làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự.

- Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy này, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh những trận thật đẹp, thắng áp đảo kẻ thù.

- Khí thế đội quân làm cho kẻ thù khiếp vía và hình ảnh người anh hùng cũng được khắc hoạ lẫm liệt: trong cảnh “khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì”, nổi bật hình ảnh nhà vua “cưỡi voi đi đốc thúc” với tấm áo bào màu đỏ đã sạm đen khói súng.

-> Hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần; là người tổ chức và là linh hồn của chiến công vĩ đại.

2. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống:

a) Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh:

- Tướng thì “sợ mất mặt, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp... chuồn trước qua cầu phao”.

- Quân thì lúc lâm trận “ai nấy đều rụng rời sợ hãi” xin ra hàng hoặc “bỏ chạy tán loạn, giầy xéo lên nhau mà chết” “đến nổi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa”.

b) Số phận thảm bại của bọn vua tôi phản nước hại dân:

- Lê Chiêu Thống phải chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ đi cầu cạnh van xin, không còn đầu tư cách bậc quân vương.

- Kết cục phải chịu chung số phận bi thảm của kẻ vong quốc: Vội vã cùng mấy bề tôi thân tín “đưa thái hậu ra ngoài”, chạy bán sống bán chết, “luôn mấy ngày không ăn”. Đuối kịp được Tôn Sĩ Nghị chỉ còn biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt”.

***Nhận xét:** Lối kể chuyện xen kẽ miêu tả sinh động, cụ thể, gây ấn tượng mạnh.

Với ý thức tôn trọng sự thực lịch sử và ý thức dân tộc, những người trí thức – các tác giả Ngô Gia Văn Phái đã phản ánh chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, làm nổi bật hình ảnh vua Quang Trung – người anh hùng áo vải, niềm tự hào lớn lao của cả dân tộc.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho đoạn trích:

“ Nửa đêm ngày mùng 3 tháng Giêng, năm Kỷ Dậu (1789) vua Quang Trung tới làng Hạ Hồi, huyện Thượng Phúc, lạng lẽ vây kín làng ấy rồi loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dọ ra để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm lại làm thành một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả hai mươi bức. Đoạn kếm hàng lính khỏe mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành chữ “nhất”, vua Quang Trung cười voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mùng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió Bắc quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam nổi loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình”.

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

Câu 2: Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

Câu 3: Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm.

Câu 4: Tại sao gọi *Hoàng Lê nhất thống chí* là tiểu thuyết lịch sử.

Câu 5: Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí”- Ngô gia văn phái

Câu 2: Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt là tự sự và miêu tả

Câu 3: Ý nghĩa nhan đề tác phẩm:

Hoàng Lê nhất thống chí được viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Không chỉ dừng lại ở đó, cuốn tiểu thuyết này còn viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào những năm 30 cuối thế kỉ XVIII và mấy năm đầu thế kỉ XIX. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.

Câu 4: Hoàng Lê nhất thống chí được coi là cuốn tiểu thuyết lịch sử vì:

- Hoàng Lê nhất thống chí là tác phẩm văn xuôi đầu tiên có quy mô lớn của bộ sử thi. Tác phẩm mang giá trị về văn học và sử học.

- Tác giả tái hiện lại bức tranh xã hội phong kiến đầy biến động cuối thế kỉ XVIII:
- + Trong triều đình, vua chúa tham quan sông sa đọa. Vua tôi Lê Chiêu Thống bán nước, luồn cúi.
- + Đời sống cơ cực của người dân dưới thời Lê mạt: bất ổn, đói khổ.
- + Bên cạnh đó là hình ảnh nghĩa quân Tây Sơn mà nổi bật là hình ảnh người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ trí tuệ sáng suốt, có tài cầm quân, có công đánh đuổi ngoại xâm ra khỏi bờ cõi.

Câu 5: Thái độ của tác giả

- Ca ngợi trí tuệ, chiến lược của vua Quang Trung: tài dụng binh như thần, lăm liệt trong trận chiến...

- Tô thái độ căm ghét, khinh thường trước sự thất bại thảm hại của quân giặc.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Vua Quang Trung cười voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau ra mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán tới nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng ta làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quân huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn...

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

Câu 2: Câu “Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị” nhắc em nhớ tới tác phẩm nào đã học trong chương trình Ngữ văn THCS. Vua Quang Trung muốn khẳng định điều gì qua câu nói trên.

Câu 3: Em hãy giải thích nghĩa của từ “lương tri, lương năng”

Câu 4: Trong đoạn “Đời Hán có Trưng Nữ Vương... các vua truyền ngôi lâu dài” giống với những câu thơ nào của Nguyễn Trãi. Từ đó, em hãy chỉ ra nét tương đồng về tư tưởng, thái độ của Nguyễn Trãi và vua Quang Trung.

Câu 5: Qua đoạn trích em thấy vua Quang Trung hiện lên là người như thế nào?

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên: nghị luận.

Câu 2: Câu “ Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị” gợi nhắc tới hai câu thơ trong bài Sông núi nước Nam tương truyền của Lý Thường Kiệt.

“Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời”

- Câu nói của vua Quang Trung có ý nghĩa khẳng định nền độc lập, tự cường của nước ta, đất nước có ranh giới lãnh thổ rõ ràng, có vua cai trị. Đồng thời đây cũng là câu nói nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược.

Câu 3: Nghĩa của từ “lương tri” và “lương năng”.

Lương tri: Người có lương tâm, biết nhận thức đúng đắn, soi xét đúng sai.

Lương năng: người có tài năng, phẩm cách tốt.

Ý của vua Quang Trung: tất cả các tướng lĩnh, quân sĩ đều là những người biết phải trái, đúng sai, đều là những người có lương tâm, biết yêu nước thương dân.

Vua Quang Trung dùng cách nói này để khích lệ lòng tự tôn dân tộc của quân sĩ.

Câu 4: Trong bài Bình Ngô đại cáo, tác giả Nguyễn Trãi có viết.

“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập.

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau.

Xong hào kiệt đời nào cũng có”

- Điểm tương đồng trong tư tưởng của Nguyễn Trãi với Quang Trung:

+ Khẳng định sự tồn tại độc lập, bình đẳng của nước Nam với phương Bắc.

+ Nước ta đời nào cũng có anh hùng hào kiệt.

+ Tác giả nêu tấm gương sáng, ngợi ca anh hùng hào kiệt trong lịch sử và lên án hành động cướp nước, xâm lược của phương Bắc.

Câu 5:

Vua Quang Trung trong đoạn trích trên:

- Trước hết, vua Quang Trung là người mạnh mẽ, quyết đoán:

+ Nghe tin giặc tới Thăng Long ông vội vã đốc xuất đại binh ra Bắc.

+ Là người sáng suốt, nhạy bén:

Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, ông đã lên ngôi hoàng đế để chính danh ra dẹp giặc.

- Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch, ta.

+ Quang Trung khích lệ tướng lĩnh bằng những những lời nói chân thành, những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập.

- Tầm nhìn chiến lược, ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập của vua Quang Trung đã góp phần làm nên chiến thắng thần tốc đại phá quân Thanh.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ Vua Quang Trung liền gấp rút sau đội quân khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy đều cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái Thú Điều Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại”i.

Câu 1: Các sự việc trong đoạn trích trên được kể theo trình tự như thế nào?

Câu 2: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại”.

Câu 3: Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

Câu 4: Nhận xét về bút pháp tái hiện sự thực lịch sử của các tác giả Hoàng Lê nhất thống chí qua đoạn trích hồi thứ mười bốn.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Các sự việc trên được kể theo trình tự tuyến tính, trình tự thời gian (3/1 - 5/1 tết Kỷ Dậu).

Câu 2: Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “*Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.*”

Biện pháp nói quá trong chi tiết “thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối” nhằm nhấn mạnh tới sự thất bại thảm hại của quân giặc.

Câu 3: Thái độ của tác giả:

- Ca ngợi trí tuệ, chiến lược của vua Quang Trung: tài dụng binh như thần, lẫm liệt trong trận chiến...

- Tỏ thái độ căm ghét, khinh thường trước sự thất bại thảm hại của quân giặc.

Câu 4: Khi các tác giả Ngô Thì, các tác giả chủ ý viết lại lịch sử, không phải sự sáng tạo văn học. Tâm lý này xuất phát từ việc người trung đại xem tiểu thuyết là thứ thấp kém, không có ý nghĩa với việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

- Nhưng Hoàng Lê nhất thống chí là một tác phẩm văn chương đích thực, chính điều này làm nên sự trường tồn của tác phẩm.

- Sự kết hợp giữa sáng tạo, gia công kết hợp giữa ngòi bút chân thực, nghiêm ngặt với bút pháp viết linh hoạt đã giúp người viết tái hiện một thời kì lịch sử dữ dội TK XVIII:

+ Sự kiện lịch sử được ghi chép cụ thể, chính xác với các mốc thời gian, địa điểm, không gian rõ ràng, tạo sự tin cậy cho người đọc.

+ Nhóm tác giả không chỉ dựa trên sự kiện đơn thuần mà còn chỉ ra bản chất của hiện thực, vẫn giữ nguyên lịch sử nhưng lại xây dựng hình tượng chân dung con người đại diện cho cả hai phía.

+ Lời văn miêu tả có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa giọng kể khách quan, đơn sắc của người viết sử với giọng kể đầy xúc cảm của người sáng tạo văn học.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“... Vua Quang Trung cười voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng :

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các người đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị.(....). Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nề ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc (...). Các người đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn.”

Câu 1: Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Tác gia là ai? Em hãy cho biết nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 3: Xác định lời dẫn trong đoạn trích trên và cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 4: Từ đoạn trích trên, em hãy viết một văn bản ngắn (khoảng một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của bản thân về lòng yêu nước của con người Việt Nam.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1:

Câu 2:

- Phương thức biểu đạt chính là tự sự có kết hợp với nghị luận

Câu 3:

- Trích đúng lời dẫn

- Lời dẫn trực tiếp

Câu 4:

a. Yêu cầu về kĩ năng :

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội

- Bố cục và hệ thống ý rõ ràng

- Biết vận dụng nhiều thao tác nghị luận.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi diễn đạt, không sai chính tả, dùng từ, ngữ pháp, trình bày bài rõ ràng.

b. Yêu cầu về nội dung : Trên cơ sở HS bám sát vào văn bản ở trên để nghị luận về lòng yêu nước.

- Mở đoạn : Giới thiệu về lòng yêu nước

- Thân đoạn :

+ Nêu ý nghĩa đoạn trích, giải thích về lòng yêu nước

+ Tìm những biểu hiện của lòng yêu nước

+ Bàn luận – mở rộng về lòng yêu nước

+ Liên hệ bản thân...

- Kết đoạn : Khẳng định lại vấn đề nghị luận, có thể gửi thông điệp đến mọi người.

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>1. Thời đại:</p> <p>Nguyễn Du sinh ra và lớn lên trong một thời đại có nhiều biến động dữ dội(cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX) :</p> <ul style="list-style-type: none">- Xã hội phong kiến Việt Nam khủng hoảng sâu sắc, mẫu thuẫn xã hội trở nên gay gắt, các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực dẫn đến Lê- Trịnh suy tàn.- Phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục, đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã “<i>Một phen thay đổi sơn hà</i>”. Nhưng triều đại Tây Sơn ngắn ngủi, tồn tại khoảng 24 năm thì sụp đổ, <i>triều Nguyễn lên thay</i>. <p>Những thay đổi kinh thiên động địa ấy tác động mạnh tới nhận thức tình cảm của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút của mình vào hiện thực, vào “<i>Những điều trông thấy mà đau đớn lòng</i>”.</p> <p>2. Cuộc đời:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tác giả Nguyễn Du (1765 – 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên- Quê ở làng Tiên Điền – huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh- Ông xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống hiếu học.+ Cha ông là nguyên Nghiêm, từng làm tể tướng 15 năm.+ Anh trai cùng cha khác mẹ- Nguyễn Khản cũng làm đến chức Tham Tụng(ngang với Tể Tướng).- Ông sinh ra và lớn lên ở kinh đô Thăng Long sầm uất, phồn hoa, đô hội.- Sáng tác nhiều tác phẩm chữ Hán và chữ nôm.=> Ngay từ rất sớm, Nguyễn Du đã được tiếp nhận một nền giáo dục tiến bộ của thời đại, cũng như kế thừa được truyền thống văn hóa thi thư của gia đình.- Song tuổi thơ của Nguyễn Du khôn hẳn là bình yên, êm ả mà trải qua khá nhiều thăng trầm, mất mát :+ Năm 10 tuổi ông mồ côi cha.+ Năm 12 tuổi ông mồ côi mẹ.+ Nguyễn Du sống cùng người anh cùng cha khác mẹ là nguyên Khản.- Do những xoay vần, biến động dữ dội của lịch sử, gia đình Nguyễn Du cũng sớm rơi vào sa sút.+ Khi triều Lê- Trịnh sụp đổ, nhà Tây Sơn lên thay, Nguyễn Du phải phiêu bạt 10 năm nơi đất Bắc, rồi về ở ẩn ở Hà Tĩnh. Đây là những năm tháng ông sống trong cảnh nghèo đói, túng bấn.+ Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, nguyên Du bắt buộc phải ra làm quan và giữ nhiều trọng trách quan trọng. Ông hai lần được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc nhưng lần thứ hai, chưa kịp đi thì lâm bệnh nặng rồi mất tại Huế năm 1820.
----------------	---

	<p>=> Cuộc đời Nguyễn Du kinh qua đầy những thăng trầm, biến động. Song, tất cả góp phần tạo nên dấu ấn cho những tác phẩm nổi tiếng và có giá trị sâu sắc của ông.</p> <p>3. Con người :</p> <p>Nguyễn Du có năng khiếu văn học bẩm sinh, ham học, có hiểu biết sâu rộng và từng trải, có vốn sống phong phú với nhiều năm lưu lạc, tiếp xúc với nhiều cảnh đời, nhiều con người số phận khác nhau. Ông từng đi sứ sang Trung Quốc, qua nhiều vùng đất Trung Hoa rộng lớn với nền văn hoá rực rỡ. Tất cả những điều đó đều có ảnh hưởng tới sáng tác của nhà thơ.</p> <p>Nguyễn Du là con người có trái tim giàu lòng yêu thương. Chính nhà thơ đã từng viết trong Truyện Kiều “<i>Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài</i>”. Mộng Liên Đường Chủ Nhân trong lời Tựa Truyện Kiều cũng đề cao tâm lòng của Nguyễn Du với con người, với cuộc đời: “<i>Lời văn tả ra hình như có máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía, ngậm ngùi, đau đớn đến đứt ruột...</i>”. Nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy.</p> <p>4. Về sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tác nhiều tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm. + 3 tập thơ chữ Hán gồm 243 bài. + Tác phẩm chữ Nôm có <i>Văn chiêu hồn</i>, xuất sắc nhất là <i>Đoạn trường tân thanh</i> thường gọi là Truyện Kiều. <p>Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du không phải quá đồ sộ về mặt số lượng, song nó đã kết tinh được những tinh hoa văn hóa thời đại để trở thành đỉnh cao của văn học dân tộc nói riêng và nhân loại nói chung.</p>
Hoàn cảnh sáng tác	Sáng tác vào thế kỷ XIX (1805-1809)
Xuất xứ	<p>- Truyện Kiều Nguyễn Du được viết vào khoảng đầu thế kỉ XIX(1805- 1809). Nó là tác phẩm tiêu biểu nhất của thể loại thơ Nôm được viết bằng thơ lục bát, gồm 3254 câu.</p> <p>- Truyện dựa theo cốt truyện <i>Kim Vân Kiều truyện</i> của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Tuy nhiên phần sáng tạo của Nguyễn Du là hết sức lớn, mang ý nghĩa quyết định thành công của tác phẩm</p>
Thể loại	Truyện Nôm : loại truyện thơ viết bằng chữ Nôm. Truyện có khi được viết bằng thể thơ lục bát. Có hai loại truyện Nôm: <i>truyện nôm bình dân</i> hầu hết không có tên tác giả, được viết trên cơ sở truyện dân gian; <i>truyện Nôm bác học</i> phần nhiều có tên tác giả, được viết trên cơ sở cốt truyện có sẵn của văn học Trung Quốc hoặc do tác giả sáng tạo ra. Truyện Nôm phát triển mạnh mẽ nhất ở nửa cuối thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX.
Tóm tắt	<p>a. Phần thứ nhất : Gặp gỡ và đính ước.</p> <p>Vương Thuý Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, con gái đầu lòng một gia đình trung lưu lương thiện, sống trong cảnh "êm đềm trướng rủ màn che" bên cạnh cha mẹ và hai em là Thuý Vân, Vương Quan. Trong buổi du xuân nhân tiết Thanh minh, Kiều gặp chàng Kim Trọng "phong tư tài mạo tót vời". Giữa hai người chớm nở một mối</p>

	<p>tình đẹp. Kim Trọng dọn đến ở trọ cạnh nhà Thuý Kiều. Nhân trả chiếc thoa rơi, Kim Trọng gặp Kiều bày tỏ tâm tình. Hai người chủ động, tự do đính ước với nhau.</p> <p>b. Phần thứ hai : Gia biến và lưu lạc</p> <p>Trong khi Kim Trọng về Liêu Dương chịu tang chú, gia đình Kiều bị mắc oan. Kiều nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng còn nàng thì bán mình chuộc cha. Nàng bị bọn buôn người là Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh lừa gạt, đẩy vào lầu xanh. Sau đó, nàng được Thúc Sinh – một khách làng chơi hào phóng – cứu vớt khỏi cuộc đời kỹ nữ. Nhưng rồi nàng lại bị vợ cả của Thúc Sinh là Hoạn Thư ghen tuông, đầy đoạ. Kiều phải trốn đến nương nhờ nơi cửa Phật. Sư Giác Duyên vô tình gửi nàng cho Bạc Bà - một kẻ buôn người như Tú Bà, nên Kiều lần thứ hai rơi vào lầu xanh. Tại đây, nàng gặp Từ Hải, một anh hùng đội trời đạp đất. Từ Hải lấy Kiều, giúp nàng báo ân báo oán. Do mắc lừa quan tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến. Từ Hải bị giết. Kiều phải hầu đàn hầu rượu Hồ Tôn Hiến rồi ép gả cho viên thổ quan. Đau đớn, tủi nhục, nàng trẫm mình ở sông Tiền Đường và được sư Giác Duyên cứu, lần thứ hai Kiều nương nhờ cửa Phật.</p> <p>c. Phần thứ ba: Đoàn tụ:</p> <p>Sau nửa năm về chịu tang chú, Kim Trọng trở lại tìm Kiều. Hay tin gia đình Kiều gặp tai biến và nàng phải bán mình chuộc cha, chàng vô cùng đau đớn. Tuy kết duyên với Thuý Vân nhưng chàng vẫn không thể quên mối tình đầu say đắm. Chàng quyết cất công lặn lội đi tìm Kiều. Nhờ gặp được sư Giác Duyên mà Kim, Kiều tìm được nhau, gia đình đoàn tụ. Chiều theo ý mọi người, Thuý Kiều nối lại duyên cũ với Kim Trọng nhưng cả hai cùng nguyện ước “Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy”.</p>
Ý nghĩa nhan đề	<p>Truyện Kiều có 2 tên chữ bán và 1 tên chữ nô.</p> <p>- Tên chữ hán: Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân: tên của 3 nhân vật trong truyện: Kim Trọng, Thuý Vân, Thuý Kiều.</p> <p>Đoạn trường tân thanh: tiếng kêu mới về nỗi đau thương đứt ruột: bộc lộ chủ đề tác phẩm (tiếng kêu cứu cho số phận người phụ nữ).</p> <p>- Tên chữ nô: Truyện Kiều: Tên nhân vật chính - Thuý Kiều (do nhân dân đặt).</p>
Giá trị nội dung	<p>Từ câu chuyện tình ở Trung Quốc đời Minh biến thành một khúc ca đau lòng thương người bạc mệnh (vượt xa Thanh Tâm Tài Nhân ở tinh thần nhân đạo).</p>
Giá trị nghệ thuật	<p>+ Thể loại: Chuyển thể văn xuôi thành thơ lục bát – thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc gồm 3254 câu.</p> <p>+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả thiên nhiên, đặc biệt là bút pháp tả cảnh ngụ tình.</p> <p>+ Ngôn ngữ: Truyện Kiều đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật.</p>

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM+ LUYỆN ĐỀ :

I. Đoạn trích "*Chị em Thuý Kiều*":

1. Vị trí đoạn trích :

Vị trí đoạn trích “*Chị em Thuý Kiều*”: nằm ở phần mở đầu của phần thứ nhất: **gặp gỡ và đính ước**. Khi giới thiệu gia đình Thuý Kiều, tác giả tập trung miêu tả tài sắc hai chị em thuý vân, Thuý Kiều.

2. Bố cục đoạn trích: 4 phần

- + Bốn câu đầu: giới thiệu khái quát hai chị em Thuý Kiều.
- + Bốn câu tiếp: gọi tả vẻ đẹp Thuý Vân.
- + Mười hai câu còn lại: gọi tả vẻ đẹp Thuý Kiều.
- + Bốn câu cuối: nhận xét chung về cuộc sống của hai chị em.

3. Giá trị nội dung và nghệ thuật:

Giá trị nội dung “Chị em Thuý Kiều” là khắc hoạ rõ nét chân dung tuyệt mỹ của chị em Thuý Kiều, ca ngợi vẻ đẹp, tài năng và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh của Thuý Kiều là biểu hiện của cảm hứng nhân văn ở Nguyễn Du.

Giá trị nghệ thuật: Thuý Kiều, Thuý Vân và nhân vật chính diện, thuộc kiểu nhân vật lý tưởng trong Truyện Kiều. Để khắc hoạ vẻ đẹp của nhân vật lý tưởng, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ - lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm nổi bật vẻ đẹp của con người. Nhà văn không miêu tả chi tiết cụ thể mà chủ yếu là tả đề gọi. Sử dụng biện pháp đòn bẩy làm nổi bật hình ảnh Thuý Kiều.

4. Phân tích :

a. Bốn câu đầu: giới thiệu khái quát về nhân vật.

Với bút pháp ước lệ, tác giả đã gọi được vẻ thanh cao, duyên dáng, trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em Thuý Kiều: “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần*” cốt cách như mai, tinh thần như tuyết. Đó là vẻ đẹp hoàn hảo mang tính hình thể, tâm hồn cả hai đều đẹp “mười phần vẹn mười” nhưng mỗi người lại mang vẻ đẹp riêng.

b. Bốn câu tiếp theo: miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân.

- Câu thơ mở đầu vừa giới thiệu Thuý Vân vừa khái quát vẻ đẹp của nhân vật. Hai chữ “trang trọng” gọi vẻ cao sang, quý phái.

- Với bút pháp nghệ thuật ước lệ, vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời, trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc. Bằng thủ pháp liệt kê chân dung Thuý Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt, nét mày, làn da, mái tóc đến nụ cười, giọng nói, phong thái ứng xử nghiêm trang, đứng đắn. Mỗi chi tiết được miêu tả cụ thể hơn nhờ bổ ngữ, định ngữ, hình ảnh so sánh ẩn dụ.

- Tác giả đã vẽ nên bức chân dung Thuý Vân bằng nghệ thuật so sánh ẩn dụ và ngôn ngữ thơ chọn lọc, chau chuốt: khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, tươi sáng như mặt trăng; lông mày sắc nét như con ngài; miệng cười tươi thắm như hoa; giọng nói trong trẻo thoát ra từ hàm răng ngà ngọc; mái tóc đen óng ả hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết (*khuôn trăng... màu da*).

- Chân dung Thuý Vân là chân dung mang tính cách, số phận. Vân đẹp hơn những gì mỹ lệ nhất của thiên nhiên nhưng tạo sự hoà hợp êm đềm với xung quanh: mây thua, tuyết nhường. Thuý Vân hẳn có một tính cách ung dung, điềm đạm, một cuộc đời bình yên không sóng gió.

c. 12 câu tiếp theo: tả vẻ đẹp và tài hoa của Kiều.

- Câu thơ đầu đã khái quát đặc điểm của nhân vật: “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*”. Nàng sắc sảo về trí tuệ và mặn mà về tâm hồn.

- Gọi tả vẻ đẹp của Kiều tác giả vẫn dùng những hình tượng ước lệ: thu thủy, xuân sơn, hoa, liễu. Đặc biệt khi hoạ bức chân dung Kiều, tác giả tập trung gọi tả vẻ đẹp đôi mắt. Hình ảnh “*Làn thu thủy, nét xuân sơn*” là hình ảnh mang tính ước lệ, đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ, gọi lên một đôi mắt đẹp trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét mùa xuân. Đôi mắt đó là cửa sổ tâm hồn, thể hiện phần tinh anh của tâm hồn, trí tuệ. Tả Kiều, tác giả không cụ thể như khi tả Vân mà chỉ đặc tả đôi mắt theo lối điểm nhãn - vẽ hồn cho nhân vật, gọi lên vẻ đẹp chung của một trang giai nhân tuyệt sắc. Vẻ đẹp ấy làm cho hoa ghen, liễu hờn, nước nghiêng thành đổ. Nguyễn Du không miêu tả

trực tiếp nhân vật mà miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê trước vẻ đẹp đó, cho thấy đây là vẻ đẹp có chiều sâu, có sức quyến rũ, cuốn hút lạ lùng.

- Vẻ đẹp tiềm ẩn phẩm chất bên trong cao quý, cái tài, cái tình đặc biệt của Kiều. Tả Thúy Vân chỉ tả nhan sắc, còn tả Thúy Kiều, tác giả tả sắc một phần thì dành hai phần để tả tài. Kiều rất mực thông minh và đa tài "*Thông minh vốn sẵn tính trời*". Tài của Kiều đạt đến mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, hội đủ cầm, kỳ, thi, họa "*Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm*".

Tác giả đặc tả tài đàn – là sở trường, năng khiếu, nghề riêng của nàng "*Cung thương lầu bạc ngũ âm, Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương*". Không chỉ vậy, nàng còn giỏi sáng tác nhạc. Cung đàn Bạc mệnh của Kiều là tiếng lòng của một trái tim đa sầu đa cảm "*Khúc nhà tay lựa nên chương, Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân*".

Tả tài, Nguyễn Du thể hiện được cả cái tình của Kiều.

- Chân dung Thúy Kiều là bức chân dung mang tính cách và số phận. Vẻ đẹp khi cho tạo hoá phải ghen ghét, các vẻ đẹp khác phải đố kị, tài hoa trí tuệ thiên bẩm "lại bạc" đủ mùi, cả cái tâm hồn đa sầu đa cảm khiến Kiều không thể tránh khỏi định mệnh nghiệt ngã, số phận éo le, gian khổ bởi "*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*". "*Trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen*". Cuộc đời Kiều hẳn là cuộc đời hồng nhan bạc mệnh.

* Có thể nói tác giả đã rất tinh tế khi miêu tả nhân vật Thúy Kiều: Tác giả miêu tả chân dung Thúy Vân trước để làm nổi bật chân dung Thúy Kiều, ca ngợi cả hai nhưng đậm nhạt khác nhau ở mỗi người: chỉ dành bốn câu thơ để tả Vân, trong đó dành tới 12 câu thơ để tả Kiều, Vân chỉ tả nhan sắc, Kiều cả tài, sắc, tình đều đặc đặc tả. Đó chính là thủ pháp đòn bẩy.

d. 4 câu cuối: nhận xét chung về cuộc sống hai chị em Thúy Kiều.

- Họ sống phong lưu, khuôn phép, đức hạnh, theo đúng khuôn khổ của lễ giáo phong kiến. Tuy cả hai đều đã đến tuổi búi tóc cài trâm nhưng vẫn "*trường rừ màn che, tường đông ong bướm đi về mặc ai*".

- Hai câu cuối trong sáng, đầm thắm như chớ che, bao bọc cho hai chị em hai bồn hoa vẫn còn phong nhụy trong cảnh "*Ếm đêm trường rừ màn che*".

Tóm lại, đoạn trích đã thể hiện bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du khắc hoạ nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển.

5. Luyện đề :

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du có viết:

"*Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*"

"*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*"

(Trích *Truyện Kiều*- Nguyễn Du)

Câu 1: Câu thơ trên được trích từ đoạn trích nào của Truyện kiều, nêu vị trí của đoạn trích đó ?

Câu 2: Hai câu thơ trên, mỗi câu nói về nhân vật nào?

Câu 3: Hai cách miêu tả sắc đẹp của hai nhân vật ấy có gì giống và khác nhau? Sự khác nhau ấy có liên quan gì đến tính cách và số phận của mỗi nhân vật?

Câu 4: Từ câu chủ đề sau: “Khác với Thúy Vân, Thúy Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc”. Hãy viết tiếp khoảng 10 câu văn để hoàn thành một đoạn văn theo cách Tổng hợp – Phân tích - Tổng hợp.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1:

Hai câu thơ trên được trích từ văn bản “Chị em Thúy Kiều”.

Đoạn trích nằm ở phần mở đầu của phần gập gờ và đỉnh ước.

Câu 2: Hai câu thơ trên, câu đầu nói về Thúy Vân, câu sau nói về Thúy Kiều.

Câu 3:

- **Giống nhau:** Tả nhan sắc hai nàng như vậy là Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một bút pháp quen thuộc của thơ ca cổ điển – dùng để tả nhân vật chính diện – lấy cái đẹp của tự nhiên để so sánh hoặc ngầm ví với cái đẹp của nhân vật. Từ đó tôn vinh cái đẹp của nhân vật. Ta dễ dàng hình dung nhan sắc của mỗi người. Thúy Vân tóc mượt mà, óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Còn Thúy Kiều, vẻ tươi thắm của nàng đến hoa cũng phải ghen, đến liễu phải hờn.

- **Khác nhau:**

Tả Thúy Vân

Tác giả miêu tả Thúy Vân cụ thể từ khuôn mặt, nét mày, màu da, nước tóc, miệng cười, tiếng nói để khắc họa một Thúy Vân đẹp, đoan trang, phúc hậu.

Tả Thúy Kiều

Nêu ấn tượng tổng quát (sắc sảo, mặn mà), đặc tả đôi mắt. Miêu tả tác động về đẹp của Thúy Kiều. Vẻ đẹp sắc sảo, thông minh của Thúy Kiều làm cho hoa, liễu phải hờn ghen, làm cho nước, thành phải nghiêng đổ. Tác giả miêu tả nét đẹp của Kiều là để gợi tả vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.

- Thông điệp nghệ thuật: Qua cái đẹp ấy, tác giả còn dự báo cho số phận của mỗi người. Thúy Vân đẹp đoan trang, phúc hậu, sẽ có một số phận may mắn, hạnh phúc. Còn Thúy Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà sẽ có số phận đầy giông tố, bất hạnh.

Câu 4:

*** Đoạn văn tham khảo :**

(1) **Khác với Thúy Vân, Thúy Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc.**

(2) Vẻ đẹp ấy được gợi tả qua đôi mắt Kiều, bởi đôi mắt là sự thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ.

(3) Hình ảnh ước lệ “làn thu thủy” – làn nước mùa thu gợn sóng gợi lên thật sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt.

(4) Còn hình ảnh ước lệ “nét xuân sơn” – nét núi mùa xuân lại gợi lên đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung.

(5) Vẻ đẹp quá hoàn mỹ và sắc sảo của Kiều có sức quyến rũ lạ lùng khiến thiên nhiên không thể dễ dàng chịu thua, chịu nhường mà phải nảy sinh lòng đố kỵ, ghen ghét ố báo hiệu lành ít, dữ nhiều- “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”.

(6) Không chỉ mang một vẻ đẹp “nghiêng nước, nghiêng thành”, Kiều còn là một cô gái thông minh và rất mực tài hoa:

“Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bậc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”

- (7) Tài của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, gồm đủ cả cầm (đàn), kỳ (cờ), thi (thơ), hoạ (vẽ).
- (8) Đặc biệt nhất vẫn là tài đàn của nàng, đã là sở trường, năng khiếu (nghề riêng), vượt lên trên mọi người (ăn đứt).
- (9) Đặc tả cái tài của Kiều cũng là để ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng: Cung đàn “bạc mệnh” mà Kiều tự sáng tác nghe thật da diết buồn thương, ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm.
- (10) Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc – tài – tình. Tác giả dùng thành ngữ “nghiêng nước, nghiêng thành” để cực tả giai nhân, đồng thời là lời ngợi ca nhân vật.
- (11) Chân dung của Thúy Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải ghen ghét, phải đố kỵ “hoa ghen, liễu hờn” nên số phận nàng sẽ éo le, đau khổ.
- (12) **Như vậy, chỉ bằng mấy câu thơ trong đoạn trích, Nguyễn Du đã không chỉ miêu tả được nhân vật mà còn dự báo được trước số phận của nhân vật; không những truyền cho người đọc tình cảm yêu mến nhân vật mà còn truyền cả nỗi lo âu pháp phông về tương lai số phận nhân vật.**

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho câu thơ:

"Vân xem trang trọng khác vời"

Câu 1: Hãy chép tiếp 3 câu thơ tiếp theo.

Câu 2: Phân tích biện pháp nghệ thuật sử dụng trong câu thơ: *"Hoa cười ngọc thốt đoan trang"*.

Câu 3: Viết đoạn văn theo phương thức quy nạp (10 câu) nêu cảm nhận về vẻ đẹp của Thúy Vân trong đoạn trích vừa chép thơ. Trong bài viết có sử dụng lời dẫn trực tiếp và phép nối.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da*

Câu 2: Biện pháp ước lệ tượng trưng trong câu thơ “Hoa cười ngọc thốt đoan trang”. Vẻ đẹp của Vân được so sánh với những điều đẹp đẽ nhất của tự nhiên: hoa, ngọc.

Thúy Vân hiện lên với vẻ đẹp nền nã, hiền dịu, quý phái.

Câu 3:

*** Đoạn văn tham khảo :**

(1) Câu thơ mở đầu đoạn khái quát vẻ đẹp của nhân vật, hai chữ “sang trọng” gợi vẻ cao sang, quý phái.

(2) Nghệ thuật ước lệ tượng trưng, vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc.

- (3) Thúy Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt tới làn da, mái tóc, nụ cười, giọng nói.
- (4) Tác giả sử dụng những từ ngữ trau chuốt, chọn lọc: khuôn mặt phúc hậu, đầy đặn, tươi sáng như trăng tròn.
- (5) Chân dung Thúy Vân là chân dung mang tính cách số phận.
- (6) Vân đẹp hơn những vẻ đẹp trong tự nhiên.
- (7) Vẻ đẹp của nàng khiến tự nhiên “thua”, “nhường” dự báo cuộc đời êm đềm, không sóng gió.
- (9) *Có thể nói, với bút pháp ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã làm hiện lên hình ảnh nàng Thúy Vân có vẻ đẹp hài hòa với thiên nhiên, dự báo trước được cuộc đời êm đềm, suôn sẻ của nàng.*

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Cho đoạn thơ sau:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một tài đành họa hai
Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân*

Câu 1: Em hiểu thế nào về hình tượng “*thu thủy*”, “*xuân sơn*”. Cách nói “*làn thu thủy, nét xuân sơn*” là cách nói ẩn dụ hay hoán dụ? Vì sao?

Câu 2: Dụng ý của tác giả trong câu “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*”? Theo em có nên thay thế từ “*hờn*” bằng từ “*buồn*” được không?

Câu 3: Qua cung đàn của Thúy Kiều (ở câu thơ cuối đoạn trích) em hiểu thêm gì về nhân vật này?

Câu 4: Qua đoạn trích, tác giả Nguyễn Du bày tỏ tình cảm gì với nàng Kiều?

Câu 5: Chép chính xác một câu thơ trong bài thơ em đã học trong chương trình ngữ văn THCS nói về vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Câu 6: Viết đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu để phân tích nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích. Trong đoạn trích có sử dụng câu ghép và phép thế.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1:

- Thu thủy: làn nước mùa thu.
- Xuân sơn: nét núi mùa xuân.

Cả câu thơ sử dụng hình ảnh mang tính ước lệ và biện pháp ẩn dụ gợi lên đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét núi mùa xuân.

Câu 2:

- Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp của một trang tuyệt thế giai nhân, vẻ đẹp khiến “hoa ghen”, “liễu hờn”.
- Nguyễn Du không miêu tả nhân vật mà miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê vẻ đẹp đó.
- Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp có sức hút, chiều sâu đến lạ lùng.
- Không thể thay thế từ “hờn” bằng từ “buồn” bởi từ “buồn” không làm nổi bật được tính chất hờn ghen hiểm họa của tự nhiên trước vẻ đẹp của Thúy Kiều.

Câu 3:

Cung đàn của nàng Kiều là “cung thương lầu bạc ngũ âm” - cung đàn bạc mệnh của Kiều là tiếng của trái tim đa cảm.

- Tâm hồn Kiều đa sầu đa cảm khiến Kiều không thể tránh khỏi số phận nghiệt ngã, éo le, gian khổ của bởi “chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” và trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

Câu 4:

- Tác giả ngợi ca vẻ đẹp của Thúy Kiều - một trang tuyệt thế giai nhân có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành.
- Tác giả cũng bày tỏ sự thương xót, lo lắng trước vận mệnh của Thúy Kiều.
- Một trong những biểu hiện của cảm hứng nhân đạo ấy là đoạn trích ca ngợi đề cao những giá trị, phẩm chất con người như nhan sắc, tài hoa, nhân phẩm, khát vọng, ý thức về nhân phẩm, thân phận.

Câu 5:

Câu thơ nói về vẻ đẹp của người phụ nữ xã hội phong kiến:

“Thân em vừa trắng lại vừa tròn”

(Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương)

Câu 6:

Viết đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu để phân tích nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích. Trong đoạn trích có sử dụng câu ghép và phép thế.

*** Đoạn văn tham khảo:**

- (1) Đoạn trích Chị em Thúy Kiều thể hiện bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du, khắc họa nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển.
- (2) Tác giả sử dụng bút pháp tượng trưng để gợi tả vẻ đẹp nhan sắc, tài năng, tâm hồn, qua mỗi bức chân dung đều gửi gắm những dự báo về cuộc đời và số phận.
- (3) Qua hai bức chân dung về Thúy Vân và Thúy Kiều, tác giả đều thể hiện thái độ trân trọng ngợi ca nhưng ông ưu ái dành nhiều câu thơ miêu tả bức chân dung của Thúy Kiều nổi bật cả về nhan sắc và tài năng.

(4) Cái tài của tác giả là từ việc miêu tả ngoại hình nhân vật làm hiện lên vẻ đẹp về tính cách và tâm hồn đằng sau những tín hiệu ngôn ngữ là dự báo về số phận con người.

(5) Thúy Vân: vẻ đẹp khiến tự nhiên nhường nhịn nên nàng chắc chắn cuộc đời nàng êm đềm.

(6) Thúy Kiều: vẻ đẹp khiến tự nhiên danh ghét, ghen tị, chắc chắn cuộc đời gặp nhiều sóng gió, gập ghềnh.

(7) Tác giả sử dụng những hình ảnh tươi đẹp nhất, ngôn từ hoa mỹ để xây dựng, miêu tả vẻ đẹp của con người đạt tới mức lý tưởng.

(8) Đó cũng chính là cảm hứng nhân đạo cao cả xuất phát từ tấm lòng đồng cảm với mọi người.

- **Câu ghép:** Qua hai bức chân dung về Thúy Vân và Thúy Kiều, tác giả đều thể hiện thái độ trân trọng ngợi ca nhưng ông ưu ái dành nhiều câu thơ miêu tả bức chân dung của Thúy Kiều nổi bật cả về nhan sắc và tài năng.

- **Phép thế:** Nguyễn Du- tác giả.

II. Đoạn trích "*Cảnh ngày xuân*":

1. Vị trí: "*Cảnh ngày xuân*" là đoạn thơ tả cảnh ngày mùa xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của chị em Kiều, nằm sau đoạn tả tài sắc hai chị em Kiều, trước đoạn Kiều gặp nấm mộ Đạm Tiên và gặp Kim Trọng. Đoạn trích là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, náo nhiệt.

2. Bố cục đoạn trích: theo trình tự thời gian của cuộc du xuân.

+ Bốn câu đầu: Khung cảnh ngày xuân.

+ Tám câu tiếp: khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.

+ Sáu câu cuối: cảnh chị em Kiều du xuân trở về.

3. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật.

Giá trị nội dung của "*Cảnh ngày xuân*": là bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp, trong sáng và lễ hội mùa xuân tưng bừng, náo nhiệt.

Giá trị nghệ thuật: sử dụng nhiều hình ảnh đắt giá, sáng tạo; nhiều từ láy miêu tả cảnh vật và cũng là tâm trạng con người; bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình.

4. Phân tích:

a. Bốn câu thơ đầu: Tác giả miêu tả cảnh vật với vẻ đẹp riêng của mùa xuân.

- Hai câu đầu là hình ảnh khái quát về một ngày xuân tươi đẹp với hình ảnh cánh én chao liệng trên bầu trời thanh bình tràn ngập ánh xuân tươi tắn trong sáng. Đồng thời, nhà thơ cũng gợi ý ngày xuân qua nhanh quá nhưng "*con én đưa thoi*", chín mươi ngày xuân mà nay "*đã ngoài sáu mươi*".

- **Hai câu thơ tiếp theo** mới thực là bức tranh tuyệt mỹ: "*Cỏ non xanh tận chân trời - Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*". Đây chỉ là chân dung của cảnh ngày xuân, chỉ giản đơn có cỏ xanh, hoa trắng mà đủ cảnh, đủ màu, làm hiện lên cả một không gian mùa xuân kháng đạt. Ở đây, Nguyễn Du học tập hai câu thơ cổ Trung Quốc: "*Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sổ điểm hoa*", nhưng khi đưa vào bài thơ của mình, tác giả đã rất sáng tạo. Câu thơ Trung Quốc dùng hình ảnh "*cỏ thơm*" (phương thảo) thiên về mùi vị thì Nguyễn Du thay bằng "*cỏ xanh*" thiên về màu sắc. Đó là màu xanh nhạt pha với vàng chanh tươi tắn hợp với màu lam trong snág của nền trời buổi chiều xuân làm thành gam nền cho bức tranh, trên đó điểm xuyết những đốm trắng hoa lê. Bức tranh dung hoà những sắc độ lạnh mà bên trong vẫn rạo rực

sức sống tươi mới của mùa xuân. Chữ “trắng” đảo lên trước tạo bất ngờ sự mới mẻ, tinh khôi, thanh khiết như kết tinh những tinh hoa của trời đất. Chữ “điểm” gọi bàn tay người họa sĩ vẽ nên thơ nên hoa, bàn tay tạo hoá tô điểm cho cảnh xuân tươi, làm bức tranh trở nên có hồn, sống động.

- Hai câu thơ tả cảnh thiên nhiên của Nguyễn Du quả là tuyệt bút! Ngòi bút của Nguyễn Du tài hoa, giàu chất tạo hình ngôn ngữ biểu cảm, gọi tả. Tác giả đã rất thành công trong bút pháp nghệ thuật kết hợp giữa tả và gọi. Qua đó, ta thấy tâm hồn con người tươi vui, phấn chấn qua cái nhìn thiên nhiên trong trẻo, tươi tắn, hồn nhiên, nhạy cảm tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên.

b. Sáu câu thơ cuối: gọi tả khung cảnh chị em Thuý Kiều du xuân trở về.

- Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân: nắng nhạt, khe nước nhỏ, một nhịp cầu bắc ngang nhưng đã nhuộm màu tâm trạng.

- Bóng tịch dương đã chênh chếch xế chiều: “*Tà tà bóng ngả về tây*”, dòng nước uốn quanh. Nhưng đây không chỉ là hoàng hôn của cảnh vật mà dường như con người cũng chìm trong một cảm giác băng khuâng khó tả. Cuộc du ngoạn xuân cảnh đã tàn, lễ hội tung bừng, náo nhiệt đã chấm dứt, tâm hồn con người như cũng chuyển điệu cùng cảnh vật, bước chân người thơ thẩn. Cảnh như nhạt dần, lặng dần, mọi chuyển động đều nhẹ nhàng, không gian mang dáng dấp nhỏ nhoi, bé hẹp, phẳng phất buồn. Tâm trạng con người có cái băng khuâng xao xuyến về cuộc du xuân đã tàn, có cả linh cảm về việc gặp gỡ năm mộ Đạm Tiên và chàng thư sinh Kim Trọng “phong tư tài mạo tót vời”.

- **Nghệ thuật:** sử dụng nhiều từ láy như *nao nao, tà tà, thanh thanh* không chỉ biểu đạt sức thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người, đặc biệt hai chữ “nao nao” thoáng gọi nên một nét buồn khó hiểu. Hai chữ “thơ thẩn” có sức gợi rất lớn, chị em Kiều ra về trong sự bần thần, nuối tiếc, lặng buồn. “*Dan tay*” tưởng là vui nhưng thực ra là chia sẻ cái buồn không nói hết. Cảm giá băng khuâng xao xuyến về một ngày vui xuân đã hé mở một vẻ đẹp tâm hồn thiếu nữ tha thiết với niềm vui cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng. Chính các từ này đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật.

Đoạn thơ còn hay bởi đã sử dụng bút pháp cổ điển: tả cảnh gắn với tả tình, tả cảnh ngụ tình, tình và cảnh tương hợp.

Tóm lại:

- Đoạn 4 câu đầu và 6 câu cuối bài “*Cảnh ngày xuân*”, Nguyễn Du đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên mùa xuân thật đẹp. Nhà thơ điểm vài chi tiết, tả cảnh để gợi là chính.

- Từ ngữ hình ảnh giàu chất tạo hình.

- Thiên nhiên được miêu tả trong những thời gian, thời điểm khác nhau.

5. Luyện đề:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho đoạn thơ sau:

*Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Câu 1: Đoạn thơ trên sử dụng kết hợp những phương thức biểu đạt nào, em hãy nêu tác dụng của cách kết hợp đó.

Câu 2: Hình ảnh “con én đưa thoi” gợi cho em điều gì? Chép chính xác câu thơ có sử dụng hình ảnh “thoi” ghi rõ tên bài thơ và tên tác giả.

Câu 3: Qua câu thơ “*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*” gợi lên thời điểm nào của mùa xuân? Qua đó tác giả muốn thể hiện cảm xúc gì?

Câu 4: Câu thơ “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa” sử dụng biện pháp tu từ nào? Chỉ ra tác dụng của biện pháp ấy tới việc thể hiện nội dung.

Câu 5: Nếu thay thế từ “tận” bằng từ “rợn” thì ý nghĩa của câu thơ thay đổi không? Vì sao?

Câu 6: Hai câu thơ cổ Trung Quốc: “Phương thảo liên thiên bích/ Lê chi sở điểm hoa”.

Hãy so sánh với hai câu thơ của Nguyễn Du khi miêu tả về vẻ đẹp của mùa xuân.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Đoạn thơ trên sử dụng phương thức miêu tả và tự sự.

+ Miêu tả: không gian, màu sắc, ánh sáng tươi đẹp, đặc trưng của mùa xuân.

+ Tự sự: Kể về sự việc, sự vật trong những ngày tháng 3 - tiết Thanh Minh, thời gian trôi nhanh, sắp kết thúc mùa xuân.

Câu 2:

- Hình ảnh “con én đưa thoi” ý nói: thời gian trôi nhanh, chín mươi ngày mà nay đã qua sáu mươi ngày.

- Câu thơ có sử dụng hình ảnh thoi:

Cá thu biển Đông như đoàn thoi

(Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận)

Câu 3:

Qua câu thơ: Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi, gọi lên thời gian Tiết Thanh minh trong mùa xuân.

Tác giả cảm thấy nuối tiếc, ngỡ ngàng trước sự chảy trôi nhanh chóng của thời gian.

Câu 4:

Câu thơ “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa” sử dụng bút pháp gợi tả và biện pháp nhân hóa.

Trên nền trời xanh lam trong sáng của chiều xuân được điểm xuyết những đốm trắng của hoa lê.

+ Chữ “trắng” được đảo lên trước tạo sự mới mẻ tinh khôi, thanh khiết, kết tinh những tinh hoa của trời đất.

+ Chữ “điểm” nhấn mạnh, gợi hình ảnh bàn tay người họa sĩ tạo nên những điểm chấm phá cho bức tranh cảnh mùa xuân.

→ Câu thơ đắt giá, diễn tả vẻ đẹp tự nhiên bình dị, trong trẻo và giàu sức sống của mùa xuân.

Câu 5: Nếu thay từ “tận” bằng từ “rợn” thì ý nghĩa của câu thơ sẽ thay đổi hoàn toàn.

+ Từ tận mở ra không gian bao la ngút ngàn tới hút tầm mắt, tạo cảm giác mê mông khoáng đạt.

+ Từ rợn sẽ khiến không gian bị thu hẹp có vẻ huyền bí, không tạo được vẻ khoáng đạt cho không gian.

Câu 6:

Hai câu thơ cổ của Trung Quốc sử dụng hình ảnh cỏ thơm (phương thảo) trong khi câu thơ của Nguyễn Du lại thiên về việc tả màu sắc, gợi hình ảnh.

Bức tranh mùa xuân mà tác giả tạo ra mang màu sắc độc đáo, dung hòa giữa sắc độ lạnh trong sáng của nền trời buổi chiều xuân, làm thành gam nền cho bức tranh. Sự phối màu giữa nền và khung cảnh chính của bức tranh mang lại cảm nhận mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, mùa xuân trở nên có hồn và sống động hơn.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho đoạn thơ sau:

*Tà tà bóng ngả về Tây
Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang*

Câu 1: Câu thơ “Tà tà bóng ngả về tây” gợi đến khoảng thời gian nào trong ngày? Việc đó có tác dụng gì?

Câu 2: Các từ láy được sử dụng trong bài là những từ láy nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ láy đó.

Câu 3: Giải thích nghĩa của từ Tiểu khê trong câu “Bước dần theo ngọn tiểu khê”.

Câu 4: Trong câu thơ: “Nao nao dòng nước uốn quanh”. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

Câu 5: Theo em, bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du có gì đặc sắc?

Câu 6: Cảm nhận bức tranh phong cảnh được miêu tả trong 6 câu thơ cuối bài Cảnh ngày xuân.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Câu thơ “Tà tà bóng ngả về tây” gợi tả thời gian chệnh chênh xế chiều, đó là thời gian trong văn học gợi nỗi buồn.

- Việc tả cảnh hoàng hôn khi cảnh vật đang đi vào hoạt động nghỉ ngơi, tĩnh lặng, dường như con người cũng đi vào trạng thái băng khuâng, trống trải khó tả.

- Tâm trạng con người cũng biến chuyển theo sự biến chuyển của thời gian.

- Buổi chiều sẽ gợi lên trong lòng người tâm trạng buồn man mác.

Câu 2:

Các từ láy được sử dụng trong bài: *thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ* để gợi tả sắc thái cảnh vật cũng như tâm trạng của con người.

Đặc biệt từ láy “nao nao” gợi nên nét buồn khó hiểu, không thể gọi tên.

+ “*Thơ thẩn*”: tâm trạng nuối tiếc khi tan hội trong sự bần thần, lảng buồn.

→ Cảm giác buồn, băng khuâng xao xuyến một ngày vui xuân đã hé mở một vẻ đẹp tâm hồn, thiếu nữ tha thiết với vẻ đẹp của tạo vật, niềm vui với cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng.

Những từ láy này đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật, thông qua bút pháp tả cảnh ngụ tình, cảnh tình càng trở nên tương hợp hơn.

Câu 3: Từ tiểu khê trong câu “Bước dần theo ngọn tiểu khê” có nghĩa là ngọn nước nhỏ, dòng suối nhỏ.

Câu 4: Trong câu thơ “Nao nao dòng nước uốn quanh” tác giả sử dụng biện pháp tả cảnh ngụ tình: tả cảnh gắn với tâm trạng con người, tình và cảnh tương hợp, cảnh thể hiện tâm trạng của con người, tâm trạng nhuộm màu lên cảnh vật.

Chị em Kiều khi trở về sau khi tan hội trong sự tiếc nuối, bồn thần, băng khuâng khó tả.

Cảm giác nao nao khó tả đã mở ra vẻ đẹp tâm hồn tha thiết với cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng.

Câu 5:

- Bút pháp tả cảnh của tác giả là bút pháp kết hợp giữa gợi và tả, tả cảnh ngụ tình gợi lên tâm trạng tiếc nuối, thơ thần, quyến luyến của chị em Thúy Kiều khi phải chia tay với hội xuân.

+ Tác giả sử dụng nhiều từ láy vừa gợi tả cảnh sắc vừa nêu bật được tình cảm, tâm trạng của chị em Thúy Kiều.

- Trong đoạn trích có nhiều đoạn miêu tả thiên nhiên đặc sắc: cảnh ngày xuân, cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh thông qua bút pháp tả và gợi.

Câu 6:

- Hai câu thơ : Tà tà bóng ngả về tây/ Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

Thời gian chiều tà thường xuất hiện trong văn học gợi lên nỗi buồn, những điều ảm đạm, hiu hắt.

+ Thời gian chiều tà cũng nhuộm màu tâm trạng bồn thần, thần thờ của chị em Kiều khi phải chia tay với hội.

+ Cảnh vật và con người cùng chìm trong tâm trạng băng khuâng khó tả, tâm hồn của con người cũng chuyển điệu cùng tâm hồn, cảnh vật.

- Cảnh vật như lắng dần, mọi chuyển động đi vào nhẹ nhàng, mang dáng dấp nhỏ bé, phẳng phất nỗi buồn.

- Tác giả sử dụng nhiều từ láy: nao nao, tà tà, thanh thanh không những biểu đạt được sắc thái của cỏ cây, cảnh vật lúc hoàng hôn mà còn góp phần thể hiện được tâm trạng của nhân vật.

- Hai câu thơ cuối, gợi lên nét buồn khó hiểu, mơ hồ, mông lung khi tác giả dùng từ láy “nao nao”.

+ Bút pháp tả cảnh ngụ tình càng nhấn mạnh thêm tâm trạng tiếc nuối, buồn bã khi tan hội.

⇒ Cảnh vật mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân đã nhuộm màu tâm trạng tiếc nuối, thần thờ của chị em Kiều khi tan hội.

III. Đoạn trích: "Kiều ở lầu Ngưng Bích":

1. Vị trí đoạn trích:

Đoạn trích nằm ở phần thứ hai **Gia biến và lưu lạc**. Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú bà mắng nhiếc, Kiều nhất quyết không chịu tiếp khách làng chơi, không chịu chấp nhận cuộc sống lầu xanh. Đau đớn, phần uất, tủi nhục nàng định tự vẫn. Tú bà sợ mất vốn bèn lựa lời khuyên giải, dụ dỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả nàng cho người tử tế. Tú bà đưa Kiều ra sống riêng ở lầu Ngưng Bích, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn, tàn bạo hơn.

2. Bố cục đoạn trích : 3 phần

- + Sáu câu đầu : hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều.
- + Tám câu tiếp : nỗi thương nhớ Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của nàng.
- + Tám câu cuối : tâm trạng đau buồn, âu lo của Kiều thể hiện qua cách nhìn cảnh vật.

3. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích :

Giá trị nội dung "Kiều ở lầu Ngưng Bích": miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

Giá trị nghệ thuật: nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc, bút pháp tả cảnh ngụ tình hay nhất trong "Truyện Kiều".

4. Phân tích:

a. Hoàn cảnh và tâm trạng của Kiều thể hiện qua 6 câu thơ đầu:

- Kiều ở lầu Ngưng Bích thực chất là bị giam lỏng (**khoá xuân**).

- Nàng lơ lửng giữa một không gian mênh mông, hoang vắng: “*bốn bề bát ngát xa trông*”. Cảnh “*non xa*”, “*trăng gần*” gợi hình ảnh lầu Ngưng Bích đơn độc, chơi vơi giữa mênh mông trời nước. Từ trên lầu cao nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mù mịt. Cái lầu lơ lửng ấy giam một thân phận lơ lửng, không một bóng hình thân thuộc bầu bạn, không cả bóng người.

Hình ảnh “*non xa*” “*trăng gần*”, “*cát vàng*”, “*bụi hồng*” có thể là cảnh thực mà cũng có thể là hình ảnh mang tính ước lệ để gợi sự mênh mông, rộng ngợp của không gian, qua đó diễn tả tâm trạng cô đơn của Kiều.

- Cụm từ “*mây sớm đèn khuya*” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi cô đơn khiến Kiều càng bề bồng, chán ngán, buồn tủi “*bẽ bàng mây sớm đèn khuya*” sớm và khuya, ngày và đêm, Kiều “*thui thủi quê người một thân*” và dồn tới lớp lớp những nỗi niềm chua xót đau thương khiến tấm lòng Kiều như bị chia xẻ: “*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*”. Vì vậy, dù cảnh có đẹp đến mấy, tâm trạng Kiều cũng không thể vui được.

b. Tâm trạng nhớ thương Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của Kiều qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm:

* Kiều nhớ Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau. Theo nhiều nhà hủ nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, nhưng thật ra lại là rất hợp lý. Kiều bán mình cứu cha và em là đã đền đáp được một phần công lao cha mẹ, nên nàng cần rút khôn nguôi.

* Cùng là nỗi nhớ nhưng cách nhớ khác nhau với những lý do khác nhau nên cách thể hiện cũng khác nhau:

+ Nhớ Kim Trọng: Kiều “*tưởng*” như thấy lại kỷ niệm thiêng liêng đêm thề nguyện, đính ước “*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*”. Cái đêm ấy hình như mới ngày hôm qua. Một lần khác nàng nhớ về Kim Trọng cũng là “*Nhớ lời nguyện ước ba sinh*”. Kiều xót xa hình dung người yêu vẫn chưa biết tin nàng bán mình, vẫn ngày đêm mòn mỏi chờ trông chốn Liêu Dương xa xôi. Nàng nhớ người yêu với tâm trạng đau đớn: “*Tám son gột rửa bao giờ cho phai*”. Có lẽ “*tám son*” ấy là tấm lòng Kiều son sắt, thủy chung, không nguôi nhớ thương Kim Trọng. Cũng có thể là Kiều đang tủi nhục khi tấm lòng son sắt đã bị dập vùi, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa cho được. Trong nỗi nhớ chàng Kim có cả nỗi đau đớn vô cực tâm can.

+ Nhớ cha mẹ: nàng thấy “*xót*” khi tưởng tượng, ở chốn quê nhà, cha mẹ nàng vẫn tựa cửa ngóng chờ tin tức người con gái yêu. Nàng xót thương da diết và day dứt khôn nguôi vì không thể “*quạt nồng ấp lạnh*”, phụng dưỡng song thân, băn khoăn không biết hai em có chăm sóc cha mẹ chu đáo hay không. Nàng tưởng tượng nơi quê nhà tất cả đã đổi thay, gốc tử đã vừa người ôm, cha mẹ ngày thêm già yếu.

Cụm từ “*cách mấy nắng mưa*” vừa cho thấy sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi được sự tàn phá của thời gian, của thiên nhiên lên con người và cảnh vật. Lần nào nhớ về cha mẹ, Kiều cũng “*nhớ ơn chín chữ cao sâu*” và luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, phụ công nuôi dạy của cha mẹ.

* Nỗi nhớ thương của Kiều đã nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Hoàn cảnh của nàng lúc này thật xót xa, đau đớn. Nhưng quên đi cảnh ngộ bản thân, nàng đã hướng yêu thương vào những người thân yêu nhất. Trái tim nàng thật giàu yêu thương giàu đức hi sinh. Nàng thật sự là một người tình thủy chung, một người con hiếu thảo, một người có tấm lòng vị tha cao cả đáng quý.

c. Bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du trong 8 câu cuối “Kiều ở lầu Ngưng Bích”: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình:

- Đoạn thơ này được xem là kiểu mẫu của lối thơ tả cảnh ngụ tình trong văn chương cổ điển. Để diễn tả tâm trạng Kiều – Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này” để khắc họa tâm trạng của Kiều lúc bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

- Đây là 8 câu thơ thực cảnh mà cũng là tâm cảnh. Mỗi biểu hiện của cảnh đồng thời là một ẩn dụ về tâm trạng của người – mỗi một cảnh lại khơi gợi ở Kiều những nỗi buồn khác nhau, với những lý do buồn khác nhau trong khi nỗi buồn đã đầy ắp tâm trạng để rồi tình buồn lại tác động vào cảnh, khiến cảnh mỗi lúc lại buồn hơn, nỗi buồn mỗi lúc một ghê gớm, mãnh liệt hơn.

- Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ. Bốn bức tranh, bốn nỗi buồn đều được tác giả khắc họa qua điệp từ “*buồn trông*” đứng đầu mỗi câu có nghĩa là buồn mà trông ra bốn phía, trông ngáng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại, nhưng trông mà vô vọng. “Buồn trông” có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ bút tâm nhìn, có cả dự cảm hãi hùng của người con gái ngây thơ lần đầu lại bước giữa cuộc đời ngang ngược. Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau. Điệp ngữ lại được kết hợp với các từ láy chủ yếu là những từ láy tượng hình, dồn dập, chỉ có một từ láy tượng thanh ở câu cuối tạo nên nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày một tăng, dâng lên lớp lớp, nỗi buồn vô vọng, vô tận. Điệp ngữ tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.

5. Luyện đề:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho đoạn thơ sau:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ
Chân trời góc bể bơ vơ
Tám son gột rửa bao giờ cho phai
Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

Câu 1: Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên?

Câu 2: Cụm từ “tám son” có nghĩa gì?

Câu 3: Nêu dụng ý nghệ thuật của tác giả khi sử dụng từ “tưởng” và “xót” trong đoạn thơ trên.

Câu 4: Thành ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 5: Em hãy nhận xét về trình tự thương nhớ của Thúy Kiều trong đoạn trích trên. Theo em thứ tự đó có hợp lý không?

Câu 6: “Người tựa cửa hôm mai” được nói tới trong đoạn thơ trên là ai? Những suy nghĩ của nàng Kiều về người đó được thể hiện như thế nào?

Câu 7: Viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật Kiều trong đoạn thơ trên.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Đoạn trích diễn tả nỗi nhớ thương cha mẹ và người yêu của Thúy Kiều khi nàng bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

Câu 2: “Tám son” là từ ngữ dùng để chỉ tám lòng son sắt, thủy chung, khôn nguôi nhớ về Kim Trọng của Thúy Kiều.

Cũng có thể Kiều đang cảm thấy tủi hờn, nhục nhã khi tám lòng son bị vùi dập, hoen ố, không biết gột rửa thế nào cho hết.

Câu 3:

- Từ “tưởng” gợi lên được nỗi lòng khắc khoải, nhớ mong về người cũ tình xưa của Thúy Kiều. Trong lòng nàng luôn thường trực nỗi nhớ người yêu đau đớn, dày vò tâm can.

- Từ “xót” tái hiện chân thực nỗi đau đớn đến đứt ruột của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng không thể ở cạnh báo hiếu cho cha mẹ, nàng đau đớn tưởng tượng ở chốn quê nhà cha mẹ đang ngóng chờ tin tức của nàng.

Câu 4: Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” được sử dụng nhằm nhấn mạnh nỗi đau xót dày xé tâm can của Kiều khi lo lắng nghĩ về cha mẹ. Nàng băn khoăn không biết cha mẹ có được phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo không.

Câu 5: Trình tự thương nhớ của Thúy Kiều: nhớ Kim Trọng trước, sau đó nhớ cha mẹ. Theo nhiều nhà hủ nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, thật ra lại là rất hợp lý.

- + Kiều bán mình chuộc cha mẹ và em là đã thể hiện sự hiếu đễ của bản thân với công lao cha mẹ, nên nàng phân nào đỡ day dứt.

- + Đối với Kim Trọng, Kiều nhận thấy mình như một kẻ phụ tình, không đền đáp được tình cảm và tấm lòng của người yêu.

Câu 6:

“Người tựa cửa hôm mai” được nói tới trong đoạn thơ trên chính là cha mẹ Kiều.

- Kiều cảm thấy đau đớn, xót xa khi tưởng tượng ở quê nhà, cha mẹ và nàng vẫn tựa cửa ngóng đợi tin tức về nàng.

- Nàng xót thương, cảm thấy day dứt khi không thể “quạt nồng ấp lạnh” phụng dưỡng song thân.

Câu 7: Gợi ý:

Kiều một mình bơ vơ giữa một không gian mênh mông, hoang vắng thì nỗi cô đơn của Kiều càng lúc càng dâng cao, và tâm trạng thương nhớ người yêu và người thân khắc khoải, da diết.

- Tâm trạng nhớ thương Kim Trọng: Kiều luôn day dứt vì không thể đáp lại tình cảm và tấm lòng của Kim Trọng.

- + Nỗi nhớ về cảnh thê nguyên khiến Kiều thấy thương thân tủi phận, nàng thấy lại kỉ niệm thiêng liêng trong niềm nuôi tiếc.

- + Thương xót, đau đớn nghĩ rằng Kim Trọng sẽ ngóng đợi khi không thấy Kiều.

+ Tấm lòng son sắt của nàng bị vùi dập, hoen ố không biết bao giờ gột rửa cho được.

→ Nỗi nhớ chàng Kim là nỗi nhớ da diết, đau đớn tới dầy xé tâm can.

- Nỗi nhớ cha mẹ: thấy “xót” khi tưởng tượng cha mẹ vẫn ngóng đợi nàng.

+ Kiều tưởng tượng cha mẹ nơi quê nhà già yếu đi, không biết có ai chăm sóc chu đáo.

+ Mỗi khi nhớ về cha mẹ nàng luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, phụ công nuôi dưỡng của cha mẹ.

→ Nỗi nhớ thương của Kiều nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Hoàn cảnh của nàng thật xót xa, đau đớn. Nàng đã quên đi nỗi khổ, thực trạng của bản thân để hướng về người thân. Trái tim của nàng giàu tình yêu thương và đức hi sinh.

⇒ Kiều là người chung thủy, người con hiếu thảo, một người giàu đức hi sinh, lòng vị tha cao cả, đáng trân trọng.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho đoạn thơ sau:

“Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ

Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

(*Kiều ở lầu Ngưng Bích* – trích “*Truyện Kiều*” – Nguyễn Du, SGK Ngữ văn 9)

Câu 1: Chỉ ra một thành ngữ trong đoạn trích và giải nghĩa thành ngữ đó.

Câu 2: Thời gian thực tế mà Kiều xa cha mẹ mình chưa nhiều, nhưng tại sao tác giả lại viết: “*Sân Lai cách mấy nắng mưa/ Có khi gốc tử đã vừa người ôm*”. Hãy lí giải về cảm nhận này của Kiều.

Câu 3: Dựa vào đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn theo phương pháp lập luận diễn dịch khoảng 8 – 10 câu để làm rõ tấm lòng hiếu thảo của Thúy Kiều.

Trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán và thành phần trạng ngữ. (Gạch chân và chú thích)

Câu 4: Chép lại một bài ca dao em đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS cũng thể hiện tấm lòng hiếu thảo của người con đối với cha mẹ.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Thành ngữ được sử dụng trong đoạn trích là: “Quạt nồng ấp lạnh”

Ý nghĩa của thành ngữ “Quạt nồng ấp lạnh”: chỉ sự chăm sóc, phụng dưỡng của con cái đối với cha mẹ: Vào mùa hè, tiết trời nóng nực thì quạt cho cha mẹ ngủ, còn vào mùa đông khi trời giá lạnh thì vào nằm trước trong giường (ấp chiếu chăn) để khi cha mẹ ngủ, chỗ nằm đã ấm sẵn. Do đó, câu thơ thể hiện sự lo lắng không biết ai sẽ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ lúc về già.

Câu 2: Thời gian thực tế mà Kiều xa cha mẹ mình chưa nhiều, nhưng tác giả lại viết: “*Sân Lai cách mấy nắng mưa/ Có khi gốc tử đã vừa người ôm*” để thể hiện sự lo lắng, quan tâm của Thúy Kiều đối với cha mẹ. Thời gian trôi đi thì cha mẹ sẽ thêm một già yếu mà nàng thì không thể ở bên cạnh chăm sóc, phụng

đường. Cụm từ “cách máy nắng mưa” đã nhấn mạnh quãng thời gian xa cách bây giờ chưa lâu nhưng đồng thời cũng gợi lên một tương lai cách trở, xa vời

Câu 3: Các yêu cầu cần đạt:

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng hình thức đoạn văn (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn)
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc.
- Đoạn văn có sử dụng câu cảm thán và thành phần khởi ngữ.

Yêu cầu về nội dung:

- Làm rõ được lòng hiếu thảo của Thúy Kiều đối với cha mẹ thông qua các yếu tố:
- Mặc dù bán mình chuộc cha nhưng Kiều vẫn xót xa khi nghĩ tới cảnh cha mẹ ngày một già yếu.
 - Hiểu rõ sự đau đớn, nhớ nhung con của cha mẹ, vì thế mà càng xót xa hơn khi nghĩ đến cảnh cha mẹ vì mình mà vô võ ngóng trông.
 - Nàng lo lắng, xót xa vì mình không thể ở gần để ngày đêm phụng dưỡng song thân”
 - Tác giả đã sử dụng những điển cố, điển tích “Sân Lai”, “gốc tử” để bộc lộ tấm lòng hiếu thảo của Kiều đối với cha mẹ. Đồng thời thể hiện lòng hiếu thảo đó xứng tầm với các tấm gương chí hiếu xưa.

Câu 4: Bài ca dao thể hiện tấm lòng hiếu thảo của người con đối với cha mẹ trong chương trình THCS:

*“Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao, biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”*

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xăm
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

Câu 1: Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo những trình tự nào?

Câu 2: Trong đoạn trích trên điệp từ “buồn trông” có ý nghĩa gì?

Câu 3: Em hãy nêu tác dụng của hai câu hỏi tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

Câu 4: Ghi lại các từ láy có trong đoạn thơ trên và cho biết dụng ý nghệ thuật của chúng.

Câu 5: Em hãy so sánh hai câu thơ của Nguyễn Du: *Cỏ non xanh tận chân trời.*

Hãy chỉ ra nội dung của câu thơ đó với câu: *Buồn trông nội cỏ rầu rầu.*

Câu 6: Nhận xét tình cảm của tác giả đối với Thúy Kiều.

Câu 7: Phân tích biện pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc của tác giả Nguyễn Du trong đoạn trích trên bằng đoạn văn tổng phân hợp khoảng 15 câu, có sử dụng phép thế và phép lặp (gạch chân phía dưới các phép liên kết đó).

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1:

Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo trình tự từ xa tới gần.

Từ “cửa bể chiều hôm” tới “ghế ngồi”, bốn khung cảnh khác nhau:

- + Một cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển.
- + Những cánh hoa lục tằm trôi man mác trên ngọn nước mới.
- + Nơi cỏ héo úa, rầu rầu.
- + Cảnh tượng tượng sóng quanh ghế ngồi.

→ Diễn đạt nỗi buồn dâng lên đầy ắp, càng ngày như muốn nhấn chìm Kiều trước cuộc bể dâu.

Câu 2:

Điệp từ “buồn trông” đứng đầu mỗi câu, khắc họa nỗi buồn trông ra bốn phía, ngóng đợi những thứ xa xôi, mơ hồ làm thay đổi hiện tại bế tắc.

- Buồn trông cái thảng thốt, lo âu, nỗi sợ hãi của người con gái non nớt khi lạc vào cuộc đời ngang trái.

- Cụm từ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với những sắc thái cao độ khác nhau.

- Điệp ngữ lại kết hợp với các từ láy chủ yếu là từ láy tượng hình, dồn dập, tạo nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày càng dâng kín bủa vây lấy Kiều.

- Điệp ngữ tạo nỗi buồn trầm hùng, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.

Câu 3:

Câu hỏi tu từ: “Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?”

- Hình ảnh cánh buồm nhỏ, đơn độc giữa mênh mông sóng nước, cũng giống như tâm trạng của Kiều trong không gian thanh vắng ở hiện tại nghĩ tới tương lai mịt mù của bản thân.

+ Nàng cảm thấy lênh đênh giữa dòng đời, không biết ngày nào mới được trở về với gia đình, đoàn tụ với người thân yêu.

Câu hỏi tu từ: “Hoa trôi man mác biết là về đâu?”

Những cánh hoa trôi vô định trên mặt nước càng khiến Kiều buồn hơn, nàng nhìn thấy trong đó số phận lênh đênh, chìm nổi, bấp bênh giữa dòng đời ngang trái.

Kiều lo sợ không biết số phận của mình sẽ trôi dạt, bị vùi lấp ra sao.

Câu 4: Các từ láy được sử dụng trong bài: man mác, thấp thoáng, rầu rầu, xanh xanh, âm âm.

- “*thấp thoáng*”: gợi tả sự nhỏ nhoi, đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của ánh mặt trời sắp tắt.

- “*man mác*”: sự chia ly, chia cách biệt, khi Kiều càng ngày càng thấy bản thân lênh đênh, vô định, ba chìm bảy nổi ba chìm sóng nước.

- “*xanh xanh*”, “*âm âm*”: chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đang đổ dồn tới đè nặng lấy tâm trạng và kiếp người nhỏ bé của Kiều.

Câu 5:

- Câu thơ: *Cỏ non xanh tận chân trời* là câu thơ trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân*, diễn tả hình ảnh đẹp đẽ về sức sống của mùa xuân. Màu xanh của cỏ non ngút ngàn tới chân trời, mở ra không gian khoáng đạt, giàu sức sống.

- Câu thơ: *Buồn trông nội cỏ rầu rầu*: Nội cỏ “rầu rầu” là hình ảnh “sắc xanh héo úa” mù mịt, nhạt nhòa trải dài từ chân mây tới mặt đất, không còn cái “xanh tận chân trời” như sắc cỏ trong tiết Thanh minh khi Kiều còn trong cảnh đầm ấm.

Màu xanh của sự héo tàn gợi cho Kiều một nỗi nhàm chán ngán, vô vọng vì cuộc sống cô đơn, quạnh quẽ vô vọng vì sống cuộc sống cô quạnh và những chuỗi ngày sống vô vị tẻ nhạt không biết kéo tới bao giờ.

Câu 6: Tác giả xót thương trước thân phận và hoàn cảnh của Kiều. Tác giả tái hiện chân thực nỗi đau, nỗi buồn và sự tuyệt vọng của Kiều trong những ngày tháng vô định, mù mịt, không có tương lai.

Tác giả thấu hiểu căn kẽ nỗi cô đơn, buồn tủi mà Kiều đang phải đối mặt, vì thế mà ông có thể diễn tả thông qua hình ảnh của ngoại cảnh nhưng chạm tới được dụng ý nghệ thuật của mình.

Cảnh thiên nhiên trong bài cũng chính là cái cớ để tác giả bộc lộ cảm xúc chân thật của mình.

Câu 7:

*** Đoạn văn tham khảo:**

(1) Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc trong đoạn thơ cuối bài (8 câu cuối) đã diễn tả thành công tâm trạng Thúy Kiều trong lúc bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

(2) Bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Kiều không chỉ nhớ thương da diết cha mẹ, người yêu; mà còn lo lắng, bất lực trước cảnh ngộ của mình.

(3) Nguyễn Du đã sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm kết hợp với miêu tả thiên nhiên một cách tài tình để diễn tả các cung bậc cảm xúc của Thúy Kiều.

(4) 8 câu thơ là 4 bức tranh thiên nhiên, mỗi cảnh vật là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều.

(5) Điệp ngữ “Buồn trông” nhắc lại bốn lần, kết hợp với hình ảnh: *Cửa bể, con thuyền, cánh buồm, ngọn nước, hoa trôi...* gợi tả cái nhìn trông ngóng trong vô vọng của Kiều; đồng thời diễn tả nỗi buồn này càng tăng với nhiều sắc độ khác nhau như những con sóng lòng không sao chịu nổi, những nỗi buồn trùng điệp, vô tận...

(6) Cảnh *cửa bể chiều hôm* gợi nỗi buồn hoang vắng, cô đơn của Kiều.

(7) Hình ảnh ẩn dụ *Con thuyền* và *cánh buồm* phía xa gợi thân phận nhỏ bé, đơn độc của Kiều- con thuyền lênh đênh vô định cũng như Kiều còn lênh đênh giữa dòng đời, không biết bao giờ mới đoàn tụ cùng gia đình.

(8) Ngắm *ngọn nước mới sa*, Kiều chạnh nghĩ đời mình như cánh hoa trôi dạt trên dòng đời sóng gió, chẳng biết đi đâu về đâu.

(9) Cánh hoa bị ngọn nước quăng quật cũng như đời nàng trôi nổi, dập vùi.

(10) Câu hỏi tu từ cho thấy sự mất phương hướng, gợi nỗi băn khoăn, thấp thỏm.

(11) Cảnh thứ ba *nội cỏ rầu rầu* là một cảnh khá ảm tuyền, dễ gợi liên tưởng đến cảnh xuân hôm nào trong tiết thanh minh. Nhưng không phải là *cỏ non xanh tận chân trời* đầy sức sống mà là *nội cỏ rầu rầu* với sắc xanh héo úa, trải dài từ mặt đất đến sân mây.

(12) Cụm từ *chân mây mặt đất* gợi không gian rộng lớn, cho thấy Kiều trở nên nhỏ bé.

(13) Bức tranh thiên nhiên còn dữ dội và biến động: **gió cuốn mặt duềnh**: gió cuốn giận dữ, sóng *âm ầm*, kêu réo khi thủy triều lên khiến Kiều có cảm giác như những con sóng kia đang bủa vây lấy **nàng**.

(14) Đó là những dự cảm về một tai họa khủng khiếp sắp giáng xuống cuộc đời Kiêu.

(15) Tiếng sóng hay cũng chính là tiếng kêu tuyệt vọng của người con gái đáng thương.

(16) 8 câu cuối tiêu biểu cho bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du, đó là cách biểu hiện *tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này*; là thực cảnh mà cũng là tâm cảnh.

- Phép thế: Kiêu, Thúy Kiều- nàng

- Phép lập: Nguyễn Du, Kiêu, Thúy Kiều

BÀI 5: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

Nguyễn Đình Chiểu

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Tác giả	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) sinh tại làng Tân Thới- phủ Tân Bình - Gia Định. - Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu có nhiều đau khổ, bất hạnh: mù loà, công danh không thành, tình duyên trắc trở, gặp buổi loạn li. - Ông là người có nghị lực sống phi thường, không chịu gục ngã trước số phận oan nghiệt. Vẫn ngẩng cao đầu mà sống, sống có ích cho đến hơi thở cuối cùng : <ul style="list-style-type: none"> + Là một thầy giáo danh tiếng vang khắp miền Lục Tỉnh. + Là một thầy thuốc không tiếc sức cứu nhân độ thế. + Là một nhà thơ để lại bao trang thơ bất hủ: Lục Vân Tiên, Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. - Luôn nêu cao lòng yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm. <p>=> Một nhân cách lớn khiến “kẻ thù cũng phải kính nể”.</p> <p>Dù ở cương vị nào ông cũng làm việc hết mình và để lại một tấm gương sáng cho đời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự nghiệp văn học : gồm hai đề tài chính : <ul style="list-style-type: none"> + Đề tài đạo lí : <i>Truyện Lục Vân Tiên, Ngư tiều y thuật vấn đáp...</i>
----------------	---

	+ Đề tài yêu nước : <i>Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần giuộc, Văn tế Trương Định...</i>
Xuất xứ	<p>Vị trí đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần đầu truyện “Lục Vân Tiên”. Trên đường trở về nhà thăm cha mẹ trước khi lên kinh đô thi, gặp bọn cướp đang hoành hành, Lục Vân Tiên đã một mình làm gãy xông vào đánh tan bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga và cô hầu Kim Liên.</p> <p>Khoảng đầu thập kỷ 50 của thế kỷ 19 (1850)</p>
Thể loại	<p>Truyện thơ Nôm – 2082 câu thơ lục bát.</p> <p>Mang tính chất đề kể nhiều hơn đề đọc, để xem nên chú trọng đến hành động của nhân vật hơn là miêu tả nội tâm, tính cách nhân vật cũng được bộc lộ chủ yếu qua việc làm, lời nói, cử chỉ.</p>
Bố cục 2 phần	<ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: 14 câu đầu: Lục Vân Tiên đánh cướp Phong Lai để cứu Kiều Nguyệt nga - Phần 2: Còn lại: Cuộc trò chuyện giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga
Tóm tắt	<p>Tóm tắt “ Truyện Lục Vân Tiên”:</p> <p>Lục Vân Tiên là con một gia đình thường dân ở quận Đông Thành. Chàng lên núi tầm sư học đạo, trở thành một con người xuất chúng: văn võ kiêm toàn.</p> <p>Trên đường xuống núi về kinh ứng thí, Vân Tiên đã đánh tan bọn cướp Phong Lai, cứu được Kiều Nguyệt Nga, một thiếu nữ vóc ngọc mình vàng. Cảm công đức chàng hiệp sĩ, nàng vẽ bức hình Lục Vân Tiên luôn luôn mang theo mình. Vân Tiên ghé thăm gia đình Võ Công - người đã hứa gả con gái cho chàng. Vân Tiên gặp Hớn Minh, Vương Tử Trực (hai người bạn tốt) và Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, 2 kẻ xấu xa. Ông Quán đã nói với 4 sĩ tử về lẽ ghét thương ở đời.</p> <p>Sắp vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin nhà. Chàng vội trở về quê chịu tang mẹ . Quá đau khổ mà lâm bệnh, hai mắt bị mù, Vân Tiên bị bọn lang băm, phù thủy, thầy bói lừa gạt lấy hết tiền; Trịnh Hâm đẩy xuống sông hãm hại. Vân Tiên được con giao long và ngư ông cứu thoát. Vân Tiên trở lại nhà Võ Công, bị hắt hủi và bị bỏ vào hang sâu cho chết. Vân Tiên được thần núi và ông Tiều cứu ra, gặp lại Hớn Minh, người bạn nghĩa hiệp. Vương Tử Trực đỗ thủ khoa, tìm đến nhà Võ Công hỏi thăm tin tức Vân Tiên. Võ Công ngỏ ý gả con gái cho Vương Tử Trực, nhưng đã bị chàng mắng nhiếc, y quá nhục mà chết.</p> <p>Kiều Nguyệt Nga nghe tin Vân Tiên gặp nạn đã qua đời, nàng vô cùng thương tiếc, nguyện sẽ thủ tiết. Tên thái sư trong triều hiến kế cho nhà vua bắt đem Kiều Nguyệt Nga cống cho giặc Ô Qua. Nàng đã ôm theo bức hình Lục Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử. Phật Bà Quan Âm đã cứu sống Kiều Nguyệt Nga; sau đó nàng lại dạt vào vườn hoa nhà họ Bùi. Bùi Công muốn nhận Kiều Nguyệt Nga làm con nuôi, nhưng Bùi Kiệm lại nằng nặc đòi lấy nàng làm vợ. Kiều</p>

	<p>Nguyệt Nga bỏ trốn, nương nhờ lão bà ở giữa rừng sâu.</p> <p>Lục Vân Tiên nhờ thuốc tiên mà đôi mắt sáng lại. Chàng vội trở lại quê nhà: thăm cha, viếng mộ mẹ, thăm Kiều Công. Chàng lại đi thi, đậu Trạng nguyên; vua sai đi dẹp giặc Ô Qua. Trên đường chiến thắng trở về, Lục Vân Tiên bất ngờ gặp lại Kiều Nguyệt Nga, hai người mừng mừng tủi tủi.</p> <p>Lục Vân Tiên trở lại triều đình, tâu hết sự tình đầu đuôi. Tên thái sư và bọn gian ác bị trừng phạt, những người nhân nghĩa được đền đáp. Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga nên vợ nên chồng, sống cuộc đời hạnh phúc, vinh hiển.</p>
Kết cấu	<p>Theo kiểu truyền thống của loại truyện phương Đông, nghĩa là theo từng chương hồi, xoay quanh cuộc đời các nhân vật chính.</p> <p>Kiểu kết cấu ước lệ: Người tốt thường gặp nhiều gian truân, trắc trở trên đường đời, bị kẻ xấu hãm hại nhưng vẫn được phù trợ, cứu mang để rồi cuối cùng tai qua nạn khỏi, được đền trả xứng đáng. Kẻ xấu bị trừng trị.</p> <p>Với mục đích truyện truyền đạo đức thì kiểu kết cấu đó vừa phản ánh chân thực cuộc đời đầy rẫy bất công, vừa nói lên khát vọng ngàn đời của nhân dân ta: ở hiền gặp lành, cái thiện bao giờ cũng chiến thắng cái ác, chính nghĩa thắng gian tà.</p>
Giá trị nội dung	<p>* Giá trị hiện thực: Vạch trần cái ác, cái xấu trong XH. Chửi thói gian ác, bất công, chửi những kẻ tráo trở, bội bạc, phản phúc như cha con Võ Công, chửi những kẻ bất nghĩa, bất nhân như Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, chửi bọn người làm ăn bất lương chuyên nghề lừa bịp, bóp nặn nhân dân (bọn thầy bói, thầy pháp, bọn lang băm).</p> <p>* Giá trị nhân đạo: Đề cao đạo lý làm người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem trọng tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội: tình cha con, mẹ con, nghĩa vợ chồng, tình bè bạn, tình yêu thương cứu mang những người gặp cơn hoạn nạn. - Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khổ phò nguy. - Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời (kết thúc có hậu của truyện; thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà). <p>“Lục Vân Tiên là một tiếng chửi, một lời ca, một ước mơ” – Hoài Thanh.</p>
Giá trị nghệ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Lục Vân Tiên là một truyện thơ Nôm mang tính chất là một truyện kể dân gian: chú ý đến cốt truyện, còn nhân vật chủ yếu thể hiện bằng hành động hơn là miêu tả nội tâm. Nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu còn là hoá thân cho lý tưởng hoặc thái độ yêu ghét của ông. - Truyện mang màu sắc Nam Bộ cả về tính cách con người, cả về ngôn ngữ địa phương.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Nhân vật Lục Vân Tiên.

- Nhân vật Lục Vân Tiên được khắc hoạ theo mô típ ở truyện Nôm truyền thống: Một chàng trai khôi ngô tuấn tú, tài giỏi cứu một cô gái thoát nạn, rồi từ ân nghĩa đến tình yêu. Mô típ này thể hiện khát vọng,

mong ước của nhân dân và tác giả về một xã hội có những con người tài đức, luôn sẵn sàng ra tay giúp người, giúp đời,

- Lục Vân Tiên là một nhân vật lý tưởng và mơ ước của Nguyễn Đình Chiểu. Đây là một chàng trai vừa rời trường học bước vào đời, lòng đầy hăm hở muốn lập công danh, mong thi thố tài năng cứu người, giúp đời. Tình huống đánh cướp là thử thách đầu tiên, là cơ hội hành động cho chàng.

a. Khi đánh cướp Phong Lai :

* Như một vị hảo hán mang tinh thần nghĩa hiệp :

“Vân Tiên ghé lại bên đàng

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô

Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ”

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”

- Hành động « ghé lại bên đàng » cho thấy chàng không băn khoăn do dự khi đánh cướp phong lai nó phù hợp với tinh thần hăm hở của chàng trai trẻ vừa mới rời ghế nhà trường muốn lập công danh thi thố tài năng để giúp đời giúp người bọn cướp phong lai là một thử thách xong là một cơ hội cho chàng hành động.

- Hành động gan góc, mau lẹ « bẻ cây làm cựa gậy » chứng tỏ chàng không màng an nguy của bản thân.

- Hành động nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên trước hết bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa của Lục Vân Tiên. Vẻ đẹp của Lục Vân Tiên là vẻ đẹp riêng của con người dũng tướng. Thấy bọn cướp hại người, kẻ khác có thể né tránh, giữ mình, còn Vân Tiên coi đó là tình huống, cơ hội đầu tiên để hành động. Chàng chỉ có một mình, trong khi bọn cướp đông người, gươm giáo đầy đủ, thanh thế lẫy lừng: “*Người đều sợ nó, có tài không đương*”. Vậy mà Vân Tiên vẫn can đảm “bẻ cây làm gậy” xông vào đánh cướp.

* Một vị anh hùng quả cảm có võ nghệ cao cường :

Phong Lai mặt đỏ phùng phùng:

“Thằng nào dám tới lấy lừng vào đây.

Trước gây việc dữ tại đây,

Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng.”

Vân Tiên tả đột hữu xông,

Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.

- Nguyễn Đình Chiểu đã đặt chàng vào một trận đánh không cân sức : một bên là tướng cướp hùng hổ, hung dữ, đông đúc được trang bị đầy đủ vũ khí ; với một bên là thân cô, thế cô.

- Nghệ thuật tương phản đã được tác giả sử dụng để tô đậm sự quả cảm của Lục Vân Tiên.

- Hình ảnh của chàng trong trận đánh được miêu tả thật đẹp: “*tả đột hữu xung, khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang*”, được so sánh với hình mẫu Triệu Tử Long trong Tam quốc. Hành động của Vân Tiên chứng tỏ cái đức của con người “*vị nghĩa vong thân*”, “*cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bênh vực kẻ yếu, chiến thắng nhiều thế lực bạo tàn*”.

Lục Vân Tiên mang tâm vóc của người anh hùng mạnh mẽ, phi thường.

- Cuối cùng, chàng đã giành được chiến thắng vẻ vang trước tên cướp Phong Lai :

Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đường chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong

+ Chính nghĩa đã chiến thắng, cả một đảng cướp vỡ tan, haongr sợ bỏ chạy.

+ Tướng cướp Phong Lai « trở chẳng kịp tay » bỏ mạng dưới cây gậy của người anh hùng.

-> Sức mạnh của Lục Vân Tiên là sức mạnh kết tinh của nhân dân, của chính nghĩa nên nó chiến thắng tuyệt đối. Hành động mạnh mẽ của Vân Tiên thể hiện được khát vọng của nhân dân về một người anh hùng có sức mạnh phi thường, võ nghệ cao cường luôn bênh vực kẻ yếu, chiến thắng thế lực bạo tàn.

b. Khi trò chuyện với Kiều Nguyệt Nga :

- Thái độ cư xử với Kiều Nguyệt Nga sau khi đánh cướp trước tiên bộc lộ tâm lòng từ tâm nhân hậu.

+ Thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng, Vân Tiên “động lòng” tìm cách an ủi họ: “*Ta đã trừ dòng lâu la*” và ân cần hỏi han, cho thấy chàng rất đáng hoàng, chững chạc.

+ Lối xưng hô « nàng- ta » cho thấy tâm lòng trân trọng mà Lục Vân Tiên dành cho Kiều Nguyệt Nga, cũng như thái độ lịch sự của một con người có học, có đọc sách thánh hiền.

- Bên cạnh đó, ta thấy, chàng là con người chính trực, hào hiệp, khiêm tốn, giản dị, trọng nghĩa khinh tài :

Vân Tiên nghe nói liền cười:
“Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đã rõặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.

+ Khi nghe họ nói muốn được lạy tạ ơn, Vân Tiên đã gạt đi ngay, từ chối cả lời mời về thăm nhà Nguyệt Nga để cha nàng đền đáp.

+ Sự vô tư thể hiện qua tiếng cười và lời nói : “*Làm ơn há dễ trông người trả ơn*”. Dường như với Vân Tiên, làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên của một con người chân chính: “*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi – Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*”. Lời Vân Tiên chắc nịch vừa để đối chứng, phê phán những kẻ tầm thường, vừa khẳng định việc mình làm là hiển nhiên, thuộc căn cốt, gốc rễ trong lẽ sống của mình.

Với những nét tính cách đó, hình ảnh Lục Vân Tiên là một hình ảnh đẹp, là hình ảnh lý tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin và ước vọng của mình.

2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga.

Với tư cách là người chịu ơn, Kiều Nguyệt Nga cũng bộc lộ nhiều nét đẹp tâm hồn:

a. Một cô gái thủy mị, nét na, có học thức :

- Thể hiện qua những lời giới thiệu bản thân của nàng :

Thưa rằng: “Tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con này tì tất tên là Kim Liên.
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,

- Nàng xuất thân trong một gia đình quyền quý, là tiểu thư khuê các lá ngọc cành vàng, trâm anh thế phiệt: con quan tri phủ Hà Khê.

+ Lời giới thiệu rất đầy đủ, chân thành, không khoa trương, kênh kiệu, dài các; đã đáp ứng đầy đủ những lời thăm hỏi ân cần của Lục Vân Tiên, vừa bộc lộ chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình.

- Thể hiện qua lối xưng hô của nàng với Lục Vân Tiên:

Trước xe quân tử tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.

+ Cách xưng hô “quân tử”, “tiện thiếp” kết hợp với hành động “lạy” và “thưa”, cách nói năng văn vẻ, mực thước, khuôn phép (làm con dâu dấm cãi cha, chút tôi yếu liễu đào tơ...), cách trình bày vấn đề rõ ràng, khúc triết vừa đáp ứng đầy đủ những lời thăm hỏi ân cần của Vân Tiên, vừa bộc lộ chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình cho thấy sự khiêm nhường, thùy mị, nét na.

+ Thể hiện sự thông minh, mực thước của nàng trong lời ăn tiếng nói.

- Thể hiện qua lời chia sẻ về hành động hiếu nghĩa nàng làm:
Làm con dâu dấm cãi cha,

Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành.

+ Nàng không quản đường xa, thân gái dặm trường với bao nguy hiểm bắt đầu từ Tây Xuyên đến Hà Khê vì vâng theo lời cha để định bề nghi thất.

+ Nàng là người con hiếu thảo, sống đúng với khuôn phép gia đình và với lễ giáo phong kiến. Đó cũng chính là điểm gặp gỡ giữa nàng và Lục Vân Tiên.

Kiều Nguyệt Nga để lại một ấn tượng tốt đẹp: thùy mị, nét na, gia giáo, thông minh sắc sảo, có học thức.

b. Một con người đảm đảm, ân tình, cư xử có trước có sau.

- Qua cử chỉ, lời nói với ân nhân cứu mạng :

+ Mặc dù ý thức rất rõ về lễ giáo và hoàn cảnh của mình, song nàng vẫn định xuống xe để tạ ơn Lục Vân Tiên.

+ Nàng cất lên những lời thật thiết tha « cúi đầu trăm lạy »

- Với nàng, Vân Tiên không chỉ cứu mạng, mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng: “*Lâm nguy chẳng gặp giải nguy – Tiệt trăm năm cũng bỏ đi một hồi*”. Nàng coi đó là ơn trọng và áy náy, bản khoản tìm cách trả ơn dù biết rằng có đền đáp bao nhiêu cũng chưa đủ: “*Lấy chi cho phải tấm lòng cùng người*”. Bởi thế, cuối cùng nàng đã tự nguyện gán bó cuộc đời với chàng trai hào hiệp ấy, dấn liêu mình để giữ trọn ân tình thủy chung với chàng.

-> Kiều Nguyệt kết tinh cho vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ truyền thống. Nàng không chỉ gia giáo, nét na, có học thức mà còn rất đảm đảm, nghĩa tình.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc đoạn thơ sau:

“Vân Tiên nghe nói liền cười:

“Làm ơn há dễ trông người trả ơn

Nay đà rõặng nguồn con

Nào ai tính thiệt so hơn làm gì

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

(Ngữ văn 9 – Tập II/NXB GD)

Câu 1: Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Của ai?

Câu 2: Lời của Vân Tiên được trích dẫn theo cách nào? Vì sao em biết?

Câu 3: Trong đoạn thơ, Vân Tiên đã bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp gì?

Câu 4: Em hiểu nội dung 2 câu thơ sau như thế nào?

“Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

Câu 5: Có ý kiến cho rằng ngày nay hành động nghĩa hiệp như Vân Tiên có khi lại mang phiền toái vào thân. Hãy viết một văn bản ngắn (Khoảng 1 trang giấy thi) trình bày ý kiến của em về vấn đề trên.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu

Câu 2: Trực tiếp.

Có dấu hai chấm, gạch đầu dòng

Câu 3: Vô tư, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, trọng danh dự.

Câu 4: Thấy việc nghĩa không làm thì không xứng đáng là người anh hùng.

Câu 5: Trình bày được ý kiến, quan điểm của mình về vấn đề đặt ra. Đồng ý hay không?. Tại sao?

Biết đưa ra nhận thức đúng. Lập luận chặt chẽ.

Có bố cục ba phần, hành văn trôi chảy.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Cho hai câu thơ sau:

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng ".

Câu 1: Em hãy viết đoạn văn giới thiệu về tác giả và cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên?

Câu 2: Qua đoạn trích "*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*", ta thấy nhà thơ đã gửi gắm quan niệm về người anh thông qua nhân vật Lục Vân Tiên. Hãy viết một đoạn văn (một trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về người anh hùng trong thời đại ngày nay.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

a- Mở đoạn: giới thiệu khái quát về Nguyễn Đình Chiểu , và hai câu thơ.

b - Thân đoạn:

* Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn của dân tộc, mãi mãi xứng đáng là ngôi sao sáng trên bầu trời văn nghệ Việt Nam thế kỷ XIX, để lại cho đời nhiều tác phẩm văn chương có giá trị, nhất là truyện Lục Vân Tiên ...

- Lục Vân Tiên là người anh hùng lý tưởng của nhà thơ mù yêu nước. Chiến công đánh cướp của chàng mãi là bài ca hùng tráng của người anh hùng trong xã hội loạn lạc. Vân Tiên đã thể hiện một cách ứng xử vô cùng cao thượng và hào hiệp. Người đẹp bán khoán về chuyện " báo đức thù công " thì Vân Tiên "liền cười " rồi đĩnh đạc nói :

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng ".

* Ý nghĩa của hai câu thơ :

Hai câu thơ tác giả thể hiện một quan niệm đạo lý người anh hùng là người sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không tính toán làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán .

c-Kết đoạn: Nguyễn Đình Chiểu đã đề cao tinh thần nhân nghĩa , ca ngợi lý tưởng anh hùng vị nghĩa cao đẹp. Quan niệm đó gắn với đạo lý làm người, hướng về nhân dân. Đó là bài học sâu sắc nhất mà ta cảm nhận được...

Câu 2:

- *Giải thích khái niệm người anh hùng:* là người thấy hoạn nạn sẵn sàng cứu giúp vô tư đem lại điều tốt đẹp cho mọi người; người anh hùng phải là người hành động vì chính nghĩa, vì lẽ phải, vì lẽ công bằng.

- *Chỉ ra các biểu hiện:* bênh vực, che chở cho những người yếu đuối, không có khả năng tự vệ (cứu người bị nạn trong trường hợp nguy cấp: đuối nước, hỏa hoạn, bị tấn công...); dám đứng lên bảo vệ lẽ công bằng, quyền lợi chính đáng của mọi người, của tập thể, của một cá nhân bị xâm phạm...; đấu tranh chống lại những cái xấu xa, tội lỗi, những hiện tượng tiêu cực (đấu tranh chống tội phạm, tham ô, lãng phí...)

- *Ý nghĩa:* Luôn được mọi người yêu mến, tôn trọng, khâm phục; mang lại niềm vui, hạnh phúc cho con người; làm cho đất nước phát triển và xã hội tốt đẹp hơn...

- *Bàn luận nâng cao:* Bên cạnh đó, vẫn có những kẻ hèn nhát, không dám đấu tranh chống lại những hiện tượng tiêu cực vì sợ trả thù, sợ ảnh hưởng đến quyền lợi của cá nhân,... => làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội...

- *Biện pháp phát huy:* Giáo dục lối sống lành mạnh, tinh thần dũng cảm, biểu dương những tấm gương, những việc làm cao thượng vì lợi ích của cộng đồng, của con người...

- *Liên hệ bản thân:* Cần rèn luyện tinh thần vượt khó vươn lên, tích cực đấu tranh với những thói quen xấu của bản thân, biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương mọi người, dám nhận và sửa chữa những lỗi lầm của mình...

CHUYÊN ĐỀ 4: ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG

BÀI 1: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH (Trích - Chu Quang Tiềm)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

<i>Tác giả</i>	<ul style="list-style-type: none">- Chu Quang Tiềm (1897-1986) là nhà mĩ học, lí luận văn học hiện đại Trung Quốc, bút danh Mạnh Tục, Mạnh Thạch, người Đông Thành, tỉnh An Huy.- Ông là nhà văn hóa lớn, có hcoj vấn uyên thâm và là tác giả của nhiều bài chính luận
----------------	---

	nổi tiếng. - Tác phẩm tiêu biểu của Chu Quang Tiềm là <i>Tâm lý học văn nghệ</i> (Văn nghệ tâm lý), và <i>Bàn về thơ</i> (Thi luận).
Xuất xứ	“ <i>Bàn về đọc sách</i> ” trích trong cuốn “ <i>Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách</i> ”- Bắc Kinh, 1995
Bố cục 3 phần	- Phần 1: Từ đầu đến “ nhằm phát hiện thế giới mới”: Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách - Phần 2: Tiếp theo đến “ Tự tiêu hao lực lượng”: Những khó khăn và thiên hướng sai lệch của việc đọc sách hiện nay. - Phần 3: Còn lại: Bàn về các phương pháp chọn sách và đọc sách
Phương thức biểu đạt	Nghị luận
Giá trị nội dung	Đọc sách là con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn. Ngày nay sách nhiều, phải biết chọn sách mà đọc. Phải biết cách đọc để đạt hiệu quả cao.
Giá trị nghệ thuật	- Bố cục chặt chẽ, hợp lí. - Dẫn dắt tự nhiên, xác đáng bằng giọng chuyện trò, tâm tình của một học giả có uy tín đã làm tăng tính thuyết phục của văn bản. - Lựa chọn ngôn ngữ giàu hình ảnh với những cách ví von cụ thể và thú vị

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách:

a) Tầm quan trọng của việc đọc sách:

- Sách đã cô đúc, ghi chép và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người đã tìm ra, tích lũy qua từng thời đại.
- Sách là kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu lượm, suy ngẫm suốt mấy ngàn năm.
- Những cuốn sách có giá trị được coi là cột mốc trên con đường phát triển học tập nhân loại.

b) Ý nghĩa của việc đọc sách:

- Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn- con đường tích lũy và nâng cao tri thức.
- Đọc sách là sự chuẩn bị để làm cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới.
- Đọc sách có ý nghĩa lớn lao, lâu dài đối với con người. Dù văn hóa nghe, nhìn và thực tế cuộc sống hiện nay đang là những con đường học vấn khác nhau nhưng không bao giờ có thể thay thế được cho việc đọc sách.

2. Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay:

- Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu, dễ sa vào lối ăn tươi, nuốt sống.

+ Tác giả đã so sánh cách đọc sách của người xưa và học giả ngày nay. Đó là đọc kỹ, nghiền ngẫm, đọc ít mà tinh còn hơn đọc nhiều mà rối.

+ Còn lối đọc của ngày nay không chỉ vô bổ mà còn lãng phí thời gian công sức, thậm chí còn có hại.

→ Cách so sánh đọc sách với ăn uống vô tội vạ đã đem đến cho lời bàn thật trí lý sâu sắc. Sách nhiều khiến người ta khó chọn lựa, dẫn đến lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn sách không có ích. tác giả đã so sánh việc đọc sách với việc đánh trận, làm tự tiêu hao lực lượng của mình. Đây là cách so sánh khá mới mà vẫn quen thuộc và lý thú.

3. Bàn về phương pháp chọn sách và đọc sách:

a) Cách chọn sách:

Chọn cho tinh, không cốt lấy nhiều. Đọc nhiều không thể coi là vinh sự, nếu nhiều mà rối. Đọc ít không thể coi là xấu hổ, nếu ít mà kỹ. Tìm đọc những cuốn sách thật sự có giá trị và có ích cho bản thân. Chọn sách phải có mục đích, có định hướng rõ ràng, không nhất thời tùy hứng. Chọn sách nên hướng vào hai loại: Kiến thức phổ thông. Kiến thức chuyên sâu.

b) Phương pháp đọc sách:

Đọc cho kỹ, đọc đi, đọc lại nhiều lần cho đến thuộc lòng. Đọc với sự say mê, nghiền ngẫm sâu xa, trầm ngâm tích lũy và kiên định mục đích. Đọc có kế hoạch, hệ thống, không đọc tràn lan. Đọc về kiến thức phổ thông và kiến thức chuyên sâu. Đọc sách không chỉ là việc tích lũy tri thức mà còn là việc rèn luyện tư cách, chuyện học làm người, rèn đức tính kiên trì, nhẫn nại. → Để nêu bật việc đọc sách hời hợt, tác giả so sánh với việc cưỡi ngựa qua chợ như “trọc phú khoe của”... Cách đọc ấy thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém...

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được 10 quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc 10 lần”.

(Bàn về đọc sách – Chu Quang Tiềm)

Câu 1: Nêu chủ đề của văn bản *Bàn về đọc sách*. Đoạn trích trên đề cập đến khía cạnh nào của chủ đề.

Câu 2: Vì sao tác giả cho rằng: "Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ"

Câu 3: Hãy viết một đoạn văn (khoảng ½ trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nhiều học sinh chỉ thích đọc truyện tranh.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Chủ đề văn bản: Bàn về sự cần thiết của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.
- Đoạn văn đề cập đến phương pháp đọc sách (cách đọc sách)

Câu 2: Vì:

- Nếu không chọn cho tinh, dễ bị chạy theo số lượng, đọc mà không hiểu được bao nhiêu; đồng thời lãng phí thời gian và sức lực trên những cuốn sách "vô thưởng vô phạt".
- Đọc ít mà đọc kĩ thì sẽ tập thành "nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy..." học vấn mới được nâng cao.

Câu 3: Học sinh phải đảm bảo những yêu cầu về:

- Nội dung: nêu rõ hiện tượng; bày tỏ suy nghĩ về hậu quả và nguyên nhân của hiện tượng; đề xuất một vài giải pháp thiết thực để nâng cao nhận thức của học sinh về sách và có phương pháp đọc sách hiệu quả.
- Hình thức: là một đoạn văn nghị luận, có kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt sinh động, độ dài theo quy định...

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Em hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi dưới đây:

.....*Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần. “Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngâm kĩ một mình hay”, hai câu thơ đó đáng làm lời răn cho mỗi người đọc sách. Đọc sách vốn có ích riêng cho mình, đọc nhiều không thể coi là vinh dự, đọc ít cũng không phải là xấu hổ. Đọc ít mà đọc kĩ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm cho mắt hoa ý loạn, tay không mà về. Thế gian có biết bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. Đối với việc học tập, cách đó chỉ là lừa mình dối người, đối với việc làm người thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường thấp kém...*

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn là gì? Xác định nội dung chính của đoạn văn?

Câu 3: Giải thích câu: *“Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngâm kĩ một mình hay”*

Câu 4: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật so sánh và nêu tác dụng.

Câu 5: Viết đoạn văn theo cách diễn dịch trình bày về văn hóa đọc sách của thế hệ học sinh hôm nay.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn văn được trích trong văn bản Bàn về đọc sách. Tác giả: Chu Quang Tiềm.

Câu 2:

- Phương thức biểu đạt chủ yếu: nghị luận
- Nội dung chính của đoạn văn: Bàn về cách đọc sách

Câu 3: *“Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngâm kĩ một mình hay”*

Câu thơ nói về phương pháp đọc sách: Khi đọc, cần đọc cho kĩ, say mê. Điều đó sẽ giúp ta phát hiện cái hay, cái đẹp trong nội dung cuốn sách- mà nếu đọc một lần, đọc lướt sẽ không thể nào nhận biết được hết.

Câu 4:

- Phép so sánh: *Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần.*

- Tác dụng: đề cao việc đọc kĩ để phát hiện ra nội dung, ý nghĩa sâu xa của quyển sách, dù đọc ít nhưng đọc kĩ sẽ tích lũy được nhiều kiến thức hơn là đọc nhiều nhưng không chú tâm, đọc lướt.

Câu 5:

* **Mở đoạn:** Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận: bàn về văn hóa đọc của giới trẻ hiện nay.

* Thân đoạn:

- Biểu hiện, hiện trạng của vấn đề:

+ Giới trẻ hiện nay có vẻ thờ ơ với việc đọc sách, chưa có thói quen đọc sách.

+ Một số ít đọc theo phong trào

+ Chưa có sự lựa chọn, chưa có mục đích đúng đắn

-> Việc đọc trở nên chưa thật sự có ích

+ Một số lựa chọn "sách đen" để đọc → tiêm nhiễm vào đầu óc những tư tưởng thiếu trong sáng, lành mạnh

+ Nhiều người cho rằng đọc sách thời nay là lạc hậu vì ở thời đại thông tin phát triển như vũ bão hiện nay, lên mạng đọc nhanh và dễ hơn → không mặn mà với sách

- Nguyên nhân:

+ Chủ quan:

Nhận thức đúng đắn ý nghĩa, vai trò của việc đọc sách

Đọc sách không chỉ là phương tiện để giải trí, không chỉ là con đường tiếp cận tri thức mà còn để tăng khả năng tư duy mở rộng tâm hồn, để hiểu mình, hiểu người, có kỹ năng sống tốt...

+ Khách quan:

Người Việt chưa có nhiều hành động để hình thành thói quen đọc sách

Sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các kênh truyền hình có đầy ắp phim ảnh, thông tin đầy mạng xã hội

Sự nhộn nhịp của quán xá với bao trò chơi giải trí lôi cuốn làm người ta không có thời gian để ý đến việc đọc sách

- Tác hại:

+ Không chăm đọc sách là bỏ quên một hình thức thư giãn, giải trí bổ ích.

+ Không đọc sách là đánh mất cơ hội mở rộng vốn hiểu biết, mất cơ hội tăng cường khả năng tư duy, mở rộng tâm hồn, kỹ năng sống

- Giải pháp

+ Cần nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách để hình thành thói quen đọc sách

+ Bộ văn hóa và thông tin cần có nhiều hoạt động để tạo điều kiện cho thanh niên đến với việc đọc sách nhiều hơn mở tủ sách miễn phí ở nhiều nơi

Tổ chức ngày hội sách để giới thiệu những cuốn sách hay

Giảm giá các sách

Đưa phong trào đọc sách trở thành phong trào đọc sách

* **Kết đoạn:**

- Vai trò, ý nghĩa, bài học: Đọc sách chính là chiếc chìa khóa vạn năng để mở cửa lâu đài trí tuệ và tâm hồn con người. Sách là người thầy thấp sáng trong ta nguồn tri thức vô biên, dạy ta biết sống đẹp, sống có ý nghĩa trong cuộc đời. Hãy biết yêu sách, chăm đọc sách và phát huy những giá trị từ sách để sách mãi là người bạn thân thiết của chúng ta!

* **Đoạn văn tham khảo:**

(1) Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn, nhưng việc đọc sách của giới trẻ hiện nay còn nhiều điều đáng phải bàn.

(2) Nhiều bạn trẻ có vẻ thờ ơ với việc đọc sách, chưa có thói quen đọc sách.

(3) Một số ít đọc theo phong trào, chưa có sự lựa chọn, chưa có mục đích đúng đắn.

(4) Nhiều người cho rằng đọc sách thời nay là lạc hậu vì ở thời đại thông tin phát triển như vũ bão hiện nay, lên mạng đọc nhanh và dễ hơn cho nên họ không mặn mà với sách.

(5) Có nhiều nguyên nhân dẫn đến các bạn trẻ ngày nay ngại đọc sách.

(6) Có nguyên nhân chủ quan: do nhận thức chưa đúng đắn ý nghĩa, vai trò của việc đọc sách: đọc sách không chỉ là phương tiện để giải trí, không chỉ là con đường tiếp cận tri thức mà còn để tăng khả năng tư duy mở rộng tâm hồn, để hiểu mình, hiểu người, có kỹ năng sống tốt...

(7) Có nguyên nhân khách quan: Người Việt chưa có nhiều hành động để hình thành thói quen đọc sách; sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các kênh truyền hình có đầy ắp phim ảnh, thông tin đầy mạng xã hội; sự nhộn nhịp của quán xá với bao trò chơi giải trí lôi cuốn làm người ta không có thời gian để ý đến việc đọc sách

(8) Họ không biết được những tác hại do việc không đọc sách mang đến: không chăm đọc sách là bỏ quên một hình thức thư giãn, giải trí bổ ích; không đọc sách là đánh mất cơ hội mở rộng vốn hiểu biết, mất cơ hội tăng cường khả năng khả năng tư duy, mở rộng tâm hồn, kỹ năng sống...

(9) Cho nên, mỗi chúng ta cần nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách để hình thành thói quen đọc sách.

(10) Đọc sách chính là chiếc chìa khóa vạn năng để mở cửa lâu đài trí tuệ và tâm hồn con người.

(11) Sách là người thầy thấp sáng trong ta nguồn tri thức vô biên, dạy ta biết sống đẹp, sống có ý nghĩa trong cuộc đời.

(12) Hãy biết yêu sách, chăm đọc sách và phát huy những giá trị từ sách để sách mãi là người bạn thân thiết của chúng ta!

BÀI 2: TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ

(Nguyễn Đình Thi)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Nguyễn Đình Thi (1924-2003), quê ở Hà Nội.</p> <p>- "Là người nghệ sĩ đa tài, Nguyễn Đình Thi sáng tác nhiều thể loại: thơ, nhạc, văn xuôi, kịch, tiểu luận phê bình và ở thể loại nào cũng có những đóng góp đáng ghi nhận.</p> <p>- Trước cách mạng: ông là thành viên của tổ chức Văn hóa- cứu quốc</p> <p>- Sau cách mạng: Ông được bầu làm Tổng thư kí hội văn hóa cứu quốc; từ năm 1958-1989, ông làm Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam; từ năm 1995 ông là Chủ tịch Ủy ban toàn quốc liên hiệp các hội văn học nghệ thuật.</p> <p>- Tác phẩm đã xuất bản: <i>Xung kích</i> (tiểu thuyết, 1951); <i>Thu đông năm nay</i> (truyện, 1954); <i>Người chiến sĩ</i> (thơ, 1956, 1958); <i>Mấy vấn đề Văn học</i> (tiểu luận, 1956 - 1958); <i>Bên bờ sông Lô</i> (truyện ngắn, 1957); <i>Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong Văn nghệ hiện nay</i> (tiểu luận, 1957); <i>Bài thơ Hắc Hải</i> (thơ, 1959 - 1961); <i>Con nai đen</i> (kịch, 1961); <i>Cái tết của mèo con</i> (truyện thiếu nhi, 1961); <i>Vỡ bờ</i>, tập I (tiểu thuyết, 1962, 1970); <i>Công việc của người viết tiểu thuyết</i> (tiểu luận, 1964); <i>Vào lửa</i> (tiểu thuyết, 1966); <i>Mặt trận trên cao</i> (tiểu thuyết, 1967); <i>Vỡ bờ</i> (tập II, tiểu thuyết, 1970); <i>Dòng sông trong xanh</i> (thơ, 1974); <i>Hoa và Ngàn</i> (kịch, 1975); <i>Tia nắng</i> (thơ, 1983); <i>Giấc mơ</i> (kịch, 1983); <i>Tiếng sóng</i> (kịch, 1985); <i>Hòn cuội</i> (kịch, 1987).</p> <p>- Nhà văn đã được nhận: Giải nhì truyện và ký sự giải thưởng Văn nghệ 1951-1952 của Hội Văn nghệ Việt Nam (<i>Xung kích</i>, tiểu thuyết) - Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật (1996).</p>
Xuất xứ	Tiểu luận <i>Tiếng nói của văn nghệ</i> được Nguyễn Đình Thi viết năm 1948, in trong cuốn <i>Mấy vấn đề văn học</i> (lí luận phê bình, xuất bản năm 1956), có nội dung lí luận sâu sắc, được thể hiện qua những rung cảm chân thành của một trái tim nghệ sĩ.
PTBD	Nghị luận
Bố cục 3 phần	<p>- Phần 1: Từ đầu đến “ của tâm hồn”: Nội dung phản ánh của văn nghệ.</p> <p>- Phần 2: Tiếp theo đến “ Tiếng nói của tình cảm”: Vai trò, ý nghĩa của văn nghệ đối với đời sống con người.</p> <p>- Phần 3: Còn lại: Con đường đến với văn nghệ và sức mạnh diệu kì của nó.</p>
Giá trị nội dung	<p>- Văn nghệ không chỉ phản ánh thực tại khách quan mà còn là nhận thức mới mẻ, là tư tưởng, tình cảm của cá nhân nghệ sĩ.</p> <p>- Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết với cuộc sống của con người, nhất là trong hoàn cảnh những năm đầu kháng chiến.</p> <p>- Văn nghệ có khả năng cảm hoá, có sức lôi cuốn thật kì diệu bởi đó là tiếng nói của tình cảm, tác động tới con người qua những rung cảm sâu xa.</p>
Giá trị nghệ thuật	<p>- Bài viết có bố cục khá chặt chẽ, được thể hiện qua hệ thống luận điểm lô gíc, mạch lạc. Giữa các luận điểm vừa có sự tiếp nối tự nhiên vừa bổ sung, giải thích cho nhau.</p> <p>- Cách viết giàu hình ảnh, ví von, cụ thể, sinh động.</p>

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Nội dung phản ánh hiện thực của văn nghệ.

- Là thực tại khách quan và nhận thức mới mẻ.
- Văn nghệ phản ánh hiện thực cuộc sống nhưng văn nghệ không chỉ phản ánh khách quan cái hiện thực ấy mà còn biểu hiện cái chủ quan của người sáng tác – qua lăng kính của tác giả.
- "Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần mình góp vào đời sống chung quanh". Để làm nổi bật luận điểm này, tác giả đã đưa ra 2 dẫn chứng:
 - + Hai câu thơ tả cảnh mùa xuân tươi đẹp trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du – đây không chỉ là tả cảnh mùa xuân mà còn là sự rung động của Nguyễn Du trước cảnh mùa xuân đem đến cho người đọc sự sống, tuổi trẻ...
 - + Cái chết của nhân vật An-na Ca-rê-nhi-na khiến người đọc bàng khuâng, thương cảm.
- Người đọc đã nhận ra được tư tưởng, tình cảm của người nghệ sĩ gửi vào cái hiện thực cuộc sống ấy. Chính lời nhắn gửi toát lên từ hiện thực khách quan được biểu hiện trong tác phẩm đã đem đến cho người đọc một nhận thức mới mẻ.
- ⇒ phép lập luận phân tích cùng với những dẫn chứng tiêu biểu cụ thể, Nguyễn Đình Thi cho thấy: nội dung văn nghệ là phản ánh hiện thực. Hiện thực ấy mang tính hình tượng cụ thể, sinh động, là đời sống, tư tưởng, tình cảm của con người thông qua cái nhìn và tình cảm của người nghệ sĩ.

2. Vai trò, ý nghĩa của văn nghệ đối với đời sống con người.

- Văn nghệ giúp cho con người có cuộc sống đầy đủ hơn, cảm thấy cuộc đời đẹp hơn và có ý nghĩa hơn:
 - + Văn nghệ giúp con người tự nhận thức chính bản thân mình, giúp ta sống đầy đủ, phong phú hơn cuộc sống của chính mình.
 - + Trong những trường hợp con người bị ngăn cách giữa cuộc sống, tiếng nói của văn nghệ là sợi dây buộc chặt họ với cuộc đời thường bên ngoài với tất cả những sự sống, hành động vui buồn, gần gũi.
 - + Văn nghệ góp phần làm tươi mát sinh hoạt khắc khổ hằng ngày, giữ cho đời vẫn tươi. Tác phẩm văn nghệ giúp cho con người vui lên, biết rung động và ước mơ trong cuộc đời còn vất vả, cực nhọc.
 - + Đem tới cả thời đại cách sống tâm hồn.
- ⇒ Văn nghệ rất cần thiết đối với cuộc sống của mỗi người chúng ta.

3. Con đường đến với văn nghệ và sức mạnh diệu kì của nó.

- Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm.
- Chỗ đứng của văn nghệ chính là chỗ giao nhau giữa tâm hồn con người với cuộc sống sản xuất, chiến đấu; là ở tình yêu ghét, nỗi buồn vui trong đời sống tự nhiên với đời sống xã hội.
- Nghệ thuật là tư tưởng nhưng là tư tưởng đã được nghệ thuật hóa – tư tưởng cụ thể sinh động, lắng sâu, kín đáo chứ không lộ liễu, khô khan, áp đặt.
- ⇒ Tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc, đi vào nhận thức, tâm hồn người đọc bằng con đường tình cảm. Qua tác phẩm văn nghệ, chúng ta sống cùng cuộc sống

được miêu tả trong đó, được yêu ghét, buồn vui đợi chờ, cùng với các nhân vật và người nghệ sĩ.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho đoạn văn sau:

“Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại những cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.”

(Ngữ văn 9 - Tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?

Câu 2: Chỉ rõ những phép liên kết trong đoạn trích.

Câu 3: Câu văn “Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.” là câu đơn hay câu ghép?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Tiếng nói của văn nghệ, Nguyễn Đình Thi.

Câu 2:

- Phép thế (anh - nghệ sĩ; cái đã có rồi – những vật liệu mượn ở thực tại)

- Phép lặp (tác phẩm)
- Phép nối (nhưng)
- Phép liên tưởng (nghệ thuật - nghệ sĩ - tác phẩm)

Câu 3: Câu ghép

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“Chúng ta nhận của những nghệ sĩ vĩ đại ấy không những là mấy học thuyết luân lý, triết học, mà là tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng, phần khích và biết bao tư tưởng của từng câu thơ, từng trang sách, bao nhiêu hình ảnh đẹp đẽ mà đáng lẽ chúng ta không nhận được hàng ngày chung quanh ta, một ánh nắng, một lá cỏ, một tiếng chim, bao nhiêu bộ mặt con người trước kia ta chưa nhìn thấy, bao nhiêu vẻ mới mẻ, bao nhiêu vấn đề mà ta ngạc nhiên tìm ra ngay trong tâm hồn chúng ta nữa...”

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Ai là tác giả của bài viết đó?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn trên ?

Câu 3 : Câu văn trên nói về nội dung gì ?

Câu 4: Đặc điểm của câu văn trên là ? Tác dụng của cách đặt câu đó như thế nào ?

Câu 5: Các tổ hợp từ : “một ánh nắng, một lá cỏ, một tiếng chim” được gọi là ?

Câu 6.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong văn bản “Tiếng nói của văn nghệ”- Nguyễn Đình Thi

Câu 2: nghị luận.

Câu 3 : Câu văn trên nói về nội dung: Tác phẩm văn nghệ mang đến cho người đọc hiểu biết rung động mới mẻ .

Câu 4:

- Đặc điểm của câu văn trên là: câu dài, dùng phép liệt kê, giàu hình ảnh.

- Tác dụng: thể hiện cảm xúc tuôn trào của người viết.

Câu 5: Các tổ hợp từ : “một ánh nắng ,một lá cỏ, một tiếng chim” được gọi là cụm danh từ.

BÀI 3: CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI

(Vũ Khoan)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<ul style="list-style-type: none"> - Tác giả Vũ Khoan sinh năm 1937, quê huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây. - Ông là nhà hoạt động chính trị, từng làm Thứ trưởng Bộ ngoại giao, Bộ trưởng Bộ thương mại là Phó Thủ tướng Chính phủ.
Xuất xứ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản “ Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” được đăng trên tạp chí Tia sáng năm 2001. Bài viết ra đời trong những năm đầu của thế kỉ XXI, đó là thời điểm quan trọng trên con đường phát triển và hội nhập thế giới. - Bài viết in trong tập “ Một góc nhìn của tri thức” năm 2002
Phương thức biểu đạt	Nghị luận
Bố cục 3 phần	<ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Từ đầu đến “ thiên niên kỉ mới”: Vai trò của con người trong hành trang bước vào thế kỉ mới. - Phần 2: Tiếp theo đến “ kinh doanh và hội nhập”: Những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước trong bối cảnh mới. - Phần 3: Còn lại: Những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam.
Giá trị nội dung	Văn bản “ Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” là lời nhắc nhở cho thế hệ trẻ Việt Nam cần thấy được những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu của bản thân, rèn luyện cho mình những đức tính, thói quen tốt để đáp ứng nhiệm vụ đưa đất nước trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
Giá trị nghệ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Cách nói giản dị, trực tiếp, dễ hiểu - Hệ thống luận điểm, luận cứ chặt chẽ, có tính định hướng.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Vai trò của con người trong hành trang bước vào thế kỉ mới.

- Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển lịch sử.
- Trong thời kì kinh tế tri thức thì vai trò của con người lại càng nổi trội.

2. Những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước trong bối cảnh mới.

- Khoa học, công nghệ phát triển như huyền thoại, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế ngày càng sâu rộng.
- Nhiệm vụ và mục tiêu của đất nước ta:
 - + Thoát khỏi nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.
 - + Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Tiếp cận nền kinh tế tri thức.

3. Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam:

- Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.
- Cần cù, sáng tạo nhưng thiếu tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ lao động khắt khe.
- Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc nhưng thường đổ lỗi trong làm ăn.
- Thích ứng nhanh nhưng lại nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kĩ thuật trong kinh doanh, quen thói bao cấp, thói sùng ngoại, bài ngoại hoặc thói khôn vặt...

-> Cách nêu điểm mạnh, điểm yếu của con người VN rất cụ thể, chính xác và sâu sắc. Điểm mạnh, điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Nêu điểm mạnh, điểm yếu của con người VN, tác giả đã tôn trọng sự thực, nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, toàn diện, không thiên lệch một phía. Khẳng định và trân trọng những phẩm chất tốt đẹp, đồng thời cũng thẳng thắn chỉ ra những mặt yếu kém, không sa vào sự đề cao quá mức hay tự ti, miệt thị dân tộc.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

"Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng", nhất là khả năng thực hành và sáng tạo còn bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề".

Câu 1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? của ai?

Câu 2. Nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản đó?

Câu 3. Chỉ ra các phép liên kết câu có trong đoạn văn trên.

Câu 4. Từ nhận định trên, em hãy viết một đoạn văn khoảng 6-8 câu trình bày suy nghĩ của em về tình trạng *học chay, học vẹt* của học sinh hiện nay.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1. HS nêu được

- Tên văn bản: " Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới"
- Tên tác giả: Vũ Khoan

Câu 2. Nêu hoàn cảnh sáng tác:

- Bài viết đăng trên tạp chí "Tia sáng" năm 2001 - được in vào tập "Một góc nhìn của trí thức"
- Bài viết ra đời trong thời điểm những năm đầu thế kỉ XXI - thời điểm quan trọng trên con đường phát triển và hội nhập thế giới.

Câu 3. Các phép liên kết câu có trong đoạn văn:

- Phép lập: Cái mạnh; sáng tạo
- Phép nối: Nhưng
- Phép thế: Bản chất trời phú ấy – Sự thông minh, nhạy bén với cái mới; Ấy là - cái yếu.

Câu 4.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Học sinh viết được đoạn văn nghị luận về *hiện tượng đời sống* có nội dung như yêu cầu, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng cụ thể, có vận dụng các thao tác lập luận để làm sáng tỏ một vấn đề.

*** Yêu cầu về kiến thức**

- Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận
- Giải thích:
 - + Học chay là lối học thiên về sách vở, xa rời thực tế, không thực hành chỉ là lối học suông về lí thuyết...
 - Biểu hiện: một bộ phận sinh viên chỉ học lí thuyết, không thực hành ra thực tế không đáp ứng được nhu cầu công việc; 1 số HS không tìm hiểu căn cứ kiến thức chỉ học thuộc lòng ...
 - Học chay, học vẹt gây hậu quả nghiêm trọng:
 - + Không hiểu sâu, nắm chắc vấn đề
 - + Khả năng ứng dụng, thực hành kém
 - + Từ đó nảy sinh các vấn đề tiêu cực như quay cóp, gian lận khi thi cử....
 - HS học chay học vẹt do nhiều nguyên nhân:
 - + Do chương trình học nặng về lí thuyết khô khan, cứng nhắc nên một bộ phận HS chán học, học chống đối...
 - + HS chưa có ý thức, chưa có phương pháp học đúng đắn, chưa có động cơ học tập rõ ràng, trong khi game, Facebook ...chiếm khoảng thời gian lớn của họ...
 - Giải pháp khắc phục hiện tượng trên:
 - + Gia đình, nhà trường cần phối hợp chặt chẽ để bài trừ kiểu học tiêu cực này. Phụ huynh cần có những định hướng cụ thể trong việc học của con cái
 - + HS tự giác học tập, xác định động cơ, phương pháp học rõ ràng...
 - Khái quát, khẳng định vấn đề. Mở đoạn, kết đoạn làm tốt

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“... Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có

và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng.”

(Trích Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, Vũ Khoan, Ngữ văn 9, tập hai)

Câu 1. Đoạn trích đề cập đến vấn đề gì?

Câu 2. Xác định phép liên kết hình thức trong hai câu đầu của đoạn trích.

Câu 3. Em hiểu thế nào là thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”?

Câu 4. Từ vấn đề mà đoạn văn đề cập, em hãy viết đoạn văn triển khai nội dung sau: “Sự cần thiết phải chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới của thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay.”

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Đoạn trích trên đề cập tới cái mạnh và cái yếu của con người Việt Nam.

Câu 2: Phép liên kết trong hai câu thơ đầu là phép thế:

"Bản chất trời phú ấy"

Câu 3: Thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng":

"Những môn học thời thượng" mà tác giả đề cập đến là những môn học được một bộ phận người ưa chuộng, thích thú nhưng chỉ mang tính chất tạm thời không có giá trị lâu bền.

Câu 4:

* **Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Học sinh viết được đoạn văn nghị luận về *vấn đề xã hội* có nội dung như yêu cầu, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng cụ thể, có vận dụng các thao tác lập luận để làm sáng tỏ một vấn đề.

* **Yêu cầu về kiến thức**

- Nội dung triển khai câu chủ đề: Sự cần thiết phải chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới của thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay.

+ Lớp trẻ Việt Nam phải nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam qua đoạn văn trên để rèn thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới.

+ Học sinh khái quát được yêu cầu của nền kinh tế mới...

+ Học sinh nói được những mục tiêu rèn luyện theo suy nghĩ riêng của mình (hoặc dựa theo sự chuẩn bị mà tác giả Vũ Khoan nói trong tác phẩm là được).

+ Khuyến khích những hs có quan điểm riêng...

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới.

Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.

Cần chuẩn bị những cái cần thiết trong hành trang mang vào thế kỉ mới, trong khi chúng ta đã chứng kiến sự phát triển như huyền thoại của khoa học và công nghệ, làm cho tỉ trọng trí tuệ trong một sản phẩm ngày càng lớn. Chắc rằng chiều hướng này sẽ ngày càng gia tăng. Một phần dưới tác động của những tiến bộ khoa học và công nghệ, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế chắc chắn sẽ sâu rộng hơn nhiều.

(Trích Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, Vũ Khoan, SGK
Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2. Chỉ ra nội dung chính của đoạn văn trên?

Câu 3. Phần gạch chân trong câu văn: "Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới," thuộc thành phần gì của câu?

Câu 4. Theo tác giả, trong những hành trang chuẩn bị vào thế kỉ mới thì sự chuẩn bị nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Câu 5. Là một học sinh, em nhận thấy mình cần phải làm gì để đóng góp công sức vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước? Trả lời trong khoảng từ 3 đến 5 câu văn.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

Câu 2. Nội dung đoạn văn: Cái mạnh của người Việt Nam là sự thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng lại bị hạn chế bởi những lỗ hổng về kiến thức cơ bản và khả năng thực hành, sáng tạo.

Câu 3. Thành phần: Trạng ngữ

Câu 4.

- Sự chuẩn bị quan trọng nhất là: con người
- Vì: con người cũng là động lực phát triển của lịch sử.

Câu 5.

- Trước hết mỗi học sinh cần có mơ ước, lí tưởng cao đẹp.
- Xác định mục đích học tập, không ngừng cố gắng để vươn lên trong học tập.
- Trước mọi khó khăn, thử thách không chùn bước, nỗ lực không ngừng.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Cho đoạn văn:

"... Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội".

(Hành trang vào thế kỷ mới – Vũ Khoan. Ngữ văn 9, Tập 2, NXBGD – 2006)

Câu 1: Câu chủ đề của đoạn văn trên nằm ở vị trí nào? Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết nào là chủ yếu? Từ được in đậm trong câu *"Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất."* là thành phần biệt lập gì?

Câu 2: Tại sao nói, đất nước càng hiện đại, càng phát triển thì sự chuẩn bị cho con người càng quan trọng hơn?

Câu 3: Trong văn bản tác giả chỉ ra một trong những cái mạnh của con người Việt Nam là “thông minh nhạy bén với cái mới”, còn cái yếu là “khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề”. Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 10 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên?

Câu 4: Em đã và sẽ làm gì để chuẩn bị hành trang cho bản thân mình để vững bước vào thế kỷ XXI?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết chủ yếu là: phép lặp.

- Có lẽ là thành phần biệt lập tình thái trong câu.

Câu 2: Vì con người là động lực phát triển của lịch sử. Thế kỷ 21, nền kinh tế tri thức càng khiến cho tri thức là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của nhân loại.

Câu 3:

* Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách làm bài nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

* Yêu cầu về nội dung:

Thí sinh cần làm rõ các nội dung sau:

- Nêu được vấn đề cần nghị luận.

- Suy nghĩ về cái mạnh của con người Việt Nam: thông minh, nhạy bén với cái mới (Vận dụng các thao tác nghị luận xã hội để làm rõ cái mạnh của con người Việt Nam; ý nghĩa, tác dụng của nó)

- Suy nghĩ về cái yếu của con người Việt Nam: Khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề (Vận dụng các thao tác nghị luận xã hội để làm rõ cái yếu của con người Việt Nam; ý nghĩa, tác dụng của nó) (0,5 điểm)

- Liên hệ bản thân: Thấy được cái mạnh của bản thân để từ đó có hướng phát huy, khắc phục những cái yếu, nhất là lối học chay, học vẹt; tăng cường kĩ năng thực hành và vận dụng...

Câu 4. Em đã và sẽ làm gì để chuẩn bị hành trang cho bản thân mình để vững bước vào thế kỷ 21?

- Liên hệ những hành động việc làm để trở thành con ngoan trò giỏi, tích lũy kiến thức.

- Rèn luyện về đạo đức, sức khỏe để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. (Trình bày mạch lạc bằng 1 đoạn văn khoảng 5 dòng).

BÀI 4: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

(Lê Anh Trà)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	Sinh năm 1927 mất năm 1999 Quê quán: Xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
Xuất xứ	<i>Phong cách Hồ Chí Minh</i> là một phần bài viết "Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị" của tác giả Lê Anh Trà, trích trong cuốn sách "Hồ Chí Minh và văn hoá Việt Nam", Viện Văn hoá xuất bản, Hà Nội, 1990.
PTBD	Nghị luận
Bố cục 2 phần	<ul style="list-style-type: none"> - Phần 1 (từ đầu ... <i>rất hiện đại</i>): Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. - Phần 2 (tiếp ... <i>hạ tấm ao</i>) : Vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh. - Phần 3 (còn lại) : Ý nghĩa phong cách Hồ Chí Minh.
Giá trị nội dung	Mặc dù am tường và ảnh hưởng nền văn hoá nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới nhưng phong cách của Hồ Chí Minh vô cùng giản dị, điều đó được thể hiện ngay trong đời sống sinh hoạt của Người: nơi ở chỉ là một ngôi nhà sàn nhỏ bé với những đồ đạc mộc mạc, trang phục đơn sơ, ăn uống đạm bạc.
Giá trị nghệ thuật	<p>Viết về phong cách Hồ Chí Minh, tác giả đưa ra luận điểm then chốt: Phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa tính dân tộc và tính nhân loại, truyền thống và hiện đại, giữa vĩ đại và giản dị.</p> <p>Để làm sáng tỏ luận điểm này, tác giả đã vận dụng một hệ thống lập luận chặt chẽ, với những dẫn chứng xác thực, giàu sức thuyết phục về quá trình hoạt động cách mạng, khả năng sử dụng ngôn ngữ và sự giản dị, thanh cao trong cuộc sống sinh hoạt hằng</p>

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Đi nhiều nơi có điều kiện để tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau, thành thạo nhiều thứ tiếng.
 - Ham học hỏi, dày công học tập, rèn luyện không ngừng. Bác luôn tiếp thu các kiến thức và có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại.
 - Giữ gìn và biết kết hợp văn hóa truyền thống với vẻ đẹp văn hóa nhân loại.
- ⇒ Những nhân tố đó đã tạo nên ở bác một phong cách văn hóa hiện đại và rất Việt Nam.

2. Vẻ đẹp trong lối sống của Hồ Chí Minh

- Nơi làm việc đơn sơ: Chỉ vài phòng làm việc và tiếp khách, họp bộ chính trị và ngủ, nhà sàn vài ba phòng, ao cá,...
 - Trang phục giản dị: Ít ỏi chiếc va li con với vài ba bộ quần áo bà ba, dép lốp thô sơ,...
 - Ăn uống đạm bạc: Cá kho, rau luộc, dưa cà,...
- Lối sống của một vị Chủ tịch nước nhưng rất giản dị, thanh cao, không xa hoa lãng phí. Đây là lối sống có văn hóa, trở thành một quan điểm thẩm mỹ: Cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên.

3. Ý nghĩa phong cách Hồ Chí Minh

- Học tập và rèn luyện theo phong cách của Bác là hòa nhập với khu vực nhưng phải giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc.
- Phong cách của Người bộc lộ một quan niệm thẩm mỹ về lẽ sống, cách di dưỡng tinh thần.
- Đây chính là cách sống của người cộng sản lão thành.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho câu văn sau:

“Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thân thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác.”

(SGK Ngữ văn 9, tập một)

Câu 1. Câu văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai ? “di dưỡng tinh thần” được dùng ở đây có nghĩa là gì?)

Câu 2. Văn bản chứa câu văn trên đề cập đến chủ đề gì?

Câu 3. Lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông của Bác Hồ được biểu hiện như thế nào?

Câu 4. Có bạn cho rằng, học tập theo lối sống cao đẹp của Bác, mỗi chúng ta cần nên ép mình vào cuộc sống khắc khổ. Em có đồng ý với suy nghĩ đó không? Vì sao?

Câu 5. Viết một văn bản ngắn (khoảng một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về một trong các bài học mà em rút ra được từ câu văn trên?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1.

- Văn bản: Phong cách Hồ Chí Minh- Lê Anh Trà

- Di dưỡng tinh thần: bồi bổ cho sáng khoái về tinh thần, giữ cho tinh thần vui khỏe.

Câu 2.

Chủ đề của văn bản: Hội nhập và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

Câu 3. Sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa thế giới nơi con người của Bác.

Lối sống của Bác, của một vị "vua", nhưng lại rất bình dị và rất đời thường, như phong cách sống của những bậc hiền triết ngày xưa: vua Nghiêu, vua Thuần,...

Câu 4.

HS trình bày suy nghĩ đúng đắn hợp lý

Câu 5.

*** Đoạn văn tham khảo:**

(1) Qua văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” của tác giả Lê Anh Trà, em thấy mình cần học tập ở Bác đức tính giản dị.

(2) Giản dị là sống một cách đơn giản, tự nhiên, không cầu kì phô trương trong lối sống.

(3) Lối sống giản dị bộc lộ ở nhiều phương diện: trang phục, ăn uống, thói quen, giao tiếp, nói năng, phong cách làm việc...

(4) Trang phục phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, gọn gàng và tiện dụng, tránh cầu kì, lòe loẹt.

(5) Cách ứng xử lịch sự, đúng mực; cách suy nghĩ và sử dụng ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, không hoa mỹ, cầu kì rắc rối...

(6) Cách sinh hoạt: hòa đồng với mọi người, tự nhiên và gần gũi trong cách cư xử; không tự coi mình là người đặc biệt, khác người mà cần thấy mình bình thường như những người khác.

(7) Cốt lõi của lối sống giản dị là sự ý thức sâu sắc về mục đích và cách sống sao cho hoà đồng và thoải mái, tự nhiên để tạo thành một phong cách sống. Sống giản dị cũng là biểu hiện của sự sâu sắc trong nhận thức về cuộc sống.

(8) Giản dị khiến người ta dễ hòa nhập với mọi người, làm cho con người trở nên thân thiện với nhau và giúp ta có thêm bạn bè... góp phần làm sáng lên nhân cách của mỗi con người.

(9) Giản dị tạo nên sự thanh thản, bình yên trong tâm hồn và sự nhàn nhã, thư thái trong nhịp sống khiến con người hoà đồng với tự nhiên, gắn bó sâu sắc với các cá nhân khác.

- (10) Sống giản dị là một trong những cách để mỗi người sống thật, sống có hứng thú, có ý nghĩa.
- (11) Sống giản dị giúp chúng ta hoàn thiện bản thân và tạo cho xã hội sự hoà đồng, bình đẳng, nhân ái.
- (12) Lối sống giản dị hoàn toàn khác với lối sống cầu thả, lạc hậu, gò bó, khuôn mẫu; giản dị cũng không đồng nghĩa với tiết kiệm, hà tiện... giản dị phù hợp với điều kiện, với hoàn cảnh vẫn thể hiện được sự tao nhã, thanh lịch, văn hóa.
- (13) Cần phê phán lối sống xa hoa, đua đòi hay giản dị một cách giả tạo.
- (14) Để sống giản dị, con người phải trải qua sự rèn luyện, cần một năng lực sống, quyết tâm cao, cũng cần hoà mình vào cuộc sống để sống và cảm nhận, cần loại bỏ lòng tham và bù đắp tình yêu cuộc sống.
- (15) Đó là cách để tránh mọi cám dỗ, giảm áp lực tinh thần và nâng cao bản lĩnh văn hoá.
- (16) Bởi thế chúng ta hãy chọn cho mình một cách sống tốt nhất bằng cách cùng tạo dựng cho bản thân một “lối sống giản dị” riêng.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc kĩ phần trích sau đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện” của mình. Quả như một câu chuyện thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ, với những đồ đạc rất mộc mạc đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.

Câu hỏi

Câu 1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. Tìm dẫn chứng cụ thể để chứng tỏ lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất Phương Đông của Hồ Chí Minh?

Câu 3. Nêu và phân tích các biện pháp nghệ thuật đã được tác giả sử dụng thành công để làm nổi bật vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh trong phần trích nói trên.

Câu 4. Từ nội dung đoạn văn gợi ra hãy nêu suy nghĩ của em về lối sống giản dị bằng 10 câu ?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2. Đoạn văn đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho lối sống giản dị mà thanh cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh: cách chọn nơi làm việc; sự giản dị trong trang phục; sự giản dị, đạm bạc trong ăn uống

Câu 3.

- Nghệ thuật đối lập (vĩ nhân mà hết sức giản dị gần gũi)
- Kết hợp giữa kể và bình luận
- Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu

- Đan xen thơ Nguyễn Bình Khiêm, cách dùng từ Hán Việt gọi cho người đọc thấy sự gần gũi giữa Hồ Chí Minh với các bậc hiền triết của dân tộc.

Mỗi biện pháp nghệ thuật phải được làm rõ qua việc chọn và phân tích các dẫn chứng tiêu biểu.

Câu 4.

HS viết đoạn văn đảm bảo nd sau:

Giản dị là một đức tính tốt đẹp của nhân dân ta (1). Giản dị là đơn giản không xa hoa, lãng phí, không quá cầu kỳ, phức tạp, cũng như không bao giờ khoa trương (2). Lối sống giản dị không phải chỉ thể hiện qua lời nói, cách ăn mặc, việc làm mà còn thể hiện qua suy nghĩ và hành động của mọi người trong cuộc sống cũng như trong các hoàn cảnh(3). Chúng ta phải sống giản dị vì ta sẽ được mọi người yêu quý, kính trọng (4). Bác Hồ là tiêu biểu của con người giản dị. Bác ăn bữa cơm chỉ có vài ba món(5).Sau khi ăn Bác luôn dọn sạch và khi ăn không để rơi hạt cơm nào (6).Hiện nay đã có nhiều người biết sống giản dị, đơn giản(7).Trong đó cũng có nhiều người vẫn chưa biết sống giản dị mà lại sống quá lãng phí, xa hoa (8). Mọi người ơi (9).Chúng nên noi theo gương Bác phải sống thật giản dị và đơn giản (10).

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Trong bài « phong cách Hồ Chí Minh », sau khi nhắc lại việc chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới , tác giả Lê Anh Trà viết :

“ .. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại”...

(Trích *Ngữ Văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Câu 1.

Ở phần trích trên, tác giả đã cho ta thấy vẻ đẹp của phong cách HCM được kết hợp hài hòa bởi những yếu tố nào ? Em hiểu được điều gì về tình cảm của tác giả dành cho Người ?

Câu 2.

Xác định hai danh từ được sử dụng như tính từ trong phần trích dẫn, cho biết hiệu quả nghệ thuật của cách dùng từ ấy ?

Câu 3.

Em hãy suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập và phát triển.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1.

Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng văn hóa Quốc tế và gốc văn hóa dân tộc.

– Qua đó tác giả Lê Anh Trà thể hiện tình cảm kính trọng, ca ngợi Bác Hồ, tự hào về Người như một đại diện của một con người ưu tú Việt Nam.

Câu 2.

Hai danh từ được sử dụng như tính từ: Việt Nam, Phương Tây. Cách dùng từ ấy có hiệu quả nghệ thuật cao Tác giả nhấn mạnh bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc Phương Đông trong con người Bác.

Câu 3.

Trách nhiệm thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập: – Giải thích: thời kỳ hội nhập: các nền kinh tế thế giới mở cửa, hội nhập dẫn đến sự giao lưu, ảnh hưởng văn hóa giữa các nước.

-Trách nhiệm thế hệ trẻ:

+ Giữ gìn và phát huy những bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc;

+ Nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc, niềm tự hào về những truyền thống văn hóa tốt đẹp: truyền thống yêu nước; Uống nước nhớ nguồn; văn hóa lễ hội truyền thống; phong tục tập quán; di sản, di tích lịch sử,...

+ Tiếp tục những ảnh hưởng tích cực từ văn hóa nước ngoài đồng thời gạt bỏ những ảnh hưởng tiêu cực từ văn hóa ngoại lai.

- Đánh giá: đây là vấn đề quan trọng đòi hỏi ý thức và nhận thức của thế hệ trẻ cùng đồng lòng, chung tay góp sức.

BÀI 5: ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH (G. G. Mác-két)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	<p>- Nhà văn Cô-lôm-bi-a G.G. Mác-két (Gabriel Garcia Marquez) sinh năm 1928. Năm 1936, tốt nghiệp tú tài, ông vào học ngành Luật tại trường đại học Tổng hợp Bô-gô-ta và viết những truyện ngắn đầu tay.</p> <p>- Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két là tác giả của nhiều tiểu thuyết theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo nổi tiếng. Ông từng được nhận giải thưởng Nô-ben văn học năm 1982.</p> <p>- G. G. Mác-két có một sự nghiệp sáng tác đồ sộ, nhưng nổi tiếng nhất là cuốn <i>Trăm năm cô đơn</i> (1967) - tiểu thuyết được tặng Giải Chianchianô của I-ta-li-a, được Pháp công nhận là cuốn sách nước ngoài hay nhất trong năm, được giới phê bình văn học ở Mỹ xếp là một trong 12 cuốn sách hay nhất trong những năm sáu mươi của thế kỉ XX.</p> <p>- Phong cách sáng tác :</p> <p>+ Ông thường viết nhiều tiểu thuyết theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo nổi tiếng</p> <p>+ Toàn bộ những sáng tác của G.G Mác — kết xoay quanh các chủ đề chính như: sự cô đơn — mặt trái của tình đoàn kết, lòng yêu thương giữa con người... Tất cả đều mang đậm giá trị hiện thực nhưng giàu tính nhân văn sâu sắc.</p>
----------------	---

Xuất xứ	Tác phẩm được trích từ bài tham luận của G.G Mác — kết trong buổi gặp gỡ lần thứ hai vào tháng 8 năm 1986 giữa nguyên thủ 6 nước Ấn Độ, Mê-hi-cô, Thụy Điển, Ác-hen-ti-na, Hi Lạp, Tan-da-ni-a tại Mê-hi-cô để cùng đưa ra một bản tuyên bố kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân để bảo vệ an ninh và hòa bình thế giới
PTBD	Nghị luận
Bố cục 3 phần	<p>Phần 1: Từ đầu đến "vận mệnh thế giới": Hiểm họa chiến tranh hạt nhân đang đè nặng lên toàn trái đất.</p> <p>Phần 2: Tiếp theo đến "điểm xuất phát của nó": Sự phi lí và tốn kém của cuộc chạy đua vũ trang.</p> <p>Phần 3: Còn lại: Ngăn chặn chiến tranh là nhiệm vụ của mọi người.</p>
Giá trị nội dung	Văn bản <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i> trình bày những ý kiến của tác giả xung quanh hiểm họa hạt nhân, đồng thời kêu gọi thế giới nỗ lực hành động để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ về một thảm họa có thể huỷ diệt toàn bộ sự sống trên trái đất.
Giá trị nghệ thuật	- Hệ thống lập luận chặt chẽ, đặc biệt là những dẫn chứng rất cụ thể, xác thực, giàu sức thuyết phục.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Hiểm họa chiến tranh hạt nhân Nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

- Ngày 8/8/1986, hơn 50000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí khắp hành tinh. Tất cả mọi người ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ. Tất cả chỗ đó nổ tung sẽ huỷ hoại 12 lần Trái đất và các hành tinh khác. Chiến tranh hạt nhân được so sánh như thanh gươm Đa-mô-clet. Cuộc sống tốt đẹp của con người bị chiến tranh hạt nhân đe dọa. Chiến tranh hạt nhân đi ngược lý trí loài người. Nhiệm vụ đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

⇒ Mở đầu bằng một câu hỏi rồi tự trả lời bằng một thời điểm thực tại với những con số cụ thể, cách tính toán cụ thể, đơn giản. Những con số mà Mác-két đưa ra đã nâng cao nhận thức cho mọi người về nguy cơ chiến tranh hạt nhân, và sự huỷ diệt khủng khiếp của vũ khí hạt nhân.

⇒ Tác động vào nhận thức về sức mạnh ghê gớm của vũ khí hạt nhân, gợi sự đồng tình của người đọc.

2. Chạy đua chiến tranh hạt nhân là cực kỳ tốn kém

- Ngược với lí trí của con người:

Tiếp theo, Mác-két đã chỉ ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân là vô cùng tốn kém. Đây là những số liệu cụ thể mà tác giả đã đưa ra:

Các lĩnh vực đời sống xã hội:	Chi phí chuẩn bị chiến tranh hạt nhân
100 tỉ USD để giải quyết vấn đề cấp bách, cứu trợ ý tế, GD cho 500 triệu trẻ em nghèo trên thế giới.	Gần bằng chi phí cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B và 7000 tên lửa vượt đại dương.
Kinh phí của chương trình phòng bệnh	Bằng giá 10 chiếc tàu sân bay Ni-mít

14 năm cứu hơn 14 triệu trẻ em Châu Phi.	mang vũ khí hạt nhân của Mỹ dự định sản xuất từ năm 1986 - 2000.
Năm 1985 có 575 triệu người thiếu dinh dưỡng.	Gần bằng kinh phí sản xuất 149 tên lửa MX.
Tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo dinh dưỡng.	Gần bằng kinh phí sản xuất 27 tên lửa MX
Xóa nạn mù chữ cho toàn thế giới.	Bằng tiền đóng 2 tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân.

=> Chạy đua vũ trang, chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân vô cùng tốn kém và điên rồ, làm mất đi sự cải thiện đời sống của con người, ngược với lí trí lành mạnh của nhân loại. Các dẫn chứng cụ thể, nhiều lĩnh vực thiết yếu của đời sống được so sánh với sự tốn kém của chi phí hạt nhân. Cho thấy sự vô nhân đạo, lời tố cáo của những kẻ độc ác đang đẩy loài người đến cái chết.

- Chiến tranh đi ngược với cá tự nhiên:

+ 180 triệu năm bông hồng mới nở.

+ 380 triệu năm con bướm mới biết bay.

+ Hàng triệu triệu năm con người mới hình thành.

→ Đó là cả một quá trình kì công nhưng nếu chiến tranh diễn ra nó sẽ trở thành con số không. Tác giả sử dụng nghệ thuật đối lập, khẳng định một sự phản tiến hóa, phản tự nhiên đến điên rồ khiến ta thấy được hiểm họa của hạt nhân.

* **Nhận xét:** Nghệ thuật lập luận của Mác-két rất sắc bén. Những con số về tiền bạc mà ông nêu lên đã cho thấy ngân sách quân sự, chi phí chạy đua vũ trang hạt nhân là cực kì tốn kém! Tác giả sử dụng lối biện luận tương phản về thời gian: quá trình hình thành sự sống và văn minh nhân loại phải trải qua hàng triệu triệu năm, còn sự hủy diệt trái đất chỉ diễn ra trong nháy mắt, “chỉ cần bấm nút một cái” thì tất cả sẽ trở thành tro bụi — ông đã chỉ cho mỗi người, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia thấy rõ hiểm họa vũ khí hạt nhân, chạy đua vũ trang hạt nhân khủng khiếp như thế nào!

3. Nhiệm vụ của mọi người:

- Ông kêu gọi mọi người “chống lại việc đó” - cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, hãy “tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hòa bình, công bằng”.

- Ông đề nghị “mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân” để cho nhân loại tương lai biết rằng “sự sống đã từng tồn tại”..., để nhân loại tương lai “biết đến” những thủ phạm đã “gây ra những lo sợ, đau khổ” cho hàng tỉ con người, để “biết đến” tên những kẻ “giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn”...

* **Nhận xét:**

- Mác-két đã có một cách nói đặc sắc, độc đáo lên án những kẻ hiếu chiến đã và đang gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, đe dọa cuộc sống hòa bình yên vui của các dân tộc và nhân loại.
- Văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* thể hiện trí tuệ và tâm hồn của Mác-két. Ông đã sáng suốt và tinh táo chỉ cho nhân loại thấy rõ nguy cơ hạt nhân là một hiểm họa đáng sợ- “dịch hạch hạt nhân”. Tâm hồn của ông cháy bỏng một niềm khao khát hòa bình cho nhân loại.
- Mác-két đã có một lối nói, lối viết rất độc đáo. Những số liệu của ông nêu ra có một sức thuyết phục to lớn, làm cho mọi người, mọi dân tộc nhận thức một cách sâu sắc về sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình là sự sống còn của nhân loại.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho đoạn văn: “Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó, đem tiếng nói của chúng ta tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí vì một cuộc sống hòa bình, công bằng. Nhưng dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: “Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó” ,“việc đó” mà tác giả đề cập đến trong đoạn trích trên là việc gì? “Việc đó” đem lại hậu quả gì cho nhân loại?

Câu 2: Vì sao tác giả khẳng định: “dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”?

Câu 3: Trong văn bản, tác giả đã đưa ra những con số cụ thể trong một phép so sánh, ẩn tượng. Em hãy tìm phép so sánh ấy? Qua phép so sánh, em cảm nhận được điều gì?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: “việc đó” là nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên toàn trái đất.

Hậu quả: Hiểm họa chung của nhân loại, huỷ diệt sự sống trên trái đất.

Câu 2: Tác giả khẳng định: “dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích” vì: - Bài viết trên đã chỉ ra hậu quả khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân; kêu gọi mọi người cùng lên án.

- Việc mọi người họp bàn, lên tiếng đưa ra lời kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân sẽ góp phần tích cực để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, mang lại hòa bình, môi trường sống an toàn cho thế giới.

Câu 3:

- Phép so sánh: Tuy nhiên số tiền này cũng chỉ gần bằng những chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mỹ và cho dưới 7000 tên lửa vượt đại châu.

- Tác dụng: Sự tốn kém của việc chạy đua chiến tranh hạt nhân.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

“Tôi rất khiêm tốn nhưng cũng rất kiên quyết đề nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân. Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi

phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hòa bình,

những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh đã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này ”.

(“Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” – G.G. Mác- kết).

Câu 1: G.G. Mác- kết đã lên án điều gì trong văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?

Câu 2: Gạch chân dưới các trạng ngữ trong đoạn văn trên. Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng trong đoạn văn có tác dụng gì?

Câu 3: Lấy chủ đề “*Khát vọng hòa bình*”, em hãy triển khai thành một đoạn văn diễn dịch dài khoảng 10 đến 12 câu.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Mác – kết lên án việc các nước chạy đua vũ trang và sản xuất vũ khí hạt nhân.

Câu 2: Gạch chân dưới các trạng ngữ : Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh đã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này.

- Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng để nhấn mạnh mục đích của đề xuất mở nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại sau thảm họa hạt nhân; Tăng sức lên án, tố cáo chạy đua vũ trang, sản xuất và sử dụng vũ khí hạt nhân.

Câu 3:

- **Giải thích:** Hòa bình là sự bình an vui vẻ, không có chiến tranh, xung đột hay đổ máu. Khát vọng hòa bình là mong muốn vươn tới cuộc sống vui vẻ, an lành, được tôn trọng bình đẳng, tự do và hạnh phúc.

- **Bàn luận:**

+ Khát vọng hòa bình là biểu tượng của sự bình yên, là khát vọng chung của mỗi người và của toàn nhân loại.

+ Hòa bình giúp mỗi người biết yêu thương nhau, giúp mỗi dân tộc có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc bền lâu.

+ Hòa bình tạo sự hiểu biết lẫn nhau, tránh gây mâu thuẫn căng thẳng; là điều kiện để hợp tác và phát triển...

+ Trái với khát vọng hòa bình là những toan tính ích kỉ hẹp hòi, những hành động chạy đua vũ trang, gây đổ máu và chiến tranh, chúng ta cần quyết liệt lên án những hành vi đó.

+ Dân tộc ta đã phải trải qua bao nhiêu đau thương mất mát trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm để bảo vệ hòa bình nên hiểu rất rõ giá trị, tầm quan trọng của khát vọng hòa bình.

- **Phê phán:** Phê phán những hành vi gây chiến tranh, ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên của mỗi người mỗi dân tộc.

- **Bài học nhận thức và hành động:**

+ Cần biết trân trọng, giữ gìn và thể hiện khát vọng hòa bình ở mọi lúc, mọi nơi; biết sống thân thiện, chan hòa nhân ái với những người xung quanh.

+ Là học sinh, cần ra sức học tập, nâng cao hiểu biết, giải quyết xung đột bằng sự lắng nghe, thấu hiểu, đối thoại chân tình thẳng thắn.. tích cực tham gia vào các hoạt động đấu tranh vì hòa bình và công lý

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Một văn bản trong chương trình Ngữ văn 9 có viết:

“Trong thời đại hoàng kim này của khoa học , trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp , chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó”.

Câu 1: Câu văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: “*Một biện pháp*” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là việc gì?

Câu 3: Tại sao tác giả lại cho rằng: “*trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp*” ấy? Em hiểu thế nào về thái độ của tác giả về sự việc trên?

Câu 4: Đất nước chúng ta đã trải qua những năm tháng chiến tranh đầy khốc liệt và đau thương. Ngày nay, chiến tranh đã đi qua, thế hệ thanh niên đang được sống trong hòa bình. Bằng hiểu biết về văn bản trên và kiến thức xã hội, em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày về ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Câu văn trên trích từ văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” Tác giả là G. Mác-két.

Câu 2: “*Một biện pháp*” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là chiến tranh hạt nhân.

Câu 3: Tác giả lại cho rằng: “*trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp*” ấy vì biện pháp hạt nhân mà con người phát minh ra là hiểm họa khôn lường và nó ảnh hưởng, đe dọa trực tiếp tới cuộc sống hòa bình của toàn thế giới.

Tác giả thể hiện thái độ phản đối gay gắt đối với vấn đề này.

Câu 4:

- Giải thích khái niệm “hòa bình”: là sự bình đẳng, tự do, không có bạo động, không có chiến tranh và những xung đột về quân sự.

- Ý nghĩa của cuộc sống hòa bình:

+ Để dành được hòa bình, thế hệ cha anh đi trước – các anh hùng thương binh liệt sĩ đã chiến đấu hết mình, hi sinh xương máu.

+ Trạng thái đối lập của hòa bình là chiến tranh. Sống trong chiến tranh, con người sẽ đối diện với những thảm họa về mất mát, đau thương.

+ Sống trong hòa bình, con người sẽ được tận hưởng không khí của độc lập, tự do, yên bình và hạnh phúc.

- Lật lại vấn đề:

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số tín đồ, đảng phái luôn sử dụng những chiêu trò công kích, kích thích, chống phá, gây ra bạo lực vũ trang,...

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hòa bình.

+ Cần tránh xa những thế lực gây ảnh hưởng đến nền hòa bình, đồng thời giữ gìn, bảo vệ hòa bình.

BÀI 6: TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	
Xuất xứ	Văn bản “ Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em” được trích từ Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em, họp tại trụ sở liên hợp quốc ở Niu Oóc ngày 30-9-1990, in trong cuốn Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em, NXB Chính trị quốc gia – Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội, 1997.
PTBD	Nghị luận
Bố cục 3 phần	<p>Ngoài hai ý mở đầu, bài viết được chia thành ba phần rất rõ ràng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần một (sự thách thức): thực trạng cuộc sống khốn khổ của rất nhiều trẻ em trên thế giới – những thách thức đặt ra với các nhà lãnh đạo chính trị. - Phần hai (cơ hội): những điều kiện thuận lợi đối với việc bảo vệ và phát triển cuộc sống, đảm bảo tương lai cho trẻ em. - Phần ba (nhiệm vụ): những nhiệm vụ cụ thể, cấp thiết cần thực hiện nhằm bảo vệ và cải thiện đời sống, vì tương lai của trẻ em.

Giá trị nội dung	Bảo vệ quyền lợi chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa toàn cầu.
Giá trị nghệ thuật	- Bố cục hợp lí, rõ ràng, mạch lạc. Các ý trong văn bản tuyên ngôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Sự thách thức.

- Vô số trẻ em phải chịu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân chiến tranh và bạo lực, của sự phân biệt chủng tộc, sự xâm lược, chiếm đóng, thôn tính của nước ngoài.

=> Chúng bị phó mặc cho những hiểm họa làm kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển.

- Mỗi ngày hàng triệu trẻ em phải chịu đựng những thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp. Ước tã - 40.000 trẻ em chết mỗi ngày do suy dinh dưỡng và bệnh tật. Kể cả hội chứng miễn dịch mắc phải AIDS, hoặc do thiếu nước sạch...

=> Sự thách thức đã nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm họa của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nayng trưởng và phát triển.

2. Cơ hội

Phần “cơ hội” đã khẳng định các điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế hiện nay có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em :

- Sự liên kết các quốc gia cùng ý thức cao của cộng đồng quốc tế. Đã ra công ước về quyền trẻ em làm cơ sở, tạo ra cơ hội mới.

- Sự hợp tác, đoàn kết quốc tế ngày càng có hiệu quả cụ thể trên nhiều lĩnh vực: khôi phục tăng trưởng và phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, hạn chế vũ khí và lực lượng vũ trang, tăng cường phúc lợi trẻ em.

3. Nhiệm vụ

- Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng của trẻ em là trách nhiệm hàng đầu.

- Quan tâm chăm sóc và hỗ trợ trẻ em tàn tật

- Đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ

- Đảm bảo cho trẻ em được học hết giáo dục cơ sở và không để em nào mù chữ.

- Cần đẩy mạnh mọi biện pháp có thể áp dụng được để đảm bảo an toàn khi mang thai và sinh nở.

- Cần tạo cơ hội cho trẻ tìm và biết được nguồn gốc của mình và nhận thức được giá trị bản thân, khuyến khích trẻ em ngay từ nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa.

- Đảm bảo và khôi phục lại sự phát triển và tăng trưởng kinh tế.

=> Những nhiệm vụ cụ thể, toàn diện, khả thi của cộng đồng quốc tế vì sự sống còn của trẻ em và tương lai của thế giới. Các nhiệm vụ đó đòi hỏi tất cả các nước cần phải có những nỗ lực liên tục và phối hợp với nhau trong hành động của từng nước cũng như trong hợp tác quốc tế.

C. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**Cho đoạn trích:**

“Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rộng tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.”

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Câu 1: Xét về mục đích nói, những câu “Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rộng tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.” thuộc kiểu câu gì?

Câu 2: Nêu tác dụng của kiểu câu đó trong việc thể hiện nội dung đoạn văn?

Câu 3: Chỉ ra biện pháp tu từ có trong đoạn trích trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 4: Từ chúng trong đoạn văn trên dùng để chỉ ai? Tại sao tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ?

Câu 5: “Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc”. Vậy trong thực tế hiện nay, trẻ em đang đứng trước những nguy cơ nào?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Câu cầu khiến.

Câu 2: Nêu lên mục đích hành động của toàn thể giwois: tất cả vì quyền lợi và hạnh phúc của trẻ em.

Câu 3: Biện pháp tu từ: Lặp lại cấu trúc câu

- T/d: Tạo giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát.

+ Nhấn mạnh những quyền mà trẻ em được hưởng, khẳng định trẻ em cần được bảo vệ và phát triển.

Câu 4: Từ chúng dùng để chỉ Tất cả trẻ em trên thế giới

- Nghĩa là: chúng phải được sống trong môi trường hòa bình, luôn có sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trên mọi lĩnh vực; không có hiềm khích, không có chiến tranh. Đó là điều kiện tốt để cho trẻ em phát triển cả về thể chất và tâm hồn.

Câu 5: Nguy cơ: đói nghèo, mù chữ, bị bạo hành gia đình, xâm hại, bóc lột.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

“Hàng ngày có vô số trẻ em trên thế giới bị phó mặc cho những hiểm họa làm kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển của các cháu đó. Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a- pác- thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoàimôi trường xuống cấp”

(Trích Tuyên bố.....trẻ em, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

Câu 1:

Nội dung chính của đoạn trích trên là gì? Thái độ của tác giả được thể hiện trong đoạn trích như thế nào?

Câu 2:

Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a- pác- thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.”

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Nội dung: Nêu ra những nguy cơ, thách thức đối với trẻ em.

- Thái độ: Lên án, tố cáo, xót thương...

Câu 2:

- Biện pháp: Liệt kê.

- T/d: Kể ra những nguy cơ mà trẻ em phải hứng chịu

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội”.

Câu 1:

Xét theo mục đích nói, các câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu gì? Tác dụng của kiểu câu đó trong việc biểu đạt nội dung của đoạn văn trên?

Câu 2:

Theo em, việc nhận thức được giá trị của bản thân có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với trẻ em? Tại sao ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ em cần tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội ?

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Câu cầu khiến.

- T/d: Nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách mà các nước cần phải nỗ lực hành động vì quyền trẻ em.

Câu 2:

- Ý nghĩa: Để phát huy cái mạnh, khắc phục cái yếu của bản thân.

- Ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ em cần tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội, để: trẻ em có cơ hội phát triển toàn diện, được học hỏi và giao lưu với bạn bè, được rèn luyện bản thân về kỹ năng sống.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:

Đọc đoạn trích sau:

Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội...

(Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em)

Câu 1: Hãy cho biết nội dung của đoạn trích trên?

Câu 2: Tìm ít nhất 4 từ mượn của tiếng Hán được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 3: Có ý kiến cho rằng gia đình và những người thân chính là yếu tố quan trọng cho sự phát triển của trẻ em. Em có đồng ý với ý kiến đó hay không? Vì sao?

Câu 4: Tại sao việc bảo vệ trẻ em lại là việc quan trọng?

Câu 5: “ Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm...”
Viết một văn bản ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) bàn luận về **sống có trách nhiệm**.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Nội dung: Cần tạo cho trẻ em cuộc sống tốt, sống có trách nhiệm.

Câu 2: Từ mượn tiếng Hán: nguồn gốc, trách nhiệm, khuyến khích, văn hóa.

Câu 3: Gv tùy vào lựa chọn và cách lý giải, lập luận của hs (có thể đồng ý hoặc không đồng ý) để cho điểm.

Câu 4: Việc trẻ bảo vệ trẻ em là quan trọng vì: -Trẻ em dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc.

- Chưa đủ năng lực để tự bảo vệ mình.

...

Câu 5:

a/ Yêu cầu về kỹ năng:

- Đúng phương pháp kiểu bài NLXH.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng và phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận...)

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng. -Dùng đoạn có sự liên kết tốt.

- HS viết dài hơn yêu cầu của đề bài: không trừ điểm

b/ Yêu cầu về kiến thức:

HS có thể trình bày những ý sau:

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.

- Giải thích được vấn đề cần nghị luận
- Khẳng định đây là cách sống tốt, đúng đắn:
- + ý nghĩa, tầm quan trọng của sống có trách nhiệm
- +trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội
- (dẫn chứng thực tế để thấy những biểu hiện đó luôn là điều cần thiết trong cuộc sống)
- Phê phán những người thiếu trách nhiệm...
- > hậu quả.
- Nêu phương hướng hành động của bản thân.

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sờ sờ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hóa học thuật của nhân loại. Nếu chúng ta mong tiến lên từ văn hóa, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xóa bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ, thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giạt lùi, làm kẻ lạc hậu.

Câu 1: Tìm câu chủ đề? Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Câu 2: Phương thức biểu đạt trong đoạn văn trên là gì?

Câu 3: Chỉ ra hai phép liên kết trong đoạn văn trên?

Câu 4: Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Nhưng ngày nay, nhiều bạn trẻ cho rằng việc đọc sách tốn thời gian không cần thiết vì văn hóa nghe nhìn thuận tiện và phù hợp với cuộc sống hiện đại hơn. Ý kiến của em như thế nào?

Câu 5: Viết một văn bản ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu nói của Mác-xim Gorki:

“Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới”

Hướng dẫn trả lời

Câu 1:

- Câu chủ đề: *Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn.*

- Nội dung chính: Tầm quan trọng, ý nghĩa cần thiết của việc đọc sách

Câu 2: Phương thức biểu đạt: nghị luận

Câu 3: HS chỉ cần xác định được 2 phép liên kết:

- Phép lập: học vắn, sách, nếu
 - Phép nối: Bởi vì
 - Phép thế: Các thành quả đó ...
- Hoặc phép khác nếu hợp lí

Câu 4:

HS khẳng định quan điểm không đồng ý với ý kiến của bạn và có lí giải hợp lí, diễn đạt sáng rõ, thuyết phục.

Câu 5:

Yêu cầu về kiến thức – kỹ năng

- Đưa ra được quan điểm riêng của bản thân và thuyết phục được người khác theo quan điểm của mình. -
Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội
- Bố cục và hệ thống ý rõ ràng
- Biết vận dụng nhiều thao tác nghị luận.

PHẦN 2: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT 9

Thứ tự

BÀI

1

HỘI THOẠI

I - LÝ THUYẾT

1. Khái niệm hội thoại
2. Vai xã hội trong hội thoại
3. Lượt lời trong hội thoại
4. Phương châm hội thoại
5. Xung hô trong hội thoại

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

2

CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

I - LÝ THUYẾT

1. Cách dẫn trực tiếp
2. Cách dẫn gián tiếp
3. Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

3

SỰ PHÁT TRIỂN TỪ VỰNG- TRAU DỒI VỐN TỪ

I - LÝ THUYẾT

1. Sự phát triển từ vựng
2. Trau dồi vốn từ: thường xuyên phải bổ sung từ mới làm cho

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

4

THUẬT NGỮ

I - LÝ THUYẾT

1. Khái niệm:
2. Đặc điểm:

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

5 THÀNH PHẦN PHỤ KHỞI NGỮ VÀ CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP

I - LÝ THUYẾT

1. Thành phần Khởi Ngữ

- a) Khái niệm:
 - b) Nhận diện khởi ngữ
 - c) Chuyển câu chưa có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ
 - d) Tác dụng:
2. Các thành phần biệt lập

- a) Khái niệm:
- b) Các thành phần biệt lập

* Thành phần tình thái:

* **Thành phần cảm thán:** được dùng để bộc lộ tâm lý của

* **Thành phần gọi - đáp:** Được dùng để tạo lập hoặc duy trì

* **Thành phần phụ chú:** được dùng để bổ sung một số chi tiết

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

6 NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý

I - LÝ THUYẾT

1. Nghĩa tường minh
2. Hàm ý

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

7 CÁC PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG

I - LÝ THUYẾT

1. So sánh
2. Nhân hóa
3. Ẩn dụ
4. Hoán dụ

5. Nói quá
6. Nói giảm, nói tránh
7. Điệp ngữ
8. Chơi chữ

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

8

LIÊN KẾT CÂU - LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN

I - LÝ THUYẾT

- 1. Khái niệm liên kết :**
- 2. Các phương tiện đảm bảo tính liên kết**
 - a) Liên kết nội dung:
 - b) Liên kết hình thức:

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

9

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT TỔNG HỢP

HỘI THOẠI

I - LÝ THUYẾT

1. Khái niệm hội thoại

Hội thoại là dùng ngôn ngữ để giao tiếp, trò chuyện với nhau.

2. Vai xã hội trong hội thoại

- Vai xã hội: vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc hội thoại.
- Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội, gồm :
 - + Vai theo quan hệ thân tộc:

Ví dụ: cuộc hội thoại giữa bé Hồng và cô ruột của mình trong văn bản Trong lòng mẹ.

+ Vai theo quan hệ bạn bè: cuộc hội thoại giữa những người bạn.

+ Vai theo quan hệ tuổi tác:

Ví dụ: cuộc hội thoại giữa Lão Hạc với ông giáo trong truyện Lão Hạc.

+ Vai theo quan hệ chức vụ xã hội:

Ví dụ : cuộc hội thoại giữa Đôn Ki-hô-tê với Xan - chô trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió.

+ Vai theo giới tính: tùy từng lứa tuổi, quan hệ mà người giao tiếp thể hiện vai trò trong cuộc hội thoại theo từng cặp như: Anh - em, ông - bà,...

3. Lược lời trong hội thoại

Lược lời trong hội thoại: là sự thay đổi luân phiên lần nói giữa những người tham gia đối thoại với nhau.

4. Phương châm hội thoại

Các phương châm hội thoại

- Phương châm về lượng: Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.

- Phương châm về chất: Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.

- Phương châm quan hệ: Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc về.

- Phương châm cách thức: Khi giao tiếp, cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch; tránh nói mơ hồ.

- Phương châm lịch sự: Khi giao tiếp cần khéo léo, tế nhị, tôn trọng người đối thoại.

Các trường hợp không tuân thủ (vi phạm) phương châm hội thoại

- Người nói vô ý, thiếu văn hóa, vụng về trong giao tiếp.

- Người nói cố tình vi phạm một hoặc một vài phương châm hội thoại nào đó để:

+ Ưu tiên cho một phương châm hội thoại khác hoặc một yêu cầu nào đó quan trọng hơn (thường vi phạm phương châm về chất để ưu tiên cho phương châm lịch sự).

+ Gây chú ý cho người nghe hoặc hướng người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó (thường vi phạm phương châm về lượng hoặc phương châm cách thức, phương châm quan hệ để tạo hàm ý) .

5. Xung hô trong hội thoại

- Xung hô: là sử dụng các từ ngữ để gọi mình và mọi người giao tiếp với mình là gì đó khi hội thoại.

+ Tiếng Việt có hệ thống từ ngữ xung hô khá đa dạng và phong phú: Dùng đại từ ngôi thứ nhất (người nói) ở số ít và số nhiều: tôi, tao, tớ, chúng tôi, chúng tao,...; Dùng đại từ ngôi thứ 2 (người nghe) ở số ít và số nhiều: mày, mi, chúng mày, bọn mày,...

+ Dùng các từ chỉ quan hệ gia đình: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,...

+ Dùng các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ: thầy giáo, cô giáo, bác sĩ, giáo sư, giám đốc, thủ trưởng,...

+ Dùng các từ chỉ tên riêng.

- Khi giao tiếp, cần lựa chọn những từ ngữ xưng hô cho phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, mục đích giao tiếp.

- Người Việt có truyền thống " Xưng khiêm hô tôn " : xưng thì tự hạ mình xuống, hô thì nâng người đối thoại lên.

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Cho các từ ngữ: Nói có sách, mách có chứng ; nói leo; nói dối; nói ra đầu ra đuôi. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- Nói có căn cứ chắc chắn là //
- Nói rành mạch rõ ràng, cặn kẽ, có trước có sau là //
- Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là /...../
- Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là /...../

Câu 2: Các cách nói sau đây vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao? Chữa lại các câu đó cho hợp lý.

- Anh ấy đem cá về kho.
- Lớp tôi năm bạn mua 20 quyển vở.
- Nó nhìn tôi bằng đôi mắt.
- Nam dắt xe đạp vào quán sửa xe rồi nói: "Bơm cho cái xe".
- Gà, ngan, vịt đều là những loài gia cầm nuôi ở nhà.
- Chờ bạn lâu, Hà bảo : "Cậu có họ hàng với rùa từ bao giờ thế?"

Câu 3: Năm giặc đốt làng cháy tàn, cháy rụi

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
 Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
 Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:
 “ Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
 Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ
 Cứ bảo nhà vẫn được bình yên...”

(Bếp lửa - Bằng Việt)

So sánh sự việc xảy ra với lời bà dặn cháu trong đoạn thơ, ta thấy một phương châm hội thoại đã bị vi phạm. Đó là phương châm nào? Sự không tuân thủ phương châm hội thoại như vậy có ý nghĩa gì?

Câu 4: Cách nói : thủ...giống thủ..., xôi ... giống xôi trong chuyện sau có vi phạm phương châm về lượng hay không ? Hãy lí giải điều đó.

PHÙ THỦY SỢ MA

Vợ thầy phù thủy hỏi chồng :

- Nhà có bao giờ sợ ma không?

Thầy vênh mặt lên đáp :

- Hỏi thế mà cũng hỏi. Đã có phép trừ tà, trừ quỷ thì sao còn sợ ma nữa ?

Một hôm, thầy đi cúng cho người ta về. Trời tối, người vợ nấp trong bụi , cầm bát nhang hồng hoa lên vợ chồng . Thầy vội bắt quyết niệm thần chú. Nhưng đốm lửa lại quay tròn trước mặt. Thầy hoảng quá, vút cả đồ lễ, vắt chân lên cô chạy. Người vợ lượm cả lấy đem về. Hôm sau , chị ta dọn những thứ ấy cho chồng ăn . Thầy nhìn vào mâm, lẩm bầm:

- Quái, thù... giống thù..., xôi... giống xôi.

(Theo tuyển tập văn học dân gian Việt Nam)

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Các cách nói sau đây vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao? Hãy chữa lại cho đúng.

- a) Đêm hôm qua cầu gãy.
- b) Học xong bạn nhớ đi ra cửa trước.
- c) Người ta định đoạt lương của tôi anh ạ.

Câu 2:

Khi cha mẹ đi vắng, có một người lạ mặt đến hỏi về tình hình gia đình như ngày giờ đi làm của cha mẹ,... em cần phải tuân thủ những phương châm hội thoại nào khi trả lời? Phương châm hội thoại nào không nên tuân thủ? Vì sao?

Câu 3: Đọc các truyện cười sau và cho biết các nhân vật tham gia hội thoại đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Chỉ rõ và phân tích ý nghĩa của sự vi phạm đó.

- a) Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe , tất tưởi chạy đến hỏi to:

- Bác tôi thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo:

- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

(Truyện cười dân gian Việt Nam)

- b) Có hai anh bạn gặp nhau, một anh nói:

- Mất tớ tính không ai bằng! Tớ nhìn rõ con kiến đang bò ở cành cây trên đỉnh núi trước mặt kia, cả từ sợi râu đến bước chân của nó.

- Thế thì cũng chưa tính bằng tớ , tớ còn nghe thấy tiếng râu nó ngoáy trong không khí kêu vù vù và chân nó bước sột sọat.

Phiếu bài tập số 3

Câu 1: Bài ca dao sau là lời gieo quẻ của một thầy bói với một cô gái:

“ Số cô chẳng giàu thì nghèo,
Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà,
Số cô có mẹ có cha
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.
Số cô có vợ, có chồng,
Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai”.

Lời của thầy bói đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao?

Câu 2: Trong giao tiếp, các từ ngữ nào thường được sử dụng để thể hiện phương châm lịch sự?

Câu 3: Dưới đây là lời nhân vật Nhuận Thổ nói với nhân vật "tôi"(trong truyện Cố hương của Lỗ Tấn).

* Lúc còn nhỏ:

- Bây giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quý", sò "tay phật". Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

* Và hai mươi năm sau gặp lại:

- **Bẩm ông!**

Tôi điếng người đi. Thôi đúng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng không nói lên lời.

Anh ta ngoảnh đầu quay lại gọi:

- **Thủy Sinh, con không lạy ông kìa!**

Nhận xét cách sử dụng từ ngữ xưng hô của nhân vật Nhuận Thổ với nhân vật "tôi" ở hai thời điểm trên. Cho biết sự thay đổi cách xưng hô của Nhuận Thổ nói lên điều gì?

Câu 4: Viết một hội thoại, trong đó nhân vật vi phạm phương châm về lượng.

Phiếu bài tập số 4

Câu 1: Nhận xét về cách nói của nhân vật "lão" trong truyện sau và cho biết cách nói đó có phù hợp với tình huống giao tiếp không.

GIẤU CÀY

Lão kia cày ruộng. Đến buổi vợ gọi về ăn cơm .

Lão nói lớn lên rằng : " Được rồi. Để tao còn giấu cái cây ở dưới bụi tre đã ".

Vợ giận lắm, trách : " Từ giờ có giấu cây ở đâu thì phải làm thình , chớ la lối lên như vậy, người ta nghe thấy, ăn cắp đi, còn gì".

Lẳng nghe vợ nói cho là có lí . Lát sau , ăn cơm xong, lão lại chạy ra ruộng thì người ta lấy mất cái cây rồi . Hốt hoảng , lão chạy một mạch về nhà, nói thật nhỏ vào tai vợ : " Cây của ta đã bị chúng lấy mất rồi".

(Tuyển theo tập văn học dân gian Việt Nam)

Câu 2: Đọc truyện sau :

NÓI CÓ ĐẦU CÓ ĐUÔI

Một phú ông nọ có một anh đầy tớ tính rất bộp chộp, thấy gì nói nấy, gặp đâu nói đấy , chẳng có đầu có đuôi gì cả . Phú ông mới gọi anh đầy tớ đến mà dạy rằng :

- Mày ăn nói chẳng có đầu có đuôi gì cả , người ta cười cho cả tao lẫn mày . Từ rày mày định nói cái gì thì mày phải nghĩ cho kĩ xem cái đấy bắt đầu nó thế nào rồi hãy nói nghe không.

Anh đầy tớ vâng dạ.

Một hôm phú ông mặc quần áo sắp sửa đi chơi, đang ngồi hút thuốc thì thấy anh đầy tớ đứng chấp tay trình trọng nói:

- Thưa ông, con tầm nó nhả ra tơ. Người ta mang tơ đi bán cho người Tàu . Người Tàu đem dệt thành the rồi bán sang ta. Ông đi mua the về may thành áo . Hôm nay ông mặc áo, ông hút thuốc. Tàn thuốc nó rơi vào áo ông và áo ông đang cháy.

Phú ông giật mình nhìn xuống áo thì áo đã cháy to bằng bàn tay rồi.

(Theo tuyển tập văn học dân gian Việt Nam)

a) Thành ngữ *nói có đầu có đuôi* liên quan đến phương châm hội thoại nào ? Phương châm hội thoại đó ở trong truyện trên có được người đầy tớ tuân thủ không ? Hậu quả ra sao?

b) Trong trường hợp nào phương châm hội thoại không được tuân thủ mà vẫn chấp nhận được?

Câu 3: Sau khi khám cho người có bệnh, theo em, bác sĩ nên nói cách nào trong hai cách nói sau ? Tại sao?

a) Bệnh của anh không thể chữa khỏi được.

b) Bệnh của anh cũng không nặng lắm. Anh chịu khó chữa rồi cũng khỏi thôi.

Câu 4: Hãy đặt một tình huống có sử dụng câu: Trẻ em là trẻ em.

Giải thích ý nghĩa của câu đó.

Phiếu bài tập số 5 (Xưng hô trong hội thoại)

Câu 1: Tìm các từ chỉ quan hệ thân tộc. Chỉ ra những từ tạo thành cặp xưng hô. Những từ nào không dùng để xưng hô?

Câu 2: Tìm các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ dùng để xưng hô. Khi xưng hô với các cấp phó, người ta

thường xưng hô thế nào? Tại sao?

Câu 3: Tìm từ ngữ xưng hô trong các đoạn văn sau, qua đó chỉ ra những người tham gia giao tiếp.

a) Việc tương đến đó là xong. Không ngờ hôm sau đích thân vua Lê thánh tông vào viện tìm gặp Lê Nghĩ.

- Hôm qua ta sai nội quan đến hỏi mượn sách, nhà người từ chối nghĩa là thế nào? Có phải vì không có tin bài chăng?
- Tâu hoàng thượng, phải thế mà cũng không phải thế. Việc hệ trọng, quan được vua sai đi làm mà không có tin bài, ai dám tin. Vả lại, đầu hoàng thượng có giao tin bài cho nội quan thì thần cũng không dám làm việc khinh suất. Lẽ đã định [...].

(Lê Văn, ông già chép sử trong viện hàn lâm)

b) Tôi nói với Hoạt:

- Thế nào đồng chí, tôi cần được đi ngay, hết hạn ở với nhau rồi. Tôi đã gói chặt tài liệu vào ni lông chuẩn bị đầy đủ.

Hoạt giờ tay về phía một bóng người trong góc nhà:

- Kia kìa, có một đồng chí nữa cũng cần đi đêm nay, việc rất cần, nhưng mà... đồng chí ấy lại bị cảm mới khỏi...

Trong ánh đèn dầu le lói, Tôi nhìn kỹ chỉ thấy bóng một người ngồi tựa lưng vào cột, hai chân duỗi dài trên đám rạ:

- Sao, đồng chí?

(Vũ Cao, Em bé bên bờ sông Lai Vu)

c) Một thầy giáo người nhỏ nhắn, mái tóc đã điểm bạc, khuôn mặt gầy có nhiều nếp nhăn đi thông thả về phía các em. Đám học trò lớp Một ngược mắt chăm chú nhìn thầy.

- Các em là học sinh lớp 1A, có phải thế không? Thầy là thầy giáo của các em đây.

(Lê Phương Liên, Ngày em tới trường)

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1:

Nói có căn cứ chắc chắn là nói có sách, mách có chứng.

Nói rành mạch rõ ràng, cặn kẽ, có trước có sau là nói ra đầu ra đuôi.

Nói xen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là nói leo.

Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là nói dối.

Câu 2:

- Các ý (a,b) vi phạm phương châm hội thoại cách thức vì tạo ra cách kiêu mọh hồ.

Chữa lại: thêm một từ ngữ nào đó để mỗi câu chỉ có một cách hiểu duy nhất.

Ví dụ:

a)

- Anh ấy đem cá về cất vào kho

rồi

- Anh ấy đem cá về kho lên rồi.

Các ý (c , e) vi phạm phương châm về lượng vì đưa ra thông tin thiếu hoặc thừa.

Chữa lại: bổ sung hoặc bớt thông tin cho phù hợp.

Ví dụ:

- Nó nhìn tôi bằng đôi mắt triu mến. (thân thương, nghi ngờ,...)

- Gà, ngan, vịt đều là những loài gia cầm.

- Các ý (d,f) vi phạm phương châm lịch sự: lời nói thiếu tôn trọng người giao tiếp.

Chữa lại: chọn cách diễn đạt dễ tiếp nhận hơn.

Ví dụ:

- Nam dắt xe đạp vào quán sửa xe rồi nói: " Bác làm ơn bơm dùm cháu cái xe đạp này ạ".

- Chờ bạn lâu, Hà bảo : " Cậu nhanh lên kéo muộn rồi".

Câu 3:

- Phương châm hội thoại đã bị vi phạm là phương châm về chất.

- Sự không tuân thủ phương châm hội thoại như vậy là để thực hiện mục đích khác: Bà không muốn cháu thông báo cho bố mẹ biết những khó khăn ở nhà để bố mẹ cháu yên tâm công tác. Qua đó thấy được sự hi sinh của bà vì con cháu và tình cảm của bà đối với kháng chiến, đối với đất nước.

Câu 4:

Về nguyên tắc, cách nói *thủ... giống thủ... , xôi... giống xôi* vi phạm nguyên tắc về lượng (vì lặp lại nội dung thông tin) , song , trong câu chuyện đã cho, cách nói đó được hiểu như sau:

Thủ trên mâm giống thủ thầy phù thủy mang về hôm trước, xôi cũng vậy.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1:

- Các câu đều vi phạm phương châm cách thức vì gây ra cách hiểu mơ hồ.

- Chữa lại:

a) Có thể thêm dấu phẩy, hoặc thêm từ thích hợp để câu được hiểu rõ ràng hơn

Ví dụ: Đêm hôm qua, cầu gãy.

b), c): làm tương tự.

Câu 2:

Cần tuân thủ phương châm lịch sự nhưng không tuân thủ phương châm về chất vì đây là khách lạ nên yêu cầu cảnh giác đặt lên hàng đầu.

Câu 3:

a) Cả hai nhân vật trong truyện đều vi phạm phương châm hội thoại về lượng khi giao tiếp với nhau.

- Anh có lợn cưới đưa ra câu hỏi không phù hợp với việc tìm con lợn: thiếu thông tin về đặc điểm con lợn bị mất (lợn đen, lợn trắng, lợn đực, lợn cái...) nhưng lại thừa thông tin về mục đích dùng lợn (lợn cưới).

- Anh có áo mới: khi được hỏi về con lợn, đã không trả lời về hướng chạy của nó lại còn đã đưa thừa một về câu " Từ lúc tôi mặc cái áo mới này" để nhấn mạnh cái áo mới anh đang mặc.

Như vậy, việc vi phạm phương châm về lượng của cả hai anh là cốt để khoe. Anh có áo mới khoe mình sắp làm chú rể, đám cưới anh ta có con lợn làm cỗ. Còn anh có áo lại khoe mình có cái áo mới. Câu chuyện phê phán những kẻ hay khoe, thích khoe trong những hoàn cảnh không phù hợp.

b) Cả hai chàng trong câu chuyện đều vi phạm phương châm về chất vì nói ra những điều không đúng sự thật: không thể nhìn thấy rõ con kiến đang bò ở cành cây trên núi trước mặt, cả từ sợi râu đến bước chân của nó và càng không thể nghe thấy tiếng râu nó ngoáy trong không khí kêu vù vù và bước chân nó sột soạt. Câu chuyện phê phán những kẻ hay nói khoác.

Phiếu bài tập số 3

Câu 1:

Lời của thầy bói vi phạm phương châm về lượng. Vì đó là những điều hiển nhiên mà ai cũng đã biết.

Câu 2:

Xin lỗi, xin phép, xin mạn phép.

Câu 3:

- Cách sử dụng từ ngữ xưng hô của Nhuận Thổ ở hai thời điểm với nhân vật "tôi" có sự thay đổi .

+ Lúc còn nhỏ: Xưng hô "anh- em" , "chúng mình" thân mật gần gũi, chứng tỏ tình bạn thời thơ ấu của "tôi" và Nhuận Thổ trong sáng, đẹp đẽ, không có hàng rào ngăn cách, không phân biệt sang - hèn.

+ Hiện tại gặp lại: Xưng hô không còn thân mật như xưa, Nhuận Thổ ý thức rất rõ sự ngăn cách của mình với nhân vật "tôi".

Sự thay đổi trong cách xưng hô của Nhuận Thổ cho thấy anh tự ti về thân phận hèn kém của mình.

Câu 4:

Chồng: Bao nhiêu tiền một cân cá rô vậy em?

Vợ: Bốn năm ngàn đồng cả mớ này đấy anh ạ!

Trong đoạn hội thoại trên, người vợ đã vi phạm phương châm về lượng (lời nói của người vợ không đáp ứng đúng yêu cầu của người chồng muốn biết giá 1 kg cá rô).

Phiếu bài tập số 4

Câu 1:

Nhân vật "lão" trong câu chuyện rõ ràng nói năng không hợp tình huống: khi cần nói nhỏ lại nói to và ngược lại , khi không cần nói nhỏ lại nói nhỏ.

Câu 2:

a) Thành ngữ *nói có đầu có đuôi* liên quan đến phương châm cách thức, phương châm hội thoại này được người đầy tớ tuân thủ một cách quá mức trong truyện đã cho. Và hậu quả là phú ông bị cháy mất áo.

b) Do đó, các phương châm hội thoại chỉ có hiệu lực khi chúng phù hợp với tình huống giao tiếp. Nếu không, hiệu quả giao tiếp khó đạt được. Khi cần ưu tiên cho một mục đích nào đó, các phương châm hội thoại có thể không được tuân thủ.

Câu 3:

Sau khi khám cho người có bệnh, để người có bệnh yên tâm, không thất vọng về tình trạng sức khỏe của mình, bác sĩ có thể vi phạm phương châm về chất; do đó, nên chọn cách nói (b).

Câu 4:

Có một người thấy trẻ em nô nghịch, biển cấm không cho chơi đùa và mắng các em. Khi đó, có thể khuyên người đó bằng câu: Trẻ em là trẻ em.

Câu này có nghĩa: Trẻ em phải được đùa nghịch (chỉ có không nên nghịch quá thôi) .

Phiếu bài tập số 5

Câu 1:

Các từ chỉ quan hệ thân tộc thường dùng xưng hô tạo thành cặp như sau: ông-cháu, bà-cháu, bác-cháu, bố-con, mẹ-con, chú-cháu, cô-cháu, cậu-cháu, dì-cháu, mợ - cháu, anh- em, chị-em,...

Những từ chỉ quan hệ thân tộc không dùng để xưng hô : vợ-chồng, bố chồng-con dâu, bố vợ-con rể ,...

Câu 2:

Các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ dùng để xưng hô như: thầy giáo, cô giáo, giáo sư, bác sĩ, giám đốc, chủ tịch, cửa hàng trưởng, thủ trưởng, sếp, sư trưởng, đại đội trưởng, đại tá, đại úy, ...

Khi xưng hô với các cấp phó, người ta thường xưng hô thành cấp trưởng hoặc gọi chung là thủ trưởng, sếp, ... bởi lẽ như đã nói ở trên, người Việt Nam có truyền thống xưng khiêm hô tôn , nên khi hô, người ta thường tôn lên.

Câu 3:

Các từ ngữ xưng hô có trong đoạn văn:

a) ta- nhà ngươi, hoàng thượng- thần .

Những người tham gia giao tiếp là vua Lê Thánh Tông và Lê Nghĩ (quan chép sử) : nhà vua tự xưng là *ta*, gọi Lê Nghĩ là *nhà ngươi*; Lê Nghĩ tự xưng là *thần*, gọi vua là *hoàng thượng*.

b) đồng chí - tôi

c) các em - thầy

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1:

Xét về phương châm hội thoại, nhân vật Mã Giám Sinh đã không tuân thủ phương châm hội thoại nào trong đoạn thơ sau? Vì sao?

Gần miền có một mụ nào,

Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.

Hỏi tên, rằng: “Mã Giám Sinh”

Hỏi quê, rằng: “Huyện Lâm Thanh cũng gần”

Bài tập 2:

Một khách mua hàng hỏi người bán:

- Hàng này có tốt không anh?
- Một mới đây! Mua đi! Dùng rồi sẽ biết anh ạ.

Cách trả lời của người bán hàng vi phạm phương châm hội thoại nào? Tạo sao?

Bài tập 3:

Những câu sau liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- a) Ai ơi chớ vội cười nhau
Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.
- b) Hoa thơm ai nở bỏ rơi
Người khôn ai nở nói nhau nặng lời.
- c) Biết thì thừa thốt
Không biết dựa cột mà nghe.
- d) Nói có sách, mách có chứng.
- đ) Nói gần nói xa chẳng qua nói thật.

Bài tập 4:

Đọc đoạn văn sau:

Ông lão nghề nhân cổ ghim con giện dừ, bảo người đàn ông đứng trước mặt :

- Tôi đã nói rồi. Ông đi đi, kéo con cháu tôi nó về bây giờ. Chúng tôi không bán chác gì sất . Chung quanh chỗ nào cũng rắc thuốc trừ sâu, còn mấy vườn tre với mặt nước đầm sen ở đây , chúng về trú ngụ , các ông đến định xua đuổi nó đi à? Ông muốn bắt chim, mua chim thì đến nhà khác, hay ra chợ.

Người đàn ông tóc gọng kính, mặt con quay, vẫn cười cười nói nói:

- Cú không bán cho con, qua kì sinh sản chúng cũng bay vãn đi mất. Con xin trả cú theo giá chợ. Đem chúng con tới bắt , bảo đảm êm ru , đủ số đặt cược, chẳng dám bắt hơn. Cô bé không thể biết được đâu cú ơi.

Ông lão trợn mắt:

- Ông nói gì lạ thế. Ông chỉ biết lời lải, chẳng hiểu giống chim làm tổ nuôi con, bắt chúng thì chim non kêu khóc, chim bố mẹ dáo dác tìm nhau, inh ỏi suốt ngày. Cháu tôi ăn ngủ sao được?

Gã lái buôn lẳng lặng quay ra.

(Vũ Lê Mai, bầu trời và tiếng chim)

a) Tìm từ ngữ xung hô giữa ông lão nghề nhân và gã lái buôn.

b) phân tích cách xung hô của ông lão nghề nhân và của gã lái buôn . Thử giải thích cách xung hô của hai người.

Gợi ý trả lời:

Bài tập 1:

Trong đoạn thơ, nhân vật Mã Giám Sinh đã không tuân thủ các phương châm hội thoại sau:

- Phương châm lịch sự: Trả lời cộc lốc, nhát gừng, thiếu tôn trọng người nghe.
- Phương châm về lượng: Nội dung trả lời chưa đáp ứng yêu cầu của giao tiếp: Hỏi tên mà chỉ trả lời họ và chức danh.
- Phương châm về chất: Mã Giám Sinh đã nói những điều không đúng sự thật (đã được giới thiệu là viễn khách, Mã lại nói mình ở huyện Lâm Thanh cũng gần...)

Bài tập 2:

Cách trả lời của người bán hàng vi phạm phương châm cách thức. Đây là cách nói nửa vời, mục đích của anh ta là để bán được hàng.

Bài tập 3:

a, b: Phương châm lịch sự.

c, d: Phương châm về chất

đ: Phương châm cách thức.

Bài tập 4:

a) Các từ ngữ xưng hô: tôi - ông ; cụ - con.

b) Ông lão nghề nhân tự xưng là *tôi* , gọi giá lái buôn là *ông* ; gã lái buôn tự xưng là *con* , gọi ông lão là *cụ*.

Cách xưng hô của ông lão có tính trung hòa để việc từ chối thêm chắc chắn, gã lái buôn xưng khiêm hô tôn ông lão để tỏ vẻ tôn trọng, lấy lòng ông lão, hòng đạt mục đích mua được chim.

CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

I - LÝ THUYẾT

1. Cách dẫn trực tiếp

- Dẫn trực tiếp: là cách trích dẫn lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩa của người khác hoặc của chính người nói.

- Cách thức dẫn trực tiếp:

+ Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép hoặc xuống dòng sau dấu gạch ngang.

+ Lời dẫn trực tiếp có thể đứng trước, đứng giữa hoặc đứng sau lời người dẫn.

Ví dụ:

- Sinh thời, Hồ Chủ tịch đã từng nói: **"Không có gì quý hơn độc lập tự do"**.

- Bác lái xe cũng rút từ túi cửa xe ra một gói giấy:

- **Còn đây là sách tôi mua hộ anh.** (Nguyễn Thành Long)

2. Cách dẫn gián tiếp

- Dẫn gián tiếp: là dẫn lại lời nói hay ý nghĩ của người khác hoặc của chính người nói nhưng có điều chỉnh lời lẽ cho thích hợp.

- Cách thức dẫn gián tiếp:

+ Lời dẫn gián tiếp tuy không bắt buộc đúng từng từ nhưng phải bảo đảm đúng ý, đúng nội dung.

+ Lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép, có thể dùng từ rằng hoặc là đặt phía trước lời dẫn .

Ví dụ : Sinh thời, Hồ Chủ tịch đã từng nói rằng **độc lập tự do là thứ quý giá nhất**.

3. Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp

- Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép (hoặc dấu gạch ngang)

- Thay đổi từ xưng hô cho thích hợp

- Lược bỏ các tình thái từ (nếu có) và thay đổi từ chỉ thời gian cho thích hợp.

- Có thể thêm từ rằng hoặc là trước lời dẫn.

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp sau:

a) Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi, một hôm thằng lớn thờ dài nói:

- Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tôi ngày trước cũng rất tốt,...

Nó thường nói một cách buồn bã: Ngày trước, trước kia, đã có thời... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm.

(M. Go-rơ-ki)

b) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt ruồi khổ sai chung thân ; truyền cho chim chóc, cóc, nhái, thần lẩn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều. Ngọc hoàng lại nói với loài người: " Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi . Con người phải thường xuyên đẩy điệem thức ăn, làm vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được"

(Theo Tường Lan).

Câu 2: Chuyển những lời dẫn trực tiếp trong các trường hợp sau theo cách dẫn gián tiếp:

a) Họa sĩ nghĩ thầm: " Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước, dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn". (Nguyễn Thành Long)

b) Vũ Nương nói: "Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa". (Nguyễn Dữ)

c) Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho mời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:

- Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?

Thiếp nói:

- Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh, nên giữ ra sao. Chúa công ra đi chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan. (Ngô Gia Văn Phái)

Câu 3: Cho câu sau: yêu quốc văn, yêu văn Việt thì tâm hồn ta sẽ dạt dào thêm sức sống, sức cảm xúc, mến yêu và suy nghĩ, do đó mà thêm sức chiến đấu.

(Xuân Diệu)

Hãy viết một đoạn văn ngắn có sử dụng câu trên làm lời dẫn trực tiếp.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp:

- Ông lão nghe chẳng sót một câu nào. Bao nhiêu là tin hay. Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung

phong bơi ra giữ hồ Hoàn Kiếm cấm quốc kì lên Tháp Rùa. « Đấy, cứ cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa ? ». một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng...

(Làng- Kim Lân)

- Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói : nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.

(Lặng lẽ Sa Pa- Nguyễn Thành Long)

Câu 2: Nhận xét lời dẫn và lời người dẫn trong các trường hợp sau. Nếu sai hãy sửa lại cho đúng:

- Cha ông ta đã khẳng định vai trò của người thầy trong câu tục ngữ: “Không thầy đố mày làm nên”.
- Con người sống có bản lĩnh sẽ không bị những ảnh hưởng xấu bên ngoài tác động đến. “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, tục ngữ chẳng đã nhắc nhở ta như thế hay sao?

Câu 3: Đọc văn bản sau:

TUYỆT VỜI

Ba bảo tôi *rất tuyệt vời*... bạn Sa-ra bảo cần có mái tóc đẹp như bạn ấy. Tôi thì chẳng có.

Để *rất tuyệt vời*... bạn Dát-xtin bảo cần có răng trắng khỏe như răng bạn ấy. Tôi thì chẳng có.

Để *rất tuyệt vời*... bạn Dếch-xi-ca bảo phải không có tàn nhang. Tôi lại bị tàn nhang đầy mặt.

Để *rất tuyệt vời*... bạn Mác bảo phải là học sinh thông minh nhất lớp. Tôi lại không.

Để *rất tuyệt vời*... bạn Xti- phon bảo phải biết pha trò kể chuyện tiếu lâm. Tôi lại không.

Để *rất tuyệt vời*... bạn Lau- ren bảo phải sống trong một căn nhà đẹp ở một khu phố sang trọng. Tôi lại không.

Để *rất tuyệt vời*... bạn Mát- thù bảo phải mặc quần áo và đi giày thật xịn. Tôi lại không.

Để *rất tuyệt vời*... bạn Xa- man- tha bảo phải sinh ra trong một gia đình giàu sang. Tôi lại không.

Nhưng mỗi tối khi ba ôn hôn tôi và chúc tôi ngủ ngon thì Người bảo: ”Con *rất tuyệt vời*, và ba yêu con”. Ba tôi hẳn biết định nghĩa thế nào là *rất tuyệt vời* mà các bạn tôi không biết.

(Carla O’ Birien, theo Chúng ta sẽ ổn mà, bộ sách Những tâm lòng cao cả)

- Tìm lời dẫn trong văn bản trên. Cho biết mỗi lời dẫn là lời nói hay ý nghĩ được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp.
- Theo em, người cha định nghĩa thế nào là *rất tuyệt vời*? (Viết dưới dạng câu dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp).

Phiếu bài tập số 3

Câu 1: Chuyển các lời dẫn trực tiếp sau thành các lời dẫn gián tiếp.

- Anh ấy dặn lại chúng tôi: ” Ngẫu mai tôi đi công tác vắng, các em ở nhà nhớ chăm lo cho bản thân, giữ gìn sức khỏe”.
- Thầy giáo dặn cả lớp mình: ” Sắp đến kì thi hết cấp, các em cần chăm học hơn nữa”.
- Chúng tôi chào bà: ” Chúng cháu chào bà, chúng cháu đi học ạ”

Câu 2: Tìm lời dẫn trong các đoạn trích sau và cho biết đâu là dẫn lời nói, đâu là dẫn ý nghĩ.

a) Họa sĩ nghĩ thầm : " Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn".

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

b) Cụ giáo đã từng nghiêm khắc dặn học trò : " Lễ là tự lòng mình. Các anh trọng thầy thì các anh hãy làm như lời thầy dạy".

(Hà Ân , Chuyện về người thầy)

c) Phải rồi, buổi trưa hôm trước, khi thấy tôi ăn một nắm cơm muối trắng bên bờ đồng và một đồng chí du kích, có một em bé từ phía nội cỏ đã đưa đến cho tôi một dùm tép rang. Em ấy bảo tép của em cất được... Khi đó tôi tự hỏi: Em này làm gì một mình giữa đồng mà lại đem cơm tép rang đi ăn?

(Vũ Cao, Em bé bên bờ sông Lai Vu)

d) Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

(Thanh Tịnh, Tôi đi học)

Câu 3: Viết đoạn văn nghị luận có nội dung liên quan đến ý kiến sau đây và trích dẫn ý kiến đó theo cách dẫn trực tiếp:

“ Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.

(Hồ Chí Minh, báo cáo Chính trị tại Đại hội)

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp sau:

a)

- Lời dẫn trực tiếp: Đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng:

Có lẽ tất cả các bài đều rất tốt, bà tới ngày trước cũng rất tốt.

- Lời dẫn gián tiếp: đặt sau dấu (:) Ngày trước, trước kia, đã có thời...

b)

- Lời dẫn trực tiếp: Đặt trong dấu ngoặc kép: "Ruồi có tội mà có người cũng có lỗi. Con người phải thường xuyên đây diêm thức ăn, làm vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây dựng theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được".

- Lời dẫn gián tiếp:

+ Ruồi khổ sai chung thân;

+ Chim chóc, cóc, nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều.

Câu 2: Chuyển:

- a) Họa sĩ nghĩ rằng khách tới bất ngờ chắc anh thanh niên chưa kịp quét tước, dọn dẹp nhà cửa, chần mản.
- b) Vũ Nương nói rằng nàng bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ chẳng còn mặt mũi nào về gặp Trương Sinh nữa.
- c) Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho mời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi quân Thanh sang đánh, ông sắp đem binh da chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua thế nào.
- d) Nguyễn Thiếp nói rằng hiện giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh. Quanh Trung ra đi chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

Câu 3:

Khi viết đoạn văn, chú ý để lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép. Tham khảo đoạn văn sau:

Tác dụng của văn học đối với đời sống con người thật là to lớn. Đặc biệt là văn học bằng tiếng mẹ đẻ. Về điều này, nhà thơ Xuân Diệu viết: "**Yêu quốc văn, yêu văn Việt thì tâm hồn ta sẽ dạt dào thêm sức sống, sức cảm xúc, mến yêu và suy nghĩ, do đó mà thêm sức chiến đấu**". Đúng như vậy, biết yêu văn học, biết cảm thụ văn học, con người sẽ giàu tình cảm hơn và sẽ có cuộc sống nội tâm phong phú hơn, hoàn thiện hơn.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp:

- Lời dẫn trực tiếp : « Đấy, cứ cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa ? ».
- Lời dẫn gián tiếp : nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phân lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.

Câu 2:

- Trường hợp a: đúng.
- Trường hợp b: Lời người dẫn nói về nội dung: người có bản lĩnh sẽ không bị ảnh hưởng xấu từ môi trường sống; nhưng lời dẫn là câu tục ngữ lại có nội dung nói về ảnh hưởng của môi trường sống đến con người.
- Như vậy lời dẫn và lời người dẫn không phù hợp nhau nên có thể thay một trong hai yếu tố trên.

Câu 3: Đọc văn bản sau:

a) Trong văn bản trên có cả lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp:

- Lời dẫn trực tiếp: "Con rất tuyệt vời, và ba yêu con"
- Lời dẫn gián tiếp: bạn ... bảo ...
- Mỗi lời dẫn gián tiếp là ý nghĩ của nhân vật,
- Lời dẫn trực tiếp là lời nói của người cha với con.

b) Gợi ý câu văn: Theo em, *rất tuyệt vời*, với người cha, không phải là một đứa con xinh đẹp, thông minh, giỏi giang, sống trong một căn nhà giàu có, sang trọng, đơn giản chỉ vì đó là một đứa con ngoan ngoãn, hiếu thảo. Chỉ thế là đủ để một mái nhà lúc nào cũng ấm áp tình yêu thương và đối với người cha thì đó là đứa con *rất tuyệt vời*. (Gián tiếp).

Phiếu bài tập số 3

Câu 1: Cũng như bài tập 1, trước hết phải tìm lời dẫn trong các đoạn trích. Sau đó, dựa vào nội dung dẫn để xác định lời dẫn lời nói và lời dẫn ý nghĩ.

- a) Lời dẫn ý nghĩ.
- b) Lời dẫn lời nói.
- c) Lời dẫn ý nghĩ.
- d) Lời dẫn ý nghĩ.

Câu 2:

- a) → Anh ấy dặn chúng tôi rằng ngày mai anh ấy đi công tác, Chúng tôi ở nhà nhớ chăm lo cho bản thân, giữ gìn sức khỏe.
- b) → Thầy giáo dặn cả lớp mình là sắp đến kỳ thi hết cấp, chúng mình cần chăm học hơn nữa.
- c) → Chúng tôi chào bà chúng tôi đi học.

Câu 3:

Đoạn văn tham khảo:

Truyền thống *Uống nước nhớ nguồn*, sống ân nghĩa thủy chung vẫn luôn là truyền thống quý báu tốt đẹp của dân tộc ta. Ngày nay, thế hệ con cháu VN được sống trong thời kỳ hòa bình độc lập thống nhất là nhờ sự cống hiến to lớn của thế hệ cha ông đi trước. Những thế hệ anh hùng dân tộc đi trước đã không tiếc máu xương của chính mình để bảo vệ được mảnh đất chữ S trước sự dòm ngó của biết bao kẻ thù xâm lược. Họ chính là hiện thân của một đất nước hào hùng, kiên cường bất khuất. Chính nhờ sự hy sinh của họ mà nó đã đặt nền tảng cho sự bình yên, hạnh phúc và no ấm của các thế hệ con cháu đời sau. Ngày nay, thế hệ trẻ được sống trong hòa bình êm ả thì ko thể nào ko kể đến những tháng ngày bi thương mà hào hùng của dân tộc. Không chỉ có những vị anh hùng của dân tộc thời chiến, ngày nay cũng có rất nhiều những vị lãnh đạo tài ba xuất chúng đã hết mình vì tổ quốc non sông, vì nhân dân phục vụ. Tóm lại, thế hệ con cháu ngày nay cần trân trọng những thành quả của ông cha trong quá khứ và có những việc làm tri ân tới công lao của người đi trước như lời Bác dạy: “Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1:

Tìm lời dẫn trong các đoạn trích sau và cho biết đâu là lời dẫn trực tiếp, đâu là lời dẫn gián tiếp.

a) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt Ruồi khổ sai chung thân ; truyền cho chim chóc , cóc , nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bót ruồi, không cho đẻ nhiều . Ngọc Hoàng lại nói với loài người : " Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi . Con người phải thường xuyên dọn vệ sinh môi trường ; nhà vệ sinh , chuồng trại phải xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được ".

(Tường Lan, Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh)

b) Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một-không . Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy , tháng ấy , không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng . Đối với cháu , thật là đột ngột , không ngờ lại là như thế . Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu , ôm cháu mà lắc " Thế là một -hoà nhé!".

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

c) Sau có một viên quan sực nhớ đến Nguyễn Hiền bèn tâu vua có thể ông trạng trẻ tuổi chưa thâm thúy nhưng thông minh thì có thừa, may ra ông trạng giải được (câu đố của sứ Tống) thì hay. Vua bèn sai sứ giả đi luôn về Dương A mời ông trạng về kinh đô .

(Hà Ân , Ông trạng thả diều)

Bài tập 2: Chuyển các lời dẫn trực tiếp trong các trường hợp sau sang lời dẫn gián tiếp:

- a) Sáng hôm qua Lan khoe với tôi: “ Mẹ mình mới mua cho mình bộ sách giáo khoa lớp 9”
- b) Nam đã hứa với tôi như đinh đóng cột: “ Sáng mai tôi sẽ đi học”
- c) Sáng hôm qua, Lan khoe với tôi rằng mẹ bạn ấy mới mua cho bạn ấy bộ sách giáo khoa lớp 9.

Bài tập 3: Cho câu sau: Nghề dạy Văn thật đáng yêu, học Văn thật là một niềm vui sướng lớn. (Tố Hữu nói với các thầy cô giáo dạy Văn ở Hà Nội, tháng 3 - 1963)

Hãy viết hai đoạn văn ngắn có sử dụng câu trên làm lời dẫn trực tiếp và gián tiếp.

Gợi ý trả lời:

Bài tập 1:

Trước hết, cần tìm lời dẫn trong các đoạn trích. Sau đó , dựa theo cách dẫn và các dấu hiệu có/không có ngoặc kép để chỉ ra lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

Các lời dẫn gián tiếp:

- a) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt **Ruồi khổ sai chung thân**; truyền cho **chim chóc, cóc, nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều.**
- b) Chú ấy nói: **nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phần lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.**
- c) sau có một viên quan sực nhớ đến Nguyễn Hiền tâu vua **có thể ông trạng trẻ tuổi chưa thâm thúy nhưng thông minh thì có thừa, may ra ông trạng giải được (câu đố của sứ Tống) thì hay.**

HS tự tìm các lời dẫn trực tiếp.

Bài tập 2:

- a) Sáng hôm qua, Lan khoe với tôi rằng mẹ bạn ấy mới mua cho bạn ấy bộ sách giáo khoa lớp 9.
- b) Nam đã hứa với tôi như đinh đóng cột rằng sáng mai bạn ấy sẽ đi học.

Bài tập 3:

Đoạn văn tham khảo:

Đoạn 1:

Trong bao nhiêu nghề, thì nghề giáo luôn là nghề mà được mọi người trân trọng, người ta có câu " nghề giáo là nghề cao quý nhất". Những người thầy luôn luôn ươm mầm cho những mầm non của đất nước. Để nuôi dưỡng tâm hồn cho trẻ, thì chắc chắn đó là những người thầy dạy văn. Văn học giúp chúng ta biết yêu ghét, phân biệt phải trái; biết ca ngợi cái chân- thiện -mỹ, lên án cái độc ác, xấu xa... Chính vì thế, trong buổi trò chuyện với các thầy cô giáo dạy Văn ở Hà Nội, tháng 3 - 1963, nhà thơ Tố Hữu nói rằng **nghề dạy Văn thật đáng yêu, học Văn thật là một niềm vui sướng lớn.**

Đoạn 2:

" Nghề dạy văn thật đáng yêu, học văn là một niềm vui sướng lớn" đó là câu nói của nhà thơ Tố Hữu mà đến tận bây giờ nó vẫn là nguồn động lực vô vàn cho em khi học văn. Trong cuộc sống, ai rồi cũng sẽ có những nghề nghiệp riêng cho bản thân, có thể là nông dân trồng những loại cây, bác sĩ chữa bệnh cho mọi người,... nhưng đối với em, nghề dạy học là một nghề vô cùng ý nghĩa và lớn lao. Khi mà thầy cô truyền đạt cho chúng em những kiến thức mới lạ, cho chúng em hiểu biết thêm về văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc. Và đúng như câu trên của nhà thơ. Nghề dạy văn quả thật là một nghề đáng yêu và đáng kính còn việc học văn thì giống như một niềm vui tìm hiểu thêm về cuộc sống và những con người xung quanh thật tuyệt đến nhường nào.

SỰ PHÁT TRIỂN TỪ VỰNG- TRAU DÒI VÓN TỪ

I - LÝ THUYẾT

1. Sự phát triển từ vựng

a) Sự phát triển về mặt nghĩa: là hiện tượng tăng thêm nghĩa cho từ nhằm tạo ra các từ nhiều nghĩa.

- Có hai phương thức chủ yếu để phát triển nghĩa của từ:

+ Phương thức ẩn dụ: giữa nghĩa chuyển và nghĩa gốc có quan hệ tương đồng với nhau.

+ Phương thức hoán dụ: giữa nghĩa chuyển và nghĩa gốc có quan hệ gần gũi nhau.

Ví dụ: Từ " miệng " Có sự phát triển nghĩa như sau:

Nó há miệng ra. (Nghĩa gốc)

Nhà tôi có năm miệng ăn. (Nghĩa chuyển - phương thức hoán dụ)

Cái chén đã sứt miệng. (Nghĩa chuyển-phương thức ẩn dụ)

- Phân biệt ẩn dụ tu từ, hoán dụ tu từ với ẩn dụ từ vựng, hoán dụ từ vựng:

+ Ẩn dụ tu từ , hoán dụ tu từ: tạo ra các nghĩa lâm thời cho từ, gắn với hoàn cảnh sử dụng cụ thể, theo chủ ý của người sáng tạo, tăng tính biểu cảm cho sự diễn đạt.

+ Ẩn dụ từ vựng, hoán dụ từ vựng: làm cho từ ngữ có thêm nghĩa chuyển, các nghĩa chuyển này được đưa vào giải thích trong từ điển được đồng ý của người bản ngữ thừa nhận.

b) Sự phát triển về số lượng các từ ngữ: từ ngữ tiếng Việt ngày càng tăng nhanh về số lượng theo hai cách:

- Tạo từ ngữ mới:

+ Tạo từ ngữ bằng cách ghép những từ đã biết thành một từ ngữ mới.

Ví dụ: com, bụi→com bụi.

điện thoại, di động→điện thoại di động.

+ Tạo từ ngữ mới theo một mô hình có sẵn.

Ví dụ: x + tặc →lâm tặc, đỉnh tặc, tin tặc,...

x + trường: chiến trường, công trường, nông trường, thương trường,...

- Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài:

+ Mượn tiếng Hán. Ví dụ: thanh minh, tảo mộ, tài tử, giai nhân, phê bình, phê phán, hi sinh, biên cương, viễn xứ, độc lập,...

+ Mượn ngôn ngữ Ấn - Âu. Ví dụ: xà phòng, cà phê, ô tô, ra-di-ô,...

2. Trau dồi vốn từ: thường xuyên phải bổ sung từ mới làm cho vốn từ của mình ngày càng phong phú.

Việc dùng từ cần đạt được những yêu cầu sau:

- Dùng từ phải đúng về âm thanh và hình thức cấu tạo

- Dùng từ phải đúng về nghĩa

- Dùng từ phải đúng về quan hệ kết hợp

- Dùng từ phải thích hợp về phong cách ngôn ngữ của văn bản.

Để sử dụng từ tốt cần:

- Huy động từ ngữ theo trường nghĩa khi cần diễn đạt một nội dung nào đó.

- So sánh các từ trong cùng trường nghĩa nhất là các từ đồng nghĩa với nhau để thấy giá trị biểu đạt, biểu cảm của từ ngữ đó.

- Tích cực rèn luyện để tăng thêm vốn từ và tập sử dụng những từ mới trong hoàn cảnh giao tiếp tích hợp.

(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Chỉ ra nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa câu những từ in đậm được dùng trong các trường hợp sau:

a) Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội.
Nhịp chày **ngghiêng** giấc ngủ em **ngghiêng**.

(Nguyễn Khoa Điềm)

b) Mùa **xuân** là tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng **xuân**.

(Hồ Chí Minh)

Câu 2:

Đắn đo cân sắc cân tài

Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ

(Nguyễn Du)

Những từ “cân, ép” trong câu thơ được chuyển nghĩa theo cách ẩn dụ hay hoán dụ? Trong những câu trên, từ “cân, ép” nghĩa là gì?

Câu 3: Tìm và chữ lỗi dùng từ trong các câu sau:

- a) Vấn đề cơm ăn áo mặc cho nhân nhân là một trong những vấn đề quẩn bách và cần thiết.
- b) Cuộc đời cách mạng rất quảng đại của các lãnh tụ cách mạng là tấm gương sáng để chúng ta noi theo.
- c) Anh Trời vẫn hiên ngang đến phút chót lọt.
- d) Người cách mạng không sợ gió bão mưa phùn
- e) Em hãy tả lại tinh thần ham học của một bạn trong lớp
- f) Trong tù, người chiến sĩ cách mạng ấy ngâm thơ rất hay, giọng đầy cảm khoái.
- g) Yếu điểm của anh ấy là thiếu quyết đoán trong công việc.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Tìm và chữa lỗi dùng từ trong các câu sau:

- a) Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, có thể nói, tiếng Việt là thứ tiếng rất phong phú và linh động.
- b) Họa sĩ Phạm Viêt Song nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc.
- c) Nhà trường vừa tổ chức một đợt xâm nhập thực tế cho giáo viên và học sinh.

Câu 2: Xác định lỗi diễn đạt trong các câu sau và sửa lỗi:

- a) Nguyễn Duy là một nhà thi sĩ tài hoa
- b) Trường phái tượng trưng đang rất được ưa chuộng trọng hội họa hiện đại ngày nay.
- c) Với tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du được mệnh danh là ” tập đại thành của ngôn ngữ dân tộc”.
- d) Xí nghiệp đang đẩy mạnh quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Câu 3: Đọc đoạn thơ sau:

Em cu Tai ngủ trên **lưng** (1) mẹ ơi

Em ngủ cho ngoan đừng rời **lưng** (2) mẹ

Mẹ đang tía bắp trên núi Ka-lui

Lưng(3) núi thì to mà **lưng** (4)mẹ nhỏ

Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, em nằm trên **lưng** (5).

(Nguyễn Khoa Điềm)

- a) Cho biết nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của từ lưng trong mỗi trường hợp trên.
- b) Phân tích giá trị biểu cảm của việc dùng từ "mặt trời" trong câu thơ "Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng" có thể coi là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao?

Phiếu bài tập số 3

Câu 1: Thêm yếu tố cấu tạo nào theo kiểu “x + tặc” để các yếu tố sau trở thành những từ mới:

Phi hành, triết, chuyên, thương, văn, toán, sinh, vật lí.

Câu 2: Lựa chọn và điền các từ ngữ mới (Cầu truyền hình, đường cao tốc, đường vành đai, công viên nước, công ti trách nhiệm hữu hạn, thương hiệu, dịch vụ hậu mãi) vào những chỗ trống trong các câu sau:

- a)hình thức truyền hình tại chỗ cuộc giao lưu, đối thoại trực tiếp qua hệ thống ca-mê-ra giữa các địa điểm cách xa nhau.
- b).....công viên giải trí, trong đó chủ yếu là những trò chơi dưới nước như trượt nước, bơi thuyền, tắm biển nhân tạo,..
- c)đường xây dựng theo tiêu chuẩn đặc biệt dành riêng cho xe cơ giới chạy với vận tốc cao (khoảng từ 100km / h trở lên)

d)đường bao quanh, giúp cho những phương tiện vận tải có thể đi vòng qua để đến một địa phương khác mà không đi vào bên trong thành phố, nhằm giải tỏa giao thông thành phố.

e)nhãn hiệu hàng hóa được dùng trên thị trường, nhãn hiệu thương mại.

g)là công ti trong đó các chủ sở hữu vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ti trong phạm vi phần vốn của mình đã góp vào Công ti.

h).....là dịch vụ sau khi mua, hàng được đưa đến tận nhà, lắp ráp, bảo hành.

Câu 3: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 5- 7 dòng), nội dung tự chọn, trong đoạn có sử dụng ít nhất hai từ mới và gạch chân dưới hai từ mới ấy.

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1:

a)

- Từ "ngiên" trong " nhịp chày nghiêng" là nghĩa gốc của từ, chỉ trạng thái của chiếc trời không theo phương thẳng đứng mà nghiêng về một bên.

- Từ "ngiên" trong "giấc ngủ em nghiêng" được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ, chỉ trạng thái giấc ngủ của em cu Tai. giấc ngủ của em không được yên mà chập chờn nghiêng theo nhịp chày giã gạo của mẹ. Điều này chứng tỏ nỗi vất vả của mẹ đã lan truyền sang em, em cũng đang chia sẻ vất vả, nhọc nhằn cùng mẹ.

b)

- Từ "xuân" trong "Mùa xuân là tết trồng cây" hiểu theo nghĩa gốc: mùa đầu tiên trong năm, chuyển tiếp từ mùa đông sang, khi trời ấm áp, vạn vật sinh sôi, căng tràn sức sống.

- Từ xuân trong câu "Làm cho đất nước càng ngày càng xuân" được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ, chỉ sự tươi trẻ, sức sống dồi dào...

Câu 2:

- Trong câu thơ, từ *cân, ép* được dùng theo nghĩa ẩn dụ.

- Nghĩa của từ:

+ *Cân*: đánh giá xem ra sao. (Mã Giám Sinh đánh giá tài sắc của Kiều)

+ *Ép*: bắt buộc (buộc Kiều miễn cưỡng làm theo)

Câu 3: Tìm và chữ lỗi dùng từ trong các câu sau:

- Vấn đề cơm ăn áo mặc cho nhân nhân là một trong những vấn đề quần bách và cần thiết.
- Cuộc đời cách mạng rất quảng đại của các lãnh tụ cách mạng là tấm gương sáng để chúng ta noi theo.
- Anh Trỗi vẫn hiên ngang đến phút chót lọt.
- Người cách mạng không sợ gió bão mưa phùn
- Em hãy tả lại tinh thần ham học của một bạn trong lớp
- Trong tù, người chiến sĩ cách mạng ấy ngâm thơ rất hay, giọng đầy cảm khoái.

g) Yếu điểm của anh ấy là thiếu quyết đoán trong công việc.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Tìm và chữa lỗi:

a) Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, có thể nói, tiếng Việt là thứ tiếng rất phong phú và **linh động**.

Chữa: Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, có thể nói, tiếng Việt là thứ tiếng rất phong phú và sinh động.

b) Họa sĩ Phạm Viết Song **nhấp nháy** bộ ria mép quen thuộc.

Chữa: Họa sĩ Phạm Viết Song mấp máy bộ ria mép quen thuộc.

c) Nhà trường vừa tổ chức một đợt **xâm nhập** thực tế cho giáo viên và học sinh.

Chữa: Nhà trường vừa tổ chức một đợt thăm nhập thực tế cho giáo viên và học sinh.

Câu 2: Xác định lỗi diễn đạt trong các câu sau và sửa lỗi:

a) Nguyễn Duy là một nhà thi sĩ tài hoa

b) Trường phái tượng trưng đang rất được ưa chuộng trọng hội họa hiện đại ngày nay.

c) Với tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du được mệnh danh là ” tập đại thành của ngôn ngữ dân tộc”.

d) Xí nghiệp đang đẩy mạnh quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Câu 3:

a) Cho biết nghĩa gốc ,nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của từ lưng trong mỗi trường hợp:

- Từ lưng trong trường hợp (1.2.4,5) được dùng theo nghĩa gốc: phần sau của thân người từ vai đến thắt lưng.

- Từ lưng trong trường hợp (3) được dùng với nghĩa chuyển phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ: phần sau của vật.

b) Hai câu thơ là sự liên tưởng thú vị của tác giả khi người mẹ Tà- ôi dịu con lên nường tia bắp . Tác giả đã so sánh, đối chiếu và sử dụng sóng đôi hai hình ảnh mặt trời, một hình ảnh tả thực và một hình ảnh ẩn dụ để ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng.

- Mặt trời của bắp là hình ảnh tả thực, là mặt trời của thiên nhiên, vũ trụ đang nằm trên đồi, mang lại ánh sáng và hơi ấm cho muôn vật để cây bắp tốt tươi ,...

- Mặt trời của mẹ là một hình ảnh ẩn dụ đẹp chỉ đứa con đang nằm trên lưng mẹ, được mẹ chở che, ôm ấp. Mặt trời của thiên nhiên quan trọng với cây bắp thế nào thì cụ Tai cũng quan trọng với mẹ như thế. Vì em bé là mặt trời trong sự đối sánh với mặt trời của tự nhiên, nhà thơ khẳng định vai trò to lớn của đứa con trong lòng mẹ. Con là động lực giúp mẹ vượt qua mọi gian khổ của công việc. Con là niềm vui, là lẽ sống, là ánh sáng, là hơi ấm của đời mẹ. Vì thế ,mẹ luôn nâng niu, che chở để mặt trời con luôn ấm và sáng mãi trong lòng mẹ.

- Từ mặt trời trong câu thơ "Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng" không thể coi là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được vì nó chỉ có ý nghĩa lâm thời, dùng theo ý đồ nghệ thuật của tác giả, không được lưu vào từ điển.

Phiếu bài tập số 3

Câu 1:

Thêm vào các yếu tố cấu tạo theo kiểu “x + tặc” để tạo từ mới:

- Phi hành gia, triết gia, chuyên gia, thương gia,....

- Văn học, toán học, sinh học, vật lí học,...

Câu 2: Lựa chọn và điền các từ ngữ mới

- a) Cầu truyền hình.
- b) Công viên nước.
- c) Đường cao tốc.
- d) Đường vành đai.
- e) Thương hiệu.
- g) Công ti trách nhiệm hữu hạn
- h) Dịch vụ hậu mãi.

Câu 3: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 5- 7 dòng), nội dung tự chọn, trong đoạn có sử dụng ít nhất hai từ mới và gạch chân dưới hai từ mới ấy.

Đoạn văn tham khảo:

Hiện nay, ngôn ngữ của chúng ta xuất hiện rất nhiều từ ngữ mới: Lâm tặc, sơn tặc, hải tặc, không tặc..., thậm chí “đỉnh tặc”. Lâm tặc, nếu hiểu theo nghĩa truyền thống, sơn tặc là cướp hoạt động ở địa bàn rừng núi, lấy sơn trại làm căn cứ; hải tặc là cướp trên biển và ven biển, thủy tặc cướp ở vùng sông, hồ... nhưng lâm tặc không có nghĩa là cướp ở trong rừng mà là phá rừng, mọi hình thức phá rừng, buôn lậu gỗ, động vật quý hiếm... “lâm” là đối tượng của “tặc”. Còn “đỉnh tặc” lại có biểu thị khác: dùng đỉnh làm phương tiện vi phạm pháp luật, “đỉnh” là phương tiện của “tặc”.

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1:

Dựa vào nghĩa: " tạo nên sản phẩm" của từ đánh (đánh chiếc nhẫn), hãy giải thích nghĩa của cụm từ: đánh máy bài phát biểu.

Bài tập 2:

Từ *mảnh* có các nghĩa như sau:

- (1) Phần nhỏ, mỏng , tách ra từ chỉnh thể : xé tờ giấy thành nhiều mảnh, mảnh gương vỡ.
- (2) Thanh, nhỏ nhắn: dáng người mảnh, xé sợi cho thật mảnh.

Nghĩa (2) được chuyển nghĩa theo phương thức nào?

Bài tập 3:

Từ *gạch* có các nghĩa như sau:

- (1) Hoạt động vạch tạo thành đường thẳng: gạch chéo, gạch chân những từ cần nhấn mạnh.
- (2) Xóa bỏ cái đã viết: gạch tên trong danh sách, chỗ nào sai thì gạch bằng mực đỏ.

Nghĩa (2) được chuyển nghĩa theo phương thức nào?

Bài tập 4:

Từ đầu trong từ điển tiếng Việt có các nghĩa được minh họa bằng các ví dụ:

- a) Đầu con người; đầu con ngựa.
- b) Anh ta có cái đầu tuyệt vời, nhớ đến từng chi tiết.

c) Đầu máy bay; đầu tù.

d) Dẫn đầu; lần đầu.

e) Sản lượng tính theo đầu người; mỗi lao động hai đầu lợn.

Hãy giải thích nghĩa của từ *đầu* trong những ví dụ trên và nói rõ phương thức chuyển nghĩa của từng trường hợp.

Bài tập 5:

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn du đã 76 lần dùng từ *mặt*, trong đó có các lần như sau:

- Người quốc sắc , kẻ Thiên Tài,
Tinh trong như đá, **mặt** ngoài còn e.

- Sương in **mặt** , tuyết pha thân,
Sen vàng lãnh đăng như gần như xa.

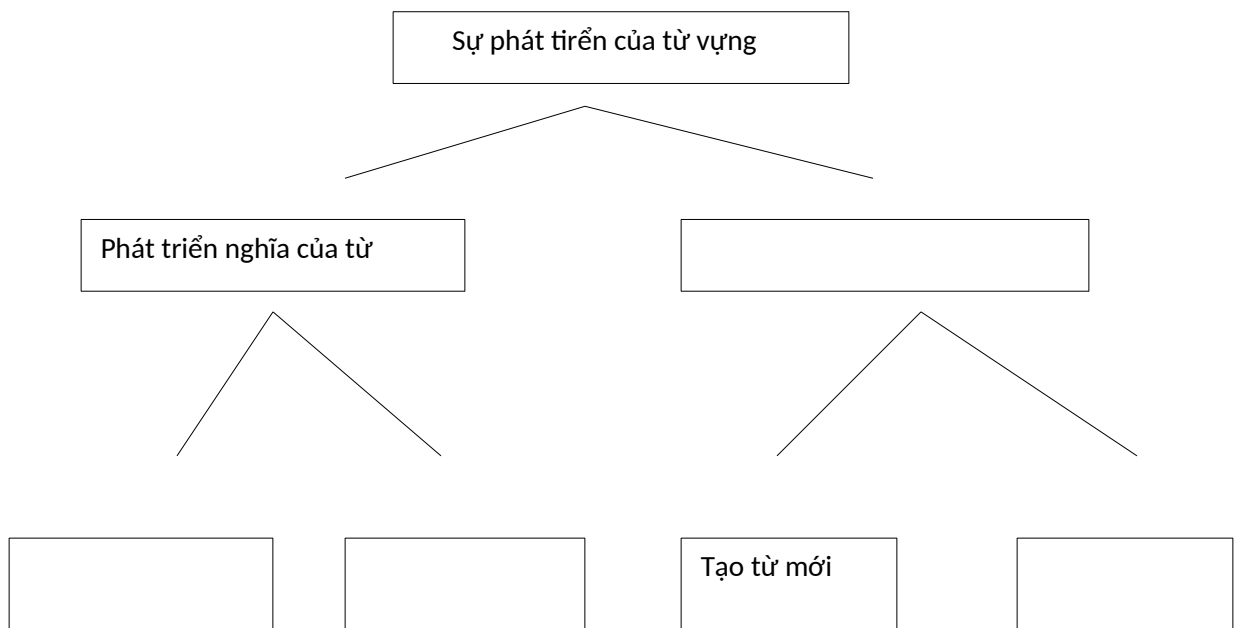
- Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây **mặt** đất một màu xanh xanh.

- Làm cho rõ **mặt** phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.

Hãy cho biết nghĩa của từ *mặt* trong từng lần sử dụng trên. Trường hợp nào từ *mặt* được dùng với nghĩa gốc, trường hợp nào được dùng với nghĩa chuyển?

Bài tập 6:

Hãy hoàn thiện sơ đồ sau:



Bài tập 7:

Đọc hai đoạn trích sau:

a) Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-di-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh. (Thông tin về Ngày trái đất năm 2000)

b) Trong khói thuốc lá lại có chất ô-xít các-bon, chất này thấm vào máu, bám chặt các hồng cầu không cho chúng tiếp cận ôxi nữa. Không lạ gì sức khỏe của người nghiện thuốc ngày càng sút kém (Ôn dịch, thuốc lá)

Hãy xác định từ mượn các ngôn ngữ Châu Âu có trong đoạn trích trên.

Gợi ý trả lời:

Bài tập 1:

Đánh máy bài phát biểu: dùng máy chữ, máy vi tính để tạo ra bài phát biểu.

Bài tập 2:

Dựa vào định nghĩa ẩn dụ và hoán dụ đã nói ở trên, xác định x và y, sau đó xem xét quan hệ giữa x và y, từ đó kết luận về phương thức chuyển nghĩa.

Ở đây, nghĩa (2) được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.

Bài tập 3:

Nghĩa (2) được chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ.

Bài tập 4:

Trước hết cần tra từ điển tiếng Việt để biết nghĩa của từ *đầu* ứng với các ví dụ đã cho. Cách xác định phương thức chuyển nghĩa như cách làm bài tập 1, 2.

- a) *Đầu* : phần trên cùng của cơ thể hoặc động vật, nơi chứa bộ óc.
- b) *Đầu* : trí tuệ, tư tưởng của con người (hoán dụ).
- c) *Đầu* : bộ phận trước nhất, trên cùng của đồ vật (ẩn dụ).
- d) *Đầu*: ở vị trí trước nhất trong không gian hoặc thời gian (ẩn dụ).
- e) *Đầu* : đơn vị người, động vật (hoán dụ).

Bài tập 5:

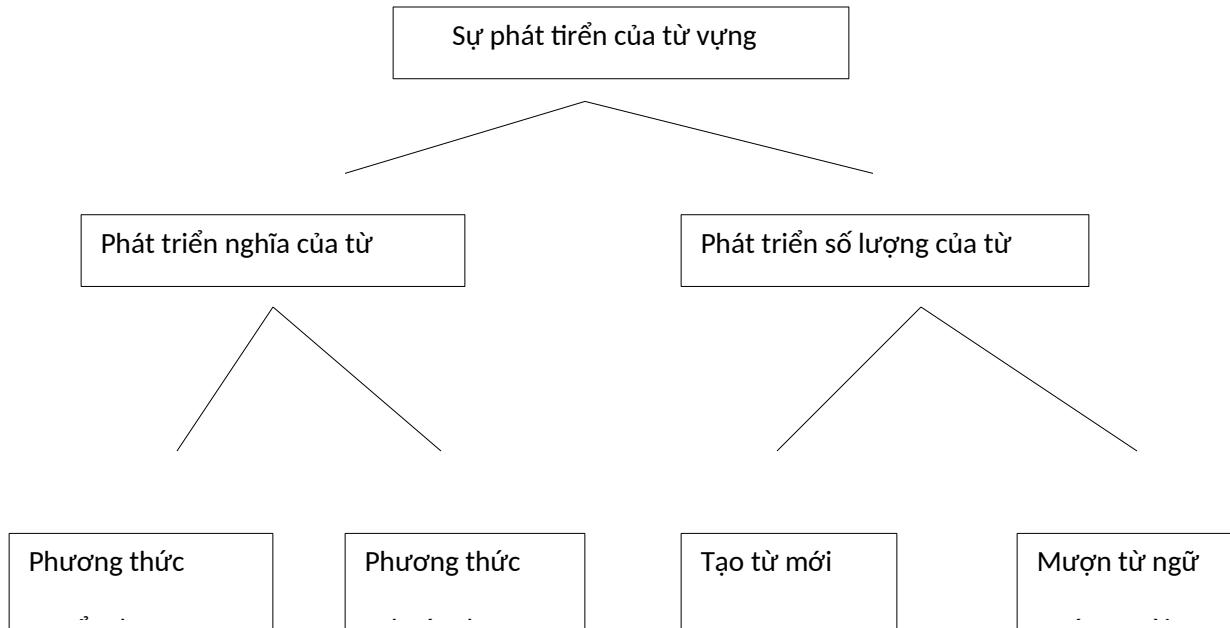
Dựa vào từ điển, nắm được các nghĩa khác nhau của từ *mặt*:

- (1) Phần phía trước từ trán đến cằm của đầu người, hay phần phía trước của đầu con thú: rửa mặt; mặt trái xoan...
- (2) Những nét trên mặt người biểu hiện thái độ, tâm tư tình cảm : mặt lạnh như tiền; tay bắt mặt mừng, ...
- (3) Mặt người, làm phân biệt người này với người khác, dùng để chỉ từng cá nhân khác nhau: gặp mặt; họp mặt,...
- (4) Mặt con người, coi là biểu trưng cho thể diện, danh dự, phẩm giá: ngượng mặt; nói cho rát mặt; tỏ mặt anh thư ; đáng mặt anh hào,...
- (5) Phần phẳng ở phía trên, hoặc phía ngoài của vật, phân biệt với phần bên dưới hoặc bên trong: mặt bàn; mặt nước, ...

Trên cơ sở các nghĩa của từ *mặt*, tự xác định ý nghĩa từng cách dùng ở các câu thơ của Nguyễn Du.

Bài tập 6:

Sơ đồ được hoàn thiện:



Bài tập 7:

Các từ mượn các ngôn ngữ Châu Âu có trong đoạn trích trên.:

- a) Ni lông, ca-đi-mi, đi-ô-xin.
- b) Ô-xít các-bon, ôxi.

THUẬT NGỮ

I - LÝ THUYẾT

1. Khái niệm:

Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị các khái niệm được dùng trong các ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

2. Đặc điểm:

- Mỗi thuật ngữ trong một ngành khoa học chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm khoa học chỉ biểu thị bằng một thuật ngữ.
- Các thuật ngữ trung hòa về sắc thái biểu cảm.

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Hãy dựa vào kiến thức Ngữ văn đã học, em hãy điền các từ ngữ vào chỗ trống trong các câu sau:

a) là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc. Truyện thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

b) là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Nó thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

c) là loại truyện kể, bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.

d) là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

e) là vấn đề chủ yếu mà người viết muốn đặt ra trong văn bản.

g) là loại văn bản nhằm giúp người đọc hình dung được đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cách, làm cho những cái đó hiện lên trước mắt người đọc.

Các từ ngữ được điền vào có thể xem là các thuật ngữ của ngành học Ngữ văn hay không?

Câu 2: Hãy kể một số thuật ngữ trong lĩnh vực tin học, văn học.

Câu 3:

Viết một đoạn văn thuyết minh giới thiệu tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Hãy gạch chân các thuật ngữ văn học mà em đã sử dụng trong đoạn văn.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Tìm thuật ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

a) /.../ là đoạn thẳng có một đầu là đỉnh của tam giác, một đầu là giao điểm của tia phân giác xuất phát từ điểm đó với cạnh đối diện.

b) /.../ là khả năng của cơ thể không bị mắc một số bệnh ngay cả lúc mới vừa sinh ra.

c) /.../ là năng lượng của một vật có được do vị trí của một vật so với mặt đất.

d) /.../ là nhiều chất trộn lẫn vào nhau mà không hóa hợp thành một chất khác.

e) /.../ là quá trình làm biến đổi chất này thành chất khác.

f) /.../ trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết (nói) nêu ra ở trong bài.

Câu 2: Cách nói: "cậu nói như thế là không ổn, cần tuân thủ các phương châm hội thoại, nhất là phương châm lịch sự." trong giao tiếp hàng ngày có thích hợp không? Tại sao? Cần phải sửa lại thế nào?

Câu 3:

Tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ *hoa lá* trong Sinh học. Cho biết từ *hoa lá* trong đoạn thơ sau có được dùng như một thuật ngữ hay không.

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim.

(Tố Hữu, Từ ấy)

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Điền các từ ngữ vào chỗ trống như sau:

- a) Truyện cổ tích.
- b) Truyện thuyết
- c) Truyện ngụ ngôn.
- d) Truyện cười
- e) Chủ đề
- g) Văn miêu tả.

Các từ ngữ trên là những thuật ngữ của ngành học Ngữ văn.

Câu 2:

HS có thể kể một số thuật ngữ sau:

- Trong tin học: con chuột, ổ cứng, đĩa mềm, cửa sổ, virút,....
- Trong văn học: đề tài, chủ đề, nhân vật, tình huống truyện,

Câu 3:

Viết một đoạn văn thuyết minh giới thiệu tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Hãy gạch chân các thuật ngữ văn học mà em đã sử dụng trong đoạn văn.

Đoạn văn tham khảo:

Tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”- Nguyễn Dữ là một trong 20 tác phẩm của Truyền kì mạn lục. Qua cuộc đời của Vũ Nương, Nguyễn Dữ tố cáo cuộc chiến tranh phi nghĩa đã làm tan vỡ hạnh phúc lứa đôi, đồng thời thể hiện sự cảm thông sâu sắc với khát vọng hạnh phúc cũng như bi kịch của người phụ nữ trong xã hội xưa. Tác phẩm cũng là sự suy ngẫm, day dứt trước sự mong manh của hạnh phúc trong kiếp người đầy bất trắc. Tác phẩm cho thấy nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật già dặn. Sự đan xen thực ảo một cách nghệ thuật, mang tính thẩm mĩ cao. “Chuyện người con gái Nam Xương” là một truyện ngắn đặc sắc cả về nội dung lẫn nghệ thuật trong tác phẩm Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ. Truyện đã thể hiện được sự phối hợp hài hòa giữa chất hiện thực (câu chuyện được lưu truyền trong dân gian) với những nét nghệ thuật đặc trưng của thể loại truyện kì (yếu tố kì lạ hoang đường).

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Tìm thuật ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

- a) /.../ là dạng sinh vật đặc biệt gồm tảo và nấm cộng sinh, thường sống bám trên thân các cây gỗ hoặc trên đá (địa y).
- b) /.../ là khả năng của cơ thể không bị mắc một số bệnh ngay cả lúc mới vừa sinh ra (miễn dịch).

- c) /.../ là năng lượng của một vật có được do vị trí của một vật so với mặt đất (**thế năng hấp dẫn**).
- d) /.../ là nhiều chất trộn lẫn vào nhau mà không hóa hợp thành một chất khác (**hỗn hợp**).
- e) /.../ là quá trình làm biến đổi chất này thành chất khác (**phản ứng hóa học**).
- f) /.../ trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết (nói) nêu ra ở trong bài (**luận điểm**).

Câu 2:

Các thuật ngữ chỉ dùng trong các văn bản khoa học, không dùng trong đời thường. Có thể sửa lại như sau:

Cậu nói như thế là không ổn, cần lịch sự hơn.

Câu 3:

Tham khảo các nghĩa sau:

- Hoa: cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, có bộ phận chủ yếu là nhị (bộ phận đực) và nhụy (bộ phận cái) , còn đài và tràng làm thành bao hoa che chở ở ngoài.
- Lá: cơ quan của cây mọc ở thân hoặc ở cành, thường có hình bản gienp, màu lục, có chức năng chủ yếu trong việc chế tạo chất hữu cơ nuôi cây.

HS đối chiếu với nghĩa của các từ hoa, lá trên đây để xác định từ hoa lá trong đoạn thơ của Tố Hữu có được dùng như một thuật ngữ hay không.

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1:

Hãy giải thích các thuật ngữ sau của phân môn Tiếng Việt: từ đơn, từ ghép, từ láy, ẩn dụ, hoán dụ.

Bài tập 2:

Trong các trường hợp sau, trường hợp nào *nước* được dùng với tư cách là thuật ngữ: *nước dùng, nước cứng, nước chấm, nước da, nước mềm, nước máy?*

Bài tập 3:

Trong các nghĩa sau của từ *cháy*, nghĩa nào là nghĩa thuật ngữ Hóa học?

- (1) Bén, bốc lửa thành ngọn.
- (2) Phản ứng tỏa nhiệt và có ánh sáng.
- (3) Bị thiêu hủy bằng nhiệt.
- (4) Bị hủy hoại trở nên sạm đen do thời tiết, khí hậu.

Bài tập 4:

Trong hai từ “muối” ở hai trường hợp sau, từ “ muối” nào là thuật ngữ? Giải thích nghĩa của từ ” muối” trong hai trường hợp?

- **Muối** là một hợp chất có thể hòa tan trong nước(1)
- Tay nâng đĩa **muối** chén gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau(2)

Gợi ý trả lời:

Bài tập 1:

Đọc lại các kiến thức về Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, từ đó giải thích các thuật ngữ đã cho.

Bài tập 2:

Tham khảo các lời giải thích sau:

- Nước dùng: nước nấu bằng cách ninh xương, tôm, cua cùng với muối, mắm, gia vị, dùng để chan vào phở, bún.
- Nước cứng: nước có chứa nhiều ion Ca^{2+} , Mg^{2+} .
- Nước chấm: nước hòa dung dịch mặn, có thêm gia vị để chấm thức ăn.
- Nước da: màu sắc của da người.
- Nước mềm: nước không chứa hoặc chứa ít ion Ca^{2+} , Mg^{2+} .
- Nước máy: nước do nhà máy nước cung cấp, chảy qua đường ống, dùng trong sinh hoạt hằng ngày của nhân dân.

Bài tập 3:

Chú ý đến Nghĩa thứ (2) .

Bài tập 4:

Muối(1) là một thuật ngữ, không có tính biểu cảm, không gọi thêm nghĩa nào.

Muối(2) là một từ thông thường, đứng trong tổ hợp “ gừng cay muối mặn” để gọi lên những vất vả, gian truân mà con người phải nếm trải trong đời.

THÀNH PHẦN PHỤ KHỞI NGỮ VÀ CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP

I - LÝ THUYẾT

1. Thành phần Khởi Ngữ

a) Khái niệm: Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.

Ví dụ: **Một mình** thì anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai nét kia mới một mình hơn cháu. (Lặng lẽ Sa Pa- Nguyễn Thành Long)

b) Nhận diện khởi ngữ

- Về vị trí: đứng trước chủ ngữ của câu
- Về nội dung: chỉ ra đề tài chính được nói đến trong câu.
- Ngoài ra, trước khởi ngữ có thể thêm các quan hệ từ: về, đối với, còn.

c) Chuyển câu chưa có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ

- Khởi ngữ có thể quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với phần câu còn lại. Vì vậy, có thể chuyển câu chưa có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ.

- Cách chuyển:

+ Đọc kỹ câu đã cho để xác định từ ngữ chứa đề tài của câu.

+ Đưa những từ ngữ chứa đề tài vừa xác định lên trước chủ ngữ của câu và biến đổi phần còn lại của câu cho phù hợp. Có thể thêm các quan hệ từ: về, đối với, còn trước khởi ngữ để kiểm chứng.

Ví dụ:

- Bà ấy có hàng kho vàng nhưng bà ấy lại chẳng có đứa con nào.

→ Vàng, bà ấy có hàng kho nhưng con thì bà ấy lại chẳng có đứa nào.

d) Tác dụng: Khởi ngữ là bộ phận nêu đề tài của câu, gây sự chú ý cho người đọc, người nghe. Sử dụng khởi ngữ cũng có thể giúp cho các câu văn trong đoạn liên kết với nhau chặt chẽ hơn, bố cục mạch lạc hơn.

2. Các thành phần biệt lập

c) Khái niệm: Là bộ phận nằm ngoài cấu trúc cú pháp của câu, không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc trong câu.

d) Các thành phần biệt lập

* **Thành phần tình thái:**

- Được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

Ví dụ: Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về . (Hữu Thỉnh)

- Thành phần tình thái thường sử dụng các từ ngữ chỉ độ tin cậy của người nói với sự việc được nói (có lẽ, có thể, hình như, dường như, có vẻ như, chắc, chắc hẳn, chắc là...) , hoặc những từ ngữ chỉ nguồn ý kiến của sự việc được nói trong câu (Theo tôi được biết, Theo thông báo của đài...).

* **Thành phần cảm thán:** được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu (vui, buồn, ngạc nhiên...)

Ví dụ : **Ôi**, quê mẹ nơi nào cũng đẹp.

- Thành phần cảm thán thường sử dụng các thán từ bộc lộ cảm xúc (ôi, chao ôi, ồ , Trời ơi, hời ôi...) thường đứng trước cấu trúc ngữ pháp của câu.

Lưu ý: Khi việc bộc lộ cảm xúc của người nói được tách thành một câu riêng thì đó không còn là thành phần biệt lập cảm thán mà trở thành câu đặc biệt.

Ví dụ: **Than ôi!** Thời oanh liệt nay còn đâu? (Thế Lữ)

* **Thành phần gọi - đáp:** Được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.

Ví dụ: **Này**, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn... mà ăn mừng đấy! (Kim Lân)

- Thành phần gọi - các thường đứng trước cấu trúc cú pháp của câu hoặc cuối câu, ngăn cách với nòng cốt câu bởi dấu phẩy, thường sử dụng các từ ngữ gọi đáp (này, ừ, dạ, vâng... hoặc các tên riêng).

Lưu ý: Khi việc gọi - đáp được tách thành một câu riêng biệt thì đó không còn là thành phần biệt lập gọi đáp mà trở thành câu đặc biệt gọi - đáp.

Ví dụ: **Vâng!** Ông giáo dạy phải. (Nam Cao)

* **Thành phần phụ chú:** được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

Ví dụ: Vũ Thị Thiết, **người con gái quê ở Nam Xương**, tính đã thùy mị nết na, lại thêm có tư dung tốt đẹp. (Nguyễn Dữ)

- Thành phần phụ chú đứng ở giữa câu hoặc cuối câu, thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hoặc trong dấu ngoặc đơn hoặc giữa một dấu gạch ngang với một dấu phẩy, ..

- Thành phần phụ chú có tác dụng nêu điều bổ sung thêm hoặc nêu thái độ của người nói hoặc xuất xứ của lời nói, của ý kiến.

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

1. Khởi ngữ:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Tìm khởi ngữ trong câu sau và viết lại thành câu không có khởi ngữ.

Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “ Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi.)

Câu 2: *Hãy viết lại các câu sau đây bằng cách chuyển phần in đậm thành khởi ngữ:*

- Em tôi vẽ đẹp lắm.

- Tôi đọc sách này rồi.

- Anh ấy viết cẩn thận lắm.

- Bà *biết* rồi nhưng bà chưa *làm* được.

- Nó rất *chăm* nhưng nó chưa *giỏi*.

Câu 3: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu, trong đó có ít nhất một câu chưa khởi ngữ và một câu chứa thành phần tình thái.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Chuyển các câu sau thành câu có khởi ngữ. Gạch chân thành phần khởi ngữ trong các câu đã chuyển.

a) Người ta đã giữ thề của nó. Người ta cũng đã chụp hình của nó rồi.

b) Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay!

c) Tôi cứ ở nhà tôi, cứ làm việc của tôi.

d) Anh ấy không hút thuốc, không uống rượu.

e) Chúng tôi chờ cô chủ nhiệm đến để giải quyết việc này.

f) Bà ấy có hàng dãy nhà ở khắp các phố. Bà ấy có hàng trăm mẫu ruộng ở nhà quê.

Câu 2: Viết lại các câu sau, chuyển phần in đậm thành khởi ngữ:

- a) Nó làm **bài tập** rất cẩn thận
- b) **Bức tranh** đẹp nhưng cũ
- c) Nó là người **chăm chỉ** nhất lớp
- d) Nó đối xử với **bạn bè** rất chu đáo

Câu 3: Đặt 5 câu có khởi ngữ.

Phiếu bài tập số 3

Câu 1: Chỉ ra thành phần khởi ngữ trong các đoạn trích sau:

- a) Giàu, tôi cũng giàu rồi.
- b) Còn anh, anh đứng sững lại đó nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuôi như bị gãy. (Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng)
- c) Còn tấm gương bằng thủy tinh tráng bạc, nó vẫn là người bạn trung thực, chân thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng không bao giờ biết nịnh hót hay độc ác. (Băng Sơn)
- d) Với bà mẹ, con đường ấy bắt nguồn từ lòng yêu con tha thiết
- e) Về sự cần cù, nó không thua kém ai trong lớp

Câu 2: Viết tiếp để hoàn thiện đoạn văn sau vào chỗ trống bằng một câu có chứa khởi ngữ:

“*Nam là một học sinh giỏi toàn diện. Các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, GDCD, Công nghệ, Tiếng Anh Nam luôn đạt điểm cao. Các môn năng khiếu Nam luôn được xếp vào vị trí số một của lớp. ..., do nhận thức nhanh và lối viết sắc sảo nên Nam luôn được cô giáo khen ngợi.*”

Câu 3: Viết một đoạn văn khoảng 8 câu nói về tình mẹ con trong đó có sử dụng khởi ngữ.

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1:

Khởi ngữ của câu là “mắt tôi” và có thể viết lại thành câu như sau:

Nhìn mắt tôi, các anh lái xe bảo: “*Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!*”.

Câu 2:

Để chuyển câu chưa có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ, ta có thể thay đổi vị trí của từ trong câu hoặc thêm từ thì...

- *Vẽ thì em tôi vẽ đẹp lắm.*
- *Đọc, tôi đọc sách này rồi.*
- *Viết, anh ấy viết cẩn thận lắm.*

- *Biết* thì bà biết rồi nhưng *làm* thì bà chưa làm được.

- *Chăm* thì nó rất *chăm* nhưng *giỏi* thì nó chưa *giỏi*.

Câu 3:

Đoạn văn tham khảo:

Bến quê là một truyện ngắn hay của Nguyễn Minh Châu . Truyện kể về số phận và cuộc đời của nhân vật Nhĩ. **Hình như** trong cuộc sống hôm nay ta có thể gặp đâu đó một người có số phận tương đồng như nhân vật của Nguyễn Minh Châu. Người ta có thể mãi mê kiếm danh, kiếm lợi để rồi sau khi đã rong ruổi gần hết cuộc đời, vì một lí do nào đó phải nằm bẹp một chỗ con người mới chợt nhận ra rằng: gia đình chính là tổ ấm cuối cùng đưa tiễn ta về nơi vĩnh hằng! **Về cái chân lý giản dị này**, tiếc thay Nhĩ chỉ kịp nhận ra vào những ngày cuối của cuộc đời mình. Nhưng chính khi cái trực giác mạch bảo cho anh biết rằng cái chết đã cận kề thì trong anh lại bùng lên những khát vọng đẹp đẽ và thánh thiện. Có thể nói, *Bến quê* là câu chuyện bàn về ý nghĩa của cuộc sống mà mỗi chúng ta cần quan tâm.

Chú thích: Thành phần tình thái: **Hình như**.

- Khởi ngữ: **Về cái chân lý giản dị này**.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1:

Cần xác định từ ngữ chủ đề trong mỗi câu đã cho rồi đưa các từ ngữ chủ đề đó lên trước chủ ngữ của câu và biến đổi phần còn lại của câu cho phù hợp.

- Thẻ của nó, người ta đã giữ. Hình của nó, người ta cũng đã chụp rồi.
- Tiền ấy, cụ cứ để mà ăn, lúc chết hãy hay!
- Nhà tôi, tôi cứ ở; việc tôi, tôi cứ làm.
- Thuốc, anh ấy không hút; rượu, anh ấy cũng không uống.
- Việc này, chúng tôi chờ cô chủ nhiệm đến để giải quyết.
- Nhà, bà ấy có hàng dãy ở khắp các phố. Ruộng, bà ấy có hàng trăm mẫu ở nhà quê.

Câu 2: Viết lại các câu sau, chuyển phần in đậm thành khởi ngữ:

- Bài tập, nó làm rất cẩn thận
- Về bức tranh, nó đẹp nhưng cũ
- Chăm chỉ, nó là người chăm chỉ nhất lớp
- Với bạn bè, nó đối xử rất chu đáo

Câu 3: Đặt 5 câu có khởi ngữ.

- Về trí thông minh, nó không thua kém ai trong lớp
- Còn về tiền, tôi sẽ trả đủ cho anh
- Đối với tôi, tôi không quan trọng vật chất
- Sách, tôi rất yêu thích
- Mình thì mình chịu thua

Phiếu bài tập số 3

Câu 1: Dựa vào dấu hiệu nhận biết để xác định thành phần khởi ngữ:

- Giàu
- Anh
- Tấm gương bằng thủy tinh tráng bạc
- Bà mẹ

e) Sự cần cù

Câu 2:

*“Nam là một học sinh giỏi toàn diện. Các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, GDCD, Công nghệ, Tiếng Anh Nam luôn đạt điểm cao. Các môn năng khiếu Nam luôn được xếp vào vị trí số một của lớp. **Còn về môn Văn**, do nhận thức nhanh và lối viết sắc sảo nên Nam luôn được cô giáo khen ngợi”.*

Câu 3: Viết một đoạn văn khoảng 8 câu nói về tình mẹ con trong đó có sử dụng khởi ngữ.

(1) Bernard Shaw đã từng nói: “Vũ Trụ có rất nhiều kì quan nhưng kì quan vĩ đại nhất là trái tim người mẹ”, quả đúng là như vậy, một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và cao quý nhất trên đời này đó chính là tình mẫu tử, hay còn được gọi là tình mẹ con.

(2) Mẹ là người mang nặng đẻ đau, sinh ra ta, dạy dỗ, nuôi lớn ta nên người.

(3) Mỗi chúng ta trưởng thành, không thể không nhờ đến dòng sữa ấm áp của mẹ, nuôi dưỡng tâm hồn và thể xác ta, dìu dắt ta trên khắp các con đường của cuộc đời.

(4) Tình mẹ bao la và cao quý vì mẹ luôn là chỗ dựa tinh thần vững chãi, là bến bờ để ta tìm về mỗi khi mệt.

(5) Trên con đường đời sau này, không thể tránh khỏi những lúc bản thân ta gục ngã, chịu nhiều đau đớn, tổn thương hay cảm thấy cô đơn, lạc lõng, thế nhưng, đừng bao giờ tuyệt vọng mà hãy nhớ rằng, bên cạnh ta luôn có một người sẵn sàng đợi ta trở về, để ta nằm khóc trên vai họ, chia sẻ, tâm sự mọi điều thầm kín.

(6) Người ấy sẽ vỗ về ta, an ủi ta, cho ta lời khuyên để ta vượt qua được mọi thử thách, vì, dù cho cả thế giới có quay lưng lại với bạn, đừng lo, ít nhất vẫn sẽ còn mẹ bạn dang đôi tay ôm bạn vào lòng, và vì “với mẹ, con mãi là một đứa trẻ!” .

(7) Tình mẹ quả thực là ngọn lửa ấm luôn cháy rực rỡ vĩnh viễn không bao giờ tàn, dù cho bao mùa có qua đi, bao nếp nhăn trên gương mặt mẹ ngày càng hiện hữu nhiều hơn, ngọn lửa ấy vẫn cứ thế mà tỏa sáng, soi chiếu cho con đường đời của mỗi người.

(8) **Tình cảm thiêng liêng ấy**, những người con liệu có biết chăng?

2. Các thành phần biệt lập:

Phiếu bài tập số 1(Thành phần tình thái)

Câu 1: *Xác định thành phần tình thái trong các câu sau:*

a - Hình như trong ý mụ, mụ nghĩ: “ Chúng mày ở nhà tao thì những thứ của chúng mày cũng như của tao.”

b - Nghe nói bảo có lệnh đuổi hết những người làng chợ Dầu khỏi vùng này, không cho ở nữa.”

(Làng - Kim Lân)

c. Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy dường như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. Ánh mặt trời tô điểm con đường tôi đi; mặt đất rần rần mùa thu trải ra dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu hồng, màu tím...

(Người thầy đầu tiên – Ai-ma-tốp)

d - Chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

(Tôi đi học – Thanh Tịnh)

Câu 2: Đặt 5 câu có thành phần tình thái.

Câu 3: Hãy xếp các từ, cụm từ thường dùng làm thành phần tình thái sau đây theo từng nhóm ý nghĩa: *đúng là, không phải, đúng đấy, chẳng phải là, đúng thế thật, hình như, có lẽ, tất nhiên, theo ý tôi.*

- Tình thái khẳng định:
- Tình thái phủ định – bác bỏ:
- Tình thái chỉ độ tin cậy:
- Tình thái ý kiến:

Câu 4: Hãy xếp những từ ngữ làm thành phần tình thái sau đây theo trình tự tăng dần độ tin cậy :

chắc là, dường như, có lẽ, chắc hẳn, có vẻ như, chắc chắn, hình như.

(Những từ ngữ thể hiện cùng một mức độ tin cậy thì xếp ngang hàng nhau.)

Câu 5: Tìm thành phần tình thái trong các câu sau:

- Dường như cậu mợ ấy khá yêu nhau(Nam Cao)
- Biết đâu anh ta lại chẳng gọi chuyện cũ mà đuổi em như ban nãy (Đoàn Phú Tứ)
- Họa chăng có chú Nhớn mới có thể tranh giải được thôi (Nguyễn Đình Lập)

Câu 6: Viết một đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của em khi được thưởng thức một tác phẩm văn nghệ (truyện, thơ, phim, ảnh, tượng,...) trong đoạn văn đó có câu chưa thành phần tình thái và cảm thán.

Phiếu bài tập số 2(Thành phần cảm thán)

Câu 1: Tìm thành phần cảm thán trong các câu sau:

a - Ôi kì lạ và thiêng liêng – Bếp lửa!

(Bếp lửa – Bằng Việt)

b - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

(Nhớ rừng – Thế Lữ)

c- Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm

Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng

Chưa đâu và ngay cả trong những ngày đẹp nhất

Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc

Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn

(Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng – Chế Lan Viên)

d - Lũ chuột bỏ lên chạn, leo lên bác Nội Đồng. Năm sáu thằng xúm lại húc mõm vào, cổ mãi mới

lật được cái vung nồi ra. “Ha ha! Com nguội! Lại có một bát cá kho! Cá rô kho khế: vừa dừ vừa thơm. Chít chít, anh em ơi, lại đánh chén đi thôi!”

Bác Nội Đồng run như cây sậy: “ Bùng boong. Ái ái! Lạy các cậu, các ông, ăn thì ăn, nhưng đừng đánh đổ tôi xuống đất. Cái chạn cao thế này, tôi ngã xuống không vỡ cũng bẹp, chết mất!”

(*Cái tết của Mèo Con – Nguyễn Đình Thi*)

e - “ Phòng thử có thằng chim cất nó nhòm thấy, nó tưởng môi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú thì có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn”.

- Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được.

(*Đế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài*)

Câu 2: Câu nào sau đây không chứa thành phần cảm thán?

- a) Có lẽ văn nghệ rất kì ” tri thức hóa” nữa (Nguyễn Đình Thi)
- b) Ôi những cánh đồng quê chảy máu(Nguyễn Đình Thi)
- c) Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng(Bích Khê)
- d) Kia mặt trời Nga bừng chói ở phương Đông(Chế Lan Viên)

Câu a) không chứa thành phần cảm thán.

Câu 3:

“ Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.”

(*Con cò – Chế Lan Viên*)

Dựa vào nội dung hai câu thơ trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 8 dòng diễn tả cảm xúc của em về tình cảm sâu nặng của người mẹ.

Câu 4:

Viết một đoạn văn khoảng 8 câu với chủ đề tự chọn có sử dụng thành phần cảm thán.

Phiếu bài tập số 3(Thành phần gọi đáp)

Câu 1: Câu nào sau đây không có thành phần gọi- đáp?

- a) Ngày mai em phải đi rồi ư?
- b) Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi (Nguyễn Khoa Điềm)
- c) Thưa cô, em xin phép đọc bài ạ!
- d) Ngày mai đã là thứ năm rồi.

Câu a), d) không có thành phần gọi- đáp

Câu 2: Tìm trong ca dao, thơ văn 3 ví dụ có thành phần gọi đáp

Câu 3: Viết đoạn hội thoại có sử dụng thành phần gọi- đáp

Phiếu bài tập số 4(Thành phần phụ chú)

Câu 1: Xác định thành phần phụ chú trong các đoạn trích sau:

a. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi ở bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước khuôn cửa sổ của gian gác nhà Nhĩ một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non – những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ.

b. Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi, mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến – cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình.

(*Bến quê – Nguyễn Minh Châu*)

c.- Thôi nào – bác nói – đừng buồn nữa, cháu ơi, và về nhà mẹ cháu với bác đi. Người ta sẽ cho cháu...một ông bố.

- Thế bác tên gì – em bé liền hỏi – để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên bác?

(*Bố của Xi-mông - G.đơ. Mô-pa-xăng*)

d - Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như tết khi bé Phương , qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế.

- Con đã nhận ra con chưa? – Mẹ vẫn hỏi hớp.

- Hôm đó, chú Tiến Lê – họa sĩ, bạn thân của bố tôi – đưa theo bé Quỳnh đến chơi.

(*Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh*)

e - Đi suốt chiều dài hơn ngàn mét của động Phong Nha, du khách đã có cảm giác như lạc vào một thế giới khác lạ - thế giới của tiên cảnh.

- Đến hang thứ mười bốn, có thể theo các hành lang hẹp để đến các hang to ở phía trong sâu, nơi mới chỉ có một vài đoàn thám hiểm với đầy đủ trang thiết bị (máy móc, đèn, quần áo, thuốc men) cần thiết đặt chân tới.

(*Động Phong Nha – Trần Hoàng*)

Câu 2: Thành phần phụ chú trong đoạn thơ sau có ý nghĩa gì?

Cô gái nhà bên(có ai ngờ)

Cũng vào du kích

Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích

Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)

(*Giang Nam*)

Câu 3:

a. Hãy điền vào chỗ trong các đoạn trích sau thành phần phụ chú cho phù hợp và nêu rõ ý nghĩa của phần phụ chú đó:

- *Truyện Kiều* là một tác phẩm bất hủ.

- *Ánh trăng im phăng phắc*

Đủ cho ta giết mình

(.....)

b. *Viết một đoạn văn giới thiệu một tác phẩm văn học hiện đại đã học, trong đó có sử dụng thành phần phụ chú.*

Câu 4:

Tìm thành phần gọi- đáp trong các đoạn trích sau:

a - Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trối thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lì phải trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

- Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp đã. Nhịn suốt từ sáng hôm qua tới giờ còn gì.

(*Tắt đèn – Ngô Tất Tố*)

b - Đột nhiên, lão bảo tôi:

- Này, thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

c - Mặt lão nghiêm trang lại...

- Ông giáo đề tôi nói...nó hơi dài dòng một tí.

- Vâng, cụ nói.

(*Lão Hạc – Nam Cao*)

d - Thưa cô, em đến chào cô...Thủy nước nở.

- Anh ơi! Bao giờ áo anh có rách, anh tìm về chỗ em, em vá cho anh nhé...

(*Cuộc chia tay của những con búp bê – Khánh Hoài*)

Câu 5:

Viết một đoạn văn từ 5 – 7 dòng có sử dụng thành phần phụ chú . Giải thích ý nghĩa của các thành phần đó.

Câu 6:

Viết một đoạn văn khoảng 8 dòng giới thiệu truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long, trong đó có sử dụng thành phần phụ chú.

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1:

Các tình thái trong câu:

- a. Hình như
- b. Nghe nói
- c. Đường như
- d. Chắc

Câu 2: Đặt 5 câu có thành phần tình thái.

Câu 3:

Xếp các tình thái theo nhóm:

- Tình thái khẳng định: đúng là, đúng đấy, đúng thế thật, tất nhiên
- Tình thái phủ định - bác bỏ: không phải, chẳng phải
- Tình thái chỉ độ tin cậy: hình như, có lẽ
- Tình thái ý kiến: theo ý tôi

Câu 4:

- có lẽ, có vẻ như, hình như, dường như (mức độ ngang nhau)
- chắc là
- chắc hẳn
- chắc chắn

Câu 5: Tìm thành phần tình thái trong các câu sau:

- Đường như cậu mợ ấy khá yêu nhau(Nam Cao)
- Biết đâu anh ta lại chẳng gọi chuyện cũ mà đuổi em như ban nãy (Đoàn Phú Tứ)
- Họa chăng có chú Nhón mới có thể tranh giải được thôi (Nguyễn Đình Lạp)

Câu 6:

Đoạn văn tham khảo:

Em rất thích đọc các tác phẩm văn học nước ngoài nhưng **có lẽ** truyện ngắn “ Chiếc lá cuối cùng” của nhà văn Mỹ Ô-hen-ri là tác phẩm làm em thích nhất. Truyện ca ngợi những người nghệ sĩ nghèo nhưng giàu tình thương và tấm lòng nhân hậu. **Ôi**, thật tuyệt vời trước tấm gương cụ Bơ-men biết hi sinh thân mình để dành lại sự sống cho nữ họa sĩ trẻ: Giôn-xi. Sự hi sinh thầm lặng của cụ khiến mọi người cảm động và cảm phục. Em tin rằng, tất cả những ai đã từng đọc truyện ngắn ấy, **chắc chắn** đều có cảm nghĩ như em.

Phiếu bài tập số 2(Thành phần cảm thán)

Câu 1:

Các thành phần cảm thán trong câu:

- a. Ôi
- b. Than ôi!

- c. Hồi
- d. Ha ha!, Ái ái!
- e. - Ôi thôi
- Chao ôi

Câu 2:

Câu a) không chứa thành phần cảm thán.

Câu 3:

“ Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.”
(Con cò – Chế Lan Viên)

Dựa vào nội dung hai câu thơ trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 8 dòng diễn tả cảm xúc của em về tình cảm sâu nặng của người mẹ.

Câu 4:

Viết một đoạn văn khoảng 8 câu với chủ đề tự chọn có sử dụng thành phần cảm thán.

Đoạn văn tham khảo:

Chao ôi, cảnh buổi sáng đầu xuân thật tuyệt! Nó như bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài. Ông mặt trời thức dậy, ban phát ánh nắng xuống trần gian. Mấy chú chim không biết đã dậy từ bao giờ, hót líu lo trên cành hòa nhịp với loa phóng thanh của hợp tác xã tạo nên một bản nhạc du dương trầm bổng đón chào một ngày xuân mới. Tôi tung tăng chạy nhảy như một con sáo nhỏ ra đầu làng để tận hưởng bầu không khí trong lành, mát mẻ của làng quê. Một lúc sau, phía đằng đông, ông mặt trời thức dậy, vút bỏ chiếc chăn mỏng, ông vươn vai, ban phát những tia nắng xuân vàng dịu xuống vạn vật. Tôi như nghe thấy tiếng cựa mình của cỏ cây, hoa lá trước sắc xuân. **Mùa xuân thật tuyệt vời!**

Phiếu bài tập số 3(Thành phần gọi đáp)

Câu 1: Câu nào sau đây không có thành phần gọi- đáp?

- a) Ngày mai em phải đi rồi ư?
- b) Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hồi (Nguyễn Khoa Điềm)**
- c) Thưa cô, em xin phép đọc bài ạ!**
- d) Ngày mai đã là thứ năm rồi.

Câu a), d) không có thành phần gọi- đáp

Câu 2: Tìm trong ca dao, thơ văn 3 ví dụ có thành phần gọi đáp

- a) Núi cao chi lắm núi ơi
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương

(Ca dao)

- b) Ôi con chim chiến chiến
Hót chi mà vắng trời

(Mùa xuân nho nhỏ- Thanh Hải)

- c) Này, bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở đâu mà nghe rất thể không?

Câu 3: Viết đoạn hội thoại có sử dụng thành phần gọi- đáp

Tham khảo:

Bố: Nam ơi, con rót cho bố cốc nước!

Con: Thưa bố, nước đây ạ!

Phiếu bài tập số 4(Thành phần phụ chú)

Câu 1:

Các thành phần phụ chú trong câu:

- a. những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ
- b. cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình
- c. bác nói
- d.- trừ tôi
 - Mẹ vẫn hồi hộp
 - Họa sĩ, bạn thân của bố tôi
- e. - thế giới của tiên cảnh
 - máy móc, đèn, quần áo, thuốc men

Câu 2:

Bộ lộ thái độ của tác giả đối với sự việc và hình ảnh cô gái

Câu 3:

a) Điền thành phần phụ chú:

- (Nguyễn Du)
- (Ánh trăng – Nguyễn Duy)

b)

Câu 4:

Các thành phần gọi – đáp trong câu:

- a.- Đây
 - Vâng
- b. Đây
- c. Vâng

d.- Thừa cô

- Anh ơi

Câu 5:

Viết một đoạn văn từ 5 – 7 dòng có sử dụng thành phần phụ chú. Giải thích ý nghĩa của các thành phần đó.

Đoạn văn tham khảo:

Trong bốn mùa trong năm, em yêu nhất là mùa xuân. Mùa xuân là mùa bắt đầu của một năm(bắt đầu từ tháng giêng đến tháng ba). Đó là mùa của cây cối đâm hoa kết trái. Trời se se lạnh và có mưa phùn. Trên bầu trời có những đám mây trắng xốp, bông bành trôi. Những loài hoa đua nhau khoe sắc xem bông nào đẹp hơn. Em rất thích mùa xuân vì đến mùa xuân, em sẽ được đi chơi Tết và nhận lì xì.

Câu 6:

Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu, giới thiệu truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long, trong đó có sử dụng thành phần phụ chú.

Đoạn văn tham khảo:

Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở Duy Xuyên, Quảng Nam, viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông sở trường về truyện ngắn với lối viết nhẹ nhàng gợi cảm đầy chất thơ. Tác phẩm gồm có các tập truyện: "Giữa trong xanh", "Ly Sơn mùa tỏi", "Sáng mai nào, xế chiều nào", ... Nguyễn Thành Long viết truyện "Lặng lẽ Sa Pa" vào mùa hè năm 1970, in trong tập truyện "Giữa trong xanh". Truyện "Lặng lẽ Sa Pa" kể lại cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m giữa núi rừng Lào Cai, qua đó, tác giả ca ngợi những con người tuy sống lặng lẽ giữa trong xanh nhưng rất nhân hậu, sống sôi nổi, giàu chí hướng và hết lòng phục vụ đất nước.

Thành phần phụ chú: (1925 – 1991)

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1: Xác định khởi ngữ trong các ví dụ sau:

- Tình thương yêu, một tình thương yêu thực sự và nồng nàn lần đầu tiên phát sinh ra trong nó.

(Con chó Bắc – Giấc Lân-đơn)

- Còn về diện mạo tôi, nó không đến nỗi đen cháy như các bạn có thể nghĩ về một kẻ chẳng quan tâm tí gì đến da dẻ của mình lại sống ở vào khoảng chín hoặc mười độ vĩ tuyến miền xích đạo.

(Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang – Đ.Đi phô)

- Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...

(Lão Hạc – Nam Cao)

- Trang phục, không có pháp luật nào can thiệp, nhưng có những quy tắc ngầm phải tuân thủ, đó là văn hóa xã hội.

(Trang phục – Băng Sơn)

- Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe.

- Còn người thì ai chả “thèm” hờ bác?

(*Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long*)

Bài tập 2: Thêm khởi ngữ vào chỗ (...) trong câu cho hợp lí:

Thế gian biết có bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. (...), cách đó chỉ là lừa mình dối người, (...) thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém.

Bài tập 3: Tìm những câu có khởi ngữ trong những câu sau:

- a) Tôi thì tôi xin chịu
- b) Miệng ông, ông nói, đình làng, ông ngồi
- c) Nam Bắc hai miền ta có nhau
- d) Cá này rán thì ngon
- e) Về trí thông minh thì nhất nó
- f) Nó thông minh nhưng hơi cẩu thả
- g) Nó là một học sinh thông minh

Bài tập 4: Xác định khởi ngữ trong các trường hợp sau. Cho biết vì sao em xác định được?

- a) Mộ anh trên đồi cao
Cảnh hoa này, em hái
Vòng hoa này, chị đan
Cây bông hồng, em uơm
Em trồng vào trước cửa
(Thanh Hải- Mộ anh hoa nở)

- b) Người ta thách lợn thách gà
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang
Củ to thì để mời làng
Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi

- c) Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.
(Nguyễn Khoa Điềm)

- d)
- Tôi đọc quyển sách này rồi

- Quyền sách này, tôi đọc rồi

Bài tập 5:

Chỉ rõ các thành phần biệt lập được dùng trong các trường hợp sau:

- a) Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi cũng buồn lắm. (Nam Cao).
- b) Thương người cộng sản, cảm Tây - Nhật
Buồng mẹ - buồng tim - giấu chúng con con. (Tố Hữu)
- c) Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ! (Nam Cao)
- d) Trong giờ phút cuối, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, Hình như chỉ có cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. (Nguyễn Quang Sáng)
- e) Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hân hữu cho sáng tác, những hoàn cảnh sáng tác còn là một chặng đường dài. (Nguyễn Thành Long)
- f) Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi, một hôm thằng lớn thờ dài nói:
- Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tôi ngày trước cũng rất tốt...
Nó thường nói một cách buồn bã: Ngày trước, trước kia, đã có thời ... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm.

(M. Go-rơ-ki)

- g) Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt - cái giống hoa ngay khi mới nở ở, màu sắc đã nhợt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã sắp hết mùa, hoa đã vãn trên cành, cho nên mây bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn.
(Nguyễn Minh Châu)

Bài tập 6: Thành phần phụ chú và những từ ngữ liên quan trong câu sau có quan hệ với nhau theo kiểu quan hệ nào?

- A. Bổ sung
- B. Nguyên nhân
- C. Điều kiện
- D. Mục đích

Bài tập 7: Gạch chân thành phần phụ chú trong câu văn sau và cho biết kiểu quan hệ của thành phần phụ chú với những từ ngữ có liên quan

Cả bọn trẻ xúm vào, và rất nương nhẹ, giúp anh đi nốt nửa vòng trái đất- từ mép tấm nệm nằm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân.

(Bến quê, Nguyễn Minh Châu)

Bài tập 8: Thêm vào câu sau thành phần phụ chú giải thích cho các từ in đậm:

- a) Hôm qua, **bạn Nam** đạt giải nhất trong Hội thi cờ của trường
- b) Em rất thích viết bài về **Nguyễn Du**

Bài tập 9: *Viết một đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng diễn tả cảm xúc của em về Quê hương, trong đó có sử dụng thành phần cảm thán.*

Gợi ý trả lời:

- a) tôi nghĩ vậy: thành phần phụ chú
- b) buồng tim: thành phần phụ chú
- c) Có lẽ: thành phần tình thái
- Ông giáo ạ: thành phần gọi đáp
- d) hình như: thành phần tình thái
- e) Chao ôi: thành phần cảm thán
- f) Có lẽ, dường như: thành phần tình thái

g) Cái giống hoa ngay khi mới nở, màu sắc đã nhợt nhạt: thành phần phụ chú
Hắn có lẽ: thành phần tình thái.

Gợi ý trả lời:

Bài tập 1

Khởi ngữ của các câu:

- Tình thương yêu
- Còn về diện mạo tôi
- Đối với những người ở quanh ta
- Trang phục
- Chuyện dưới xuôi
- Còn người

Bài tập 2

Thế gian biết có bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. (**Đối với việc học tập**), cách đó chỉ là lừa mình dối người, (**đối với việc làm người**) thì cách đó thể hiện phẩm chất tâm thường, thấp kém.

Bài tập 3

Những câu có khởi ngữ:

- a) **Tôi thì tôi xin chịu**
- b) **Miệng ông, ông nói, đình làng, ông ngồi**
- c) Nam Bắc hai miền ta có nhau
- d) Cá này rán thì ngon
- e) **Về trí thông minh thì nhất nó**
- f) Nó thông minh nhưng hơi cầu thả
- g) Nó là một học sinh thông minh

Bài tập 4: Xác định khởi ngữ trong các trường hợp sau. Cho biết vì sao em xác định được?

- a) Mộ anh trên đồi cao
Cành hoa này, em hái
Vòng hoa này, chị đan
Cây bông hồng, em ươm
Em trồng vào trước cửa
(Thanh Hải- Mồ anh hoa nở)

- b) Người ta thách lợn thách gà
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang
Củ to thì để mời làng

Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi

(Ca dao)

c)

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

(Nguyễn Khoa Điềm)

d)

- Tôi đọc quyển sách này rồi

- Quyển sách này, tôi đọc rồi

-> Cách tìm:

- Để tìm khởi ngữ trong đoạn thơ trên, ta phải dựa vào đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của khởi ngữ.

a) Trong đoạn thơ của Thanh Hải, ta thấy các cụm từ... đều đứng trước CN, ngăn cách với CN bằng dấu phẩy, nêu lên đề tài được nói đến trong câu-> khởi ngữ.

b) Trong bài ca dao, ta thấy đối tượng được nói đến là : khoai lang. Củ to, củ nhỏ là đề tài được nói đến. Câu : còn như củ nhỏ..., ta dễ dàng nhận thấy cụm từ “*còn như củ nhỏ*” đứng trước CN, ngăn cách với CN bằng dấu phẩy, trước nó là qht “*còn*”, nên nó là KN. Câu : củ to... về hình thức, ta thấy có từ thì phía sau nhưng câu này chỉ có VN, thiếu CN-> Câu rút gọn.

c) Mặt trời của bắp: đứng đầu câu, trước từ thì, trước chủ ngữ (được rút gọn)

d) Cụm từ “*quyển sách này*” ở câu 1 là phụ ngữ sau bổ nghĩa cho ĐT “*đọc*”, cụm từ “*quyển sách này*” ở câu 2 là KN vì nó đứng trước CN “*tôi*” và nêu lên đề tài của câu.

Bài tập 5:

Chỉ rõ các thành phần biệt lập được dùng trong các trường hợp sau:

a) Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi cũng buồn lắm. (Nam Cao).

b) Thương người cộng sản, căm Tây - Nhật

Buồng mẹ - buồng tim - giấu chúng con con. (Tố Hữu)

c) Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ! (Nam Cao)

d) Trong giờ phút cuối, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, Hình như chỉ có cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. (Nguyễn Quang Sáng)

e) Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hân hữu cho sáng tác, những hoàn cảnh sáng tác còn là một chặng đường dài. (Nguyễn Thành Long)

g) Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi, một hôm thằng lớn thờ dài nói:

- Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tôi ngày trước cũng rất tốt...

Nó thường nói một cách buồn bã: Ngày trước, trước kia, đã có thời ... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm.

(M. Go-rơ-ki)

h) Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt - cái giống hoa ngay khi mới nở ở, màu sắc đã nhợt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã sắp hết mùa, hoa đã vãn trên cành, cho nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn.

(Nguyễn Minh Châu)

Bài tập 6: Thành phần phụ chú và những từ ngữ liên quan trong câu sau có quan hệ với nhau theo kiểu quan hệ nào?

- A. Bổ sung
- B. Nguyên nhân
- C. Điều kiện
- D. Mục đích

Bài tập 7: Gạch chân thành phần phụ chú trong câu văn sau và cho biết kiểu quan hệ của thành phần phụ chú với những từ ngữ có liên quan

Cả bọn trẻ xúm vào, và rất nương nhẹ, giúp anh đi nốt nửa vòng trái đất- từ mép tấm nệm nằm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân.

(Bền quê, Nguyễn Minh Châu)

Bài tập 8: Thêm vào câu sau thành phần phụ chú giải thích cho các từ in đậm:

- a) Hôm qua, **bạn Nam** đạt giải nhất trong Hội thi cờ của trường
- b) Em rất thích viết bài về **Nguyễn Du**

Bài tập 9: *Viết một đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng diễn tả cảm xúc của em về Quê hương, trong đó có sử dụng thành phần cảm thán.*

Đoạn văn tham khảo:

Nhà văn Nga, I-li-a Ê-ren-bua đã từng nói: “ Lòng yêu nhà, yêu làng xóm trở nên lòng yêu Tổ quốc.” **Ôi!** Quê hương nào không là một phần máu thịt của tổ quốc, giang sơn. Yêu quê hương là một biểu hiện của lòng yêu Tổ quốc. Dựng xây quê hương cũng là một cách xây dựng đất nước mình, cho đất nước ngày một giàu đẹp hơn. Tình yêu quê hương , đất nước là cội nguồn của những tình cảm cao đẹp trong tâm hồn mỗi con người. Phải biết yêu mình, yêu lấy mảnh đất mình được sinh ra và lớn lên thì mới có thể yêu thương người khác, yêu thương

những mảnh đất mà trong cuộc đời ta sẽ đi qua.

NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý

I - LÝ THUYẾT

1. Nghĩa tường minh

Khái niệm: là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ có trong câu.

Ví dụ: Cho đoạn hội thoại:

A: Chủ nhật này cậu có về quê chơi với mình không?

B: Có, tớ rất thích về quê của cậu.

A: Thế nhé!

Trong hội thoại trên, lời nói của **B** là tường minh.

Tác dụng của nghĩa tường minh

Làm người đọc, người nghe dễ hiểu và hiểu đúng vấn đề.

Trong một số trường hợp cần tế nhị hoặc vấn đề khó nói, mà chọn cách nói nghĩa tường minh đôi khi sẽ trở nên thô thiển và khó chịu cho người đọc, người nghe.

2. Hàm ý

Khái niệm: Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

Hàm ý phụ thuộc vào tình huống giao tiếp. Hàm ý bao giờ cũng được suy ra từ tình huống giao tiếp (văn cảnh) chứ không phải do từ ngữ trực tiếp tạo nên câu biểu đạt.

Ví dụ: Khi con chuẩn bị đi học, mẹ nói.

Mẹ: **Trời sắp mưa rồi đấy.**

Con: Vâng ạ, con sẽ đem theo áo mưa.

Ở tình huống giao tiếp này, người mẹ chủ động đưa hàm ý trong câu nói là dặn con mang áo mưa. Và người con đã hiểu được hàm ý trong câu nói của mẹ và sẽ thực hiện điều đó.

Điều kiện sử dụng hàm ý

Người nói (người viết): Có ý thức đưa hàm ý vào lời nói.

Người nghe (người đọc) : Có ý cộng tác hoặc có năng lực giải đoán hàm ý.

Các cách tạo hàm ý thường gặp

- Cố ý vi phạm một hoặc vài phương châm hội thoại hay quy tắc xung hô nào đó để tạo hàm ý.
- Sử dụng hành động nói theo lối gián tiếp: sử dụng kiểu câu phân theo mục đích nói này để đạt đích giao tiếp khác.

Tác dụng của dùng hàm ý

- Đảm bảo sự tế nhị, lịch sự khi giao tiếp.
- Dễ dàng chối bỏ trách nhiệm khi cần vì người nói không trực tiếp nói ra điều đó mà do người nghe tự suy ra.

Tuy nhiên, nếu lạm dụng hàm ý nhiều trong giao tiếp sẽ làm người nghe khó chịu vì họ không hiểu được vấn đề.

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Câu nói của lão Hạc được ông giáo (tôi) hiểu theo hàm ý thế nào?

Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão bảo ngay:

- Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!
- Cũ bán rồi?

Câu 2: Hãy điền hai câu sau vào chỗ ô trống cho phù hợp với các hàm ý cho sẵn:

- Bây giờ mới mười một giờ thôi.
- Bây giờ đã mười một giờ rồi.

Câu	Hàm ý
	<ul style="list-style-type: none"> - Muộn rồi, đi về thôi. - Nhanh tay lên, sao chậm thế. - Đi nấu cơm thôi, mẹ sắp về rồi.
	<ul style="list-style-type: none"> - Còn sớm, ta nên hoàn thành nốt việc này. - Đi đâu mà vội. - Chưa đến giờ đi đón em bé đâu.

Câu 3: Viết một đoạn hội thoại trong đó lời nhân vật mang hàm ý.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Câu 1: Đọc các đoạn hội thoại sau và xác định hàm ý trong những câu in đậm.

- a) Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nói gọi " Ba vô ăn cơm" . Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:

- **Cơm chín rồi!** (Nguyễn Quang Sáng)

- b) Trong sóng có người gọi con,:

" Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao".

Con hỏi: "Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?"

Họ nói: " Hãy đến rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại, cậu sẽ được làn sóng nâng đi".

Con bảo: "**Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?**"(R.Ta-go)

- c) Để khỏi vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói:

- **Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa!** (Nguyễn Thành Long)

- d) **Bao giờ chạch đẻ ngọn đa
Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình**

(Ca dao)

Câu 2: Em hiểu hàm ý của lời hai mẹ con trong đoạn văn sau như thế nào?

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi:

- Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt âu yếm:

- Thôi để mẹ cầm cũng được.

(Tôi đi học – Thanh Tịnh)

Câu 3: Người nói, người nghe những câu in đậm dưới đây là ai ? Xác định hàm ý của mỗi câu ấy. Theo em người nghe có hiểu được hàm ý của người nói không? Những chi tiết nào chứng tỏ điều đó?

a)

- Anh nói nữa đi. – Ông giục.

- Báo cáo hết! – Người con trai vụt trở lại giọng vui vẻ. – Năm phút nữa là mười. Còn hai mươi phút thôi. Bác và cô vào trong nhà. Chè đã ngấm rồi đấy. thì giờ ngắn ngủi còn lại thúc giục cả chính người họa sĩ già. Ông theo liền anh thanh niên vào trong nhà, đảo nhìn qua một lượt trước khi ngồi xuống ghế. (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

b)

Thoắt trông nàng đã chào thưa:

“ Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!

Đàn bà dễ có mấy tay,

Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!

Dễ dàng là thói hồng nhan,

Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều.”

Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,

Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 4: Chỉ ra nghĩa tường minh và hàm ý trong các trường hợp sau

a) Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.

(Ca dao)

b) Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

(Hữu Thỉnh)

c) Đầu súng trăng treo

(Chính Hữu)

Câu 1. Đọc các đoạn trích sau và cho biết những câu in đậm có phải là câu chứa hàm ý không? Vì sao? Xác định hàm ý của câu (nếu có).

a) Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

- Liệu có thật kltôriệ hờ bác? **Hay là chỉ lại...**

- Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Việc gian từ thẳng chủ tịch mà đi cơ ông ạ.

(Kim Lân)

b) Để khỏi vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói:

- **Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa!**

(Nguyễn Thành Long)

Câu 2. Cho biết hàm ý của câu in đậm trong đoạn trích dưới đây. Hàm ý đó được tạo nên bằng cách nào? Theo em, người nghe có hiểu hàm ý của người nói không? Chi tiết nào chứng tỏ điều đó?

Trong sóng có người gọi con:

“Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nào”.

Con hỏi: “Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”.

Họ nói: “Hãy đến rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại, cậu sẽ được làn sóng nâng đi”.

Con bảo: “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”.

Thế là họ mỉm cười, nhảy múa lướt qua.

(R. Ta-go)

Câu 3. Tìm câu chứa hàm ý trong các đoạn trích sau và cho biết nội dung của hàm ý đó.

a) Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

(Thế Lữ)

b) Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

(Nam Cao)

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1:

. Hàm ý của câu:

- Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ! con vàng đã bị bán rồi. Ông giáo hiểu như vậy vì trước đó lão Hạc đã có nói chuyện bán con chó vàng.

Câu 2:

Điền câu có hàm ý :

- Cột 1 điền câu: Bây giờ đã mười một giờ rồi.
- Cột 2 điền câu: Bây giờ mới mười một giờ thôi.

Cụ thể:

Câu	Hàm ý
Bây giờ đã mười một giờ rồi.	<ul style="list-style-type: none"> - Muộn rồi, đi về thôi. - Nhanh tay lên, sao chậm thế. - Đi nấu cơm thôi, mẹ sắp về rồi.
Bây giờ mới mười một giờ thôi.	<ul style="list-style-type: none"> - Còn sớm, ta nên hoàn thành nốt việc này. - Đi đâu mà vội. - Chưa đến giờ đi đón em bé đâu.

Câu 3: Viết một đoạn hội thoại trong đó lời nhân vật mang hàm ý.

Tham khảo:

Lan và Mai đi dạo phố. Đi qua một cửa hàng kem, Lan kêu lên:

- Ước gì mình được một ai đó mua cho kem lúc này.

Mai:

- Mình hết tiền rồi!

(Hàm ý:

- Lan: ” - Ước gì mình được một ai đó mua cho kem lúc này”. (Lan muốn Mai mua kem cho mình ăn)

- Mai: - Mình hết tiền rồi! (từ chối mua kem)

Phiếu bài tập số 2

Câu 1:

Gợi ý trả lời : Hàm ý trong các câu in đậm:

- a) Hàm ý trong câu nói của bé Thu: Ông vào ăn cơm. Ngoài ra còn có hàm ý: Tôi không coi ông là ba tôi.

- b) Hàm ý trong câu trả lời của em bé với những người trong sóng: Mình không thể đến rìa biển cả được đâu.
- c) Hàm ý trong câu nói của anh thanh niên: Cháu không xứng đáng để bác vẽ, ông kỹ sư ở vườn rau dưới Sa Pa mới xứng đáng.
- d) Hàm ý trong hai câu ca dao: ta và mình không bao giờ kết hôn với nhau.

Câu 2:

Hàm ý trong câu:

- *Mẹ đưa bút thước cho con cầm*: mẹ hãy để con tự thử sức.
- *Thôi để mẹ cầm cũng được*: không đồng ý vì nghĩ con còn nhỏ, chưa đủ sức, phải có mẹ giúp đỡ.

Câu 3:

a) Người nói là anh thanh niên; người nghe là ông họa sĩ và cô gái.

Hàm ý của câu in đậm là: “ Mời Bác và cô vào uống nước”

Hai người nghe đều hiểu hàm ý đó, chi tiết “ Ông theo liền ông Thanh niên vào trong nhà” và “ ngồi xuống ghế” cho biết điều này.

b) Người nói là Thúy Kiều; người nghe là Hoạn Thư.

Hàm ý câu in đậm thứ nhất là “ mát mẻ” , “ giữu cợt” : Quyền quý như tiểu thư cũng có lúc phải đến trước “ Hoa nô” này ư?

Hàm ý câu in đậm thứ hai là “ Hãy chuẩn bị nhận sự báo oán thích đáng.”

Hoạn Thư hiểu hàm ý đó, cho nên “ *hồn lạc phách xiêu – Khẩu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca.*”

Câu 4:

a) Nghĩa tường minh: được gọi ra từ câu chữ trong bài ca dao, đó là cảnh hai vợ chồng cùng ăn món canh râu tôm nấu với ruột bầu vốn là những thứ tầm thường, bỏ đi, nhưng họ vẫn tấm tắc khen ngon.

- Hàm ý: Câu ca dao khẳng định vợ chồng hòa hợp, biết chia sẻ niềm vui đơn sơ trong cuộc sống thì ăn những món dù đạm bạc vẫn ngon. Tình yêu thương chính là gia vị tuyệt vời khiến cho cuộc sống tuy khó khăn vẫn ngập tràn niềm vui.

b) Nghĩa tường minh: Thu sang, những tiếng sấm thưa dần, "hàng cây đứng tuổi" không còn bị bất ngờ, không còn bị giật mình vì tiếng sấm nữa bởi nó đã trải qua, đã chứng kiến nhiều lần chuyển mùa như thế.

- Hàm ý: từ hiện tượng thiên nhiên sang thu, nhà thơ gửi gắm quy luật đời người khi đã lớn tuổi. "Hàng cây đứng tuổi" chỉ lớp người từng trải; "sấm" là hình ảnh của những danh động bất thường của cuộc sống. Ý thơ khẳng định khi con người đã từng trải thường vững vàng hơn trước những hang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

c) Nghĩa tường minh: Hình ảnh thực được nhận ra sau nhiều đêm đi phục kích của tác giả. Đêm khuya, rừng hoang, sương muối xuống mỗi lúc một nhiều, bầu trời như cũng sà xuống, vàng trắng như gần hơn. Hai người lính đang kẻ vai sát cánh trong tư thế chủ động xuất kích, nhìn ở một góc độ nào đó họ nhận ra "Đầu súng trăng treo".

- Hàm ý: súng và trăng là biểu tượng của gần và xa, của chiến tranh và hòa bình, của hiện thực và lãng mạn, của cứng rắn và dịu hiền, của chiến sĩ và thi sĩ... Hai hình ảnh vốn ở rất xa nhau nhưng bổ sung cho nhau, đan cài, gắn kết tự nhiên, trở thành biểu tượng về người lính: cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng tâm hồn họ luôn tràn đầy cảm hứng lạc quan, lãng mạn. Hình ảnh đó còn trở thành biểu tượng cho thơ ca cách mạng, nền thơ ca kết hợp hài hòa giữa cảm hứng hiện thực và lãng mạn.

Câu 1. Cần nắm vững khái niệm hàm ý, tìm hiểu hoàn cảnh xuất hiện câu nói để xác định câu in đậm nêu trong đề bài có hàm ý hay không.

- a) Câu Hay là chỉ lại... không chứa hàm ý. Đó chỉ là một câu nói dở dang.
b) Câu nói của người con trai có hàm ý: cháu không xứng đáng để bác vẽ, ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa mới xứng đáng.

Câu 2. Cần xác định người nói và người nghe, tìm hiểu hoàn cảnh giao tiếp để tìm hàm ý của câu in đậm trong đoạn trích.

- Hàm ý của câu nói: mình không thể đến “rìa biển cả” để vui chơi cùng các bạn vì mình không thể xa mẹ được (từ chối lời mời mọc, rủ rê của những người trong sóng).

- Hàm ý đó được tạo nên bằng cách vi phạm phương châm quan hệ (câu trả lời của em bé có vẻ không liên quan đến lời rủ rê của những người trong sóng) và sử dụng hành động ngôn ngữ gián tiếp (câu hỏi nhưng được dùng với mục đích khẳng định).

- Người nghe là những người trong sóng hiểu rõ hàm ý của em bé nên họ mỉm cười và nhảy múa lướt qua.

Câu 3.

a)

- Câu chứa hàm ý: Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

- Hàm ý: Sự nuối tiếc quá khứ oanh liệt của con hổ.

c)

- Câu chứa hàm ý: Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

- Hàm ý: Tôi cũng không sung sướng hơn cụ.

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1:

Em hiểu hàm ý của những câu in đậm như thế nào?

a. “cháy nhà ra mặt chuột”

b. Chuột chù chê khỉ rằng hôi,
Khỉ mới trả lời: “Cả họ mày thơm”.

c. Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, bác lái xe quay sang nhà họa sĩ nói vội vã:

- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hẳn.

(*Lặng lẽ Sa pa – Nguyễn Thành Long*)

Bài tập 2:

Điền vào lượt thoại của B một hàm ý với nội dung từ chối:

A: Chiều nay đi Thư viện với mình đi.

B:

A: Đành vậy.

Bài tập 4: Suy tầm một truyện cười trong đó có câu mang hàm ý. Hãy giải nghĩa hàm ý đó theo cách hiểu của em.

Bài tập 5: Tìm hàm ý của các câu in đậm dưới đây. Cho biết trong mỗi trường hợp, hàm ý đã được tạo bằng cách cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào?

a) Tuấn hỏi Nam:

- Cậu thấy đội bóng huyện mình chơi có hay không?

Nam bảo:

- *Tớ thấy họ ăn mặc rất đẹp.*

b) Lan bảo Huệ:

- Huệ báo cho Nam, Tuấn và Chi sang mai đến trường chưa?

- *Tớ báo cho Chi rồi.* – Huệ đáp.

Gợi ý trả lời:

Bài tập 1:

Em hiểu hàm ý của câu sau như thế nào?

a. Nghĩa hàm ẩn (nghĩa bóng): Khi có hoạn nạn thì mới biết bản chất thật của con người.

b. Câu chứa hàm ý: Cả họ mà ỳm thòm.

Hàm ý: mỉa mai, châm biếm chuột chù. Qua đó, bài ca dao ngụ ý phê phán những người không những không nhận thức rõ về khuyết điểm của bản thân mà còn hay chê bai người khác.

c. Lời bác lái xe: “*Thế nào bác cũng thích vẽ hấn*” dùng để giới thiệu anh thanh niên có hàm ý là: đó là một con người đáng chú ý, là người có sự hấp dẫn đặc biệt, là người sẽ khơi dậy nguồn cảm hứng sáng tác cho họa sĩ...

Bài tập 3:

Điền vào lượt thoại của B một hàm ý với nội dung từ chối:

A: Chiều nay đi Thư viện với mình đi.

B:

A: Đành vậy.

Bài tập 4: Suy tầm một truyện cười trong đó có câu mang hàm ý. Hãy giải nghĩa hàm ý đó theo cách hiểu của em

Bài tập 5:

a) Từ câu in đậm có thể hiểu:

“Đội bóng huyện chơi không hay.”

“Tôi không muốn bình luận về việc này.”

Người nói cố ý vi phạm phương châm quan hệ.

b) Hàm ý của câu in đậm là: “Tớ chưa báo cho Nam và Tuấn.”

CÁC PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG

I - LÝ THUYẾT

1. So sánh

- So sánh: là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- So sánh gồm hai loại:

+ So sánh ngang bằng: sử dụng các từ so sánh: như, là, tựa, như là, như thể...

+ So sánh không ngang bằng (hơn kém): sử dụng các từ so sánh: hơn, chẳng bằng, chưa bằng, không tày, không bằng...

- Một phép so sánh đầy đủ gồm bốn yếu tố: Vế A, vế B; từ ngữ chỉ phương diện so sánh, từ so sánh.

Ví dụ: **Mặt trời xuống biển như hòn lửa.** (Đoàn thuyền đánh cá-Huy Cận)

2. Nhân hóa

- Nhân hóa: là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả người để các sự vật được miêu tả sống động, gần gũi với đời sống con người.

- Các cách thực hiện nhân hóa:

+ Dùng các từ chỉ hoạt động, tính chất, đặc điểm của người để miêu tả vật.

+ Dùng những từ vốn dùng để gọi người để gọi vật (ông, bà, cô, dì, chú, bác, cậu, mợ, anh chị,...)

+ Trò chuyện, tâm sự với vật như với con người.

Ví dụ: **Sóng đã cài then đêm sập cửa.** (Đoàn thuyền đánh cá-Huy Cận)

(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

3. Ẩn dụ

- Ẩn dụ: là gọi tên sự vật,hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Các kiểu ẩn dụ thường gặp:

+ Ẩn dụ hình thức;

+ Ẩn dụ cách thức;

+ Ẩn dụ phẩm chất;

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

Ví dụ: Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

(Viếng lăng Bác - Viễn Phương)

4. Hoán dụ

- Hoán dụ: là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Các kiểu hoán dụ thường gặp:

+ Lấy bộ phận để gọi tên toàn thể;

+ Lấy vật chứa đựng để gọi tên vật bị chứa đựng;

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi tên sự vật;

+ Lấy cái cụ thể để gọi tên cái trừu tượng.

Ví dụ: **Bàn tay** ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Bài ca vỡ đất - Hoàng Trung Thông)

5. Nói quá

- Nói quá: là biện pháp tu từ phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng để gây ấn tượng mạnh, tăng sức biểu cảm.

- Các cách nói quá:

+ Nói quá kết hợp với so sánh tu từ: ví dụ: Lớn nhanh như thổi.

+ Dùng thành ngữ có ý nghĩa phóng đại : ruột để ngoài da, rán sành ra mỡ...

+ Dùng những từ ngữ mang sẵn ý nghĩa phóng đại trong lời nói: cực kỳ, tuyệt trần, vô hạn, vô kể, tuyệt diệu, mắt hồn,...

Ví dụ:. Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

(Ca dao)

6. Nói giảm, nói tránh

- Nói giảm, nói tránh: là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển để tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề hoặc tránh thô tục, thiếu lịch sự.

Ví dụ: Bác đã **đi** rồi sao Bác ơi!

Mùa thu đang đẹp nắng xanh trời. (Tố Hữu)

- Các cách nói giảm, nói tránh:

+ Dùng các từ đồng nghĩa để nói giảm, nói tránh (thường dùng các từ Hán Việt hay cho từ thuần Việt đồng nghĩa)

Ví dụ: phân hủy, tử thi, tử trần, tạ thế,...

+ Dùng cách nói phủ định từ ở mặt tích cực trong cặp từ trái nghĩa.

Ví dụ: Khó qua khói (chết); chữ viết chưa đẹp (xấu).

+ Dùng cách nói trống:

Ví dụ: Ông ấy sắp chết.

Thay bằng:

- Ông ấy chỉ nay mai thôi.

- Ông ấy chỉ chờ ngày chờ giờ.

- Ông ấy đang chờ con chờ cháu.

7. Điệp ngữ

- Điệp ngữ: là cách lập đi lập lại nhiều lần một từ hay một ngữ để nhấn mạnh ý, gây cảm xúc mạnh.

- Các dạng điệp ngữ:

+ Điệp ngữ cách quãng: các từ ngữ được lặp lại đứng xa nhau.

+ Điệp ngữ nối tiếp: các từ ngữ được lặp lại đứng cạnh nhau.

+ Điệp ngữ vòng: các từ ngữ được lặp lại đứng cuối câu trước và đầu câu sau.

Ví dụ: **Ta làm** con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến.

(Mùa Xuân nho nhỏ-Thanh Hải)

8. Chơi chữ

- Chơi chữ: là cách lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước làm cho câu văn, lời nói hấp dẫn và thú vị.

Ví dụ: Chữ **tài** liên với chữ **tai** một vần. (Nguyễn Du)

- Các cách chơi chữ:

+ Dùng từ ngữ đồng âm;

+ Dùng từ ngữ gần âm;

+ Dùng lối nói lái;

+ Dùng lối nói điệp âm;

+ Dùng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa, gần nghĩa, ..

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Chỉ ra biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:

... Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang,...

Câu 2: Cho sự vật được so sánh: trăng. Phương diện so sánh: khuyết.

Hãy tạo ra năm phép so sánh có sự vật dùng để so sánh khác nhau.

Câu 3: So sánh hai cách diễn đạt sau, cho biết cách diễn đạt nào hay hơn? Vì sao?

a) *Phía đông mặt trời đã lên toả ánh sáng màu hồng xuống mặt sân. Bố em xách điếu chuẩn bị đi cày còn mẹ em tát nước. Con mèo lười hôm nay dậy sớm đang lấy hai tay cào lên mặt, cái đầu nghênh nghênh trông thật ngộ. Con gà mái cục ta... cục tác liên hồi, con gà trống nói luyên thuyên một lúc. Cây na sau vườn đã có quả, cây tre toả những tán lá xuống mặt ao.*

b)

Ông Trời nổi lửa đằng đông
Bà Sân vấn chiếc khăn hồng đẹp thay.
Bố em xách điếu đi cày
Mẹ em tát nước, nắng đầy trong khay.
Cậu Mèo đã dậy từ lâu
Cái tay rửa mặt, cái đầu nghiêng nghiêng.
Mụ Gà cục tác như điên
Làm thẳng Gà Trống huyên thiên một hồi.
Cái Na đã tỉnh giấc rồi
Đàn Chuối đứng vỗ tay cười vui sao!
Chị Tre chải tóc bên ao...
(Trần Đăng Khoa)

Phiếu bài tập số 2

Câu 1:

a) Có mấy kiểu so sánh?

b) Đọc kĩ đoạn văn và trả lời câu hỏi:

*Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở trắng xoá. **Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụ bẫm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyền.** Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cà bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.*

Sớm. Chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ em. Râm ran.

(Duy Khán)

- Tìm biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn văn trên. Nêu tác dụng của biện pháp đó.

- Xác định thành phần chính, thành phần phụ của các câu in đậm.

- Các câu in đậm có phải là câu trần thuật đơn không? Vì sao?

c) Viết một đoạn văn (tối đa 15 dòng) tả vẻ đẹp của miền quê, trong đoạn văn có sử dụng hai biện pháp tu từ đã học.

Câu 2:

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần đông bão, bao giờ bầu trời **Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa.** Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi. Chúng tôi leo dốc lên đồn Cô Tô (...) ngắm toàn cảnh đảo Cô Tô. Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng để ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây...*

(Nguyễn Tuân, *Cô Tô*)

a) Trong đoạn văn tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

b) Xác định các thành phần chính trong câu in đậm. Dấu phẩy trong câu có tác dụng gì?

c) Đọc đoạn văn em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của đảo Cô Tô? Từ đó, nêu cảm xúc về vùng đảo thân yêu của Tổ quốc.

Câu 3:

Trong những ví dụ sau, đâu là ẩn dụ, đâu là hoán dụ?

a)

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

b)

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

(Phạm Tiến Duật)

c)

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*

(Huy Cận)

d)

*Vì sao Trái đất nặng ân tình
Nhắc mãi tên Người: Hồ Chí Minh.*

(Tố Hữu)

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Đoạn văn của Thép Mới sử dụng thành công biện pháp tu từ nhân hoá. Phép nhân hoá được thể hiện qua hình ảnh: Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Phép nhân hoá được tạo ra bằng cách dùng từ chỉ hoạt động của người cho cây tre.

Câu 2: Tham khảo những ví dụ sau:

- Những hôm nào trăng khuyết, trông giống con thuyền trôi.
- Trăng khuyết như cái lưỡi liềm ai bỏ quên trên cánh đồng mênh mông.
- Trăng khuyết trông như miệng em bé cười rất duyên.

Câu 3: So sánh hai cách diễn đạt, chúng ta thấy cách diễn đạt ở (b) hay hơn, sinh động và gợi cảm hơn.

- Cách diễn đạt ở (a): chủ yếu miêu tả đơn thuần nên chỉ có tác dụng tái hiện cụ thể cảnh buổi sớm.
- Cách diễn đạt ở (b): khi miêu tả có sử dụng phép tu từ nhân hoá bằng cách gọi vật như gọi người, dùng từ chỉ hoạt động, tính chất của người cho vật vì thế

Phiếu bài tập số 2

Câu 1:

a) Có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng
- So sánh không ngang bằng

b)

- Tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh: hoa móng rồng bụi bầm thom như mùi mít chín ở góc vườn.

- Tác dụng của biện pháp so sánh: Làm cho câu văn sinh động, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Thể hiện một cách cụ thể vẻ đẹp hiền hoà, ngọt ngào, thơm ngát của những bông hoa móng rồng trong một khu vườn quê.

- Xác định các thành phần chính, thành phần phụ trong câu in đậm:

Hoa giẻ/, từng chùm mảnh dẻ.

+ CN: Hoa giẻ

+ VN: Từng chùm mảnh dẻ.

Hoa móng rồng/, bụi bầm và thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.

+ CN: Hoa móng rồng

+VN: bụi bầm và thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.

c)

- Yêu cầu về hình thức:

+ HS viết đúng một đoạn văn (bắt đầu từ chữ cái đầu tiên viết hoa lùi vào một ô và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng).

+ Đoạn văn không dài quá 15 dòng.

– Yêu cầu về nội dung: tả vẻ đẹp của miền quê, trong đoạn văn có sử dụng hai biện pháp tu từ đã học. HS cần xác định trình tự miêu tả cho hợp lí. Sau đây là một số gợi ý:

+ Giới thiệu về miền quê.

+ Tả quang cảnh chung của miền quê: thanh bình, yên ả, tươi đẹp.

+ Tả cụ thể một số hình ảnh của miền quê; lũy tre, hàng cau, cánh đồng, dòng kênh,...

Sau đó, HS chỉ ra trong đoạn văn vừa viết hai biện pháp tu từ mà mình đã tạo ra.

Câu 2:

a)

- Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ so sánh: Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người.chài nào đã từng để ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.

- Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh: làm cho cách diễn đạt sinh động, tăng sức gợi hình gợi cảm; diễn tả cụ thể và chân thực cảm xúc yêu mến, gắn bó của tác giả với hòn đảo Cô Tô.

Cây trên núi đảo/ lại thêm xanh mượt, nước biển/ lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát/ lại vàng giòn hơn nữa.

+ Cây trên núi đảo: CN1

+ lại thêm xanh mượt: VN1

+ nước biển: CN2

+ lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi: VN2

+ cát/ CN3.

+ lại vàng giòn hơn nữa: VN3

- Dấu phẩy trong câu có tác dụng để đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép.

c)

- Cảm nhận về vẻ đẹp của đảo Cô Tô trong đoạn văn: đoạn văn tả cảnh đảo Cô Tô sau cơn bão. Cảnh thiên nhiên hiện lên tươi sáng, trong trẻo, đầy sức sống, phong phú và độc đáo.

– Cảm xúc về vùng đảo: Yêu mến, tự hào, muốn được đến thăm vùng đảo thân yêu của Tổ quốc,...

Câu 3:

- HS phân biệt ẩn dụ và hoán dụ (dựa vào khái niệm).

- Xác định ẩn dụ và hoán dụ trong những ví dụ:

a) Tác giả sử dụng phép tu từ ẩn dụ qua hình ảnh mặt trời trong lăng rất đỏ.

b) Tác giả sử dụng phép tu từ hoán dụ qua hình ảnh một trái tim.

c) Tác giả sử dụng phép tu từ ẩn dụ qua hình ảnh sóng đã cài then, đêm sập cửa.

d) Tác giả sử dụng phép tu từ nhân hoá qua hình ảnh trái đất nặng ân tình.

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1:

Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các phép tu từ được dùng trong những trường hợp sau:

a) Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.

(Thanh Hải)

b) Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

(Nguyễn Du)

Bài tập 2:

Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu (đoạn) sau:

Một dãy núi mà hai màu mây.

Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác,

Như anh với em, như Nam với Bắc.

Như đông với tây một dải rừng liền.

(Phạm Tiến Duật, Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây)

Khi tâm hồn ta đã rèn luyện thành một sợi dây đàn sẵn sàng rung động trước mọi vẻ đẹp của vũ trụ, trước mọi cái cao quý của cuộc đời, chúng ta là người một cách hoàn toàn hơn. (Thạch Lam, Theo dòng)

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

Gợi ý trả lời:

Bài tập 1:

* Yêu cầu chung khi làm dạng bài tập về hiệu quả tu từ trong một đoạn trích:

- Về hình thức: có thể Trình bày thành đoạn văn hoặc theo từng ý.

- Về nội dung: cần đảm bảo các ý sau:

+ Giới thiệu đoạn trích và các phép tu từ được dùng.

+ Lần lượt chỉ rõ từng phép tu từ được sử dụng và phân tích hiệu quả biểu đạt, biểu cảm của chúng trong việc thể hiện nổi bật nội dung, tư tưởng của đoạn trích (có so sánh, đối chiếu với cách diễn đạt tương tự để thấy được cái hay trong cách diễn đạt của tác giả).

+ Đánh giá khái quát giá trị của việc sử dụng các phép tu từ trong đoạn trích.

* Yêu cầu cụ thể:

a)

- Giới thiệu: Đoạn thơ là lời tâm niệm chân thành của nhà thơ Thanh Hải về lẽ sống trong cuộc đời thông qua các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ,...

- chỉ rõ và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các phép tu từ:

+ Thanh Hải chọn một hình ảnh ẩn dụ đẹp mùa xuân nho nhỏ để hóa thân. Nhà thơ ví ngẫm cuộc đời mình và cuộc đời mỗi người là một mùa xuân nho nhỏ. Ẩn dụ mùa xuân nho nhỏ thể hiện lẽ sống đẹp của nhà thơ. Thanh Hải mong ước được cống hiến cả cuộc đời với tất cả sức sống tươi trẻ để làm nên mùa xuân vĩnh hằng cho đất nước, cho cuộc đời.

+ Phép bảo trật tự từ: lặng lẽ dâng để nhấn mạnh sự dâng hiến lặng lẽ, khiêm nhường, chân thành, tự nguyện, không phô trương, không đòi hỏi đáp đền của nhà thơ.

+ Điệp ngữ: dù là kết hợp hoán dụ: tuổi hai mươi, khi tóc bạc khẳng định thêm tâm niệm chân thành của nhà thơ: muốn được cống hiến thường xuyên, liên tục từ khi bước vào đời đến khi tuổi già tóc bạc, cống hiến bất chấp thời gian, nghịch cảnh.

- Đánh giá chung: thông qua các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ,... đoạn thơ đã thể hiện nhân sinh quan cao đẹp đáng trân trọng của một nhà thơ suốt đời đi theo cách mạng, cống hiến không ngừng nghỉ cho cuộc đời, cho quê hương, đất nước.

b)

- Giới thiệu: hai câu thơ của Nguyễn Du sử dụng cách nói ẩn dụ, nhân hóa để khắc họa vẻ đẹp nhan sắc tuyệt trần của Thúy Kiều.

- Chỉ rõ và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các phép tu từ:

+ Đặc tả vẻ đẹp của đôi mắt, đôi mày nàng Kiều qua cách nói ẩn dụ. Hình ảnh ẩn dụ làn thu thủy gợi ra vẻ đẹp và sự cuốn hút của đôi mắt thăm thẳm, sáng trong tựa như nước hồ thu long lanh. Hình ảnh ẩn dụ nét xuân sơn gợi tả đôi mày thanh tú mơn mơn tựa nét núi mùa xuân, qua đó gợi ra cả sức xuân xanh phơi phới trong lòng Thúy Kiều.

+ Khái quát về nhan sắc Thúy Kiều, tác giả sử dụng cách nói nhân hóa và so sánh: hoa, liễu vốn là cái đẹp của thiên nhiên, vốn vô tri, vô giác nhưng biết ghen, biết hờn với Thúy Kiều. Cách nói đó khẳng định vẻ đẹp của nàng vượt quá xa so với tạo hóa khiến thiên nhiên, tạo hóa phải đố kỵ, ghen.

- Đánh giá chung: sử dụng kết hợp các phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp tuyệt sắc giai nhân của Thúy Kiều. Qua đó, Nguyễn Du còn nhằm dự báo số phận cuộc đời nàng sẽ gặp nhiều gian truân, sóng gió.

Bài tập 2:

Phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu (đoạn) trích:

- a) Phép so sánh: Hai phía của dãy Trường Sơn cũng như hai con người (anh và em), hai miền đất (Nam và Bắc), hai hướng (đông và tây) của một dải rừng, luôn gắn bó keo sơn, không gì có thể chia cắt được.
- b) Phép ẩn dụ: dùng “ sợi dây đàn” để chỉ tâm hồn con người, nhằm nói đến một tâm hồn rất nhạy cảm, dễ rung động trước cuộc sống.
- c) Phép điệp ngữ và nhân hóa: Những từ tre, giữ, anh hùng được lặp đi lặp lại nhiều lần và tác giả cũng nhân hóa tre, coi tre như một con người, một công dân xả thân vì quê hương, đất nước. Ngoài tác dụng tạo nên sự nhịp nhàng cho câu văn, phép điệp ngữ còn có tác dụng nhấn mạnh đến hình ảnh cây tre với những chiến công của nó. Phép nhân hóa làm cho hình ảnh cây tre gần gũi với con người hơn, gây ấn tượng với người đọc nhiều hơn.

LIÊN KẾT CÂU - LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN

I - LÝ THUYẾT

1. Khái niệm liên kết : sự kết nối giữa câu với câu trong đoạn văn, giữa đoạn với đoạn trong văn bản gọi là liên kết câu và liên kết đoạn văn.

2. Các phương tiện đảm bảo tính liên kết

a) Liên kết nội dung: các câu trong đoạn hoặc các đoạn trong văn bản phải:

- Tập trung làm rõ chủ đề (liên kết chủ đề).
- Sắp xếp theo trình tự hợp lý, lô-gíc (liên kết lô-gíc).

b) Liên kết hình thức: các câu văn, các đoạn văn sử dụng các phương tiện ngôn ngữ hợp lý để liên kết nhằm làm nổi bật nội dung. Có các phép liên kết sau:

- Phép lặp từ ngữ: sử dụng lặp đi lặp lại một từ hay một cụm từ nào đó ở các câu, các đoạn khác nhau để liên kết.
- Phép nối: sử dụng các quan hệ từ nối câu sau, đoạn sau với câu trước, đoạn trước để liên kết.
- Phép thế: sử dụng các từ ngữ ở câu sau, đoạn sau có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước, đoạn trước để liên kết.
- Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng: sử dụng các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng ở các câu, các đoạn khác nhau để liên kết.

II - BÀI TẬP ÁP DỤNG

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Chỉ ra các phép liên kết câu, liên kết đoạn văn và phương tiện liên kết được dùng trong các trường hợp sau:

a) Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng , thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt, dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương đành rút quân về.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

b) Bác có cái tài biểu lộ tình thương yêu gần giống như làm đau người ta. Nó thường hay há miệng ra cắn lấy bàn tay Thoóc-ton rồi ép răng xuống mạnh đến nỗi vết răng hằn vào da thịt một lúc lâu. Và cũng như Bác hiểu các tiếng rủa là những lời nói nựng, con người cũng hiểu cái cắn vừa ấy là cử chỉ vuốt ve.

(Tiếng gọi nơi hoang dã, G.Lân - đơn)

Câu 2: Đọc đoạn văn sau:

Những ngày đầu năm, khắp làng bản Việt Nam rộn ràng tiếng trống hội xuân thúc giục lòng người. (...) bên cạnh hoạt động lễ nghi mang ý nghĩa tín ngưỡng, con có nhiều hội vui, diễn xướng sân khấu và các trò chơi truyền thống, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. (Theo Trò chơi ngày xuân-Bảo Nhân

Dân, 2002)

a) Có thể thay thế lần lượt các cụm từ: Đầu xuân, Khắp làng bản, Lúc này, Vào dịp này, vào đầu ba chằm, nằm trong ngoặc đơn (...) để hai câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau không?

b) Chỉ rõ phép liên kết câu khi lần lượt thay thế các cụm từ trên.

Câu 3: Viết đoạn văn giới thiệu về truyện ngắn “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, trong đó có sử dụng sự liên kết nội dung và hình thức.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Phân tích tính liên kết về nội dung giữa các câu trong đoạn văn sau: *Trong cuộc đời đầy truân chuyên của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hóa nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả ở Phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mỹ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga...và Người đã làm nhiều nghề.*

(Lê Anh Trà Phong Cách Hồ Chí Minh)

Câu 2: Tìm các phương tiện liên kết hình thức trong các phần trích sau:

a) Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi và còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh.

(Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)

b) Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỷ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỷ. Trong thời khắc như vậy, ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỷ mới.

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỷ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội.

(Vũ Khoan, Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới)

c) Cây dừa gắn bó với người dân Bình Định chặt chẽ như cây tre đối với người dân miền Bắc. Cây dừa cống hiến tất cả của cải của mình cho con người: thân cây làm máng, lá làm tranh, cọng lá chẻ nhỏ làm vách, gốc dừa già làm chõ đồ xôi, nước dừa để uống, để kho cá, kho thịt, nấu canh, làm nước mắm,... Cùi dừa ăn sống với bánh đa, làm mứt, làm bánh kẹo, ép lấy dầu dùng để thắp, để ăn, để chải đầu, nấu xà phòng. Sọ dừa làm khay áo, làm gáo, làm muôi. Vỏ dừa bện dây rất tốt đối với người đánh cá vì nó mềm, dẻo, dai, chịu mưa, chịu nắng. Cây dừa gắn bó với đời sống hàng ngày là như thế đấy.

(Hoàng Văn Huyền, Cây dừa Bình Định)

Câu 3: Đọc đoạn văn sau:

Gia cảnh đã đến bước đường cùng buộc chị phải làm cái việc đau lòng ấy. (1) Xót chồng ốm đau mà bị đánh đập, cùm kẹp, chị đã lấy thân mình che chở cho chồng. (2) Phải bán con, chị Dậu như đứt từng khúc ruột.(3) Thậm chí, chị còn sẵn sàng chống lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu . (4) Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hy sinh. (5) Đến khi bị giải lên huyện, ngồi trong quán cơm, nhìn đói, chị vẫn chỉ nghĩ đến anh Dậu, đến cái Tiu, thằng Dần, cái Tí,(6)

- a) Cho biết câu văn nào mang ý khái quát trong đoạn văn trên?
 b) Chỉ ra lỗi liên kết về nội dung trong đoạn văn và chữa lại để đoạn văn trình bày theo cách quy nạp (chép lại đoạn văn).
 c) Cho biết câu (1) và câu (2) của đoạn văn (sau khi đã chữa lỗi) được liên kết với nhau bằng phép liên kết và phương tiện liên kết nào?

Phiếu bài tập số 3

Câu 1: Hãy sắp xếp các câu sau thành một đoạn văn:

- (1) Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên đường tiến hóa học thuật của nhân loại.
 (2) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn.
 (3) Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có.
 (4) Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân mà là việc của toàn nhân loại,
 (5) Các thành quả đó sờ sờ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại.

Câu 2: *Hãy tìm những từ ngữ liên kết trong đoạn văn sau. Cho biết đó là phép liên kết gì?*

- a) (1) Ở rừng mùa này thường như thế.(2) Mưa.(3) Nhưng mưa đá.(4) Lúc đầu tôi không biết. (5) Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang.(6) Có cái gì vô cùng sắc xé không khí ra từng mảnh vụn.(7) Gió. (8)Và tôi thấy đau, ướt ở má.

(Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê)

- b) Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.

(Lão Hạc – Nam Cao)

Câu 3: Viết một đoạn văn ngắn từ 6-8 câu, giải thích nhan đề truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê, có sử dụng phép liên kết. Cho biết trong đoạn văn đó, em đã sử dụng phép liên kết nào?

Gợi ý trả lời:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1: Gợi ý trả lời:

- a) Các phép liên kết được dùng trong hai đoạn văn và phương tiện liên kết là:

- Liên kết câu:

+ Phép nối: từ *nhưng* nối câu 2 với câu 1 (đoạn 2).

+ Phép đồng nghĩa - Thủy Tinh đồng nghĩa với Thần Nước.

- Sơn Tinh đồng nghĩa với Thần Núi.

- Liên kết đoạn:

+ Phép lặp: Từ Thủy Tinh, Sơn Tinh, Thần Nước lặp lại hai lần ở hai đoạn văn.

+ Phép thế: cụm từ *Từ đó* (đoạn 2) thay thế cho thời gian kể từ khi thần nước rút quân (đoạn 1).

b) Các phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn và phương tiện liên kết là:

- Phép lặp: Từ *Bắc* lặp lại hai lần (câu 1, 3)

- Phép thế: - Từ *Nó* (câu 2) thay thế cho *Bắc* (câu 1).

- Phép nối: Từ *Và* nối câu 3 với các câu trước.

- Phép đồng nghĩa: *Thoóc-ton* - con người.

Câu 2:

a) Có thể thay thế lần lượt các cụm từ: *Đầu xuân*, *Khắp làng bản*, *Lúc này*, *Vào dịp này*, vào chỗ (...) để hai câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau.

b) Phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn:

- Khi thay cụm từ *Đầu xuân* vào chỗ (...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép đồng nghĩa: *Những ngày đầu năm* - *Đầu xuân*;

- Khi thay cụm từ: *Khắp làng bản* vào chỗ(...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép lặp;

- Khi thay cụm từ: *Lúc này*; *Vào dịp này* vào chỗ (...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép thế: thay thế cho *Những ngày đầu năm* ở câu 1.

Câu 3: Chỉ ra sự liên kết nội dung và hình thức trong một đoạn văn em viết giới thiệu về nhà văn Nguyễn Quang Sáng và truyện ngắn “ *Chiếc lược ngà*” của ông.

Đoạn văn tham khảo:

Nguyễn Quang Sáng là một trong số những nhà văn xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì chống đế quốc Mỹ. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại khác nhau nhưng bạn đọc yêu thích hơn cả là những truyện ngắn giàu kịch tính. Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng thường có cốt truyện hấp dẫn, nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ đậm đà màu sắc Nam Bộ. Tiêu biểu là truyện ngắn "Chiếc lược ngà". Truyện được viết vào tháng 9 năm 1966 tại chiến trường Nam Bộ trong những tháng ngày sôi sục đánh Mỹ. Truyện kể về ông Sáu, một cán bộ "nằm vùng tại miền Đông" đã diết thương nhớ vợ con, dùng ngà voi làm thành chiếc lược ngà xinh xắn, trước lúc từ thương đã nhờ bạn chiến đấu trao lại chiếc lược ngà cho đứa con gái bé bỏng, yêu thương. Qua đó, tác giả thể hiện tình cha con sâu nặng, tình đồng đội thiết tha trong cảnh ngộ éo le thời chiến tranh, đồng thời ca ngợi truyền thống cách mạng yêu nước của người nông dân Nam Bộ.

- Liên kết nội dung:

Đoạn văn chủ đề chung: Nguyễn Quang Sáng- truyện ngắn *Chiếc lược ngà*, các câu được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đều thống nhất làm rõ chủ đề đó.

- Liên kết hình thức:

Phép lặp: Nguyễn Quang Sáng, truyện ngắn, truyện

Phép thế: Nguyễn Quang Sáng- ông

Phép nối: Qua đó

Phiếu bài tập số 2

Câu 1

Đoạn văn đã cho có chủ đề chung nêu ở câu mở đoạn, các câu còn lại được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đều thống nhất làm rõ chủ đề đó.

Câu 2: Các phương tiện liên kết hình thức trong các phần trích như sau:

a)

- Phép lặp từ ngữ: tác phẩm

- Phép liên tưởng: nghệ thuật- nghệ sĩ- tác phẩm

- Phép nối: nhưng

- Phép thế: nghệ sĩ- anh

b) Phép lặp từ ngữ: thế kỷ, thiên niên kỷ, ai ai, hành trang, con người

- Phép liên tưởng: năm nay- thế kỷ- thiên niên kỷ- thời khắc- từ cổ chí kim; nói- thừa nhận

- Phép thế: như vậy, ấy

c) Phép lặp từ ngữ: cây dừa- dừa; gấn bó

- Phép liên tưởng: cây- thân- lá -gốc- cùi- sọ- vỏ; máng- tranh- vách- chỗ đồ xôi- khay áo- gạo- muối- dĩa; để uống; để kho cá; nấu canh- làm nước mắm- ăn sòng- làm mứt- làm bánh kẹo...

- Phép thế: như thế đấy

Câu 3:

a) Cô mang ý khái quát của đoạn văn: Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hi sinh. (Câu 5)

b)

- Lỗi liên kết về nội dung trong đoạn văn là lỗi lô-gíc: các câu trong đoạn sắp xếp theo trật tự không hợp lý.

- Chữa lại để đoạn văn trình bày theo cách quy nạp: Sắp xếp lại trật tự các câu trong đoạn, đặt câu chủ đề cuối đoạn theo thứ tự các câu: (3)- (1)- (2)- (4)- (6)- (5)

Đoạn văn (sau khi đã sửa):

Phải bán con, chị Dậu như đứt từng khúc ruột. Gia cảnh đã đến bước đường cùng buộc chị phải làm cái việc đau lòng ấy. Xót chồng ốm đau mà bị đánh đập, cùm kẹp, chị đã lấy thân mình che chở cho chồng. Thậm chí, chị còn sẵn sàng chống lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu. Đến khi bị giải lên huyện, ngồi trong quán cơm, nhìn đói, chị vẫn chỉ nghĩ đến anh Dậu, đến cái Tiu, thằng Dần, cái Tí. Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hi sinh.

c) Câu (1) và câu (2) của đoạn văn (sau khi chữa lỗi) liên kết với nhau bằng phép thế: "cái việc đau lòng ấy" ở câu (2) thay thế cho cụm từ "Phải bán con" ở câu (1)

Phiếu bài tập số 3

Câu 1:

Sắp xếp các câu thành đoạn văn theo thứ tự: (2)- (4) (3)- (5)- (1)

Câu 2:

a) Phép nối: *nhưng* (câu 5), và (câu 8)

b) Những từ ngữ thể hiện phép liên tưởng trong đoạn:

- Mặt – đầu – miệng – mắt.
- Mặt co rúm – vết nhăn xô lại.
- Nước mắt chảy ra – mếu – khóc.

Câu 3:

Đoạn văn tham khảo:

(1)Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê có một nhan đề thật thơ mộng và thật hay. (2)Tác phẩm viết về những cô gái tuổi mới lớn làm nhiệm vụ san lấp hố bom trên tuyến đường Trường Sơn máu lửa. (3)Cuộc sống chiến đấu gian lao và nguy hiểm nhưng cũng không làm họ mất đi niềm yêu đời, yêu cuộc sống. (4)“Những ngôi sao xa xôi” trên bầu trời đêm sâu thẳm là hình ảnh thực mà các cô gái thường ngắm nhìn mỗi khi có thời gian. (5)Họ gửi vào đó những mộng mơ, những khao khát thời thiếu nữ. (6)Những “Những ngôi sao xa xôi” có lẽ cũng là hình ảnh mà những người chiến sĩ trên tuyến đường ấy đã cảm nhận được khi nhìn vào đôi đôi mắt của những cô gái ấy: “Có cái nhìn sao mà xa xăm”... (7)Nhan đề rất gợi ý đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, bay bổng của những người nữ thanh niên xung phong- ngay cả khi họ cận kề sự chết chóc, hiểm nghèo. (8)Đó thực sự là một nhan đề đầy tính nhân văn.

- Phép thế: Tác phẩm(thế cho cụm từ truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”)

- Phép lặp: “Những ngôi sao xa xôi”

III - BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1: *Hãy tìm những từ ngữ liên kết trong đoạn văn sau. Cho biết đó là phép liên kết gì?*

a. (1)Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao.(2) Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.(3) Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. (4)Trời âm ảm đông gió, biển đục ngầu giận dữ.

(*Biển đẹp – Vũ Tú Nam*)

b. (1)Tre xung phong vào xe tăng đại bác.(2) Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.(3) Tre hi sinh để bảo vệ con người.(4) Tre! anh hùng lao động.(5) Tre! anh hùng chiến đấu.

(*Cây tre Việt Nam – Thép Mới*)

c. (1)Tôi đi đứng oai vệ.(2) Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy những khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu cho ra kiêu cách con nhà võ.(3) Tôi tợn lắm.(4) Dám cả khịa với tất cả bà con trong

xóm.(5) Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại cả.(6) Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả.(7) Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ.(8) Nhưng tôi lại tưởng thể là không ai dám ho he.(9) Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi.(10) Những gã xốc nổi thường làm cử chỉ ngông cuồng là tài ba.

(*Dế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài*)

d. (1)Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.(2) Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè.(3) Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

(*Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh*)

e. Nghe chuyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm...

(*Nguyễn Đình Thi*)

g. Chim chóc cũng đua nhau đến bên hồ làm tổ. Những con sít lông tím, mỏ hồng kêu vang như tiếng kèn đồng. Những con bói cá mỏ dài lông sặc sỡ. Những con cuốc đen trũi len lỏi giữa các bụi ven bờ.

Bài tập 2: *Hãy phát hiện và chữa lỗi liên kết nội dung trong đoạn văn sau:*

(1) Chim chóc nhiều vô kể. (2) Chào mào, sáo sậu, sáo đen...đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. (3) Vài ba con thỏ đi kiếm ăn. (4) Chúng líu lo trò chuyện, tranh cãi ồn ào mà vui không thể tưởng tượng được.

Bài tập 3: *Phát hiện và chữa lỗi liên kết hình thức trong đoạn văn sau:*

(1) Buổi sáng sương muối phủ trắng cảnh cây bãi cỏ.(2) Gió bắc hun hút thổi.(3) Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù.(4) Nhưng mây bò trên mặt đất tràn vào trong nhà, quần lấy người đi đường.

Gợi ý trả lời:

Bài tập 1: *Từ ngữ liên kết và phép liên kết:*

a. Phép lặp : *trời, biển* trong các câu.

b. Phép lặp: *tre*

c.- Phép lặp: *tôi*

- phép nối:*Bởi vì* (câu 6); *nhưng* (câu 8); *Ấy vậy* (câu 9)

d. Phép thế: *-nó* (câu 2),*Mèo* (câu 3) thế cho *em gái* (câu 1)

e. Phép liên tưởng: Phù Đổng Thiên Vương, Tráng sĩ người trai làng Phù Đổng.

Phép thế: *Tuy thế*

g. Phép liên tưởng: Chim chóc, con sít, con bói cá, con cuốc đen

Bài tập 2: Đoạn văn nói về các loài chim. Câu (3) nói về thú, như vậy là không hướng tới chủ đề.

Cách sửa: bỏ câu (3) hoặc thay bằng một câu khác cũng nói về loài chim.

Bài tập 3: Câu (4) dùng từ *nhưng* để nối ý câu (3) với câu (4) là sai về mặt ý nghĩa. Cách sửa: bỏ từ *nhưng*

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT TỔNG HỢP

Câu 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Đại đội trưởng rất hay dùng những từ tế nhị như "cảm ơn" , "xin lỗi" , "chúc may mắn". Anh trẻ, người gầy, hay đau khớp, hay làm ca dao cho báo tường. Nhà đâu như cuối phố Lò Đúc.(Lê Minh Khuê)

a) Tại sao những cụm từ "cảm ơn" , "xin lỗi" , "chúc may mắn" lại được đặt trong dấu ngoặc kép? Những cụm từ đó có liên quan đến phương châm hội thoại nào? Vì sao?

b) Chỉ rõ thành phần biệt lập được dùng trong đoạn văn.

Gợi ý trả lời:

a)

- Những cụm từ "cảm ơn" , "xin lỗi" , "chúc may mắn" được đặt trong dấu ngoặc kép vì đó là lời nói của nhân vật đại đội trưởng được trích dẫn theo cách trực tiếp.

- Những cụm từ đó có liên quan đến phương châm hội thoại lịch sự thì nó thể hiện sự tôn trọng, lịch sự của chàng trai Hà Thành khi giao tiếp.

b) Thành phần biệt lập được dùng trong đoạn văn là thành phần tình thái: **đâu như** (chỉ sự phỏng đoán, chưa chắc chắn).

Câu 2: Đọc các ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu:

a) Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi

Đỡ đàn bà dựng lại túp lều tranh

Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh

"Bố ở chiến khu, bố còn việc bố.

Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!".

(Bằng Việt)

Lời dặn của người bà với cháu trong đoạn thơ trên được trích dẫn theo cách nào? Vì sao? So sánh sự việc đã xảy ra ở nhà với lời bà dặn và cho biết bà đã cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào? Ý nghĩa của việc vi phạm đó?

b) Bà già đi chợ Cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng

Thầy bói gieo quẻ nói rằng:

Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.

(Ca dao)

Cho biết thầy bói đã vi phạm phương châm hội thoại nào khi nói với bà già? Chỉ rõ và phân tích ý nghĩa của việc vi phạm đó?

Gợi ý trả lời:

a) Lời dặn của người bà trong đoạn thơ trên được dẫn theo cách trực tiếp vì trích dẫn nguyên văn và được đặt trong dấu ngoặc kép.

- So sánh sự việc đã xảy ra ở nhà với lời bà dặn, người bà đã cố ý vi phạm phương châm hội thoại về chất: Bà bảo cháu nói dối sự thật ở nhà khi cháu viết thư cho bố.

- Ý nghĩa: Bà cố ý vi phạm phương châm hội thoại về chất để ưu tiên cho phương châm lịch sự quan trọng hơn. Bà không muốn cho các con biết sự thật gian khổ ở nhà để các con yên tâm công tác và chăm lo việc kháng chiến. Việc bà cố ý vi phạm phương châm hội thoại về chất đã làm nổi bật đức hi sinh, tinh thần nhẫn nại và cả tình yêu thương con quý cháu chan hòa với tình yêu đất nước của bà.

b) Thầy bói đã vi phạm phương châm hội thoại quan hệ khi nói với bà già: bà già hỏi về ích lợi của việc lấy chồng thì thầy bói lại nhắc đến lợi - một bộ phận nằm trong khoảng để níu giữ răng.

- Ý nghĩa: Thầy bói cố ý vi phạm phương châm hội thoại quan hệ để tạo hàm ý nhằm mỉa mai, chế giễu bà già: bà già rồi, rụng hết răng rồi còn ham lấy chồng, một việc không phù hợp với tuổi già.

Câu 3: Nêu điều kiện sử dụng hàm ý. Vận dụng để phân tích tình huống sử dụng hàm ý trong đoạn hội thoại sau và cho biết ý nghĩa của việc sử dụng hàm ý trong tình huống đó.

Chờ khi đứa con trai đã bùng thau nước xuống nhà dưới, anh hỏi Liên:

- Đêm qua lúc gần sáng, em có nghe thấy tiếng gì không?

Liên giả vờ không nghe câu chồng vừa hỏi. Trước mặt chị hiện ra một cái bờ đất lở dốc đứng của bờ bên này, và đêm đêm cùng với con lũ đầu nguồn đã bắt đầu dồn về, những tảng đất đổ oà vào giấc ngủ.

- Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ?

Liên vẫn không đáp và biết chồng đang nghĩ gì. Chỉ đưa những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai chồng:

- Anh cứ yên tâm. Vất vả, tốn kém bao nhiêu em với các con cũng chăm lo cho anh được.

(Nguyễn Minh Châu)

Gợi ý trả lời:

* Điều kiện sử dụng hàm ý:

- Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói.

- Người nghe (người đọc) có năng lực giải toán hàm ý.

* Phân tích tình huống hội thoại giữa Nhĩ và Liên có sử dụng hàm ý:

- Nhân vật Nhĩ (người nói) : cố ý đưa hàm ý vào trong hai câu anh hỏi Liên:

+ Đêm qua lúc gần sáng, em có nghe thấy tiếng gì không?

+ Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ?

Hàm ý của lời nói: Cuộc sống của anh sắp kết thúc.

- Nhân vật Liên (người đáp): hiểu hàm ý trong câu nói của chồng:

+ Ở lời nói thứ nhất Nhĩ: Liên hiểu như không đáp.

+ Ở lời nói thứ hai của Nhĩ : Liên đáp: Anh cứ yên tâm. Vất vả,tốn kém bao nhiêu em với các con cũng chăm lo cho anh được.

→ Liên hiểu, đồng cảm, an ủi và động viên chồng.

* Ý nghĩa:

Xây dựng tình huống hội thoại có sử dụng hàm ý, đoạn trích gọi ra cuộc đời nhân vật Nhĩ đang ở những ngày tháng cuối cùng và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Liên - người phụ nữ hết lòng vì gia đình, vì chồng con.

Câu 4: Đọc truyện cười sau:

CHIẾM HẾT CHỖ

Một người ăn mày hom hem, rách rưới đến cửa nhà giàu xin ăn. Người nhà giàu không cho, lại còn mắng:

- Bước ngay! Rõ trông như người ở dưới địa ngục mới lên ấy!

Người ăn mày nghe nói, vội trả lời:

- Phải, tôi ở dưới địa ngục mới lên đây!

Người nhà giàu nói:

- Đã xuống địa ngục, sao không ở hẳn dưới ấy, còn lên đây làm gì cho bẩn mắt?

Người ăn mày đáp:

- Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!

(Theo Trương Chính, Phong Châu-truyện cười dân gian Việt Nam)

a) Chỉ ra những lời dẫn trực tiếp trong câu chuyện trên.

b) Tên nhà giàu trong truyện đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao?

c) Câu nói nào của người ăn mày có chứa hàm ý? Xác định nội dung hàm ý trong câu nói đó.

Gợi ý trả lời:

a) Những lời dẫn trực tiếp trong câu chuyện trên là lời của hai nhân vật tham gia hội thoại:

- Bước ngay! Rõ trông như người ở dưới địa ngục mới lên ấy!

- Phải, tôi ở dưới địa ngục mới lên đây!

- Đã xuống địa ngục, sao không ở hẳn dưới ấy, còn lên đây làm gì cho bẩn mắt?

- Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi,!

b) Tên nhà giàu trong truyện đã vi phạm phương châm hội thoại lịch sự khi nói với người ăn mày.

- Lý giải: Tên nhà giàu có lời nói và việc làm không tôn trọng, không cảm thông với một người ăn mày khốn khổ, rách rưới. Hắn đã không cho lại còn xua đuổi và buông những lời cay độc để xúc phạm người ăn mày.

c) Câu nói của người ăn mày có chứa hàm ý: Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!

- Nội dung hàm ý trong câu trả lời của người ăn mày: địa ngục Không phải chỗ dành cho tôi, địa ngục mới là chỗ dành cho những kẻ nhà giàu tham lam, độc ác như ông.

Câu 5: Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của những phép tu từ từ vựng được dùng trong những trường hợp sau:

a) Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn vào cả gầm xe. (Nguyễn Thành Long)

b) Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm,
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

(Tế Hanh)

c) Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa

(Bằng Việt)

Gợi ý trả lời:

Cần trình bày mỗi ý thành đoạn văn hoặc bài văn ngắn.

a)

- Các phép tu từ từ vựng trong đoạn văn của Nguyễn Thành Long:

+ Biện pháp nói quá (ngoa dụ, phóng đại) : nắng đốt cháy rừng cây.

+ Biện pháp nhân hóa: Nắng... len... đốt. Những cây thông... rung tit... những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che... nhô cái đầu màu hoa cà... Mây bị nắng xua, cuộn tròn... lăn... rơi... luồn...

+ Biện pháp ẩn dụ: những ngón tay bằng bạc.

- Hiệu quả tu từ:

+ Biện pháp nói quá diễn tả sức lan tỏa mạnh mẽ, sự huyền ảo của nắng Sa Pa.

+ Biện pháp ẩn dụ và nhân hóa làm cho cảnh vật (nắng, cây, mây) hiện ra tinh nghịch, sống động, hấp dẫn.

Nhà văn sử dụng các biện pháp tu từ nhằm gợi ra trước mắt người đọc bức tranh thiên nhiên miền Tây Bắc của Tổ quốc không hề hoang vu mà hết sức sống động, giàu chất thơ. Cảnh đẹp kỳ lạ khơi gợi ở người đọc khát khao được đặt chân đến vùng đất thơ mộng ấy.

b) Các phép tu từ từ vựng trong hai câu thơ của Tế Hanh:

- Hai câu thơ sử dụng biện pháp nhân hóa: các từ được sử dụng để nhân hóa chiếc thuyền là: im, mỏi, trở về, nằm, nghe.

- Hiệu quả của biện pháp nhân hóa:

+ Biển con thuyền vô tri vô giác trở nên sống động, có hồn như con người. Các từ: im, mỏi, trở về, nằm giúp người ta cảm nhận được giây lát nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, nó giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả, cực nhọc trở về.

+ Từ " nghe" gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào "da thịt" của mình; và giống như con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó bao nhiêu, nó như càng dày dặn sống gió và kiên cường bấy nhiêu.

b) Các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn thơ của Bằng Việt:

- Điệp từ " nhóm" bốn lần lặp lại liên tiếp đầu mỗi câu thơ vừa nhấn mạnh công việc nhóm bếp của bà vừa soi sáng chân dung người bà tần tảo, nhẫn nại, giàu đức hi sinh. Bà không chỉ nhóm lên bếp lửa bằng đôi tay khéo léo để bếp lửa cháy sáng, để có nồi khoai sắn ngọt bùi, có nồi xôi gạo mới. Từ công việc nhóm lửa hàng ngày, bà còn nhóm nên cả những nét đẹp tâm hồn tuổi thơ cho cháu, bồi đắp ước mơ và tình yêu thương cho cháu.

- Hoán dụ khoai sắn ngọt bùi, nồi xôi gạo mới gợi ra tình cảm gắn bó với những gì giản dị, gần gũi của quê hương. Bà bồi đắp cho cháu tình đoàn kết xóm làng.

- Ẩn dụ bếp lửa: Vừa tả thực vừa là hình ảnh biểu tượng cho lòng bà, tình yêu thương bà dành cho cháu, trở thành kỷ vật thiêng liêng của tình bà cháu, là hành trang theo cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

Các phép tu từ trên đã góp phần thể hiện sâu sắc tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc của người cháu hiếu thảo phụng dưỡng xa với người bà yêu kính và bếp lửa tuổi thơ.

Câu 6: **Ngợi ca tình mẹ, Chế Lan Viên viết:**

Con dù lớn vẫn là con của mẹ,

Đi (1) hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.

Còn Nguyễn Duy lại viết:

Ta **đi** (2) trọn kiếp con người

Cũng không **đi** (3) hết mấy lời mẹ ru.

Chỉ ra ý nghĩa và phân tích giá trị biểu cảm của từ **đi** trong những câu thơ trên.

Gợi ý trả lời:

Cần đảm bảo được các ý sau:

- Giải thích ý nghĩa của từ đi trong mỗi câu thơ:

+ Đi (1),(2) đều có ý nghĩa là sống: sống hết đời, sống trọn kiếp con người.

+ Đi (3) có nghĩa là hiểu, biết, đền đáp: không hiểu hết, biết hết mấy lời ru của mẹ và không bao giờ có thể đền đáp nổi công lao trời bể của mẹ.

- Phân tích giá trị biểu cảm của từ đi trong mỗi câu thơ:

+ Chế Lan Viên không dùng từ sống mà dùng từ đi bởi từ đi vừa gợi ra hình tượng con đường đời đầy gian khó, dài dằng dặc, đầy đắng cay mà mẹ đã trải qua đồng thời còn gợi ra lòng mẹ bao la, tình mẹ dạt dào, mẹ dành tình yêu cho con trong suốt cuộc đời không bao giờ thay đổi. Dù con có lớn khôn đến đâu, có nếm trải tất cả mọi lẽ ở đời nhưng khi trở về bên mẹ, còn vẫn còn thơ bé, trọn đời, trọn kiếp mẹ vẫn dõi theo con, chở che, giúp đỡ, chia sẻ cùng con,...

+ Nguyễn Duy sử dụng liên tiếp hai từ đi trong hai câu thơ nhưng mỗi từ lấy có sắc thái biểu cảm riêng. Từ đi trong Ta đi trọn kiếp con người mở ra con đường đời dài dằng dặc của một kiếp người, của cả cuộc đời của con. Thế nhưng, con vẫn chưa đi hết mấy lời mẹ ru tưởng như ít ỏi, xa xăm thuở nào. Từ đi trong câu thơ thứ hai đã tạo cho hai câu thơ có sự độc lập tương phản. Cả cuộc đời này, con có hiểu nhiều, biết rộng,... nhưng chưa chắc đã hiểu hết những tâm tư, tình cảm mẹ gửi vào mấy lời ru khi con còn thơ bé, chưa chắc con đã hiểu được tình yêu và đức hy sinh của mẹ. Con sẽ chẳng bao giờ đền đáp nổi công lao trời bể của mẹ.

→ Đằng sau ý thơ, người đọc còn thấu hiểu được cả sự ân hận và lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ với mẹ mình.

Câu 7: Hãy chỉ ra những từ ngữ chép chưa chính xác trong các đoạn thơ dưới đây. Chép lại cho đúng và phân tích hiệu quả biểu đạt của những từ ngữ đó.

a) Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê điểm trắng một vài bông hoa.

b) Sương bông bênh qua ngõ
Ngoài kia thu đã về.

Gợi ý trả lời:

a)
- Chỉ ra những từ ngữ chép chưa chính xác và chép lại:

+ Chép sai từ **tận** thành từ **rợn** trong câu:

Cỏ non xanh rợn chân trời,

+ Chép sai cụm từ **trắng điểm** thành **điểm trắng** trong câu:

Cành lê điểm trắng một vài bông hoa.

+ Chép lại đúng hai câu thơ của Nguyễn Du:

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

- Phân tích hiệu quả sử dụng: Hai câu thơ của Nguyễn Du là bức tranh về mùa xuân tuyệt đẹp: bao la, khoáng đạt, tinh khôi, giàu sức sống.

+ Dùng từ rợn không phù hợp với miêu tả đặc điểm của cỏ non, không làm nổi bật sức sống của mùa xuân. Nguyễn Du dùng từ tận giàu sức gợi: gợi ra một không gian bao la, khoáng đạt với một biển cỏ xanh non, mênh mông đang trải ra, kéo dài tới tận chân trời. Đó là sức sống bất tận của mùa xuân.

+ Cụm từ điểm trắng không làm nổi bật được cái thần của bức tranh xuân, không cân xứng hài hòa giữa hai gam màu xanh và trắng. Nguyễn Du đảo từ trắng lên vị trí thứ ba của câu thơ để tạo sự cân xứng, hài hòa với từ xanh ở câu trên, để sắc trắng tinh khôi của vài bông hoa lè nổi bật trên sắc xanh vô biên của thảm cỏ, làm điểm nhấn, tạo hai gam màu êm dịu, tươi mát cho bức tranh mùa xuân. Từ điểm được dùng như một động từ, chỉ sự điểm tô, trang trí khéo của bàn tay tạo hóa, khiến cho bức tranh xuân động chứ không tĩnh tại.

b)
- Chỉ ra những từ bạn chép chưa chính xác so với hai câu thơ của Hữu Thỉnh:

+ Chép sai từ chùng chình thành từ bông bênh.

+ Chép sai từ hình như thành từ ngoài kia.

- So sánh:

+ Hai câu thơ của Hữu Thỉnh:

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về.

+ Hai từ bông bênh và chùng chình đều là từ láy gợi hình phù hợp với miêu tả làn sương:

Từ bông bênh chỉ gợi trạng thái bên ngoài.

Từ chùng chình vừa gợi trạng thái bên ngoài, vừa gợi tâm trạng như con người.

Vì vậy, dùng từ chùng chình hay, giàu sức gợi hình, gợi cảm hơn.

- Hai từ ngoài kia và hình như đều là cảm nhận của nhân vật trữ tình:

+ Từ ngoài kia là sự cảm nhận khách quan, sự chắc chắn thu đã về.

+ Từ hình như là vừa là sự hoài nghi, chưa chắc chắn vừa có cảm xúc băng khuâng, ngỡ ngàng như một tiếng reo. Qua đó thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khoảnh khắc giao mùa.

Câu 8: Phân tích tính liên kết về mặt nội dung và hình thức giữa các câu trong đoạn văn sau:

a) Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới (1). Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai và sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu(2). Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu (3). Ấy là những lỗ hổng kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng", nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chạy, học vẹt nặng nề (4). Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng (5).(Vũ Khoan)

b) Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới (1). Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót (2). Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...)(3). Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành (4). Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ (5). Mưa mùa xuân đã mang lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá, mầm non (6). Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt (7). (Nguyễn Thị Thu Trang)

Gợi ý trả lời:

a) Chủ đề đoạn văn: Điểm mạnh của con người Việt Nam cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục.

* Liên kết nội dung:

- Tất cả 5 câu trong đoạn đều xoay quanh chủ đề đoạn văn.

- Các câu văn trong đoạn đều sắp xếp hợp lý, lô-gíc:

+ Mặt mạnh của trí tuệ Việt Nam. (Câu 1,2)

+ Những mặt hạn chế của con người Việt Nam và cách khắc phục điểm yếu của con người Việt Nam. (Câu 3,4,5)

* Liên kết hình thức: Các câu văn trong đoạn được liên kết với nhau bằng các phép liên kết sau:

- Phép nối:

+ Từ Nhưng nối câu 3 với câu 2;

+ Cụm từ ấy là nối câu 4 với câu 3.

- Phép lặp:

+ Từ lỗ hồng lặp hai lần ở câu 4 và câu 5;

+ Từ thông minh lặp 2 lần ở câu 1 và câu 5.

- Phép đồng nghĩa:

+ Cụm từ cái mạng đó ở câu 3 đồng nghĩa với cụm từ bản chất trời phú ấy ở câu 2 và sự thông minh, nhạy bén với cái mới ở câu 1;

b) Chủ đề đoạn văn: miêu tả mưa mùa xuân và sự hồi sinh của đất trời.

* Liên kết nội dung:

- Các câu trong đoạn văn trên đều phục vụ chủ đề của đoạn.

- Các câu đã được sắp xếp theo thứ tự hợp lý.

+ Tả mưa mùa xuân (câu 1,2,3)

+ Tả sự hồi sinh của đất trời (câu 4,5,6,7).

* Liên kết hình thức: đoạn văn sử dụng các phép liên kết sau:

- Phép lặp: các từ ngữ lặp lại ở các câu: mưa, mưa mùa xuân, mặt đất.

- Phép thế: từ chúng câu 6 thay cho cây cỏ câu 5.

- Phép nối: từ Và nối câu 7 với câu 6.

- Phép đồng nghĩa, liên tưởng:

+ mưa, hạt mưa, giọt mưa;

+ mặt đất, đất trời, cây cỏ, cây, nhánh lá mầm non, hoa thơm trái ngọt.

Câu 9: một bạn học sinh đã viết đoạn văn như sau:

Ngô quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán (1). Nguyễn Huệ đánh tan quân xâm lược nhà Thanh (2). Lịch sử dân tộc ta đã ghi lại biết bao trang sử hào hùng với những tên tuổi sáng chói muôn đời (3). Tiếp đó, Lê Lợi phá tan quân Minh (4). Rồi Trần Hưng Đạo lãnh đạo quân dân nhà Trần đánh đuổi quân Mông - Nguyên giành lại độc lập, tự do cho dân tộc (5). Cửa biển Bạch Đằng lập chiến công lừng lẫy non sông (6). Những tên tuổi đó mãi mãi sống cùng non sông đất nước ta (7). Ái Chi Lăng mãi mãi là mồ chôn quân xâm lược (8). Gò Đống Đa trở thành bãi chiến trường ngồn ngộn xác giặc,...(9).

a) Chỉ ra những câu văn mang ý nghĩa khái quát trong đoạn văn trên.

b) Đoạn văn trên mắc lỗi liên kết về nội dung. Chỉ rõ lỗi đó và sửa lại cho phù hợp.

c) Chép lại đoạn văn đã sửa và cho biết đoạn văn đó được trình bày theo cách nào? Chỉ ra các phép liên kết câu và phương tiện liên kết đã dùng.

Gợi ý trả lời:

a) Câu mang ý khái quát của đoạn văn: câu 3, câu 7.

b) Lỗi liên kết về nội dung trong đoạn văn là lỗi lô-gíc : các câu trong đoạn đều xoay quanh một chủ đề nhưng sắp xếp chưa theo trật tự hợp lý.

- Sửa lỗi: cần nắm chắc các thời kỳ lịch sử gắn với tên tuổi của các vị anh hùng dân tộc cũng như địa danh diễn ra các trận đánh. Sắp xếp lại các câu dựa theo cặp câu chủ đề

Cụ thể: (3)→(1)→(5)→(6)→(4)→(8)→(2)→(9)→(7).

c) Đoạn văn hoàn chỉnh (sau khi đã sửa):

Lịch sử dân tộc ta đã ghi lại biết bao trang sử hào hùng với những tên tuổi sáng chói muôn đời (1) . Ngô Quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán (2) . Rồi Trần Hưng Đạo lãnh đạo quân dân nhà Trần đánh đuổi quân Mông - Nguyên giành lại độc lập, tự do cho dân tộc (3). Cửa biển Bạch Đằng lập chiến

công lưng lấy non sông (4). Tiếp đó, Lê Lợi phá tan quân Minh (5). Ai Chi Lăng mãi mãi là mồ chôn quân xâm lược (6). Nguyễn Huệ đánh tan quân xâm lược nhà Thanh (7). Gò Đống Đa trở thành bãi chiến trường ngồn ngồn xác giặc (8). Những tên tuổi đó mãi mãi sống cùng non sông đất nước ta (9).

- Đoạn văn trình bày nội dung theo cách tổng - phân - hợp.

- Các phép liên kết câu đã dùng trong đoạn văn (sau khi sửa lỗi) là:

+ Phép nối: từ Rồi nối câu 3 với câu 2

Cụm từ Tiếp đó nối câu 5 với câu 4.

+ Phép thế: Những tên tuổi ấy thay cho những nhân vật lịch sử đã được kể các câu trên.

+ Phép liên tưởng:

Ngô Quyền - quân xâm lược Nam Hán - Cửa biển Bạch Đằng.

Trần Hưng Đạo - quân dân nhà Trần - quân Mông - Nguyên - Cửa biển Bạch Đằng.

Lê Lợi - quân Minh - Ai Chi Lăng.

Nguyễn Huệ - quân xâm lược nhà Thanh - Gò Đống Đa.

PHẦN 3: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN.

A. ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN CHUYÊN ĐỀ 1: ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

***Khái quát:** Đoạn văn nghị luận xã hội cũng như bài văn nghị luận xã hội phải bao gồm hai dạng nghị luận về một tư tưởng đạo lý và Nghị luận về một hiện tượng đời sống chăm đối với mỗi dạng khác nhau phẩy cách làm không giống nhau chăm chúng ta có thể chia đoạn văn nghị luận xã hội nói chung theo hai dạng ứng với kiểu cấu trúc riêng như sau:

*** Một số điều lưu ý giúp học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội:**

1. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ:

- Thí sinh phải trình bày theo đúng hình thức của một đoạn văn. Tức là không được xuống dòng hay gạch đầu dòng.

- Tránh tình trạng viết quá sơ sài hoặc quá dài dòng. Dung lượng hợp lý nhất là khoảng 20-25 dòng (2/3 tờ giấy thi). Tuy nhiên các em không nên cứng nhắc chỉ viết đúng 200 chữ và ngồi đếm lại. Các em có thể viết thêm vài dòng cũng không ảnh hưởng đến kết quả. Giám khảo sẽ không ai ngồi đếm số câu, số chữ nên các em có thể hoàn toàn yên tâm miễn sao là bài viết đủ ý, diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả.

- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: Có đủ các phần / câu mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề nên có một câu gán gọn nêu ý nghĩa, nội dung, ý nghĩa hoặc quan điểm cá nhân của người viết để bài văn được sâu sắc hơn. Nếu như đề thi yêu cầu viết bài văn thì các em trình bày đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

2. Chú ý về mặt nội dung viết đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ

- Cần xác định kiểu bài/ đoạn NLXH thuộc dạng tư tưởng đạo lý hay hiện tượng đời sống để viết cho đúng:

+ Đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về tư tưởng đạo lý cần có các ý cơ bản sau: Giải thích tư tưởng, đạo lý; biểu hiện cụ thể; phân tích và chứng minh vấn đề; mở rộng vấn đề; nêu ý nghĩa và bài học nhận thức...

+ Đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về đời sống cần nêu được: Nêu hiện tượng đó (biểu hiện, mức độ...). Phân tích nguyên nhân, tác động tích cực/tiêu cực của hiện tượng đó. Bài học suy ngẫm của bản thân...

- Học sinh có thể viết linh hoạt theo ý của mình, cần có yếu tố sáng tạo. Tuy nhiên, các em cần bám sát vấn đề trọng tâm đề cho để tránh viết lan man, máy móc, sáo rỗng.

- Dẫn chứng không nên quá dài dòng, mơ hồ chung chung. Chọn lọc dẫn chứng tiêu biểu để bài làm sâu hơn và thuyết phục hơn.

3. Thời gian: viết đoạn văn NLXH tích hợp từ đọc hiểu các em nên phân bố thời gian hợp lý (thường khoảng 20 -30 phút) để dành thời gian cho đọc hiểu và viết chín chu bài nghị luận văn học.

4. Một số lưu ý khác:

- Khi viết NLXH về nội dung trong văn bản đọc hiểu, tuyệt đối không chép lại đề đọc hiểu.

- Thường xuyên tìm nguồn tư liệu, nắm bắt thông tin, tích lũy kiến thức

- Lựa chọn văn phong phù hợp, chọn lọc dẫn chứng

- Có thói quen đọc lại, kiểm tra bài để bổ sung, hoàn thiện tránh sai sót

- Rèn kỹ năng viết bài thường xuyên

I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI.

1. Khái niệm:

Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống trong xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.

2. Đặc điểm:

- Đề bài thường xuất phát từ một sự việc, hiện tượng có thật trong đời sống, xã hội; những vấn đề thời sự đòi hỏi sự cập nhật của người viết.

Ví dụ: Hiện nay, một bộ phận giới trẻ đang có thái độ sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân gia đình và cộng đồng. Hãy nêu những suy nghĩ của em về hiện tượng trên.

- Đó có thể là một hiện tượng tích cực, nhưng cũng có thể là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, hoặc một hiện tượng có cả tích cực lẫn tiêu cực.

Ví dụ: Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu ích của con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách, với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

- Không chỉ có ý nghĩa xã hội mà còn tác động tích cực trong việc giáo dục tư tưởng, nhận thức, nhân cách... của học sinh.

3. Hướng dẫn cách làm:

a. Mở đoạn:

Sử dụng một đến hai câu để dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận. (Nếu vấn đề được đưa ra từ một tác phẩm văn học thì cần giới thiệu từ tác phẩm rồi khái quát vấn đề trong xã hội).

b. Thân đoạn: (Tùy theo nội dung mà có thể giải thích ngắn gọn hoặc đưa ra khái niệm)

Cần đảm bảo các nội dung sau:

- Giải thích khái niệm(nếu có)
- Nêu được thực trạng của vấn đề (có dẫn chứng, số liệu cụ thể)
- Nguyên nhân của vấn đề (vận dụng kiến thức để giải thích rõ nguyên nhân của vấn đề)
- Hậu quả (hoặc kết quả) của vấn đề (kết hợp đưa dẫn chứng, số liệu để làm rõ hậu quả hoặc kết quả của vấn đề)
- Đưa ra các giải pháp để thực hiện vấn đề. Trình bày các biện pháp để khắc phục hạn chế hoặc phát huy mặt ưu điểm (thường xoay quanh các nguyên nhân đã nêu)
- Nêu lên những việc cần thiết bản thân cần thực hiện cũng như trách nhiệm của cộng đồng, của thế hệ trẻ hiện nay.

c. Kết đoạn: Sử dụng một câu văn để khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề.

Đề luyện tập:

Đề 1: Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu

ích của con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng trên bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ.

Đề 2: Nhiều bạn trẻ trong xã hội hiện nay không biết sắp xếp, quản lý thời gian hợp lý nên ảnh hưởng đến việc học tập, công việc. Em hãy trình bày những suy nghĩ của mình (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về kỹ năng quản lý thời gian.

Đề 3: Viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ của em về vấn đề: hiệu ứng đám đông cho giới trẻ hiện nay.

Đề 4: Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề đặt ra tron văn bản đọc hiểu: “Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực?”

Đề 5: Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề đặt ra tron văn bản đọc hiểu: “Sống ở thế chủ động”

Đề 6: Trong cuộc sống hiện nay, nhiều bạn trẻ không xác định được mục tiêu trong học tập và công việc. Hãy viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ của em về kỹ năng xác định mục tiêu.

Đề 7: Trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về nạn bạo lực học đường.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu ích của con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng trên bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Ngày nay, hầu hết phụ huynh đều trang bị cho con em mình chiếc điện thoại di động để tiện liên lạc, theo dõi, hoặc phục vụ việc tìm tư liệu học tập trên internet. Tuy nhiên, một bộ phận họ không nhỏ học sinh lại sử dụng điện thoại di động chưa đúng cách, chưa đúng mục đích.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Điện thoại di động: loại điện thoại cầm tay với kích thước nhỏ gọn, hòa mạng, giúp trao đổi thông tin từ xa. Ngoài chức năng nghe gọi. điện thoại di động còn trang bị nhiều chức năng. ứng dụng như trò chơi. chụp ảnh...
- Thực trạng	<p>- Dùng chưa đúng cách: dùng ngay trong giờ học để nói chuyện riêng, dùng điện thoại quá khuya, mãi dùng điện thoại khi tham gia giao thông. Thậm chí khi nhìn thấy bạn mình bị đánh đập, không ít học sinh dùng điện thoại để chụp ảnh quay clip tung lên mạng.</p> <p>- Dùng sai mục đích: dùng điện thoại để quay cóp trong giờ kiểm tra; khi có bài tập, thay vì suy nghĩ, tìm tòi tài liệu, các bạn học sinh lên mạng chép đáp án, văn mẫu; đăng tải, phát tán các clip có nội dung xấu; dùng điện thoại di động như một thú vui để khoe khoang...</p>
- Nguyên nhân	- Do sự bùng nổ công nghệ thông tin, đời sống con người được

	<p>nâng cao nên điện thoại di động trở thành vật không thể thiếu đối với con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do sự chiều chuộng của cha mẹ. - Do học sinh chưa có nhận thức đúng đắn về việc sử dụng điện thoại di động, lạm dụng các chức năng của điện thoại.
- Hậu quả	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng điện thoại trong giờ học gây ra tình trạng không hiểu bài, hổng kiến thức. - Sử dụng điện thoại để tra cứu tài liệu, đáp án tạo ra thói quen lười suy nghĩ, thói ỷ lại... - Sử dụng điện thoại với mục đích không tốt sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, dễ bị ảnh hưởng văn hóa không lành mạnh, có hành động vi phạm chuẩn mực đạo đức, gây ra căn bệnh vô cảm.
- Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Bản thân mỗi học sinh cần có thái độ, ý thức tự giác trong học tập, sống có văn hóa, nên chú tâm vào việc học. - Gia đình cần quan tâm, gần gũi với sinh để kịp thời giáo dục. - Nhà trường siết chặt hơn công tác quản lý học sinh, tạo ra các hoạt động học tập, vui chơi bổ ích thu hút học sinh.
- Nhận thức và hành động của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ sử dụng điện thoại khi thật cần thiết, đúng mục đích. - Biết kiểm soát có chừng mực hành vi của mình, trang bị kỹ năng sống cần thiết.
<p>3. Kết đoạn: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).</p>	<p>“ Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau” (Trịnh Công Sơn)- cuộc sống không ngừng tiến về phía trước và khoa học công nghệ cũng không ngừng phát triển, thế nhưng kết nối yêu thương giữa người với người luôn cần thiết. Vì vậy, việc sử dụng điện thoại cũng cần biết cách, để việc điện thoại là phương tiện kết nối yêu thương.</p>

Đề 2: Nhiều bạn trẻ trong xã hội hiện nay không biết sắp xếp, quản lý thời gian hợp lý nên ảnh hưởng đến việc học tập, công việc. Em hãy trình bày những suy nghĩ của mình (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về kỹ năng quản lý thời gian.

<p>1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)</p>	<p>Có người từng nói: ”Người nào lãng phí một giờ đồng hồ nghĩa là chưa phát hiện giá trị của cuộc sống”. Thời gian là thứ có giá trị không thể nào đong đếm được. Thế nhưng nhiều bạn trẻ hiện nay chưa biết cách quản lý quỹ thời gian cho hợp lý.</p>
<p>2. Thân đoạn:</p>	
- Giải thích	<p>Kỹ năng quản lý thời gian: kỹ năng biết sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lý để đạt được kết quả cao trong công việc và cuộc sống.</p>
- Thực trạng	<p>- Ngày nay vẫn còn một bộ phận giới trẻ chưa biết quý trọng giá trị của thời gian, để thời gian trôi đi vô nghĩa, không tích lũy được giá trị cho bản thân: VD: chỉ biết vui chơi, thay vì tận dụng thời gian để học lại sa vào trang mạng xã hội than thở học vất vả, ...</p>

- Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa nhận thức được vai trò của thời gian. - Chưa xác định được lí tưởng, mục đích sống - Chạy theo những thú vui vô bổ, tốn thời gian vô ích. - Chưa có kĩ năng.
- Hậu quả	- Thời gian là thứ tiền bạc không thể mua được, một đi không trở lại, một khi đã qua đi không thể nào lấy lại được. Nếu để lỡ mất thời gian dù có hối tiếc cũng thể lấy lại được. (“Nếu một người cho bạn thời gian của của mình, anh ta không thể cho bạn món quà nào quý giá hơn nữa”)
- Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thế nào để có kỹ năng quản lý thời gian: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định mục tiêu; + Liệt kê các việc phải làm, lên kế hoạch, chiến lược; + Sắp xếp các việc theo thứ ưu tiên (việc quan trọng, cần gấp - việc không quan trọng, không cần gấp); + Từ bỏ thói quen xấu; + Không ngừng học hỏi, nâng cao năng lực bản thân.
- Nhận thức và hành động của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có thái độ phê phán những người không biết quý trọng thời gian. - Là một học sinh cần ý thức được giá trị quý báu của thời gian để tránh làm lãng phí thời gian của mình cũng như của những người xung quanh. - Biết cách lên kế hoạch, sắp xếp mọi việc sao cho sử dụng quỹ thời gian hiệu quả nhất: biết phân chia hợp lí giữa thời gian học tập và vui chơi giải trí, ... - Nhưng tránh hấp tấp nóng vội bởi mỗi việc cần được đầu tư một quỹ thời gian nhất định của nó thì có thể thành công, chỉ cần biết làm chủ thời gian, nỗ lực và kiên trì ắt sẽ thành công. - Sống hết mình từng giây từng phút để không hối hận khi thời gian qua đi, để cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn.
3. Kết đoạn: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	Mỗi người hãy trân trọng từng phút giây mình đang sống, bạn có thể trì hoãn nhưng thời gian thì không. Do vậy phải biết quản lí, sắp xếp thời gian để bản thân không phải hối tiếc.

Đề 3: Viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ của em về vấn đề: hiệu ứng đám đông cho giới trẻ hiện nay.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Có lẽ, hiệu ứng đám đông là cụm từ thường được mọi người nhắc đến khi nhiều người cùng thực hiện một công việc, với một thái độ giống nhau.
2. Thân đoạn:	

- Giải thích	<p>Hiệu ứng đám đông: suy nghĩ, hành vi thường xuyên bị chi phối, ảnh hưởng từ những người khác. Những suy nghĩ, hành vi ấy chạy theo đám đông cho là đúng, là hay nhưng bản thân lại chưa hiểu rõ về sự việc.</p>
- Thực trạng	<p>- Biểu hiện của hiệu ứng đám đông là nỗi sợ hãi bị đám đông phán xét và bị loại ra khỏi nhóm.</p> <p>- Là những người không quen biết cùng hòa nhau phán xét, "ném đá" một người dẫn chưa hiểu ngọn nguồn sự việc.</p> <p>- Ăn mặc theo trào lưu, nói năng theo số đông dẫn điều đó chưa hẳn có nghĩa và chưa hẳn đúng phong cách của bản thân.</p> <p>- Là những hành vi phản cảm trên mạng dễ dàng nhận hàng nghìn like và lượt share vì được đám đông cổ vũ...</p> <p>=> Đây là hiện tượng rất phổ biến, xuất hiện trong giới trẻ, trở thành trào lưu.</p>
- Nguyên nhân	<p>Vì sao có hiện tượng này?</p> <p>- Con người sống trong xã hội nên luôn chịu sự tác động, chi phối của quy luật chung, của số đông.</p> <p>- Do tâm lý chủ quan "số đông luôn đúng".</p> <p>- Do đám đông có những quyền lực đáng sợ, có thể kiểm soát và định hướng hành vi con người.</p> <p>- Do bản thân mỗi người thiếu thông tin, mơ hồ trong nhận thức, thiếu chính kiến, yếu đuối, không suy nghĩ chín chắn ... nên dễ bị đám đông chi phối, lôi kéo.</p>
- Lợi ích và hậu quả:	<p>- Mặt tích cực:</p> <p>+ Hiệu ứng đám đông tích cực sẽ giúp con người kết nối với nhau; bắt kịp trào lưu, xu hướng để tránh lạc hậu.</p> <p>+ Được tham vấn và định hướng hành động đúng đắn; tập hợp đông đảo mọi người hưởng ứng các phong trào tích cực của xã hội...</p> <p>- Mặt tiêu cực:</p> <p>+ Hiệu ứng đám đông tiêu cực làm mỗi người bị thủ tiêu chính kiến, tư duy độc lập, sự sáng tạo vì mãi chạy theo điều đám đông nghĩ và làm.</p> <p>+ Khiến mỗi người trở thành cái bóng, không dám sống thật với chính mình, không làm chủ được bản thân và cuộc đời của mình, không biết mình thực sự muốn gì và cần phải làm gì, khiến cho mọi người không hiểu, không nắm bắt được bản chất cốt lõi của sự việc, sự vật vì nó luôn bị che lấp bởi ý kiến của đám đông.</p> <p>+ Gây ra những hậu quả đáng tiếc, khôn lường đối với người xung quanh và xã hội: nhiều người phải chạy trốn, trầm cảm hoặc tự sát vì bị đám đông lên án; nhiều vụ phạm tội tập thể diễn ra; tệ nạn xã hội gia tăng...</p>

- Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Trước một vấn đề, hiện tượng phải suy nghĩ chín chắn trước khi nói và hành động. - Rèn luyện kiến thức để có cái nhìn thấu đáo trước mọi vấn đề. - Luôn quan tâm, yêu thương, chia sẻ, nhìn nhận mọi việc bằng trái tim đồng cảm.
- Nhận thức và hành động của bản thân.	Cần tỉnh táo, phân biệt tốt/ xấu khi chịu ảnh hưởng của hiệu ứng đám đông.
3. Kết đoạn: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	Hãy biết khai thác mặt tích cực từ hiệu ứng đám đông một cách thông minh nhưng cần phải sống luôn là chính mình..

Đề 4: Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề đặt ra trong văn bản đọc hiểu: “Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực?”

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Có lẽ cụm từ “sống ảo” đã không còn xa lạ thậm chí quá quen thuộc và trở thành thói quen của xã hội, đặc biệt là các bạn trẻ. Nhưng hiện nay hiện tượng này càng có xu hướng phát triển thái quá và dường như có những hệ lụy tiêu cực. Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực?
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	“Sống ảo” là khái niệm chỉ cách sống trong hoang tưởng, không đúng với thực tại bản thân hay cố ý tự tô vẽ cho mình một cuộc sống tốt đẹp, hoàn hảo trong mắt người khác mà cuộc sống đó khác với thực tại.
- Thực trạng	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện: “Sống ảo” thường thể hiện rõ nhất qua các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram,... - Hiện tượng sống ảo xuất hiện tràn lan dưới nhiều hình thức. <ul style="list-style-type: none"> + Các bạn trẻ có thể kết bạn, nói chuyện, tâm sự những điều thầm kín hay thậm chí là yêu đương với những người mới biết qua mạng xã hội dù chưa hề gặp mặt. + Họ còn dùng mạng xã hội như công cụ để khoe khoang những thứ không có thực của bản thân như giàu có, danh tiếng, ... + Sống ảo còn là gây sự chú ý, khiến mình nổi tiếng bằng những nội dung không lành mạnh hay bịa đặt hay thường xuyên trở thành “anh hùng bàn phím”, dùng lời nói hoa mỹ, tỏ ra mình văn minh, nhân ái,...
- Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Các bạn trẻ chưa ý thức được giá trị của bản thân - Một số bạn trẻ sống không có lí tưởng, mục đích, chạy theo

	những thú vui phì phiếm. - Sự lan tràn của các trang mạng xã hội.
- Hậu quả	- Cách sống này tạo ra một thế hệ chìm đắm trong ảo vọng, thích khoe khoang, dối trá, chỉ cố tô vẽ cho hình ảnh bản thân bằng những thứ không tồn tại, phớt lờ cuộc sống thực tế. - Khi trút bỏ vẻ ngoài hào nhoáng trở về cuộc đời thực, họ lạ lẫm, không xác định được hướng đi của chính mình, làm phân tán, ảnh hưởng đến học tập và lao động cũng như các mối quan hệ thực. - Sự tăng chóng mặt của các trang mạng xã hội, sức hút của những nút “like”, những lời ca tụng ảo khiến “sống ảo” trở thành căn bệnh khó chữa, ảnh hưởng đến nhân cách, tinh thần của giới trẻ.
- Giải pháp	- Mỗi chúng ta cần tự ý thức sao cho việc sử dụng mạng xã hội hay công nghệ một cách phù hợp. - Phải nhìn nhận, đánh giá đúng bản thân và hiện thực cuộc sống, không chạy theo xu hướng. - Những mối quan hệ trên mạng có thể đúng đắn nếu ta biết cân bằng, hài hòa với cuộc sống thực tại. - Hãy chủ động thay đổi, điều chỉnh lại cách sống. - Công nghệ là con dao hay lưỡi, nếu biết cách sử dụng đó sẽ là công cụ vô cùng hiệu quả nhưng chỉ cần nhìn nhận sai nó sẽ là con dao giết chết tâm hồn bạn.
- Nhận thức và hành động của bản thân.	- Sống thực tế, có mục đích. - Biết giành thời gian vào những công việc hữu ích.
3. Kết đoạn: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	Mỗi chúng ta hãy học tập thật tốt để trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đắm chìm trong thế giới ảo sẽ khiến chúng ta bỏ lỡ đi những giá trị thực của cuộc sống. Vì thế, hãy bước ra khỏi thế giới ảo để khám phá cuộc sống muôn màu muôn vẻ các bạn nhé!

Đề 5: Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề đặt ra tron văn bản đọc hiểu: “*Sống ở thế chủ động*”

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Có ai trên đời này lại không muốn tự quyết định cuộc đời mình? Có ai muốn nhất nhất nghe theo sự chỉ huy của người khác? Muốn thế chỉ có cách ta phải “sống ở thế chủ động”.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Chủ động- có thể được hiểu là tự mình lập kế hoạch, thực hiện, và chịu trách nhiệm với mọi vấn đề trong cuộc sống mà không chịu sự chi phối bởi hoàn cảnh bên ngoài.

- Thực trạng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều bạn trẻ sống thụ động, phụ thuộc vào cha mẹ - Trong học tập, không cố gắng mà trông chờ vào các bạn khác. - Bài tập về không tự giải quyết mà chỉ chăm chăm chép trên mạng.
- Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Do được nuông chiều. - Thiếu kĩ năng sống. - Thiếu ý chí.
- Vai trò	<p>- Có thể ví cuộc sống mỗi chúng ta như một chặng đường, thì chủ động chính là chúng ta biết được hướng đi, tốc độ, điểm dừng, đích đến, chính vì thế mà người chủ động thường dễ thành công hơn.</p> <p>(- Chỉ có sống trong thể chủ động, Bác mới hướng mình sang phương Tây, để tìm hiểu cuộc sống nhân dân bên đó, để tìm ra con đường cứu nước cứu dân.</p> <p>- Chỉ có sống và làm chủ bản thân, Bill Gate hay Mark mới bỏ ngang trường đại học danh giá nhất nước Mỹ để thực hiện ước mơ của mình.</p> <p>- Và cũng chỉ có thể chủ động, bất cứ ai trong chúng ta mới có thể sẵn sàng đối diện với sóng gió.</p>
- Giải pháp	<p>Cuộc sống luôn đặt tuổi trẻ vào những tình huống, thử thách phải chủ động tìm cách giải quyết;</p> <p>+ Sống chủ động khiến con người tự tin, bản lĩnh, linh hoạt ứng xử trong mọi tình huống để vượt qua khó khăn, hoàn thành mục tiêu, khát vọng, ước mơ;</p> <p>+ Tuổi trẻ chủ động sẽ không ngừng tạo được cơ hội mới khẳng định bản thân, đạt được thành công;</p> <p>+ Xã hội có nhiều cá nhân sống chủ động sẽ tạo ra một bầu không khí dám nghĩ, dám làm, nâng cao chất lượng công việc và cuộc sống. (D/c minh họa)</p> <p>+ Cần phê phán những bạn trẻ sống dựa dẫm, thiếu tự tin, thụ động: Sống ở thể chủ động cần thiết trong môi trường xã hội hôm nay, là một thái độ tích cực của tuổi trẻ trong thời đại toàn cầu hóa, đặc biệt không thể thiếu đối với công dân toàn cầu.</p>
- Nhận thức và hành động của bản thân.	<p>- Thế hệ thanh niên của chúng ta ngày hôm nay không thể bị động như thế, không thể đóng vai “hành khách” trên chuyến xe mà người khác cầm lái.</p> <p>- Luôn cầu tiến, ham học hỏi, rèn luyện và chuẩn bị hành trang cần thiết cho chuyến đi của mình. - Chủ động nhưng không liều lĩnh, chủ động cân tĩnh táo, tham khảo ý kiến mọi người, hạn chế mức thấp nhất sai lầm, thất bại, sẵn sàng đối diện với khó khăn.</p>
3. Kết đoạn: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	<p>Tuổi trẻ cần tự tin, dám nghĩ, dám làm, chủ động sáng tạo tìm kiếm những cơ hội và xây dựng kế hoạch để chinh phục ước mơ.</p>

Đề 6: Trong cuộc sống hiện nay, nhiều bạn trẻ không xác định được mục tiêu trong học tập và công việc. Hãy viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ của em về kỹ năng xác định mục tiêu.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Trong xã hội, có người đạt được thành công, nhưng cũng có những người suốt đời lao đao, lận đận không làm được chuyện gì nên hồn. Chính vì thế cho nên chúng ta cần phải xác định mục tiêu cho mình để đạt được những thành công nhất trong cuộc sống.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Kỹ năng xác định mục tiêu là: kỹ năng định hướng, chủ động nắm bắt được tình hình và xác định mục đích, từ đó lên kế hoạch để thực hiện và đạt kết quả.
- Thực trạng	- Nhiều bạn trẻ sống không có mục tiêu cụ thể, không biết mình nên làm gì và làm như thế nào?
- Nguyên nhân	- Do thiếu sự định hướng của cha mẹ - Do bản thân không có kỹ năng sống và mục đích sống.
- Vai trò:	- Khi có kỹ năng xác định mục tiêu, bạn sẽ chủ động vạch ra kế hoạch, chiến lược để đạt kết quả cao trong công việc. - Không rơi vào tình trạng mơ hồ, bế tắc, chán nản. - Cuộc đời của mỗi người là một hành trình dài. Phải đề ra cái đích cho từng giai đoạn và cho cả cuộc đời mình. Đó là động lực để bản thân chúng ta phấn đấu đạt được
- Giải pháp	- Sống cần phải có mục tiêu, vì có mục tiêu thì ta mới có một hướng đi đúng cho cuộc đời mình. - Có mục đích trước mắt, có mục đích lâu dài. Tùy theo điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, mỗi người có mục đích sao cho phù hợp. - Xác định mục tiêu phải đi liền với hành động thực hiện mục tiêu. - Mục tiêu xác định cần có cơ sở không phải là mục tiêu mơ hồ, ảo tưởng.
- Nhận thức và hành động của bản thân.	- Đối với mỗi công việc cần đặt ra mục tiêu và thực hiện bằng được mục tiêu đề ra. - Cần vạch ra mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài.
3. Kết đoạn: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	Trong cuộc đời của một người, thảm họa lớn nhất là không biết mình đang đi về đâu. Vì vậy, mỗi người tồn tại cần có mục tiêu và mục tiêu đó phải xứng đáng.

Đề 7: Trình bày suy nghĩ của em em (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về nạn bạo lực học đường.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới	Bạo lực học đường đã và đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng trong trường học hiện nay, nó gây ảnh hưởng đến tâm lý
---------------------------------------	---

thiệu vấn đề)	chung và sự phát triển chung của học sinh.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Bạo lực học đường: vấn nạn nan giải trong các nhà trường. Học sinh có những hành vi, lời nói, cách ứng xử vi phạm những chuẩn mực đạo đức, làm ảnh hưởng, gây tổn thương về sức khỏe cũng như tinh thần của học sinh khác.
- Thực trạng	Thực trạng : diễn ra phổ biến. - Học sinh vì mâu thuẫn mà dẫn đến lời qua tiếng lại, thậm chí đánh nhau. - Học sinh hạ nhục bạn bằng nhiều thủ đoạn không có đạo đức: xúc phạm nhân phẩm, lột đồ, quay clip đăng lên mạng xã hội,...
- Nguyên nhân	- Khách quan: do ảnh hưởng của internet, các trò chơi điện tử, tệ nạn xã hội,... - Chủ quan : Bản thân học sinh không có nhận thức đúng đắn, không bình tĩnh để xử lý tình huống,...
- Hậu quả	- Làm tổn hại về sức khỏe, tinh thần người khác. - Gây mất đoàn kết, trật tự, mất khung cảnh sư phạm nơi trường học. - Ảnh hưởng đến kết quả, chất lượng giáo dục của nhà trường, gia đình, bạn thân học sinh. - Học sinh đánh mất giá trị nhân cách, đạo đức, trở thành công dân tiêu cực,...
- Giải pháp	- Cần có sự phối hợp chặt chẽ của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc giáo dục học sinh. - Phải tỉnh táo khi sử dụng mạng xã, khi xử lý tình huống tránh xung đột, hiểu nhầm.
- Nhận thức và hành động của bản thân.	Cần nhận thức đúng đắn về vấn nạn bạo lực học đường. Cần sống có lí tưởng, sống với trái tim đạo đức và đầy sự yêu thương, chung tay cùng với gia đình, nhà trường và toàn xã hội đẩy lùi bạo lực ra khỏi học đường, hãy diệt trừ tận gốc mầm mống đầu tiên bằng cách răn đe và xử phạt thật nghiêm minh.
3. Kết đoạn: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	Mỗi bạn học sinh cần ý thức được trách nhiệm và thái độ của mình trong học tập, cần rèn luyện về cả mặt thể chất lẫn đạo đức để tránh những sự cố đáng tiếc và để tương lai của các em tươi sáng hơn.

II. NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÝ:

1. Khái niệm:

Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của con người.

2. Đặc điểm:

** Những vấn đề tư tưởng, đạo lý thường được thể hiện:*

- Qua những câu ca dao, tục ngữ, câu danh ngôn của các danh nhân.

Ví dụ: Tục ngữ Nga có câu: đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học. Hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ trên.

- Qua những câu nói ngắn gọn, đậm chất triết lí.

Ví dụ: khoan dung là đức tính đem lời về cho cả ta lẫn người khác. Hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu nói trên.

*** Những vấn đề thường đưa vào đề thi:**

- Vấn đề nhận thức: lý tưởng, mục đích sống.

- Vấn đề đạo đức, tâm hồn, tính cách, lòng nhân ái, vị tha, dũng cảm, chăm chỉ, thói ba hoa, ích kỷ...

- Vấn đề quan hệ gia đình: Tình mẫu tử, tình anh em...

- Vấn đề quan hệ xã hội: tình thầy trò, tình bạn...

3. Hướng dẫn cách làm:

a. Mở đoạn:

Sử dụng một đến hai câu để dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận. (Nếu vấn đề được đưa ra từ một tác phẩm văn học thì cần giới thiệu từ tác phẩm rồi khái quát vấn đề trong xã hội)

b. Thân đoạn:

- Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng; giải thích khái niệm, trên cơ sở đó cắt nghĩa nội dung vấn đề.

- Nêu những biểu hiện của vấn đề trong cuộc sống.

- Đánh giá vấn đề: đúng- sai, đóng góp- hạn chế của vấn đề)

- Mở rộng vấn đề: Trình bày được vì sao phải thực hiện đạo lý đó.(Nếu thực hiện thì có lợi ích gì? Không thực hiện sẽ có hậu quả gì?)

- Bài học nhận thức và hành động: Phải làm gì để thực hiện đạo lý đó (mọi người và bản thân em)

c. Kết đoạn: khẳng định vấn đề.

Đề luyện tập:

Đề 1: Viết đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về tư tưởng:

“Hạnh phúc như bầu trời này vậy

Không chỉ dành cho một riêng ai”

(Trích trong bài thơ “Tự sự” của nhà thơ Lưu Quang Vũ)

Đề 2: Trong cuộc sống, ai cũng cần có một người bạn. Nhưng, thế nào là một tình bạn đẹp? Em hãy trả lời câu hỏi ấy bằng một đoạn văn nghị luận 200 chữ.

Đề 3: Viết bài văn nghị luận khoảng 200 chữ về giá trị của lời nói trong cuộc sống.

Đề 4: Trình bày suy nghĩ của em (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về sức mạnh của niềm hy vọng trong cuộc sống.

Đề 5: Viết bài văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về lòng vị tha trong cuộc sống.

Đề 6: Hãy viết một bài văn (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng biết ơn của giới trẻ hiện nay.

Đề 7: Viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về nghị lực, bản lĩnh trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Đề 8: Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc xác định giá trị bản thân trong cuộc sống.

Đề 9: Trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn khoảng 200 chữ về chủ đề: hạnh phúc gia đình.

Đề 10: Trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn khoảng 200 chữ về tinh thần lạc quan.

Đề 11: Trình bày ý kiến của em bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ về vấn đề: “*Sự tự tin của con người trong cuộc sống*”.

Đề 12: Viết bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày ý kiến của anh/chị về câu nói sau đây của nhà văn Nga Lep Tôn-xtôi: “*Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống*”.

Hướng dẫn làm bài:

* Yêu cầu chung:

- Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận xã hội, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản.
- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác đáng, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.
- Học sinh có thể đưa ra các quan điểm, suy nghĩ riêng nhưng cần có lý lẽ thuyết phục, tránh những suy nghĩ tiêu cực.

* Yêu cầu cụ thể: (theo dàn ý)

Đề 1: Viết đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về tư tưởng: “Hạnh phúc như bầu trời này vậy / Không chỉ dành cho một riêng ai” trích trong bài thơ “Tự sự” của nhà thơ Lưu Quang Vũ.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	<p>- Trong cuộc sống, mỗi chúng ta đều có một mục tiêu, một ước mơ để theo đuổi. Nhưng có lẽ, khát vọng lớn lao nhất đó chính là “Hạnh phúc”.</p> <p>- Và nhà thơ Nguyễn Quang Vũ đã dành ngòi bút của mình để viết nên những lời nhắn gửi ý nghĩa “Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy - Không chỉ dành cho một riêng ai” – một thông điệp nhẹ nhàng mà sâu sắc về hạnh phúc.</p>
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Quan niệm “Hạnh phúc như bầu trời” chính là muốn nhấn mạnh hạnh phúc là món quà của thượng đế dành cho cả nhân loại và vạn vật trên thế giới.
- Biểu hiện	<p>- Hạnh phúc luôn bao bọc quanh chúng ta:</p> <p>+ Có một mái ấm gia đình, có cha mẹ, anh chị em để yêu thương.</p> <p>+ Được ăn no, mặc ấm</p> <p>+ Được cắp sách tới trường.</p> <p>+ Đôi khi, nhìn thấy một bông hoa đẹp hay nhận được một nụ cười của người bạn mới quen... cũng làm ta hạnh phúc.</p>

	- Càng nhiều người hạnh phúc, bầu trời chung ấy càng rộng lớn. Và ta sẽ càng gần bầu trời ấy hơn khi ta biết vươn lên và cố gắng.
- Đánh giá: vai trò, giá trị.	- Hạnh phúc có trong những điều vô cùng giản dị: Một sức khỏe tốt, có tiền bạc, có công việc ổn định, có gia đình tốt và có người để yêu thương... cho nên ta phải biết trân trọng những điều nhỏ nhất. - Người hạnh phúc thực sự là người biết cân bằng và san sẻ. - Biết cho đi, biết giúp đỡ người khác thì hạnh phúc sẽ tự tìm đến tâm chúng ta. - Khi được cho đi, nhìn thấy nụ cười, niềm vui của những người nhận lại, đó chính là giây phút hạnh phúc nhất.
- Mở rộng	- Hạnh phúc đến từ những điều giản dị, ta không được coi thường. - Phê phán những người không biết trân trọng hạnh phúc do người khác mang lại.
- Bài học nhận thức và hành động.	- Luôn biết quan tâm, yêu thương đến những người xung quanh. - Phải biết cho đi để nhận lại những hạnh phúc.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Hạnh phúc là tình cảm vô cùng thiêng liêng, mỗi chúng ta cần phải cố gắng nỗ lực để có được niềm hạnh phúc chọn vẹn cho mình và người thân.

Đề 2: Trong cuộc sống, ai cũng cần có một người bạn. Nhưng, thế nào là một tình bạn đẹp? Em hãy trả lời câu hỏi ấy bằng một đoạn văn nghị luận 200 chữ.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Có câu: “ Cuộc đời mất đi tình bạn cũng giống như thế giới mất đi mặt trời”. Tình bạn là thứ tình cảm đẹp, có ý nghĩa rất lớn đối với cuộc đời mỗi con người.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Tình bạn là mối quan hệ tình cảm giữa những người cùng sở thích, cùng lý tưởng, cùng môi trường sống, học tập, làm việc.
- Biểu hiện	- Tình bạn đẹp là tình bạn luôn yêu thương, quan tâm, kề vai sát cánh bên nhau, kể cả lúc gặp khó khăn. - Luôn hiểu nhau, chia sẻ niềm vui nỗi buồn với nhau. - Chân thành, chung thủy, không bao giờ phản bội. - Không rủ rê, lôi kéo nhau vào những việc làm xấu.
- Đánh giá: vai trò, giá trị.	- Tình bạn chân thành sẽ tạo nên những người bạn chân thành, luôn sẵn sàng giúp đỡ, bên cạnh trong lúc gặp khó khăn, thử thách. - Một người bạn thực sự là người có thể sẻ chia, tâm sự những vui buồn. - Bạn là người sẽ góp ý khi ta mắc lỗi lầm để hoàn thiện và thay đổi bản thân. - Tình bạn thực sự sẽ vượt lên trên ranh giới về vật chất, giai

	cấp, tầng lớp. - Cuộc sống của chúng ta sẽ cô đơn, buồn chán khi không có bạn.
- Mở rộng	- Phê phán những người không biết quý trọng tình bạn, bỏ rơi bạn bè lúc khó khăn hoặc lợi dụng bạn bè để trục lợi cho bản thân.
- Bài học nhận thức và hành động.	Làm thế nào để xây dựng tình bạn đẹp: - Luôn có tình cảm chân thành, thẳng thắn, không gian dối, không lợi dụng. - Tôn trọng bản thân và tôn trọng bạn, khích lệ động viên, thẳng thắn góp ý khi cần thiết. - Sẻ chia, động viên khi bạn gặp khó khăn,...
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Tình bạn luôn là thứ tình cảm đặc biệt cần thiết và quan trọng trong cuộc đời mỗi người, đặc biệt các bạn học sinh, những người bạn là người đồng hành quan trọng không thể thiếu. Mỗi người hãy cố gắng xây dựng những tình bạn thật đẹp và tuyệt vời cho riêng mình bằng sự chân thành, bằng tấm lòng thật tốt.

Đề 3: Viết bài văn nghị luận khoảng 200 chữ về giá trị của lời nói trong cuộc sống.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Giới thiệu vai trò của lời nói trong cuộc sống: Lời nói có vai trò vô cùng quan trọng: tạo lập cuộc giao tiếp, điều khiển, tạo nên sự thành công của cuộc giao tiếp, phản ánh trình độ, phẩm chất, văn hóa người nói.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Từ rất lâu trong lịch sử nhân loại, ngôn ngữ đã được hình thành qua quá trình lao động sản xuất, chinh phục thiên nhiên, xây dựng mối quan hệ cộng đồng. Con người dùng ngôn ngữ để bày tỏ tư tưởng tình cảm của bản thân với những người xung quanh. Từ đó, loài người hiểu và thêm yêu thương gắn bó với nhau.
- Biểu hiện	Trong ca dao có nhiều câu đề cập đến vấn đề lời nói: Chim khôn kêu tiếng rảnh rang Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe Kim vàng ai nỡ uốn câu Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.
- Đánh giá: vai trò	- Là phương tiện kết nối vô cùng quan trọng: chia sẻ thông tin, nâng đỡ tinh thần, an ủi khi buồn, chia sẻ khi vui. - Những sức mạnh tinh thần mà lời nói đem lại sẽ giúp con người chúng ta vượt qua nhiều thử thách, có thể học tập, lao động, sáng tạo tốt hơn, gặt hái nhiều thành tựu hơn.

	<p>- Trong khoa học, lời nói giúp chuyển tải các quan điểm nghiên cứu để khoa học được tiếp thu, phát triển.</p> <p>- Trong công việc, lời nói là cách thức trao đổi làm việc nhóm, góp ý, động viên nhau; trong đời thường, lời nói là sự bày tỏ yêu thương, chia sẻ cùng nhau.</p>
- Mở rộng	<p>Những lời nói hay ý đẹp: khen ngợi, khuyến khích, động viên, chia sẻ có tác dụng tích cực trong việc mang lại điều tốt đẹp cho người nghe, giúp xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp, xã hội văn minh.</p> <p>+ Những lời nói chê bai, dèm pha, nói xấu, nói móc,... sẽ mang lại những hậu quả tiêu cực cho người nghe, dẫn đến những hiểu nhầm, mâu thuẫn không đáng.</p> <p>+ Phân biệt lời nói tiêu cực từ bản chất và những lời nói thẳng thắn xuất phát từ sự chân thành người "khẩu xà tâm phật".</p>
- Bài học nhận thức và hành động.	Cần chú ý lời ăn tiếng nói bởi lời nói ra rất khó lấy lại, đừng để lời nói làm tổn thương người khác.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Có lẽ bao giờ con người còn hiện diện trên mặt đất này thì cũng không thể thiếu được vai trò của lời nói, để gắn kết và yêu quý nhau hơn. Người Việt chúng ta yêu quý tiếng mẹ đẻ, quyết tâm gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt. Mà muốn gìn giữ sự trong sáng đó, trước tiên, chúng ta cần học cách sử dụng lời nói thật đúng đắn, thật hay.

Đề 4: Trình bày suy nghĩ của em (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về sức mạnh của niềm hy vọng trong cuộc sống.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Cuộc sống nhiều thử thách, nếu chỉ có bản lĩnh, lòng dũng cảm không thôi thì chưa đủ, bạn phải có sự lạc quan, niềm tin và nhất là hi vọng.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Hi vọng là niềm tin, mơ ước và những điều tốt đẹp xảy đến trong tương lai.
- Biểu hiện	<p>- Luôn lạc quan, yêu đời, không gục ngã trước bất kì khó khăn, thử thách nào.</p> <p>- Có ý chí, nghị lực để đối mặt và vượt qua những khó khăn.</p> <p>- Tinh táo để tìm những lời giải cho những bài toán mà cuộc sống đặt ra cho chúng ta. Không rối rắm, mất niềm tin.</p> <p>- Biết truyền niềm tin, niềm lạc quan cho người khác và cho cộng đồng.</p>
- Đánh giá: đúng- sai	<p>Vai trò của hy vọng trong cuộc sống:</p> <p>+ Hi vọng giúp con người vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.</p> <p>+ Hi vọng có vai trò quan trọng, giúp con người sống có mục tiêu, lạc quan, biết tin tưởng vào tương lai tốt đẹp.</p>

	<p>+ Hi vọng khiến cho con người sống tích cực, không rơi vào trạng thái chán nản, bế tắc, bi quan.</p> <p>+ Hi vọng nhưng cần gắn với thực tiễn chứ không phải là hi vọng viễn vông.</p>
- Mở rộng	Phê phán người sống không có hi vọng, ước mơ.
- Bài học nhận thức và hành động.	<p>- Cần phải rèn luyện chính là không ngừng học hỏi, lắng nghe, hợp tác, tu dưỡng phẩm chất và trau dồi những năng lực của bản thân.</p> <p>- Khi gặp thử thách, khó khăn, ta cần phải luôn nêu cao bản lĩnh, không được đánh mất hi vọng.</p>
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Niềm hi vọng thực sự là một món quà quý giá của con người và cũng chính niềm hi vọng sẽ giúp cho con người ta vượt lên trên tất cả để có được thành công. Bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu vấp ngã sẽ ở phía sau lưng bạn nếu như bạn có được niềm hi vọng và duy trì những khát vọng trong cuộc sống.

Đề 5: Viết bài văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về lòng vị tha trong cuộc sống.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Vị tha : Có tinh thần chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác, có thể vì người khác mà hi sinh lợi ích cá nhân của mình ("Từ điển Tiếng Việt" - Hoàng Phê chủ biên)
- Biểu hiện	Lòng vị tha là sống vì người khác, yêu thương, sẻ chia, cảm thông với những nỗi đau, tình cảm của người khác và chính mình, biết tha thứ cho những lỗi lầm của người khác.
- Vai trò	<p>Là phẩm chất cao quý của con người:</p> <p>- Lòng vị tha giúp con người biết quan tâm, chia sẻ, sống vì người khác khiến mọi người trở nên gần gũi, gắn bó, đoàn kết hơn.</p> <p>- Lòng vị tha khiến cho tâm hồn trở nên lạc quan, an nhiên, phong phú luôn hướng đến những điều tốt đẹp.</p> <p>- Lòng vị tha khiến con người không còn sống thờ ơ, vô cảm, ích kỷ, biết tha thứ cho những lỗi lầm của người khác và chính mình khiến tâm hồn trở nên thanh thản , bình yên.</p> <p>- Người giàu lòng vị tha sẽ nhận được sự chân trọng từ mọi người.</p>
- Mở rộng	Tuy nhiên, vị tha không phải là dung túng cho cái ác, những điều vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật; không nên để kẻ xấu lợi dụng dẫn đến hậu quả đáng tiếc.
- Bài học nhận	- Cần hành động và cảm thông cho người khác

thức và hành động.	- Chúng ta cần phải học hỏi và rèn luyện bản thân có những phẩm chất tốt đẹp.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Lòng vị tha chính là chất xúc tác giúp bạn xóa bỏ cảm giác tiêu cực. Tha thứ đem đến cho chúng ta sự bình an và là nền tảng xây dựng nên mối quan hệ tốt đẹp. Tha thứ là cách giúp bạn chữa lành vết thương tâm hồn và làm cho bạn cảm thấy hạnh phúc hơn.

Đề 6: Hãy viết một bài văn (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng biết ơn của giới trẻ hiện nay.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Lòng biết ơn là một trong những đạo lý con người rất quý báu của nhân dân ta. Ông bà ta từ bao đời nay đã luôn cố gắng lưu truyền và phát huy tinh thần “ uống nước nhớ nguồn” cho biết bao thế hệ con cháu.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Lòng biết ơn là gì? Đó chính là tình cảm, sự chân thành được dành cho những người đã có công giúp đỡ, chăm sóc mình trong mọi hoàn cảnh, dù trong lúc vui vẻ hay hoạn nạn.
- Biểu hiện	<p>- Khi đất nước ta trải qua bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, có biết bao nhiêu người dân, anh hùng đã hi sinh thân mình để đóng góp xây dựng đất nước. Chính vì lẽ đó, những thế hệ sau luôn được dạy dỗ cần tỏ lòng biết ơn đến những người mẹ việt nam anh hùng, đến những người lính cách mạng.</p> <p>- Lòng biết ơn còn được thể hiện trong cuộc sống đời thường.</p> <p>+ Một lời cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ từ người khác.</p> <p>+ Mang về những điểm mười, những lời khen để giành tặng cha mẹ là ta đã biết tỏ lòng biết ơn đến sự nuôi dưỡng giáo dục của cha mẹ thầy cô.</p> <p>+ Khi lớn lên, trưởng thành, bổn phận của con cái là phải biết chăm sóc cha mẹ lúc về già, ốm đau bệnh tật. Hay việc có thể trở thành những con người thành công, có công ăn việc làm ổn định là ta cũng cần biết ơn đến công sức truyền dạy của thầy cô.</p> <p>Hiện nay có nhiều ngày lễ lớn thể hiện lòng biết ơn: Ngày 27/7, 20/10, 8/3,...</p>
- Vai trò, ý nghĩa	<p>- Xây dựng nếp ứng xử có văn hóa, lễ nghĩa, giúp gia đình hạnh phúc, xã hội văn minh.</p> <p>- Giáo dục nhân cách con người, dạy con người biết tri ân, ghi nhớ, hướng con người đến những giá trị đạo đức tốt đẹp.</p> <p>Người có lòng biết ơn sẽ luôn thấy tâm hồn thanh thản, nhận được sự tôn trọng từ mọi người.</p>
- Mở rộng	Phê phán những người không có lòng biết ơn

- Bài học nhận thức và hành động.	- Vâng lời, kính trọng, biết ơn ông bà, cha mẹ, những người giúp đỡ mình. - Thể hiện lòng biết ơn bằng việc cố gắng học tập, rèn luyện đạo đức, nhân cách.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Lòng biết ơn là một phẩm chất đạo đức đáng quý của con người. Biết sống sao cho trọn vẹn với những người có công giúp đỡ, nuôi nấng mình, chắc chắn bạn sẽ nhận lại được những điều tốt đẹp hơn nữa trong cuộc sống.

Đề 7: Viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về nghị lực, bản lĩnh trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Nguyễn Bá Học đã có câu châm ngôn: "Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông". Trong cuộc sống, nếu như chúng ta không có bản lĩnh, ý chí và nghị lực để vượt qua thì mãi mãi chúng ta sẽ không thoát khỏi cái hố sâu đó. Như vậy, bản lĩnh có vai trò quan trọng làm nên sự tồn tại của một con người.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Thế nào là nghị lực, bản lĩnh trong cuộc sống: lối sống, dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn thử thách, sẵn sàng vượt qua.
- Biểu hiện	- Người có nghị lực, bản lĩnh sống là người dù trong hoàn cảnh nào cũng bình tĩnh, kiên cường, nỗ lực hết sức mình để chèo lái con thuyền của đời mình đi đúng hướng. - Dám nghĩ, dám làm. - Khi chúng ta có ước mơ hoài bão, chúng ta có thể nỗ lực theo đuổi ước mơ của chính mình để hiện thực hóa ước mơ của mình đó cũng chính là bản lĩnh sống.
- Vai trò, ý nghĩa.	- Nghị lực giúp con người trở nên cứng cỏi, không nhụt nhục trước khó khăn, không hèn kém, tự ti. - Rèn luyện thói quen chủ động, sống có lập trường, năng lực lãnh đạo, đạt được thành công trong công việc và cuộc sống. - Là nguồn sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn, bế tắc, tự tin và sống lạc quan hơn.
- Mở rộng	- Bản lĩnh sống của chúng ta cần phải được phát huy đúng lúc. Trước cái xấu, phải biết cách từ chối. - Phê phán những người không có nghị lực, luôn chán nản và tự tin trong cuộc sống. - Phân biệt cách sống bản lĩnh với cách sống mạo hiểm, bất chấp gây hại cho bản thân và xã hội.
- Bài học nhận thức và hành động.	Là một học sinh bản lĩnh sống của chúng ta là việc nói không với gian lận, quay cóp trong thi cử dù thầy cô có người dễ người khó. Nhưng ngay cả khi có cơ hội gian lận chúng ta cũng không làm như vậy thì đó chính là bản lĩnh của một người học

	sinh.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Khi chúng ta có bản lĩnh sống vững vàng chúng ta có thể làm chủ bản thân trước những khó khăn thử thách của cuộc sống, dám nghĩ dám làm biến ước mơ của mình thành hiện thực. Đấu tranh chống lại những cái xấu, cái ác, những thứ tiêu cực tồn tại trong xã hội. Những người sống bản lĩnh luôn được người khác tôn trọng, yêu quý và kính nể là tấm gương sáng để người khác trông vào noi theo.

Đề 8: Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc xác định giá trị bản thân trong cuộc sống.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Mọi người trong chúng ta khi sinh ra đều có giá trị bản thân. Thế mà rất nhiều người trong chúng ta không kiên định sống bởi các giá trị của mình.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Giá trị bản thân: là những thế mạnh, khả năng, năng lực của bản thân mình trong công việc hoặc cuộc sống.
- Biểu hiện	Xác định được giá trị bản thân: nhận thức, đánh giá và biết trân trọng những thế mạnh của mình.
- Đánh giá: vai trò	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự tự tin, chủ động trong cuộc sống, từ đó có thể đạt được sự thành công. - Không rơi vào tâm trạng tự ti, chán nản, bế tắc, không định hướng được cuộc sống. - Người có lập trường, không bị ảnh hưởng bởi người khác, nhận được sự tôn trọng từ mọi người.
- Mở rộng	<ul style="list-style-type: none"> - Phê phán những người không xác định được giá trị bản thân, không cố gắng để xây dựng giá trị bản thân dẫn đến những hậu quả không đáng có. - Xác định giá trị bản thân nhưng không được tự kiêu thái quá mà phải khiêm tốn.
- Bài học nhận thức và hành động.	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn tự tin, chủ động trong cuộc sống. - Trau dồi đạo đức và kiến thức. - Người có lập trường, không bị ảnh hưởng bởi người khác.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Hiểu được giá trị bản thân là gì, bạn sẽ có cách khám phá và nuôi dưỡng chúng thành nét đặc trưng của mình.

Đề 9: Trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn khoảng 200 chữ về chủ đề: hạnh phúc gia đình.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Mỗi gia đình là một tế bào của xã hội. Gia đình càng hạnh phúc, xã hội càng văn minh. Sở hữu một gia đình hạnh phúc là niềm khát khao mong mỏi của mỗi con người trong xã hội.
2. Thân đoạn:	

- Giải thích	<p>- Gia đình là nơi chúng ta sinh ra và lớn lên, nơi có những người thân ruột thịt.</p> <p>- Hạnh phúc gia đình là niềm vui sướng mãn nguyện của con người trong cuộc sống gia đình, là động lực tinh thần to lớn cho mỗi thành viên trong gia đình, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.</p>
- Biểu hiện	<p>- Các thành viên trong gia đình luôn quan tâm, thương yêu, thông cảm, san sẻ với nhau.</p> <p>- Gia đình là điểm tựa, bến đỗ của mọi thành viên trong gia đình.</p>
- Đánh giá: đúng- sai	<p>Giá trị của hạnh phúc gia đình:</p> <p>- Người có hạnh phúc gia đình là người nhận được tình yêu thương, sự bao bọc, chở che của người thân.</p> <p>- Là chỗ dựa vững chắc cho chúng ta, là động lực giúp ta vượt qua những khó khăn.</p> <p>- Là nguồn sức mạnh giúp ta vực dậy sau thất bại, khiến cuộc sống trở nên bình yên.</p>
- Mở rộng	<p>- Luôn giữ gìn, trân trọng hạnh phúc gia đình</p> <p>- Phê phán những người không biết trân trọng hạnh phúc gia đình.</p>
- Bài học nhận thức và hành động.	Trân trọng, yêu thương, luôn quan tâm, sẻ chia với những người thân yêu trong gia đình, biết ơn và phụng dưỡng ông bà, cha mẹ; hòa thuận với anh chị em.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Xây dựng một gia đình hạnh phúc là vô cùng quan trọng, là trách nhiệm của mỗi chúng ta- đặc biệt là thế hệ bạn trẻ- nền tảng của gia đình, của xã hội tương lai.

Đề 10: Trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn khoảng 200 chữ về tinh thần lạc quan.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Lạc quan là một thái độ sống vô cùng quan trọng góp phần tạo nên một cuộc sống tốt đẹp đối với tất cả mọi người.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Lạc quan: lối sống yêu đời, luôn nhìn cuộc đời ở phương diện tích cực, luôn hướng đến lối sống lành mạnh, tương lai tốt đẹp.
- Biểu hiện	<p>- Không lo lắng thái quá, tinh thần luôn thoải mái dù khó khăn cận kề.</p> <p>- Khi thất bại, vẫn giữ tinh thần vui vẻ và có quyết tâm vượt qua nó.</p>
- Đánh giá: đúng- sai	<p>Giá trị của tinh thần lạc quan:</p> <p>- Lạc quan khiến con người trở nên khỏe khoắn, có niềm tin vào hiện tại và</p>

	<p>tương lai, có cơ hội tận hưởng những niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lạc quan giúp con người vượt lên những thất bại, khó khăn, đạt được những mục tiêu đã đề ra. - Người lạc quan luôn thấy tâm hồn thanh thản, nhận được sự yêu mến, trân trọng từ người khác.
- Mở rộng	Tuy nhiên, lạc quan không phải là sống ảo tưởng, mơ mộng hão huyền mà phải gắn với thực tế.
- Bài học nhận thức và hành động.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc gì, dù khó khăn tới đâu ta vẫn tin vào những điều tốt đẹp ở phía trước. - Khi gặp thất bại không bỏ cuộc, không chán nản. - Quan tâm giúp đỡ người khác.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Sống lạc quan giúp cho con người ta thêm yêu đời, yêu cuộc sống, vượt qua mọi khó khăn của cuộc đời. Người sống lạc quan luôn nhìn cuộc đời bằng cặp mắt yêu thương, đó chính là lí do họ gắn bó với cuộc sống. sống lạc quan giúp ta luôn nhìn về tương lai, mong muốn một tương lai tốt đẹp.

Đề 11: Trình bày ý kiến của em bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ về vấn đề: “*Sự tự tin của con người trong cuộc sống*”.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Sự thành công của mỗi con người không chỉ có được bằng tài năng của mình mà còn bằng sự tự tin, bằng bản lĩnh. Mặc dù mỗi tự tin thôi thì chưa thể làm nên thành công nhưng nó sẽ là đòn mảy mang “công danh” đến nhanh hơn cho bạn. Vậy tự tin là gì? Nó có vai trò quan trọng gì trong đời sống của mỗi người hiện nay?
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	Giải thích sơ lược khái niệm <i>Sự tự tin</i> : tin vào chính mình, vào năng lực của bản thân mình. Đây là thái độ sống tích cực của con người.
- Biểu hiện	Những người có sự tự tin thường có sự chủ động, bản lĩnh trước mọi tình huống trong cuộc sống, luôn có ý thức khẳng định mình trước mọi người, tin ở khả năng của mình...
- Vai trò	<p>+ Sự tự tin giúp con người dễ đi đến thành công hơn vì người tự tin thường có khả năng giao tiếp tốt, có những quyết định nhạy bén, sáng suốt, hay nắm bắt cơ hội cho mình...</p> <p>+ Thiếu tự tin là nguyên nhân của phần lớn thất bại.</p>
- Mở rộng	Cần phân biệt sự tự tin với tự cao, tự đại. Để thành công, ngoài sự tự tin, cần có thái độ cầu tiến, không ngừng học hỏi. Trái ngược với sự tự tin là sự tự ti.
- Bài học nhận thức và hành động.	Bài học nhận thức và hành động: để có được sự tự tin, cần trang bị đầy đủ kiến thức, tham gia các hoạt động giao tiếp...

3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Như vậy có thể thấy đức tính tự tin là một đức tính vô cùng cần thiết với con người. Chúng ta muốn hoàn thiện và phát triển, muốn đi tới thành công trong cuộc sống thì phải tự tin.
--	--

Đề 12: Viết bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày ý kiến của anh/chị về câu nói sau đây của nhà văn Nga Lép Tôn-xtôi: “*Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống*”.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Cuộc sống vốn vẫn luôn tràn ngập màu sắc và ẩn giấu nhiều điều bất ngờ, mà con người ta vẫn chưa thể nào khám phá hết được. Nhưng những điều bất ngờ ấy cần chúng ta tìm tòi, khám phá. Có một câu nói rất hay và ý nghĩa của nhà văn Nga Lép Tôn-xtôi rằng: "Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống".
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	<p>+ Quà tặng bất ngờ: có thể hiểu theo nghĩa cụ thể - khái quát (vật chất và tinh thần, những cơ hội, may mắn bất ngờ...)</p> <p>+ Nội dung ý nghĩa của câu nói: khuyên con người cần có thái độ sống chủ động, có ý chí và nghị lực vươn lên.</p>
- Biểu hiện	<p>"Những quà tặng bất ngờ trong cuộc sống" ở đây có thể thuộc nhiều khía cạnh và phạm vi khác nhau.</p> <p>- Món quà khiến ta hạnh phúc, vui vẻ:</p> <p>+ Món quà vật chất, tinh thần bất ngờ mà người thân, bạn bè thậm chí là một người lạ dành tặng cho bạn.</p> <p>+ Chúng cũng có thể là những điều may mắn đến với bạn trong công việc, học tập hay còn có khi là những cơ hội bất ngờ đến với chúng ta.</p> <p>- Nhưng "quà tặng bất ngờ của cuộc sống" không phải lúc nào cũng đầy những điều tốt đẹp, may mắn mà đôi khi nó còn mang đến cho bạn những niềm đau.</p> <p>=> Câu nói của Lép Tôn-xtôi nhằm khuyên mỗi chúng ta cần có sự chủ động, luôn luôn sẵn sàng trong mọi tình huống của cuộc sống, đừng nên ỷ lại hay mong chờ vào một thứ gì đó tốt đẹp kiểu ăn may.</p>
- Vai trò	<p>- Quà tặng bất ngờ mang lại niềm vui, sự hào hứng...nhưng không phải lúc nào nó cũng có.</p> <p>- Vượt qua được những điều bất ngờ không may mắn sẽ giúp ta vững vàng hơn trong cuộc sống.</p>
- Mở rộng	<p>Nhiều người khi nhận được quà tặng bất ngờ: có tâm lí chờ đợi, ỷ lại, thậm chí phung phí những quà tặng ấy.</p> <p>+ Phê phán một số người sống thụ động, thiếu ý chí vươn lên, chỉ chờ đợi <i>quà tặng bất ngờ</i> mà không <i>tự mình làm nên cuộc sống</i>.</p> <p>+ Không thể phủ nhận những giá trị, ý nghĩa của quà tặng bất</p>

	ngờ mà cuộc sống mang lại cho con người, vấn đề là biết tận dụng, trân trọng quà tặng ấy như thế nào.
- Bài học nhận thức và hành động.	Phải chủ động trang bị kiến thức, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có ý chí...để có thể đón nhận những <i>quà tặng</i> kì diệu của cuộc sống do chính bản thân mình làm nên.
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Hãy để cuộc sống của mình luôn xuất hiện điều kỳ diệu nhờ sự cố gắng không ngừng nghỉ của bạn và thi thoảng thêm một vài món quà bất ngờ mà cuộc sống ban tặng, có thể cuộc đời mới thực sự có ý nghĩa và rực rỡ sắc màu.

III. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI RÚT RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC.

1. Khái niệm: Nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học là dạng đề tích hợp giữa tác phẩm văn học và các vấn đề xã hội.

2. Đặc điểm:

- Đây là kiểu bài nghị luận vấn đề xã hội chứ không phải là kiểu bài nghị luận văn học. Và vấn đề nghị luận là những vấn đề xã hội có ý nghĩa sâu sắc được đặt ra từ một tác phẩm văn học.

Ví dụ: Từ vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, mm hãy nêu suy nghĩ của mình về lí tưởng sống của thanh niên hiện nay.

- Các vấn đề xã hội có thể rút ra từ một tác phẩm văn học trong chương trình sách giáo khoa, nhưng cũng có thể là một câu chuyện, văn bản mà học sinh chưa từng học.

3. Hướng dẫn cách làm:

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm (Nếu vấn đề nghị luận được rút ra từ một tác phẩm nằm trong chương trình học)

- Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.

b. Thân bài:

- Phân tích vấn đề văn bản để đúc rút ý nghĩa vấn đề cần nghị luận.

- Nghị luận vấn đề xã hội được đúc rút từ tác phẩm, văn bản.

+ Giải thích vấn đề cần nghị luận (tùy vấn đề).

+ Phân tích, chứng minh, bàn luận (thực hiện thao tác tương tự như nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống hay nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí).

+ Mở rộng vấn đề nghị luận.

+ Bài học nhận thức và hành động (liên hệ bản thân)

c. Kết luận: Đánh giá ý nghĩa của vấn đề xã hội trong tác phẩm.

Đề luyện tập:

Đề 1: Trong *Bàn về đọc sách*, Chu Quang Tiềm có viết: “ Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá

nhân, mà là việc của toàn nhân loại”. Từ đó, em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nêu suy nghĩ về việc đọc sách của thế hệ trẻ ngày nay?

Đề 2: Trong bài thơ Ánh trăng, Nguyễn Duy viết:

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
...
ánh trăng im phăng phắc
đã cho ta giật mình.

Từ vẻ đẹp của đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn trình bày những suy nghĩ của em về vấn đề mà đoạn thơ đặt ra.

Đề 3: Trong bài thơ *Nói với con*, Y Phương đã viết về phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

Ngày nay, rất nhiều bạn trẻ mãi mê chạy theo văn hóa nước ngoài mà thờ ơ, lãng quên các phong tục, tập quán truyền thống. Từ hiện tượng đó, em hãy viết đoạn văn với chủ đề: Giới trẻ và văn hóa truyền thống.

Đề 4: Từ ý thơ: “ Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân” (Trích Con cò- Chế Lan Viên), hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ với nhan đề: lời ru.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Trong *Bàn về đọc sách*, Chu Quang Tiềm có viết: “ Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại”. Từ đó, em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nêu suy nghĩ về việc đọc sách của thế hệ trẻ ngày nay?

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Nói về tầm quan trọng của việc đọc sách Chu Quang Tiềm đã khẳng định “...”, tuy nhiên việc đọc sách của giới trẻ ngày nay bên cạnh mặt tích cực vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	- Học vấn đây là những hiểu biết thu nhận được qua quá trình học tập. Chúng ta thu nhận được sự hiểu biết không phải chỉ thông qua việc đọc sách mà bằng nhiều con đường khác nhau như học tập ở thầy cô, bạn bè, gia đình, xã hội... - Tuy nhiên trong những con đường ấy, đọc sách vẫn là một con đường quan trọng vì “sách là một kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần của nhân loại”, sách ghi chép, cô đúc, lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu của loài người qua các thời đại.
- Thực trạng	- Mặt tích cực: nhiều bạn trẻ yêu thích đọc sách trân trọng nâng

	<p>niêu sách tranh thủ mọi lúc mọi nơi để đọc sách Họ coi sách là một niềm đam mê, một thú vui không thể thiếu trong cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên cạnh đó, đại đa số giới trẻ ngày nay còn đang thờ ơ với việc đọc sách. Họ dành nhiều thời gian để lên mạng xã hội và tìm hiểu trò chơi giải trí, khi được giao bài tập về nhà thay vì tìm tài liệu trong sách, các bạn lại lên mạng xã hội tra cứu đáp án. - Giới trẻ ngày nay thích đọc sách mang tính giải trí như truyện tranh, truyện ngôn tình, mà ít đọc sách về văn hóa, lịch sử, khoa học, kỹ năng. - Nhiều bạn trẻ coi sách như một đồ trang sức, để nhận được sự khen ngợi. - Giới trẻ ngày nay khó khăn trong việc lựa chọn sách.
- Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Do sự bùng nổ của công nghệ thông tin, đặc biệt giới trẻ là đối tượng rất dễ bắt nhịp với cái mới lạ, thích làm theo số đông. - Họ cũng chưa đủ chín chắn để phân biệt cái nên và cái không nên làm. - Nhiều bạn trẻ với lịch làm việc quá dày đặc, không có thời gian dành cho đọc sách. - Do nhà trường, xã hội, gia đình chưa tạo được hứng thú đọc sách cho các bạn trẻ. - Do sự lười biếng của bản thân.
- Hậu quả	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa đọc xuống thấp dẫn tới hậu quả giới trẻ thiếu hụt kiến thức khoa học, văn hóa, xã hội, lâu dần dẫn đến lạc hậu yếu kém. - Những người không có trình độ sẽ trở thành vẩn nạn, áp lực cho xã hội. - Thế giới tâm hồn trở nên hạn hẹp, gây ra căn bệnh vô cảm. - Hạn chế sự phát triển ngôn ngữ...
- Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức ngày hội đọc sách, hội thảo giới thiệu sách hay các buổi trò chuyện, định hướng cách đọc sách đúng. - Nhà trường, các bậc cha mẹ ra bài tập đọc sách cho học sinh. - Nhà sách quản lý, kiểm duyệt chặt chẽ đầu sách được xuất bản ra thị trường. - Mỗi người nên có ý thức đọc sách,...
- Nhận thức và hành động của bản thân.	<p>Đọc sách rất quan trọng đó là con đường ngắn nhất để lĩnh hội kiến thức tăng cường đọc sách mở rộng các loại sách về nhiều lĩnh vực trong cuộc sống.</p>
3. Kết đoạn: (Khẳng định tính đúng đắn,	<p>Như vậy, đọc sách là một trong những con đường của học vấn, của tri thức nhưng con đường ấy là con đường quan trọng và cốt yếu của học vấn và tri thức, vì từ việc đọc sách ta không</p>

tầm quan trọng của vấn đề).	những rèn luyện được đạo đức, tính sáng tạo và khả năng tư duy, tiếp nhận những giá trị vật chất lẫn tinh thần của cuộc sống mà còn đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.
-----------------------------	--

Đề 2: Trong bài thơ Ánh trăng, Nguyễn Duy viết:

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
...
ánh trăng im phăng phắc
đã cho ta giật mình.

Từ vẻ đẹp của đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn trình bày những suy nghĩ của em về vấn đề mà đoạn thơ đặt ra.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	<p>Bài thơ <i>Ánh trăng</i> của nhà thơ Nguyễn Duy, đặc biệt là đoạn thơ: Thình lình đèn điện tắt</p> <p>phòng buyn-dinh tối om</p> <p>...</p> <p>ánh trăng im phăng phắc</p> <p>đu cho ta giật mình.</p> <p>như một thông điệp giàu ý nghĩa nhắc nhở mỗi chúng ta về tình cảm uống nước nhớ nguồn, ân tình thủy chung với quá khứ gian lao mà tình nghĩa.</p>
2. Thân đoạn:	
1. Cảm nhận về đẹp của đoạn thơ:	<p>- Thời gian, không gian, sự việc diễn biến bất thường" Thình lình đèn điện tắt" là bước ngoặt để tác giả bộc lộ cảm xúc, thể hiện chủ đề của tác phẩm. Vầng trăng xuất hiện đột ngột trong hoàn cảnh ấy gọi ra bao cảm xúc trong lòng người.</p> <p>- Vầng trăng là một hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn tri kỷ của một thời, trong phút chốc xuất hiện làm dậy lên trong lòng người lính bao kỉ niệm của những năm tháng gian lao, bao hình ảnh của thiên nhiên đất nước bình dị, hiền hậu: như là đồng là bể- như là sông là rừng".</p> <p>- Vầng trăng là hình ảnh của quá khứ tình nghĩa, là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của cuộc sống. "Trăng cứ tròn vành vạnh" là hình ảnh của quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên chẳng thể mờ phai . Hình ảnh nhân hóa "ánh trăng im phăng phắc" chính là sự vị tha, độ lượng, sự nghiêm khắc nhắc nhở người lính và mỗi người về lẽ sống ở đời. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên quá khứ nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tràn đầy bất diệt.</p> <p>- Cái "giật mình" của nhân vật trữ tình ở cuối bài thơ là cái giật mình của lương tri, là lời tự nhắc nhở thấm thía về thái độ, tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao mà âm áp nghĩa tình. Bài thơ khéo léo gợi ra bài học về đạo lí " Uống</p>

	nước nhớ nguồn" đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc từ bao đời nay.
2. Suy nghĩ trước vấn đề mà đoạn thơ đặt ra:	
- Giải thích	Đạo lí "Uống nước nhớ nguồn" đã trở thành truyền thống tốt đẹp, là nét đẹp nhân văn của người Việt Nam xưa nay. Chính nét đẹp truyền thống đó tạo nên sức mạnh giúp ta vượt qua mọi khó khăn để chiến đấu và chiến thắng, xây dựng và phát triển.
- Thực trạng	Trong xã hội hôm nay, khi ta đang từng bước hội nhập và phát triển, hành trang ta mang theo còn có cả một quá khứ hào hùng mà cha ông đã để lại, ta không được phép lãng quên. Đó cũng là ý nghĩa sâu xa mà đoạn thơ đã gợi ra.
- Đánh giá: đúng- sai	Tuy nhiên, cuộc sống hiện đại cũng làm con người dễ quên những gian khổ, vất vả, hi sinh đã qua. Nếu ta thờ ơ, quay lưng lại hoặc lãng quên quá khứ thì ta chẳng thể trở thành người tốt, ta lại nhận được sự phản bội của thế hệ tương lai.
- Mở rộng	- Phê phán những người không biết đến quá khứ, không có lòng biết ơn. - Biết ơn quá khứ, vâng lời, kính trọng, biết ơn ông bà, cha mẹ, những người giúp đỡ mình. - Rèn luyện đạo đức, nhân cách.
- Bài học nhận thức và hành động.	
3. Kết đoạn: (Khẳng định vấn đề).	Lòng biết ơn là một phẩm chất đạo đức đáng quý của con người. Vì vậy phải biết sống sao cho trọn vẹn với những người có công giúp đỡ, nuôi nấng mình.

Đề 3: Trong bài thơ *Nói với con*, Y Phương đã viết về phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

Ngày nay, rất nhiều bạn trẻ mãi mê chạy theo văn hóa nước ngoài mà thờ ơ, lãng quên các phong tục, tập quán truyền thống. Từ hiện tượng đó, em hãy viết đoạn văn với chủ đề: Giới trẻ và văn hóa truyền thống.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Từ ngàn xưa, cha ông ta đã xây dựng nên một nền văn hóa đậm đà bản sắc. Là thế hệ sau, chúng ta phải có trách nhiệm gìn giữ, phát huy bản sắc dân tộc đó. Tuy nhiên, hiện nay, thái độ, cách ứng xử của giới trẻ với văn hóa truyền thống bên cạnh mặt tích cực vẫn đang tồn tại nhiều nhức nhối.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	- Văn hóa truyền thống: là những phong tục, tập quán, những giá trị tinh thần tốt đẹp đã được hình thành, phát triển và lưu giữ từ ngàn xưa đến nay. Nó đã ăn sâu vào trong tiềm thức, trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. + Phong tục thờ cúng ông bà, tổ tiên; trên kính dưới nhường. + Ngày tết làm bánh chưng

	<p>+ Các làn điệu dân ca quan họ, hát ru...</p> <p>- Văn hóa truyền thống là bản sắc riêng của đất nước ta, là yếu tố khẳng định độc lập chủ quyền,... Bởi vậy, chúng ta cần giữ gìn, bảo tồn.</p>
- Thực trạng	<p>- Mặt tích cực: nhiều bạn trẻ am hiểu, tích cực gìn giữ văn hóa truyền thống. Họ sống và làm theo phong tục của người Việt, họ yêu tiếng Việt, say mê học nhạc cụ dân tộc, họ quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam ra thế giới...</p> <p>- Mặt tiêu cực:</p> <p>+ Nhiều bạn trẻ sùng văn hóa ngoại, từ lời nói, cách ăn mặc đến phong cách sinh hoạt đều học tập văn hóa nước ngoài.</p> <p>+ Nhiều bạn trẻ thích nhạc điện tử, thuộc nhiều bài hát quốc tế nhưng khi được hỏi về các bài hát dân ca, câu ca dao, tục ngữ, các loại hình nghệ thuật truyền thống thì không hề biết.</p> <p>+ Tết cổ truyền, các bạn chỉ thích đi du lịch nước ngoài, không muốn ăn tết ở trong nước, thậm chí nhiều bạn không biết đến bánh chưng, không thích đi chúc tết.</p> <p>+ Giới trẻ thi nhau đi học tiếng Anh và cho rằng việc học tiếng Việt không quan trọng. Các bạn quay lưng lại với các tác phẩm văn học của dân tộc.</p>
- Nguyên nhân	<p>- Do cuộc sống hiện đại, xu thế hội nhập nên các bạn trẻ được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới.</p> <p>- Do các bạn trẻ luôn thích và tìm tòi những điều mới mẻ.</p> <p>- Do gia đình, nhà trường và xã hội chưa có những hành động thiết thực để giáo dục giới trẻ về văn hóa truyền thống.</p>
- Hậu quả	<p>Nếu chúng ta không biết giữ gìn văn hóa:</p> <p>+ Tâm hồn mỗi người sẽ trở nên khô khan, vốn kiến thức về cuộc sống sẽ bị hạn hẹp, dẫn tới những nhận thức lệch lạc, không đúng đắn. (VD...)</p> <p>+ Một xã hội không giữ gìn được văn hóa, không giữ gìn được những điều tốt đẹp cha ông để lại sẽ là một xã hội trống rỗng, không thể phát triển lâu bền nếu quên mất đi nguồn cội tốt đẹp của mình.</p>
- Giải pháp	<p>- Tổ chức các hoạt động cho giới trẻ tiếp xúc với văn hóa truyền thống: Tổ chức trò chơi dân gian, gói bánh chưng dịp Tết...</p> <p>- Tăng cường sự giáo dục trong gia đình.</p>
- Nhận thức và hành động của bản thân.	<p>- Tìm hiểu, học tập văn hóa truyền thống.</p> <p>- Tiếp nhận yếu tố văn hóa nước ngoài có chọn lọc và nhập mà không hòa tan.</p>
3. Kết đoạn: (Khẳng định	<p>Tiếp thu những văn hóa mới lạ là điều cần thiết, nhưng hơn tất cả phải giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc, không được để</p>

tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	mất đi những giá trị tốt đẹp của cha ông để lại, nhất là trong bối cảnh hiện nay, có rất nhiều những mối đe dọa đang rình rập đối với đất nước
--	--

Đề 4: Từ ý thơ: “ Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân” (Trích Con cò- Chế Lan Viên), hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ với nhan đề: lời ru.

1. Mở đoạn: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Lời ru có vai trò quan trọng trong cuộc đời mỗi người.
2. Thân đoạn:	
- Giải thích	<p>- Ý thơ của Chế Lan Viên: “ Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân”.</p> <p>+ Cụm từ “ thấm hơi xuân” gợi tả lời ru dịu dàng, ấm áp, thấm đậm tình yêu thương của mẹ; khơi dậy sự sống, niềm hi vọng cho cuộc đời mỗi con người.</p> <p>- Đồng thời, trong lời ru ấy còn bộc lộ bao niềm vui, khát vọng của mẹ và những mong muốn ở nơi con trong tương lai.</p> <p>- Lời ru trong cuộc sống: Lời ru của bà, của mẹ đi suốt cuộc đời mỗi con người từ lúc còn nằm trong nôi:</p> <p>+ Cái cò đi đón cơn mưa Tối tăm mù mịt ai đưa cò về + Cái ngủ mày ngủ cho ngoan ...</p>
- Vai trò	<p>Lời ru có ý nghĩa vô cùng quan trọng:</p> <p>- Ngay từ khi còn nằm trong nôi, trong vòng tay của mẹ, đứa trẻ đã dần hình thành ý thức trong câu hát, lời ru.</p> <p>- Đứa trẻ không chỉ cảm nhận được tình cảm yêu thương của người hát, được nâng niu, che chở mà lời hát ấy như hạt sữa vô hình cứ ngấm dần, thấm dần theo năm tháng.</p> <p>- Lời ru không chỉ có ý nghĩa ru con ngủ, bộc lộ tình yêu thương đối với trẻ, mà quan trọng hơn, lời ru còn có tác dụng bồi đắp, nuôi dưỡng tâm hồn, tinh thần đứa trẻ.</p>
- Mở rộng	<p>- Thật đáng tiếc, đời sống hiện đại đã làm biến mất dần lời hát ru có truyền thống lâu đời.</p> <p>khi nữ trẻ lớn lên xa lạ với lời ru là anh là chị có một đứa em hãy tập hát những bài hát ru để mỗi khi em ngủ hát cho em nghe những khúc Ru Ngọt Ngào đảm bảo không chỉ ru em mà còn dinh dưỡng cả chính tâm hồn mình.</p>
- Bài học nhận thức và hành động.	<p>- Cần nâng niu, trân trọng lời ru.</p> <p>- Giữ gìn và phát huy hơn nữa lwoif ru trong cuộc sống.</p>
3. Kết đoạn: (Khẳng định	Lời ru là một nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, có thể nói là di sản văn hóa phi vật thể cần được duy trì.

vấn đề).	giữ gìn. phát triển.
----------	----------------------

CHUYÊN ĐỀ 2: ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Các loại đoạn văn Nghị luận văn học cần phải viết

1. Đoạn văn giới thiệu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
2. Đoạn văn tóm tắt tác phẩm
3. Đoạn văn giải thích ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.
4. Đoạn văn phân tích một chi tiết quan trọng, từ ngữ đặc sắc của tác phẩm.
5. Đoạn văn phân tích đặc điểm nhân vật.
6. Đoạn văn phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ.
7. Đoạn văn phân tích, cảm nhận về một đoạn văn, đoạn thơ.

Những bài tập luyện viết đoạn văn nghị luận văn học trong nhà trường thường có yêu cầu phối hợp giữa yêu cầu về nội dung, đề tài với yêu cầu về hình thức diễn đạt.

* Yêu cầu chung:

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

* Yêu cầu cụ thể:

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Viết đoạn văn trình bày hiểu biết của em về ý nghĩa nhan đề lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

Đề 2: Viết đoạn văn nêu hiểu biết của em về ý nghĩa của nhan đề Những ngôi sao xa xôi.

Đề số 3: Truyện “Bến quê” tập trung vào một tình huống khá đặc biệt, đó là tình huống nào? Hãy chỉ ra những nghịch lý trong tình huống ấy và nêu ý nghĩa của nó?

Đề số 4

Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) trình bày cảm nhận của em về bức tranh chị em Thúy Kiều ra về trong đoạn thơ sau:

Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

(Trích Cảnh ngày xuân-Nguyễn Du,

Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

Đề số 5: Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của khổ thơ sau:

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ủa vào buồng lái.

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính- Phạm Tiến Duật, Ngữ Văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

Đề số 6

Viết đoạn văn (khoảng 12 câu). Phân tích tâm trạng của ông Hai sau khi nhận được tin làng chợ Dầu theo Tây.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Viết đoạn văn trình bày hiểu biết của em về ý nghĩa nhan đề lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

1.	1. Mở đoạn	Giới thiệu: Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bức chân dung đẹp về những tấm gương lao động lặng thầm hết mình dâng hiến tuổi xuân cho Tổ quốc thân yêu. Chất thơ, chất trữ tình và sức cuốn hút của thiên truyện được thể hiện ngay trong nhan đề Lặng lẽ Sa Pa.
2.	2. Thân đoạn	<p>Lý giải, Trình bày hiểu biết về nhan đề tác phẩm.</p> <p>+ Lặng lẽ Sa Pa ra đời trong thời kỳ miền Bắc đang dựng xây Chủ nghĩa xã hội. Nhà văn Nguyễn Thành Long muốn thông qua việc viết về một nơi yên tĩnh, một nơi nghỉ mát yên bình để ngợi ca, để tôn vinh những con người lao động mới hết lòng vì cuộc sống mới, vì hạnh phúc con người, vì đất nước thân yêu.</p> <p>+ Nhắc đến mảnh đất Sa Pa, nơi cảnh vật yên bình, lặng lẽ, ai cũng nghĩ đó là nơi nghỉ mát lí tưởng. Nhưng đằng sau cái lặng lẽ của cảnh vật là cái không lặng lẽ của cuộc sống sôi động đang dâng trào. Nơi ấy có bao trái tim đầy nhiệt huyết đang đập mạnh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là anh thanh niên làm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn và tập thể những người lao động lặng thầm như anh (dẫn chứng cụ thể).</p> <p>+ Sa Pa nhìn bề ngoài tưởng là nơi nghỉ ngơi nhưng Sa Pa cũng đang góp phần cùng các địa phương khác ngày đêm dựng xây đất nước. Sa Pa cung cấp bản tin dự báo thời tiết phục vụ sản xuất và chiến đấu. Sa Pa cung cấp giống su hào củ to, ngon cho toàn miền Bắc. Sa Pa cung cấp bản đồ theo dõi sét và tìm ra của chìm nông, của chìm sâu nằm trong lòng đất để làm giàu cho Tổ quốc.</p>
	3. Kết đoạn	Khẳng định: Tựa đề Lặng lẽ Sa Pa đã ẩn chứa lời ngợi ca, niềm cảm phục và cả sự biết ơn của tác giả đối với những người lao động bình thường ngày đêm lặng lẽ dâng cho đời "một mùa xuân nho nhỏ".

Đề 2: Viết đoạn văn nêu hiểu biết của em về ý nghĩa của nhan đề Những ngôi sao xa xôi.

1. Mở đoạn	Truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê) có một nhan đề thật thơ mộng và ý nghĩa.
2. Thân đoạn	<p>- Tác phẩm viết về những cô gái tuổi mới lớn làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường ở một cao điểm ác liệt của Trường Sơn. Cuộc sống chiến đấu gian lao và nguy hiểm nhưng không làm tắt đi niềm yêu đời, yêu cuộc sống.</p> <p>- Nghĩa tả thực: Những ngôi sao xa xôi trên bầu trời đêm sâu thẳm là hình ảnh</p>

	<p>thực mà các cô gái thường ngắm nhìn hằng đêm. Họ gửi vào đó những mộng mơ khao khát của thời thiếu nữ.</p> <p>-Nghĩa biểu tượng : Những ngôi sao xa xôi chính là hình ảnh Thao, Nho, Phương Định, Họ là những ngôi sao sáng ở mặt trận Trường Sơn xa xôi...</p>
3. Kết đoạn	Như vậy, nhan đề tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được sự dũng cảm trong chiến đấu. Vẻ đẹp trong sáng, trẻ trung của những nữ thanh niên xung phong. Đây được gọi là một nhan đề đầy tính nhân văn.

Đề số 3: Truyện “Bến quê” tập trung vào một tình huống khá đặc biệt, đó là tình huống nào? Hãy chỉ ra những nghịch lý trong tình huống ấy và nêu ý nghĩa của nó?

Hướng dẫn làm bài:

1. Mở đoạn	Cũng như nhiều truyện ngắn khác của Nguyễn Minh Châu, truyện ngắn “Bến quê” xây dựng trên một tình huống nghịch lý.
2. Thân đoạn	<p>- Nhân vật chính của truyện – anh Nhĩ – từng đi khắp mọi nơi trên trái đất, về cuối đời lại bị cột chặt vào giường bệnh bởi một căn bệnh hiểm nghèo, đến nỗi không thể tự mình dịch chuyển lấy vài mươi phân trên chiếc giường hẹp bên cửa sổ.</p> <p>- Khai thác tình huống này, tác giả phát hiện và nhấn mạnh vào những điều nghịch lý trong cảnh ngộ của nhân vật:</p> <p>+ Nhĩ làm một công việc đã cho anh có điều kiện đi hầu hết khắp mọi nơi trên thế giới “suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất”. Ấy thế mà Nhĩ lại chưa đặt chân lên cái bãi bồi màu mỡ ngay bên kia sông.</p> <p>+ Từng bay những chuyến bay vượt nửa vòng trái đất, nhưng nay không thể nhích thân mình dịch chuyển vài mươi phân trên giường bệnh.</p> <p>+ Khi Nhĩ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của cái bãi bồi bên kia sông, ngay phía trước cửa sổ nhà anh, nhưng anh biết rằng sẽ không bao giờ có thể đặt chân lên mảnh đất ấy, dù nó ở rất gần anh, Nhĩ đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình cái điều khao khát đó. Nhưng rồi cậu ta lại sa vào một đám chơi cờ trên hè phố và có thể lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày.</p> <p>- Đưa ra những nghịch lý ấy, nhà văn muốn lưu ý người đọc đến một nhận thức về cuộc đời: cuộc sống và số phận con người chứa đầy những điều bất thường, những nghịch lý, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định và ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của người ta.</p>
3. Kết đoạn	Những tình huống nghịch lý trong truyện “Bến quê” còn mở ra một nội dung triết lý nữa, mang tính tổng kết những trải nghiệm của cả đời người, qua những suy ngẫm của nhân vật Nhĩ “ <i>con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình</i> ” và sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp rất gần gũi như cái bãi bồi bên kia sông hay người vợ tần tảo, giàu tình yêu và đức hi sinh thì phải đến lúc này, khi sắp giã biệt cuộc đời, Nhĩ mới cảm nhận thấm thía.

Đề số 4

Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) trình bày cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên khi chị em Thúy Kiều du xuân trở về trong đoạn thơ sau:

Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

(Trích Cảnh ngày xuân-Nguyễn Du,
Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

1. Mở đoạn	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: đoạn thơ miêu tả cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về là bức tranh đẹp nhưng buồn, thể hiện những rung cảm tinh tế của tác giả.
2. Thân đoạn	<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh thiên nhiên vẫn mang cái thanh dịu của mùa xuân: nắng nhạt, khe nước nhỏ, dịp cầu bắc ngang. - Chuyển động nhẹ nhàng: bóng ngả về tây, bước chân người thơ thẩn, dòng nước uốn quanh, gợi không gian âm đạm. => Không còn không khí nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội mà tất cả đều đang nhạt dần, lặng dần. - Từ láy: tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ...Gợi sắc thái cảnh vật nhạt nhòa, không rõ nét, tâm trạng con người buồn man mác. => Tâm trạng băng khuâng, xao xuyến, nuối tiếc, linh cảm về điều gì đó đang xảy đến (sau đoạn này Thúy Kiều gặp mộ Đạm Tiên và Kim Trọng). => Nghệ thuật: tả cảnh ngụ tình, giọng điệu chậm rãi, sử dụng từ tiếng Việt rất gần gũi nhưng gợi được không khí cổ điển của tác giả Nguyễn Du. - Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân.
3. Kết đoạn	Bằng vài nét chấm phá trong thi pháp cổ, gợi nhiều hơn tả, ngôn ngữ tinh tế; Nguyễn Du đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên mùa xuân vừa mới mẻ, tinh khôi, tràn trề sức sống, vừa khoáng đạt, trong trẻo mà nhẹ nhàng, thanh khiết.

Đề số 5: Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của khổ thơ sau:

Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái.

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính- Phạm Tiến Duật, Ngữ Văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

1. Mở đoạn	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: hình ảnh những chiếc xe không kính và vẻ đẹp hiên ngang của người lính lái xe.
2. Thân đoạn	<p>Hình ảnh những chiếc xe không kính:</p> <p>+ Lý giải nguyên nhân: điệp ngữ "không" nhắc lại 3 lần, động từ mạnh "giật, rung, vỡ" khẳng định nguyên nhân không có kính của những chiếc xe. Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe bị biến dạng, bị tổn thất.</p> <p>=> Lời thơ tự nhiên, ngôn ngữ cụ thể, chân thực, đậm chất văn xuôi nhấn mạnh hiện thực cuộc chiến tranh chống Mỹ ác liệt, dữ dội nhưng hình ảnh những chiếc xe không kính hiện lên như sự thực hiển nhiên không có gì lạ thường, không có gì đáng sợ.</p> <p>- Hình ảnh người lính lái xe đầy hiên ngang:</p> <p>+ Đảo ngữ "ung dung", điệp ngữ "nhìn" nhắc lại 5 lần: nhấn mạnh tư thế ung dung, bình tĩnh, tự tin.</p> <p>+ Đó là cái nhìn rộng mở vào "trời, đất", nhìn trực diện "thẳng": vừa lẫm liệt vừa tập trung, không hề sợ hãi, né tránh.</p> <p>+ Cảm giác: nhìn thấy gió, thấy con đường, thấy sao trời, cánh chim.</p> <p>=> Tả thực vì xe không kính nên các yếu tố thiên nhiên, chướng ngại vật như rơi xuống, quăng ném, va đập vào buồng lái.</p> <p>=> Chất hiện thực.</p> <p>- Điệp ngữ "thấy", so sánh, đảo ngữ:</p> <p>=> Diễn tả cảm giác vô cùng thú vị của người lính lái xe khi được hòa mình vào thiên nhiên, được tự do giao cảm, chiêm ngưỡng đất trời -> chất lãng mạn.</p> <p>=> Thể hiện nét hào hoa, kiêu bạc, lãng mạn, yêu đời của những người lính lái xe.</p> <p>=> Giọng thơ ngang tàn, pha chút đùa nghịch như những lời nói tự nhiên đã khắc họa hiện thực cuộc chiến tranh đồng thời khắc họa vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm, sự sôi nổi trẻ trung của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn rực lửa.</p> <p>- Sáng tạo, văn viết mang dấu ấn cá nhân.</p>
3. Kết đoạn	Chiến tranh đã đi qua nhưng hình ảnh người lính nói chung và người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn nói riêng luôn để lại niềm yêu thương trong lòng người dân Việt Nam. Vẻ đẹp trẻ trung, lạc quan của những người lính lái xe trong thơ Phạm Tiến Duật cũng là vẻ đẹp của bao thanh niên đã chiến đấu cho sự

	nghiệp bảo vệ Tổ quốc, luôn sáng mãi trong lòng chúng ta.
--	---

Đề số 6

Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) Phân tích tâm trạng của ông Hai sau khi nhận được tin làng chợ Dầu theo Tây.

1. Mở đoạn	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: tâm trạng nhân vật ông Hai sau khi nghe tin làng chợ Dầu theo Tây.
2. Thân đoạn	<p>- Khái quát tính cách ông Hai: vui vẻ, chất phác, có tấm lòng gắn bó với làng quê và kháng chiến.</p> <p>- Sau khi nghe tin dữ: ông Hai sững sờ, xấu hổ, uất ức: "cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được".</p> <p>- Không tin vì tin tức quá bất ngờ</p> <p>+ Khi người tản cư khẳng định họ "vừa ở dưới ấy lên", ông Hai không thể không tin, niềm tự hào về làng sụp đổ, ông cảm thấy xấu hổ trước bà con.</p> <p>+ Ông Hai luôn cảm thấy ám ảnh day dứt, ông "cúi gằm mặt mà đi", về nhà ông "nằm vật ra giường rồi tủi thân nhìn lũ con, nước mắt ông lão cứ giàn ra".</p> <p>+ Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu, lúc nào cũng nơm nớp tưởng người ta để ý, bàn tán.</p> <p>+ Ông Hai rơi vào tình trạng bế tắc, tuyệt vọng khi nghĩ đến tương lai, không biết đi đâu, về đâu. Ông đau khổ khi phải lựa chọn giữa tình yêu làng và tình yêu cách mạng. Cuối cùng ông quyết định: "Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù".</p> <p>=> Vẻ đẹp trong tâm hồn con người Việt Nam, khi cần họ có thể sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng.</p> <p>+ Ông Hai đã trò chuyện với đứa con út, bày tỏ tấm lòng thủy chung với cách mạng, với Cụ Hồ.</p> <p>=> Tình yêu đất nước thật sâu nặng, thiêng liêng</p> <p>- Nghệ thuật: miêu tả tâm trạng nhân vật qua cử chỉ, hành động, lời nói đậm chất nông dân chân thực, sử dụng nghệ thuật độc thoại, độc thoại nội tâm,... của tác giả.</p>
3. Kết đoạn	Qua diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai, ta thấy được một tình yêu làng yêu nước tha thiết gắn với tinh thần kháng chiến của nhân vật ông Hai. Ông Hai chính là hình ảnh tiêu biểu cho người nông dân VN trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Đề số 7

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 12 câu) phân tích bức tranh mùa xuân của đất nước trong đoạn thơ sau:

Mùa xuân người cầm súng

Lộc dất đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hồi hã

Tất cả như xuân xao...

Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

(Trích mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai ,NXB Giáo dục)

1. Mở đoạn	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: bức tranh mùa xuân của đất nước qua đoạn thơ.
2. Thân đoạn	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh "người cầm súng, người ra đồng" : Hai lực lượng chính trong quá trình đấu tranh và xây dựng đất nước. - Lộc: nghĩa thực chỉ lá mạ non, lá mạ non. - Nghĩa ẩn dụ tượng trưng cho sức sống mới tươi trẻ, sự sục sôi trong lý tưởng người chiến sĩ, niềm hăng say lao động, hẹn ước mùa vụ bội thu của người nông dân, là hi vọng vào tương lai tươi sáng của dân tộc. - Điệp ngữ " tất cả", các từ láy " hồi hã, xuân xao" , nhịp thơ nhanh: diễn tả nhịp điệu khẩn trương, tất bật của con người Việt Nam trong giai đoạn mới, thời đại mới, bộc lộ tâm trạng náo nức rộn ràng. - Cái nhìn sâu sắc, tự hào về bốn ngàn năm lịch sử của dân tộc, phép nhân hóa Tổ quốc như người mẹ tần tảo , so sánh đất nước như vì sao trường tồn, dù qua những gian truân, vất vả vẫn kiên cường tiến lên phía trước.
3. Kết đoạn	Khổ thơ thể hiện niềm vui, niềm tin của tác giả vào tương lai rạng ngời của dân tộc.

Đề số 8

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 12 câu) phân tích chi tiết nhân vật Nhĩ trong truyện Bến quê của Nguyễn Minh Châu : " cô thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giờ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát y như đang khấn thiết ra hiệu cho một người nào đó".

1. Mở đoạn	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: chi tiết nhân vật Nhĩ đưa tay ra ngoài cửa sổ khoát khoát.
-------------------	--

2. Thân đoạn	<p>- Hoàn cảnh nhân vật Nhĩ: Cả cuộc đời đi khắp thế gian nhưng bãi bồi bên kia sông lại anh chưa từng đặt chân đến. Khi bệnh tật đau ốm, anh chờ thằng con trai sang bên kia sông thực hiện mong ước cuối đời của mình nhưng vì không hiểu ý cha, con trai anh đã sa vào bàn cờ thế, để lỡ chuyến đò ngang cuối cùng trong ngày.</p> <p>- Ý nghĩa hành động đưa tay "khoát khoát":</p> <p>+ Nghĩa thực: Như muốn giục già thằng con trai mau rời khỏi bàn cờ thế để tiếp tục đi cho kịp chuyến đò ngang cuối cùng.</p> <p>+ Ý nghĩa biểu tượng: Đây là sự giục già của tác giả đối với mọi người, những ai còn đang mải mê, sa đà vào những điều "vòng vèo, chùng chình" hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn rất giản dị gần gũi và bền vững của gia đình và của quê hương.</p> <p>- Nghệ thuật: Xây dựng hình ảnh biểu tượng mang ý nghĩa triết lý sâu xa về cuộc sống.</p>
3. Kết đoạn	Chi tiết hình ảnh cuối cùng khi Nhĩ cố hết sức đu mình nhô người ra ngoài, giờ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát... đều là những nét miêu tả tâm lí vừa tinh tế, vừa nhân đạo của tác giả.

(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

Đề số 9: Từ câu chủ đề sau: " Từ xúc cảm trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước, Thanh Hải bày tỏ khát vọng mãnh liệt muốn dâng hiến một mùa xuân nho nhỏ và cuộc đời chung, cuộc đời đất nước".

Hãy viết tiếp để hoàn chỉnh đoạn văn (khoảng 12 câu) nêu cảm nhận của em về những ước nguyện cao đẹp của nhà thơ Thanh Hải qua bài thơ Mùa xuân nho nhỏ.

1. Mở đoạn	" Từ xúc cảm trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước, Thanh Hải bày tỏ khát vọng mãnh liệt muốn dâng hiến một mùa xuân nho nhỏ và cuộc đời chung, cuộc đời đất nước".
2. Thân đoạn	<p>- Điệp ngữ "ta làm" : nhấn mạnh niềm khát khao cháy bỏng được dâng hiến, được hoà nhập vào cuộc đời chung.</p> <p>- Ẩn dụ: con chim, cành hoa, nốt trầm: khát vọng đóng góp phần nhỏ bé (tiếng hát, hương thơm, âm vang) vào cuộc đời chung, khát vọng được thể hiện một cách khiêm tốn, lặng lẽ nhưng xúc động và ý nghĩa.</p> <p>- Sự chuyển đổi đại từ (tôi -> ta) : Hoà cái riêng vào cái chung, cá nhân vào tập thể.</p> <p>- Ước nguyện đọng kết trong hình ảnh " Một mùa xuân nho nhỏ" : ẩn dụ cho những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời riêng.</p> <p>- Thái độ " Lặng lẽ dâng cho đời" : cống hiến thầm lặng nhưng mãnh liệt.</p> <p>- Điệp ngữ "Dù là": khẳng định sự dâng hiến cả tuổi thanh xuân, cả cuộc đời, tâm sự và nhiệt huyết cho sự nghiệp chung, cho cuộc đời, đất nước.</p> <p>=> Thể hiện thái độ sống tích cực, lý tưởng sống đẹp đẽ, tinh thần lạc quan của</p>

	<p>Thanh Hải trong những năm tháng cuối đời.</p> <p>- Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân.</p>
3. Kết đoạn	<p>Bài thơ được viết một tháng trước khi nhà thơ trở về với cát bụi nhưng không gọi chút băn khoăn về bệnh tật, những suy nghĩ riêng tư cho bản thân mà chỉ “lặng lẽ cháy bỏng một khát khao được dâng hiến”.</p>

Đề số 10

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 12 câu) trình bày những cảm nhận của mình về chất liệu văn học dân gian trong bài thơ Con cò của Chế Lan Viên.

1. Mở đoạn	<p>Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: chất liệu văn học dân gian trong bài thơ Con cò-Chế Lan Viên.</p>
2. Thân đoạn	<p>- Đề tài "con cò": quen thuộc, xuất hiện trong những lời ru, câu ca dao dân ca từ ngàn xưa gọi không gian âm áp, gần gũi, số phận của những người nông dân trong xã hội xưa.</p> <p>- Hình ảnh "con cò, cò con, cò trắng" xuất hiện từ đầu đến cuối bài thơ; Gọi không gian tuổi thơ với những cung bậc cảm xúc, với tình yêu, sự chăm sóc, vỗ về, những hi vọng của người mẹ dành cho đứa con bé bỏng.</p> <p>- Sử dụng các câu ca dao:</p> <p>+ Con cò Cổng Phủ</p> <p>Con cò Đồng Đăng</p> <p>+ Con cò ăn đêm</p> <p>Con cò xa tổ</p> <p>Cò gặp cành mềm</p> <p>Cò sợ xáo măng.</p> <p>=> Tác dụng: Gọi kỉ niệm về lời ru yêu thương của người mẹ, khiến đứa trẻ cảm thấy gần gũi, bình yên và nhẹ nhàng đi vào giấc ngủ.</p> <p>- Nghệ thuật: Sử dụng chất liệu văn học dân gian trong bài thơ không mới nhưng Chế Lan Viên đã thổi hồn vào những hình ảnh, câu ca dao cảm xúc, ý nghĩa hiện đại, mới mẻ.</p> <p>- Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân.</p>
3. Kết đoạn	<p>Hình ảnh con cò không mới, nhưng bắt nguồn từ mạch trữ tình tha thiết trong ca dao. Bài thơ <i>Con cò</i> là sự kết tinh giữa cảm hứng trữ tình dân gian và chất triết lí giản dị mà sâu sắc của tác giả <i>Hoa ngày thường – Chim báo bão</i>.</p>

Đề số 11

Phân tích cơ sở hình thành tình đồng chí được thể hiện trong đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

(Trích Đồng chí- Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

1. Mở đoạn	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính.
2. Thân đoạn	<ul style="list-style-type: none"> - Tình đồng chí của người lính bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân. - Họ đều từ những miền quê "nước mặn đồng chua", "đất cày lên sỏi đá", nghèo đói, lam lũ, gặp gỡ nhau ở tình yêu Tổ quốc. - Những người lính đến từ mọi miền của Tổ quốc, vốn là những người xa lạ, các anh đã cùng tập hợp trong một đội mũ nên dần trở nên thân quen. - Tình cảm quê hương là nguồn động viên, an ủi, là tinh thần giúp người chiến sĩ vượt qua mọi gian lao, thử thách suốt một thời máu lửa, tạo nên sự gắn bó, thương yêu, đoàn kết keo sơn của những người lính. - Sự đồng cam cộng khổ, chia sẻ những khó khăn, thiếu thốn. + Chung mục đích, lý tưởng chiến đấu: Súng bên súng, đầu sát bên đầu. + Chia sẻ mọi gian lao, hình thành tình tri kỷ. - Câu "Đồng chí": khẳng định sự gắn bó, tinh thần đồng đội của những người lính. - Nghệ thuật: Hình ảnh tả thực, sóng đôi, ngôn ngữ giản dị đã tái hiện những thiếu thốn trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp song chính những khó khăn ấy đã tạo nên tình đồng chí gắn bó. - Văn viết có sáng tạo, mang dấu ấn cá nhân.
3. Kết đoạn	Bằng những hình ảnh thơ đặc sắc, bài thơ Đồng chí đã thể hiện sâu sắc, chân thực tình cảm đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Tình đồng chí ấy hiện lên thật thiêng liêng, cao đẹp, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ và đáng trân trọng của những người lính trong cuộc sống và chiến đấu hiểm nguy.

Đề số 12

Viết đoạn văn khoảng 15 câu làm rõ phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa thanh cao và giản dị.

1. Mở đoạn	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: Phong cách Hồ Chí Minh là sự kết
-------------------	--

	hợp giữa yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa thanh cao và giản dị.
2. Thân đoạn	<p>- Con đường hình thành phong cách Hồ Chí Minh:</p> <p>+ Đi nhiều nơi có điều kiện để tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau, thành thạo nhiều ngoại ngữ.</p> <p>+ Ham học hỏi, dày công học tập, rèn luyện không ngừng.</p> <p>+ Bác luôn tiếp thu các kiến thức và có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại.</p> <p>=> Người giữ gìn và biết kết hợp văn hóa truyền thống với tinh hoa văn hóa nhân loại.</p> <p>- Vẻ đẹp thanh cao mà giản dị:</p> <p>+ Nơi làm việc: đơn sơ, chỉ vài phòng làm việc và tiếp khách, phòng họp Bộ Chính trị, phòng ngủ và áo cá,...</p> <p>+ Trang phục giản dị: chiếc vali, vài bộ quần áo áo, đôi dép lốp thô sơ,...</p> <p>+ Ăn uống đạm bạc: cá kho, rau luộc, dưa cà,...</p> <p>=> Lối sống của một vị Chủ tịch nước nhưng rất giản dị, thanh cao, không xa hoa lãng phí, trở thành một quan điểm thẩm mỹ.</p> <p>=> Phong cách Hồ Chí Minh là một nguồn ánh sáng chỉ lối soi đường cho cán bộ, nhân dân học tập theo.</p> <p>- Nghệ thuật: lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể, xác thực.</p>
3. Kết đoạn	Phong cách sống của Bác là phong cách sống có văn hóa, đã trở thành một quan niệm thẩm mỹ: cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên. Nhà thơ Tố Hữu đã khái quát vẻ đẹp giản dị mà vĩ đại của Hồ Chí Minh trong hai câu thơ : " Mong manh áo vải hồn muôn trượng Hồn tượng đồng phơi những lối mòn "

Đề số 13

Viết đoạn văn khoảng 15 câu phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới trong Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới của Vũ Khoan.

1. Mở đoạn	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới
2. Thân đoạn	<p>- Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.</p> <p>- Cần cù , sáng tạo nhưng thiếu tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ lao động khẩn trương.</p> <p>- Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau trong kháng chiến nhưng lại thường vị kỷ trong làm ăn.</p> <p>- Thích ứng nhanh nhưng lại nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kỳ thị</p>

	<p>trong kinh doanh, quen thói bao cấp, thói sùng ngoại, bài ngoại hoặc thói khôn vặt, ít giữ chữ tín.</p> <p>- Cách nêu điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam rất cụ thể dễ, chính xác và sâu sắc. Điểm mạnh, điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Tác giả đã tôn trọng sự thực, nhìn nhận vấn đề khách quan, toàn diện, không thiên lệch.</p> <p>- Nghệ thuật: lập luận đối chiếu, sử dụng thành ngữ sâu sắc, lập luận thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu, chính xác.</p>
3. Kết đoạn	<p>Với cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo, mang tính tranh biện đầy sức thuyết phục; tác giả đã dũng cảm chỉ ra những cái yếu của con người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới, giúp ta một cái nhìn sáng suốt về nhân dân ta, về bản thân mỗi chúng ta.</p>

Đề số 14

Viết đoạn văn khoảng 15 câu phân tích sức mạnh của văn nghệ với đời sống con người trong Tiếng nói của văn nghệ của Nguyễn Đình Thi.

1. Mở đoạn	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: sức mạnh của văn nghệ với đời sống con người.
2. Thân đoạn	<p>- Văn nghệ giúp con người có cuộc sống đầy đủ hơn, cảm thấy cuộc đời đẹp hơn và có ý nghĩa hơn.</p> <p>+ Văn nghệ giúp con người tự nhận thức được chính bản thân mình, giúp ta sống đầy đủ, phong phú hơn.</p> <p>+ Có những trường hợp con người bị ngăn cách trong cuộc sống, tiếng nói của văn nghệ là sợi dây buộc chặt họ với cuộc đời thường bên ngoài với tất cả những sự sống, vui buồn hờn giận bên trong.</p> <p>+ Văn nghệ là tươi mát sinh hoạt khắc khổ hàng ngày, giữ cho đời vẫn luôn tươi vui. Tác phẩm văn nghệ giúp cho con người vui lên, biết rung động và ước mơ.</p> <p>+ Văn nghệ đem tới cả thời đại cách sống với tâm hồn.</p> <p>=> Văn nghệ vô cùng cần thiết đối với cuộc sống của con người.</p> <p>=> Nghệ thuật: bố cục chặt chẽ, hợp lý, cách dẫn dắt tự nhiên, giàu hình ảnh, giọng điệu chân thành, say sưa, đầy nhiệt huyết.</p>
3. Kết đoạn	=> Tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc, đi vào nhận thức, tâm hồn người đọc bằng con đường tình cảm. Đến với một tác phẩm văn nghệ, chúng ta sống cùng cuộc sống được miêu tả trong đó, được yêu ghét, buồn vui, đợi chờ, cùng với các nhân vật và người nghệ sĩ.

Đề số 15

Viết đoạn văn khoảng 15 câu phân tích tình mẫu tử trong bài thơ Mây và sóng của Ta - go.

1. Mở đoạn	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: tình mẫu tử trong bài thơ Mây và
-------------------	--

	sóng.
2. Thân đoạn	<p>- Lời mời gọi của những người trên mây và trong sóng:</p> <p>+ Mây, sóng: chơi từ khi thức dậy đến lúc chiều tà, chơi với bình minh vàng, vàng trắng bạc, ca hát từ sáng sớm đến hoàng hôn, ngao du khắp nơi,...</p> <p>=> Thế giới với vũ trụ rực rỡ, bí ẩn, mới lạ đầy hấp dẫn, cuốn hút với trẻ thơ.</p> <p>- Lời từ chối của em bé</p> <p>Dù thiên nhiên rực rỡ, bí ẩn với bao điều mới lạ, hấp dẫn nhưng em đã từ chối vì:</p> <p>+ Mẹ mình đang đợi ở nhà.</p> <p>+ Mẹ luôn muốn mình ở nhà.</p> <p>=> Tình mẫu tử đã chiến thắng, dù em bé có luyến tiếc những cuộc vui chơi nhưng tình yêu thương của người mẹ đã có sức mạnh níu giữ. Lý do em đưa ra thật dễ thương mà cũng thật sâu sắc.</p> <p>- Trò chơi của em bé:</p> <p>+ Em đã tự nghĩ ra trò chơi có mẹ và em: " Con là mây , mẹ sẽ là trắng, con là sóng, mẹ là bên bờ".</p> <p>+ Trò chơi của em bé vừa tạo nên một thế giới thiên nhiên - tình yêu hòa hợp, có ánh sáng, có âm thanh, có tình yêu thương vô bờ của người mẹ.</p>
3. Kết đoạn	Hạnh phúc của tình mẫu tử giản dị, trong sáng, gần gũi nhưng cũng thật thiêng liêng, vĩnh hằng và kỳ diệu như vũ trụ. Đặc biệt sự vĩnh hằng, kì diệu ấy lại do chính con người tạo nên.

Đề 16: Trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa, tác giả Nguyễn Thành Long đã gửi gắm chủ đề của câu chuyện vào một lời nhận xét ngắn gọn: "Trong cái lặng im của Sa Pa , Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước".

Em hãy nêu những suy nghĩ về vẻ đẹp của những con người lao động qua truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của tác giả Nguyễn Thành Long.

1. Mở đoạn	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: những con người làm việc và lo nghĩ cho đất nước trong tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long.
2. Thân đoạn	<p>Vẻ đẹp của những con người lao động:</p> <p>+ Họ là: anh thanh niên, anh thanh niên làm việc trên đỉnh Phan-xi-păng, ông kỹ sư vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét.</p> <p>=> Họ không được gọi tên cụ thể mà gọi bằng công việc.</p> <p>- Công việc: họ đều làm những công việc vì đam mê, đều sống trong những hoàn cảnh cô đơn.</p> <p>+ Anh thanh niên có lòng yêu nghề, biết tạo ra cuộc sống văn minh thơ mộng, có</p>

	<p>suy nghĩ tích cực về công việc và lòng nhiệt huyết, sự khiêm tốn.</p> <p>+ Anh đồng nghiệp làm việc ở độ cao 3143m.</p> <p>+ Ông kỹ sư vườn rau kiên trì, bền bỉ nghiên cứu, thụ phấn cho cây,...</p> <p>+ Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét luôn ở trong tư thế sẵn sàng chờ sét , hy sinh hạnh phúc riêng để tìm "của chìm nông, của chìm sâu" làm giàu cho Tổ quốc.</p> <p>+ Phẩm chất: họ đều có tinh thần trách nhiệm, say mê làm việc, sẵn sàng cống hiến tuổi trẻ, hạnh phúc riêng cho công việc, họ cống hiến thầm lặng cho đất nước.</p> <p>- Nghệ thuật. Xây dựng tình huống truyện, khắc họa vẻ đẹp của các nhân vật qua sự nhìn nhận đánh giá của nhân vật khác, cách đặt tên nhân vật.</p> <p>- Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân.</p>
3. Kết đoạn	<p>- Khẳng định vẻ đẹp con người trong tác phẩm:</p> <p>+ Có thể nói, nhà văn Nguyễn Thành Long đã đem đến cho người đọc sự cảm nhận sâu sắc nhất về những con người đang ngày đêm cống hiến tâm sức mình cho quê hương, đất nước.</p> <p>+ Đó là những con người cao cả, có lý tưởng sống đẹp, quên đi hạnh phúc riêng tư, quên đi mọi khó khăn gian khổ vì mục đích cao cả, tốt đẹp là làm giàu mạnh đất nước.</p>

B. BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I - ĐẶC ĐIỂM VÀ YÊU CẦU CHUNG CỦA BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

1. Khái niệm nghị luận và văn nghị luận

- Nghị luận: là bàn luận và đánh giá cho rõ về một vấn đề nào đó.

- Văn nghị luận: là loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận.

2. Sự cần thiết của văn nghị luận

Trong đời sống, khi phải bày tỏ ý kiến, thái độ của mình về những hiện tượng tự nhiên, xã hội xảy ra xung quanh nhằm thuyết phục ai đó tin theo ý kiến của người nói, người viết, cần dùng kiểu văn bản nghị luận.

3. Đặc điểm của văn nghị luận

Văn nghị luận phải có những luận điểm rõ ràng, có lý lẽ đúng đắn, chặt chẽ đúc rút từ sách vở, từ đời sống; có những dẫn chứng đáng tin cậy, thuyết phục.

- Luận điểm: là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn nghị luận được nêu ra dưới hình thức khẳng định (hay phủ định), được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán. Luận điểm là linh hồn của bài viết. Luận điểm đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục.

- Luận cứ: là những lý lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận điểm là kết luận của những lý lẽ và dẫn chứng đó.

- Lập luận: là cách đưa ra lý lẽ, cách sắp xếp các luận cứ để dẫn đến kết luận nêu trong luận điểm. Có các phương pháp lập luận như sau:

+ Phương pháp chứng minh: Mục đích làm sáng tỏ vấn đề, dùng lý lẽ và dẫn chứng để khẳng định tính đúng đắn của vấn đề.

+ Phương pháp giải thích: chỉ ra nguyên nhân, lý do, quy luật của sự việc hiện tượng được nêu ra trong luận điểm. Trong văn nghị luận, giải thích là làm sáng tỏ một từ, một câu, một nhận định.

+ Phương pháp phân tích: là cách lập luận trình bày từng bộ phận, phương diện của một vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật, hiện tượng. Để phân tích nội dung của một sự vật, hiện tượng, người ta có thể vận dụng các biện pháp nêu giả thiết, so sánh đối chiếu... và cả phép lập luận giải thích, chứng minh.

+ Phương pháp tổng hợp: là phép lập luận rút ra cái chung từ những điều đã phân tích. Lập luận tổng hợp thường đặt ở cuối đoạn hay cuối bài, phân kết luận của một phần hoặc toàn bộ văn bản.

II - CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

1. Bố cục của bài văn nghị luận gồm 3 phần

- Mở bài (đặt vấn đề): giới thiệu vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề , nêu được luận điểm cơ bản cần giải quyết.
- Thân bài (giải quyết vấn đề): triển khai các luận điểm, dùng lí lẽ, dẫn chứng lập luận để thuyết phục người nghe theo quan điểm đã trình bày.
- Kết bài (kết thúc vấn đề): khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề nghị luận.

2. Các bước làm bài văn nghị luận, gồm 4 bước

a) Bước 1: Tìm hiểu đề văn nghị luận

Cần đọc kỹ đề bài, từ đó tìm hiểu luận đề , kiểu bài và phạm vi nghị luận:

- Luận đề: là vấn đề đặt ra trong đề bài, vấn đề đó đòi hỏi người viết phải huy động kiến thức để giải quyết trong bài văn nghị luận.
- Kiểu bài: xác định kiểu bài nghị luận sẽ phải thực hiện (giải thích, chứng minh, bình luận...)
- Phạm vi nghị luận: là giới hạn mà luận đề nêu ra, có thể rộng hay hẹp, nghị luận xã hội hay nghị luận văn chương.

b) Bước 2: Lập ý cho bài văn nghị luận

Lập ý phải theo một quy trình: xác định luận điểm, tìm luận cứ, xây dựng lập luận.

- Xác định luận điểm: mỗi luận đề đặt ra trong đề bài phải được xác định bằng một hệ thống luận điểm. Có thể xác định luận điểm bằng cách trả lời câu hỏi: luận đề đã nêu có thể chi tiết hóa thành những nội dung cụ thể nào? Ngoài ra có thể căn cứ vào kiến thức văn chương, xã hội hoặc căn cứ vào kiểu bài mà đề yêu cầu để xác định luận điểm cho phù hợp.
- Tìm luận cứ (lí lẽ, dẫn chứng) : văn nghị luận được hình thành ở lý lẽ và dẫn chứng. Lí lẽ phải sắc bén, đanh thép, hùng hồn (đảm bảo tính khách quan, hợp lý). Dẫn chứng phải xác thực, chọn lọc, giàu sức thuyết phục.

c) Bước 3 : Xây dựng lập luận thành đoạn văn

Phải tổ chức, sắp xếp các lý lẽ, dẫn chứng theo một trình tự nhất định (quy nạp, diễn dịch, song hành, móc xích, tam đoạn luận...) để luận điểm của người viết có sức thuyết phục.

d) Bước 4: Liên kết đoạn thành bài văn.

III - NHỮNG KIỂU VĂN NGHỊ LUẬN

Có hai loại nghị luận: nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

1. Nghị luận xã hội

Đề cập đến những vấn đề thuộc phạm trù tư tưởng, đạo lý, về cách sống và cách ứng xử... của mỗi người trong xã hội.

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.

2. Nghị luận văn học

Phát biểu cảm nghĩ, nêu cảm nhận, và phân tích chỉ ra cái hay, cái đẹp của một tác phẩm, một nhân vật...

- Nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

- Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

CHUYÊN ĐỀ 1: BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1. Khái niệm:

Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng phải suy nghĩ.

2. Những dạng đề thường gặp

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống tích cực.
- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống có tính tiêu cực.
- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống có hai mặt: tích cực và tiêu cực.

3. Yêu cầu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống

- Yêu cầu về nội dung:
 - + Nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề của đời sống.
 - + Phân tích mặt đúng - sai, lợi - hại của hiện tượng.
 - + Phân tích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đời sống đó.
 - + Chỉ ra giải pháp khắc phục hiện tượng đời sống đó.
- Yêu cầu về hình thức: Bố cục phải mạch lạc, luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, lập luận phù hợp, lời văn chính xác, sống động.

4. Các bước làm bài

Bước 1: Tìm hiểu đề - tìm ý

a. Tìm hiểu đề

Học sinh phải xác định được

- Đề nêu sự việc, hiện tượng gì?
- Đề yêu cầu làm gì? Mệnh lệnh trong đề là gì?
- Ý kiến thái độ của bản thân đối với sự việc hiện tượng đó như thế nào?

b. Tìm ý

Mỗi một đề bài, học sinh sẽ đưa ra một hệ thống câu hỏi cụ thể sát với yêu cầu đề bài. Tuy nhiên học sinh vẫn sử dụng hệ thống câu hỏi tìm ý chung sau đây:

1. Vấn đề đề bài yêu cầu nghị luận là gì?
2. Khái niệm và biểu hiện của vấn đề được đề cập trong đề bài là gì?
3. Nguyên nhân của vấn đề (nguyên nhân chủ quan? Khách quan?)
4. Vấn đề đúng hay sai- ích lợi hoặc tác hại của vấn đề?
5. Ý kiến thái độ của bản thân và đề xuất những giải pháp phát huy hoặc ngăn chặn về vấn đề nghị luận.

Bước 2: Lập dàn ý

a. Mở bài: giới thiệu sự việc, hiện tượng đời sống cần bàn.

b. Thân bài:

- Trình bày hiểu biết về hiện tượng đời sống đó: bản chất nó là gì, chỉ ra các biểu hiện, nêu thực trạng của hiện tượng (khi phản ánh thực trạng, cần đưa ra những thông tin cụ thể, tránh đưa ra những nhận định chung chung, mơ hồ).

- Phân tích các mặt đúng - sai, lợi - hại của sự việc, hiện tượng.

- Phân tích nguyên nhân của sự việc, hiện tượng.

- Chỉ ra các giải pháp khắc phục sự việc, hiện tượng.

c. Kết bài: bày tỏ ý kiến đánh giá khái quát về sự việc, hiện tượng vừa bàn, nêu bài học rút ra đối với bản thân, xã hội.

Bước 3: Dựng đoạn

Về hình thức, bài viết phải có bố cục mạch lạc, có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, phép lập luận phù hợp; lời văn chính xác, sống động.

Bước 4: Đọc , kiểm tra, sửa lỗi

Học sinh sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp.

Chú ý đến liên kết, mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn và các đoạn văn trong văn bản.

*** Chú ý:**

Học sinh cần trang bị kỹ năng làm bài, đồng thời cần trang bị cho mình vốn hiểu biết về đời sống xã hội thông qua việc theo dõi, tìm hiểu, thu thập tài liệu về những hiện tượng đời sống qua các phương tiện thông tin đại chúng: như đài phát thanh, đài truyền hình, báo chí, mạng internet... để bồi đắp vốn hiểu biết. Càng hiểu biết nhiều về đời sống xã hội thì bài viết càng rộng,sâu, tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc.

5. Đề bài luyện tập:

Đề 1: Quê hương em hiện nay vẫn còn tồn tại hiện tượng rác thải ngoài đường hoặc những nơi công cộng.

Hãy đặt một nhan đề thích hợp để gọi tên hiện tượng đó và trình bày ý kiến của em.

Đề 2: Trong học đường hiện nay, nhiều bạn học sinh vẫn còn học theo kiểu qua loa, đối phó. Hãy chỉ ra một vài biểu hiện và trình bày suy nghĩ của em.

Đề 3: Trong hàng loạt bài trên báo Tuổi trẻ Chủ nhật bàn về thể hệ gấu bông có đề cập hai hiện tượng:

1. Một cô bé mười lăm tuổi, được mẹ chở đi đánh cầu lông. Xe hai mẹ con bị va quệt, đồ đạc trên xe văng tung toé. Người mẹ vội vàng gom nhặt, vài người đi đường cũng dừng lại phụ giúp còn cô bé thờ ơ đứng nhìn. Đợi mẹ nhặt xong mọi thứ, cô bé leo lên xe và thản nhiên dặn: "Lát về mẹ nhớ mua cho con ly chè!".

2. Một cậu học sinh khi được hỏi về ca sĩ mà cậu hâm mộ, cậu đã trả lời rất rành mạch về cách ăn mặc, sở thích của ca sĩ đó. Nhưng khi được hỏi về nghề nghiệp, sở thích của cha mẹ cậu, cậu ta ấp úng, không trả lời được.

Em hãy gọi tên hiện tượng trên và trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn ngắn (trong khoảng 1,5 trang giấy thi).

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Quê hương em hiện nay vẫn còn tồn tại hiện tượng rác thải ngoài đường hoặc những nơi công cộng.

Hãy đặt một nhan đề thích hợp để gọi tên hiện tượng đó và trình bày ý kiến của em.

Định hướng làm bài:

- Phải tìm nhan đề thích hợp, ấn tượng để đặt tên: ngắn gọn, đầy đủ vừa gọi tên được hiện tượng, vừa chứa đựng đánh giá của người viết: Một thói quen khó sửa; Rác ơi, mày ở nhầm chỗ...

- Tìm hiểu để có cái nhìn và đánh giá khách quan, đúng đắn về sự việc, hiện tượng phổ biến ở một nơi, nhiều nơi khác nhau trên địa bàn sinh sống thì bài viết mới có ý nghĩa. Biết gắn vấn đề rác thải với ý thức bảo vệ môi trường sống.

- Bài viết có thể trình bày khác nhau song cần đảm bảo được các yêu cầu sau:

1. Mở bài: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	- Có thể giới thiệu trực tiếp từ thực trạng đáng lo ngại: rác thải. - Có thể giới thiệu từ vấn đề môi trường ở làng quê đang bị ô nhiễm có nguyên nhân của rác thải để vào bài.
2. Thân bài:	
- Giải thích	Rác thải là những vật mà người dùng không còn muốn sử dụng và thải ra, cùng với những chất độc được xuất ra từ chúng.
- Thực trạng	Mô tả, tái hiện hiện tượng: rác thải ở làng quê vẫn đang là vấn đề đáng lo ngại. - Ở các khu dân cư: rác thải sinh hoạt xuất hiện ở nhiều góc ao, góc vườn, những ô đất trống, chất chồng thành đống trong có cả nhiều thứ rác không phân hủy được do các gia đình thiếu ý thức thải ra. - Ở xung quanh trường học: vỏ bánh kẹo, vỏ hộp sữa, túi ni lông nằm rải rác do những bạn học sinh thiếu ý thức miệng ăn tay vứt. - Trên các nẻo đường, các gầm cầu cống : những túi ni lông, những bao đựng rác thải do người dân cố ý để quên, có cả những đống rác to nằm ngay bên lề đường. - Trên mặt sông ngòi, ao hồ công cộng nổi lên bèo những vỏ chai, lọ đựng thuốc trừ sâu, những bao rác và cả xác động vật

	thối rửa...
- Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân khách quan: Công tác tuyên truyền và các giải pháp chưa thực sự thuyết phục, thiếu tính đồng bộ, triệt để. - Nguyên nhân chủ quan: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của người dân về vấn đề bảo vệ môi trường còn hạn chế, thiếu hiểu biết về tác hại khôn lường của rác thải đối với sự sống của con người. - Thói quen bừa bãi, cầu thả trong sinh hoạt, thiếu ý thức bảo vệ môi trường chung của người dân. - Nhận thức kém của một bộ phận không nhỏ người dân trong việc phân loại, thu gom, xử lý rác thải. - Ý thức tự giác giữ gìn vệ sinh nơi công cộng của người dân chưa cao.
- Hậu quả	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến mỹ quan môi trường. - Ô nhiễm môi trường sống, không khí ở làng quê không còn trong lành, sạch đẹp như xưa. Nguồn nước đang bị ô nhiễm, sinh vật trong nước cũng không sống nổi. - Ảnh hưởng đến sức khỏe con người, những dịch bệnh nguy hiểm ngày càng tăng ở cả con người và vật nuôi.
- Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Các địa phương cần có các giải pháp hữu hiệu về vấn đề rác thải: - Quy định cụ thể về nơi đổ rác ở mỗi địa phương và đôn đốc việc thực hiện. - Hướng dẫn người dân phân loại rác thải sinh hoạt: rác hữu cơ, rác vô cơ, rác tái chế; và cách xử lý: chôn rác, đốt rác, xử lý tạo khí đốt, tái chế... - Xử lý nghiêm khắc những người thiếu ý thức, vi phạm quy tắc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng. - Nhà trường phối hợp với các ban ngành thường xuyên nhắc nhở, tuyên truyền, kiểm tra ý thức tự giác của mọi người về việc giữ gìn vệ sinh. - Nên có những hình thức khiển trách đúng mức đối với những học sinh có thói quen vứt rác bừa bãi.
- Nhận thức và hành động của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức bảo vệ môi trường mọi lúc, mọi nơi. - Tuyên truyền người thân, bạn bè giữ gìn vệ sinh chung.
3. Kết bài: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định thói quen vứt rác bừa bãi cần thiết phải chấm dứt; vấn đề rác thải cần phải giải quyết triệt để, trả lại không khí trong lành cho làng quê . - Kêu gọi hành động: vì một quê hương tươi đẹp, vì sức khỏe cộng đồng, Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường sống từ những việc làm nhỏ nhất như thu gom, xử lý rác thải.

Đề 2: Trong học đường hiện nay, nhiều bạn học sinh vẫn còn học theo kiểu qua loa, đối phó. Hãy chỉ ra một vài biểu hiện và trình bày suy nghĩ của em.

1. Mở bài:	- Đối với mỗi người, việc học là vô cùng quan trọng: học để tiếp thu tri thức, để
-------------------	---

(Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	<p>thấp sáng tương lai cho bản thân và cho đất nước.</p> <p>- Một bộ phận không nhỏ người đi học không xác định đúng đắn của việc học nên đã học qua loa, đối phó mà học vẹt, học tủ là lối học tồn tại phổ biến nhất.</p>
2. Thân bài:	
- Giải thích	Học qua loa, đối phó là học không đến nơi đến chốn, không xem việc học là mục đích chính mà học mang tính hình thức, học cốt nhằm đối phó với cha mẹ, thầy cô hoặc chỉ để đi thi, hay học cho xong việc mà thôi.
- Biểu hiện/ Thực trạng	<p>- Bên ngoài cũng có biểu hiện của việc học tập: Cũng đến trường , cũng ngồi học, cũng đi thi... nhưng không có hiệu quả thực sự.</p> <p>- Biểu hiện tiêu biểu nhất của lối học này là học vẹt, học tủ.</p> <p>+ Học vẹt: học thụ động, học thuộc lòng, đọc trôi chảy như con vẹt học nói nhưng không hiểu sâu, hiểu rõ bản chất vấn đề mình đang học, đang viết.</p> <p>+ Học tủ: học không toàn diện, chỉ tập trung học chuyên sâu, chọn một phần, một bài, một trường nào đó để mà học kỹ với mục đích đi thi, kiểm tra mà người học dự đoán hoặc linh cảm sẽ vào.</p>
- Nguyên nhân	<p>- Do nội dung chương trình học quá nặng; người học nặng vì điểm số, vì sự ép buộc và áp lực từ gia đình, từ nhà trường.</p> <p>- Do người học chưa xác định đúng đắn mục đích của việc học nên còn lười biếng, trông chờ vào người khác hay sự may mắn trong thi cử.</p> <p>- Do người học chưa tìm ra được phương pháp học tập có hiệu quả, chưa biết sắp xếp, chưa dành thời gian học tập hợp lý.</p>
- Hậu quả	<p>- Không nắm vững đầy đủ, toàn diện, có hệ thống, lô-gíc những kiến thức cơ bản, không hiểu được sâu sắc những vấn đề đã học, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống hạn chế.</p> <p>+ Khi học vẹt: học trước sẽ quên sau do ghi nhớ bài học một cách máy móc, thụ động. Khi không bị hỏi vặn lại hay khi kiểm tra, không có câu hỏi suy luận, may mắn có thể đạt điểm cao. Nhưng hiện nay, hệ thống câu hỏi kiểm tra đánh giá được phân theo mức độ nhằm hướng tới phát triển năng lực của người học. Nếu không hiểu kỹ được bản chất của vấn đề sẽ khó có thể giải thích các vấn đề có liên quan, không thể linh hoạt vận dụng điều đã học vào thực hành.</p> <p>+ Khi học tủ: Nếu may mắn trúng tủ, sẽ làm bài tốt, kết quả đạt được như mong đợi, cha mẹ, thầy cô vui vẻ, hài lòng nhưng vẫn hổng kiến thức cơ bản. Nếu tủ lệch , bản thân người học hoang mang, mất bình tĩnh, mất hứng thú làm bài, bản thân cảm thấy mệt mỏi, chán nản, thậm chí nảy sinh hiện tượng quay cốp, thiếu trung thực trong kiểm tra, thi cử.</p> <p>- Ảnh hưởng tới nhân cách và lối sống: tạo thói quen làm việc qua loa, đại khái, cầu thả, giả dối, thiếu trung thực với cha mẹ, thầy cô, không thật với chính mình...</p>
- Giải pháp	- Tri thức nhân loại ngày càng sâu rộng, biển học là vô bờ. Xã hội luôn cần và tôn trọng những người có kiến thức thực chất. Muốn vậy, mỗi người, đặc biệt là

	<p>thể hệ trẻ, cần tích cực học tập để biến tri thức nhân loại thành tri thức của chính mình. Học đối phó chẳng bao giờ có kết quả như mong đợi.</p> <p>- Cần xác định lại mục đích đúng đắn của việc học : học để có kiến thức phục vụ chính mình và đất nước ; thay đổi cách học, tìm ra phương pháp học phù hợp để đạt hiệu quả.</p>
- Nhận thức và hành động của bản thân.	- Tích cực, chủ động, tự giác học tập, suy nghĩ tìm tòi sáng tạo trong học tập; tích cực vận dụng điều đã học vào thực hành.
3. Kết bài: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	Kêu gọi, nhắc nhở người học từ bỏ lối học đối phó, học tủ, học vẹt.

Đề 3: Trong hàng loạt bài trên báo Tuổi trẻ Chủ nhật bàn về thể hệ gấu bông có đề cập hai hiện tượng:

(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

1. Một cô bé mười lăm tuổi , được mẹ chở đi đánh cầu lông. Xe hai mẹ con bị va quệt, đồ đạc trên xe văng tung toé. Người mẹ vội vàng gom nhặt, vài người đi đường cũng dừng lại phụ giúp còn cô bé thờ ơ đứng nhìn. Đợi mẹ nhặt xong mọi thứ, cô bé leo lên xe và thân nhiên dặn: "Lát về mẹ nhớ mua cho con ly chè!".

2. Một cậu học sinh khi được hỏi về ca sĩ mà cậu hâm mộ, cậu đã trả lời rất rành mạch về cách ăn mặc, sở thích của ca sĩ đó. Nhưng khi được hỏi về nghề nghiệp, sở thích của cha mẹ cậu, cậu ta ấp úng, không trả lời được.

Em hãy gọi tên hiện tượng trên và trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn ngắn (trong khoảng 1,5 trang giấy thi).

Định hướng làm bài:

- Sự việc hiện tượng đề bài yêu cầu nghị luận chưa được gọi tên rõ mà nằm ẩn sau một bài báo. Vì vậy cần đọc kỹ để xác định hai thông tin trong bài báo cùng nhắc đến sự vô tâm, vô cảm đang tồn tại khá phổ biến trong giới trẻ hiện nay với chính những người họ gần gũi, yêu thương nhất.

- Có thể triển khai bài viết theo các cách khác nhau nhưng phải gọi chính xác tên hiện tượng sau đó bàn về hiện tượng một cách thuyết phục.

- Có thể triển khai bài viết theo định hướng sau:

1. Mở bài: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	<p>- Sự vô tâm, vô cảm của thể hệ gấu bông đã làm giạt mình các bậc cha mẹ.</p> <p>- Hiện tượng mà báo Tuổi trẻ Chủ nhật đã nêu là minh chứng tiêu biểu cho lối sống ấy.</p>
2. Thân bài:	
- Giải thích	Đó là dấu hiệu của sự thờ ơ, vô cảm, thiếu quan tâm tới những bậc sinh thành, chưa làm tròn bổn phận của đạo làm con và phẩm chất đạo đức con người. Hai hiện tượng trên là một lời cảnh tỉnh đối với những người làm con, nhất là giới trẻ hiện

	nay.
- Thực trạng	<p>Nội dung bài báo đều nhắc đến sự vô tâm, vô cảm đáng lo lắng, báo động của thế hệ trẻ đối với những người thân yêu đã có công sinh thành, dưỡng dục: cha mẹ, ông bà, thầy cô giáo,... Hình ảnh một cô bé mười lăm tuổi thờ ơ khi nhìn thấy mẹ nhặt đồ rơi hồn nhiên nói: " Lát về mẹ nhớ mua cho con ly chè!" . Hay hình ảnh một cậu học sinh hiểu rất rõ về cách ăn mặc, về sở thích của ca sĩ cậu hâm mộ mà chẳng biết gì về sở thích, nghề nghiệp, tâm trạng hay suy nghĩ, lo toan của bố mẹ mình. Đây không phải là chuyện hiếm trong cuộc sống hiện đại của giới trẻ ngày nay. Hiện tượng này đã tạo nên sự phản cảm mạnh mẽ đối với cộng đồng và sự đau buồn với những bậc làm cha làm mẹ .</p>
- Nguyên nhân	<p>- Hiện nay, không ít bậc cha mẹ vì mải lo cuộc sống, lo làm giàu nên thiếu sự quan tâm, ít gần gũi với con; ít quan tâm đến hành vi, sở thích và việc hình thành nhân cách của con. Nhiều bậc cha mẹ phó thác toàn bộ việc giáo dục con cho nhà trường nên không thể phát hiện và điều chỉnh kịp thời những hành vi đạo đức sai lệch của con.</p> <p>- Nhà trường và xã hội thiếu phương pháp, thiếu những hoạt động giáo dục cần thiết để rèn kỹ năng sống, rèn đạo đức, lối sống cho học sinh.</p> <p>- Cuộc sống ngày nay dù hiện đại, văn minh nhưng cũng có nhiều những cám dỗ, ham muốn lôi kéo con người, nhất là tuổi trẻ khiến họ dễ quên đi những giá trị cội nguồn tốt đẹp, sống ích kỷ, chỉ biết quan tâm đến mình.</p>
- Hậu quả	<p>- Những người con ích kỷ, vô tâm với chính cha mẹ của mình hay với những người xung quanh, họ sẽ chẳng sống tốt được với người khác.</p> <p>- Những biểu hiện trên là sự xói mòn về đạo đức, là biểu hiện của việc chạy theo những nét đẹp phù phiếm và hư ảo, bỏ quên những nét đẹp chân thật và những tình cảm thiêng liêng.</p> <p>- Nếu không khắc phục được hiện tượng này, đạo đức xã hội càng ngày càng sa sút, sự vô tâm, vô tình, vô cảm ngày càng lây lan nhanh trở thành căn bệnh khó chữa.</p>
- Giải pháp	<p>- Bản thân mỗi người con: phải ý thức rõ về trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội. Mỗi người cần thiết nhìn lại mình, thường xuyên kiểm điểm lại cách sống, cách cư xử của mình với người thân và những người xung quanh để điều chỉnh cho phù hợp. Từ đó, biết rèn luyện cách sống vị tha, đồng cảm, chia sẻ và sống có trách nhiệm, biết quan tâm tới những người thân yêu, gần gũi với mình từ những việc làm nhỏ nhất.</p> <p>- Các bậc cha mẹ: cần quan tâm đến con cái, sống gần gũi với con nhiều hơn nữa để hiểu con, nhắc nhở, giáo dục con thường xuyên hoặc phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục con cái.</p> <p>- Các cấp giáo dục: cần có nội dung, phương pháp giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức cho tuổi trẻ, phát hiện và uốn nắn kịp thời những sai lệch trong các hành vi ứng xử thường ngày của học sinh.</p>

	- Tất cả chúng ta cần lên án mạnh mẽ lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, ích kỷ đang tồn tại trong cuộc sống.
- Nhận thức và hành động của bản thân.	- Luôn quan tâm, yêu thương người thân và đồng loại. - Biết đấu tranh, phê phán sự thờ ơ, vô tâm.
3. Kết bài: (Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề).	- Hai hiện tượng trên đã đánh thức lương tâm của những ai đã từng mắc vào những lần vô tâm, vô cảm tương tự. Đó là hồi chuông cảnh tỉnh đối với thế hệ trẻ nói riêng và đối với tất cả những người làm con nói chung. - Sống trong đời sống, mỗi người cần có một tấm lòng, một trái tim để biết quan tâm nhiều hơn, sống vị tha hơn với chính người mình gần bó và yêu thương.

II. KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ

1. Khái niệm:

Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý: là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống,... của con người.

2. Một số chủ đề nghị luận về tư tưởng đạo lý thường gặp

- Lòng biết ơn.
- Lòng nhân ái.
- Đoàn kết.
- Học hỏi.
- Giá trị của thời gian
- Kiên định ý chí.
- Lòng trung thực.
- Lý tưởng sống cao đẹp.
- Mối quan hệ giữa đức - tài.

3. Yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.

- Về nội dung: phải làm sáng tỏ các vấn đề về tư tưởng, đạo lý bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích... để chỉ ra chỗ đúng hay chỗ sai của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

- Về hình thức: bài viết phải có bố cục ba phần, có luận điểm đúng đắn, mạch lạc; lời văn chính xác, sống động, lý lẽ phải sắc sảo, thuyết phục; những dẫn chứng minh họa phải chọn lọc, tiêu biểu, phong phú cả mặt tốt, mặt xấu, mặt đúng, mặt sai . Biết lập luận, xem xét vấn đề ở nhiều chiều, nhiều góc độ khác nhau (xưa - nay, lý thuyết - thực tiễn,...).

- Về mục đích: cần xác định được vấn đề tư tưởng, đạo lý ấy đúng - sai , phù hợp hoặc chưa phù hợp đồng thời phải hướng người đọc, người nghe đến nhận thức và hành động theo chuẩn mực tư tưởng, đạo lý đó.

- Về thái độ: người viết cần phải có thái độ, quan điểm lập trường rõ ràng khi nhìn nhận, xem xét, đánh giá một vấn đề thuộc tư tưởng, đạo lý, phải hiểu những chuẩn mực về tư tưởng, đạo đức của xã hội mà mọi người chấp nhận, biết liên hệ thực tế cuộc sống để xem xét, bàn bạc.

3. Các bước làm bài

Bước 1: Tìm hiểu đề - tìm ý

a. Tìm hiểu đề

- Nêu trực tiếp

- Nêu gián tiếp:

- + Thông qua một câu tục ngữ ca dao
- + Thông qua một câu chuyện
- + Thông qua một tình huống
- + Thông qua một nhận định.

Chú ý: Nếu nội dung nghị luận nêu gián tiếp học sinh phải sử dụng lập luận giải thích để rút ra chính xác vấn đề nghị luận.

Về yêu cầu nghị luận: mệnh lệnh yêu cầu nghị luận có thể: xuất hiện trực tiếp, không xuất hiện.

Ghi nhớ thao tác phân tích đề:

- Xác định nội dung nghị luận

1 Đề yêu cầu nghị luận vấn đề gì?

2 Vấn đề nghị luận được nêu trực tiếp hay gián tiếp?

3 Nếu gián tiếp thì vấn đề cần nghị luận ở đây là gì?

Xác định yêu cầu nghị luận

4 Mệnh lệnh trong đề là gì?

5 Không có mệnh lệnh thì sử dụng thao tác lập luận nào?

b. Tìm ý

Tùy từng đề nghị luận về một tư tưởng đạo lý cụ thể học sinh đặt câu hỏi sát hợp với vấn đề nghị luận. Tuy nhiên học sinh vẫn có thể vận dụng hệ thống câu hỏi khái quát sau:

1 Vấn đề nghị luận là gì? (Quy ước: vấn đề nghị luận là Z)

2 Thế nào là Z hoặc Z là gì?

3 Biểu hiện của Z (có thể tìm theo trục thời gian: xưa - nay, hoặc không gian, vùng miền...)?

4 Tại sao? Vì sao lại có Z?

5 Làm thế nào để rèn luyện Z?

6 Z có ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng như thế nào trong cuộc sống, đối với mỗi người.

Bước 2: Lập dàn bài

a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lý để yêu cầu (Trích câu danh ngôn, ca dao, tục ngữ hoặc tên câu chuyện...)

b. Thân bài:

- Hiểu bản chất tư tưởng, đạo lý cần bàn là gì (giải thích): làm rõ khái niệm, giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa văn bản của từ ngữ, khái niệm; rút ra ý nghĩa khái quát.

- Nêu biểu hiện của vấn đề nghị luận.

- Bày tỏ thái độ:

+ Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề, nêu vị trí vai trò và biểu hiện của tư tưởng đạo lý đó trong đời sống (lý lẽ và dẫn chứng).

+ Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch liên quan đến vấn đề; lật lại vấn đề nghị luận để xem xét những mặt trái của nó (lý lẽ và dẫn chứng).

- Liên hệ bản thân rút ra bài học: tư vấn đề nghị luận, người viết rút ra được bài học gì về nhận thức và hành động cho bản thân.

c. Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề vừa bàn: vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống xã hội, liên hệ thực tế cuộc sống từ vấn đề vừa bàn rồi mở rộng vấn đề.

Bước 3: viết bài

- Yêu cầu chung

Về hình thức, bài viết phải có bố cục mạch lạc, có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, phép lập luận phù hợp, lời văn chính xác, sống động.

Gợi ý viết đoạn: Mở bài:

* Trực tiếp (không dẫn dắt)

* Gián tiếp (có dẫn dắt): có nhiều cách dẫn dắt khác nhau:

- Cách 1: Đi đến chung đến riêng:

+ Giới thiệu hiểu biết về tục ngữ → đến vấn đề nghị luận

Ví dụ: Tục ngữ được coi là túi khôn nhân loại bởi tục ngữ chứa đựng kinh nghiệm quý báu của cha ông. Từ những trải nghiệm thấm thía từ đời này sang đời khác cha ông ta đã đúc kết những bài học về lao động sản xuất, lối sống ứng xử... đặc biệt là bài học đạo đức về lòng biết ơn. Là người Việt Nam không ai là người không biết đến câu tục ngữ "uống nước nhớ nguồn"

+ Giới thiệu về đề tài => vấn đề nghị luận

Ví dụ: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây là một truyền thống đạo lý quý báu của người Việt Nam. Truyền thống ấy được cha ông ta đúc kết và gửi gắm trong những câu ca dao, tục ngữ. Một trong những câu tục ngữ đó là "uống nước nhớ nguồn".

- Cách 2: đi từ thực tế => đạo lý

Ví dụ:

Tháng giêng là tháng ăn chơi

Tháng hai đình đám, tháng ba hội hè.

Câu ca dao gợi lên một tập tục của cha ông đó là những lễ hội truyền thống được tổ chức để tưởng nhớ các vị anh hùng dân tộc, những người có công với làng, với nước. Những lễ hội ấy đã phản ánh được nét đẹp trong đời sống tinh thần của người dân: lòng biết ơn.

Bước 4: Đọc, kiểm tra, sửa lỗi

Học sinh sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp.

Chú ý đến liên kết, mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn và các đoạn văn trong văn bản.

4. Điểm giống và khác nhau giữa nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống với nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.

- Giống nhau: đều là nghị luận về những vấn đề xã hội.

- Khác nhau: ở đề tài, cách thức và trình tự triển khai.

+ Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống: lấy sự việc và hiện tượng làm đối tượng nghị luận chính; trong khi nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý lấy tư tưởng, đạo lý làm đối tượng nghị luận chính.

+ Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đi từ sự việc, hiện tượng cụ thể trong đời sống mà nâng lên thành vấn đề tư tưởng, đạo lý; trong khi nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý thì từ vấn đề tư tưởng, đạo lý mà suy nghĩ về cuộc sống xã hội.

5. Đề bài luyện tập:

Đề 1: Viết một bài văn (khoảng 02 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về tình yêu thương con người trong cuộc sống

Đề 2: Trong bài thơ Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Nguyễn Duy viết:

Ta đi trọn kiếp con người

Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.

Câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về tình mẫu tử?

Đề 3: Từ bài thơ “*Nói với con*” - Y Phương, em hãy viết bài văn nghị luận về vai trò của gia đình.

Đề 4: Trong bài thơ “*Con cò*” nhà thơ Chế Lan Viên có viết:

“Con dù lớn vẫn là con của mẹ,

Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con”

Ý thơ gợi cho em những suy nghĩ gì về tình mẹ trong cuộc đời của mỗi con người.

Đề 5: Nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn “*Bến quê*” (Nguyễn Minh Châu) vào những ngày cuối cùng của cuộc đời mình đã tìm thấy vẻ đẹp quê hương nơi bãi bồi bên kia sông ngay trước cửa sổ nhà mình. Sự phát hiện đó của Nhĩ gợi cho em suy nghĩ gì về cái đẹp trong cuộc sống?

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Viết một bài văn (khoảng 02 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về tình yêu thương con người trong cuộc sống

1. Mở bài: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	<p>- Tình yêu thương luôn cần thiết đối với con người.</p> <p>- Tình yêu thương làm nên giá trị và ý nghĩa cuộc sống của mỗi chúng ta: "Sống trong đời sống cần có một tấm lòng" (Trịnh Công Sơn).</p>
2. Thân bài:	

- Giải thích	<p>Yêu thương con người là tình cảm tốt đẹp nhất mà người ta dành cho nhau. Đó là tình yêu thương dành cho người thân, cho những người trong cộng đồng xã hội, nhất là những người kém may mắn. Đó là tình cảm chân thành xuất phát từ trái tim, bao gồm: sự quan tâm, sự sẻ chia, giúp đỡ, sự bao dung độ lượng, lòng vị tha, đức hi sinh....</p>
- Biểu hiện	<p>- Yêu thương và trân trọng cuộc sống của chính bản thân mình.</p> <p>- Yêu thương đối với những người thân trong gia đình.</p> <p>- Yêu thương đối với con người và cuộc sống: chia sẻ nỗi đau đối với những mảnh đời bất hạnh, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn... Cuộc sống, xã hội hôm nay luôn đầy ắp những việc làm, những nghĩa cử cao đẹp thể hiện sự vị tha, lòng nhân ái. Có tình yêu thương là nỗi đau da cam được xoa dịu, là có trái tim khỏe mạnh, có nụ cười hạnh phúc cho em thơ, có sẻ chia những giọt máu đào trao niềm hy vọng, là có cái tết ấm áp, sum vầy cho người nghèo...Cuộc sống ngập tràn tình yêu thương khiến người với người thân thiện, sống gần gũi, gần bó, xích lại gần nhau, gia đình hạnh phúc, xã hội tốt đẹp, văn minh...</p> <p>- Yêu thương con người phải là tình cảm chân thành, vô tư, không vụ lợi, phải thể hiện bằng việc làm tốt đẹp nhất để mang lại hạnh phúc cho người khác chứ không phải là lòng thương hại, sự bố thí,..</p>
- Vị trí, vai trò	<p>Vị trí: tình yêu thương có vị trí quan trọng trong cuộc sống con người, cuộc sống có thể thiếu nhiều thứ nhưng không thể thiếu tình yêu thương:</p> <p>- Tình yêu thương là cơ sở để xây đắp nên hạnh phúc của mỗi cá nhân, mỗi gia đình.</p> <p>- Tình yêu thương là nền tảng làm nên đạo đức xã hội.</p> <p>- Tình yêu thương có sức mạnh kỳ diệu: xoa dịu nỗi đau của con người, có sức cảm hóa cả những người từng sai đường lạc lối, xóa đi mọi mối hận thù, giúp con người có thêm sức mạnh đứng lên sau khi vấp ngã, sau mỗi lần thất bại... từ đó mà xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn.</p>
- Mở rộng	<p>- Phê phán những biểu hiện tiêu cực, sống vô cảm, thờ ơ; chỉ ra mặt trái của cuộc sống không có tình yêu thương:</p> <p>+ Thiếu vắng tình yêu thương, cuộc sống trở nên vô nghĩa, con người sống với nhau lạnh lùng, vô cảm, M.Go-rơ-ki đã từng nói: " Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi thiếu vắng tình thương". Thiếu vắng tình yêu thương là bạo lực gia đình, bạo lực học đường, những vụ án đẫm máu xảy ra. Mọi cái ác,cái xấu trong xã hội đều có nguyên nhân sâu xa từ sự thiếu vắng tình yêu thương.</p> <p>- Phê phán những biểu hiện thờ ơ, vô cảm, sống không có tình yêu thương:</p> <p>+ Sống lạnh lùng, vô cảm, không biết yêu thương, trân trọng cuộc sống của bản thân, con người.</p> <p>+ Đối xử lạnh lùng, tàn nhẫn, vô ơn với chính những người thân yêu của mình: ông bà, cha mẹ, thầy cô...</p>

	<p>+ Không biết chia sẻ với nỗi đau của đồng loại, thậm chí gây ra nỗi đau cho đồng loại...</p> <p>Đó là những biểu hiện cần lên án, loại bỏ khỏi cuộc sống xã hội.</p>
- Bài học nhận thức và hành động.	<p>- Tu dưỡng bản thân, bồi đắp tâm hồn về cách nghĩ, cách sống, cách ứng xử với bản thân, với gia đình và với người khác bằng trái tim biết yêu thương.</p> <p>- Biết hành động thể hiện tình yêu thương con người bằng những việc làm cụ thể thiết thực mang lại những điều tốt đẹp nhất cho bản thân, gia đình và xã hội; chung tay xây dựng một cuộc sống tràn đầy tình yêu thương.</p>
3. Kết bài: (Khẳng định vấn đề).	<p>Yêu thương và được yêu thương là niềm hạnh phúc lớn nhất trong cuộc sống mỗi người. Vậy phải làm sao để mỗi ngày chúng ta đều được sống trong tình yêu thương và biết mang yêu thương đến cho mọi người? Câu trả lời nằm ở chính mỗi chúng ta.</p>

Đề 2: trong bài thơ Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Nguyễn Duy viết:

Ta đi trọn kiếp con người

Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.

Câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về tình mẫu tử?

1. Mở bài: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	<p>- Tình mẫu tử là một trong những tình cảm thiêng liêng nhất của con người. Kể làm sao hết những yêu thương mà mẹ dành cho con và cũng kể làm sao hết lòng biết ơn vô hạn của những đứa con dành cho mẹ kính yêu.</p> <p>- Người ta nhận ra tình mẫu tử không phải ở những gì to tát, mà đôi khi, chỉ những điều giản dị cũng vỡ lẽ ra bao điều thiêng liêng. Có khi chỉ là mấy lời mẹ ru:</p> <p style="text-align: center;">Ta đi trọn kiếp con người</p> <p style="text-align: center;">Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.</p> <p style="text-align: center;">(Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Nguyễn Duy)</p>
2. Thân bài:	
- Giải thích	<p><u>* Phân tích và lý giải ý nghĩa hai câu thơ:</u></p> <p style="text-align: center;">Lời suy ngẫm của Nguyễn Duy về mẹ, về tình mẹ khi nhà thơ đứng trước hương án thờ mẹ.</p> <p>- "Mấy lời mẹ ru" : Lời ru không chỉ là lời ca và giai điệu ngọt ngào, êm ái để dỗ dành con thơ ngủ ngoan mà còn là sự thể hiện tâm hồn, tấm lòng người hát ru. tiếng ru của mẹ là tình yêu vô bờ mẹ dành cho con; là ước mong về những điều tốt đẹp nhất cho con; là lời gửi gắm tâm tình chứa đựng trải nghiệm, sự hiểu biết của người mẹ về cuộc đời, là khát vọng truyền thụ hiểu biết, kinh nghiệm của mẹ cho con về lẽ sống, về đạo làm người...Nó chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được và muốn xây dựng cho con.</p>

	<p>- Cách nói "đi trọn kiếp... cũng không hết..." khẳng định tình mẹ là vô cùng thiêng liêng cao cả và bất tử, là vô tận, con không thể cảm nhận hết, không thể hiểu biết hết, không thể đáp đền hết, sống hết những gì mẹ đã chuẩn bị cho con qua lời ru ấy.</p> <p>Như vậy, hai câu thơ là lời tri ân của người con với mẹ, là lời ngợi ca về tình mẫu tử mà mẹ dành cho con. Hai câu thơ giản dị mà thâm thúy đủ để mỗi người con lắng lòng mình lại ngẫm nghĩ, suy tư về mẹ, về tình mẫu tử bền chặt, sắt son.</p> <p>* <u>Suy nghĩ về tình mẫu tử</u>: Tình mẫu tử là tình mẹ con, là những thương yêu, đùm bọc, che chở... mà người mẹ dành cho con. Trong đời sống con người có nhiều thứ tình cảm cao đẹp như tình cảm đối với ông bà, anh chị em, tình bạn, tình yêu nước,... nhưng tình mẫu tử vẫn có vị trí đặc biệt, thiêng liêng và máu thịt nhất.</p>
- Vị trí, vai trò	<p>Khẳng định tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng nhất, có sức mạnh diệu kỳ nhất trong cuộc đời mỗi người:</p> <p>- Trong mọi thứ tình cảm thì tình mẫu tử là cao quý và thiêng liêng nhất. Từ xưa đến nay, nhân loại đã và sẽ mãi mãi ca tụng về tình mẫu tử vì nó chứa đựng trong đó là lòng vị tha, đức hi sinh và tình yêu thương không giới hạn. Mẹ là dòng suối mát lành, là bóng mây che mát, là món quà lớn nhất mà tạo hóa ban tặng cho ta. Tình mẹ là điều không thể đo đếm. Có mẹ, con có cả bầu trời yêu thương; mất mẹ là nỗi đau, là mất mát lớn nhất trong đời con.</p> <p>- Tình mẫu tử là môi trường tốt nhất cho sự phát triển của tâm hồn và trí tuệ của đứa con.</p> <p>- Tình mẫu tử là cái gốc thiện, nguồn nuôi dưỡng lương tri, nhân phẩm của con người trong cuộc đời; có ý nghĩa với con người khi đứng trước bờ vực của lầm lỗi và tội ác.</p> <p>- Tình mẫu tử là nơi khởi đầu và cũng là trăn trở về sau cuối của mỗi người trong cuộc sống vốn đầy thử thách, là điểm tựa cho lòng tin, sức mạnh để mỗi người vượt qua khó khăn, tìm thấy niềm hạnh phúc.</p>
- Mở rộng(bày tỏ thái độ)	<p>Phê phán những biểu hiện vi phạm tình mẫu tử:</p> <p>- Không ít người con chà đạp lên tình mẫu tử: con vô tâm, bất hiếu với mẹ, chỉ biết sống đòi hỏi, lãng quên trách nhiệm và bổn phận làm con, không biết quan tâm, chăm sóc mẹ già khi ốm đau...</p> <p>- Vẫn tồn tại hiện tượng cần phê phán về những người mẹ ích kỷ, độc ác bỏ rơi con con, không chăm sóc, thậm chí lợi dụng con để trục lợi bất chính...</p>
- Bài học nhận thức và hành động.	<p>- Biết yêu thương, kính trọng và hiếu thảo với mẹ là bổn phận của đạo làm con.</p> <p>- Biết trân trọng những giây phút còn có mẹ trên đời, biết thể hiện lòng hiếu thảo ngay khi còn có thể.</p> <p>- Tu dưỡng bản thân, bồi đắp tâm hồn lẽ sống để sống có ích, đền đáp công sinh thành, dưỡng dục mà mẹ đã dành cho ta.</p>

3. Kết bài: (Khẳng định vấn đề).	- Hai câu thơ của Nguyễn Duy gọi ra trong lòng mỗi người con những cảm xúc, suy tư sâu sắc về tình mẹ trong cuộc đời mỗi người. - Vì vậy, mỗi người không chỉ đón nhận và trải nghiệm mà phải tự điều chỉnh bản thân để góp phần làm tỏa sáng giá trị thiêng liêng, vĩnh hằng của tình mẫu tử.
---	---

Đề 3: Từ bài thơ “*Nói với con*” - Y Phương, em hãy viết bài văn nghị luận về vai trò của gia đình.

1. Mở bài: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Gia đình – hai tiếng quen thuộc gần gũi mà thân thương đến nao lòng. Người sung sướng nhất là người có được một gia đình hạnh phúc. Có thể thấy, gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người. Gia đình hạnh phúc chính là mục đích cao đẹp nhất mà con khát khao có được.
2. Thân bài: - Giải thích	Gia đình là gì? + Đó là tế bào của xã hội, là tổng hợp các mối quan hệ, ứng xử, giá trị nhân cách, tình cảm, đạo đức, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cộng đồng, dân tộc. + Trong gia đình, mọi người có quan hệ về huyết thống và các quan hệ đặc biệt khác, thường có cùng quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ.
- Vị trí, vai trò	Gia đình có ý nghĩa và vai trò vô cùng đặc biệt với cuộc đời mỗi con người. - Gia đình là mái ấm, là nơi ta được sinh ra, được sống và trưởng thành. + Gia đình chính là cội nguồn sinh dưỡng và hạnh phúc đầu tiên của con người. Chính tại mái ấm này, với tình yêu của cha và mẹ, ta đã được góp mặt trong cuộc đời này + Gia đình là không gian sống thân thuộc trong cuộc đời mỗi con người. Chính tại nơi đây, ta đã chập chững những bước đầu tiên, cất tiếng nói đầu tiên trong hp vô bờ của cha mẹ, người thân. + Là nơi ta được sống trong tình yêu thương, sự chở che, đùm bọc. Ta vô tư nhận tình yêu thương của ông bà, cha mẹ, anh em mà không mấy may suy nghĩ. + Và gia đình cũng là nơi ta sẵn lòng cho đi mà không cần nhận lại. Ở đó có biết bao tình cảm trong sáng, đẹp đẽ mà những người thân đã dành cho nhau. Khi đó ta thấy thật sự sung sướng, bình yên và hạnh phúc. - Gia đình là điểm tựa, là chỗ dựa vững chắc, là bến đỗ bình yên nhất trong cuộc đời con người. + Cuộc sống không phải lúc nào cũng suôn sẻ, may mắn mà con đường cuộc đời biết bao gian nan, thử thách. Trên con

	<p>đường ấy, có lúc ta vấp ngã, thất bại, có lúc ta cũng nản lòng, nhụt chí, những khi đó bên cạnh ta luôn có ông bà, cha mẹ người thân. Tất cả mọi người đều động viên an ủi ta là ta vững tâm, bền chí.</p> <p>+ Thậm chí nếu ta sa ngã trở thành kẻ xấu, kẻ ác, thành tội nhân bị xã hội, người đời xa lánh khinh bỉ thì gia đình vẫn luôn giang rộng vòng tay đón họ trở về và tin rằng tình cảm gia đình sẽ tạo nên sức mạnh cảm hóa được những đứa con lầm đường lạc lối ấy. Có thể tin rằng, không nơi nào ngoài gia đình luôn bao dung, chở che, đùm bọc, đón nhận ta trong những tình huống nghiệt ngã như vậy của cuộc đời. Ô – ri – pít, nhà viết kịch Hi Lạp thời cổ đại đã từng khẳng định: “Duy chỉ có gia đình, c/n ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại những tai ương của số phận”.</p> <p>(Dẫn chứng: Anh Nhĩ trong “Bến quê”, Chí Phèo khao khát hạnh phúc bình dị: chồng kéo lưới, vợ dệt vải, Vũ Nương "chỉ mong có thú vui nghi gia nghi thất"...)</p> <p>- Gia đình là cái nôi, là cơ sở, nền tảng bồi dưỡng và hình thành nhân cách cao đẹp cho c/n.</p> <p>+ Gia đình chính là ngôi trường đầu tiên, là môi trường gần gũi có ảnh hưởng lớn nhất đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Từ mái ấm gia đình ta dần khôn lớn trưởng thành cả về thể xác và tâm hồn, lối sống về đạo đức làm người.</p> <p>+ Trong nếp sống của người Á Đông, gia đình có vai trò rất lớn trong việc bồi dưỡng tâm hồn và giáo dục nhân cách con người.</p>
- Mở rộng	<p>- Mái ấm gia đình vô cùng quý giá và quan trọng đối với mỗi người, nhất là đối với trẻ em; hạnh nhất. Trong môi trường gia đình hạnh phúc, con cái có điều kiện được chăm sóc, bảo ban, dạy dỗ và phát triển theo đúng hướng tích cực.</p> <p>- Ngược lại một gia đình không hòa thuận, bố mẹ thường cãi vã thì ảnh hưởng rất xấu đến con cái. Có những đứa trẻ lớn lên trong thù hận, trong mặc cảm, tự ti và lớn lên có thể trở thành kẻ ác, kẻ xấu, kẻ phản bội, đánh mất nhân cách của bản thân, làm xấu hổ cả dòng họ.</p> <p>- Gia đình tan vỡ, trẻ em sẽ là những nạn nhân thiệt thòi, bất hạnh.</p> <p>- Phê phán những người chưa biết trân trọng hạnh phúc gia đình mà mình có.</p>
- Bài học nhận thức và hành động.	<p>- Người lớn cần có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn mái ấm gia đình, không nên vì bất cứ lí do gì mà làm tổn thương đến những tình cảm tự nhiên, trong sáng của con trẻ.</p> <p>- Trẻ em cần phải biết vâng lời, làm vui lòng ông bà, cha mẹ...</p>

3. Kết bài: (Khẳng định vấn đề).	Khẳng định vai trò của gia đình với con người: Gia đình chính là nguồn vui, nguồn yêu thương, là mái ấm chở che cho mỗi cuộc đời, là cái nôi vững chắc để đào tạo con người trưởng thành.
---	---

Đề 4: Trong bài thơ “**Con cò**” nhà thơ Chế Lan Viên có viết:

“Con dù lớn vẫn là con của mẹ,

Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con”

Ý thơ gợi cho em những suy nghĩ gì về tình mẹ trong cuộc đời của mỗi con người.

* Để làm đọc đề bài này, học sinh cần xác định đúng các yêu cầu sau:

- Kiểu bài: Nghị luận xã hội (nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí)
- Nội dung nghị luận: Về đẹp (ý nghĩa) của tình mẹ trong cuộc đời mỗi con người.
- Phạm vi tư liệu: Những hiểu biết và suy nghĩ của cá nhân về tình mẹ trong cuộc sống của mỗi người.
- Các nội dung cần viết:

1. Mở bài: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt vào bài bằng các tình cảm cao quý trong cuộc sống của mỗi người: tình cảm gia đình, tình anh em, tình cảm bạn bè, tình yêu quê hương, đất nước... - Nhấn mạnh tình mẫu tử là tình cảm có vị trí đặc biệt quan trọng.
2. Thân bài:	
- Giải thích	Giải thích qua ý thơ của tác giả Chế Lan Viên (ý phụ): Dựa trên nội dung bài thơ “Con cò”, đặc biệt là hai câu thơ mang ý nghĩa triết lí sâu sắc khẳng định tình mẹ bao la, bất diệt. Trớc mẹ kính yêu, con dù có khôn lớn trở thành nh thế nào đi chăng nữa thì vẫn là con bé nhỏ của mẹ, rất cần và luôn được mẹ yêu thương, chở che suốt đời.
- Vị trí, vai trò	Khẳng định vai trò của mẹ trong cuộc sống của mỗi người (ý chính): Mẹ là người sinh ra ta trên đời, mẹ nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ chúng ta. Mẹ mang đến cho con biết bao điều tuyệt vời nhất: nguồn sữa trong mát, câu hát thiết tha, những nâng đỡ, chở che, những yêu thương vô vể, mẹ là bến đỗ bình yên của cuộc đời con, là niềm tin, là sức mạnh nâng bớc chân con trên đờng đời,... Công lao của mẹ nh nớc trong nguồn, nớc biển Đông vô tận. (Dẫn chứng cụ thể)
- Mở rộng(bày tỏ thái độ)	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, mở rộng đến những tình cảm gia đình khác: tình cha con, tình cảm của ông bà và các cháu, tình cảm anh chị em để khẳng định đó là những tình cảm bền vững trong đời sống tinh thần của mỗi người. Vì vậy mỗi chúng ta cần gìn giữ và nâng niu. Tình cảm gia đình bền vững cũng là cội nguồn sức mạnh dựng xây một xã hội bền vững, đẹp tươi. - Phê phán những biểu hiện, những thái độ, hành vi cha đúng

	với đạo lí làm con của một số người trong cuộc sống hiện nay: cãi lại cha mẹ, ham chơi, làm những việc vi phạm pháp luật để mẹ lo lắng, đau lòng... Có thể phê phán tới cả những hiện tượng mẹ ruồng rẫy, vất bỏ con, cha làm tròn trách nhiệm của người cha, người mẹ...
- Bài học nhận thức và hành động.	Mỗi chúng ta cần phải làm gì để đền đáp công ơn của mẹ? Cuộc đời mẹ không gì vui hơn khi thấy con mình mạnh khỏe, chăm ngoan, giỏi giang và hiếu thảo. Mỗi chúng ta cần rèn luyện, học tập và chăm ngoan để mẹ vui lòng: vâng lời, chăm chỉ, siêng năng, học giỏi, biết giúp đỡ cha mẹ...(Có dẫn chứng minh họa).
3. Kết bài: (Khẳng định vấn đề).	Tình mẫu tử là thứ tình cảm thiêng liêng, cao quý nhất đối với mỗi người. Cần trân trọng tình cảm ấy, sống làm sao cho thật xứng đáng với công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ. Như lời Phật răn dạy “Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc – đừng để buồn lên mắt mẹ nghe không”.

Đề 5: Nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn “**Bến quê**” (Nguyễn Minh Châu) vào những ngày cuối cùng của cuộc đời mình đã tìm thấy vẻ đẹp quê hương nơi bãi bồi bên kia sông ngay trước cửa sổ nhà mình. Sự phát hiện đó của Nhĩ gợi cho em suy nghĩ gì về cái đẹp trong cuộc sống?

1. Mở bài: (Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)	Có những người đến cuối cuộc đời mới tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống nằm ngay trong những điều giản dị, gần gũi quanh mình. Như nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn “Bến quê” (Nguyễn Minh Châu) vào những ngày cuối cùng của cuộc đời mình đã tìm thấy vẻ đẹp quê hương nơi bãi bồi bên kia sông ngay trước cửa sổ nhà mình.
2. Thân bài:	
- Giải thích	+ Phân tích được tâm trạng của nhân vật Nhĩ trong những ngày cuối đời khi phát hiện ra bãi bồi bên kia sông, ngay trước cửa sổ nhà mình. Nhĩ trước đó từng đi khắp mọi nơi trên trái đất nhưng về cuối đời anh mắc bệnh trọng nằm liệt giường mọi hoạt động của anh đều phải nhờ vào người thân. Chính lúc này anh mới nhận ra vẻ đẹp của những cánh hoa bằng lăng, của mặt sông Hồng màu đỏ nhạt, một dải đất bồi đắp dính phù sa, của những sắc màu thân thuộc như da thịt, như hơi thở thân thuộc. Đó là những phát hiện vừa mới mẻ, vừa muộn màng gửi gắm tâm trạng của một con người nặng trĩu những từng trải, đau thương: yêu quê hương nhưng một đời phải li hương, thường hờ hững và mắc vào những điều vòng vèo, chùng chình nên bây giờ cảm thấy tiếc nuối, xa xôi. Qua đó nhà văn Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến mọi người một thông điệp: Cái đẹp

	thật gần gũi, cái đẹp nằm ngay trong những điều giản dị, tiêu sơ của cuộc đời mà mỗi người vì sự thờ ơ có thể lãng quên.
- Vị trí, vai trò	<p>+ Khẳng định cái đẹp nằm trong những điều giản dị, gần gũi: cái đẹp trong lời ăn tiếng nói, trong trang phục giản dị hợp người hợp cảnh, trong gia đình với ngôi nhà sạch sẽ gọn gàng, trong cách trang trí nhẹ nhàng thanh thoát không một chút cầu kì, phô trương; cái đẹp trong một buổi sớm mai trên con đường quen thuộc từ nhà đến trường, trong những bông hoa dại ven đường mong manh bé nhỏ; cái đẹp trong những cử chỉ thân mật gắn bó giữa bạn bè...</p> <p>+ Con người cần phải tự ý thức để nhận ra và trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, đích thực của cuộc sống. Trước hết mỗi người phải biết yêu cái đẹp, trân trọng và nâng niu vẻ đẹp trong cuộc đời. Mỗi người phải biết tạo ra cái đẹp cho mình và cho mọi người để tô điểm cho cái đẹp của cuộc sống quanh ta. Có thể liên hệ tới những câu nói “Ăn cho mình mặc cho người” hoặc “Không có người phụ nữ nào xấu, chỉ có những người phụ nữ không biết làm đẹp mà thôi”</p>
- Mở rộng(bày tỏ thái độ)	<p>+ Phê phán những quan niệm sai lầm về cái đẹp của nhiều người trong cuộc sống hiện nay: đẹp là phải ăn mặc sành điệu, đúng một hợp thời trang, đẹp là phải sống trong ngôi nhà cao tầng trang trí cầu kì sang trọng trong khi chủ nhân của những trang phục, ngôi nhà đó sống chưa đẹp; đẹp là phải đi đến những nơi xa lạ, những nơi có danh lam thắng cảnh trong khi người khách du lịch ấy chưa nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn môi trường xung quanh, xem thường những nơi từng gắn bó, thân quen từ trước...</p> <p>+ Từ đó biết làm đẹp cho mình một cách phù hợp, làm đẹp cho quê hương, cho cuộc đời chung, biết trân trọng những giá trị đích thực, giản dị và bền vững của cuộc đời.</p>
- Bài học nhận thức và hành động.	<p>- Trân trọng những điều giản dị mà có ý nghĩa quanh mình.</p> <p>- Luôn tìm kiếm niềm vui, hạnh phúc từ cuộc sống, người thân, đừng để bản thân phải nuối tiếc khi không biết trân trọng những điều giản dị ấy.</p>
3. Kết bài: (Khẳng định vấn đề).	<p>“Còn gì đẹp trên đời hơn thế Người với người sống để yêu nhau.” (Tố Hữu) Yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống cũng là một cách sống đẹp.</p>

CHUYÊN ĐỀ 2: BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Những lưu ý chung:

* **Phân loại:** Kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học được chia làm hai loại nhỏ: nghị luận về tác phẩm truyện(đoạn trích) và nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

2. Thao tác khi làm bài:

- **Bước 1:** Nắm chắc nội dung toàn tác phẩm: Tác phẩm này do ai sáng tác? Trong hoàn cảnh nào? Đề tài và chủ đề của tác phẩm? Tóm tắt nội dung (đối với tác phẩm văn xuôi)? Bố cục, nội dung, chi tiết nghệ thuật(đối với tác phẩm thơ). - **Bước 2:** trước một đề bài cần xem xét các dạng đề đối với tác phẩm đó (dạng đề ở đây được hiểu là về thể loại và nội dung)

VD: Với tác phẩm Lão Hạc chúng ta có thể gặp các dạng đề nghị luận về: các nhân vật trong tác phẩm (Lão Hạc), giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm, nghệ thuật miêu tả tâm lý và khắc họa nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện...Ở mỗi dạng đề cần ddịnđịnh hướng được những ý chính.

- **Bước 3:** Lập dàn bài chi tiết cho từng dạng đề ở mỗi tác phẩm

- **Bước 4:** Viết bài và sửa chữa

* Cách triển khai bố cục bài văn:

- **Đối với phần mở bài:** Hãy viết phần mở bài theo nhiều cách khác nhau. (Đi từ khái quát đến cụ thể, nêu trực tiếp những suy nghĩ của người viết hoặc nói cách khác là mở bài gián tiếp, mở bài trực tiếp. Trong mở bài gián tiếp chọn viết theo phương pháp diễn dịch, quy nạp, tương đồng, tương phản.) Việc này sẽ giúp học sinh nhớ lại kiến thức về những cách mở bài đã được giới thiệu trong phần hướng dẫn trước đó để vận dụng vào thực hành viết đoạn mở bài tốt hơn.

- **Đối với phần thân bài:** Phần thân bài bao gồm nhiều đoạn. Ở phần này học sinh thường gặp các vấn đề chính cần giải quyết: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận. Ngoài ra còn có thể liên hệ với bản thân, liên hệ vào thực tiễn cuộc sống, quan niệm, điểm nhìn của tác giả... Yêu cầu viết một đoạn phần thân bài có thể cụ thể bằng hệ thống câu hỏi sau:

+ Viết đoạn văn giải thích/ phân tích/ chứng minh/ bình luận...

+ Viết đoạn văn theo lối quy nạp, diễn dịch, song hành, tổng phân hợp...

- **Đối với phần kết bài:** Yêu cầu viết đoạn kết bài theo phương pháp diễn dịch/ quy nạp/ song hành....

I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (ĐOẠN TRÍCH)

1. Khái niệm

Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là người viết trình bày những hiểu biết, nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của tác phẩm truyện hoặc đoạn trích cụ thể.

2. Yêu cầu chung của kiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

- Những lời nhận xét, đánh giá về truyện phải xuất phát từ ý nghĩa cốt truyện, từ tính cách, số phận nhân vật hay nghệ thuật kể chuyện trong tác phẩm.

- Bài viết phải có bố cục mạch lạc, hệ thống luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục; lời văn chuẩn xác, gợi cảm; giữa các phần, các đoạn có sự liên kết tự nhiên.

- Đối tượng nghị luận của tác phẩm truyện (đoạn trích) rất phong phú: nhân vật, nhan đề truyện, một chi tiết truyện, phương diện nội dung, nghệ thuật kể chuyện... Vì vậy, khi làm bài cần căn cứ vào đối tượng đề yêu cầu để có những nhận xét, đánh giá phù hợp.

3. Hướng dẫn cách làm:

- a. Mở bài : giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.
- b. Thân bài: nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực.
- c. Kết bài: nêu nhận định, đánh giá chung của mình về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

4. Một số dạng bài nghị luận về tác phẩm truyện thường gặp

a. Dạng 1: Nghị luận về nhân vật trong truyện:

- Đề bài thường yêu cầu: phân tích, cảm nhận, suy nghĩ hoặc ấn tượng sâu sắc... về một nhân vật hoặc một vẻ đẹp nào đó của nhân vật trong tác phẩm truyện.

- Bố cục:

+ Mở bài: giới thiệu tác giả (tên tuổi, vị trí, đặc điểm riêng trong sáng tác); giới thiệu tác phẩm truyện (hoàn cảnh sáng tác, chủ đề); nhân vật cần nghị luận (đặc điểm nhân vật và ấn tượng khái quát nhất của người viết về nhân vật đó).

+ Thân bài: lần lượt trình bày những nhận xét, phân tích, đánh giá về từng khía cạnh của nhân vật do tác phẩm gợi ra (mỗi khía cạnh của nhân vật hình thành một luận điểm riêng; các luận điểm trình bày có hệ thống, lô-gíc, giữa các luận điểm có thể có quan hệ tương phản hoặc quan hệ bổ sung...). Làm rõ các đặc điểm, khía cạnh về nhân vật bằng các chi tiết về lai lịch, ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ... của nhân vật hoặc có thể của nhân vật khác nhận xét về nhân vật.

+ Kết bài: Đánh giá chung về nghệ thuật xây dựng nhân vật (nhân vật được xây dựng theo bút pháp gì? Nhà văn sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật nào khi xây dựng nhân vật?), ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm (Nhân vật tiêu biểu cho loại người nào? Qua nhân vật nhà văn thể hiện thái độ gì đối với cuộc sống?...). Có thể liên hệ, nêu bài học rút ra từ nhân vật.

b. Dạng 2: Nghị luận về giá trị nhân đạo của tác phẩm truyện

Cần nêu được các ý cơ bản sau:

- Mở bài: giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhận xét khái quát về giá trị nhân đạo của tác phẩm.

- Thân bài:

+ Nêu khái niệm về giá trị nhân đạo của một tác phẩm văn học.

+ Phân tích những biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm: tố cáo thế lực xấu xa đã chà đạp lên quyền sống chính đáng của con người, thông cảm bệnh vực trước nỗi đau khổ của con người, trân trọng ngợi ca những giá trị tốt đẹp của con người....

- Kết bài:

+ Đánh giá khái quát về giá trị nhân đạo của tác phẩm. Khẳng định những điểm mới của tác giả khi thể hiện cảm hứng nhân đạo so với các tác phẩm cùng đề tài.

+ Có thể nêu những suy ngẫm, những bài học của bản thân được rút ra từ vấn đề nghị luận.

c. Dạng 3: Nghị luận về ý nghĩa của chi tiết trong tác phẩm truyện

- Phạm vi: những chi tiết được chọn để nghị luận thường là chi tiết giàu ý nghĩa, có vai trò quan trọng trong việc phát triển cốt truyện hoặc làm nổi bật tư tưởng, chủ đề, tính cách nhân... của tác phẩm truyện.

Ví dụ: Một trong những thành công làm nên sức hấp dẫn của Chuyện người con gái Nam Xương so với truyện cổ tích Vợ chàng Trương là sự sắp đặt tài tình chi tiết nghệ thuật chiếc bóng.

Trình bày hiểu biết của em về chi tiết nghệ thuật đó.

Bố cục: gồm ba phần:

- Mở bài: giới thiệu ngắn gọn tác giả, tác phẩm truyện, chi tiết nghệ thuật cần nghị luận và đánh giá khái quát của người viết về chi tiết đó.

- Thân bài: có thể làm rõ các ý sau:

+ Tái hiện chi tiết truyện, nêu rõ vị trí của chi tiết nghệ thuật đó trong việc thể hiện tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm.

+ Tính chất của chi tiết nghệ thuật: thuộc loại chi tiết thần kỳ, chi tiết tả thực, hoặc biểu tượng ẩn dụ...

+ Phân tích, làm rõ ý nghĩa của chi tiết đó trong việc hình thành cốt truyện, thể hiện tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm, cá tính sáng tạo của nhà văn.

- Kết bài:

+ Đánh giá, mở rộng nâng cao giá trị, ý nghĩa của chi tiết nghệ thuật: từ chi tiết nhận xét về quan niệm thẩm mỹ, phong cách nghệ thuật của nhà văn, đóng góp làm phong phú thêm kho tàng chất liệu văn học như thế nào?...

+ Bài học rút ra hoặc thông điệp tác giả gửi nhắn qua chi tiết nghệ thuật đó.

d. Dạng 4: Dạng đề so sánh trong tác phẩm truyện:

* Đặc điểm và yêu cầu:

- Đề bài thường yêu cầu: cảm nhận, suy nghĩ, ấn tượng sâu sắc hoặc phân tích trong thế đối sánh, vẻ đẹp riêng... về hai (ba...) nhân vật của một hoặc vài tác phẩm truyện, về cảm hứng nhân đạo, về sự thống nhất và chuyển biến trong phong cách nghệ thuật của nhà văn, hoặc một hình ảnh, chi tiết đặc sắc của hai hay nhiều tác phẩm truyện.

Ví dụ: Các nữ nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi của nhà văn Lê Minh Khuê có những phẩm chất chung gì và có những nét gì là cá tính riêng của mỗi người? Hãy làm sáng tỏ nét chung, nét riêng đó thông qua tác phẩm trên.

- Yêu cầu về thao tác nghị luận: vận dụng tổng hợp các thao tác phân tích, so sánh, giải thích, chứng minh...

* Bố cục: ba phần:

- Mở bài: giới thiệu về (nhóm) tác giả, tác phẩm, đoạn trích; nêu vấn đề cần nghị luận.

- Thân bài: làm rõ điểm tương đồng, điểm khác biệt của vấn đề cần nghị luận trong hai hay nhiều tác phẩm truyện; có thể lý giải nguyên nhân của điểm tương đồng/ khác biệt đó dựa trên yếu tố chủ quan, khách quan, hoàn cảnh lịch sử, đặc trưng thể loại, cá tính sáng tạo của nghệ sĩ...

Có thể trình bày phần thân bài theo những cách sau:

+ Cách 1: Làm rõ sự tương đồng của vấn đề cần nghị luận trong nhóm nhân vật, nhóm tác phẩm...

Làm rõ sự khác biệt của vấn đề cần nghị luận trong thế đối sánh của nhóm nhân vật, nhóm tác phẩm...

Lý giải nguyên nhân của những điểm tương đồng / khác biệt đó.

+ Cách 2: Cảm nhận/ phân tích cụ thể từng nhân vật, cảm hứng nhân đạo, chi tiết... của từng tác phẩm.

Nhận xét chung về điểm tương đồng và khác biệt, lý giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó.

- Kết bài: Đánh giá khái quát vấn đề nghị luận, mở rộng nâng cao vấn đề (Từ điểm tương đồng, khác biệt đó tạo ra vẻ đẹp riêng cho tác phẩm/ nhân vật/ cảm hứng nhân đạo... như thế nào? Nó góp phần khẳng định cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ, sự phong phú cho loại nhân vật/ giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm nói chung ra sao?,).

II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

1. Khái niệm về kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ là người viết phải trình bày những lời nhận xét, đánh giá và rung cảm sâu sắc của mình về nội dung, tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật của một đoạn thơ, bài thơ cụ thể.

2. Đặc điểm và yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

- Đề bài thường yêu cầu nêu cảm nghĩ, cảm nhận, phân tích, bình giảng... một đoạn thơ hoặc bài thơ.

- Để làm tốt một bài nghị luận thơ, cần tìm hiểu kỹ những yếu tố sau:

+ Yếu tố trong văn bản thơ: giọng điệu, ngôn ngữ, hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật, chủ đề, tư tưởng...

+ Yếu tố nằm ngoài văn bản: cuộc đời, cá tính sáng tạo, quan niệm thẩm mỹ... của tác giả; hoàn cảnh sáng tác bài thơ...

- Các biện pháp nghị luận:

+ Đọc kỹ văn bản thơ, xác định nội dung cảm xúc của tác phẩm, lựa chọn các nội dung để nghị luận như: nhan đề, giọng điệu, ngôn ngữ, hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật, các chi tiết nghệ thuật, các mối liên hệ không gian, thời gian, cách cảm nhận riêng của tác giả, cấu tứ, bố cục... chú ý vào chỗ khó, chỗ lạ, những điểm mà bản thân thấy hứng thú.

+ Miêu tả đoạn trích, bài thơ cần nghị luận về xuất xứ, nội dung, điểm đặc biệt của đoạn trích, bài thơ đó.

+ Giảng giải ý nghĩa của từ ngữ, hình ảnh, câu thơ, chi tiết then chốt và vị trí của nó trong tác phẩm, đi từ nghĩa chính đến nghĩa chuyển, nghĩa đen đến nghĩa bóng, trong mối liên hệ với chính nó, với văn bản và với việc bộc lộ chủ đề của tác phẩm.

+ Có thể liên hệ, đối chiếu với những bài thơ, ý thơ, câu thơ có nét tương đồng để khai thác nét độc đáo, riêng biệt và sự đóng góp của tác giả trong phương diện nghệ thuật và nội dung biểu hiện.

+ Đánh giá các giá trị văn học của bài thơ, đoạn thơ: về giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ (những sáng tạo về mặt nghệ thuật, sự phù hợp giữa hình thức nghệ thuật và nội dung biểu hiện); về giá trị nội dung (các khía cạnh về hiện thực, nhân văn, vốn sống, chiều sâu tư tưởng...)

- Yêu cầu về nghị luận:

+ Hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lô-gíc. Lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết.

+ Mỗi luận điểm trong bài viết cần lựa chọn cách triển khai phù hợp: diễn dịch, quy nạp hoặc tổng - phân - hợp.

3. Hướng dẫn cách làm:

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả, về đoạn thơ hoặc bài thơ cần nghị luận.
- Nêu một cách ngắn gọn (từ 1 - 2 câu) nhận xét khái quát, cảm nhận ban đầu của người viết về đoạn thơ, bài thơ đó.
- Trích dẫn bài thơ, đoạn thơ (nếu là bài thơ, đoạn thơ ngắn có thể trích dẫn đầy đủ; nếu là bài thơ, đoạn thơ dài thì trích dẫn câu đầu và câu cuối).

b. Thân bài: Triển khai các nội dung nghị luận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.

+ Có thể chia bài thơ, đoạn thơ ra thành từng đoạn theo bố cục, hoặc theo nội dung.

+ Phân tích, cắt nghĩa đi từ hình thức đến nội dung biểu hiện của các chi tiết nghệ thuật, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, câu thơ... để tìm ra nội dung cảm xúc của tác phẩm, sự sáng tạo của tác giả trong việc biểu hiện nội dung, tư tưởng.

- Kết bài: khái quát chung về giá trị, ý nghĩa của bài thơ, đoạn thơ; từ đó nhấn mạnh thêm ý nghĩa của tác phẩm đối với sự nghiệp sáng tác của tác giả, đối với bạn đọc..

Đề bài luyện tập:

STT	Nội dung	Trang
1. Ôn tập thơ hiện đại Việt Nam		
1	Đồng chí	
2	Bài thơ về tiểu đội xe không kính	
3	Đoàn thuyền đánh cá	
4	Bếp lửa	
5	Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ	
6	Ánh trăng	
7	Mùa xuân nho nhỏ	
8	Viếng lăng Bác	
9	Sang thu	
10	Nói với con	
2. Ôn tập truyện hiện đại		

1	Làng	
2	Lặng lẽ Sa Pa	
3	Chiếc lược ngà	
4	Những ngôi sao xa xôi	
3. Ôn tập văn học Trung đại		
1	Người con gái Nam Xương	
2	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh	
3	Hoàng Lê Nhất thống chí	
4	Truyện Kiều	
5	Lục Vân Tiên	

1. Ôn tập thơ hiện đại Việt Nam
Đồng chí
Bài thơ về tiểu đội xe không kính
Đoàn thuyền đánh cá

Bếp lửa
Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ
Ánh trăng
Mùa xuân nho nhỏ
Viếng lăng Bác
Sang thu
Nói với con

BÀI 1: ĐỒNG CHÍ

(Chính Hữu)

Đề bài luyện tập:**Đề 1:** Phân tích cơ sở hình thành tình đồng chí được thể hiện trong đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

(Trích Đồng chí- Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

Đề 2: Kết thúc bài thơ Đồng chí, Chính Hữu viết:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Cảm nhận sâu sắc của em về vẻ đẹp của đoạn thơ trên.

Đề 3: Phân tích bài thơ Đồng Chí của nhà thơ Chính Hữu.**Đề 1:** Phân tích cơ sở hình thành tình đồng chí được thể hiện trong đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

(Trích Đồng chí- Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

*** Gợi ý chung:**

- Nội dung: học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

*** Yêu cầu cụ thể:**

1. Mở bài	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính.
2. Thân bài	
- Tình đồng chí bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó:	
	<p>Quê hương anh nước mặn, đồng chua</p> <p>Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.</p> <p>Những chi tiết chân thực: nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá đã gợi ra hoàn cảnh xuất thân của người lính. Họ cùng chung giai cấp, đều là những người nông dân chân lấm tay bùn, ra đi từ những vùng quê nghèo khó quanh năm vất vả, nhọc nhằn.</p>
- Tình đồng chí được nảy sinh bởi họ cùng chung mục đích, chung lý tưởng:	
	<p>Những người lính đến từ mọi miền của Tổ quốc, vốn là những người xa lạ, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ đã nhanh chóng tập hợp trong đội quân cách mạng và quen nhau, rồi cùng chung nhiệm vụ, chung chiến hào, đồng lòng đánh giặc.</p>
- Tình đồng chí nảy nở và ngày càng bền chặt cùng chia sẻ ngọt bùi, đồng cam cộng khổ:	
	<p>" Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ " . Trong gian khổ thiếu thốn buổi đầu cách mạng, họ tìm đến bên nhau, chia nhau từng hơi ấm yêu thương từ tấm chăn mỏng. Mảnh chăn khép lại, tâm tình người lính mở ra. Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được tác giả biểu hiện bằng những chi tiết hình ảnh thật cụ thể , giản dị và hết sức gợi cảm. Các anh thấu hiểu lòng nhau, đồng cảm với nhau, kết thành đôi tri kỉ rồi trở thành Đồng chí.</p> <p>Câu thơ " Đồng chí !" được tách riêng ở một dòng thơ rất đặc biệt, chỉ gồm một từ, hai tiếng và dấu chấm than như một sự phát hiện, một lời khẳng định, nhấn mạnh tình đồng chí là một tình cảm mới mẻ nhưng hết sức thiêng liêng cao đẹp, là sự kết</p>

	tình của tình bạn, tình người giữa những người lính nông dân trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp ồp. Câu thơ " Đồng chí" như một bản lề gắn kết tự nhiên, khéo léo giữa hai phần của bài thơ: khép lại phần giải thích cội nguồn cao quý thiêng liêng của tình đồng chí và mở ra những biểu hiện cao đẹp hơn của tình đồng chí.
* Nghệ thuật: Hình ảnh tả thực, sống đôi, ngôn ngữ giản dị đã tái hiện những thiếu thốn trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp song chính những khó khăn ấy đã tạo nên tình đồng chí gắn bó. Văn viết có sáng tạo, mang dấu ấn cá nhân.	
3. Kết bài	Đoạn thơ đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí đồng, đội sống chết có nhau.

Đề 2: Kết thúc bài thơ Đồng chí, Chính Hữu viết:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Cảm nhận sâu sắc của em về vẻ đẹp của đoạn thơ trên.

1. Mở bài - Chính Hữu là nhà thơ quân đội, thành công chủ yếu về đề tài người lính và chiến tranh. Bài thơ Đồng chí được sáng tác đầu năm 1948, Kim trong tập Đầu súng trăng treo (1966). Bài thơ ca ngợi tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng.

- Ba câu thơ kết bài thơ Đồng chí đã gọi ra một bức tranh hiện thực về hình ảnh người chiến sĩ và tình đồng chí thiêng liêng nơi chiến hào đánh giặc.

2. Thân bài

Câu thơ đầu gọi ra hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt: Đêm nay rừng hoang sương muối.

Câu thơ ngắt nhịp 2/2/2 đem đến ba thông tin về thời gian "đêm nay", về không gian "rừng hoang", về thời tiết: "sương muối". Tất cả đều nhấn vào cái hoang vu, cái lạnh thấu xương khi những người lính đứng gác nơi rừng sâu giá lạnh trong khi trang phục các anh lại phong phanh: áo rách, quần vá, đầu trần, chân đất, khó có thể chống lại được cái lạnh thấu xương. "Đêm nay" là một đêm phục kích cụ thể nhưng có ý nghĩa khái quát như bao đêm khác, việc phục kích trong hoàn cảnh khắc nghiệt với các anh đã thành thường lệ.

Câu thơ thứ hai: Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới.

Có sự đối lập giữa hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt với vẻ đẹp của lý tưởng cách mạng và tình đồng chí keo sơn. Dù cho cái rét có thấm vào xương thịt, các anh vẫn bất chấp tất cả, vẫn "Đứng cạnh bên nhau", vẫn kề vai sát cánh, đoàn kết chung một chiến hào trong tư thế chủ động "chờ giặc tới". Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng các anh, xua đi cái hoang vu, giá lạnh của núi rừng Việt Bắc. Trong cái bát ngát của núi rừng, hai người lính hiện lên sừng sững, hiên ngang, cao cả sánh ngang cùng núi rừng Việt Bắc.

Bài thơ khép lại bằng hình ảnh đẹp "Đầu súng trăng treo". Hình ảnh thơ giàu ý nghĩa tả thực và biểu tượng:

- Ý nghĩa tả thực:

Hình ảnh thơ được nhận ra sau nhiều đêm đi phục kích của tác giả: Đêm đã về khuya, nơi rừng hoang, sương muối xuống mỗi lúc một nhiều, bầu trời như sà xuống thấp dần, vầng trăng cũng như sà xuống thấp hơn. Hai người lính đang kê vai sát cánh trong tư thế chủ động xuất kích, nhìn ở một góc độ nào đó họ nhận ra trăng như đang treo lơ lửng trên đầu mũi súng.

- Ý nghĩa biểu tượng:

Từ ý nghĩa tả thực, hình ảnh "súng" và "trăng" còn gợi ra trong lòng người đọc những liên tưởng sâu xa. Súng và trăng- hai hình ảnh Vốn ở rất xa nhau nhưng trong cảm nhận của người chiến sĩ lại đan cài, gắn kết tự nhiên. Súng và trăng là biểu tượng của gần và xa, của chiến tranh và hòa bình, của hiện thực và lãng mạn, của cứng rắn và dịu hiền, là chất chiến sĩ và chất thi sĩ, chất thép và chất trữ tình... đã trở thành biểu tượng về người lính: cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng tâm hồn các anh luôn trong trẻo, tràn đầy cảm hứng lạc quan, lãng mạn. Hình ảnh thơ đã trở thành biểu tượng cho thơ ca cách mạng- nền thơ ca kết hợp hài hòa giữa cảm hứng hiện thực và lãng mạn.

3. Kết bài

Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả.

Đề 3: Phân tích bài thơ Đồng Chí của nhà thơ Chính Hữu.

<p>1. Mở bài</p>	<p>- Chính Hữu là nhà thơ quân đội, thành công chủ yếu về đề tài người lính và chiến tranh. Thơ Chính Hữu giản dị và chân thực, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc.</p> <p>- Bài thơ Đồng Chí được sáng tác đầu năm 1948 sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (Thu Đông 1947). Bài thơ ca ngợi tình đồng chí, đồng đội thấm thiết, sâu nặng của những người lính Cách mạng. Đồng thời còn làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.</p>
<p>2. Thân bài</p>	<p>a) Cơ sở hình thành tình đồng chí</p> <p>- Tình đồng chí bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó:</p> <p style="padding-left: 40px;">Quê hương anh nước mặn, đồng chua</p> <p style="padding-left: 40px;">Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.</p> <p>Những chi tiết chân thực: nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá đã gợi ra hoàn cảnh xuất thân của người lính. Họ cùng chung giai cấp, đều là những người nông dân chân lấm tay bùn, ra đi từ những vùng quê nghèo khó quanh năm vất vả, nhọc nhằn.</p> <p>- Tình đồng chí được nảy sinh bởi họ cùng chung mục đích, chung lý tưởng: từ đôi người xa lạ, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ đã nhanh chóng tập hợp trong đội quân cách mạng và quen nhau, rồi cùng chung nhiệm vụ, chung chiến hào, đồng lòng đánh giặc.</p> <p>- Tình đồng chí này nở và ngày càng bền chặt cùng chia sẻ ngọt bùi, đồng cam cộng</p>

	<p>khổ: " Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ " . Trong gian khổ thiếu thốn buổi đầu cách mạng, họ tìm đến bên nhau, chia nhau từng hơi ấm yêu thương từ tấm chăn mỏng. Mảnh chăn khép lại, tâm tình người lính mở ra. Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được tác giả biểu hiện bằng những chi tiết hình ảnh thật cụ thể , giản dị và hết sức gợi cảm. Các anh thấu hiểu lòng nhau, đồng cảm với nhau, kết thành đôi tri kỉ rồi trở thành Đồng chí.</p> <p>Câu thơ " Đồng chí !" được tách riêng ở một dòng thơ rất đặc biệt, chỉ gồm một từ, hai tiếng và dấu chấm than như một sự phát hiện, một lời khẳng định, nhấn mạnh tình đồng chí là một tình cảm mới mẻ nhưng hết sức thiêng liêng cao đẹp, là sự kết tinh của tình bạn, tình người giữa những người lính nông dân trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp ồp. Câu thơ " Đồng chí" như một bản lề gắn kết tự nhiên, khéo léo giữa hai phần của bài thơ: khép lại phần giải thích cội nguồn cao quý thiêng liêng của tình đồng chí và mở ra những biểu hiện cao đẹp hơn của tình đồng chí.</p>
	<p>b) Về đẹp và sức mạnh của tình đồng chí</p> <p>- Từ những đêm rét chung chăn, những người lính thấu hiểu, cảm thông sâu sắc những tâm tư, những nỗi niềm thâm kín của nhau:</p> <p>Ruộng nương anh gửi bạn thân cày Gian nhà không mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.</p> <p>Một cảnh ngộ, một nỗi nhớ được nhắc đến là của anh nhưng là của cả hai . Tôi hiểu, anh cũng như tôi, sẵn sàng dứt áo lên đường bảo vệ non sông, để lại sau lưng cả hậu phương trống vắng nhưng anh vẫn nặng lòng với quê hương, với người thân yêu ở chốn quê nhà.</p> <p>- Là đồng chí, họ cùng nhau thấu hiểu và sẽ chia mọi thiếu thốn gian lao của cuộc đời quân ngũ:</p> <p>+ Cùng chịu đựng và sẽ chia những gian khổ về bệnh tật khi thuốc men thiếu thốn, cùng trải qua cơn " Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi" (những cơn sốt rét hành hạ người lính sống ở rừng)</p> <p>+ Cùng chia sẻ sự thiếu thốn về quân trang trong buổi đầu kháng chiến:</p> <p>Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày</p> <p>Viết về hiện thực cuộc sống gian khổ của người lính, Chính Hữu ngợi ca tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng. Trong thiếu thốn, các anh dành tình yêu thương cho nhau bằng cử chỉ thật đẹp " Thương nhau tay nắm lấy bàn tay" . Bàn tay các anh giao cảm thay lời nói nhưng có sức mạnh diệu kỳ, sưởi ấm lòng nhau, xua đi giá rét.</p> <p>- Là đồng chí, họ luôn đoàn kết, sát cánh bên nhau nơi chiến hào đánh giặc:</p> <p>Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới</p>

	<p>Đầu súng trăng treo.</p> <p>Ba câu thơ kết của bức họa tuyệt đẹp về hình ảnh hai người lính canh gác bên nhau trong cái hoang vu bát ngát của núi rừng Việt Bắc. Mặc cho cái lạnh thấm vào da thịt, họ vẫn kề vai, sát cánh bên nhau chung một chiến hào.</p> <p>Anh và tôi, hai người lính hiện lên sừng sững, hiên ngang sánh ngang với núi rừng Việt Bắc. Vầng trăng là bạn, là nhân chứng soi sáng tình đồng chí của các anh, là đích hướng về của các anh. Người lính, khẩu súng, vầng trăng đã đan cài, gắn kết tự nhiên trở thành hình ảnh thơ giàu sức biểu tượng. Qua hình ảnh ấy, Chính Hữu đã khẳng định ý nghĩa cao cả của cuộc chiến đấu mà những người lính đang ấp ủ; khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ hòa trong tâm hồn của thi sĩ. Tình đồng đội là sức mạnh tinh thần kỳ diệu nhất để các anh vững vàng tay súng bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.</p>
* Đánh giá:	<p>Với thể thơ tự do, ngôn ngữ thơ mộc mạc giản dị, chi tiết, hình ảnh chân thực, cô đọng, hàm súc nhưng giàu sức biểu cảm, bài thơ Đồng chí đã để lại những ấn tượng sâu sắc về tình đồng chí, đồng đội về chân dung anh bộ đội Cụ Hồ thời kỳ kháng chiến chống Pháp: chân thực, giản dị mà vô cùng cao đẹp.</p>
3. Kết bài	<p>Bài thơ “Đồng chí” vừa mang vẻ đẹp giản dị lại vừa mang vẻ đẹp cao cả thiêng liêng. Chân dung người lính vệ quốc trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp hiện lên thật đẹp đẽ qua những vần thơ mộc mạc, chân tình mà gợi nhiều suy tưởng. Với những đặc điểm đó, bài thơ xứng đáng là một trong những tác phẩm thi ca xuất sắc về đề tài người lính và chiến tranh cách mạng của văn học Việt Nam.</p>

BÀI 2: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

(Phạm Tiến Duật)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Phân tích Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.

Đề 2: Phân tích và so sánh hình ảnh người lính trong hai bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu và Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.

Đề 1: Phân tích Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.

1. Mở bài	Những năm tháng chống Mỹ hào hùng của dân tộc đã để lại biết bao hồi ức và
-----------	--

	những dấu ấn khó phai mờ. Hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong, anh bộ đội cụ Hồ là một trong những hình ảnh đẹp nhất, lãng mạn và anh hùng nhất trong kháng chiến. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” chính là một trong những minh chứng tiêu biểu cho nét tinh nghịch cũng như tinh thần bất khuất, hiên ngang hào hùng của người chiến sĩ.
2. Thân bài	
* Khái quát: Bài thơ được sáng tác năm 1969. Đây là thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Bài thơ nằm trong chùm thơ đoạt giải nhất cuộc thi thơ do báo văn nghệ tổ chức và được in trong tập thơ “ Vầng trăng quầng lửa” năm 1970.	
a) Hình ảnh chiếc xe không kính	
	<p>- Những người lính lái xe giải thích, giới thiệu một cách tự nhiên, chân thực về người bạn đường thủy chung, gắn bó của họ:</p> <p>Không có kính không phải vì xe không có kính</p> <p>Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi.</p> <p>Tác giả lý giải những chiếc xe "Không có kính" bởi "bom giạt, bom rung", bởi sự tàn phá, hủy diệt của chiến tranh. Hai câu thơ rất gần với câu văn xuôi, lại có giọng điệu thân nhiên càng gây sự chú ý về vẻ khác lạ của những chiếc xe không kính.</p> <p>- Chiến tranh ngày càng khốc liệt, những chiếc xe không có kính sau bao chặng đường lăn lộn khó nhọc đã bị bom Mỹ tàn phá, hủy diệt trở nên méo mó, biến dạng:</p> <p>Không có kính, rồi sẽ không còn đèn,</p> <p>Không có mui xe, thùng xe có xước.</p> <p>Điệp ngữ "không có" kết hợp với biện pháp liệt kê đã nhấn mạnh chiếc xe không chỉ không có kính mà còn không có đèn, không có mui xe, thùng xe găm đầy những vết đạn xước...Hàng loạt các từ phủ định "không" đã diễn tả một cách độc đáo, chân thực đến trần trụi những chiếc xe trên đường ra trận. Mặc dù bị biến dạng, thiếu nhiều điều kiện để bảo vệ người lái nhưng những chiếc xe vẫn băng ra chiến trường. Đó là minh chứng cho sự tàn phá khốc liệt của bom đạn chiến tranh đồng thời là cách khám phá ra chất thơ độc đáo trong hình ảnh những chiếc xe không kính, chất thơ từ hiện thực chiến trường - chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam, để tôn vinh những chiến sĩ lái xe anh hùng.</p>
b) Hình ảnh những người lính lái xe	
	<p>Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao của họ.</p> <p>* Tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, coi thường hiểm nguy:</p> <p>- Xe không có kính không ảnh hưởng gì đến tư thế, tầm nhìn:</p> <p>Ung dung buồng lái ta ngồi</p> <p>Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.</p> <p>Từ "ung dung" được dùng đảo trật tự đưa lên đầu câu thơ nhấn mạnh tư thế người lái xe. Mặc dù gian khổ, thiếu thốn, những người lính vẫn lên xe với tư thế "ung dung" đường hoàng, hiên ngang đầy bản lĩnh.</p>

	<p>- Qua khung cửa xe không còn kính chắn gió, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài, với mọi khó khăn, gian khổ:</p> <p>Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng</p> <p>Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim</p> <p>Thấy sao trời và đột ngột cánh chim</p> <p>Như sa như ủa vào buồng lái.</p> <p>+ Điệp ngữ "nhìn thấy", tính từ "đột ngột" (cảm giác bất ngờ), hình ảnh cánh chim như sa như ủa vào buồng lái đã diễn tả sinh động cảm nhận thế giới bên ngoài ủa vào buồng lái với tốc độ chóng mặt tạo những cảm giác đột ngột cho người lái. Người lính phải lái xe với một tốc độ rất nhanh trên con đường đầy bom đạn, phải vượt qua núi cao, đèo sâu, vực thẳm và phải lái suốt đêm để kịp ra mặt trận phục vụ chiến đấu.</p> <p>+ Hình ảnh: gió, sao trời, cánh chim,...là những hình ảnh thiên nhiên đẹp và gợi cảm thể hiện nét lãng mạn trong tâm hồn người lính.</p> <p>+ "Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim" là ẩn dụ về con đường chiến đấu vì miền Nam độc lập, hành trình của chiếc xe không kính là hành trình của tình yêu đất nước.</p> <p>- Xe không có kính,mỗi lúc người lính còn phải chịu thêm sự khắc nghiệt của thời tiết Trường Sơn:</p> <p>Không có kính, ừ thì có bụi,</p> <p>Bụi phun tóc trắng như người già</p> <p>Không có kính, ừ thì ướt áo</p> <p>Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời.</p> <p>+ Cấu trúc lặp lại: "ừ thì"...,"chưa cần"và những chi tiết"phì phèo châm điều thuốc - Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha","lái trăm cây số nữa"... tạo ra giọng điệu ngang tàng, bất chấp gian khổ của người lính.</p> <p>+ Đối lập giữa hoàn cảnh gian khổ và tư thế của người lính: không có kính, bụi phun..., phì phèo châm điều thuốc,... cười ha ha; không có kính, mưa tuôn, mưa xối..., chưa cần thay lái trăm cây số nữa...vừa diễn tả nỗi gian khổ vừa thể hiện niềm lạc quan ,coi thường gian khổ của người lính. Cái lấm, bụi, ướt đã trở thành cái có để họ đùa vui.</p> <p>+ Sự phối hợp thanh điệu: nhưng thanh trắc: có kính, ướt áo, xối, lái... gợi tả cái nghiệt ngã của hoàn cảnh; những thanh bằng dùng trong cả đoạn thơ và đặc biệt là câu cuối:"Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi" mở ra những phút yên ả, ung dung trong tâm hồn người lái xe. Ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, người lính vẫn tìm được giây phút thư thái. Đó là niềm lạc quan, bản lĩnh thép của con người Việt Nam ra trận.</p> <p>* Tình đồng chí đồng đội cao đẹp, gắn bó keo sơn:</p> <p>- Tình đồng đội của những chiến sĩ lái xe được hình thành từ trong thử thách đạn nổ bom rơi khi cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng:</p>
--	--

	<p>Những chiếc xe từ trong bom rơi</p> <p>Đã về đây họp thành tiểu đội</p> <p>- Họ chào nhau bằng cử chỉ thật đặc biệt khi gặp nhau: "bắt tay qua cửa kính vỡ rồi". Xe không kính trở thành cái "tiện" để các anh xích lại gần nhau, để bày tỏ tình cảm cảm và mối giao hòa tuyệt diệu, truyền cho nhau sức mạnh, tinh đồng chí, đồng đội, lòng yêu nước và quyết tâm đánh giặc.</p> <p>- Trong phút giây sinh hoạt ngắn ngủi: họ cùng nhau nấu cơm khi đến bữa, họ chung bát đĩa khi gặp bữa và trở thành gia đình đầm ấm. Tình cảm đồng chí đã hóa thành tình cảm ruột thịt gia đình để họ sống chết có nhau.</p> <p>- Cùng tiếp tục cuộc hành trình chiến đấu: " Lại đi, lại đi trời xanh thêm ", "trời xanh thêm" vì lòng người phơi phới say mê trước những chặng đường đã đi và đang đến, vì có niềm vui về ngày mai chiến thắng. Tinh đồng đội đã góp phần củng cố thêm tình yêu đất nước và ý chí chiến đấu.</p> <p>* Tình yêu tổ quốc thiết tha và ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt:</p> <p>- Tác giả phát hiện tất cả mọi khía cạnh của cái "không"; không có kính, không có đèn, không có mui... thêm một lần nữa nhấn mạnh những thử thách khắc nghiệt đối với người lính lái xe. Điệp ngữ "không có" nhắc lại ba lần như nhấn lên những gian khổ khốc liệt. Hai dòng thơ ngắt làm bốn khúc "Không có kính/rồi xe không có đèn/ Không có mui xe/thùng xe có xước" như bốn chặng gặp ghềnh, khúc khuỷu, đầy chông gai, hố bom.</p> <p>- Từ đó khẳng định một cái "có" : "Chỉ cần trong xe có một trái tim". Những chiếc xe mình đầy thương tích vẫn bắt chấp tất cả, thẳng tới chiến trường không sức mạnh nào của kẻ thù khiến nó phải dừng chân:</p> <p style="padding-left: 40px;">Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:</p> <p style="padding-left: 40px;">Chỉ cần trong xe có một trái tim.</p> <p>Trời người và tỏa sáng khổ thơ, cả bài thơ là hình ảnh nằm ở câu thơ cuối. Cội nguồn sức mạnh của cả đoàn xe, gốc rễ anh hùng của mỗi người cầm lái kết đọng ở "trái tim". Cách nói hoán dụ "trái tim" thể hiện lòng yêu nước thiết tha, căm thù giặc Mỹ sôi sục, ý chí chiến đấu kiên cường vì miền Nam sẽ làm nên sức mạnh chiến thắng. Con đường Trường Sơn không bao giờ bị đứt mạch, những chiếc xe vận tải chẳng bao giờ ngừng lăn bánh khi có bao trái tim cùng chung nhịp đập hướng về miền Nam thân yêu. Ẩn sau hình ảnh thơ là chân lý của thời đại chúng ta: sức mạnh chiến thắng không phải là vũ khí mà là con người giàu ý chí, anh hùng, lạc quan, quyết thắng.</p> <p>Có sự đối lập giữa hoàn cảnh và ý chí con người, khó khăn mất mát thì dồn dập nhưng con người vẫn vượt lên bom đạn ,hăm hở hướng ra tiền tuyến lớn với tình cảm thiêng liêng vì miền Nam, vì cuộc chiến đấu giành độc lập, thống nhất Tổ quốc. Tình cảm lớn này đã hoàn thiện bức chân dung tuyệt vời của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn.</p>
<p>* Đánh giá:</p> <p>(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)</p> <p>"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" là một bài thơ đặc sắc tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật cũng như một số tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ: Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây, Nhớ,...Chất giọng trẻ, chất lính của bài thơ bắt nguồn từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam thời chống</p>	

Mỹ mà chính nhà thơ đã sống, đã trải nghiệm. Từ sự giản dị của ngôn từ, sự sáng tạo của hình ảnh chi tiết, sự linh hoạt của nhạc điệu, bài thơ đã khắc họa, tôn vinh vẻ đẹp phẩm giá con người, hoà nhập với cảm hứng lãng mạn cách mạng và âm hưởng sử thi hào hùng của văn học Việt Nam trong ba mươi năm chống xâm lược 1945 – 1975.

3. Kết bài

- Với lời thơ mộc mạc gần gũi với ngôn ngữ đời thường, giọng điệu ngang tàn, trẻ trung; cách khai thác chất liệu của chiến tranh,...nhà thơ Phạm Tiến Duật đã sáng tạo nên một bài thơ với những hình tượng độc đáo.
- Từ hình ảnh những chiếc xe không kính, bài thơ đã khắc họa bức tượng đài nghệ thuật về người lính lái xe Trường Sơn. Đó là những con người sôi nổi, trẻ trung có tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, lạc quan phơi phới. Họ đã vượt lên sự ác liệt của chiến tranh để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc với khí thế tuổi xuân phơi phới "Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước".

Đề 2: phân tích và so sánh hình ảnh người lính trong hai bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu và Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.

1. Mở bài

- Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trường kì, anh bộ đội Cụ Hồ đã trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp Việt Nam tập trung những phẩm chất cao quý nhất của con người thời đại.
- Hai bài thơ Đồng chí (Chính Hữu) và Bài Thơ về tiểu đội xe Không kính (Phạm Tiến Duật) giúp ta hiểu sâu sắc hơn về chân dung con người Việt Nam đẹp nhất ấy, những con người đã không tiếc máu xương chiến đấu để gìn giữ nền độc lập cho dân tộc.

2. Thân bài

* Khái quát:

- Về đề tài: Dân tộc ta đứng lên tiến hành hai cuộc chiến tranh cách mạng oanh liệt chống Pháp và chống Mỹ. Lễ tất nhiên, ở đất nước hơn ba mươi năm chưa dời tay súng. Hình ảnh anh Bộ đội cụ Hồ là hình ảnh con người đẹp nhất đáng yêu nhất trong văn thơ và là niềm tự hào lớn của dân tộc.
- Về hai tác phẩm: Cùng với nhiều bài thơ khác, bài thơ Đồng chí sáng tác vào đầu năm 1948 khi tác giả Chính Hữu chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc, bài thơ Tiểu đội xe không kính sáng tác năm 1969 khi tác giả Phạm Tiến Duật tham gia hoạt động ở tuyến đường Trường Sơn đã khắc họa thành công về đề tài người lính.
- Về luận đề: hình tượng anh bộ đội được ghi lại trong hai bài thơ đã lưu giữ trong văn chương Việt Nam hai gương mặt đẹp, đáng yêu của người lính trong hai thời kỳ lịch sử.

a) Cảm nhận về người lính trong từng bài thơ:

- * Người lính trong bài thơ Đồng chí của Chính Hữu: vẻ đẹp chân dung anh bộ đội Cụ Hồ buổi đầu kháng chiến chống Pháp.
- Đó là những anh bộ đội xuất thân từ nông dân giàu lòng yêu nước. Họ sẵn sàng bỏ lại những gì quý giá, thân thiết của cuộc sống nơi làng quê để ra đi vì nghĩa lớn: "Ruộng nương anh... lung lay".
- Trong gian khổ, thiếu thốn buổi đầu cách mạng (áo rách, quần vá, chân không giày; những cơn sốt run người...), họ vẫn sáng người tinh thần lạc quan, dũng cảm, vượt khó.
- Đẹp nhất ở họ là tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, thấm thiết:

+ Tình đồng chí, đồng đội bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

+ Tình đồng chí được nảy sinh bởi họ cùng chung mục đích, chung lý tưởng: từ đôi người xa lạ, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ đã nhanh chóng tập hợp trong đội quân cách mạng và quen nhau, rồi cùng chung nhiệm vụ, chung chiến hào, đồng lòng đánh giặc.

+ Tình đồng chí nảy nở ở và ngày càng bền chặt khi họ cùng chia sẻ ngọt bùi, đồng cam cộng khổ: "Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ". Trong gian khổ thiếu thốn buổi đầu cách mạng, họ tìm đến bên nhau, chia nhau từng hơi ấm yêu thương từ tấm chăn mỏng, thấu hiểu, đồng cảm, kết thành đôi tri kỉ rồi trở thành Đồng chí.

+ Là đồng chí, họ luôn đoàn kết, sát cánh bên nhau nơi chiến hào đánh giặc:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Ba câu thơ kết là bức họa tuyệt đẹp về hình ảnh hai người lính canh gác bên nhau trong cái hoang vu bát ngát của núi rừng Việt Bắc. Mặc cho cái lạnh thấm vào da thịt, họ vẫn kề vai, sát cánh bên nhau chung một chiến hào.

Tình đồng đội là sức mạnh tinh thần kỳ diệu nhất để các anh vững vàng tay súng bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

* Hình ảnh người lính trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính:

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vô cùng ác liệt, người lính đã người lên phẩm chất cao đẹp:

- Tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, coi thường hiểm nguy.

- Tình đồng chí đồng đội cao đẹp, gắn bó keo sơn.

- Tình yêu Tổ quốc thiết tha và ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt.

b) Điểm giống và khác nhau về hình ảnh người lính trong hai bài thơ:

* Điểm giống nhau:

- Người lính trong hai bài thơ đều có những phẩm chất cao quý của anh bộ đội Cụ Hồ:

+ Lòng yêu nước thiết tha, sự dũng cảm, can trường.

+ Tinh thần lạc quan, lãng mạn, yêu đời.

+ Tình đồng chí đồng đội thiêng liêng cao đẹp.

- Bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn, tìm ra chất thơ ngay trong những chi tiết đời thường đã tạo ra chân dung người lính chân thực nhưng cũng rất lãng mạn.

* Điểm khác nhau:

- Hoàn cảnh của hai cuộc kháng chiến khác nhau. Cuộc kháng chiến chống Pháp buổi đầu, người lính gặp muôn vàn gian khổ, thiếu thốn. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, họ phải chịu sự khốc liệt của bom đạn chiến tranh, Sự tàn bạo dã man của kẻ thù.
- Tiếp nối vẻ đẹp của người lính thời chống Pháp, người lính thời chống Mỹ đã nâng tình cảm đồng chí lên thành tình cảm gia đình ruột thịt để họ có thêm sức mạnh quyết tâm tiêu diệt kẻ thù.
- Ngôn ngữ thơ trong bài Đồng chí giản dị, mộc mạc như lời ăn tiếng nói hằng ngày của những người lính nông dân, cảm xúc dồn nén, hình ảnh cô đọng, hàm súc. Còn Bài thơ về tiểu đội xe không kính, người lính trong thời chống Mỹ lại hiện lên sinh động qua ngòi bút trẻ trung, ngôn ngữ hóm hỉnh, ngang tàng, đậm chất khẩu ngữ...

*** Đánh giá:**

- Hình tượng người lính dù ở thời kỳ kháng chiến chống Pháp hay kháng chiến chống Mỹ đều mang phẩm chất cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời đại đã cung cấp cho các nhà thơ những nguyên mẫu đẹp để, họ tạo nên những hình tượng làm xúc động lòng người.
- Viết về những người lính, các nhà thơ nói về chính mình và những người đồng đội của mình. Vì thế, hình tượng người chân thật và sinh động...

3. Kết bài

- Khẳng định: lòng yêu nước và sự quyết tâm chống giặc ngoại xâm đó là nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam xưa nay. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, vẻ đẹp đó được tỏa sáng và phát huy trong hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ.
- Liên hệ bài học: thế hệ cháu con tiếp nối cha ông, gìn giữ đất nước tươi đẹp, sống có trách nhiệm xây dựng đất nước ta ngày càng mạnh giàu.

BÀI 3: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ(Huy cận)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Phân tích bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.

Đề 2: Hình ảnh trăng xuất hiện trong ba bài thơ: Đồng chí của Chính Hữu, Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận, Ánh trăng của Nguyễn Duy. Em hãy phân tích và so sánh hình ảnh trăng trong ba bài thơ đó để làm rõ những nét thống nhất và những nét đặc sắc riêng trong mỗi tác phẩm.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Phân tích bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.

1. Mở bài	<p>- Huy Cận(1919- 2005) tên thật là Cù Huy Cận, quê ở Hà Tĩnh. Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới và là một nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ ca hiện đại Việt Nam.</p> <p>- Bài thơ Đoàn thuyền đánh cá rút từ tập Trời mỗi ngày lại sáng (1958) được Huy Cận sáng tác trong chuyến đi thực tế về vùng mỏ Quảng Ninh năm 1958. Bài thơ là một khúc tráng ca khỏe khoắn, hào hùng ngợi ca vẻ đẹp tráng lệ, kì vĩ, thân thuộc của thiên nhiên và vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào trước đất nước, con người và cuộc sống.</p>
2. Thân bài	
a) Đoàn thuyền đánh cá ra khơi và tâm trạng náo nức của người đi biển (hai khổ đầu)	
	<p>* Cảnh biển vào đêm, vừa rộng lớn lại vừa gần gũi với con người qua những liên tưởng độc đáo:</p> <p>Mặt trời xuống biển như hòn lửa</p> <p>Sóng đã cài then, đêm sập cửa.</p> <p>- Chi tiết " Mặt trời xuống biển" có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc, vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở biển nước ta, trừ vùng tây nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Ở đây, hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên con thuyền đang ra biển và từ một hòn đảo vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như mặt trời xuống biển.</p> <p>- Phép so sánh: " Mặt trời xuống biển như hòn lửa" gợi cảnh tượng tráng lệ khi hoàng hôn rực lên lần cuối phía chân trời. Giữa bốn bề là nước, nhìn về phía tây có cảm giác mặt trời như một hòn than cháy hồng đang lặn xuống biển.</p> <p>- Nhân hóa: " Sóng đã cài then, đêm sập cửa", Huy Cận đã có một liên tưởng thật bất ngờ: vũ trụ bao la trở thành ngôi nhà lớn, màn đêm bao phủ là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng lần qua lần lại trên đại dương là những then cửa.</p> <p>* Đoàn thuyền ra khơi và tâm trạng đạo đức của con người:</p> <p>- Hoàng hôn buông xuống, vũ trụ nghỉ ngơi, người lao động lại bắt đầu một chuyến ra khơi. Họ chủ động mở cửa vũ trụ, đi trong biển đêm như đi trong ngôi nhà thân thuộc của mình. Phó từ "lại" khẳng định công việc đánh cá đêm đã trở thành nhịp sống thân quen:</p>

	<p>Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi</p> <p>- Khí thế phấn chấn, hào hứng, ngập tràn niềm vui, niềm lạc quan của người lao động: "Câu hát căng buồm cùng gió khơi". Ba hình ảnh: câu hát, cánh buồm, gió khơi ới bỗng hòa vào nhau trong một câu thơ thể hiện trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn. Người đánh cá căng buồm và cất lên câu hát, nhà thơ có cảm giác như chính câu hát ấy đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cụ thể cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi.</p> <p>- Câu hát của người lao động còn mang theo một niềm mong mỏi tha thiết, vừa hiện thực vừa lãng mạn:</p> <p>Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng, Cá thu biển Đông như đoàn thoi Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng. Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!</p> <p>+ Ngắt nhịp linh hoạt: ba câu thơ dưới nhịp theo nhịp 4/3 cổ điển, câu thơ đầu khổ thơ ngắt nhịp phá cách $\frac{2}{5}$ tạo âm hưởng vừa trang trọng vừa khỏe khoắn.</p> <p>+ Hình ảnh so sánh đẹp, độc đáo: từ dáng cá hình thoi, nhà thơ chợt liên tưởng đến biển như một tấm lụa lớn mà đàn cá là "đoàn thoi" đang vun vút qua lại. Liên tưởng này lại kéo theo một liên tưởng khác: "đoàn thoi" cá dệt nên tấm lưới của người dân chài. Tiếng hát thể hiện mong ước hồn hậu của ngư dân: mong ước biển lặng, sóng êm, ngưi ca vẻ đẹp và sự giàu có của biển cả và cả mong ước chuyển đi chiến thắng trở về.</p>
b) Đoàn thuyền đánh cá trên biển và khí thế của người lao động (bốn khổ giữa)	
	<p>- Con thuyền vốn nhỏ bé trước biển cả bao la, qua cái nhìn của nhà thơ chợt trở nên lớn lao, kì vĩ, hòa nhập với kích thước của vũ trụ:</p> <p>Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng, Ra đậu dặm xa dò bụng biển, Dàn đan thế trận lưới vây giăng.</p> <p>+ Hình ảnh "thuyền" được đặt trong mối quan hệ hài hòa với thiên nhiên, là trung tâm được vũ trụ, thiên nhiên vây quanh trợ giúp: gió là bánh lái, gió lái thuyền đi; trăng là buồm, buồm đầy trăng sáng, thể hiện trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn.</p> <p>+ Động từ "lướt" diễn tả vận tốc rất lớn, sự điêu luyện của tay lái. Đoàn thuyền lướt đi trong không gian bao la trong tư thế làm chủ biển trời, vũ trụ, trong khát vọng chinh phục đại dương. Đoàn thuyền chủ động "Ra đậu dặm xa dò bụng biển", lập thế trận "lưới vây giăng". Chủ động nắm bắt thiên nhiên bằng trí tuệ, lòng dũng cảm và cả sự quyết tâm làm giàu cho đất nước.</p> <p>- Công việc lao động của người đánh cá vốn nặng nhọc đã được nhà thơ diễn tả thật hào hứng, khỏe khoắn và lãng mạn.</p> <p>Ta hát bài ca gọi cá vào</p>

	<p>Gỗ thuyền đã có nhịp trắng cao.</p> <p>...</p> <p>Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,</p> <p>Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.</p> <p>+ Khí thế lao động mỗi lúc một hăng say, hào hứng. Người lao động cất cao tiếng hát mê say lao động, ngợi ca biển cả với bao ân tình sâu nặng, thiết tha.</p> <p>+ Thiên nhiên thơ mộng không chỉ là nơi diễn ra công việc lao động mà còn giúp sức lao động cùng con người: sao lùa nước Hạ Long, trắng gỗ vào mạn thuyền... cùng người lao động đuổi cá vào lưới. Hoạt động của con người nhịp nhàng cùng thiên nhiên vũ trụ.</p> <p>+ Công việc lao động ngày càng khẩn trương. Người lao động hiện lên đẹp nhất, khỏe khoắn nhất là giây phút kéo lưới. Thành quả lao động của họ mỹ mãn, là "chùm cá nặng" mà mẹ biển đáp đền. Từng khoang thuyền đầy ắp cá "vẩy bạc đuôi vàng" lấp lánh chào đón ánh bình minh.</p> <p>- Cảnh biển đẹp lộng lẫy với hình ảnh đàn cá. Có khi đàn cá được miêu tả trong ánh trăng sao</p> <p>Cá thu biển Đông như đoàn thoi</p> <p>Đêm ngày dẹt biển muôn luồng sáng</p> <p>...</p> <p>Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,</p> <p>Cái đuôi em quẫy trắng vàng choé.</p> <p>Có khi hiện lên trong ánh bình minh.</p> <p>Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông</p> <p>...</p> <p>Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.</p> <p>Hình ảnh đàn cá trên biển có vẻ đẹp của tranh sơn mài lung linh, huyền ảo là biểu tượng cho vẻ đẹp kỳ thú, tráng lệ về biển cả quê hương. Ở đây, trí tưởng tượng đã nổi dài, chấp cánh cho hiện thực trở nên Kỳ ảo, làm giàu thêm cái đẹp vốn có trong tự nhiên: khiến công việc lao động nặng nhọc trở nên thú vị, đầy niềm vui khi bội thu những mẻ cá lớn.</p>
c) Đoàn thuyền đánh cá trở về (khổ cuối)	
	<p>- Đoàn thuyền đánh cá trở về trong khung cảnh bình minh một ngày mới rực rỡ huy hoàng.</p> <p>Câu hát căng buồm cùng gió khơi,</p> <p>Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời,</p> <p>Mặt trời đội biển nhô màu mới,</p>

	<p>Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.</p> <p>+ Khổ thơ cuối hô ứng với khổ thơ đầu. Đối xứng với cảnh: "Mặt trời xuống biển như hòn lửa" là cảnh "Mặt trời đội biển nhô màu mới", biểu hiện nhịp tuần hoàn của vũ trụ.</p> <p>+Lặp lại dòng thơ " Câu hát căng buồm cùng gió khơi" chỉ đổi chữ "với" thành chữ "cùng". Tiếng hát của người dân chài xuất hiện trong toàn bài thơ: từ lúc ra khơi, trong khi đánh cá cho đến lúc trở về. Chữ "hát" xuất hiện bốn lần trong bài thơ, đem lại âm điệu tươi vui, khỏe khoắn của một khúc ca lao động đầy hào hứng, say mê.</p> <p>Sau một đêm thức trắng giữa biển khơi,đoàn thuyền trở về trong khúc ca khai hoàn thắng lợi vẫn có thiên nhiên bầu bạn bên mình. Người lao động vẫn trong tư thế sánh ngang cùng vũ trụ, làm chủ thiên nhiên vũ trụ trong cách nói khoa trương giàu màu sắc lãng mạn: " Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời" . Hành trình về bến của đoàn thuyền hoà nhập với khí thế đi lên của mặt trời vũ trụ hứa hẹn cuộc sống tươi đẹp đang bắt đầu nở hoa từ trong lao động.</p>
	<p>* Đánh giá:</p> <p>- Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh thơ đẹp tráng lệ về biển trời vũ trụ bằng sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú và độc đáo; âm hưởng khỏe khoắn, sôi nổi, hào hùng, lạc quan; cảm hứng hiện thực và lãng mạn hòa hợp đan cài.</p> <p>- Theo hành trình chuyển ra khơi của đoàn thuyền đánh cá, bài thơ là một khúc tráng ca về lao động,ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và về thiên nhiên đất nước giàu đẹp. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào, tin tưởng trước đất nước, con người và cuộc sống mới.</p>
3. Kết bài	<p>Bài thơ là những bức tranh đẹp, rộng lớn kế tiếp nhau về hình ảnh thiên nhiên và đoàn thuyền đánh cá. Thiên nhiên như một người bạn thân thiết, đồng hành cùng cuộc sống của con người. Hình ảnh người lao động trong bài thơ được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn, thể hiện niềm tin, niềm vui trước cuộc sống mới. Đoàn thuyền đánh cá là một bài thơ hay, thể hiện rõ nét sự thay đổi của hồn thơ Huy Cận sau Cách Mạng.</p>

Đề 2: Hình ảnh trắng xuất hiện trong ba bài thơ: Đồng chí của Chính Hữu, Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận, Ánh trăng của Nguyễn Duy. Em hãy phân tích và so sánh hình ảnh trắng trong ba bài thơ đó để làm rõ những nét thống nhất và những nét đặc sắc riêng trong mỗi tác phẩm.

1. 1. Mở bài	<p>- Thơ ca dân tộc viết về trăng.</p> <p>- Ba bài thơ: Đồng chí của Chính Hữu, Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận,Ánh trăng của Nguyễn Duy đều nhắc đến vàng trắng thiên nhiên nhưng mỗi nhà thơ lại khai thác vẻ đẹp vàng trắng theo cảm quan riêng để làm nổi bật tư tưởng, chủ đề mỗi tác phẩm.</p>
2. Thân bài	
a) Cảm nhận về hình ảnh trắng trong từng bài thơ	
	<p>* Hình ảnh trắng trong bài Đồng chí của Chính Hữu.</p> <p>- Trắng là vẻ đẹp vĩnh hằng của cuộc sống, của thiên nhiên lãng mạn, là biểu tượng cho cuộc sống hòa bình, là hình ảnh đất nước quê hương.</p> <p>- Trắng soi sáng cho những người lính trong những đêm phục kích nơi núi rừng</p>

	<p>hoang vu lạnh giá. Trăng là nhân chứng soi sáng cho tình đồng chí gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu gian khổ. Trăng là đích hướng về của những người lính, họ phục kích trong những đêm nay là để hướng tới vầng trăng hòa bình, để bầu trời mãi có ánh trăng soi.</p> <p>- Trăng còn là vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ: lạc quan và lãng mạn. Bên cạnh những phút giây phục kích, sẵn sàng chờ giặc tới căng thẳng, hồi hộp nhưng tâm hồn các anh lúc nào cũng trong trẻo, tròn đầy .</p> <p>* Trăng trong Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận:</p> <p>- Trăng là hình ảnh của thiên nhiên . Trăng lên khi đoàn thuyền đánh cá ra khơi, trăng như cánh buồm chuyên chở và nâng bổng niềm vui hào hứng của những người lao động:" thuyền ta lái gió với buồm trăng".</p> <p>- Trăng là nét vẽ tài tình, tinh tế dệt nên biển đêm tráng lệ, rực rỡ sắc màu, nóng lạnh như bức tranh sơn mài:</p> <p>Cá nhụ, cá chim cùng cá đé , Cá song lấp lánh đuốc đen hồng Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóa Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long.</p> <p>- Trăng là bầu bạn giúp đỡ con người, cùng lao động với người để hoạt động của con người nhịp nhàng cùng thiên nhiên, vũ trụ.</p> <p>Ta hát bài ca gọi cá vào Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.</p> <p>* Thuyền trong bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy:</p> <p>- Vầng trăng trong hoài niệm:</p> <p>+ Thời thơ ấu: trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên vĩnh hằng, là bầu bạn của tuổi thơ, trăng ngập tràn trên cánh đồng, dòng sông, bãi bể... người đi đâu, làm gì cũng có vầng trăng là bạn. Trăng đã nuôi lớn tâm hồn tuổi ấu thơ của người lính.</p> <p>+ Khi trưởng thành: Người lính chiến đấu ở rừng sâu, " vầng trăng thành tri kỉ". Trăng là ánh sáng cho những đêm tối chiến tranh. Trăng làm bạn với người chân thành, vô tư, tình cảm giữa người với vầng trăng là tri kỉ, tình nghĩa.</p> <p>- Vầng trăng hiện tại:</p> <p>+ Đó là vầng trăng hiện thực: cuộc sống đổi thay, trăng vẫn như xưa, vẫn ngày ngày qua ngõ, vẫn dõi theo người nhưng người đã ngoảnh mặt làm ngơ, coi trăng như người đứng xa lạ.</p> <p>+ Là ánh trăng cảm hóa: khiến lòng người xúc động trào dâng:"có cái gì rung rung", ánh trăng đánh thức quá khứ tươi đẹp đã ngủ yên trong lòng người" từ hồi về thành phố". Sự bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc của vầng trăng đã có sức cảm hóa lớn khiến người "giật mình" nhìn lại mình, nhận ra lối sống bạc bẽo, vô tình của mình để sống tốt hơn, tình nghĩa hơn. Ánh trăng là ánh sáng của lương tri, ánh sáng của đạo làm người.</p>
--	--

b) Điểm giống nhau và khác nhau

	<p>* Điểm giống nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đều là hình ảnh thiên nhiên đẹp, trong sáng, thanh bình. - Đều là người bạn tri kỉ với con người trong lao động, trong chiến đấu và trong sinh hoạt hằng ngày. - Đều mang ý nghĩa tả thực và biểu tượng, thể hiện cách cảm nhận của tác giả về con người, cuộc sống và đất nước. <p>* Điểm khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trăng trong <i>Đồng chí</i>, <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> chỉ hiện lên chốc lát nhưng vàng trắng trong <i>Ánh trăng</i> lại gắn bó với một đời người trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai. - Nếu như vàng trắng trong <i>Đồng chí</i>, <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> chỉ soi vào phần tươi đẹp cuộc sống con người, vào chính diện của cuộc đời, thì Ánh trăng lại soi rọi vào góc khuất tâm hồn của con người để thức tỉnh lương tri, giúp người ta biết sống ân nghĩa, thủy chung. - Bút pháp miêu tả: <ul style="list-style-type: none"> + Trăng trong <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> được thể hiện chủ yếu bằng cảm hứng lãng mạn gắn liền với cảm ứng vũ trụ thường thấy trong thơ Huy Cận kết hợp bút pháp phóng đại góp phần tạo ra bức tranh kì vĩ tráng lệ, ca ngợi sự giàu đẹp của quê hương, đất nước. + Trăng trong <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu có sự kết hợp giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn góp phần thể hiện nét đẹp tâm hồn của người lính. + Trăng trong <i>Ánh trăng</i> của Nguyễn Duy thể hiện bằng ngòi bút hướng nội với những suy tư của con người đương đại về cách sống, cách ứng xử của con người. Từ ánh trăng mà gợi ra nhiều chiêm nghiệm mang tính triết lý.
	<p>* Đánh giá: Thể thơ 5 chữ, giọng điệu thơ tâm tình, tự nhiên kết hợp tự sự với trữ tình; nhịp thơ khi chảy trôi tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì ngân nga thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư, “Ánh trăng” như là một lời tâm sự của tác giả về những năm tháng gian khổ đã đi qua với những tình cảm bình dị, hiền hậu. Đồng thời bài thơ còn gửi gắm đến chúng ta một thái độ sống tích cực: “Uống...”</p>
<p>3. Kết bài</p>	<p>Với sự sáng tạo tài tình của ba nhà thơ, hình ảnh trăng trong ba tác phẩm thật sự là hình ảnh đẹp, để lại trong lòng độc giả những cảm xúc dạt dào, sâu lắng.</p>

BÀI 4: BẾP LỬA(Bằng Việt)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Phân tích bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt.

Đề 2: Trình bày cảm xúc và hiểu biết của em về hình ảnh " bếp lửa" trong bài thơ cùng tên của Bằng Việt.

Đề 3 : Tình cảm bà cháu thiêng liêng trong bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt.

Đề 1: Phân tích bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt.

1. 1. Mở bài	<p>- Bằng Việt (1941) là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Thơ Bằng Việt trong trẻo, thường khai thác những kỷ niệm trong sáng thuở thiếu thời và khơi gợi ước mơ của tuổi trẻ.</p> <p>- Bài thơ Bếp lửa được sáng tác năm 1963, in trong tập Hương cây- Bếp lửa (1968), là tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gọi lại những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của cháu dành cho bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.</p>
2. Thân bài	
a) Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc nhớ thương	
	<p>- Bài thơ mở ra bằng hình ảnh bếp lửa ở làng quê Việt Nam. Dòng hoài niệm của người cháu xa quê được khơi lên từ hình ảnh " Một bếp lửa chồn vờn" , "Một bếp lửa ấp iu nồng đượm". Ba tiếng "một bếp lửa" trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, với một hình ảnh quen thuộc trong mọi gia đình. Hình ảnh bếp lửa thật ấm áp giữa cái lạnh của "chồn vờn sương sớm" , thật thân thương với vào tình cảm " ấp iu nồng đượm". Từ "ấp iu" vừa diễn tả chính xác công việc nhóm bếp, vừa gọi ra bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng của người nhóm bếp.</p> <p>- Khi bếp lửa hiện diện, rất tự nhiên đã đánh thức dòng cảm xúc hồi tưởng của cháu về bà:</p>

	Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.
b) Kỷ niệm thời ấu thơ bên bà trong những tháng năm chiến tranh gian khổ	
	<p>- Cháu nhớ về thời thơ ấu khi lên bốn, đầu ấn bếp lửa nhà nghèo gắn với nạn đói mòn mỏi mỗi năm 1945 đã hằn in vào tâm trí. Trong cái đói mòn mỏi mỗi, bếp lửa nhà nghèo cứ ám ảnh khiến mỗi lần nghĩ lại, cháu lại cay xè nơi sống mũi vì hoàn cảnh cơ cực, vì sự nghèo khổ của bà. " Lên bốn tuổi" cháu đã sớm phải lo toan, sớm "đã quên mùi khói", sau đó suốt " Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa". Cho nên nhớ về tuổi thơ, nhân vật trữ tình" Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu - Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay". Cảm giác ấy thật chân thực và xúc động.</p> <p>- Cháu nhớ về cuộc sống của hai bà cháu khi quê hương, đất nước có chiến tranh:</p> <p>+ Trong những tháng năm cơ cực, cuộc sống gia đình chỉ có bà và cháu cặm cụi bên nhau bởi "Mẹ cùng cha công tác bận không về". Cháu được sống trong sự chăm chút, curu mang, dạy dỗ của bà, cháu lớn lên bên bếp lửa của bà. Bên bếp lửa hồng hồng, bà kể chuyện những ngày ở Huế, chuyện thực tại, chuyện tương lai... Bà là cha, là mẹ chăm lo, dạy dỗ, bảo ban cháu âm thầm, nhẫn nại, bền bỉ, chắc chắn. Trong suốt tám năm, cháu cùng bà nhóm lửa để thắp lên niềm tin và hi vọng. Tình bà ấm áp lại càng thêm ấm áp hơn bên bếp lửa.</p> <p>+ Bên bếp lửa, cháu nhớ: " Giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi" , khiến cho: " Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi". Cuộc sống của hai bà cháu trước cảnh tàn phá của giặc Pháp cũng chất chồng những vất vả, khó khăn. Từ trong cảnh hoang tàn đổ nát của làng xóm quê hương, bà một mình chịu đựng, một mình hi sinh để các con yên tâm lo việc kháng chiến. Bà lại gượng dậy, chắc chắn, gom góp, hồi sinh sự sống:</p> <p>Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen</p> <p>Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn</p> <p>Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...</p> <p>- Bếp lửa đánh thức thêm một kỉ niệm của tuổi thơ: tiếng chim tu hú. Tiếng chim quen thuộc của đồng quê cũng trở thành một phần thân thương không thể thiếu của kỉ niệm. Cháu tha thiết nhớ tiếng" Tu hú kêu trên những cánh đồng xa". Trong lời kể của bà, có cả " Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!". Tâm hồn trẻ thơ của cháu chợt dậy lên một mong mỏi da diết:</p> <p>Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà</p> <p>Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?</p> <p>Âm điệu tha thiết của câu thơ gọi ra tình cảnh vắng vẻ, cô đơn , vơi vơi nhớ thương của hai bà cháu.</p> <p>Mỗi kỉ niệm, cháu đều được bà chở che, nâng niu, ôm ấp, vỗ về. Bằng Việt vừa khơi gợi những kỉ niệm tuổi thơ, vừa trực tiếp bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của mình về những kỉ niệm đó và về bà kính yêu. Mỗi kỉ niệm mở ra không chỉ gắn với tuổi thơ Bằng Việt, không chỉ gắn với cuộc đời của bà mà còn gắn liền với những dấu ấn của quê hương, đất nước ngày hôm qua.</p>
c) Suy ngẫm về bà và bếp lửa quê hương	
	<p>Cháu suy ngẫm về cuộc đời, về ân nghĩa sâu nặng của bà, về bếp lửa khi cháu khôn lớn trưởng thành.</p> <p>- Cháu thấu hiểu cuộc đời bà là cuộc đời lận đận gian nan chưa từng một ngày an</p>

nhân, sung sướng. Cuộc đời bà là hiện thân cuộc đời dân tộc. Cháu thấu hiểu vì vất vả khó khăn nên đức hi sinh, sự tảo tần, "thói quen dậy sớm" của bà đã trở thành nếp sống không thể đổi thay trong suốt mấy chục năm qua.

Lặn dạn đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

- Cháu hiểu: " Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm" là để nhóm lên bếp lửa hồng, nhóm lên tình yêu thương trong lòng cháu. Giữa bà và bếp lửa như có nét tương đồng. Bà là người ấp iu giữ lửa, người nhóm lửa để ngọn lửa của tình yêu thương trong mỗi gia đình cháy sáng, nối kết quá khứ, hiện tại, tương lai:

+ Bếp lửa bà nhóm lúc nào cũng lung linh cháy sáng trong lòng cháu. Điệp từ "nhóm" bốn lần lặp lại đầu mỗi câu thơ đã bồi đắp, tỏa sáng dần dần nét kì lạ của bếp lửa và soi sáng chân dung, tính ngĩa của bà.

+ Bà nhóm " Bếp lửa ấp iu nồng đượm" để cháu có " khoai sắn ngọt bùi" , " nồi xôi gạo mới" . Cao hơn nữa, bếp lửa bà nhóm nên là để sẻ chia niềm vui với làng xóm, cộng đồng. Bà nhóm bếp đầu chỉ bằng nguyên liệu rơm, củi,... mà bằng "ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn" để truyền cho cháu tình yêu thương, tình đoàn kết:

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

Từ bếp lửa, bài thơ đã gợi đến hình ảnh ngọn lửa với ý nghĩa trừu tượng, khái quát. Bếp lửa của bà đâu chỉ có ngọn lửa cụ thể được nhen lên bằng rơm, bằng củi! Ở đó, còn có ngọn lửa thiêng liêng trong lòng bà, ngọn lửa của lòng yêu thương, của niềm tin, của sức sống thâm lặng mà mãnh liệt. Hình ảnh bếp lửa đã mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc: tình thương - sự sống - niềm tin bất diệt.

Kì diệu hơn, bà còn " Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ" để vun đắp ước mơ cho cháu. Từ ngọn lửa của bà, cháu nhận ra cả một " niềm tin dai dẳng" về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả, gian lao mà tình nghĩa:

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

- Trường thành, sống xa bà, cháu hiểu bếp lửa là hiện thân của tình bà, của tình yêu thương bà dành cho cháu, là kỷ vật thiêng liêng của tình bà cháu, là hồn quê Việt Nam. Nó là hành trang, là chỗ dựa tinh thần nâng bước chân cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời để cháu có sự trưởng thành hôm nay. Khi cảm xúc trào dâng, khi lòng biết ơn bà sâu sắc, cháu thốt lên: " Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa ! " . nhà thơ đã cảm nhận được trong hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc sự kì diệu, thiêng liêng.

- Bài thơ khép lại là lời tâm sự, lời gửi nhắ của cháu với bà :

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu

	<p>Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả</p> <p>Điệp từ "trăm" mở ra một thế giới rộng lớn với những điều mới mẻ. Cháu đã được sống với những niềm vui rộng mở. Nhưng giữa "ngọn khói trăm tàu", "ngọn lửa trăm nhà", cháu vẫn luôn nhớ về bếp lửa nồng đượm của quê hương vì nơi đó có bà. Nhớ bà nồng nàn chất đầy trong câu nghi vấn: "Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?" Câu hỏi là lời khẳng định, lời hứa đinh ninh, chẳng bao giờ cháu quên quá khứ, chẳng bao giờ cháu quên bà và bếp lửa tuổi thơ.</p> <p>Một người con xa quê hương, đất nước, nhớ về bà, nhớ về bếp lửa là nhớ về tổ ấm gia đình, nhớ quê hương đất nước, là tri ân sâu sắc với cội nguồn. Bài thơ đã khéo léo mở rộng từ tình bà cháu thành tình yêu quê hương đất nước, từ kỉ niệm gần gũi, thiêng liêng thành lẽ sống trên đường đời.</p>
<p>* Đánh giá:</p> <p>Với sự kết hợp hài hòa của các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, miêu tả, bình luận, hình ảnh thơ đẹp, chất thơ trong trẻo, trẻ trung... qua dòng hồi tưởng của người cháu đã trưởng thành, nhớ lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và bếp lửa, nhà thơ đã bộc lộ những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đối với gia đình, quê hương, đất nước.</p>	
3. Kết bài	<p>“<i>Bếp lửa</i>” là một bài thơ hay và độc đáo. Bài thơ không chỉ nói về bà, về tình bà cháu mà còn có ý nghĩa triết lý thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có lúc tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt cả cuộc đời. Tình yêu thương và lòng biết ơn bà chính là một biểu hiện của tình yêu thương, gắn bó với gia đình, quê hương và đó cũng là khởi đầu của tình người, tình yêu nước.</p>

Đề 2: Trình bày cảm xúc và hiểu biết của em về hình ảnh "bếp lửa" trong bài thơ cùng tên của Bằng Việt.

1. Mở bài Bằng Việt (1941) là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bài thơ *bếp lửa* được nhà thơ sáng tác năm 1963. Qua việc sáng tạo hình ảnh bếp lửa xuyên suốt bài thơ, nhà thơ gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước.

(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

2. Thân bài

- Bếp lửa khơi nguồn cảm hứng để người cháu xa quê tìm về với bà yêu kính nơi quê nhà.

Nhắc đến hình ảnh "Một bếp lửa chờn vờn", "Một bếp lửa ấp iu nồng đượm", cháu nhớ ngay đến người bà yêu kính và bộc lộ cảm xúc nhớ thương trực tiếp với bà "Cháu thương bà biết mấy nắng mưa".

- Bếp lửa thân thương gọi cho cháu sống lại cả ký ức thời ấu thơ bên bà trong những tháng năm chiến tranh gian khổ, nhọc nhằn.

+ Bố mẹ cháu đi không tác xa, cháu lớn lên bên bếp lửa của bà. Bên bếp lửa, cháu có bao nhiêu kỷ niệm không thể mờ phai về quê hương, đất nước trong những năm giặc tàn phá.

+ Bên bếp lửa của bà, cháu cũng nhận ra vẻ đẹp tảo tần nhẫn nại, nghị lực sống phi thường, đức hy sinh, tình yêu thương con quý cháu và cả lòng yêu nước thiết tha

bóng cháy của bà.

- Bếp lửa trở thành tứ thơ hay, chứa đựng ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

+ Trưởng thành, sống xa bà, cháu hiểu bếp lửa là hồn quê Việt Nam. Bếp lửa là hiện thân của tình bà, của tình yêu thương bà dành cho cháu, là kỷ niệm thiêng liêng của tình bà cháu. Nó nâng bước chân cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời để cháu có chuyến đi du học hôm nay.

+ Bếp lửa bình dị, quen thuộc trong mỗi gia đình Việt Nam đã trở thành điều " Kì lạ và thiêng liêng", lúc nào cũng nồng đượm, ấm mãi, sáng mãi trong lòng cháu.

3. Kết bài

Hình ảnh bếp lửa trở đi trở lại nhiều lần trong bài thơ là sợi dây xuyên chuỗi cảm xúc và ý nghĩa toàn bài. Nó soi sáng chân dung, vóc dáng, nghĩa tình của bà với con cháu, với xóm làng, với quê hương, đất nước. Từ hình ảnh bếp lửa của tuổi thơ, Bằng Việt đã giúp người đọc nhận ra những kỉ niệm của tuổi thơ luôn có sức tỏa sáng và nâng đỡ con người trong suốt cuộc đời bể dâu, để mỗi người biết thêm yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, biết trân trọng và nâng niu kỷ niệm tuổi thơ.

Đề 3 : Tình cảm bà cháu thiêng liêng trong bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt.

1. Mở bài	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, Nêu ý nghĩa khái quát về tình bà cháu trong bài thơ Bếp lửa.
2. Thân bài	
a) Tình cảm của bà dành cho cháu	
	<p>- Bà là người nhóm lên bếp lửa, tần tảo nuôi cháu, là ngọn lửa của tình yêu thương "ấp iu nồng đượm".</p> <p>- Bà là cả thế giới tuổi thơ của cháu, người dành trọn tình yêu thương để chăm sóc, dạy dỗ cháu nên người với bao vất vả khi mẹ cha cháu vắng nhà (dạy cháu làm, chăm cháu học...) . Những việc bà làm là sự cao cả, giàu đức hi sinh đối với con, với cháu, bà âm thầm chấp nhận tất cả không để con cháu lo lắng.</p> <p>- Bà là chỗ dựa tinh thần vững chắc, là biểu tượng cho niềm tin bất diệt. Bếp lửa do tay bà nhóm mỗi sớm, mỗi chiều là nhóm lên tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm, san sẻ. Bà là cội nguồn của những ngọt bùi, nồng đượm, là người vun đắp những "tâm tình tuổi nhỏ" của cháu... Bà là người nhóm lửa, cũng là người giữ lửa, truyền lửa để ngọn lửa luôn ấm nóng và tỏa sáng trong gia đình.</p> <p>Hình ảnh bà luôn gắn với bếp lửa, hòa quyện, thấm thía và thiêng liêng.bà và bếp lửa là ký ức tuổi thơ đã nâng đỡ cho bước đường tương lai của cháu. Vì thế bà và bếp lửa gần gũi, bình dị với cháu mà trở thành những điều" kỳ lạ và thiêng liêng" đến giờ cháu mới nhận ra.</p>
b) Tình cảm của cháu dành cho bà	
	<p>- Luôn gắn bó, quấn quýt, gần gũi với bà bên bếp lửa, thương bà vất vả suốt một đời với cuộc sống.</p> <p>- Biết ơn chân thành với công ơn chăm sóc, nuôi dạy của bà, thấu hiểu nỗi vất vả mà bà phải gánh chịu và vượt qua; luôn suy nghĩ về bà với những tình cảm sâu sắc và</p>

	<p>thiên liêng...</p> <p>- Dù đã lớn khôn, đã được chấp cánh bay xa nhưng vẫn không quên ngọn lửa của bà, tấm lòng đùm bọc ấp iu của bà. Ngọn lửa ấy đã trở thành ngọn lửa ấm lòng, thành niềm tin thiên liêng, kỳ diệu nâng bước người cháu trong suốt cuộc đời. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà hiểu thêm dân tộc mình, nhân dân mình.</p>
3. Kết bài	<p>- Bài thơ có sự kết hợp giữa biểu cảm với tự sự, kết cấu chặt chẽ. Mạch thơ mang tính triết luận, thâm kín. Hình ảnh thơ mang tính biểu tượng sâu sắc; ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, hàm súc...</p> <p>- Bếp lửa tái hiện hình ảnh người bà quen thuộc, yêu thương, là một hồi ức đẹp về người bà trong trái tim mỗi người về tình bà cháu. Bài thơ đã mang đến một ý nghĩa triết lý sâu sắc: những gì là kỷ niệm thân thiết của tuổi thơ đều có sức tỏa sáng, nuôi dưỡng tâm hồn, nâng đỡ con người trong hành trình dài rộng của cuộc đời. Và tình cảm gia đình là cơ sở vững chắc của tình yêu quê hương đất nước.</p>

BÀI 5: KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ (Nguyễn Khoa Điềm)

Đề bài luyện tập:

Đề bài: Phân tích hình ảnh người mẹ Tà-ôi trong bài thơ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

1. Mở bài

- Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ thơ trẻ xuất hiện trong những năm chống Mỹ. Thơ Nguyễn Khoa Điềm giàu chất suy tư, những cảm xúc dồn nén thể hiện tâm tư và khát vọng vào cuộc chiến đấu giải phóng quê hương đất nước.

- Khúc hát ru.... viết năm 1971 là một trong những bài thơ thành công viết về hình ảnh những người phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

- Với âm hưởng ngọt ngào sâu lắng tha thiết của những khúc hát ru, bài thơ là khúc hát yêu thương con, khúc ca đầy khát vọng của người mẹ Tà Ôi trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2. Thân bài

*** Khái quát:** Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác ở chiến khu phía Tây Thừa Thiên vào ngày 25/3/1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang dần đi đến thắng lợi, tuy nhiên đời sống chiến đấu của quân dân ta còn nhiều khó khăn gian khổ. Bài thơ được in trong tập Đất và khát vọng (1984), là sự kết hợp giữa thể thơ tám chữ và một số câu 7 chữ, âm điệu của bài thơ nhẹ nhàng, như ôm ấp, vỗ về của một lời ru, chính giọng điệu trữ tình này đã thể hiện được tình cảm thiết tha triu mến của người mẹ đối với con, đối với cách mạng, với đất nước, quê hương.

* Bài thơ có hai lời ru đan xen nhau được chia tách ra thành 3 đoạn với những điệp khúc và nhịp điệu láy đi láy lại tạo nên âm hưởng dịu dặt, tha thiết, triu mến. Cả hai lời ru đều hướng tới một đối tượng trữ tình: em cu Tai.

Thứ nhất là lời ru của nhà thơ mở đầu bằng điệp khúc :

“Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi – Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ”.

Thứ hai là lời ru của người mẹ với điệp khúc:

“Ngủ ngoan a – kay ơi, ngủ ngoan a kay hời”

Mỗi đoạn thơ trong bài thơ là một khúc hát ru và cả bài thơ là ba khúc hát ru tất cả đều hay, đều đầm thắm, ngọt ngào trong tình yêu và khát vọng của người mẹ Tà ôi.

1. Tình cảm của người mẹ Tà Ôi trong khúc hát ru thứ nhất:

Người mẹ Tà Ôi hiện lên là một người mẹ giàu tình thương con và giàu lòng yêu nước

- Qua lời ru của tác giả, ta thấy người mẹ ấy luôn dịu con trên lưng trong lúc làm việc, dù cho công việc có nặng nhọc, dù mẹ có vất vả thì em Cu Tai vẫn luôn bên mẹ:

“Mẹ già gạo, mẹ nuôi bộ đội

Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng

Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi”

+ Hình ảnh sóng đôi "nhịp chày nghiêng" và "giấc ngủ em nghiêng" đã vẽ lên hình ảnh người mẹ đang già gạo chày tay trong khi đứa con nhỏ đang ngủ trên lưng, nhịp chày nghiêng, kéo theo giấc ngủ con nghiêng. Người mẹ ấy vẫn để Cu Tai có giấc ngủ trọn vẹn trên lưng mẹ. Tưởng như trong từng động tác của nhịp chày già gạo cũng đã ngân lên nhịp điệu ru ngọt ngào và nhịp đưa em đều đặn an bình như trên một cánh võng êm.

+ Bằng ngòi bút tả thực, tác giả miêu tả "Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi" tô đậm nỗi vất vả nhọc nhằn của mẹ.

+ Hình ảnh "Vai mẹ gầy" gợi vóc dáng nhọc nhằn, lam lũ của mẹ. Nhưng cũng chính đôi vai gầy ấy lại hóa thành chiếc gối êm đưa con vào giấc ngủ.

+ Câu thơ “ lưng đưa nôi...” đã diễn tả sâu sắc và cảm động tình mẹ yêu con. Người mẹ Tà ôi lấy thân mình làm nôi, vai gầy làm gối và ru con không chỉ bằng lời ru thông thường mà ru con bằng lời ru từ trái tim, từ tình yêu con tha thiết sâu thẳm trong lòng mẹ.

=> Người mẹ ấy hy sinh nhiều vô kể, mang nặng đẻ đau, đôi tay tảo tần già gạo, đôi vai làm chiếc gối, tấm lưng làm chiếc nôi và hát ru con ngủ bằng cả trái tim yêu thương tràn đầy.

- Trong lời ru của mẹ, mẹ đã gửi gắm, mong muốn bao điều tốt đẹp cho con:

“Mẹ thương A -Kay, mẹ thương bộ đội”

Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần

Mai sau con lớn vùng chày lún sân”

Điệp ngữ “mẹ thương” xuất hiện trong câu thơ ngắt hai vế đều đặn

đã cho thấy người mẹ thương con như thương bộ đội, lòng yêu con gắn liền với tình yêu người kháng chiến.

Hình ảnh “ hạt gạo trắng ngần”

Cho thấy người mẹ Tà Ôi mong có gạo để nuôi bộ đội, mẹ còn mơ một cuộc sống no đủ, êm đềm đến với con.

Hình ảnh “ vùng chày...” còn cho thấy mẹ ước mong con trưởng thành, khỏe mạnh, lao động giỏi.

-> Những mong ước ấy thật chân thật và cao quý vì đó là điều mong mỏi của người mẹ lao động nghèo dành cho con và cho kháng chiến.

2. Kkhúc hát ru thứ 2.

- Hình ảnh người mẹ Tà Ôi với công việc lao động sản xuất trên chiến khu.

“Mẹ đang tĩa bắp trên núi Ka -lưi”

Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ”

+ Thủ pháp tương phản « lưng...” làm nổi bật sự lớn lao mệnh mang của núi rừng, đồng thời làm nổi bật được hình ảnh vất vả tảo tần của người mẹ. Tầm lưng mẹ tuy nhỏ nhắn nhưng bền bỉ thậm chí còn kiêu hãnh hơn lưng núi, bởi trên lưng mẹ có "mặt trời" là người con yêu thương.

+ Hình ảnh ẩn dụ « mặt trời » gọi lên thật sâu sắc, cảm động tình mẹ yêu con :”Mặt trời của bắp” là mặt trời thực của thiên nhiên, vũ trụ.

“Mặt trời của mẹ” là hình ảnh ẩn dụ về con. Con là nguồn sống, là năng lượng tiếp sức cho mẹ trong công việc lao động vất vả, cũng giống như ánh mặt trời là nguồn sống, chiếu sáng cho cây bắp được sinh tồn và phát triển.

- Lời ru của mẹ :

“ Mẹ thương A-kay, mẹ thương làng đói

Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều

Mai sau con lớn phát mười ka-lưi”.

Từ tình thương con, mẹ mở rộng sang tình thương bộ đội và sang cả buôn làng.

+ “ Hạt bắp lên đều” là ẩn dụ cho cuộc sống no đủ mà mẹ mong ước.

+ Câu thơ « Mai sau con lớn phát mười ka-lưi” gọi về một ngày mai rất gần, con sẽ trưởng thành, khỏe mạnh, phi thường, đem sự no ấm cho buôn làng.

=> Tình thương gắn liền với những điều ước đó đã cho ta thấy một người mẹ giàu tình thương người và luôn biết sống vì người khác.

3. Khúc hát ru thứ 3.

- Đặc biệt hơn, hình ảnh người mẹ Tà Ôi trong đoạn thơ này có một sự thay đổi, không chỉ yêu thương con mà còn hành động vì tình yêu một cách dứt khoát mạnh mẽ:

“Mẹ đi chuyển lán mẹ đi đập rừng.

Mẹ đi em đi để giành trận cuối

Từ trên lưng mẹ em tới chiến trường”

+ Hai động từ “đi” kết hợp hình ảnh liệt kê “chuyển lán, đập rừng”

gợi hình ảnh người mẹ đang bảo vệ căn cứ, di chuyển lực lượng để kháng chiens lâu dài với tinh thần quyết tâm cao

+ Phép liệt kê “anh trai cầm súng, chị gái cầm chông” và em Cu -Tai cũng theo mẹ « giành trận cuối” gợi một gia đình, một dân tộc cùng đứng lên chống lại kẻ thù chung, cho thấy sự lướn mạnh của quân đội ta.

+ Cấu trúc « từ...đến » gợi sự trưởng thành của em Cu tai từ trên lưng mẹ đã khôn lớn

=> Từ tình thương con, thương bộ đội đến tình thương làng, thương đất nước, ta thấy tình thương của mẹ ngày càng rộng mở, người mẹ thật giàu đức hi sinh.

- Đó là cơ sở cho những ước mơ thật đẹp:

“Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ.

Mai sau con lớn làm người Tự do”

+ Trong tình cảm của người Tà -ôi cũng như của những người con Miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ thì Bác Hồ - người cha của dân tộc luôn là nguồn động viên, là biểu tượng của chiến thắng, là hình ảnh của đất nước tự do.

+ Bởi vậy mong được gặp Bác là cảm xúc thường trực, dù cho lúc này Bác đã mất, bởi lẽ chỉ có thống nhất mẹ mới được ra với Bác. Giấc mơ đẹp gắn liền với ước mơ giành trọn vẹn non sông, thoả lòng Bác mong.

- Lời ru kết lại cùng hình ảnh em Cu -Tai của tương lai là “người Tự do” của một đất nước hoà bình. Đó cũng là mong ước chung của nhân dân, của những người Việt Nam yêu nước.

=>Người mẹ Tà Ôi quả là một người mẹ yêu nước nồng nà và luôn tha thiết với độc lập tự do của Tổ Quốc.

3. Kết bài

Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm đã tạo ra được những cảm xúc đồng điệu với bao người con miền Nam anh dũng thời chống Mĩ, nói lên trọn vẹn vẻ đẹp và tâm tư của người dân tộc miền Tây Thừa Thiên trung dũng kiên cường, thủy chung với cách mạng. Cảm xúc bình dị trong sáng với hình tượng người mẹ đã làm nên sức hấp dẫn riêng của tác phẩm. Từ ngôn ngữ đến hình ảnh thơ đều đậm chất dân tộc, đem đến cho người đọc những cảm nhận đặc biệt thương mến cùng hoà theo lời ru cho giấc ngủ thanh bình của em bé Tà ôi.

BÀI 6: ÁNH TRĂNG (Nguyễn Duy)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Phân tích bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy.

Đề 1: Phân tích bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy.

1. Mở bài	- Nguyễn Duy là gương mặt nhà thơ trẻ , trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ Nguyễn Duy trẻ trung, linh hoạt, bất ngờ trong cấu tứ ngôn từ, đậm âm hưởng dân ca đồng quê nhưng cũng giàu màu sắc triết lý , dàu chiêm miệng khiến người
------------------	---

	<p>đọc phải giật mình suy nghĩ.</p> <p>- Bài thơ Ánh trăng được Nguyễn Duy sáng tác năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh, in trong tập thơ cùng tên. Bài thơ như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Từ đó nhắc nhở mỗi chúng ta về tình cảm uống nước nhớ nguồn, ân tình thủy chung với quá khứ, với những người đã khuất và cả đối với chính mình.</p>
2. Thân bài	
a) Vầng trăng trong hoài niệm	
	<p>- Thời thơ ấu: trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên vĩnh hằng, là bầu bạn của tuổi thơ, trăng ngập tràn trên cánh đồng, dòng sông, bãi bể... người đi đâu, làm gì cũng có vầng trăng là bạn. Trăng đã nuôi lớn tâm hồn tuổi ấu thơ.</p> <p>- Khi trưởng thành: người lính chiến đấu ở rừng sâu, vầng trăng thành tri kỉ. Trăng là ánh sáng trong những đêm tối chiến tranh. Trăng đến làm bạn với người chân thành, vô tư, tình cảm giữa người với vầng trăng vốn đã đẹp lại càng đẹp hơn.</p> <p>Trong hoài niệm, người và trăng đến với nhau tự nhiên, chân thành, tình nghĩa, không dễ gì chia cắt được khiến người: ngỡ không bao giờ quên suốt những năm tháng từ thuở ấu thơ ở quê nhà đến hồi chiến tranh sống ở rừng. Trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của đời sống.</p>
b) Vầng trăng thời hiện tại	
	<p>- Chiến tranh qua đi, cuộc sống bình yên trở lại, người lính may mắn từ rừng sâu trở về nơi thành phố. Cuộc sống thị thành đủ đầy, hiện đại văn minh với ánh điện, cửa gương, phòng buyn-đinh... đối lập hoàn toàn với quá khứ khi xưa. Cuộc sống đổi thay, lòng người thay đổi. Mọi quan hệ giữa người và trăng không còn như xưa nữa:</p> <p>vầng trăng đi qua ngõ như người dưng qua đường</p> <p>Trăng vẫn như xưa, vẫn ngày ngày qua ngõ, vẫn dõi theo người như người đã ngoảnh mặt làm ngơ, coi trăng như người dưng xa lạ. Sự vô tình đến mức tàn nhẫn.</p> <p>- Tình huống bất ngờ xảy ra:</p> <p>Thình lình đèn điện tắt phòng buyn-đinh tối om</p> <p>Giữa bóng tối của màn đêm là ánh sáng rực rỡ tràn đầy của vầng trăng. Dù cuộc gặp gỡ giữa người và trăng không hẹn trước, người vẫn bất ngờ nhận ra "đột ngột vầng trăng tròn". Phải đến khi đèn tắt, con người mới lại nhìn thấy và nhận ra vầng trăng. Dù cuộc sống đổi thay, lòng người đổi thay, trăng vẫn thủy chung, tình nghĩa vẫn là thứ ánh sáng trong gần như xưa.</p> <p>- Trong cuộc gặp gỡ đột ngột, bất ngờ, vầng trăng đã làm thức dậy trong tâm trí con người bao cảm xúc:</p> <p>Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì rưng rưng</p>

	<p>nghĩa là đồng là bể</p> <p>nghĩa là sông là rừng</p> <p>Người ngựa mặt nhìn trăng: "ngựa mặt lên nhìn mặt" xằng và người đã có cuộc đối diện đàm tâm . Đó là khoảnh khắc bất ngờ gặp lại cố nhân. Nhìn trăng, lòng người xúc động trào dâng:" có cái gì rung rung" . Cùng với trạng thái rung rung , tất cả những kỷ niệm hồn nhiên của thời ấu thơ, kỷ niệm nghĩa tình của một thời gian lao chiến đấu nơi rừng sâu cũng ùa về.</p> <p>Như vậy, vầng trăng hiện tại đánh thức quá khứ tươi đẹp đã ngủ yên trong lòng người" Từ hồi về thành phố". Trăng là hình ảnh tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình chẳng hề mờ phai, luôn tràn đầy, bất diệt.</p>
c) Vầng trăng suy ngẫm	
	<p>- Trong niềm xúc động rung rung, người lính nhìn trăng và suy ngẫm. Trăng vẫn tròn, vẫn sáng đẹp, vẫn thứ ánh sáng rực rỡ trong ngần , vẫn vẹn nguyên, thủy chung không hề hao khuyết.</p> <p>+ "Trăng cứ tròn vành vạnh" như tượng trưng cho quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên chẳng thể phai mờ.</p> <p>+ " Ánh trăng im phăng phắc" : phép nhân hóa khiến vầng trăng hiện ra như một con người cụ thể , một người bạn, một nhân chứng, rất nghĩa tình chi lặng lẽ, vị tha,bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc đang nhắc nhở con người đừng quên đi quá khứ.</p> <p>- Sự bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc của vầng trăng đã có sức cảm hóa lớn khiến con người "giật mình" nhìn lại mình, nhận ra sự vô tình không nên có, sự lãng quên đáng trách của mình. Thấy trăng tròn bao nhiêu, người nhận ra mình hao hụt với nhiều.</p> <p>Ánh sáng đẹp đẽ,vô ngôn của vầng trăng không chỉ soi tỏ không gian đêm thành phố, soi vào" phòng buyn-đinh tối om", gợi về những kỉ niệm người đã vô tình quên lãng mà còn cảm hóa, đánh thức lương tri, lẽ sống làm người, nhắc nhở con người biết sống ân tình, thủy chung cùng quá khứ. Ánh trăng là ánh sáng của lương tri, Ánh sáng của đạo làm người.</p>
<p>- Với thể thơ năm chữ, ngôn ngữ thơ giản dị mà hàm súc sâu xa, kết hợp hài hòa giữa tự sự, trữ tình và suy ngẫm sâu lắng,ánh trăng là một câu chuyện đời thường được kể bằng thơ rất giàu ý nghĩa triết lý.</p> <p>- Bài thơ như một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, với đất nước bình dị, hiền hậu. Nó có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố cho con người thái độ sống ân tình, thủy chung với quá khứ. Đó cũng là đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- Ý nghĩa triết lý: trong cuộc đời mỗi người, ai rồi cũng có thể mắc lỗi, điều quan trọng nhất là khi mắc lỗi, tao biết nhận ra, biết sửa chữa lỗi lầm để sống tốt hơn.</p>	
3. Kết bài	<p>Gấp những dòng thơ lại, lòng người đọc vẫn không khỏi suy tư về những điều nhà thơ gửi gắm. Qua bài thơ, người đọc thấy được những ẩn ý sâu xa và những bài học mang tầm triết lý sâu sắc mà nhà thơ muốn gửi gắm tới người đọc, đó là thái độ sống "uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung trong quá khứ.</p>

BÀI 7: MÙA XUÂN NHO NHỎ(Thanh Hải)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Phân tích bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải.

Đề 2: Nhận xét về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, có ý kiến cho rằng" Bài thơ thể hiện tình yêu cuộc sống thiết tha và nguyện ước cống hiến chân thành, tha thiết của Thanh Hải".

Hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.

Đề 3: Trong Tiếng nói văn nghệ Nguyễn Đình Thi có viết: "*Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không chỉ ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ, anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh*".

Bằng những hiểu biết của em về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ "điều gì mới mẻ", "lời nhắn nhủ" mà nhà thơ muốn đem"góp vào đời sống".

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Phân tích bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải.

1. Mở bài	- Thanh Hải (1930-1980) tên thật là Phạm Bá Ngoãn. Ông sinh ra, lớn lên, sống, chiến đấu và gắn bó trọn đời với mảnh đất Thừa Thiên-Huế. Thơ Thanh Hải bình dị, trong sáng, sâu lắng và rất chân thành.
------------------	---

	<p>- Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ ra đời tháng 11 năm 1980 trong hoàn cảnh đặc biệt, Lúc đó Thanh Hải đang nằm trên giường bệnh, sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời. Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết muốn được cống hiến thật nhiều cho đất nước, góp một "mùa xuân nho nhỏ" của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.</p>
2. Thân bài	
	<p>a) Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên Huế (khổ đầu)</p> <p>- Bức tranh mùa xuân: tác giả đã tái hiện lại khung cảnh mùa xuân của đất trời xứ Huế qua vài nét phác họa: một dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc, một tiếng chim chiền chiện...</p> <p>Mọc giữa dòng sông xanh</p> <p>Một bông hoa tím biếc</p> <p>Oi con chim chiền chiện</p> <p>Hót chi mà vang trời</p> <p>Mùa xuân được mở ra với không gian cao rộng (với dòng sông, mặt đất, bầu trời bao la) , cả màu sắc tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc) , cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện lãnh lót gọi xuân về (hót vang trời). Hình ảnh thơ đẹp, giàu tính tạo hình, bức tranh xuân có tầng bậc, hài hòa giữa màu sắc và âm thanh, đậm sắc màu xứ Huế.</p> <p>- Cảm xúc của tác giả: tươi vui, hồn nhiên, trong trẻo trước cảnh mùa xuân:</p> <p>+ Câu thơ " Từng giọt long lanh rơi" sử dụng nghệ thuật chuyển đổi cảm giác thể hiện niềm say sưa, ngây ngất, nâng niu, trân trọng của tác giả trước vẻ đẹp đất trời vào xuân . "Từng giọt" ở đây là giọt mưa xuân long lanh trong ánh sáng của trời xuân; nếu gắn với hai câu trước "từng giọt" có thể hiểu là giọt âm thanh của tiếng chim hót. Tiếng chim từ chỗ là âm thanh (cảm nhận bằng thính giác) chuyển thành từng giọt (hình, khối, cảm nhận bằng thị giác) , từng giọt ấy lại long lanh ánh sáng và màu sắc, có thể cảm nhận bằng xúc giác " Tôi đưa tay tôi hứng".</p> <p>+ Lời gọi oi, lời hỏi chi khiến câu thơ trở thành lời trò chuyện trực tiếp với thiên nhiên, tác giả đưa vào thơ cách nói dịu ngọt thân thương của xứ Huế, bộc lộ sự ngạc nhiên xúc động trước vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế.</p>
	<p>b) Cảm xúc trước mùa xuân đất nước (khổ 2, 3)</p> <p>- Thanh Hải chọn hai hình ảnh tiêu biểu người cầm súng và người ra đồng - hai hình ảnh tượng trưng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng: chiến đấu và sản xuất, bảo vệ và xây dựng đất nước. Cái hay của câu thơ là tác giả đã gắn hình ảnh người cầm súng và người ra đồng với màu xanh vô cùng gợi cảm của chồi non lộc biếc:</p> <p>Mùa xuân người cầm súng</p> <p>Lộc giắt đầy quanh lưng</p> <p>Mùa xuân người ra đồng</p> <p>Lộc trải dài nương mạ</p> <p>Lộc giắt đầy..., Lộc trải dài... Hình ảnh trùng điệp làm hiện ra cả mùa xuân đất trời trong màu xanh bất tận của lộc mới. Mùa xuân theo người lính ra trận, lộc non</p>

	<p>trên vành lá nguyệt trang tiếp sức cho họ trên mỗi bước đường hành quân, gìn giữ mùa xuân vĩnh hằng cho dân tộc. Mùa xuân theo người nông dân ra đồng, trước mắt họ trải ra màu xanh non đầy sức sống: hay chính họ đang giao mùa xuân trên khắp mọi miền Tổ quốc? Mùa xuân theo người cầm súng, người ra đồng đến mọi miền đất nước . Và chính những con người ấy đã đem mùa xuân đến cho đất nước giữa mùa xuân của thiên nhiên. Nhà thơ nghe thấy trong màu xanh tươi non của mùa xuân cái khí thế tung bừng, rộn rã, hối hả, xông xáo " Tất cả như hối hả - Tất cả như xông xáo".</p> <p>- Suy ngẫm của tác giả về đất nước:</p> <p>+ Đất nước vừa lớn lao vừa gần gũi:</p> <p>Đất nước bốn ngàn năm</p> <p>Vất vả và gian lao</p> <p>Nghệ thuật nhân hóa, đất nước như con người trải qua bao vất vả gian lao của thăng trầm lịch sử. Vẻ đẹp đất nước là vẻ đẹp của sức sống bền bỉ, mãnh liệt.</p> <p>+ Đất nước cả sáng trong tương lai:</p> <p>Đất nước như vì sao</p> <p>Cứ đi lên phía trước.</p> <p>Nhà thơ so sánh tầm vóc, vị thế của đất nước với nguồn sáng lấp lánh của vì sao để bày tỏ niềm tự hào, niềm tin tưởng về tương lai tươi sáng, về sức sống trường tồn vĩnh cửu của dân tộc, không kẻ thù nào có thể ngăn nổi bước tiến của dân tộc ta.</p>
	<p>c) Tâm niệm của nhà thơ (khổ 5, 6)</p>
	<p>Từ xúc cảm về mùa xuân của thiên nhiên, đất nước , Thanh Hải tha thiết mong ước được hóa thân để cống hiến thật nhiều cho cuộc đời:</p> <p>Ta làm con chim hót</p> <p>Ta làm một nhành hoa</p> <p>Ta nhập vào hòa ca</p> <p>Một nốt trầm xao xuyến.</p> <p>- Điệp cấu trúc: ta làm..., ta nhập vào... diễn tả một cách tha thiết khát vọng được hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, được cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung cho đất nước. Thay đổi cách xưng hô: tôi - ta, xúc cảm cá nhân trước mùa xuân thiên nhiên, đất nước đã chuyển hóa thành cái ta vừa là cá nhân vừa đại diện cho số đông, ước nguyện của tác giả cũng là ước nguyện chung của mọi người.</p> <p>- Điều tâm niệm ấy được tác giả thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh thơ đẹp một cách tự nhiên, giản dị:</p> <p>+ Ước là " con chim" để dâng cho đời tiếng hót làm vui, làm "nhành hoa" dâng cho đời hương sắc làm đẹp. Ở khổ đầu, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên đã được miêu tả bằng hình ảnh " một bông hoa tím biếc", bằng âm thanh của tiếng chim chiến chiến " hót chi mà vang trời". Ở khổ thơ này , tác giả lại mượn những hình ảnh ấy - những hình ảnh đẹp nhất, khiêm nhường nhất của thiên nhiên - để hóa thân, để dâng hiến. Cách cấu tứ lặp lại tạo ra sự đối ứng chặt chẽ. những hình ảnh chọn lọc ấy đã</p>

	<p>mang một ý nghĩa mới: mong ước được sống có ích, cống hiến cho đời vô tư, tự nguyện, không đòi hỏi đáp đền như một lẽ tự nhiên, con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương sắc cho đời.</p> <p>- Tác giả còn tha thiết được hòa mình vào cuộc sống muôn người, làm "nốt trầm xao xuyến" trong bản hòa ca bất tận của cuộc đời, cống hiến lặng thầm, không phô trương, cống hiến phần tinh túy nhất cho quê hương, đất nước.</p> <p>+ Nhà thơ ước được làm " Một mùa xuân nho nhỏ" , để " Lặng lẽ dâng cho đời". Tác giả ví ngấm cuộc đời mình và cuộc đời mỗi người là " một mùa xuân nho nhỏ". Mỗi người phải mang đến cho cuộc đời chung một phần nhỏ bé của mình và phải không ngừng cống hiến: " Dù là tuổi hai mươi - Dù là khi tóc bạc". " Mùa xuân nho nhỏ" là một sáng tạo độc đáo của Thanh Hải. Nhà thơ nguyện làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung, cống hiến bất chấp tuổi tác, thời gian, nghịch cảnh .</p> <p>Lẽ sống của Thanh Hải là lẽ sống của một lớp người trọn đời đi theo cách mạng. cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người biết sống, biết chăm lo cho cuộc đời chung và có thể đóng góp những gì tốt đẹp của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.</p>
<p>* Đánh giá:</p> <p>- Thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch của cảm xúc.</p> <p>- Ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi.</p> <p>- Cảm xúc rất đổi chân thành, tha thiết, cho nên bài thơ trở thành tiếng lòng của nhà thơ Thanh Hải với đất nước, với cuộc đời.</p>	
3. Kết bài	<p>- Sự hấp dẫn của bài thơ Mùa xuân nho nhỏ là ở thể thơ năm tiếng, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, trong sáng, giàu tính biểu tượng, ẩn dụ.</p> <p>- Bài thơ còn để lại ấn tượng sâu sắc trước những cảm xúc của Thanh Hải về mùa xuân thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp để muốn làm một mùa xuân nho nhỏ để cống hiến cho cuộc đời. Từ đó mở ra những suy nghĩ về ý nghĩa, giá trị cuộc sống của mỗi cá nhân là sống có ích, biết cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời chung.</p>

Đề 2: Nhận xét về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, có ý kiến cho rằng" Bài thơ thể hiện tình yêu cuộc sống thiết tha và nguyện ước cống hiến chân thành, tha thiết của Thanh Hải".

Hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.

1. Mở bài	<p>- Thanh Hải (1930-1980) là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học cách mạng ở miền Nam những ngày đầu. Thơ Thanh Hải bình dị, trong sáng, sâu lắng và rất chân thành.</p> <p>- Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ ra đời tháng 11 năm 1980 trong hoàn cảnh đặc biệt, lúc đó Thanh Hải đang nằm trên giường bệnh, sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời. Nhận xét về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, có ý kiến cho rằng:"Bài thơ thể hiện tình yêu cuộc sống thiết tha và nguyện ước cống hiến chân thành, tha thiết của Thanh Hải"</p>
------------------	--

2. Thân bài	
	<p>a. Bài thơ thể hiện tình yêu cuộc sống thiết tha của Thanh Hải.</p> <p>- Thanh Hải phác họa ra bức tranh mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, đậm sắc màu xứ Huế khi đang nằm trên giường bệnh: một dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc, một tiếng chim chiền chiện...</p> <p>Mọc giữa dòng sông xanh</p> <p>Một bông hoa tím biếc</p> <p>Ơi con chim chiền chiện</p> <p>Hót chi mà vang trời</p> <p>Mùa xuân được mở ra với không gian cao rộng (với dòng sông, mặt đất, bầu trời bao la) , cả màu sắc tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc), cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện lảnh lót gọi xuân về (hót vang trời) . Hình ảnh thơ đẹp, giàu tính tạo hình , bức tranh xuân có tầng bậc, hài hòa giữa màu sắc và âm thanh, đậm sắc màu xứ Huế</p> <p>- Nhà thơ đón nhận vẻ đẹp bức tranh mùa xuân bằng trạng thái tâm lý đặc biệt. Ông đưa tay ra hứng lấy "Từng giọt long lanh rơi". Trong cảm nhận của nhà thơ, tiếng chim chiền chiện không hề tan biến trong không gian mà đọng lại thành từng giọt long lanh màu sắc và ánh sáng khiến nhà thơ không cảm lòng được nên đã dang rộng vòng tay, mở rộng tấm lòng đón nhận bức tranh xuân bằng trạng thái say sưa, ngây ngất, bằng những giác quan thính ngậy và tâm hồn người nghệ sĩ, bằng cả sự trân trọng, nâng niu.</p> <p>- Nằm trên giường bệnh, vì yêu cuộc sống, Thanh Hải còn cảm nhận được khí thế tung bừng, rộn rã của đất nước đang vào xuân qua hai hình ảnh chọn lọc, giàu ý nghĩa biểu trưng: người cầm súng, người ra đồng. Họ là hai lực lượng tiêu biểu cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của dân tộc: chiến đấu và sản xuất, bảo vệ và xây dựng đất nước.</p> <p>- Thanh Hải quên đi nỗi đau bệnh tật hiểm nghèo, hòa chung với niềm vui phơi phới của đất nước, nghĩ suy về đất nước tỏa sáng trong tương lai:</p> <p>Đất nước như vì sao</p> <p>Cứ đi lên phía trước.</p> <p>Nhà thơ so sánh tầm vóc, vị thế của đất nước với nguồn sáng lấp lánh của vì sao để bày tỏ niềm tự hào, niềm tin tưởng về tương lai tươi sáng, về sức sống trường tồn vĩnh cửu của dân tộc, không kẻ thù nào có thể ngăn nổi bước tiến của dân tộc ta.</p> <p>Từ cách cảm nhận về mùa xuân thiên nhiên, đất nước, Thanh Hải đã bộc lộ tình yêu cuộc sống kiếp tha.</p>
	<p>b. Bài thơ thể hiện ước nguyện cống hiến chân thành, tha thiết của Thanh Hải đối với quê hương, đất nước.</p> <p>- Thanh Hải chọn những hình ảnh ẩn dụ đẹp, gợi cảm, giàu ý nghĩa để nói lên ước nguyện dâng hiến của mình: con chim, một cành hoa, một nốt trầm xao xuyến, một mùa xuân nho nhỏ. Điệp ngữ ta làm, dù là để hiện nguyện nguyện ước cống hiến chân thành, thiết tha cháy bỏng.</p>

	<p>- Tâm niệm về sự cống hiến :</p> <p>+ Cống hiến vô tư, tự nguyện, không đòi hỏi đáp đền như quy luật của tự nhiên, như con chim sinh ra để dâng cho đời tiếng hót làm vui, như bông hoa sinh ra để làm đẹp, điểm tô hương sắc cho đời.</p> <p>+ Chủ động hòa mình vào cuộc sống muôn người, cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời chung.</p> <p>+ Cống hiến cho đời cả "một mùa xuân nho nhỏ" - nguyện dâng hiến cả cuộc đời với tất cả sức sống tươi trẻ của mình cho quê hương, đất nước, cống hiến thường xuyên, liên tục, bất chấp thời gian, nghịch cảnh, tuổi đời.</p> <p>Lẽ sống, nhân sinh quan cao đẹp của nhà thơ trọn đời đi theo lý tưởng cách mạng, cống hiến không ngừng, không nghỉ cho đất nước, cho cuộc đời. Đó là lẽ sống đáng khâm phục.</p>
3. Kết bài	<p>- Bài thơ ra đời khi Thanh Hải sắp vĩnh biệt cuộc đời nhưng cả bài thơ vẫn ngập tràn sức xuân và khát vọng sống mãnh liệt. Điều đó đã gieo vào lòng người đọc những rung động sâu xa, truyền cho người đọc niềm lạc quan, yêu đời ngay cả khi mặt trời sắp lặn.</p> <p>- Bài thơ còn thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của Thanh Hải: muốn được hòa nhập, được cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước. Mỗi người hãy góp một nốt trầm, "một mùa xuân nho nhỏ" vào bản hòa ca bất tận của cuộc đời, của đất nước.</p>

Đề 3: Trong Tiếng nói văn nghệ Nguyễn Đình Thi có viết: " Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không chỉ ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ, anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh".

Bằng những hiểu biết của em về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ "điều gì mới mẻ", "lời nhắn nhủ" mà nhà thơ muốn đem "gộp vào đời sống".

1. Mở bài	<p>- Trong Tiếng nói văn nghệ Nguyễn Đình Thi viết: " Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không chỉ ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ, anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, Anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh".</p> <p>- Mùa xuân nho nhỏ (1980) của Thanh Hải được ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt khi nhà thơ đang sống những ngày cuối cùng của cuộc đời. Bài thơ đã thực sự mang đến những điều mới mẻ, là lời nhắn nhủ mà nhà thơ muốn đem gộp vào đời sống.</p>
2. Thân bài	<p>a) Giải thích nhận định</p> <p>- Văn học nghệ thuật luôn lấy con người và đời sống làm đối tượng phản ánh. Không có một tác phẩm nghệ thuật nào mà không được xây dựng nên từ chất liệu hiện thực cuộc sống. Vì thế " tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại", nghĩa là hiện thực cuộc sống là chất liệu, là nguồn cảm hứng để người nghệ sĩ sáng tác nghệ thuật.</p> <p>- " Những người nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi" , nghĩa là nghệ sĩ không</p>

	<p>sao chép y nguyên thực tại mà luôn muốn nói những điều mới mẻ. Đó là những khám phá, phát hiện rất mới mẻ, rất riêng của người nghệ sĩ về con người và cuộc sống." Điều mới mẻ" trong một tác phẩm có khả năng chiếu tỏa nên cuộc đời ta, soi vào tâm hồn ta, làm cho ta thay đổi hẳn cách nghĩ, cách nhìn, cách sống theo chiều hướng tích cực hơn.</p> <p>- Người nghệ sĩ con" gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, Anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh". Lá thư, lời nhắn nhủ là sự sống, là tư tưởng, tình cảm mà người nghệ sĩ muốn truyền cho người đọc. Mỗi tác phẩm văn nghệ ngoài phản ánh thực tại cuộc sống còn có chức năng giáo dục và cải tạo xã hội.</p>
	<p>b) Chứng minh, làm sáng tỏ "điều mới mẻ", "lời nhắn nhủ" mà nhà thơ muốn đem "góp vào đời sống"</p>
	<p>- Mùa xuân nho nhỏ là một tác phẩm nghệ thuật xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại:</p> <p>Đó là mùa xuân của thiên nhiên, đất trời: sắc màu tươi thắm, âm thanh tươi vui rộn rã. Mùa xuân trong thơ Thanh Hải đẹp, thơ mộng, khoáng đạt, hài hoà đường nét, màu sắc, âm thanh đậm đà sắc màu xứ Huế.</p> <p>- Trong thi phẩm, nhà thơ không sao chép, ghi lại những điều đã có mà còn ghi vào đó" những điều mới mẻ". Mùa xuân vốn là đề tài quen thuộc của thi ca xưa nay nhưng Thanh Hải lại có cảm nhận và cách thể hiện riêng.</p> <p>+ Mới mẻ về nội dung: mạch cảm xúc của bài thơ được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, từ vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên rồi mở rộng ra với mùa xuân của đất nước, của cách mạng và lắng lại vào suy tư làm bùng lên khát khao cống hiến cháy lòng của thi sĩ. Nhà thơ quan niệm cuộc đời mình, cuộc đời mỗi người là một mùa xuân nho nhỏ, nhiều mùa xuân nho nhỏ góp lại sẽ làm nên mùa xuân vĩnh hằng của non sông. Trước sắc xuân phơi phới của đất trời, của dân tộc, Thanh Hải mong được dâng hiến thật nhiều cho cuộc đời chung, cho quê hương, đất nước bất chấp thời gian, tuổi tác.</p> <p>Từ những điều mới mẻ ấy, nhà thơ đã nhắn nhủ tới mỗi con người hãy biết đem tài năng, tâm huyết, sức lực của mình để cống hiến làm đẹp cho cuộc đời chung.</p> <p>+ Mới mẻ về nghệ thuật: ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa biểu tượng; chất hoạ gợi cảm, chất nhạc vấn vương; giọng điệu biến đổi linh hoạt, khi ngọt ngào, tha thiết, say sưa, khi hối hả, khi lại trầm lắng suy tư. Bài thơ đã được nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc góp thêm vào vườn ca mùa xuân một nốt nhạc trầm mà xúc động, xao xuyến lòng người.</p> <p>- "Lời nhắn nhủ" mà nhà thơ muốn đem "góp vào đời sống".</p> <p>- Bài thơ ra đời khi Thanh Hải sắp vĩnh biệt cuộc đời nhưng cả bài thơ vẫn ngập tràn sức xuân và khát vọng sống mãnh liệt. Điều đó đã gieo vào lòng người đọc những rung động sâu xa, truyền cho người đọc niềm lạc quan, yêu đời ngay cả khi mặt trời sắp lặn.</p> <p>- Bài thơ không chỉ được coi là lời tổng kết cuộc đời nhà thơ mà còn là lời trăng trối ông gửi lại cho đời. Cuộc sống mỗi người chỉ có ý nghĩa khi biết cống hiến và hi sinh, khi biết gắn cuộc đời mình vào cuộc đời chung. Mỗi người hãy góp một nốt trầm, "Một mùa xuân nho nhỏ" vào bản hòa ca bất tận của cuộc đời.</p>
3. Kết bài	<p>- Sự sáng tạo của Thanh Hải trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ góp phần làm nên thành công của bài thơ. Bài thơ không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật mà còn là một</p>

	<p>lẽ sống đẹp Thanh Hải gửi nhắc lại cho cuộc sống hôm qua, hôm nay và mãi về sau.</p> <p>- Bài thơ có sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, khơi gợi trong ta những khát khao được sống và cống hiến thật nhiều cho cuộc đời chung.</p>
--	--

BÀI 8: VIẾNG LĂNG BÁC(Viễn Phương)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Trong bài thơ Viếng lăng Bác, Viễn Phương đã tạo dựng những hình ảnh nghệ thuật độc đáo để ca ngợi công ơn trời biển của Bác và thể hiện lòng biết ơn của nhân dân với Bác.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua bài thơ Viếng lăng Bác của tác giả Viễn Phương.

Đề 2: Phân tích bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ viễn Phương.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Trong bài thơ Viếng lăng Bác, Viễn Phương đã tạo dựng những hình ảnh nghệ thuật độc đáo để ca ngợi công ơn trời biển của Bác và thể hiện lòng biết ơn của nhân dân với Bác.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua bài thơ Viếng lăng Bác của tác giả Viễn Phương.

1. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Vấn đề nghị luận: Bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương đã sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và giàu sức biểu cảm:

2. Thân bài - Hàng tre: hình ảnh thân thuộc, gần gũi của làng quê, đất nước Việt Nam, là ẩn dụ cho đức tính ngay thẳng, sự hiên ngang dũng cảm, tinh thần bất khuất, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục của con người Việt Nam. Đó chính là sức sống bền bỉ, kiên cường, là tấm lòng trung kiên của nhân dân hướng về Bác.

- Mặt trời: mặt trời của thiên nhiên là nguồn cội của ánh sáng, đem lại sự sống cho muôn loài, vạn vật. Ở đây, Mặt trời ẩn dụ cho Bác - người chính là một mặt trời Cách mạng, đem lại ánh sáng độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc, là người soi đường chỉ lối cho Cách mạng. Người đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hy sinh để dành lấy hòa bình, vinh quang trọn vẹn.

- Kết tràng hoa: hình ảnh những bông hoa tươi thắm kết thành vòng hoa, ẩn dụ chỉ những đoàn người đang xếp hàng vào lăng viếng Bác mỗi ngày. Mỗi người dân Việt Nam là một bông hoa tươi dâng lên Người, tạo thành những tràng hoa bất tận. Dưới ánh sáng cách mạng của Bác, tràng hoa trở nên rực rỡ nhất, đẹp đẽ nhất.

- Vàng trắng: gợi tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong và những vần thơ tràn ngập ánh trắng của Người.

- Trời xanh: Hình ảnh thiên nhiên vĩnh hằng, bao la; ẩn dụ chỉ công ơn trời biển của Bác dành cho dân tộc vô cùng to lớn, Bác sẽ còn sống mãi, sẽ hóa vĩnh hằng trong lòng dân tộc bởi người đã hòa vào trời đất của quê hương.

Con chim, đóa hoa, cây tre: ước nguyện được hóa thân để được ở bên, gần gũi Bác, qua đó khẳng định tấm lòng chân thành, biết ơn của nhà thơ cũng như của cả dân tộc Việt Nam với Bác.

* Lấy những hình ảnh đẹp nhất của thiên nhiên vũ trụ để so sánh với sự hữu hạn của đời người, đề ngợi ca Bác Hồ, nhà thơ đã thể hiện tình cảm thiêng liêng, sự xúc động thành kính, lòng biết ơn vô hạn, sự thương nhớ khôn nguôi của người dân Việt Nam đối với Bác Hồ đồng thời tác giả cũng thay mặt dân tộc ta khẳng định lại chân lý: Bác Hồ vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của dân tộc ta.

3. Kết bài

Các hình ảnh nghệ thuật độc đáo kết hợp với ngôn ngữ bình dị nhưng sâu sắc đã ngợi ca công ơn trời biển của Bác và tấm lòng biết ơn, xúc động nghẹn ngào của nhân dân đối với Bác.

Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân

Đề 2: Phân tích bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương.

1. Mở bài

- Viễn Phương (1928-2005) là một cây bút Nam Bộ nổi tiếng có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Trong sự nghiệp cầm bút, Viễn Phương dành nhiều tâm huyết để làm thơ dâng Bác.

- Bài thơ Viếng lăng Bác rút trong tập Như mây mùa xuân (1978) được ra đời năm 1976, khi lăng Hồ Chủ tịch vừa khánh thành, Viễn Phương được ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác. Bài thơ thể hiện lòng thành kính thiêng liêng và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người dân Việt Nam dành cho Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác. Đây là một trong những bài thơ cảm động và xuất sắc nhất viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh.

2. Thân bài

a) Cảm xúc của nhà thơ khi đặt chân đến lăng Bác (khổ 1)

- Câu thơ mở đầu " Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác" chỉ gọn như một thông báo, nhưng lại gợi ra tâm trạng xúc động của một người con từ chiến trường miền Nam sau bao năm mong mỏi bây giờ mới được ra viếng Bác.

+ Viễn Phương thưa với Bác bằng cả tấm lòng thiêng liêng thành kính, khao khát mong chờ gặp Bác.

+ Cách nói giảm: từ " thăm" thay cho từ " viếng" giảm bớt nỗi đau mất mát. Trong trái tim nhà thơ và tất cả dân tộc Việt Nam, Bác còn sống mãi, con chỉ ra thăm chứ không phải viếng Bác.

+ Cách xưng hô " con" và " Bác" vừa gần gũi, thân thương, vừa trân trọng thành kính.

- Ba câu tiếp: từ làn sương mờ của bầu trời Hà Nội, nhà thơ đã cảm nhận cảnh vật nơi Người yên nghỉ bằng tất cả niềm tôn kính thiêng liêng và nỗi xúc động dâng trào. Hình ảnh đầu tiên và ấn tượng nổi bật trong cái nhìn đầu tiên về cảnh quan lăng Bác là hàng tre. Nhà thơ cảm nhận ở đó linh hồn quen thuộc của quê hương Việt Nam:

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

Bác yên nghỉ giữa lòng thủ đô Hà Nội trang nghiêm là thế, nhìn thấy hàng tre xanh đang đứng đó, nhà thơ nhận ra lăng Bác bỗng trở nên gần gũi, thân thuộc như mọi

xóm làng Việt Nam. Về với Bác, Viễn Phương tưởng như được trở về với ngôi nhà yêu dấu, về với nguồn cội của mình. Từ hàng tre cụ thể bên lăng Bác, nhà thơ liên tưởng đến cây tre Việt Nam, đến bản lĩnh, sức sống bền bỉ kiên cường của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

b) Cảm xúc của nhà thơ khi cùng đoàn người xếp hàng vào lăng Bác .(khổ 2)

- Hai câu đầu: nhà thơ sử dụng thành công hình ảnh sóng đôi " mặt trời" .:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

Hình ảnh mặt trời trong câu trên là thực, mặt trời của thiên nhiên vũ trụ được nhân hóa " đi qua trên lăng". Mặt trời trong câu dưới là hình ảnh ẩn dụ, Bác cũng giống như mặt trời đem đến ánh sáng và hơi ấm cách mạng sưởi ấm lòng dân tộc ta, xua đi cuộc sống lầm than nô lệ. Lấy mặt trời để ví với Bác, nhà thơ đã thể hiện niềm tốt kính của mình và toàn thể nhân dân Việt Nam dành cho Bác; khẳng định và ngợi ca công lao trời bể và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Bác. Người vĩ đại không chỉ nhân loại thừa nhận và cả thiên nhiên, tạo hóa cũng phải tôn kính, ngưỡng mộ.

- Hai câu sau : " Dòng người đi trong thương nhớ" là hình ảnh thực. Còn " Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân" lại là ẩn dụ. Nhìn từng đoàn người lặng lẽ, trang nghiêm xếp hàng vào lăng viếng Bác nối dài không dứt, nhà thơ liên tưởng đến hình ảnh ẩn dụ đẹp, giàu chất thơ : " tràng hoa" thơm dâng Bác. Tình cảm thương nhớ, lòng biết ơn của nhân dân ta dành cho Bác chẳng bao giờ nguôi, cũng tự nhiên, vĩnh hằng như quy luật đất trời.

c) Cảm xúc của nhà thơ khi bước vào lăng đứng trước anh linh Bác(khổ 3)

- Viễn Phương đã cố kìm nén cảm xúc để miêu tả " Bác nằm trong giấc ngủ bình yên" . Không gian và thời gian như ngưng đọng trước một hình ảnh có tính vĩnh hằng. Nhà thơ cảm nhận như Người chỉ đang trong giấc ngủ yên bình sau bảy mươi chín năm thức trọn về dân tộc.

- Hình ảnh vàng trắng là một liên tưởng độc đáo. Nhìn ánh sáng tỏa ra nơi Bác yên nằm, nhà thơ lại liên tưởng đến vàng trắng sáng dịu hiền. Từ không gian trong lăng với từ ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo, hình ảnh vàng trắng còn gợi tâm hồn thanh cao, tình yêu thiên nhiên say đắm và cả những vần thơ ngập tràn ánh trắng của Bác.

- Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa:

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim

Bác vẫn còn mãi với non sông, đất nước như trời xanh vĩnh hằng. Người đã hóa thành thiên nhiên, đất nước, dân tộc. Dù biết thế, con tim Viễn Phương lại có tiếng nói riêng, ông " nghe nhói ở trong tim" vì sự thật bác đã đi xa, vì nỗi đau thiếu vắng Bác không gì bù đắp nổi. Từ nhói nằm giữa câu thơ diễn tả nỗi đau quặn thắt con tim như thể người con vừa mất đi người cha yêu kính.

d. Cảm xúc của nhà thơ trước lúc ra về (khổ 4)

- Câu thơ đầu:" Mai về miền Nam thương trào nước mắt" , câu thơ có cách diễn đạt mộc mạc, chân thành kiểu Nam Bộ. Nghĩ đến giây phút phải chia tay Bác để trở về miền Nam, nhà thơ nhớ thương Bác đến "trào nước mắt".

- Ba câu cuối : nhà thơ bày tỏ tình cảm lưu luyến và niềm mong ước:

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

+ Điệp ngữ " muốn làm" gọi lên khát khao chân thành, cháy bỏng của tác giả. Ông muốn ở mãi bên Bác để phần nào bù đắp công lao, đức hy sinh trời bể mà Người đã dành cho dân tộc.

+ Hình ảnh con chim hót, đóa hoa tỏa hương, cây tre trung hiếu gợi ra niềm mong ước của tác giả. Vì lưu luyến, bịn rịn, thương nhớ Bác khôn nguôi, Viễn Phương đã mong ước tha thiết được hóa thân vào cảnh vật bên lăng Người.

Đẹp nhất, cao cả nhất là ước muốn được làm cây tre trung hiếu để được đứng trong hàng tre xanh xanh Việt Nam để ngày ngày đứng canh giấc ngủ thiên thu của Bác . Ẩn dụ cây tre trung hiếu biểu tượng cho lòng thủy chung với con đường và sự nghiệp cách mạng mà Bác đã chọn. Hình ảnh hàng tre ở khổ đầu được lặp lại ở cuối bài tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng, tô đậm hình ảnh gây ấn tượng sâu sắc và dòng cảm xúc được trọn vẹn.

3. Kết bài

- Bài thơ Viếng lăng Bác hấp dẫn người đọc bởi những hình ảnh thơ đẹp giàu liên tưởng mộng mơ, bởi nhịp điệu tha thiết, giọng thơ thành kính, trang nghiêm phù hợp với không khí của cuộc viếng lăng. Bài thơ đã chạm đến trái tim mỗi người con Việt Nam khi nhắc đến Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

- Bài thơ đã thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính, vừa tự hào vừa đau xót của tác giả khi từ miền Nam mới được giải phóng ra viếng lăng Bác. Vì vậy Viếng lăng Bác không những là nén tâm hương dâng lên bác mà còn là tiếng khóc nghẹn ngào trước sự ra đi của Bác, là lòng thương nhớ khôn nguôi của Viễn Phương nói riêng và của đồng bào miền Nam, dân tộc Việt Nam nói chung dành cho Bác kính yêu.

BÀI 9: NÓI VỚI CON

(Y Phương)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Phân tích bài thơ Nói với con của nhà thơ Y Phương.

Đề 2: Nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh qua bài thơ Nói với con của Y Phương.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Phân tích bài thơ Nói với con của nhà thơ Y Phương.

1. Mở bài	<p>- Nhà thơ Y Phương (1948) là người dân tộc Tày từng được biết đến với các tác phẩm như Tiếng hát tháng giêng, Chín tháng, Lời chúc... Thơ ông là tiếng hát ngợi ca con người và cuộc sống miền núi, là sự thức tỉnh ý thức dân tộc, khẳng định sức sống mạnh mẽ của dân tộc mình.</p> <p>- Bài thơ Nói với con được sáng tác năm 1980, in trong tập Thơ Việt Nam 1945 - 1985, trong hoàn cảnh đất nước ta còn gặp muôn vàn khó khăn , thử thách. Mượn lời nói với con , Y Phương gọi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người; bộc lộ niềm tự hào về truyền thống cần cù, sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình.</p>
------------------	---

2. Thân bài	
a) Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng: gia đình và quê hương (11 dòng đầu)	
	<p>- Bốn câu thơ đầu: gọi ra bức tranh gia đình hạnh phúc, cha muốn nói với con: con là hạnh phúc của cha mẹ, con được sinh ra và lớn lên trong tình yêu thương, trong sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ. Ở bức tranh ấy có cha, có mẹ, có con và con là trung tâm của gia đình, con đang ở tuổi chập chững biết đi, bi bô tập nói. Mỗi bước đi của con đều được cha nâng, mẹ đỡ, con được bước đi trong cả đôi bờ yêu thương:</p> <p>Chân phải bước tới cha</p> <p>Chân trái bước tới mẹ</p> <p>Một bước chạm tiếng nói</p> <p>Hai bước tới tiếng cười</p> <p>- Năm câu thơ tiếp: con trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình của quê hương:</p> <p>+ Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của "người đồng mình" được nhà thơ gọi lên qua các hình ảnh đẹp:</p> <p>Đan lờ cài nan hoa ra</p> <p>Vách nhà ken câu hát</p> <p>Các động từ cài, ken vừa miêu tả công việc cụ thể vừa gợi sự tài hoa, khéo léo, lạc quan của người đồng mình. Cuộc sống của họ luôn vui vẻ, đầy ắp những tiếng hát, lời ca.</p> <p>+ Rừng núi quê hương cũng rất thơ mộng nghĩa tình, thiên nhiên ấy đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống:</p> <p>Rừng cho hoa</p> <p>Con đường cho những tấm lòng</p> <p>Con sinh ra trong một gia đình hạnh phúc, con trưởng thành trên quê hương đầy ắp nghĩa tình. Gia đình và quê hương là hai chiếc nôi sinh con, nuôi con khôn lớn, bồi đắp cho con cả tâm hồn và lối sống. Nhắc lại những câu thơ về cội nguồn cao đẹp của con, cha đã nhắc lại ngày cưới của cha mẹ là "Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời". Nói với con về ngày cưới của cha mẹ để một lần nữa cha muốn con ghi sâu: con có một gia đình hạnh phúc, một quê hương sâu nặng nghĩa tình, con đừng bao giờ quên những cội nguồn thiêng liêng, đẹp đẽ ấy.</p>
b) Nói với con về những phẩm chất của người đồng mình và sức sống bền bỉ, mãnh liệt của quê hương (13 dòng tiếp theo)	
	<p>- Cách gọi " người đồng mình": người trong bản, buôn, thung lũng, dân tộc mình. Cách nói mang ngôn ngữ địa phương, mộc mạc mang đặc trưng của người miền núi đầy gần gũi, đoàn kết và trân trọng. Cha gọi những người cùng sinh sống trên một vùng quê bằng tiếng gọi triu mến nghe thật gần gũi, thân thương. Con lớn lên trong cái nôi nghĩa tình của những con người mộc mạc, thủy chung, tràn đầy niềm vui và lòng lạc quan.</p> <p>- Cha kể cho con nghe cuộc sống và vẻ đẹp của người "người đồng mình" vẫn bằng</p>

giọng điệu tâm tình và ngôn ngữ mang đậm tư duy dân tộc giản dị mà đầy chất thơ:

+ "Người đồng mình" có cuộc sống gian nan vất vả chất chồng đo bằng chiều cao của những ngọn núi nhưng bản lĩnh sống vô cùng cao đẹp. Họ biết lấy khó khăn biết nhìn về đấng xa để tôi luyện ý chí, "người đồng mình" luôn bền gan vững chí vươn lên trong mọi hoàn cảnh:

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

Tác giả đã lấy không gian cao và xa để cụ thể hóa ý chí bền bỉ, kiên định vượt khó của con người quê hương. hai câu thơ đã kết thúc bản lĩnh và phương châm sống cao đẹp của "Người đồng mình".

+ "Người đồng mình" một lòng một dạ gắn bó, thủy chung với quê hương, yêu quê hương tha thiết:

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Điệp cấu trúc "Sống... không chê...", cách nói phủ định để khẳng định chắc nịch tình yêu, sự gắn bó thủy chung của con người với nơi chôn rau cắt rốn của mình dù có phải "sống trên đá gập ghềnh", "sống trong thung nghèo đói".

+ "Người đồng mình" chân chất, giản dị, "thô sơ da thịt" nhưng tâm vóc tâm hồn, trí tuệ và nhân cách sống cao đẹp: "Người đồng mình thô sơ da thịt - Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con". Nghệ thuật ẩn dụ kết hợp nghệ thuật đối làm nổi bật vẻ đẹp mộc mạc, giản dị những tâm vóc lớn lao của con người quê hương.

"Tự đục đá": lao động thô sơ, cải tạo đất đai để sinh cơ lập nghiệp, xây dựng quê hương:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương.

Còn quê hương thì làm phong tục

Những con người ấy bằng sự lao động cần cù, nhẫn nại đã làm nên quê hương với truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp. Họ đã kê quê hương thêm cao. Những câu thơ là lời ngợi ca, khâm phục, tự hào chính đáng của cha về ý thức tự lực tự cường, tinh thần tự tôn dân tộc đáng trân trọng của "người đồng mình".

Nhiều lời gọi mang ngữ điệu cảm thán, kết hợp các điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc cú pháp tạo giọng điệu thiết tha, triu mến, yêu thương:

- Người đồng mình yêu lắm con ơi...

- Người đồng mình thương lắm con ơi

- Sống trên đá, không chê...

- Sống trong thung, không chê

Tóm lại, từng câu, từng chữ, từng lời cha nói đều chứa chan niềm tự hào chính đáng của cha về quê hương dân tộc. Nói với con về những vẻ đẹp đáng tự hào, đáng "thương" của "người đồng mình", cha không chỉ mong con hiểu, con biết tự hào mà đằng sau những lời nói ấy là biết bao nhiêu mong ước thiết tha, cháy bỏng cha trao gửi nơi con. Cha mong con sống như "người đồng mình" đã sống.

c) Mong muốn của người cha về con (4 dòng cuối)	
	<p>- Sống ân tình thủy chung với quê hương: cha nhắc lại hình ảnh "thô sơ da thịt" để con nhớ đặc điểm của "người đồng mình" là mộc mạc, chân chất, con cũng là "người đồng mình", con là một phần máu thịt của quê hương, phải biết gắn bó thủy chung với quê hương.</p> <p>- Biết tự hào về truyền thống quê hương, vượt qua thử thách bằng ý chí, niềm tin, vững bước trên đường đời.</p> <p>Con ơi tuy thô sơ da thịt</p> <p>Lên đường</p> <p>Không bao giờ nhỏ bé được</p> <p>Nghe con.</p> <p>+ Khi con "lên đường", là khi khôn lớn, trưởng thành, bước vào cuộc sống, cha tin con " Không bao giờ nhỏ bé được", con sẽ vượt qua thử thách, chông gai cuộc đời bằng ý chí, niềm tin. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, con hãy sống như "người đồng mình" đã sống. Trước thiên hạ, phải tự tin, vững bước trên đường đời, tự tin khẳng định mình, kế tục xứng đáng những truyền thống cao đẹp của gia đình, quê hương để làm rạng danh cho quê hương, xứ sở.</p> <p>+ Lời gọi "Con ơi" đặt trước những điều dặn dò và lời nhắn nhủ "Nghe con" sau lời dặn khiến lời cha không khô khan cứng nhắc mà thấm thía ân tình, dễ dàng thấm sâu vào hồn con. Lời cha là lời truyền giao thế hệ về lẽ sống ở đời của thế hệ trước với thế hệ sau. Cha yêu con, yêu quê hương tha thiết, tình cha con tràn hòa trong tình yêu quê hương, đất nước.</p>
<p>* Đánh giá: Bài thơ được sáng tác theo thể thơ tự do, giọng điệu thiết tha, trù mến, hình ảnh cụ thể mà có tính khái quát, mộc mạc mà vẫn gợi cảm, giàu chất thơ; cách dẫn dắt tự nhiên: từ tình cảm gia đình mở rộng ra tình yêu quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi thiêng liêng mà nâng lên thành lẽ sống.</p>	
3. Kết bài	<p>Qua lời nói với con, nhà thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm áp, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Từ đó gọi nhắc về tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương đất nước.</p>

Đề 2: Nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh qua bài thơ Nói với con của Y Phương.

1. Mở bài	<p>- Bài thơ Nói với con (1980) của Y Phương nằm trong cảm hứng rộng lớn, phổ biến, muôn thuở của thi ca. Bài thơ nói về tình yêu thương con cái, mong ước thế hệ sau nối tiếp xứng đáng và phát huy truyền thống của gia đình, quê hương.</p> <p>- Viết về tình cảm cao đẹp mang tính nhân bản của con người Việt Nam , nhưng bài thơ có những nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh. Đó là nét độc đáo của tác giả để thể hiện cảm xúc, tư tưởng chủ đề tác phẩm.</p>
2. Thân bài	
a) Nét riêng trong sáng tác văn học	

	<p>Là những nét độc đáo, riêng biệt của tác giả trong việc lựa chọn kết cấu, từ ngữ, hình ảnh để thể hiện cảm xúc, tư tưởng, chủ đề của tác phẩm. Nét riêng ấy khi được lặp lại ở nhiều tác phẩm khác nhau của cùng một tác giả sẽ tạo ra phong cách nghệ thuật, cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Tìm hiểu nét riêng trong sáng tác văn học là đặt tác phẩm đó trong mối tương quan với cái phổ biến, cái chung về đề tài, cảm hứng sáng tác... để thấy được sự sáng tạo của nhà văn.</p> <p>Nét chung của các tác phẩm cùng đề tài về tình yêu thương con</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ Nói với con của Y Phương có cùng đề tài với các tác phẩm như: Con cò của Chế Lan Viên, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm... - Nói về tình yêu thương con, các tác phẩm trên đều thể hiện một cách chân thực, xúc động thứ tình cảm thiêng liêng mang tính nhân bản muôn thuở của con người: tình mẹ, tình cha dành cho con. Trong khi thể hiện cảm xúc, các nhà thơ đều sáng tạo ra những hình ảnh giàu sức biểu cảm, hàm súc; ngôn từ dung dị đi, có sức gợi...
<p>b) Phân tích nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh qua bài thơ Nói với con của Y Phương</p>	
	<p>* Nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về thể thơ, giọng điệu: <ul style="list-style-type: none"> + Bài thơ được viết dưới hình thức thơ tự do, câu dài câu ngắn khác nhau, vì thế nhịp điệu phóng khoáng, cảm xúc được bộc lộ một cách thoải mái, tự nhiên nhất. Khi thể hiện tình cảm tha thiết thể hiện thái độ, ý chí cương quyết, mạnh mẽ, cha dùng những câu thơ dài, khi muốn nhấn nhá, dặn dò con, tra lại dùng những câu thơ ngắn: - Người đồng mình thương lắm con ơi - Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương - Lên đường Không bao giờ nhỏ bé được Nghe con. + Giọng điệu: lời thương là lời người cha tâm tình, dặn dò con. Chọn cách tâm tình như vậy, tác giả gọi ra một không khí gia đình ấm áp tình cha con, đồng thời tạo cho bài thơ giọng điệu tha thiết, triu mến, tin cậy. - Về ngôn từ: <ul style="list-style-type: none"> + Cách gọi, cách diễn đạt giản dị, mộc mạc, mang đặc trưng của người miền núi. Cha gọi những người cùng sinh sống trên một vùng quê bằng tiếng gọi triu mến: "người đồng mình" nghe thật gần gũi, thân thương. + Nhiều lời gọi mang ngữ điệu cảm thán, kết hợp các điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc cú pháp tạo giọng điệu thiết tha, triu mến, yêu thương: <ul style="list-style-type: none"> - Người đồng mình yêu lắm con ơi... - Người đồng mình thương lắm con ơi

	<p>- Sống trên đá, không chê...</p> <p>- Sống trong thung, không chê...</p> <p>- Con ơi tuy thô sơ da thịt...</p> <p>- Nghe con.</p> <p>- Mạch cảm xúc: cảm xúc trong bài thơ cũng được tác giả dẫn dắt tự nhiên, từ tình cảm gia đình mở rộng ra tình yêu quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi thiêng liêng mà nâng lên thành lẽ sống.</p> <p>* Nét riêng trong cách tạo hình ảnh:</p> <p>- Nhà thơ lựa chọn những từ ngữ, hình ảnh độc đáo có sức gợi tả, gợi cảm, đậm sắc thái miền núi: đan, cài, ken, vách nhà, đá, thung, ghènh, thác, sông, suối,... cụ thể mà khái quát; mộc mạc mà chất thơ bay bổng khiến bài thơ trở nên sinh động, chân thành, tha thiết.</p> <p>- Nhiều hình ảnh cụ thể, gần gũi được so sánh, ví von để thể hiện những khái niệm trừu tượng: "sống như sông như suối" để ngợi ca sức sống mạnh mẽ, trường tồn, khỏe khoắn, tình yêu tự do như sông như suối dẫu gặp bao thác ghènh vẫn chảy về với biển.</p> <p>- Hình ảnh con người đầy ý chí, nghị lực cũng được diễn đạt bằng ngôn ngữ hình ảnh đậm chất dân tộc:</p> <p>- Cao đo nỗi buồn</p> <p>Xa nuôi chí nhớ...</p> <p>- Sống như sông như suối</p> <p>Lên thác xuống ghènh...</p> <p>- Chẳng mấy ai nhỏ bé...</p> <p>- Tự đục đá kê cao quê hương...</p> <p>- Lên đường</p> <p>Không bao giờ nhỏ bé được</p> <p>Nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh trong bài thơ đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo và phong cách riêng biệt của nhà thơ dân tộc Tày.</p>
3. Kết bài	<p>- Bài thơ không chỉ thể hiện tình cảm gia đình đầm ấm, yên vui, yêu thương, gắn bó mà còn ngợi ca sức mạnh và truyền thống cần cù của quê hương, gợi nhắc người đọc tình yêu quê hương, ý chí vươn lên, sống cho xứng đáng với truyền thống quý báu mà quê hương đã gìn giữ, dựng xây.</p> <p>- Với cách biểu hiện cảm xúc, sự sáng tạo hình ảnh rất riêng, bài thơ đã thể hiện phong cách thơ Y Phương: tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh mang đặc trưng của người dân tộc miền núi, luôn dạt dào tình yêu thương và lòng nhân ái.</p>

BÀI 10: SANG THU(Hữu Thỉnh)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Phân tích bài thơ Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh.

Đề 2: Bằng sự hiểu biết của mình về bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh em hãy làm rõ ý kiến sau: "Với Sang Thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ thu "

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Phân tích bài thơ Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh.

Đề 2: Bằng sự hiểu biết của mình về bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh em hãy làm rõ ý kiến sau: "Với Sang Thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ thu "

1. Mở bài

- Hữu Thỉnh (1942) là nhà thơ quân đội, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ . Trước 1975, thơ Hữu Thỉnh tập trung diễn tả hình tượng người lính và hiện thực lớn lao, sôi động của những năm tháng chiến tranh ác liệt của đất nước trong kháng chiến chống Mỹ. Khi đất nước thống nhất, Hữu Thỉnh viết nhiều về con người và cuộc sống đời thường với nhiều suy nghĩ và chiêm nghiệm sâu sắc.

- Sang thu được Hữu Thỉnh sáng tác vào mùa thu năm 1977, in trong tập Từ chiến hào đến thành phố , xuất bản năm 1991. Bài thơ viết về những chuyển biến nhẹ nhàng, tinh tế của thiên nhiên, đất trời trong phút giao mùa từ hạ sang thu. Qua đó, nhà thơ gửi gắm quy luật của cuộc sống nhân sinh, của đời người khi bước sang mùa thu của cuộc đời.

a) " Sang thu" ở chốn làng quê (khổ 1)

- Mùa thu đến bắt đầu từ hương vị mộc mạc ở một chốn làng quê. "Hương ổi" một thứ hương thơm ngào ngạt, nồng nàn đang chủ động phả vào trong gió se. Chỉ cần một từ "phả" gọi lên mùi hương ổi lan tỏa khắp không gian. Gió se : gió heo may se lạnh báo hiệu thu sang. Trong làn gió heo may se lạnh của mùa thu vị hương ổi được cô đặc, sánh lại, ngọt ngào và quyến rũ hơn. Cái ấm chủ động giao thoa với cái lạnh:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

- Từ khu vườn nhỏ nhà mình, nhà thơ hướng mắt ra trước ngõ và thấy làn sương mong manh đang ngập ngừng , đang " chùng chình qua ngõ". Nghệ thuật nhân hóa và từ láy " chùng chình" gọi lên làn sương thu nhẹ, mỏng manh , giăng mắc nửa muốn đi nửa còn dửng dăng ở lại nơi đầu thôn ngõ xóm. Các tín hiệu đặc trưng của mùa thu đã hiện diện. Vậy mà nhà thơ còn chưa chắc chắn, còn nghi hoặc: " Hình như thu đã về" . Phải tinh tế, nhạy cảm, nhà thơ mới có thể nhận ra bước " sang thu" nhẹ nhàng, vô hình, từ hương thơm của làng quê, từ những gì không cụ thể làm xốn xang lòng người.

b) Sang thu khắp đất trời (khổ 2)

Từ không gian nhỏ hẹp với hương ổi trong vườn, gió qua nhà, sương trước ngõ, Hữu Thỉnh đã phóng tầm mắt ra xa hơn và nhận ra mùa thu đã về thật sự khắp đất trời.

- Hai câu thơ đầu: nghệ thuật đối lập được sử dụng để miêu tả những chuyển biến tinh tế của mùa thu trong một không gian trái chiều và những trạng thái, hoạt động trái chiều nhau của vạn vật:

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Thu sang, dòng sông cứ thế lững lờ trôi, rất nhẹ nhàng, rất êm xuôi, vừa chảy vừa như đang ngẫm nghĩ suy tư như đang đợi chờ ai đó. Đối lập với dòng sông, đàn chim tỉnh tể nhận ra hơi thu lạnh lườn trong gió se, chúng không thể "dềnh dàng" mà vội vàng, gấp gáp hơn trong những nhịp sải cánh khi mỗi chiều bay về tổ. Hai tốc độ trái chiều nhau, sự "dềnh dàng" của dòng sông, sự "vội vã" của những cánh chim đều diễn tả chính xác mùa thu mới ở độ bắt đầu.

- Hai câu sau: được xem là hai câu tuyệt bút tả cảnh ngụ tình. Thu sang rất dịu, rất nhẹ, rất em được nhà thơ cảm nhận từng bước chuyển mình của "đám mây mùa hạ" còn vương lại trên bầu trời.

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

+ Từ "vắt" gợi cho người đọc những liên tưởng kỳ thú về đám mây. Đám mây như một tấm lụa mềm mại, duyên dáng đang "vắt" lên bầu trời hai nửa hạ - thu.

+ Đám mây được nhân hóa mới chỉ đang "vắt nửa mình" để sang thu. Nó như cũng mang nặng tâm tư của con người trong khoảnh khắc giao mùa: băng khuâng xao xuyến trước những chuyển biến kỳ diệu của thiên nhiên, nửa còn lưu luyến, bịn rịn với mùa hạ nồng nàn, nửa đang háo hức, mong ước mùa thu êm dịu.

c) "Sang thu" trong tâm hồn mỗi người (khổ 3)

- Thu đến với những dấu hiệu rõ ràng, cụ thể hơn bằng những đổi thay của thời tiết, bằng những dấu hiệu của hạ đi. Sang thu, mọi dấu hiệu thời tiết mùa hạ đều trở nên thưa thớt, ít ỏi. Dù "vẫn còn bao nhiêu nắng" nhưng những cơn mưa "đã vội dần", sấm cũng không còn "bất ngờ" như trong mùa hạ nữa. "Hàng cây đứng tuổi" không còn sợ sấm nữa bởi nó đã từng chứng kiến rất nhiều lần chuyển mùa như thế:

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vội dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

- Hình ảnh "Hàng cây đứng tuổi" khép lại bài thơ vừa làm trọn vẹn bức tranh thiên nhiên vạn vật "sang thu" vừa là cầu nối mở ra những tâm sự nhà thơ muốn gửi gắm khiến bài thơ không chỉ là hình ảnh đất trời thiên nhiên nên thơ mà còn có hình ảnh con người trong khoảnh khắc giao mùa:

+ "Sấm" là tượng trưng cho những biến động bất thường, những khó khăn mỗi người có thể gặp phải trên đường đời.

+ Hình ảnh "hàng cây đứng tuổi" tượng trưng cho những lớp người đã từng trải, có kinh nghiệm dày dặn, đã từng trải qua bao sóng gió gian nan của cuộc đời. Khi đã "sang thu" con người luôn vững vàng hơn, họ đón nhận những biến động bất ngờ bằng sự bình thản tự nhiên, họ giải quyết mọi việc được bình tĩnh theo cách đúng đắn nhất.

Thiên nhiên đã trở cái cớ để nhà thơ gửi gắm triết lý nhân sinh vào đó, khiến Sang

*** Đánh giá:**

- Bài thơ "Sang thu" là sự cảm nhận tinh tế của tác giả về vẻ đẹp thiên nhiên với những bước chuyển mình từ hạ sang thu. Đồng thời, qua tác phẩm còn nói lên niềm xúc động, những suy ngẫm và triết lý trong khoảnh khắc giao mùa của nhà thơ.

- Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, tự nhiên nhưng giàu sắc gợi, độc đáo và mới lạ.

- Giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng.

3. Kết bài

- Bằng sự cảm nhận tinh tế, bằng ngôn ngữ thơ ca giản dị, hàm súc; hình ảnh thiên nhiên thân quen, giản dị mà tươi tắn, sống động và một giọng thơ vừa có thoáng ngời ngàng, vừa có chút vui sướng, lại vừa trầm lắng, sâu sắc... Hữu Thỉnh đã dựng lại một bức tranh thu nồng đượm hơi ấm cuộc đời, hơi ấm quê nhà, ấm áp tình người.

- Với Sang thu, Hữu Thỉnh đã góp thêm một nét thu độc đáo vào dòng thơ thu của dân tộc.

Đề 2: Bằng sự hiểu biết của mình về bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh em hãy làm rõ ý kiến sau: "Với Sang Thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ thu"

1. Mở bài	<p>- Hữu Thỉnh (1942) là nhà thơ quân đội, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Thơ Hữu Thỉnh hấp dẫn người đọc ở hình ảnh, cảm xúc trong sáng với nhiều suy nghĩ và chiêm nghiệm sâu sắc về con người, cuộc đời.</p> <p>- Bài thơ Sang thu sáng tác năm 1977 với nhiều nét sáng tạo và độc đáo so với những bài thơ cùng đề tài. Vì vậy có ý kiến cho rằng: "Với Sang thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ thu".</p>
2. Thân bài	
a) Giới thiệu về mùa thu và thơ ca	
	<p>- Người xưa nói "Thu là thơ của lòng người", "Thu là thơ của đất trời". Vì thế, trong lịch sử văn học đã có một dòng thi ca viết về mùa thu.</p> <p>- Trong thơ thu xưa thường vương những nét buồn nhất định và nhất thiết phải có hình ảnh sương sa, lá ngô đồng rụng, rừng phong thu... nét buồn này có cả ở quán quân về thơ thu - Nguyễn Khuyến và còn vương tới thời Thơ mới của Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư... Trong cái chung ấy, mỗi nhà thơ lại mang đến cho thơ thu một nét mới rất riêng.</p> <p>- Sang thu của Hữu Thỉnh không chỉ tả cảnh đẹp của thiên nhiên vào thu với những nét đặc trưng nhất mà còn thể hiện nét riêng trong hệ thống hình ảnh, ngôn từ, trong mạch vận động cảm xúc và hình tượng thiên nhiên để dẫn tới cảm nhận sang thu của hồn người.</p>
b) Chứng minh "Với Sang Thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ Thu"	
	<p>* Sang thu mới ở mạch vận động cảm xúc và hình tượng thiên nhiên.</p> <p>- Khác với nhiều thi nhân khi viết về mùa thu, Hữu Thỉnh đã chọn thời điểm giao mùa cuối hạ sang thu. Sự rung động bất chợt trước sự biến động của thiên nhiên, dấu hiệu thu sang lần dần mùa hạ bắt đầu từ hương ổi, gió se, làn hương, dòng sông, cánh chim, làn mây đến nắng mưa, sấm chớp... khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng</p>

	<p>những rung cảm tinh tế, sâu sắc.</p> <p>- Bức tranh thu sang của Hữu Thỉnh có sự vận động trong không gian và thời gian của đất trời và không gian, thời gian của tâm tưởng, vận động từ ngoại cảnh và nội tâm:</p> <p>+ Sự vận động của thiên nhiên từ hạ sang thu.</p> <p>+ Sự vận động của cảm xúc, từ băng khuâng xao xuyến trước bước chuyển mùa sang cảm nhận về đời người, lúc sang thu. Thiên nhiên đã trở thành cái có để nhà thơ gửi gắm triết lý nhân sinh vào đó, khiến sang thu trở thành một ẩn dụ hàm súc, đa nghĩa.</p> <p>* Sang thu mới cả thần thái, thi liệu, hình ảnh:</p> <p>- Dáng vẻ: thần thái thơ thu trước đây có màu vẻ bi thương, tàn phai (Đây mùa thu tới - Xuân Diệu, Tiếng thu - Lưu Trọng Lư...). Nhưng mùa thu trong thơ Hữu Thỉnh trong sáng, dịu dàng, quyến rũ (qua hình ảnh đám mây).</p> <p>- Sang thu có sử dụng hình ảnh và thi liệu mùa hạ: có sương, gió, sông, cánh chim, đám mây I nhưng Hữu Thỉnh đã sáng tạo các hình ảnh thơ Qua phép tu từ nhân hóa: "Sương chùng chình qua ngõ " , "đám mây mùa hạ" đang "Vắt nửa mình sang thu...". Cảnh Thu trở nên sống động vừa có hình, có hồn, vừa giàu sức gợi cảm nhất là hình ảnh đám mây khi sang thu. Nhà thơ lấy cái hữu hình để diễn tả cái vô hình, lấy không gian để đo bước đi của thời gian, biến giây phút mong manh, mơ hồ khó nắm bắt trở nên cụ thể khiến cho thu sang vốn âm thầm bỗng trở nên sống động.</p> <p>- Trong làng thơ thu xưa nay rất ít gặp hương thu và nếu có gặp thì các tác giả thường chú ý đến thứ hương đồng nội khác: hương cốm nhưng thơ Hữu Thỉnh, hương thu được miêu tả ngọt ngào, quyến rũ, được gió mùa thu đưa đến khắp nơi qua thứ hương ổi dân dã, quen thuộc.</p> <p>- Hình ảnh nắng mưa, sấm chớp,bão giông không chỉ là hình ảnh thiên nhiên mà là hình ảnh ẩn dụ chỉ những vang động bất trắc của cuộc đời nhưng cũng từ đó để bộc lộ nét đẹp tâm hồn của con người khi sang thu. Đây là điều mới mẻ trong thơ Hữu Thỉnh.</p> <p>* Sang thu có nét mới trong sử dụng ngôn ngữ:</p> <p>- Ngôn ngữ không cầu kì trau chuốt nhưng cô đọng, hàm súc.</p> <p>- Ngôn ngữ giàu chất văn xuôi (được lúc, bắt đầu) để diễn tả trạng thái mới bắt đầu quan sát cảnh thiên nhiên. Các từ "bỗng" , "hình như" chỉ sự băng khuâng, xao xuyến của hồn người sang thu. Hữu Thỉnh quan sát, cảm nhận thu sang không chỉ bằng những giác quan mà còn lắng nghe bước đi của mùa thu bằng tất cả tâm hồn, bằng tình yêu cuộc sống thiết tha.</p> <p>(Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)</p>
3. Kết bài	<p>- Bằng sự cảm nhận tinh tế, bằng ngôn ngữ thơ ca giản dị và hàm súc,Hữu Thỉnh đã vẽ một bức tranh thiên nhiên mùa thu tuyệt mỹ. Đọc bài thơ Sang thu, người đọc thêm yêu quê hương,yêu những phút giây thanh bình của cuộc sống và tự rút ra nhiều chiêm nghiệm về cuộc đời.</p> <p>- Với Sang thu, Hữu Thỉnh đã góp thêm một nét thu độc đáo vào dòng thơ thu, đã thực sự làm mới cho thơ thu.</p>

2. Ôn tập truyện hiện đại

1	Làng
2	Lặng lẽ Sa Pa
3	Chiếc lược ngà
4	Những ngôi sao xa xôi

BÀI 1: LÀNG(Kim Lân)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Phân tích tâm trạng của ông Hai sau khi nhận được tin làng chợ Dầu theo Tây.

Đề 2: Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

Đề 3: Truyện ngắn Làng của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp?

(Cần nêu được tình yêu làng quây quần với lòng yêu nước ở nhân vật ông Hai, một nét mới trong đời sống tinh thần của người nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp)

Hướng dẫn làm bài:

* Yêu cầu chung:

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách song cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

* Yêu cầu cụ thể:

1. Mở bài	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: tâm trạng nhân vật ông Hai sau khi nghe tin làng chợ Dầu theo Tây.
2. Thân bài	
Khái quát tính cách ông Hai: vui vẻ, chất phác, có tấm lòng gắn bó với làng quê và kháng chiến.	

	<p>* Phân tích hoàn cảnh của ông Hai :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rất yêu làng , tự hào, hay khoe về làng, nhưng lại phải xa làng chợ Dầu thân yêu để đi tản cư. - Tình yêu làng của ông lão lại bị đặt vào một hoàn cảnh gay gắt, đầy thử thách : tin làng chợ Dầu theo giặc, phản bội lại Cách mạng, kháng chiến. - Ông Hai đã phải trải qua tâm trạng đầy dằn vặt, đau đớn phải đấu tranh tư tưởng rất quyết liệt để lựa chọn con đường đi đúng đắn cho mình. <p>* Diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trải qua các tình cảm, thái độ khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thoạt đầu nghe tin làng chợ Dầu theo giặc từ người đàn bà tản cư nói ra, ông lão bàng hoàng, sửng sốt, nghi ngờ, không thể tin được. + Khi cái tin ấy được khẳng định chắc chắn, ông lão buộc phải tin. Tâm trạng ông Hai bị ám ảnh, day dứt với mặc cảm là kẻ phản bội. + Luôn sống trong tâm trạng nơm nớp, lo sợ, xấu hổ, nhục nhã nên chôn biệt ở trong nhà. + Tủi thân, thương con, thương dân làng chợ Dầu và thương thân mình phải mang tiếng là dân làng Việt gian. - Ông Hai tiếp tục bị đặt vào một tình huống thử thách căng thẳng, quyết liệt hơn khi chủ nhà báo sẽ đuổi hết người làng chợ Dầu khỏi nơi sơ tán. + Ông lão cảm nhận hết nỗi nhục nhã, lo sợ vì tuyệt đường sinh sống. + Bị đẩy vào đường cùng, tâm trạng vô cùng bế tắc. Mâu thuẫn nội tâm được đẩy đến đỉnh điểm. + Giận lay và trách cứ những người trong làng phản bội, nhưng lòng yêu làng, tin những người cùng làng khiến ông lão bán tín bán nghi. + Định quay về làng, nhưng hiểu rõ thế là phản bội cách mạng, phản bội cụ Hồ. + Tâm sự với đứa con để củng cố niềm tin vào cách mạng, kháng chiến; tự nhủ mình “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. + Giữ được tình cảm trung thành với cách mạng, kháng chiến, cụ Hồ.
	<p>* Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng nhân vật được miêu tả cụ thể, gợi cảm qua diễn biến nội tâm, ý nghĩ hành vi, ngôn ngữ nên rất sinh động. - Ngôn ngữ kể, ngôn ngữ nhân vật đặc sắc, bộc lộ rõ tâm trạng và thái độ của nhân vật. - Tình huống truyện giúp nhân vật bộc lộ tâm trạng cụ thể, đa dạng.
3. Kết bài	<p>Xây dựng thành công diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai là thành công lớn nhất của truyện ngắn Làng. Điều đó đã thể hiện được tài năng của nhà văn Kim Lân trong việc khám phá chiều sâu tâm lí nhân vật. Và hơn hết, điều đó đã xây dựng trong lòng độc giả một chân dung sống động, chân thực về một tấm lòng yêu quê hương, đất nước thiết tha cảm động của người nông dân Việt Nam chất phác, thật thà.</p>

Đề 2: Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

1. Mở bài	<ul style="list-style-type: none"> - Kim Lân là một nhà văn có sở trường về truyện ngắn. Ông am hiểu sâu sắc về đời sống nông dân, nông thôn Việt Nam. - Truyện ngắn Làng được viết vào thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đăng trên tạp chí Văn Nghệ năm 1948. Ông Hai là nhân vật chính của tác phẩm, một người nông dân phải rời làng đi tản cư đã để lại những ấn tượng sâu sắc nhắc bởi tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến, trung kiên với cách mạng.
------------------	---

Thân bài	
a) Ông Hai là một nông dân có tình yêu làng sâu sắc đặc biệt với cái làng Chợ Dầu, nơi chôn rau cắt rốn của ông.	
	<p>- Làng Chợ Dầu là nơi tổ tiên ông Hai sinh cơ lập nghiệp, nơi chôn rau cắt rốn của ông. Biết bao tình cảm đã gắn bó ông với dân làng, với cảnh vật, với mảnh đất quê hương.</p> <p>- Trước cách mạng, với tâm lý nông dân, mang tính địa phương, ông thường tự hào làng mình giàu đẹp to lớn, thường khoe cái "sinh phần của viên Tổng đốc người làng". Ông yêu tất cả những gì thuộc làng ông: "những nhà ngói san sát, những đường làng lát đá xanh trời mưa gió bùn không dính đến gót chân"...</p> <p>- Kháng chiến chống Pháp nổ ra, tình yêu làng của ông Hai có sự chuyển biến:</p> <p>+ Ông thấy căm thù cái "sinh phần" của viên Tổng đốc vì nó là tàn tích của phong kiến, vì phục dịch xây nó mà ông và người làng phải khổ.</p> <p>+ Tự hào về làng, ông tự hào về phong trào cách mạng, tinh thần kháng chiến sôi nổi của làng, những buổi tập quân sự, những buổi đào đường, đắp ụ, xẻ giao thông hào... tự hào luôn cả "cái phòng thông tin tuyên truyền rộng rãi, cái chòi phát thanh cao".</p> <p>Trong con mắt ông Hai, cái gì của làng Chợ Dầu cũng đáng tự hào. Cuộc đời, số phận ông Hai đã thật sự gắn bó với những buồn vui của làng.</p>
b) Tình cảm yêu làng của ông Hai hòa quyện, thống nhất với tình yêu đất nước, yêu kháng chiến, cách mạng.	
	<p>* Khi ở khu tản cư :</p> <p>- Ông Hai tản cư đến vùng tự do theo chính sách của Cụ Hồ: tản cư là yêu nước.</p> <p>- Khi mới lên khu tản cư, chưa quen người, quen việc nên ông hay nhớ về cái làng của mình "Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá".</p> <p>- Khi được nói chuyện về làng, ông vui náo nức là thường: "Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển hoạt động".</p> <p>- Ông thường ra phòng thông tin để nắm tin tức kháng chiến: trẻ em cắm cờ trên Tháp Rùa Hà Nội, anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã hi sinh, đội nữ dân quân du kích Trưng Trắc bắt sống tên quan Hai Pháp....</p> <p>Khi biết những tin đó, ông vui như người trong cuộc lập được chiến công. Điều đó cho thấy ở khu tản cư nhưng ông luôn hướng lòng về kháng chiến, lấy niềm vui kháng chiến để vui bớt nỗi nhớ làng. Tình yêu làng, yêu nước, gắn bó với kháng chiến đã hòa quyện.</p> <p>* Khi nghe tin làng Dầu là làng Việt gian theo Tây:</p> <p>- Tác giả đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống gay gắt để làm bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông. Tình huống ấy là cái tin làng ông theo giặc, lập tề mà chính ông nghe được từ miệng những người tản cư dưới xuôi lên.</p> <p>- Khi nghe tin:</p> <p>+ Ông bàng hoàng, sững sờ "Cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão</p>

lặng đi, trông như đến đến không thở được" ...

+ Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn chưa tin mà hỏi lại, giọng lạc hẳn đi. Lời khẳng định của người đàn bà "Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ" làm ông không nói gì được nữa, vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng.

- Trên đường về: trong tâm trí ông Hai chỉ còn cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó trở thành nỗi ám ảnh day dứt. Ông hồ thẹn, nhục nhã, " cúi gằm mặt xuống mà đi".

- Về đến nhà: ông "nằm vật ra giường", rồi tủi thân khi nhìn đàn con, "nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?".

- Tối đến khi bà Hai trở về: gia đình ông Hai bao trùm không khí căng thẳng.

Chỉ bằng một đoạn văn ngắn ăn nhà văn đã diễn tả nhiều tâm trạng đau đớn, vò xé trong lòng ông Hai . Phải là một người có tình yêu làng sâu nặng, tha thiết ông Hai mới có những tâm trạng như vậy.

* Những ngày sau đó :

- Suốt mấy ngày sau, ông Hai không dám đi đâu. Không chỉ quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài: "Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến "cái chuyện ấy". Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam- không... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!" . Tác giả đã diễn tả rất cụ thể nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông Hai cùng với nỗi đau xót, tủi hổ của ông chiếc cái tin làng mình theo giặc.

- Rồi tin này ai cũng biết: mục chủ nhà đuổi khéo nhà ông đi, người làng Dầu ở đây cũng bị đuổi như đuổi hủi. Đi đâu bây giờ? Không ai muốn chứa chấp dân của làng "Việt gian", cũng không thể quay về làng, " về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây", tức là "bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ". Ông Hai đã bị đẩy vào tình thế bế tắc, tuyệt vọng, mỗi mâu thuẫn nội tâm diễn ra gay gắt giữa về làng hay ở lại.

- Ông dứt khoát lựa chọn theo cách của ông: "Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù", tình yêu nước đã rộng lớn hơn, bao trùm lên tình cảm với làng quê. Nhưng dù đã xác định như thế, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với làng quê, vì thế mà càng đau xót, tủi hổ.

- Ông Hai nói chuyện với con trai để giải bày nỗi lòng mình:

+ Ông Hai hỏi con: "Thế nhà con ở đâu?", " ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ?".

+ Đứa con trai út trả lời: " nhà ta ở làng Chợ Dầu", "Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!"

+ Ông tự nhủ: "Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông", "Cái lòng của bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai...".

Qua những lời tâm sự với đứa con nhỏ và lời tự nhủ với mình, tự giải bày nỗi lòng mình, ta thấy rõ ở ông Hai tình yêu sâu nặng với cái làng Chợ Dầu của ông và tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng mà biểu tượng là Cụ Hồ . Tình cảm ấy là sâu nặng, bền vững, thiêng liêng.

* Khi nghe tin cải chính:

	<p>- Ông chủ tịch làng Chợ Dầu lên cải chính tin: làng ông vẫn là làng kháng chiến, làng bị giặc tàn phá vì không theo Tây, bằng chứng là: "Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhầm!".</p> <p>- Ông Hai lật đật đi khoe với tất cả mọi người tin cải chính, lại vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông.</p> <p>Niềm vui mừng kỳ lạ thể hiện một cách đau xót, cảm động về tình thân yêu nước và cách mạng của ông Hai. Nhà bị giặc đốt nhưng ông không buồn tiếc vì đó là bằng chứng về lòng trung thành với cách mạng và kháng chiến của ông. Đây là tình cảm đặc biệt của ông Hai, tình cảm chung của những người nông dân, của nhân dân ta thời kháng chiến chống Pháp. Đối với họ lúc này, trước hết và trên hết là Tổ quốc, nên họ sẵn sàng hi sinh tất cả tính mạng và tài sản.</p>
3. Kết luận	<p>- Xây dựng nhân vật ông Hai nhà văn đã đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng; miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến tâm lý phức tạp: bàng hoàng, đau đớn, căng thẳng, tuyệt vọng, sung sướng,...; ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ và thể hiện cá tính.</p> <p>- Hình ảnh ông Hai tiêu biểu cho vẻ đẹp của người nông dân trong buổi đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Đó là những con người mộc mạc, chất phác có tình cảm bền chặt, sâu sắc với làng quê, đất nước và cách mạng, kháng chiến.</p>

Đề 3: Truyện ngắn Làng của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp?

(Cần nêu được tình yêu làng quây với lòng yêu nước ở nhân vật ông Hai, một nét mới trong đời sống tinh thần của người nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp)

1. Mở bài	<p>Cách 1:</p> <p>- Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, Kim Lân là một gương mặt độc đáo. Do hoàn cảnh sống của mình, ông am hiểu sâu sắc sinh hoạt, tâm lý của người nông dân. Kim Lân được xem là nhà văn của nông thôn, của người dân quê Việt Nam với những vẻ đẹp mộc mạc mà đậm đà. “Làng” là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Kim Lân. Tác phẩm này được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, thể hiện một cách sinh động vẻ đẹp tình yêu làng, lòng yêu nước ở người nông dân.</p> <p>- Ai đến với “Làng”, chắc khó quên được ông Hai - một nhân vật nông dân mang những nét đẹp thật đáng yêu. Ở ông có những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp.</p> <p>Cách 2:</p> <p>Tình yêu làng, sự gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn vốn là một tình cảm sâu nặng ở con người Việt Nam nói chung, đặc biệt ở người nông dân nói riêng. Lịch sử văn học dân tộc từng xây dựng thành công nhiều nhân vật mang tình cảm đáng quý ấy. Nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân là một trong những trường hợp tiêu biểu như thế. Ông Hai không những yêu làng mà tình yêu làng ở ông thống nhất bền chặt với lòng yêu nước. Đó là một tình cảm mới xuất hiện trong tâm hồn và tình cảm người nông dân Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám, trong cuộc kháng chiến chống Pháp.</p>
2. Thân bài	
a/ Tình yêu làng yêu nước của nhân vật ông Hai là tình cảm nổi bật, xuyên suốt toàn truyện:	

- **Khi tản cư**, ông Hai nghĩ đến những ngày hoạt động kháng chiến giữ làng cùng anh em, đồng đội. Tình cảm yêu làng của ông đã gắn bó với tình cảm kháng chiến. Ông không chỉ là một dân làng mà còn là một phụ lão, một chiến sĩ đã từng tham gia đánh giặc giữ làng mà nay phải xa làng đi tản cư.

- **Ở nơi tản cư**, ông luôn theo dõi tin tức kháng chiến, tin tức của làng Dầu. Sáng hôm ấy, ông Hai đang ở trong phòng thông tin, tâm trạng rất phấn chấn: Ruột gan ông lão như múa lên. Vui quá! Vui vì kháng chiến bao nhiêu, ông càng cụt hứng và đau khổ bấy nhiêu.

- Trong lúc ông Hai đang hồ hởi với những chiến tích kháng chiến, những gương dũng cảm anh hùng của quân và dân ta thì ông như bị sét đánh về cái tin cả làng Dầu “*Việt gian theo Tây*”.

+ **Ông sưng sờ**, “*cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, lặng đi, tưởng như không thở được....*” - một cái tin động trời mà trước đó ông không thể tin, không thể ngờ lại có thể xảy ra như thế. Ông Hai còn cố gắng hỏi lại để hy vọng đó chỉ là tin đồn thất thiệt. Nhưng rồi, bằng những chứng cứ cụ thể, ông Hai đành phải tin cái sự thật khủng khiếp ấy. Cừ chi đầu tiên của ông là làng chuyện, cười cái nhặt thếch của sự bề bàng, rồi quán về nhà (nơi tản cư). Những câu nói mỉa móc, căm ghét của những người tản cư nói về cái làng Việt gian ấy đuổi theo ông làm ông xấu hổ, ê chề như là họ đang mắng chửi chính ông - vì ông là người chợ Dầu, cái làng đồn mạt ấy. Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi: đi trong sự trốn tránh vì xấu hổ và nhục nhã.

+ Về đến nhà, ông nằm vật ra giường như bị cảm. Trong đau khổ và xấu hổ, nhục nhã nhìn đàn con chơi đùa, ông Hai nghĩ đến sự hắt hủi, khinh bỉ của mọi người dành cho người đưa trẻ của cái làng Việt gian. Thương con, ông thoát vô cùng căm giận dân làng - những kẻ mà ông đã gọi là *chúng bay* một cách căm ghét và khinh bỉ. Ông nguyên rủa họ đã làm một việc điếm nhục bậc nhất hại đến danh dự của làng, và tội còn to hơn thế: đó là tội phản bội, đầu hàng, bán nước.

+ Nhưng rồi ông lại khó tin là chuyện tày đình ấy có thể xảy ra. Nhưng những chứng cứ hiển nhiên trở lại làm ông đành một lần nữa cay đắng chấp nhận sự thật và sự nhục nhã, sự giầy vò tâm trí lại sôi réo trong lòng ông. Ông nghĩ tới sự tầy chay của mọi người, tới tương lai chưa biết làm ăn sinh sống như thế nào? Cụ thể nhất là ông sắp phải đón đợi thái độ ghê lạnh, móc máy của mụ chủ nhà khó tính, lắm điều.

+ Trò chuyện với vợ trong gian nhà ở nhờ, thái độ của ông vừa bức bối, vừa đau đớn, cố kìm nén, ông gắt gỏng vô cớ, trăn trở thờ dãi, rồi lo lắng đến mức chân tay nhũn ra, nín thở, lắng nghe, không nhúc nhích, nằm im chịu trận.

+ Trong mấy ngày sau đó, ông không dám ra khỏi nhà, không dám đi đâu, chỉ ru rú trong nhà nghe ngóng tình hình bên ngoài, lo lắng sợ hãi thường xuyên: lúc nào cũng nghĩ đến chuyện ấy, cũng tưởng mọi người chỉ nói đến chuyện ấy.

+ Khi mụ chủ nhà khó tính đẩy vợ chồng ông Hai đến tình thế khó xử là không biết sẽ sống nhờ ở đâu, tâm trạng ông Hai lại càng trở nên u ám bế tắc và tuyệt vọng. Chính trong phút giây tuyệt vọng ấy, ông lão đã chớm có ý định quay về làng cũ. Nhưng trong ông lập tức lại diễn ra cuộc tự đấu tranh quyết liệt: Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ, về làng là chịu đầu hàng thằng Tây.... Đến đây, tình cảm tự do, tình cảm cách mạng, lòng yêu làng yêu nước đã thực sự hòa quyện trong tâm hồn người lão nông tản cư. Và ông quyết định dứt khoát, trong cực kì đau khổ, uất hận: Muốn sao thì sao, không thể bỏ về làng, phải thù cái làng theo giặc ấy dù trước đây, dù cả đời ông đã gắn bó máu thịt với nó, vô cùng yêu thương, tự hào về nó. Thế là mâu thuẫn nội tâm trong ông Hai đã tạm thời tự ông tìm được hướng giải quyết trong tình thế thúc bách, Nhưng trong lòng ông đau đớn biết bao. Ông chỉ còn biết

	<p>san với phần nào nỗi đau ấy trong câu chuyện với đứa con út còn thơ dại.</p> <p>+ Đoạn đối thoại đã biểu hiện tình cảm thiêng liêng và sâu nặng của ông Hai với quê hương, đất nước, với kháng chiến, với Cụ Hồ. Những lời tâm tình thủ thỉ của ông với đứa con nhỏ đó chính là tiếng lòng sâu thẳm của ông, nó nói lên thành tiếng quyết tâm và ý chí của ông, tâm sự của ông trong một hoàn cảnh cụ thể của ông với quê hương, với kháng chiến, với vị lãnh tụ kính yêu của toàn dân. Đó là tự nhủ giải bày lòng mình, như là tự mình oan cho chính mình. Đó là tình yêu sâu nặng với cái làng quê đang tạm thời phải xa, phải thù. Đó là tấm lòng chung thủy với cách mạng và kháng chiến, tấm lòng biết ơn chân thành, bền vững và thiêng liêng cho đến chết:</p> <p>Anh em đồng chí biết cho bố con ông</p> <p>Cụ Hồ trên đầu trên cổ soi xét cho bố con ông</p> <p>Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.</p> <p>quả là những suy nghĩ và lời lẽ chân thành rất mực, mộc mạc rất mực của người nông dân nghèo Bắc Bộ.</p> <p>+ Nhưng rồi cái tin làng theo giặc được cải chính. Đến lúc này, mọi nỗi đau của ông Hai biến mất. Mới đến ngõ, chưa vào nhà, ông đã “bô, bô”, rồi “lật đật” sang nhà bác Thứ, “lật đật” bỏ lên nhà trên, “lật đật” đi nơi khác để khoe. Vù khoe vù múa tay lên. Ông vui vì làng ông vẫn kiên gan đi theo kháng chiến, vui đến mức chuyện nhà ông bị Tây đốt nhẵn tờ thành nhỏ bé, không đáng lưu tâm. Chi tiết này khiến người đọc cảm thấy cảm động hơn, trân trọng hơn tình yêu làng, tình yêu Tổ quốc, yêu kháng chiến của ông Hai. Giờ đây tình yêu lớn lao sâu sắc ấy đã khiến ông quên mọi ưu phiền, ông đi khắp nơi để khoe. Mà lần này, ông khoe rành rọt, tỉ mỉ như chính ông vừa dự xong trận đánh ấy.</p> <p>Đây lại là những lúc ông Hai lấy làm vinh dự về làng, tự hào về làng quê mình, anh dũng phá càn, thắng giặc.</p> <p>* Từ bao đời nay, tình yêu làng yêu quê đã trở thành tình yêu tự nhiên, sâu nặng, nó đã thấm sâu vào tâm thức tâm linh của người dân quê. Thậm chí nhiều khi tình cảm ấy đã bị đẩy tới sự thiên vị và trở thành tâm lý bản vị hẹp hòi. Truyện “Làng”, qua nhân vật ông Hai đã thể hiện sinh động và cả động tình yêu làng quê của người nông dân thống nhất với tình yêu nước và tinh thần kháng chiến. Tình yêu Làng của người nông dân, sau Cách mạng tháng Tám có những biến đổi. Tình yêu làng của người nông dân đã gắn bó với lòng yêu nước và ý thức giai cấp, tinh thần kháng chiến. Tình yêu làng được đặt trong tình yêu nước rộng lớn.</p>
b/ Nghệ thuật xây dựng nhân vật:	
	<p>- Đặt nhân vật trong một tình huống bất ngờ mà hợp lý không chỉ tạo thành nút truyện, tạo sự căng thẳng và hấp dẫn của truyện mà còn là dịp tốt để đẩy câu chuyện đến cao trào, để có dịp trình bày những day dứt, những đau khổ và giải tỏa của nhân vật và là dịp tốt để khẳng định chủ đề, ca ngợi tình yêu làng yêu quê, yêu nước gắn bó như thế nào, mang màu sắc riêng độc đáo như thế nào trong tâm hồn người nông dân Việt Nam.</p> <p>- Tác giả nắm bắt, thể hiện rất sinh động và tài tình nét tâm lý nổi bật của người nông dân là tình yêu làng và tâm lý cộng đồng. Tình yêu làng của ông Hai tiêu biểu và độc đáo. Không chỉ diễn tả chính xác, tinh tế các trạng thái tâm lý mà còn miêu tả thành công những quá trình vận động chuyển biến của tâm trạng nhân vật. Tác giả đã dùng nhiều biện pháp miêu tả tâm lý nhân vật: đối thoại, độc thoại và qua những</p>

	<p>trạng thái cảm xúc trực tiếp</p> <p>- <i>Ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vật</i> rất sinh động, gần gũi với lời ăn tiếng nói, cách nghĩ của người nông dân.</p>
<p>* Đánh giá: Có thể nói Kim Lân đã thấu hiểu và diễn tả thực sinh động và cảm động tâm lý của người nông dân mà hiếm thấy cây bút nào đạt được như vậy.</p>	
3. Kết bài	<p>Ông Hai trong “Làng” là một nhân vật tạo ấn tượng sâu sắc với người đọc . Qua truyện ngắn này, bằng những tình huống, chi tiết chân thực , thú vị, bằng nghệ thuật miêu tả tâm lý sinh động, Kim Lân đã đem đến cho chúng ta một hình tượng hấp dẫn về người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp . Tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với làng quê, đất nước của nhân vật ông Hai luôn luôn có ý nghĩa giáo dục thấm thía đối với các thế hệ bạn đọc.</p> <p>(Một kết luận khác: Ông Hai là một người nông dân chất phác có tình yêu làng, gắn liền với tình yêu nước . Tình yêu làng được thể hiện độc đáo và cảm động. Tình yêu đó gắn liền với tình yêu kháng chiến, căm ghét bọn Việt gian bán nước và giặc Pháp xâm lược . Đặc sắc của truyện “Làng” là miêu tả tâm lý với diễn biến phức tạp; giáo dục tình yêu quê hương đất nước, gắn với cội nguồn, với truyền thống gia đình, quê hương.)</p>

BÀI 2: LẶNG LỄ SA PA (Nguyễn Thành Long)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

Đề 2: Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bởi cốt truyện đơn giản, chất thơ, chất trữ tình xuyên suốt tác phẩm.

Phân tích tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa để làm sáng tỏ nhận xét trên.

Đề 3: Phân tích hình tượng ông họa sĩ và các nhân vật phụ khác trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của nhà văn Nguyễn Thành Long.

Đề 4 : Tô Hoài có nhận xét như sau về truyện ngắn của Nguyễn Thành Long:

“Mỗi truyện ngắn của Nguyễn Thành Long tương tự một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chất ra. Ta thường gặp ở Nguyễn Thành Long những nhận xét nhỏ nhỏ như nhắc khẽ người đọc”

Theo em nhận xét đó có đúng với truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa không? Hãy phân tích truyện ngắn để làm rõ ý kiến của em.

Đề 5: Phân tích nhân vật anh thanh niên làm công tác quan trắc khí tượng trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

3.	<p>1. Mở bài</p> <p>- Nguyễn Thành Long (1925-1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và bút ký. Truyện của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bằng giọng văn trong sáng, giàu chất thơ, cốt truyện tưởng như giản đơn mà rất giàu ý nghĩa khái quát.</p> <p>- Lặng lẽ Sa Pa là kết quả chuyến công tác của Nguyễn Thành Long ở Lào Cai năm 1970, in trong tập giữa trong xanh (1972) . Nhân vật chính trong tác phẩm là anh</p>
----	---

	<p>thanh niên làm việc ở trạm khí tượng. Đó là một người lao động mới với những phẩm chất: yêu đời, yêu nghề, say mê và có trách nhiệm cao trong công việc; có tình cảm nồng hậu hiếu khách luôn biết quan tâm tới mọi người và rất khiêm tốn.</p>
2. Thân bài	
a) Vị trí và cách gọi tên nhân vật.	
	<p>- Cách gọi tên nhân vật: + Nếu Nguyễn Thành Long đặt tên riêng cho nhân vật trong truyện, ý nghĩa của truyện sẽ chỉ giới hạn ở một nhân vật nào đó. + Ở đây, tác giả không đặt tên riêng cho nhân vật mà chỉ gọi bằng "anh thanh niên" đã làm cho ý nghĩa của truyện có sức khái quát hơn: con người tiêu biểu cho thế hệ trẻ, cho người lao động mới đang ngày đêm âm thầm cống hiến cho nhân dân, cho Tổ quốc.</p> <p>- Vị trí của nhân vật: + Anh thanh niên làm việc ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn là nhân vật chính của truyện Lặng lẽ Sa Pa. + Nhân vật này không xuất hiện ngay từ đầu truyện mà chỉ xuất hiện trong cuộc gặp gỡ giữa các nhân vật khác như bác lái xe, ông họa sĩ, cô kỹ sư mới ra trường, khi xe của họ dừng lại nghỉ. Nhân vật ấy chỉ hiện ra trong chốc lát, đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một ký họa chân dung về anh rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Nhân vật anh thanh niên hiện ra để cho mọi người cảm nhận rằng: "trong cái lặng im của Sa Pa..., Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước".</p>
b) Hoàn cảnh sống và công việc.	
	<p>- Anh sống và làm việc trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, "xung quanh anh chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo", công việc của anh là "làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu", cụ thể là "đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất" nhằm dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.</p> <p>- Công việc ấy có nhiều gian khổ: "Gian khổ nhất là lần ghi và báo lúc một giờ sáng. Rét... có cả mưa tuyết... Nửa đêm... Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới".</p> <p>- Gian khổ nhất là sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức "thèm người quá" phải kiếm có đường xe qua đường để được gặp người.</p> <p>Từ việc miêu tả hoàn cảnh sống ấy, tác giả đã làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên.</p>
c) Vẻ đẹp tâm hồn cao quý, đáng trân trọng.	
	<ul style="list-style-type: none"> <p>* Anh thanh niên đẹp trước hết ở lòng yêu đời, yêu nghề, ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc vốn có nhiều gian khổ.</p> <p>- Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng: + Anh không tô đậm cái gian khổ của công việc mà nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết được mình đã góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô mà nhờ đó "không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng". Anh cảm thấy hạnh phúc khi được làm việc và dâng hiến sức xuân của mình vì Tổ quốc, vì hạnh phúc con người.</p> <p>+ Có những suy nghĩ thật giản dị mà sâu sắc về công việc và cuộc sống: "và khi ta</p>

làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn chết mất". Dù đang một mình, nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao người khác làm việc vì con người, vì cuộc sống nên không thấy cô đơn nữa. Anh luôn yêu công việc, coi công việc là bạn, là nguồn vui, là lẽ sống của cuộc đời.

+ Anh chưa bao giờ bỏ chế một giờ "ốp" nào dù cho thời tiết có khắc nghiệt đến đâu. Ở vùng băng giá với tuyết đổ sương rơi, bất kỳ thiên nhiên thế nào, đến đúng thời điểm ấy, anh vẫn phải thức giấc, xách đèn đi ốp, xách máy đi đo, không bỏ một ngày, âm thầm và bền bỉ góp sức bình cho cuộc sống con người, cho cuộc chiến đấu của dân tộc.

+ Anh muốn thử sức mình, mong ước được làm việc ở độ cao lý tưởng hơn nữa như anh bạn một mình trên đỉnh Phan -xi -Păng.

- Lòng yêu đời: Anh tự biết cách làm cho cuộc sống của mình không buồn tẻ, cô đơn, trở nên phong phú, sôi động khi anh biết lấy sách là người bạn tâm tình, biết tổ chức cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, tươi tắn qua việc trồng hoa, nuôi gà; qua cách ăn ở gọn gàng, khoa học. Thế giới riêng của anh là công việc "một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm". Cuộc đời riêng của anh" thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách".

- **** Anh thanh niên là người cởi mở, chân thành, quý trọng tình cảm của mọi người, có lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách tận tình, chu đáo.***

- Cách anh kiếm cớ để gặp người qua đường thật đáng yêu và để cho vui bớt nỗi nhớ khi mới lên nhận công tác.

- Anh là người có tình cảm nồng hậu, hiếu khách:

+ Mời khách lên nhà mình chơi.

+ Tiếp đón khách chân thành, nồng hậu. Anh vui mừng đến luống cuống, hấp tấp và cũng rất ân cần chu đáo tiếp đãi những người khách xa đến thăm bất ngờ. Anh bộc lộ niềm vui mừng thành thật đến cảm động, anh "nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ": " Tôi không biết kỷ niệm thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà tôi từ Tết . Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay".

+ Anh đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu: " Bác lái xe chỉ cho bà mười phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống nước chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm" ..., "Năm phút nữa là mười . Còn hai mươi phút nữa thôi..." , "Trời ơi, chỉ còn có năm phút!"

+ Đến khi chia tay, anh xúc động đến nỗi phải "quay mặt đi" mà ấn vào tay ông họa sĩ già cái làn trứng làm quà, và không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ đi "ốp".

- Anh luôn biết quan tâm tới mọi người:

+ Anh nhớ cả chuyện vợ bác lái xe mới ốm dậy nên đào củ tam thất làm quà biếu bác.

+ Tặng hoa cho cô gái lần đầu tiên lên nhà mình chơi.

+ Biếu mọi người làn trứng gà để ăn trưa.

- **** Anh thanh niên còn là người khiêm tốn:***

- Anh thành thực nhận thấy công việc và sự cống hiến, đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé, chưa thấm vào đâu so với những người lao động khác ở Sa Pa.

- Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung mình, anh không dám từ chối "để khỏi vô lễ", nhưng anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thực sự cảm phục. Anh nói về ông kỹ sư ở vườn rau dưới Sa Pa, về "đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu" đang nghiên cứu lập bản đồ sét, với tất cả sự say mê hào hứng và lòng

	cảm phục chân thành của mình.
* Đánh giá:	Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, nhưng bằng cách đặt nhân vật vào tình huống gặp gỡ tình cờ, qua cảm xúc và đánh giá của mọi người xung quanh, những chi tiết tiêu biểu... tác giả đã phác họa chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc.
3. Kết bài	<p>- Trong cái "lặng lẽ" của Sa Pa, trên đỉnh Yên Sơn bốn mùa mây phủ, có những chàng trai trẻ như anh thanh niên đang sống và âm thầm dâng hiến tuổi xuân của mình cho hạnh phúc con người, cho Tổ quốc thân yêu. Đó là một mẫu người lý tưởng tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam Nam của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ, hi sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ.</p> <p>- Về đẹp tâm hồn và những suy nghĩ nghĩ của nhân vật anh thanh niên trong truyện đã gieo vào lòng ta niềm khâm phục, ngưỡng mộ và định hướng cho ta cách sống đẹp, thôi thúc ta khát khao được sống và làm những việc có ích cho cuộc đời.</p>

Đề 2: Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bởi cốt truyện đơn giản, chất thơ, chất trữ tình xuyên suốt tác phẩm.

Phân tích tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa để làm sáng tỏ nhận xét trên.

4. 1. Mở bài	<p>- Nguyễn Thành Long (1925-1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và bút ký. Truyện của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bằng giọng văn trong sáng, giàu chất thơ, cốt truyện tưởng như giản đơn mà rất giàu ý nghĩa khái quát.</p> <p>- Lặng lẽ Sa Pa được Nguyễn Thành Long viết năm 1970 trong một chuyến đi thực tế ở Lào Cai. Sức hấp dẫn của tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa chính là cốt truyện đơn giản, nhưng chất thơ, chất trữ tình xuyên suốt tác phẩm.</p>
2. Thân bài	
a) Truyện Lặng lẽ Sa Pa hấp dẫn người đọc bởi cốt truyện đơn giản.	
	<p>- Truyện xoay quanh cuộc gặp gỡ lạ lùng, thú vị trên đỉnh đèo Sa Pa lặng lẽ giữa ba con người mà nghề nghiệp, tuổi đời, hoàn cảnh sống khác nhau: một ông họa sĩ già sắp về hưu, một cô kỹ sư nông nghiệp trẻ mới tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp lên Lai Châu nhận công tác, và một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m.</p> <p>- Cuộc gặp gỡ xảy ra trong một tình huống đặc biệt, hoàn toàn tình cờ, khách và chủ nhà chưa hề quen biết. Tất cả đều do sự sắp đặt đầy thiện ý của bác lái xe. Cuộc gặp gỡ chỉ diễn ra chưa đầy ba mươi phút nhưng giữa họ đã có sợi dây gắn bó bền chặt trong tình người và lý tưởng sống cao đẹp.</p> <p>→ Tạo cốt truyện nhẹ nhàng, nhà văn Nguyễn Thành Long khéo léo giới thiệu và ngợi ca, tôn vinh những tấm gương lao động lặng thầm nơi Sa Pa trong những năm miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội.</p>
b) Truyện Lặng lẽ Sa Pa còn cuốn hút người đọc bởi chất thơ, chất trữ tình bàng bạc xuyên suốt thiên truyện.	
	<p>* Chất thơ thấm đượm trong bức tranh phong cảnh thiên nhiên:</p> <p>Sa Pa, miền Tây Bắc xa xôi của Tổ quốc hiện lên trong những trang văn của Nguyễn Thành Long không hề hoang vu mà đẹp một cách trữ tình, tráng lệ.</p> <p>Sa Pa bắt đầu bằng núi cao, trùng điệp, thác đổ trắng xóa, đường núi uốn lượn quanh</p>

	<p>co,...</p> <p>- Sa Pa bắt đầu bằng những rặng đào bạt ngàn, những đàn bò lang cổ đeo chuông,... đứng đỉnh ăn cỏ trong thung lũng hai bên đường, bằng sự sống yên ả, thanh bình.</p> <p>- Sa Pa còn đẹp huyền ảo bởi "nắng bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây", "nắng mà bạc cả con đèo, hừng hực như một bó đuốc lớn", đẹp bởi những làn mây Tinh nghịch như con trẻ "Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên những vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe".</p> <p>• * Chất thơ toát lên từ cuộc sống, từ vẻ đẹp tâm hồn của mỗi nhân vật. Nhân vật nào hiện ra dù trực tiếp hay gián tiếp cũng đẹp, cũng mang màu sắc lí tưởng.</p> <p>- Cô kỹ sư nông nghiệp trẻ vừa ra trường, sức xuân phơi phới, sẵn sàng từ bỏ chốn phồn hoa đô hội để đến với nơi núi rừng sâu thẳm nhận công tác. Khi gặp và chứng kiến cuộc sống một mình dửng dưng cảm tuyệt đẹp của anh thanh niên làm khí tượng, cô tự tin về quyết định của mình. Trong lòng cô dấy lên sự hàm ơn không phải vì bó hoa to đẹp mà anh thanh niên tặng cho cô mà vì một bó hoa khác - bó hoa của lí tưởng sống cao đẹp, của những háo hức, mơ mộng ngẫu nhiên anh trao cho cô để cô tiếp tục hòa mình vào đất trời Tây Bắc, để sống đẹp như anh.</p> <p>- Ông họa sĩ cầm bút vẽ để đi đến cuối hành trình của cuộc đời làm nghệ thuật nhưng mới nhận ra sự bất lực của hội họa trước cuộc đời rộng lớn, muôn màu. Ông sẵn sàng xin anh em hoãn bữa tiệc chia tay đến cuối tuần sau để đi thực tế lên Lào Cai trước khi nghỉ hưu. Tuổi đã cao nhưng ông vẫn đam mê hội họa, vẫn cháy bỏng một khát khao nghệ thuật khi bắt gặp cái đẹp trong bức chân dung anh thanh niên. Ngồi trước chàng trai trẻ, ông thấy như có thêm một quả tim nữa, ông thấy "người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm ông nhọc quá".</p> <p>Anh thanh niên:</p> <p>+ Sống một mình trên núi cao giữa mênh mông đất trời sương tuyết, giữa núi cao rừng thẳm, ai cũng tưởng anh là người "cô độc nhất thế gian" nhưng chưa bao giờ anh thấy mình cô độc. Tâm hồn anh lúc nào cũng trong sáng, cũng phong phú. Làm công việc lặng thầm giữa chốn lặng lẽ non xanh, quanh năm chỉ làm bạn với cỏ cây, với mây mù lạnh lẽo nhưng anh luôn tận tình, trách nhiệm, luôn coi công việc là bạn, là nguồn vui, lẽ sống. Dù cho thời tiết có khắc nghiệt đến đâu, anh cũng chẳng bao giờ bỏ trễ một giờ "ốp" nào bởi anh ý thức rõ công việc của mình có vai trò quan trọng trong sản xuất và chiến đấu.</p> <p>+ Cuộc sống riêng tư của anh cũng tuyệt đẹp, giàu chất thơ. Một vườn hoa rực rỡ sắc màu, một căn nhà ba gian gọn gàng xinh xắn, một giá sách, một đàn gà,... là kết quả của tình yêu cuộc sống thiết tha, bỏng cháy.</p> <p>+ Cách cư xử của anh với mọi người cũng thật đẹp, thật đáng trân trọng. Những ngày đầu mới lên Sa Pa nhận công tác, anh kiếm có gặp người cho voi bớt nỗi nhớ. Anh đón khách thân tình, cởi mở đến nồng nhiệt, anh cư xử với khách theo cách lịch sự của chàng trai có học thức. Một bó hoa anh cắt trong vườn dành tặng cô kỹ sư, một ấm trà nóng anh mời ông họa sĩ, một củ tam thất anh gửi biếu vợ bác lái xe, một làn chưng dành cho người đi đường.... là tình đời, tình người cao quý không dễ gì có được.</p> <p>- Thông qua anh thanh niên, Nguyễn Thành Long còn tôn vinh cả tập thể những người lao động trí óc đang lặng thầm làm việc, sống đẹp như anh nơi mật mù sương tuyết. Họ cũng như anh, cũng đang ngày đêm lặng lẽ hiến dâng cả tuổi xuân, sức lực để làm đẹp cho cuộc đời quên cả hạnh phúc riêng tư.</p> <p>→ Mỗi con người, mỗi nhân vật hiện ra trực tiếp hay gián tiếp trong truyện cũng là những bông hoa rừng tươi đẹp góp vào vườn hoa muôn sắc màu của cuộc sống mới khiến người đọc không khỏi ngưỡng mộ, yêu tin.</p>
* Đánh giá:	<p>Chất thơ, chất trữ tình thấm đượm trong những câu văn giàu nhịp điệu, giàu hình ảnh, nhẹ nhàng êm ái như bài thơ. Truyện viết về những con người lao động, về đề tài lao động mà không hề khô khan, rất trữ tình, mềm mại với nhiều chi tiết giàu chất</p>

	thi ca khiến người đọc tưởng như nhà văn xây dựng một câu chuyện về tình yêu đang chớm nở,...
3. Kết bài	<ul style="list-style-type: none"> - Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa cuốn hút, lay động lòng người bởi ngôn ngữ tự sự mềm mại, trong sáng, trau chuốt, giàu chất tạo hình, bởi âm thanh nhẹ nhàng, êm ái mà giàu cảm xúc suy tư. - Đọc truyện, người đọc được chiêm ngưỡng một bức tranh thiên nhiên trong trẻo, thơ mộng, tìm thấy thông điệp cuộc sống kín đáo, nhẹ nhàng mà sâu sắc, thấm thía.

Đề 3: Phân tích hình tượng ông họa sĩ và các nhân vật phụ khác trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của nhà văn Nguyễn Thành Long.

5. 1. Mở bài	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Thành Long (1925-1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và bút ký. Truyện của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bằng giọng văn trong sáng, giàu chất thơ, câu chuyện tưởng như giản đơn và rất giàu ý nghĩa khái quát. - Lặng lẽ Sa Pa được Nguyễn Thành Long viết năm 1970, trong một chuyến đi thực tế ở Lào Cai. Trong tác phẩm, bên cạnh hình tượng nhân vật anh thanh niên, ta còn thấy rất nhiều nhân vật phụ, dù được miêu tả rất ít nhưng họ đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc.
2. Thân bài	
a) Nhân vật ông họa sĩ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: trong các nhân vật phụ thì ông họa sĩ có vai trò quan trọng, người kể chuyện dường như nhập vào cái nhìn và ý nghĩ của ông để trần thuật quan sát miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến con người (đặc biệt là nhân vật anh thanh niên). Qua nhân vật ông họa sĩ, tác giả gửi gắm những suy nghĩ về con người về cuộc sống và nghệ thuật. - Ông họa sĩ rất yêu nghề: Trước khi về hưu, ông còn xin đi thực tế một lần cuối ở Tây Bắc để vẽ với ước mơ phải vẽ được cái gì suốt đời mình thích. - Ông họa sĩ có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế ; trong những giây phút trái tim xao động, ông có thể nhận biết được những âm thanh rất nhỏ của cuộc đời để rồi âm thanh ấy vang vọng mãi trong tâm hồn ông: + Ngay từ lúc bác lái xe giới thiệu về anh thanh niên rồi khi nhìn người thanh niên "tầm vóc nhỏ bé, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ", với linh cảm của người từng trải ông đã xúc động mạnh. + Sau đó, ông lại ngạc nhiên khi thấy anh thanh niên hái hoa, cảm động và bị cuốn hút trước sự cởi mở chân thành của anh thanh niên. Nghe anh kể về công việc ông "cảm giác mình bối rối". Bằng kinh nghiệm, bằng sự từng trải, bằng niềm khao khát của một người nghệ sĩ đi tìm đối tượng nghệ thuật, người nghệ sĩ biết mình đang xúc động bối rối vì "đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi đủ khẳng định cho tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài". Như vậy, trước chàng trai trẻ tuổi đáng yêu, ông đã tìm được đề tài và cảm hứng nghệ thuật thúc giục ông phải sáng tạo, phải vẽ. - Ông muốn bằng khả năng của mình phác họa chân dung anh thanh niên nhưng lại băn khoăn "Làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng người họa sĩ vào giữa bức tranh đó?". Cuối cùng ông chấp nhận hành trình sáng tác bất cảm ứng của mình hiện lên trên trang giấy: "Bằng mấy nét, họa sĩ ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật,

	<p>nhưng làm cho ông nhọc quá".</p> <p>Những cảm xúc và suy nghĩ của ông họa sĩ về anh thanh niên về cuộc sống về nghệ thuật làm chân dung anh thanh niên thêm sáng đẹp chứa đựng chiều sâu tư tưởng. Người họa sĩ cảm nhận được niềm vui, niềm hạnh phúc từ người thanh niên đầy nhiệt huyết. Từ những suy nghĩ, cảm nhận ấy thể hiện ông họa sĩ là một nghệ sĩ yêu nghề, say mê khám phá cái đẹp, mong ước đóng góp sức mình cho cuộc sống.</p>
b) Các nhân vật phụ khác	
	<p>* Cô kỹ sư:</p> <p>- Đó là người con gái có lý tưởng sống cao đẹp:</p> <p>+ Là người Hà Nội, cô dám rời bỏ thành phố, bỏ lại sau lưng mối tình nhạt nhẽo để đi nhận công tác ở miền cao Tây Bắc.</p> <p>+ Cô là thanh niên đề ra trường có thể đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì, nhận bất kỳ mức lương nào, tiếp đón thế nào, cô thấy lòng cô cũng nhẹ nhàng.</p> <p>+ Cuộc gặp gỡ với anh thanh niên đã giúp cô có được những suy nghĩ tốt đẹp hơn về cuộc sống, về con đường mình đã chọn:</p> <p>+ Những điều anh nói, những câu chuyện anh kể, những điều cô khám phá trên trang sách đang đọc dở của anh thanh niên khiến cô "bàng hoàng", "cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những người như anh" và con đường mà cô đã lựa chọn, đang đi tới (việc lên công tác ở miền núi). Nhờ cái bàng hoàng ấy cô nhận ra mối tình nhạt nhẽo của cô và yên tâm hơn về quyết định của mình. Khoảnh khắc bàng hoàng ấy chính là sự bùng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta bắt gặp được những ánh sáng đẹp để tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn người khác.</p> <p>+ Ấn tượng hàm ơn khó tả với người thanh niên, không phải vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô suốt hành trình mà vì "một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô".</p> <p>- Cuộc gặp gỡ đã khơi lên những tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ và cao đẹp hơn về con người về cuộc sống. Qua tâm tư cô gái ta nhận ra vẻ đẹp và sức ảnh hưởng của nhân vật anh thanh niên cũng như làm cho bức chân dung anh thêm sáng đẹp.</p> <p>* Bác lái xe:</p> <p>- Là sợi dây nối kết anh thanh niên với các nhân vật khác.</p> <p>- Lời giới thiệu của bác làm họa sĩ, cô kỹ sư và cả người đọc tò mò đợi chờ sự xuất hiện của anh thanh niên, nhân vật chính của câu chuyện "một trong những người cô độc nhất thế gian".</p> <p>- Lời kể của bác cho ta biết được những nét sơ lược về anh thanh niên: tuổi tác, hoàn cảnh sống, công việc, đặc biệt là lối thêm người của anh khi mới lên nhận việc giữa bốn bề chỉ núi non cây cỏ và mây mù lạnh lẽo.</p> <p>- Bác lái xe là một con người bình thường, đáng mến, biết trân trọng những điều tốt đẹp của cuộc sống. Qua cuộc trò chuyện giữa bác lái xe và anh thanh niên, ta thấy được sự cảm mến của bác dành cho anh thanh niên, thêm một điểm nhìn để chân dung anh thanh niên hiện ra đầy đủ hoàn thiện và đẹp đẽ hơn.</p>

	<p>* Các nhân vật khác:</p> <p>Không xuất hiện trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp nhưng góp phần sáng tỏ chủ đề tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Anh bạn đồng nghiệp của anh thanh niên "trên chạm đỉnh phan-xi-păng bà nghìn một trăm bốn mươi hai mét". - Anh cán bộ nghiên cứu khoa học 11 năm không một ngày xa cơ quan luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét, cứ sớ có sét đánh lại văng mặt mình để lập bản đồ sét tìm tài nguyên cho đất nước. - Là ông kỹ sư vườn rau dưới Sa Pa hằng ngày ngồi rình xem cách ong thụ phấn rồi tự tay thụ phấn cho những cây su hào để củ su hào nhân dân miền Bắc nước ta ăn được to hơn, ngọt hơn. - Là ông bố tuyệt lắm của anh thanh niên... <p>Tất cả họ đã góp phần tạo thành cái thế giới của những con người như anh thanh niên - những con người miệt mài lao động khoa học, lặng lẽ khấn trương vì lợi ích đất nước, vì cuộc sống của mọi người.</p>
3. Kết bài	<ul style="list-style-type: none"> - Dù chỉ xuất hiện trong chốc lát, dù chỉ miêu tả rất ít nhưng mỗi nhân vật phụ đều có một vị trí, một ý nghĩa quan trọng góp phần sáng tỏ chủ đề truyện, nổi bật chân dung nhân vật chính. - Qua các nhân vật giúp ta hiểu cuộc sống và vẻ đẹp của con người Việt Nam trong giai đoạn lịch sử gian khổ mà hào hùng của dân tộc. Đó là tập thể những người lao động trí óc đang lặng thầm làm việc, hiến dâng cả tuổi xuân, sức lực để làm đẹp cho cuộc đời quên cả hạnh phúc riêng tư.

Đề 4 : Tô Hoài có nhận xét như sau về truyện ngắn của Nguyễn Thành Long:

“Mỗi truyện ngắn của Nguyễn Thành Long tương tự một trang đời, một mảnh, một nét của cuộc sống chất ra. Ta thường gặp ở Nguyễn Thành Long những nhận xét nhỏ nhỏ như nhắc khẽ người đọc”

Theo em nhận xét đó có đúng với truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa không? Hãy phân tích truyện ngắn để làm rõ ý kiến của em.

6. 1. Mở bài	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu Nguyễn Thành Long là một cây bút chuyên viết truyện ngắn - Giới thiệu nhận xét của Tô Hoài... - Nhận xét ấy đúng với Lặng lẽ Sa Pa một truyện ngắn hay được nhà văn viết 1970 trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ trên miền Bắc.
2. Thân bài	
1. Giá trị hiện thực: Lặng lẽ Sa Pa như một trang đời, một mảnh, một nét của cuộc sống chất lọc ra.	
	<p>a. Trong truyện ta bắt gặp một trang đời, một mảnh hoặc một nét của cuộc sống của miền Bắc trong gd xđcnxh và chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Anh thanh niên, cô kỹ sư trẻ, ông họa sĩ già, người lái xe hiếu khách, ông kỹ sư vườn rau, một đ/c nghiên cứu khoa học (tuy không phản ánh hết nhưng đã vẽ lên

	<p>một bức tranh về hiện thực cuộc sống lúc bấy giờ...)</p> <p>- Đây chính là một trong biết bao con người của miền Bắc mỗi người một công việc riêng nhưng họ đều bằng những tình yêu công việc hay tình yêu đất nước, con người để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Họ chính là hình ảnh của người dân miền Bắc đang hăng say lao động để chủ nghĩa xã hội để chống lại kẻ thù.</p> <p>- Qua những nhân vật ấy Nguyễn Thành Long đã đưa vào Lặng lẽ Sa Pa những trong đời khác nhau hay đó chính là một mảng một nét của cuộc sống.</p> <p><i>b. Tất cả đều được chắt lọc từ cuộc sống, vừa tinh tế vừa đẹp</i></p> <p>- Những nhân vật trên có tâm hồn của những con người thật đáng trân trọng</p> <p>(anh thanh niên, kĩ sư trồng rau, kĩ sư sét, ông hoạ sĩ già)</p> <p>Vd: “ Hình ảnh người con gái nhỏ nhẹ e lệ đứng trước các luống rơn không cần hái hoa nữa, ôm nguyên bó hoa trong tay, lắng tai nghe. Vị hoạ sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông đã ao ước được biết, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị của một chuyến đi dài.</p> <p>Hoặc “trao một cái bắt tay như trao một cái gì...”</p> <p>- Đó là một vài nét chấm phá của cảnh sắc thiên nhiên:</p> <p>“ Lúc bấy giờ nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hùng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái càng thêm rực rỡ theo”.</p>
<p>2. Tác dụng giáo dục: Lặng lẽ Sa Pa có những nhận xét nho nhỏ, như nhắc khẽ người đọc.</p>	
	<p><i>a. Đó là những nhận xét nho nhỏ rút ra từ những sự việc, những cảnh đời đã trải qua.</i></p> <p>- Lời hoạ sĩ nói với cô kĩ sư:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “ Đối với người nghệ sĩ trong cuộc đời, có hai hồi thích nhất: đó là hồi mình còn trẻ và hồi này của tôi. Mình có thể năng nổ đi vẽ như thời thanh niên. Mình có thêm sự chính chắn hồi ấy mình chưa có” 2. “ Đối với một người khao khát trời rộng, sự dứt bỏ tình yêu nhiều khi lại nhẹ nhàng” 3. Hoạ sĩ già còn tự nhủ: “ Thanh niên bây giờ lạ thật, các anh chị cứ như con bướm...” <p>- Lời của anh thanh niên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “ ... Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cứng mà hùng hực cháy”. 2. “ Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ vứt nó đi cháu buồn chết mất con người thì ai mà chả thèm hờ bác? Cháu bỗng dừng tự hỏi: cái nhớ xe nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô thị thì xoàng”. 3. “ Khi ta làm việc ta với công việc là đôi...” 4. “ Ông kĩ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá”

	<p>- Lời của cô gái: “ Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa khác nữa, bó hoa của những háo hức mơ màng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”.</p> <p>b. Những nhận xét đó nhắc nhở người đọc</p> <p>- Hãy tự nhìn lại mình để sống tốt đẹp hơn.</p> <p>- Hãy nhìn vào mọi người để thấy hết những cái đẹp mà mình vô tình bỏ qua.</p> <p>- Mình sẽ làm gì có ích hơn để người khác được vui hơn, hạnh phúc hơn => cuộc sống này thật nhiều điều tốt đẹp...</p>
3. Kết bài	Khẳng định lại vấn đề.

Đề 5: Phân tích nhân vật anh thanh niên làm công tác quan trắc khí tượng trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

1. Mở bài	Viết về một mảng hiện thực trên đất Sa Pa trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, truyện ngắn “ <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> ” của Nguyễn Thành Long như muốn nói với ta rằng : Bên trong vẻ đẹp lặng lẽ của núi rừng, cuộc sống ở đây chứa bao vẻ đẹp đáng yêu, đang có không ít sự hi sinh thầm lặng. Dù được miêu tả nhiều hay ít , trực tiếp hay gián tiếp, nhân vật nào của truyện cũng hiện lên với nét cao quý đáng khâm phục . Trong đó, anh thanh niên làm công tác quan trắc khí tượng- nhân vật chính của tác phẩm- đã để lại cho chúng ta nhiều ấn tượng khó phai mờ.
2. Thân bài	
a. Anh thanh niên là một con người bình thường:	
	<p>- Anh không phải là con người đặc biệt, chỉ là một con người tầm vóc nhỏ bé, thậm chí tên anh, tác giả cũng không giới thiệu(Hình như tác giả muốn nói : tên anh không phải là điều quan trọng đáng nhớ, bởi mỗi người trên đời này đều có thể giống như anh ta).</p> <p>- Anh ta tự thấy mình công việc của mình không có gì đặc biệt</p> <p>- Cũng như mọi người, anh anh không muốn sống cô độc, anh sợ buồn. Cái việc anh đẩy một khúc cây ra giữa đường, buộc xe đi qua phải dừng lại , vừa ngộ nghĩnh buồn cười vừa thật đáng yêu.</p>
b. Anh là con người tốt, con người của cuộc sống mới:	
<p>Với cuộc gặp gỡ chưa đầy nửa giờ , anh đã hoàn toàn chinh phục một họa sĩ già và một cô kĩ sư trẻ . Bị chinh phục không phải bởi lời lẽ, mà bằng tất cả những gì toát ra từ con người của anh, xung quanh anh , công việc của anh, họ đã nhận ra ở anh những <i>vẻ đẹp của một con người cao quý</i>.</p> <p>Như nhận xét có tính chất vui đùa của bác lái xe, anh là “<i>một con người sống cô độc nhất thế gian</i>” . Bởi anh làm việc một mình trên đỉnh núi cao, quanh năm chỉ có bầu trời với những đám mây , sương mù bao phủ và lạnh buốt lúc nửa đêm . Nhưng trong sự cô độc ấy, anh, tâm hồn anh gần gũi con người biết chừng nào, ấm áp tình người biết chừng nào!</p> <p>Khao khát được gặp con người, được trò chuyện với con người, anh đã nghĩ ra cái mẹo vừa thông minh, vừa tinh nghịch để mỗi chuyến xe qua đều dừng lại với anh, dấu chỉ trong chốc lát. Không ai trách hành động ấy, vì nó nói lên một tình cảm đáng quý ở anh. Trái lại người ta còn cảm động vì hình ảnh ấy . Bác lái xe đã xử sự rất đúng khi đặt ra thành lệ việc ngừng xe lại nửa giờ nơi đỉnh núi cao, để</p>	

thỏa mãn nguyện vọng của anh, nhưng cũng là để được gặp gỡ và tỏ lòng yêu mến một tâm hồn trong sáng như anh.

- *Biết quan tâm đến người khác (tìm thuốc tặng vợ bác lái xe, tặng hoa cho cô kĩ sư trẻ):*

+ Thái độ *quan tâm đến con người* ở anh không chỉ vì một niềm vui của chính mình mà vì anh thực lòng yêu mến và quý trọng con người. Anh chu đáo đi tìm củ tam thất và ân cần trao cho bác lái xe để bác ngâm rượu cho vợ bác uống. Thái độ quan tâm ấy còn bộc lộ ở cử chỉ hiếu khách đặc biệt, khi ông họa sĩ và cô nữ kĩ sư lên thăm nơi ở và làm việc của anh. Anh cắt tặng cô gái một bó hoa to với lời lẽ chân thành “cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tùy ý...”. Ai mà không hồi lòng hồi dạ trước những cử chỉ trân trọng và chân thành như thế. Củ tam thất gửi vợ bác lái xe, làn tưng, bó hoa tiễn người họa sĩ già, cô gái trẻ tiếp tục cuộc hành trình, đó là những kỉ niệm của một tấm lòng sốt sắng, tận tình đáng quý.

- *Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc (không bỏ qua một giờ quan trắc nào vì hiểu được ý nghĩa quan trọng của công việc)*

Chính thái độ với con người đã cắt nghĩa thái độ của anh đối với công việc. Làm việc một mình, không ai kiểm tra, anh thật đã *có một ý thức trách nhiệm đầy đủ với công việc*. Chỉ nói về mình có năm phút, một cách rất khiêm tốn, anh đã làm cho ta hiểu hết cái gian khổ của công việc anh làm, cũng thấy hết sự tận tụy của anh. Những quan trắc khí tượng theo giờ, và cả giữa ban đêm gió lạnh, có cả mưa tuyết, cái im lặng đáng sợ của núi cao vào lúc nửa đêm. Thế nhưng anh không bỏ qua một giờ quan trắc nào, bởi anh hiểu được rằng mỗi công việc làm của anh là một mắt xích trong cái chuỗi công việc chung của nhiều người. Cái sai, cái đúng của anh, dù bé nhỏ, góp phần quyết định vào cái sai cái đúng, cái thất bại hay thành công của những điều lớn lao. Việc dự báo chính xác một đám mây bất ngờ có thể góp phần tạo nên thắng lợi của một trận đánh quan trọng, là có sự tham gia của anh. Sống ở vị trí của một người “*cô độc nhất thế gian*” mà anh không buồn, không chán nản, chính vì anh đã tìm được ý nghĩa lớn lao trong công việc của mình như thế.

- *Có ý thức giữ cuộc sống đẹp trong hoàn cảnh đặc biệt.*

Có trách nhiệm đối với mọi người và công việc, *anh cũng sống có trách nhiệm đối với chính mình*. Thông thường, trong hoàn cảnh sống như anh, người ta rất dễ sống cầu thả. Chính ông họa sĩ cũng đã có ý nghĩ như vậy: “*Khách tới bất ngờ chắc cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn*”. Không, nơi anh ở chẳng những không hề bừa bộn mà còn sạch sẽ, tinh tươm và đẹp nữa. Ngay trước sân nhà anh ta bắt gặp vườn hoa với bao nhiêu loài hoa, màu hoa,...cũng đủ để ta yêu mến và quý trọng anh. Căn phòng anh ở ngăn nắp gọn gàng. Nếp sống hàng ngày của anh được tổ chức có nề nếp, anh làm việc, ăn uống, nghỉ ngơi, đọc sách, đọc báo... như một người đang sống và làm việc giữa một xã hội, với mọi người, chứ không phải chỉ có một mình anh. *Đó là một thái độ tự trọng, đó chính là nếp sống đẹp, sống có văn hóa*. Sống như thế không phải dễ, nhưng đó mới là thực chất sống đẹp. Cái đẹp ấy không bắt nguồn từ bản chất tâm hồn đẹp.

- *Rất khiêm tốn.*

Hãy xem *anh khiêm tốn biết bao!* Nói về mình rất ít (chỉ năm phút/ba mươi phút), anh chỉ giới thiệu công việc của mình với những người khách cần biết. Không những nói ít mà cách nói cũng hết sức nhẹ nhàng. Anh như cho rằng những điều anh làm, cái khắc nghiệt của cuộc sống cô đơn mà anh sống, thật không có nghĩa lí gì so với mọi người. Không khoa trương, cường điệu mình trước một cô gái trẻ. Và khi chợt nhận ra ông họa sĩ đang vừa trò chuyện vừa ghi vào sổ tay những nét kí họa về anh. Anh thực tình bối rối, cảm thấy mình không có gì đáng để một họa sĩ ghi

	<p>lại .Anh chân thành giới thiệu bao nhiêu người đáng vẽ hơn anh, nghĩa là tốt hơn, đẹp hơn, đáng quý mến hơn anh : Một người kĩ sư tận tụy với cây rau, một nhà nghiên cứu sét để làm một bản đồ sét cho đất nước, ngày đêm miệt mài với công việc.</p> <p>- Bao trùm lên tất cả là niềm khao khát được sống có ích, hạnh phúc là làm việc có ích cho đất nước.</p> <p>Tại sao anh sống giản dị thế, tốt thế, đẹp thế? Đây là chỗ xuất phát mọi điều. <i>Anh là một con người trong lòng luôn cháy rực ngọn lửa của một khát vọng :sống đẹp, sống có ý nghĩa, sống có ích cho đất nước, cho mọi người.</i> Đất nước có chiến tranh, anh xin ra trận. Không được ra trận, anh tận tụy làm công việc của mình . Khi biết công việc của mình góp phần vào chiến thắng của không quân ta đã hạ được máy bay địch, anh cảm thấy thật hạnh phúc . Hạnh phúc của anh thật cụ thể, ý nghĩa đời sống của anh thật rõ ràng . Một người cảm thấy hạnh phúc vì công việc , vì được làm việc thì làm sao có thể sống chán nản , buông thả, cảm thấy công việc nặng nề, làm sao có thể không yêu quý và trân trọng con người, làm sao có thể không chân tình quan tâm đến niềm vui và hạnh phúc của người khác?</p>
3. Kết bài	<p>Bằng một cốt truyện khá nhẹ nhàng, những chi tiết chân thực, tinh tế bằng ngôn ngữ đối thoại sinh động, Nguyễn Thành Long đã kể lại một cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị nơi Sa Pa lạnh lẽ. Chưa đầy ba mươi phút tiếp xúc với anh thanh niên khiến người họa sĩ già thêm suy ngẫm về vẻ đẹp cuộc đời mà mình không bao giờ thể hiện hết được, khiến cô kĩ sư trẻ lòng bao cảm mến , băng khuâng . Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định:Cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phần đầu, hi sinh lớn lao và thầm lặng ? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu.</p>

BÀI 3: CHIẾC LƯỢC NGÀ (Nguyễn Quang Sáng)

Đề 1: Phân tích diễn biến tâm lý và tình cảm của bé Thu trong đoạn trích truyện Chiếc lược ngà của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Đề 2: Phân tích nhân vật ông Sáu trong đoạn truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.

Đề 3: Suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong chiến tranh qua truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Phân tích diễn biến tâm lý và tình cảm của bé Thu trong đoạn trích truyện Chiếc lược ngà của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

1.	1. Mở bài	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Quang Sáng là nhà văn của những số phận người dân Nam Bộ. Tác phẩm Chiếc lược ngà được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang rất ác liệt. - Tác phẩm là một câu chuyện cảm động về tình cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. - Đoạn trích truyện Chiếc lược ngà đã thể hiện những diễn biến tâm lý tinh tế và tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ mà bé Thu dành cho cha.
	2. Thân bài	
	a) Cảnh ngộ của bé Thu	
a)		<ul style="list-style-type: none"> - Bé Thu sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Ba em lên đường đánh giặc khi em chưa tròn một tuổi. Em chỉ biết ba qua tấm hình chụp chung với má trong ngày cưới. - Kháng chiến chống Pháp kết thúc, em chỉ được gặp ba trong những ngày ba về phép ngắn ngủi. Tình cảm cha con của Thu được đặt trong tình thế éo le, trắc trở của chiến tranh nên càng xúc động lòng người.
	b) Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ra ông Sáu	
		<ul style="list-style-type: none"> - Tình huống: gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nỗi nhớ thương nên ông Sáu không kìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy con. - Diễn biến tâm lý của bé Thu: <ul style="list-style-type: none"> + Hốt hoảng, mặt tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên khi mới gặp ông Sáu. + Gọi trống không với ông Sáu mà không chịu gọi cha. + Nhất định không chịu nhờ ông Sáu chắt nước nồi cơm to đang sôi, hắt cái trứng cá mà ông gấp cho. + Khi bị ông Sáu tức giận đánh một cái thì bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuống còn cố ý khua dây cột xuống kêu ròn rảng thật to. Thật trớ trêu, đáp lại sự vô vập của người cha, bé Thu lại tỏ ra ngờ vực, lạnh tránh, xa cách. Sự ương ngạnh của bé Thu hoàn toàn không đáng trách. Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá bé nhỏ để có thể hiểu được những tình thế khắc nghiệt, éo le của đời sống và người lớn cũng chưa kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường. Nó không tin ông Sáu là ba chỉ vì trên mặt ông có vết sẹo, khác với hình ba mà nó được biết. Qua những diễn biến tâm lý, bé Thu thể hiện cá tính mạnh mẽ và tình cảm sâu sắc, chân thật, em chỉ yêu ba khi tin

	chắc đó đúng là bà.
c) Thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ra ông Sáu là cha	
	<p>- Trong buổi sáng cuối cùng, trước phút ông Sáu phải lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn. Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi "ba" và tiếng kêu như tiếng xé, rồi "nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó", " nó hôn ba nó có cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa" , " hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run".</p> <p>- Sau khi được bà ngoại giải thích về vết thẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó, Thu dường như đã ân hận, hối tiếc. Vì thế, trong giờ phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi mong nhớ với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận.</p> <p>Đó là tình cảm thật sâu sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi của một đứa trẻ cá tính, hồn nhiên, ngây thơ.</p>
<p>* Đánh giá:</p> <p>- “ Chiếc lược ngà” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu, sáng tác trong thời kì kháng chiến, ca ngợi tình cảm gia đình, tình đồng chí, niềm tin và khát vọng hòa bình.</p> <p>- Cốt truyện chặt chẽ, cách lựa chọn tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý.</p> <p>- Lựa chọn ngôi kể, cảnh kể và ngôn ngữ lời thoại cho nhân vật...</p> <p>-> Góp phần không chỉ làm cho câu chuyện đảm bảo tính khách quan, chân thực, tin cậy mà còn hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể và dẫn dắt nội dung câu chuyện theo dòng cảm xúc của mình.</p>	
3. Kết bài	<p>- Truyện đặt nhân vật bé Thu và tình huống gặp ba nhưng không nhận ra, khi nhận ba lại vào đúng lúc chia tay để bộc lộ diễn biến tâm lý và tình cảm sâu sắc bé Thu dành cho ba. Từ đó, nhân vật bé Thu hiện ra thật cá tính, yêu ghét rõ ràng, nhưng cũng thật hồn nhiên, trong sáng.</p> <p>- Qua những diễn biến tâm lý của bé Thu, ta thấy tác giả tỏ ra rất hiểu tâm lý trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ.</p>

Đề 2: Phân tích nhân vật ông Sáu trong đoạn truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.

1.	<p>1. Mở bài</p> <p>- Nguyễn Quang Sáng là nhà văn của những số phận người dân Nam Bộ. Tác phẩm Chiếc lược ngà được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra rất ác liệt.</p> <p>- Tác phẩm là một câu chuyện cảm động về tình cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Trước hết, đó là câu chuyện về một người cha - người chiến sĩ cách mạng dũng cảm và cũng là người cha rất yêu thương con.</p>
	<p>2. Thân bài</p>
a) Ông Sáu là người chiến sĩ cách mạng dũng cảm.	
	<p>- Ông Sáu đi kháng chiến chống Pháp 7,8 năm chưa một lần về thăm nhà mặc dù nhớ nhà, nhớ vợ con khôn xiết. Người chiến sĩ ấy đã luôn đặt nhiệm vụ đối với Tổ quốc, với kháng chiến lên trên tình cảm riêng tư.</p>

	<p>- Trong một trận càn của giặc, ông Sáu đã bị thương, vết sẹo làm khuôn mặt ông không giống như trước.</p> <p>- Sau đợt nghỉ phép, ông Sáu cùng đồng đội trở lại chiến trường miền Đông tiếp tục chiến đấu.</p> <p>- Một ngày cuối năm năm mươi tám, trong một trận càn lớn của quân Mỹ-ngụy, ông Sáu đã bị thương nặng và hi sinh.</p> <p>Như vậy, ông Sáu là người chiến sĩ có lòng yêu nước, dũng cảm, luôn biết hy sinh vì độc lập dân tộc. Đó cũng là vẻ đẹp của người chiến sĩ cách mạng, của con người Việt Nam trong những năm chiến tranh đau thương mà anh dũng.</p>
b) Ông Sáu là người cha rất yêu thương con.	
●	<p>* Tình huống thứ nhất: ông Sáu đi kháng chiến chống Pháp sau 7-8 năm mới được về thăm nhà nhưng bé Thu lại không nhận ba.</p> <p>- Nỗi khao khát gặp con của ông Sáu:</p> <p>+ Hai cha con không hề biết mặt nhau, chỉ biết qua tấm ảnh cách đó bảy năm. Vì vậy, ông Sáu hồi hộp và mong chờ được gặp con bằng tất cả tình cảm yêu thương mà ông đã dồn nén trong xa cách.</p> <p>+ Bằng linh cảm của người cha, ông đã nhận ra con - đứa bé độ tám tuổi đang chơi dưới bóng cây xoài trước nhà, ông chạy ngay đến chỗ con. Nhưng bất ngờ Thu hoảng sợ bỏ chạy, không chịu nhìn nhận cha mình. Lúc đó, "anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy". Ông Sáu hụt hẫng, đau đớn khi đứa con không nhận ra mình.</p> <p>- Nỗi khổ và niềm vui trong ba ngày về thăm nhà:</p> <p>+ Ông Sáu tranh thủ ba ngày phép ngăn ngui để chăm chút, bù đắp cho con cả vật chất lẫn tinh thần "suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con". Ông tìm mọi cách để gần gũi trò chuyện với con nhưng dù phải mời ba ăn cơm hay nhờ chắc nước nồi cơm, Thu đều lảng tránh không gọi một tiếng "ba". Vui vì gặp lại gia đình, vợ con, nhưng ông Sáu đau khổ lắm, những lúc con lảng tránh, ông chỉ "nhìn con vừa khẽ lắc đầu vừa cười", cười vì "khổ tâm đến nỗi không khóc được".</p> <p>+ Bị con đối xử lạnh nhạt, ông vẫn cố gắng kiên trì chờ đợi, mong con nhận ra và gọi tiếng "ba" âu yếm. Bé Thu đã từ chối sự quan tâm của ông Sáu, bé "hất đổ miếng trứng cá khỏi chén cơm" khiến ông Sáu nổi nóng đánh con để rồi sau này dằn vặt, ân hận mãi. Tình tiết này cho thấy sự tức giận, thất vọng của ông Sáu khi không làm thế nào để con nhận ba và cũng thể hiện niềm khát khao của người cha muốn được cảm nhận tình cảm của con.</p> <p>- Giây phút cảm động khi bé Thu nhận cha:</p> <p>+ Trước khi chia tay gia đình để vào chiến trường, ông Sáu đã rất buồn vì đứa con không chịu nhận mặt cha, nỗi ân hận vì trót nóng nảy đánh con khiến đứa con càng xa cách. Nhìn thấy con đứng trong góc nhà, ông "muốn ôm con, hôn con" nhưng lại "sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy" nên ông Sáu chỉ đứng nhìn, đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu, khe khẽ nói,...</p> <p>+ Bất ngờ bé Thu cất tiếng gọi: "Ba...a...a...ba!", tiếng kêu như xé ruột vừa yêu thương, kính trọng xen lẫn hối hận (bé Thu đã biết "ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương"), rồi nó chạy thót lại, ôm lấy ba, "hôn ba cùng khắp", "hôn cả vết sẹo dài trên má", nó dang cả hai tay siết chặt lấy cổ, Giang cả hai chân câu chặt lấy ba nó để níu giữ. Ông Sáu đã xúc động đến phát khóc, và "không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con". Hai cha con nhận ra nhau thật hạnh phúc, sung sướng nhưng cũng thật đau đớn bởi giây phút đó thật ngắn ngủi. Tình cảm cha con thiêng liêng cao đẹp nhưng đặt trong một hoàn cảnh thật éo le của cuộc chiến tranh với những chia ly, xa cách.</p>
●	<p>* Tình huống thứ hai: ông Sáu làm cây lược tặng con nhưng chưa kịp tặng thì ông</p>

	<p>đã hi sinh. Tình huống này đã bộc lộ tình yêu con sâu nặng của người cha.</p> <p>- Ở chiến khu, nổi day dứt, ân hận ám ảnh ông luôn suốt nhiều ngày sau khi chia tay với gia đình là việc ông đã đánh con khi nóng giận.</p> <p>- Lời dặn của đứa con "Ba về! Bà mua cho con một cây lược nghe ba!" đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con. Khi tìm được khúc ngà, ông vô cùng vui mừng, sung sướng, rồi dành hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược: "Những lúc rỗi, anh cura từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc".</p> <p>* Ông làm cây lược bằng tất cả tình yêu thương con, trên sống lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẫn, khắc từng nét: "yêu nhớ tặng Thu con của ba". Những đêm nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Mỗi lần chải tóc như vậy là mỗi lần ông Sáu gửi gắm yêu thương vào chiếc lược nhỏ xinh. Chiếc lược ngà đã trở thành một vật quý giá, thiêng liêng với ông Sáu. nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha với đứa con xa cách.</p> <p>- Nhưng trong một trận chiến đấu, ông đã bị thương nặng. Trước lúc hi sinh, không thể trăng trối được điều gì, ông cố trao cây lược cho người đồng đội và chỉ đến khi tin rằng chiếc lược đó sẽ đến tận tay bé Thu ông mới nhắm mắt. Qua ánh mắt nhìn đồng đội lúc lâm chung, bác Ba hiểu không chỉ mang cây lược về cho Thu mà còn trao lại một tình cha con thiêng liêng cao đẹp. Một tình cha con không bao giờ chết!</p> <p>- Sau nhiều lần tìm Thu không gặp, tình cờ bác Ba gặp Thu, bấy giờ là cô giao liên trên một tuyến đường bí mật. Bác trao cho Thu cây lược ngà mà người cha yêu quý nhất đã tự tay mình làm và gửi tặng con gái "Cây lược như đánh thức kỷ niệm ngày chia tay,..."</p> <p>Như vậy, cả cuộc đời người cha đã dành cho con một tình cảm yêu thương sâu nặng.</p>
	<p>* Đánh giá: Xây dựng nhân vật ông Sáu, tác giả đã đặt nhân vật vào các tình huống éo le để khai thác những diễn biến tâm lý, tình cảm; ngôn ngữ lời thoại nhân vật có sự chọn lọc, chi tiết cụ thể giàu biểu cảm....</p>
3. Kết bài	<p>- Truyện đã ca ngợi ông Sáu là người chiến sĩ cách mạng dũng cảm và là người cha có tình thương con sâu nặng và cao đẹp. Qua đó, tác giả khẳng định tình cảm cha con là thứ tình cảm nhân bản bền vững, có thể tồn tại trong bất cứ hoàn cảnh nào; đồng thời cũng cho thấy những nỗi đau thương, mất mát mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người.</p>

Đề 3: Suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong chiến tranh qua truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.

7. 1. Mở bài	<p>- Nguyễn Quang Sáng là nhà văn của những số phận người dân Nam Bộ. Tác phẩm Chiếc lược ngà được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang rất ác liệt.</p> <p>- Tác phẩm là một câu chuyện cảm động về tình cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.</p> <p>(“ <i>Chiếc lược ngà</i>” là truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Quang Sáng thời chống Mỹ. Truyện được viết trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt nhưng lại tập trung nói về tình người. Cụ thể ở đây là tình cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đó không chỉ là một tình cảm muôn thuở, bền vững mà còn được thể hiện trong hoàn cảnh ngặt nghèo, éo le của chiến tranh. Vì thế tình cảm ấy thật đáng trân trọng và đồng thời cũng cho thấy nỗi đau mà chiến tranh mang đến cho đời sống bình thường của</p>
---------------------	---

	mọi người).
2. Thân bài	
a) Chiến tranh đã khiến cho gia đình ông Sáu cũng như bao gia đình Việt Nam phải lâm vào cảnh ngộ chia ly	
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo tiếng gọi của non sông, ông Sáu như bao người dân Nam Bộ sẵn sàng rời xa gia đình lên đường đi kháng chiến khi bé Thu, con gái ông, chưa đầy một tuổi. Suốt những tháng ngày xa cách, con ông chỉ biết cha qua tấm ảnh, qua lời kể của người mẹ. - Kháng chiến chống Pháp kết thúc, cha con, gia đình gặp nhau, đoàn tụ chỉ có ba ngày để bù lại tám năm dòng xa cách. Nhưng trong những ngày phép ngắn ngủi ấy, họ chưa kịp nhận ra nhau, khi nhận ra nhau lại là lúc phải tiếp tục chia xa. - Cuộc chia tay lần thứ hai của cha con ông Sáu là chia ly mãi mãi. Ông Sáu tiếp tục đi chiến đấu và mãi nằm lại nơi chiến trường, hai cha con chẳng bao giờ được gặp lại, được ở bên nhau nữa.
b) Chiến tranh không thể chia cắt nổi tình cảm gia đình, tình cha con.	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu dành cho nhau trong cảnh ngộ éo le, trắc trở của chiến tranh được thể hiện vô cùng cảm động. - Bé Thu thể hiện tình yêu ba theo cách thật đặc biệt: <ul style="list-style-type: none"> + Thu xa cách, ngờ vực, lạnh nhạt ngay từ giây phút đầu tiên gặp ba. + Tỏ ra ương ngạnh, hỗn xược với ông Sáu trong suốt ba ngày ông nghỉ phép. Thu từ chối mọi sự chăm chút, vỗ về của ông Sáu; cố tình lảng tránh tiếng "ba" để bảo vệ người ba trẻ đẹp trong tấm ảnh chụp chung với má của em. Hành động, phản ứng của bé Thu rất cá tính, có phần ương ngạnh nhưng xuất phát từ tình yêu thương ba một cách ngây thơ, trong sáng, chân thật: Thu chỉ yêu, chỉ nhận người cha giống với bức hình trong tấm ảnh chụp chung với má. Em đối xử với ông Sáu như thể là cách em yêu thương ba mình nồng cháy, yêu thương đến mức tôn thờ, yêu đến mức chỉ khắc ghi hình bóng một người ba duy nhất trong tim, không ai có thể thay thế được. + Được bà ngoại giải thích, Thu hiểu ra mọi sự nhầm lẫn của mình từ vết sẹo trên má của ba, Thu đã chủ động bày tỏ tình cảm sâu sắc, mãnh liệt với ông Sáu trong tiếng gọi "ba" như tiếng xé, trong những cử chỉ vỗ vập, hỏi hã thể hiện tình cảm yêu ba chân thành, sâu sắc, mãnh liệt. - Ông Sáu dành cho con tình yêu thương vô bờ nhưng hết sức thâm lặng: <ul style="list-style-type: none"> + Xa con, ông luôn nhớ con, ngắm con qua ảnh, háo hức được trở về thăm nhà, thăm con. + Hạnh phúc làm cha trào dâng, không kìm nổi xúc động khi gặp lại con. + Tranh thủ ba ngày phép ngắn ngủi để chăm chút, bù đắp cho con cả vật chất lẫn tinh thần. Bị con đối xử lạnh nhạt, ông vẫn cố gắng kiên trì chờ đợi, mong con nhận ra và gọi tiếng "ba" "âu yếm. Khi không thể nào kiềm chế được sự tức giận, vì thất vọng, không làm thế nào để con nhận ba, ông đã đánh con để rồi sau này dằn vặt, ân hận mãi. + Hạnh phúc đến rơi lệ khi con nhận ra ông, khi nghe tiếng gọi "ba" từ miệng con. + Xa con, sống trong gian khổ, hiểm nguy luôn rình rập, ông luôn nhớ lời con dặn và canh cánh bên lòng về món quà con dặn. Ông dồn hết tình thương, Nỗi nhớ vào việc làm cho con một chiếc lược bằng ngà voi trong những lúc rảnh rỗi. Chiếc lược ngà là cầu nối tình cảm cha con ông. Chiếc lược ngà mang bóng hình đứa con gái bé bỏng, xoa dịu trong ông Sáu nỗi đau xa cách con, tiếp cho ông niềm tin, sức mạnh trên mỗi ngả chiến trường, Chiếc lược ngà là minh chứng cho tình cha sâu nặng ông Sáu dành cho con, là kỷ vật mộc mạc thiêng liêng của tình phụ tử.

	<p>+ Biết không thể trở về trao chiếc lược cho con, ngay cả trong giờ phút hấp hối, ông Sáu vẫn không quên lời dặn của con lúc chia tay. Ông đã dồn tất cả sinh lực cuối cùng vào cử chỉ móc chiếc lược ngà trao cho đồng đội để cậy nhờ, ủy thác cho bác Ba thay ông đem cây lược về trao tận tay cho con gái. Ông Sáu đã vĩnh viễn ra đi, chiến tranh, bom đạn kẻ thù đã cướp đi sinh mạng ông nhưng chiếc lược ngà vẫn ngày ngày theo bác Ba dõi tìm Thu trên mỗi ngả chiến trường.</p> <p>Tình cha con của ông Sáu không bao giờ chết, nó sống mãi trong chiếc lược ngà giản dị mà thiêng liêng.</p>
* Đánh giá:	<p>- Đánh giá sức hấp dẫn trong nghệ thuật kể chuyện: cách tạo tình huống truyện bất ngờ, hợp lý, lựa chọn ngôi kể thích hợp, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên đậm sắc màu Nam Bộ, cách miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế.</p> <p>- Khẳng định và liên hệ: Câu chuyện Chiếc lược ngà còn âm vang mãi trong lòng người đọc bởi nó là bài ca bất diệt về tình phụ tử thấm thiết, sâu nặng. Câu chuyện giúp người đọc suy ngẫm và thấm thía hơn về quá khứ đau thương của dân tộc, thấm thía nỗi đau thương, mất mát, éo le do chiến tranh gây ra khiến bao gia đình phải chịu cảnh tan tác, chia lìa; đồng thời cũng giúp mỗi người biết trân trọng, nâng niu hạnh phúc gia đình mình đang có.</p>
3. Kết bài	<p>Truyện “<i>Chiếc lược ngà</i>” tập trung vào chủ đề tình cha con, nhưng ở đây tình cha con của anh Sáu và bé Thu đã không mất đi sau khi anh Sáu hy sinh. Tình cảm ấy vẫn sống mãi trong lòng con gái anh, trong lòng người bạn của anh là bác Ba và các đồng chí. Tình cha con được nổi dài trong tình cảm cách mạng, tình cảm của những người đồng chí. Nhà văn khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le, thời chiến tranh chống Mỹ ở miền Nam thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng cao đẹp trong những hoàn cảnh khó khăn. Truyện ngắn “<i>Chiếc lược ngà</i>” là bài thơ về tình cha con.</p>

BÀI 5: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

(Lê Minh Khuê)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Một trong những vẻ đẹp của nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi là tâm hồn lạc quan, trong sáng. Đó là chất lãng mạn trên bức phong nền hiện thực khốc liệt của tác phẩm.

Từ truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Đề 2: Ấn tượng sâu sắc của em về vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Phương Định trong đoạn trích Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

Đề 3: Phân tích chi tiết cơn mưa đá giữa rừng cuối tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

Đề 4: Các nữ nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi có những phẩm chất chung gì và có những nét gì là cá tính riêng của mỗi người.

Đề 5: “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê là vẻ đẹp tâm hồn của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vừa có những nét chung đáng quý, vừa mang những nét riêng của « những ngôi sao xa xôi ». Hãy phân tích.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Một trong những vẻ đẹp của nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi là tâm hồn lạc quan, trong sáng. Đó là chất lãng mạn trên bức phong nền hiện thực khốc liệt của tác phẩm.

Từ truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

1. Mở bài	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: tâm hồn lạc quan, trong sáng của các nhân vật trong truyện ngắn.
2. Thân bài	<p>- Họ đều là những cô gái tuổi mới mười tám, đôi mươi. Đây là lứa tuổi có nhiều mơ mộng, ước mơ, sức trẻ, lòng nhiệt huyết, đam mê; họ đã nghe theo tiếng gọi của Tổ quốc để cống hiến tuổi thanh xuân cho đất nước.</p> <p>- Họ đều có tâm hồn lạc quan, trong sáng, yêu đời:</p> <p>- Tự làm đẹp cho cuộc sống: Phương Định thích hát, Nho thích thêu thùa, chị Thao chép bài hát,...</p> <p>- Họ có nội tâm phong phú, nhạy cảm: Phương Định thích ngắm mình trong gương, tự nhận thức được vẻ đẹp của mình, chị Thao có áo lót thêu chỉ đỏ,... Khi ngắm mưa đá, họ hồn nhiên như những đứa trẻ.</p> <p>- Họ có tình đồng đội gắn bó, cao đẹp: Họ coi nhau như chị em trong gia đình, cùng chia sẻ những tâm tư, tình cảm, hiểu thấu những suy nghĩ, tâm sự của người kia,...</p> <p>Cùng với sự dũng cảm, gan dạ, tinh thần trách nhiệm, phẩm chất anh hùng, họ là những cô gái thanh niên xung phong góp phần làm nên những chiến công của dân tộc.</p>
3. Kết bài	=> Đó là chất lãng mạn xoa tan cái khốc liệt của chiến trường, là nguồn sức mạnh giúp họ vượt qua những khó khăn thử thách, hoàn thành nhiệm vụ. Họ là đại diện cho thế hệ trẻ trong kháng chiến chống Pháp, thế hệ "Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước - Mà lòng phơi phới dậy tương lai".

Đề 2: Ấn tượng sâu sắc của em về vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Phương Định trong đoạn trích Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

<p>1. Mở bài</p>	<p>- Lê Minh Khuê thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Truyện Những ngôi sao xa xôi là một trong những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra ác liệt nhất.</p> <p>- Chuyện kể về Phương Định, một cô gái dũng cảm trong chiến đấu, hồn nhiên trẻ trung yêu đời, có tình đồng chí đồng đội gắn bó.</p>
<p>2. Thân bài</p>	
<p>a) Giải thích: Vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp toát ra từ nội tâm con người, được thể hiện trên nhiều phương diện (tư tưởng, tình cảm, cách nghĩ, cách sống,...)</p>	
<p>b) Hoàn cảnh sống và chiến đấu của Phương Định</p>	
	<p>- Cũng như các cô gái thanh niên xung phong khác, Phương Định sống và chiến đấu trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn nhất, sự nguy hiểm và ác liệt.</p> <p>- Công việc: cùng đơn vị nữ thanh niên xung phong hằng ngày quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. Mỗi ngày, có thể phải phá bom từ 3 đến 5 lần.</p> <p>Như vậy, hằng ngày cuộc sống của Phương Định là phải đối diện với bom đạn và có thể hy sinh bất cứ lúc nào. Thế nhưng từ hoàn cảnh sống khắc nghiệt ấy, Phương Định vẫn thể hiện được những nét đẹp tâm hồn đáng quý.</p>
<p>c) Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định</p>	
	<p>* Phương Định là cô gái Hà Thành trẻ trung, xinh đẹp, tâm hồn trong sáng:</p> <p>- Phương Định là cô gái có nét đẹp duyên dáng, yêu kiều: một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn; hai bím tóc dài, mềm mại; đôi mắt dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng, cái nhìn xa xăm... Vẻ đẹp của Phương Định đã hấp dẫn bao chàng trai, chính cô thừa nhận "Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi...".</p> <p>- Cách cư xử: ý nhị, kín đáo, kiêu kỳ của con gái Hà Thành, Phương Định nhạy cảm, biết mình được nhiều anh lính để ý nhưng cô chưa dành tình cảm cho ai, cô không sẵn sàng vốn vã như những cô gái khác.</p> <p>- Vào chiến trường, sống ở nơi sự sống hủy diệt nhưng lúc nào Phương Định cũng giữ nguyên những nét đẹp trong sáng của những cô gái mới lớn:</p> <p>+ Thích làm duyên, làm điệu ngay giữa cuộc sống chiến trường khốc liệt: thích ngắm mắt mình trong gương, thích ngồi bó gối mơ màng...</p> <p>+ Thích hát, hay hát, tự bịa cả ra lời hát; hát trong mọi khoảnh khắc như chưa bao giờ nghe thấy bom rơi, đạn nổ. Tiếng hát của cô át tiếng bom, hát cả đau thương, gian khổ, hiểm nguy. Đó là biểu hiện của tinh thần lạc quan, yêu đời và niềm tin yêu cuộc sống.</p> <p>+ Hồn nhiên, mơ mộng: Đêm đêm, cô nhìn lên những ngôi sao trên bầu trời, mơ về ngày mai hòa bình, thông nhất. Khi một trận đánh khốc liệt vừa đi qua, chỉ một cơn mưa đá bất chợt ập xuống nơi núi rừng Trường Sơn cũng khiến Phương Định quên hết cả mưa bom, bão đạn, quên cả căng thẳng, nguy hiểm; cô và đồng đội lại say sưa tận hưởng niềm vui như con trẻ, đưa cô sống lại tất cả những kỷ ức tươi đẹp thời</p>

thiếu nữ kiều sa bên gia đình nơi thành phố mến thương.

Sống ở nơi thân chết luôn rình rập nhưng tâm hồn Phương Định không hề chai sạn. Chiến tranh, bom đạn kẻ thù có thể hủy diệt sự sống nhưng không bao giờ cướp đi được sự hồn nhiên, tinh thần lạc quan và sự trong sáng, tâm hồn trẻ trung của những cô gái trẻ như Phương Định.

* Phương Định là nữ thanh niên xung phong dũng cảm, can trường, tinh thần trách nhiệm cao.

- Phương Định tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam hiến dâng cuộc đời mình cho Tổ quốc:

+ Phương Định cũng có thời học sinh hồn nhiên, trong sáng. Cô có những tháng năm sống yên bình, hạnh phúc cùng với mẹ trong một ngôi nhà nhỏ.

+ Nhưng khi Tổ quốc cần những người con ra trận, cô đã từng biệt Hà Thành trở thành thanh niên xung phong sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt của mặt trận Trường Sơn.

+ Vào đây mới được ba năm, một khoảng thời gian không dài nhưng cũng đủ để cô quen với bom đạn chiến đấu và hy sinh.

+ Cô nói về công việc của mình: "việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom". Đó là những công việc hết sức nguy hiểm nhưng được cô nói gọn gàng, nhẹ như không, giản dị mà cũng thật anh hùng.

→ Công việc dù gian khổ và nguy hiểm, nhưng với Phương Định được sống và chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc, cô coi đó là trách nhiệm, nghĩa vụ là niềm hạnh phúc của tuổi trẻ khi được hiến dâng cuộc đời mình cho đất nước.

- Phương Định rất dũng cảm và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc phá bom:

+ Khí phách anh hùng và lòng dũng cảm của cô thể hiện rõ nhất khi cùng đồng đội đi phá bom. Trên tuyến đường Trường Sơn ác liệt, mỗi ngày địch trút bom từ ba đến năm lần. Nên phá bom là công việc thường xuyên của cô. Nhưng mỗi lần phá bom đều rất căng thẳng, từng cảm giác nhỏ nhất của Phương Định đã được nhà văn miêu tả hết sức tinh tế.

Khi đi đến bên quả bom: cô không đi khom "khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới". Khai thác chi tiết này nhà văn muốn ca ngợi tư thế tuyệt đẹp của con người Việt Nam khi ra trận: một cô gái mảnh dẻ, nhỏ bé nhưng không hề run sợ trước bom đạn của kẻ thù.

Ở bên quả bom: cô phải làm nhiều động tác: đào lỗ chôn thuốc mìn, dòng dây cháy chậm, châm ngòi, khóa lấp đất rồi chạy về nơi trú ẩn. Nhưng khi lưỡi xẻng chạm vào vỏ quả bom, cô phát hiện vỏ quả bom đang nóng lên nhưng lại không rõ nguyên nhân. Vậy mà cô vẫn bình tĩnh, thao tác cẩn trọng, tỉ mỉ, thành thạo theo đúng mệnh lệnh chỉ huy của chị Thao.

Chờ quả bom nổ: đây là giây phút căng thẳng nhất. Và trong cô còn có thêm sự lo lắng: nhờ thuốc mìn không nổ phải chôn lại lần thứ hai trong khi quả bom đang nóng lên. Nguy hiểm nhân lên nhiều lần. Trong cô đã nghĩ tới cái chết nhưng rất mờ nhạt. Vì với cô, dù phải hy sinh cô cũng quyết tâm phá bằng được quả bom.

+ Những lúc căng thẳng, nguy hiểm, Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng" chỉ

	<p>là cái chết mờ nhạt, không cụ thể", chưa bao giờ cái chết trở thành nỗi ám ảnh đến mức có phải lo lắng, phải trăn trở. Cô đặt mục đích hoàn thành nhiệm vụ phá bom lên trên cả tuổi xuân, trên cả mạng sống của mình.</p> <p>Phương Định mang lí tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời chống Mỹ, sẵn sàng "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" như bao chàng trai, cô gái Việt Nam tình nguyện lên đường bảo vệ non sông. Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội cô đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp thống nhất non sông, Bắc Nam sum họp.</p> <p>* Phương Định là cô gái giàu tình cảm, giàu tình đồng chí, đồng đội:</p> <p>Từ già Thủ đô yêu dấu để vào với Trường Sơn, Phương Định luôn dành tình yêu thương, sự quan tâm cho những người đồng đội.</p> <p>- Cô yêu mến, khâm phục tất cả những chiến sĩ cô gặp đêm đêm trên mỗi bước đường ra trận. Cô coi họ là thần tượng, là những người dũng cảm, thông minh và can đảm nhất. Họ là động lực tiếp cho cô sức mạnh mỗi khi làm nhiệm vụ phá bom.</p> <p>- Phương Định dành nhiều tình cảm nhất cho những chị em trong cùng tổ trinh sát. Cô kể về họ bằng giọng kể đầy thân thương, trìu mến và hiểu họ một cách sâu sắc. Cô coi Nho, Thao như người thân trong gia đình. Cô khâm phục, ngưỡng mộ sự "bình tĩnh đến phát bực" của chị Thao; cô hiểu tất cả những điểm yếu, những lo toan đang quay cuồng trong đầu óc chị. Cô nhìn nhận và coi Nho như một đứa em gái đáng yêu. Nho bị thương, cô làm tất cả, chăm sóc cho Nho như một người chị chăm em, như một nữ y tá dạn dày kinh nghiệm chiến trường. Nhìn vào mắt đồng đội, cô hiểu được tất cả những nghĩ suy thầm kín trong lòng họ.</p> <p>Tình đồng chí đã trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc, xoa dịu trong cô nỗi nhớ gia đình, người thân, là động lực để cô chiến đấu dũng cảm để hướng về ngày mai hòa bình.</p>
	<p>* Đánh giá nghệ thuật khắc họa vẻ đẹp tâm hồn nhân vật:</p> <p>- Chọn ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, trẻ trung đầy nữ tính, giàu tính khẩu ngữ.</p> <p>- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, chân thực, đời thường (tâm trạng dễ vui, dễ buồn, hay mơ mộng, hoài niệm của tuổi mới lớn; cảm giác sắc nhọn mỗi lần bên trái bom...); đặt nhân vật trong những tình huống đặc biệt, khám phá, phát hiện và miêu tả nhân vật qua những hành động, suy nghĩ,...</p>
<p>3. Kết bài</p>	<p>- Nhân vật Phương Định là hình ảnh của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã mang vào Trường Sơn cả tuổi thanh xuân, cống hiến không tiếc máu xương để giữ cho tuyến đường Trường Sơn không một giờ đứt mạch. Qua nhân vật, người đọc thêm yêu mến, tự hào, trân trọng hơn quá khứ hào hùng của dân tộc.</p> <p>- Liên hệ trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay: tiếp nối và phát huy những lý tưởng sống cao đẹp của thế hệ cha anh, gìn giữ và xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh,...</p>

Đề 3: Phân tích chi tiết cơn mưa đá giữa rừng cuối tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

- 1. Mở bài** Lê Minh Khuê thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Truyện Những ngôi sao xa xôi viết năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra ác liệt nhất. Chi tiết cơn mưa đá giữa rừng cuối của tác phẩm là

một chi tiết nhiều ý nghĩa.

2. Thân bài

Giới thiệu chi tiết cơn mưa đá giữa rừng cuối tác phẩm.

- Sau khi phá bom rất căng thẳng, Nho bị thương. Đây không phải là cơn mưa đá xuất hiện ngẫu nhiên mà là dụng ý nghệ thuật: sau lần phá bốn quả bom liên tiếp, thần kinh của những cô gái vô cùng căng thẳng, họ nghĩ rằng mình có thể sẽ hi sinh.

- Vì thế, cơn mưa đá làm dịu đi sự khốc liệt của chiến tranh: làm cho chị Thao quên đi nỗi sợ khi nhìn thấy máu, làm Nho quên đi sự đau đớn của vết thương. Đặc biệt, cơn mưa đá làm cho Phương Định hồi ức những kỷ niệm ngọt ngào về gia đình, quê hương.

3. Kết bài

Những kỉ niệm cùng với sự dịu mát của cơn mưa sẽ làm cho Thao, Nho, Phương Định có thêm sức mạnh, bản lĩnh và nghị lực để tiếp tục đối diện với bom đạn khốc liệt ở chiến trường.

Đề 4: Các nữ nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi có những phẩm chất chung gì và có những nét gì là cá tính riêng của mỗi người.

1. Mở bài	<p>Lê Minh Khuê sinh thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ. Truyện Những ngôi sao xa xôi viết năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra ác liệt nhất.</p> <p>- Các nữ nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi được nhà văn miêu tả có những phẩm chất chung và có những nét cá tính riêng của mỗi người.</p>
2. Thân bài	
a) Điểm chung trong hình ảnh những cô thanh niên xung phong	
	<p>* Hoàn cảnh sống và chiến đấu:</p> <p>- Họ sống và chiến đấu trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn nhất, sự nguy hiểm và ác liệt.</p> <p>- Công việc của họ: là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. Mỗi ngày, có thể họ phải phá bom từ 3 đến 5 lần.</p> <p>Như vậy, hằng ngày họ phải đối diện với bom đạn và có thể hy sinh vào bất cứ lúc nào.</p> <p>* Những phẩm chất chung:</p> <p>Ba cô gái mỗi người có một cá tính, một hoàn cảnh riêng khác nhau nhưng họ đều có phẩm chất chung của người thanh niên xung phong trên chiến trường:</p> <p>- Họ dũng cảm, gan dạ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, đặc nhiệm vụ lên trên cả tính mạng:</p> <p>+ Công việc phá bom của họ là hết sức căng thẳng, thường xuyên chạy trên cao điểm giữa ban ngày trong luồng bom đạn.</p> <p>+ Nhưng: chị Thao hết sức bình tĩnh, dũng cảm và kiên quyết trong công việc chỉ huy; Nho dũng cảm một mình phá hai quả bom, bị thương không cho báo về đơn vị, Phương Định là tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam sẵn sàng hiến dâng cuộc</p>

	<p>đòi mình cho sự nghiệp vệ quốc.</p> <p>+ Họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết như ruột thịt. (Họ hiểu được tính tình, sở thích của nhau, quan tâm chăm sóc nhau rất chu đáo, nhất là khi Nho bị thương).</p> <p>- Họ còn là những cô gái trẻ trung, hồn nhiên, trong sáng, nhạy cảm, giàu ước mơ:</p> <p>+ Chị Thao thích hát, thích làm duyên và có ước mơ lấy một người chồng có ngôi sao trên mũ.</p> <p>+ Nho hồn nhiên trong sáng thích làm nũng đòi ăn kẹo , ước mơ sau chiến tranh sẽ làm một cầu thủ bóng chuyên.</p> <p>+ Phương Định hát hay, nhiều ước mơ về tương lai, nhạy cảm, quan tâm đến hình thức.</p>
b) Điểm riêng	
	<p>- Nho là em út, tính nết trẻ con, thích ăn kẹo, có dáng vẻ bé nhỏ như một que kem nhưng khi bị thương lại rất rắn rỏi, bản lĩnh.</p> <p>- Chị Thao là tổ trưởng. Chị rất dũng cảm, táo bạo và quyết đoán trong công việc nhưng bị sợ máu và vết, nét yếu đuối làm chị hiện lên với vẻ nữ tính, đáng yêu. Và chị là một người con gái rất thích làm đẹp, làm duyên.</p> <p>- Phương Định là một cô gái Hà Nội hồn nhiên, mơ mộng, hay sống với những kỉ niệm hồi còn ở thành phố, rất dũng cảm, gan dạ trong chiến đấu.</p> <p>Bên cạnh những điểm chung, Mỗi cô gái đều có những vẻ đẹp riêng, làm phong phú và hoàn thiện trên bức chân dung của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.</p>
3. Kết bài	<p>- Bằng cách đặt ba nhân vật vào tình huống sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt ở mặt trận Trường Sơn, miêu tả diễn biến tâm lý một cách tinh tế; tác giả ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái dũng cảm trong chiến đấu, hồn nhiên trẻ trung yêu đời, có tình đồng chí đồng đội gắn bó. Thao, Nho, Phương Định là tiêu biểu cho lý tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ.</p> <p>- Ở mỗi nhân vật nữ trong Những ngôi sao xa xôi, nhà văn đã miêu tả có những phẩm chất chung và có những nét cá tính riêng của mỗi người làm nên sự phong phú cho thế giới nhân vật trong tác phẩm.</p>

Đề 5: “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê là vẻ đẹp tâm hồn của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vừa có những nét chung đáng quý, vừa mang những nét riêng của « những ngôi sao xa xôi ». Hãy phân tích.

1. Mở bài	<p>- Cuộc kháng chiến chống Mỹ đã đi qua..... nhưng ánh sáng chói lọi của nó vẫn luôn tồn tại cùng với lịch sử dân tộc ta qua các tác phẩm văn học như.....</p> <p>- Và có những con người bình dị, đã làm nên cuộc kháng chiến ấy, đó là những người lính, những cô thanh niên xung phong, những chiến sĩ vô danh.... « Những ngôi sao xa xôi » viết về những con người như vậy. Ba cô gái thanh niên hợp thành một tổ trinh sát mặt đường....</p> <p>Họ đã sống và chết.</p>
------------------	--

	<p>Giản dị và bình tâm</p> <p>Không ai nhớ mặt đặt tên</p> <p>Nhưng họ đã làm nên đất nước.</p> <p>(Ngã ba Đồng Lộc)</p>
2. Thân bài	
	<p>* Hoàn cảnh sống và chiến đấu:</p> <p>- Họ ở trong một hang dưới chân một cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, tức là ở nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt, từng ngày, từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc : đường bị đánh « lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn » tưởng như sự sống bị huỷ diệt : « không có lá xanh » hai bên đường, « thân cây bị tước khô cháy »... Những cây rễ nằm lẩn lóc, ngổn ngang những hòn đá to.... han rỉ trong lòng đất ».</p> <p>=> Quả là một hiện thực khô khốc đầy mùi chiến tranh, nó không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy tử thần luôn rình rập.</p> <p>- Công việc trinh sát, phá bom lại càng đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó là một công việc phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.</p> <p>+ Không khí của chiến tranh không giống như tương lai hay quá khứ có một âm điệu riêng. Chẳng hạn như sự im lặng : « <i>Cuộc sống ở đây đã dạy cho chúng tôi thế nào là sự im lặng</i> ». Im lặng có nghĩa là cái chết đang rình rập đâu đây, nó ập đến bất cứ lúc nào. Chưa hết, đó mới chỉ là hiện thực lúc yên tĩnh, còn lúc có bom của địch thì sao ? « <i>Nghe tiếng bom đầu tiên, có đứa chết giấc, nằm dãn xuống đất</i> », rồi « <i>chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy</i> » hai con mắt lấp lánh », « <i>hàm răng loá lên</i> » khi cười, khuôn mặt thì « <i>lem luoác</i> ».</p> <p>a) Những phẩm chất chung:</p> <p>Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục</p> <p>- Họ đều thuộc thế hệ những cô gái thanh niên xung phong thời kì kháng chiến chống Mĩ mà tuổi đời còn rất trẻ (như Phương Định vốn là một cô học sinh thành phố), có lí tưởng, đã tạm xa gia đình, xa mái trường, tình nguyện vào cái nơi mà cái sự mất còn chỉ diễn ra trong nháy mắt, một cách vô tư, hồn nhiên, cống hiến tuổi thanh xuân. Họ thực sự là những anh hùng không tự biết. Nét chung này không chỉ có ở đây mà còn được nói đến ở nhiều tác phẩm khác như « <i>Gửi em, cô thanh niên xung phong</i> » của Phạm Tiến Duật, « <i>Khoảng trời hố bom</i> » của Lâm Thị Mỹ Dạ và truyện ngắn « <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> » của Nguyễn Minh Châu... Tạo thành biểu tượng gương mặt đẹp và đáng yêu của những cô gái mở đường thời kháng chiến chống Mĩ.</p> <p>- Qua thực tế chiến đấu, cả ba cô gái đều có tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ, lòng dũng cảm không sợ hi sinh, tình đồng đội gắn bó. Có lệnh là lên đường, bất kể trong tình huống nào, nguy hiểm không từ nan dù phải đối mặt với máy bay và bom</p>

đạn quân thù, và đã lên đường là hoàn thành nhiệm vụ (d/c – sgk).

+ Nghe Phương Định kể lại một lần phá bom : « tôi một quả bom trên đồi. Nho, hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới cái chân hầm ba-ri-e cũ. Cảnh tượng chiến trường trở nên « vắng lặng đến phát sợ ». Đến với toạ độ chết, đến với quả bom cần phải phá nổ (mà không biết nó sẽ nổ vào lúc nào , sự cầu viện tâm linh của cô gái (nhân vật tôi) giống như một ảo ảnh : « Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không ? » Mặc dù « quen rồi ». Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần » nhưng cái hộp đựng như không hề thay đổi. Như cái cảm giác chờ bom phát nổ : tất cả đều đứng im, cả gió, cả nhịp tim trong lồng ngực. Chỉ có chiếc đồng hồ : « Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng đề lên những con số vĩnh cửu.... ». Quả bom có hai vòng tròn màu vàng nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Thần chết đang đợi chờ. Vỏ quả bom nóng. Định dùng lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Có lúc Định « rùng mình » vì cảm thấy tại sao mình lại làm quá chậm thế ! ...Hai mươi phút đã trôi qua. Tiếng còi chị Thao rúc lên,, Định cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi vào dây mìn. ... tiếng không khí. Đất rơi lộp bộp. Bom nổ văng óc, ngực đau nhói, đôi mắt cay mãi mới mở ra được. Mồ hôi thấm vào môi, cát lạo xạo trong miệng. Nguy hiểm, căng thẳng không thể nào kể xiết... .Chị Thao vấp ngã, Nho bị thương. Bom nổ, hầm sập, chị Thao và Định phải moi đất bế Nho lên. Máu tủa ra, ngấm vào đất »...Định rửa vết thương cho Nho, tiêm thuốc, pha sữa cho Nho, chị Thao ghen ngào....

+ Cuộc sống và chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, nguy hiểm và luôn căng thẳng nhưng họ vẫn bình tĩnh, chủ động, luôn lạc quan yêu đời. Phương Định cho biết : « Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể.... ».

=>Phải nói rằng trong đoạn văn tả cảnh phá bom trên cao điểm, Lê Minh Khuê đã sử dụng bút pháp hiện thực để tái hiện lại cảnh phá bom vô cùng nguy hiểm, dựng nên một tượng đài về khí phách anh hùng lâm liệt của tổ trinh sát mặt đường từ những con người bằng xương bằng thịt. Chị Thao, Nho, Định như những ngôi sao xa xôi sáng người lên những sắc xanh trong khói lửa đạn bom. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòng người như những nữ anh hùng ngã ba Đồng Lộc :

« Đất nước mình nhân hậu

Có nước trời xoa dịu vết thương đau

Em nằm dưới đất sâu

Như khoảng trời đã nằm yên trong đất

Đêm đêm, tâm hồn em tỏa sáng

Những vì sao người chói, lung linh...

(Khoảng trời hố bom – Lâm Thị Mỹ Dạ)

- Họ đều là những cô gái trẻ với cuộc sống nội tâm phong phú đáng yêu : dễ cảm xúc, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui, dễ buồn. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Định thích ngắm mình trong gương, ngòi bó gói mơ mộng và hát... Cả ba đều chưa có người yêu, đều sống hồn nhiên tươi trẻ. Không lúc nào họ không nhớ về Hà Nội. Một trận mưa đá bất ngờ trở thành nỗi nhớ : « mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố ». Nỗi nhớ ấy chính là sự nỗi dài, quá khứ, hôm nay và khát vọng mai sau.

	<p>- Những kỉ niệm sống dậy như những khoảng sáng trong tâm hồn trong trẻo, ngây thơ, dịu dàng. Những xúc cảm hồn nhiên như nguồn sống, điềm tựa, giúp họ thêm vững vàng, sức mạnh vượt qua những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua nổi. « Khoảng trời xanh » trong thơ « Phạm Tiến Duật » và khoảng trời xanh của kí ức như có sức mạnh vô hình đặc biệt là trong tâm hồn những trí thức trên đường ra trận.</p> <p>=> Quả thực, đó là những cô gái mang trong mình những tính cách tưởng như không thể cùng tồn tại : vô cùng gan dạ, dũng cảm trong chiến đấu mà vẫn hồn nhiên, vô tư trong cuộc sống. Những người như họ thật đáng trân trọng biết bao !</p>
	<p>b) Điểm riêng</p>
	<p>- Mỗi người thể hiện cái chung đó theo cách riêng của mình.</p> <p>+ Chị Thao, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu nhưng khát khao và rung động của tuổi trẻ. « <i>Áo lót của chị cái nào cũng thấm chỉ màu</i> ». <i>Chị lại hay tĩa đôi lông mày của mình, tĩa nhỏ như cái tăm</i>. Nhưng trong công việc, ai cũng gồm chị về tính cương quyết, táo bạo. Đặc biệt là sự « <i>bình tĩnh đến phát bực</i> » : máy bay địch đến nhưng chị vẫn « <i>móc bánh quy trong túi, thong thả nhai</i> ». Có ai ngờ con người đầy đặn trước sự sống và cái chết hàng ngày như thế lại sợ máu, sợ vắt: « <i>thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét</i> ». Và không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua, chị chăm chép bài hát dù chẳng thuộc nhạc, giọng lại chua, chị không hát trôi chảy được bài nào nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rồi là chị ngồi chép bài hát.</p> <p>+ Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, « <i>trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng</i> », có « <i>cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn</i> » rất dễ thương khiến Phương Định « <i>muốn bế nó lên tay</i> ». Nho rất thích tắm suối ngay cả khi khúc suối đó đang chứa bom nổ chậm và rất hồn nhiên – cái hồn nhiên của trẻ thơ : « <i>vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo</i> ». Hồn nhiên là thế nhưng cô lại bình thản vô cùng khi bị thương : « <i>Không chết đâu. Đơn vị đang làm đường kia mà. Việc gì phải khiến cho nhiều người lo lắng</i> ». Ngay cả lúc đau đớn như vậy nhưng gặp mưa đá, Nho vẫn nhồm dậy, môi hé mở xoè tay xin mấy viên đá mưa : « <i>Nào, mây cho tao mấy viên nữa</i> ». Đặc biệt, khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : « <i>Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi</i> », Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu » ... Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người. Có lẽ với những người con gái ấy, sự sống luôn cao hơn cái chết.</p> <p>+ Phương Định là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta. Phương Định cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố xinh đẹp, dũng cảm trong lửa đạn, giàu yêu thương đồng đội. Cô rất nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố của mình. (d/c). Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng của các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.</p> <p>* Nhận xét: Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn. Trái tim đỏ rực của họ là “ <i>những ngôi sao xa xôi</i>” mãi mãi lung linh, tỏa sáng.</p>
<p>Đánh giá:</p>	<p>Cảm nghĩ về thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ:</p>

	<p>Qua nhân vật Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong, Lê Minh Khuê đã gọi cho người đọc hình dung được phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ . Họ phải sống và chiến đấu rất gian khổ, hiểm nguy. Đó là những chàng trai, cô gái trẻ, dũng cảm, hiến dâng cả cuộc đời thanh xuân cho đất nước, sẵn sàng hy sinh tính mạng để hoàn thành nhiệm vụ . Họ có một thế giới nội tâm phong phú, đa dạng và rất trong sáng . Đặc biệt , những hình ảnh cao đẹp của các cô thanh niên xung phong trong truyện “Những ngôi sao xa xôi” tiêu biểu cho dân tộc Việt Nam , cho thế hệ trẻ trong những năm tháng hào hùng của Tổ quốc.</p>
3. Kết bài	<p>- Chiến tranh đã qua đi, sau hơn ba mươi năm, nhưng đọc truyện “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê, ta như được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Nhà văn khiến lòng ta sống lại hình ảnh tuyệt đẹp và những chiến công phi thường của tổ trình sát mặt đường, của Định, của Nho, của Thao, của hàng ngàn, hàng vạn cô thanh niên xung phong thời chống Mĩ. Chiến công thầm lặng của họ mãi mãi là một bài ca bất tử.</p>

3. Ôn tập văn học Trung đại
Người con gái Nam Xương
Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh
Hoàng Lê Nhất thống chí
Truyện Kiều
Lục Vân Tiên

BÀI 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Nguyễn Dữ)

Đề luyện tập:

Đề 1: Phân tích nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

Đề 2: Phân tích một số chi tiết trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

Đề 3: Có ý kiến cho rằng: so với truyện dân gian Vợ chàng Trương, Nguyễn Dữ đã có rất nhiều sáng tạo khi viết Chuyện người con gái Nam Xương. Em hãy phân tích truyện để làm sáng tỏ nhận xét trên.

Đề 4: Nhận xét về giá trị nhân đạo trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Phân tích nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

* Phân tích đề:

- Thể loại: Nghị luận về một nhân vật văn học.

- Phạm vi kiến thức: tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ, tham khảo thêm bài thơ Lại viếng Vũ Thị của Lê Thánh Tông, Thần tích đền bà Vũ do Hàn lâm viện, Đông các họa sĩ Nguyễn Bính soạn năm 1470.

Dàn ý

1. Mở bài

- Nguyễn Dữ là nhà văn nổi tiếng ở thế kỉ XVI với tác phẩm Truyền kì mạn lục, trong đó Chuyện người con gái Nam Xương là một trong những truyện tiêu biểu.

- Truyện viết về nàng Vũ Nương, một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết nhưng lại có số phận bất hạnh khổ đau.

2. Thân bài

a) Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết.

Vũ Nương là một người phụ nữ có "tư dung tốt đẹp", tính tình hiền dịu, nết na. Chàng Trương Sinh đã mến dung hạnh của nàng nên đã xin mẹ trăm lạng vàng để cưới nàng về làm vợ.

- Nàng là người vợ thủy chung, khuôn phép:

+ Khi lấy Trương Sinh, biết chồng có tính hay ghen, đa nghi, nàng biết "giữ gìn khuôn phép" nên gia đình lúc nào cũng đầm ấm hạnh phúc.

+ Khi chia tay chồng đi lính, nàng đã thể hiện tình cảm yêu thương, thủy chung để chàng yên tâm ra trận.

+ Khi chồng vắng nhà, nàng rất buồn, cô đơn, nhớ chồng. Nàng đã không "tô son điểm phấn", không "ngõ liễu tường hoa", một lòng thủy chung, đợi chờ chồng.

- Vũ Nương còn là một người phụ nữ đảm đang tháo vát. Trương Sinh đi lính để lại gánh nặng gia đình cho Vũ Nương chèo chống. Nàng đã một mình nuôi dạy con thơ, chăm sóc mẹ già chu đáo.

- Vũ Nương còn là người con dâu hiếu nghĩa:

+ Khi mẹ chồng ốm, nàng "hết sức thuốc thang, lễ bái thần Phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn". Mẹ chồng hiểu được tấm lòng của Vũ Nương nên bà rất cảm động và biết ơn nàng.

+ Khi mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót, lo ma chay, tế lễ chu toàn. Nàng đối xử hết lòng với mẹ chồng chẳng khác nào như đối với cha mẹ ruột của mình vậy.

- Vũ Nương là người luôn nặng tình, nặng nghĩa với gia đình, quê hương:

+ Ở thủy cung, nàng có cuộc sống sung sướng cả về vật chất và tinh thần. Nhưng nàng đã có suy nghĩ "Thà già ở chốn làng mây cung nước" chứ không quay trở lại trần gian nữa.

+ Nhưng khi gặp Phan Lang, được nghe kể về phần mộ tổ tiên, về sự day dứt ân hận của Trương Sinh, nàng đã khóc và nói có ngày sẽ quay trở về.

Tóm lại, Vũ Nương là một người phụ nữ vẹn toàn mang vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam với những phẩm chất đạo đức cao quý của người vợ, người mẹ, người con. một người như vậy đáng lẽ phải được hưởng hạnh phúc đầm ấm.

b) Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương.

Nỗi oan khuất của Vũ Nương:

+ Nỗi oan của nàng xuất phát từ lời con trẻ về cái bóng, bị chồng nghi oan mà không được giải bày.

+ Nghe lời con thơ "có một người đàn ông, đêm nào cũng đến", sự ghen tuông nghi ngờ trong đầu Trương Sinh bùng nổ. Chàng cứ đinh ninh là vợ hư thân rồi la mắng vợ nhưng lại giấu không cho biết câu chuyện này ai nói với chàng.

+ Chàng không tin những lời thanh minh của vợ và những lời can khuyên của hàng xóm, tiếp tục đánh đập và đuổi Vũ Nương đi.

Như vậy, Vũ Nương bị chồng nghi oan mà không cách nào gỡ giải được. Nàng bị mang tiếng là hư thân, một điều mà xã hội đó không thể dung thứ. Nàng còn đau khổ vì tất cả hạnh phúc gia đình, tình yêu và lòng thủy chung mà lành gìn giữ, xây đắp bao ngày đã bị Trương Sinh làm tan vỡ không thể lấy lại. Vũ Nương bị dồn đến đường cùng, tuyệt vọng, không lối thoát.

- Cái chết bi thảm của Vũ Nương:

+ Nàng chỉ biết tìm đến cái chết để Minh oan cho sự trong trắng của mình. Lời than trên bến Hoàng Giang cũng là lời thề ai oán, là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ danh dự, thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến: "Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rầy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mi. Nhuc bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ".

+ Cái chết của nàng Vũ Nương là do sự ghen tuông mù quáng của Trương Sinh, do chiến tranh phong kiến phi nghĩa làm bao lứa đôi xa cách dễ nảy sinh lòng nghi kỵ hay chính là do quan niệm phong kiến trọng nam khinh nữ hà khắc, bất công không đảm bảo quyền sống cho người phụ nữ. Bất hạnh có thể xảy ra với họ bất cứ lúc nào, khiến họ phải chọn cội chết làm chốn dung thân. Cái chết của nàng Vũ Nương vừa để lại nỗi thương cảm cho người đọc vừa mang ý nghĩa tố cáo sâu sắc xã hội phong kiến lúc bấy giờ.

c) Nghệ thuật xây dựng nhân vật.

- Nhân vật Vũ Nương được đặt vào nhiều tình huống: lấy Trương Sinh trái tính trái nết; Trương Sinh đi lính để gánh nặng gia đình cho Vũ Nương; Trương Sinh đi lính trở về nghi oan cho Vũ Nương,... từ đó, thể hiện số phận bất hạnh và những phẩm

chất tốt đẹp của nhân vật.

- Chi tiết chọn lọc, ngôn ngữ đối thoại và tự bạch phù hợp, yếu tố hoang đường, kì ảo mang đặc trưng của thể loại truyền kì và thể hiện ước vọng của nhân dân về kết thúc có hậu cho số phận nhân vật.

3. Kết bài

- Vũ Nương tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp và số phận bi thảm của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến.

- Nhân vật Vũ Nương để lại trong lòng người đọc nỗi thương cảm và xúc động sâu sắc.

Đề 2: Phân tích một số chi tiết trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

Dàn ý

1. Mở bài

Ai đó đó đã từng nói: chi tiết nghệ thuật là hạt bụi vàng của tác phẩm. Nó có thể nhỏ bé như một hạt cát nhưng đủ để độc giả hình dung về một sa mạc mênh mông. Chi tiết nghệ thuật có thể chỉ như một giọt nước nhưng gọi được biển cả vô cùng vô tận. Trong truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”- Nguyễn Dữ có nhiều “hạt bụi vàng” như thế.

2. Thân bài

1. Hình ảnh chiếc bóng trên vách trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc.

a) Chi tiết: chiếc bóng của nàng Vũ Nương

- Hoàn cảnh xuất hiện: trong đêm tối, Vũ Nương hay trở vào chiếc bóng của mình trên vách và bảo con đó là cha Đản.

- Về nội dung: chiếc bóng thể hiện tình yêu thương của Vũ Nương đối với con và tình yêu đối với chồng (vợ chồng như hình với bóng) và khát vọng sum họp gia đình.

- Về nghệ thuật: đây là chi tiết thắt nút truyện, chiếc bóng có ý nghĩa gieo oan. Nhưng nhà văn không để Trương Sinh nhận ra từ đầu mà đến khi Vũ Nương không còn nữa, chàng mới vỡ lẽ nỗi hăm oan của vợ. Bằng cách đó, chuyện có ý nghĩa bộc lộ tận cùng sự độc đoán, chuyên quyền, vũ phu đã làm tê liệt lý trí, giết chết tình người và dẫn đến bi kịch của Trương Sinh cũng như của chế độ phụ quyền phong kiến bất công.

b) Chi tiết: chiếc bóng của Trương Sinh

- Hoàn cảnh xuất hiện: khi Vũ Nương mất rồi, trong một đêm phòng không vắng vẻ, bé Đản đã trở vào chiếc bóng của chàng trên vách và bảo là cha Đản.

- Về nội dung: Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của Vũ Nương. Chàng ân hận, day dứt.

- Về nghệ thuật: cách cởi nút truyện bất ngờ, gây sự hấp dẫn cho người đọc.

Chi tiết chiếc bóng là bài học cho những người đàn ông có tính ghen tuông, phải biết bình tĩnh, sáng suốt để giải quyết sự việc. Vì có được hạnh phúc đã là một điều khó khăn nhưng giữ được hạnh phúc còn khó khăn hơn nữa. Chiếc bóng còn là thông điệp cho chúng ta: đã yêu thương nhau, phải tin tưởng nhau, đừng để cái

bóng rình rập, giết chết tình yêu hạnh phúc trong gia đình của mình.

2. Chi tiết kỳ ảo ở phần kết thúc tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ và ý nghĩa của nó.

a) Chi tiết kỳ ảo ở cuối truyện

" Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, vồng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện". Nàng nói vọng vào tạ từ chồng: " Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa", "rồi trong chớp lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất".

b) Ý nghĩa

- Hoàn chỉnh nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương: dù sống ở thế giới khác nhưng vẫn nặng tình với gia đình, quê hương, vẫn khao khát được sum họp, được phục hồi danh dự.

- Tạo nên một kết thúc có hậu: những người có phẩm chất tốt đẹp như nàng Vũ Nương gặp oan khuất nhất định sẽ được giải oan. Đó là ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về sự công bằng trong cuộc đời.

- Thúc tỉnh người đọc về bi kịch trong truyện: mọi điều tốt đẹp ở chốn thủy cung chỉ là ảo ảnh, người chết không thể sống lại, gia đình vẫn không được đoàn tụ, sự ân hận muộn màng của Trương Sinh vẫn không cứu vãn nỗi hạnh phúc. Tình bi kịch vẫn tiềm ẩn trong cái lung linh kì ảo. Điều đó một lần nữa khẳng định niềm cảm thương của tác giả đối với số phận bi thảm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Ý nghĩa tố cáo hiện thực cuộc sống bất công, con người đức hạnh không thể bảo vệ được hạnh phúc chính đáng của mình.

3. Kết bài

Mỗi tác phẩm văn học xuất sắc giống như một “tảng băng trôi” (Ernest Hemingway) ôm chứa trong lòng nó biết bao giá trị tiềm ẩn. Những chi tiết đắt giá có ý nghĩa như tấm gương soi giúp người đọc nhìn thấu vẻ đẹp và giá trị tiềm ẩn đó.

Đề 3: Có ý kiến cho rằng: so với truyện dân gian *Vợ chàng Trương*, Nguyễn Dữ đã có rất nhiều sáng tạo khi viết *Chuyện người con gái Nam Xương*. Em hãy phân tích truyện để làm sáng tỏ nhận xét trên.

* Phân tích đề:

- Thể loại: phân tích một tác phẩm văn học để làm sáng rõ một nhận định.

- Phạm vi kiến thức: *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

Dàn ý

1. Mở bài

- Nguyễn Dữ là nhà văn nổi tiếng ở thế kỉ XVI với tác phẩm *Truyện kì mạn lục* mà tiêu biểu là *Chuyện người con gái Nam Xương*.

- Có ý kiến cho rằng: so với truyện dân gian *Vợ chàng Trương*, Nguyễn Dữ đã có rất nhiều sáng tạo khi viết *Chuyện người con gái Nam Xương*.

2. Thân bài

Phân tích, chứng minh sự sáng tạo trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của

Nguyễn Dữ.

a) Về nội dung

- Chi tiết Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng cưới nàng Vũ Nương về làm vợ gởi ra ý nghĩa về một cuộc hôn nhân mua bán. Đó là mầm mống cho những bi kịch sau này của gia đình Vũ Nương.
- Khác với cái chết bột phát trong truyện cổ tích, Nguyễn Dữ để Vũ Nương chết rất tinh tế và lí trí, vì thế ý nghĩa tố cáo sự bất công của xã hội phong kiến sâu sắc hơn.
- Chi tiết chiếc bóng trên tường gieo oan rồi giải oan làm người đọc không chỉ hiểu được vẻ đẹp của nàng Vũ Nương mà còn thấy sự hấp dẫn, cuốn hút của truyện. Chiếc bóng đó lẽ ra phải xuất hiện từ đầu truyện. Nhưng phải đến gần cuối truyện từ chiếc bóng của chính mình, Trương Sinh mới hiểu ra chiếc bóng oan khiên của vợ.
- Đoạn truyện Vũ Nương ở thủy cung mang chất truyền kỳ có ý nghĩa: tiếp tục làm hoàn chỉnh vẻ đẹp của nàng Vũ Nương, tạo sự hấp dẫn cho câu chuyện, tạo kết thúc truyện có hậu: người tốt gặp oan khuất nhất định sẽ được giải oan.

b) Về nghệ thuật

- Xây dựng tình huống kịch tính; cốt truyện mạch lạc chặt chẽ, xây dựng nhân vật mang nét điển hình, yếu tố kì ảo hấp dẫn...
- Sự sáng tạo không chỉ làm nội dung truyện tăng ý nghĩa nhân văn mà còn cho thấy tài năng trong nghệ thuật viết truyện của nhà văn, góp phần làm nên sự thành công cho tác phẩm.

3. Kết bài

- Quả thực so với truyện dân gian Vợ chàng Trương, Nguyễn Dữ đã có rất nhiều sáng tạo khi viết Chuyện người con gái Nam Xương.
- Khâm phục tài viết truyện của Nguyễn Dữ.

Đề 4: Nhận xét về giá trị nhân đạo trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

Dàn ý

1. Mở bài

- Nguyễn Dữ là nhà văn nổi tiếng ở thế kỷ XVI với tác phẩm Truyền kì mạn lục, trong đó tiêu biểu là Chuyện người con gái Nam Xương. Dựa trên cốt truyện dân gian, Nguyễn Dữ đã lên tiếng tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa, những cổ tục nghiệt ngã; đồng thời thể hiện niềm cảm thương sâu sắc trước thân phận con người nói chung, người phụ nữ nói riêng trong xã hội phong kiến; trân trọng và đề cao những vẻ đẹp của người phụ nữ...
- Điều đó đã thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc của thiên truyện.

2. Thân bài

a) Giải thích.

- Giá trị nhân đạo trong tác phẩm văn học:
- + Hiểu một cách chung nhất, nhân đạo là lòng yêu thương con người.
- + Một tác phẩm văn học có giá trị nhân đạo là khi tác phẩm đó thể hiện sự trân

trọng, đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất đến những ước mơ, khát vọng chân chính. Nhà văn phải thể hiện thái độ bênh vực, cảm thông sâu sắc trước những nỗi đau khổ của con người, lên tiếng tố cáo tội ác của những thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống chính đáng của con người.

- Giá trị nhân đạo là một trong những yếu tố quan trọng làm nên thành công cho Chuyện người con gái Nam Xương.

b) Phân tích

Giá trị nhân đạo trong truyện là sự trân trọng đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất đến những ước mơ, những khát vọng chân chính:

- Nàng Vũ Nương đẹp về hình thức: "từ dùng tốt đẹp".

- Là Vũ Nương đẹp về phẩm chất, tâm hồn:

+ Nàng là người phụ nữ trong trắng, thủy chung.

+ Nàng là người mẹ yêu con, người vợ đảm đang tháo vát.

+ Nàng là người con dâu hiếu nghĩa .

+ Nàng còn là người nặng tình, nặng nghĩa với gia đình quê hương.

Đặt trong xã hội phong kiến, người phụ nữ bị rẻ rúng coi thường, Nguyễn Dữ đã trân trọng đề cao vẻ đẹp của Vũ Nương(cả khi nàng đã sang một thế giới khác). Đó chính là ý nghĩa nhân văn, là nét bút thần diệu để viết lên áng " thiên cổ kì bút".

- Giá trị nhân đạo trong truyện còn là niềm thương cảm sâu sắc trước những nỗi đau khổ của con người.

+ Trong suốt đoạn truyện Vũ Nương sống ở trần gian, Nguyễn Dữ luôn thể hiện một thái độ yêu thương, đồng cảm với nỗi vất vả mà người phụ nữ phải chịu đựng: phải gánh vác giang sơn nhà chồng, chăm sóc mẹ già con dại khi chồng đi xa ; chồng độc đoán, chuyên quyền, vũ phu, hay ghen, đa nghi; nỗi oan khiên và cái chết bi thảm của nàng. Lời văn đọc lên cho thấy sự xót xa, đau đớn của Nguyễn Dữ thấm vào trong từng câu chữ.

+ Khi nàng sống ở thủy cung, với chất truyện kì huyền diệu, Nguyễn Dữ đã nói lên ước mơ mà người phụ nữ luôn khao khát trong tương lai: một cuộc sống tốt đẹp hơn. Dẫu chỉ là khát vọng nhưng điều đó đã nói lên được tấm lòng, trái tim chan chứa tình yêu thương của nhà văn.

- Giá trị nhân đạo trong truyện là sự tố cáo lên án những thế lực tàn bạo, tố cáo những cổ tục nghiệt ngã có trong xã hội phong kiến.

+ Truyện hôn nhân không phải bằng tình yêu lứa đôi khi mà bằng trao đổi mua bán cho thấy thân phận người phụ nữ nhỏ nhoi, phụ thuộc.

+ Quan niệm trọng nam khinh nữ khắc nghiệt, coi nam quyền là tuyệt đối, nên sự ghen tuông mù quáng của Trương Sinh đã gián tiếp giết chết Vũ Nương.

+ Khi Vũ Nương bị nghi oan không thể tỏ bày, phải tự tử để khẳng định phẩm giá của mình, Nguyễn Dữ đã không để Vũ Nương chết bột phả trong con phần uất như câu chuyện cổ tích Vợ chàng Trương mà chết rất tinh tảo và lý trí, khiến sức tố cáo phê phán trong tác phẩm càng sâu sắc hơn. Xã hội phong kiến hà khắc không cho người phụ nữ một con đường sống, họ phải chậm có chết làm chôn dung thân.

- Tố cáo chiến tranh phi nghĩa góp phần gây ra sự đau khổ, tan vỡ của những mái ấm gia đình.

* **Đánh giá:** Những bất công ngang trái của xã hội phong kiến đã làm người phụ nữ không được sống hạnh phúc, quyền sống cũng không được đảm bảo, bất hạnh, khổ đau có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nguyễn Dữ đã mạnh mẽ lên tiếng bênh vực cho người phụ nữ và tố cáo lên án sự bất công trong xã hội. Đây cũng là một trong những nét bút thần diệu để Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ vẫn còn nguyên sự hấp dẫn người đọc ngày nay.

3. Kết bài

- Giá trị nhân đạo trong truyện không chỉ bộc lộ thái độ viết truyện của nhà văn mà còn là vẻ đẹp của tác phẩm để tạo nên sự cuốn hút và hấp dẫn. Tác phẩm đã giáo dục chúng ta lòng yêu thương con người sâu sắc, quyết tâm sống và đấu tranh vì quyền sống và hạnh phúc của con người.

- Giá trị nhân đạo là một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm nên sự thành công cho Chuyện người con gái Nam Xương- một tác phẩm tiêu biểu trong " thiên cổ kỳ bút" Truyền kì mạn lục.

BÀI 2: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

HỒI THỨ 14

(Ngô gia văn phái)

Đề bài luyện tập: Phân tích hình tượng người anh hùng Quang Trung- Nguyễn Huệ trong tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí, hồi thứ 14 của Ngô gia văn phái.

Dàn ý

1. Mở bài

- Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm.

- Giới thiệu nhân vật: ở hồi thứ 14 của tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí, các tác giả đã tái hiện sinh động, chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh. Đó là người anh hùng áo vải vừa có tài thao lược vừa luôn hết lòng vì nước, vì dân. Hình tượng Quang Trung-Nguyễn Huệ đã đi vào những trang viết của nhóm tác giả Ngô gia như một hình ảnh đẹp tiêu biểu cho sức mạnh quật cường của dân tộc Việt Nam.

2. Thân bài

a) Quang Trung-Nguyễn Huệ là con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán.

- Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long, chiếm cả một vùng đất rộng lớn, Nguyễn Huệ vẫn không hề nao núng, " định thân chinh cầm quân đi ngay".

- Sau đó, chỉ trong vòng một tháng(từ 24 tháng 11 đến 30 tháng chạp), Nguyễn Huệ đã làm bao việc lớn:"Tể cáo trời đất", lên ngôi hoàng đế, đốc suất đại binh ra Bắc. Gặp gỡ người Cống sĩ ở La Sơn, tuyển mộ lính"chưa mấy lúc đã được hơn

một vạn quân tinh nhuệ" rồi mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, phủ dụ tướng sĩ; định kế hoạch hành quân, đánh giặc và kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng.

b) Quang Trung- Nguyễn Huệ là một con người có trí tuệ sáng suốt, sâu sắc và nhạy bén.

Nguyễn Huệ đã sáng suốt trong quyết định lên ngôi hoàng đế để lấy niên hiệu là Quang Trung.

- Sáng suốt trong nhận định tình hình địch và ta: qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, vua Quang Trung đã khẳng định rõ chủ quyền dân tộc và vạch trần hành động xâm lăng phi nghĩa, trái đạo trời của giặc cũng như dã tâm của chúng. Lời phủ dụ quân lính của ông thực chất là bài hịch ngắn gọn mà ý tứ thật phong phú, sâu xa, có tác dụng kích thích mạnh mẽ lòng yêu nước và truyền thống quật cường của dân tộc. Nhà vua đã đặt lợi ích quốc gia và dân chúng lên trên hết khiến binh sĩ thêm cảm phục và càng mài sắc lòng quyết tâm đánh đuổi giặc đến cùng.

- Trí tuệ sáng suốt trong xét đoán và dùng người: Khi tới Tam Điệp, tướng Sở và Lân ra đón và mang gươm trên lưng xin chịu tội, vị chủ tướng hiểu rõ luật binh pháp phải xử lý "quân thua chém tướng" nhưng ông đã xử trí vừa thấu lý vừa đạt tình. Đối với ông, không có luật nào trái được nhân tâm. Ông hiểu rõ sở trường, sở đoản của các tướng sĩ, khen chê đều đúng người, đúng việc, bình công, luận tội rõ ràng. Cách hiểu người, dùng người đến mức tri kỉ, tri ân như thế không phải người cầm quân nào cũng có được.

c) Quang Trung- Nguyễn Huệ là vị tướng mưu lược, có tầm nhìn xa trông rộng.

- Quân Thanh còn đang ở Thăng Long, gần hết Bắc Hà đang nằm trong tay chúng, vừa lên ngôi hoàng đế, Quang Trung đã tự tin với "Phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mươi ngày có thể đuổi được người Thanh".

- Mục đích lớn hơn hết của vị vua yêu nước thương dân là hai nước hòa bình, người dân không phải chịu cảnh binh đao, máu lửa nên ông đã tính sẵn cả kế hoạch ngoại giao sau khi chiến thắng một nước "lớn gấp mười nước mình" để có thể giữ yên bình cuộc sống cho dân "cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng". Quang Trung cũng đã tính toán, lựa chọn cả người thực hiện kế hoạch ấy không ai khác là Ngô Thì Nhậm.

d) Quang Trung - Nguyễn Huệ là vị hoàng đế oai phong, lắm liệ, có tài điều binh khiển tướng như thần.

- Tướng của Quang Trung đi dụng binh ở Nghệ An cứ hai tháng lấy một người mà chẳng mấy chốc đã có một đội quân tinh nhuệ lên tới vạn người. Sử sách cũng ghi lại cuộc hành binh thần tốc của nghĩa quân Tây Sơn do Quang Trung chỉ huy bắt đầu từ ngày 25 tháng chạp xuất quân tại Phú Xuân (Huế) mà 29 đã tới Nghệ An trong khi phải vượt khoảng 350 km qua núi, qua đèo, đêm 30 tháng chạp đã lập tức lên đường và khẳng định chắc chắn kế hoạch "hẹn ngày mồng 7 tháng giêng, ta sẽ vào Thăng Long mở tiệc ăn mừng". Trên thực tế, Quang Trung đã chiến thắng trước hai ngày so với kế hoạch.

- Đẹp nhất trong tác phẩm là hình ảnh vị hoàng đế cười voi ra trận. Trong lịch sử phong kiến Việt Nam đã có không ít vị vua thân chinh cầm quân ra trận nhưng làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự, một nhà hoạch định phương lược tiến đánh và tự mình tổ chức quân sĩ rồi trực tiếp chỉ huy một mũi tiến công, cười voi đi đốc thúc, xông pha tên đạn, bày mưu tính kế,... chỉ có Quang Trung.

- Tài dùng binh của vua Quang Trung cũng biến hóa như thần. Ông đánh bao vây,

chia cắt địch, chủ động tạo yếu tố bất ngờ làm cho đối phương rơi vào tình thế bị động không kịp trở tay.

+ Đến đồn Hà Hồi rồi lặng lẽ bao vây, mãi đến khi ông cho quân lính bắc loa truyền gọi, quân lính trong đồn mới biết nên "ai nấy rụng rời sợ hãi liền xin ra hàng, lương thực, khí giới đều bị quân Nam lấy hết".

+ Nhưng đến đồn Ngọc Hồi, cửa ngõ kinh thành Thăng Long, ông lại thay đổi chiến thuật chuyển sang đánh áp đảo đối phương ngay từ phút đầu. Ông dùng rơm và ván, đơn giản nhưng sáng tạo nên đã tạo ra lá chắn cho đại quân vẫn đội hình ấy dàn chữ Nhất tiến lên. Trước kẻ sách thiên biến vạn hóa của Quang Trung, đại quân của địch rơi vào tình thế như gà mắc tóc, tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên. Giữa cảnh "khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì" nổi bật hình ảnh nhà vua mặc áo hoàng bào "cười voi đi đốc thúc" thật oai phong, lẫm liệt.

3. Kết bài

- Với quan điểm đứng trên lập trường chính nghĩa, hồi thứ 14 đã tái hiện chân thực hình ảnh vua Quang Trung đại phá quân Thanh. Hoàng đế Quang Trung trở thành linh hồn của nghĩa quân Tây Sơn và cũng là người tạo nên những trận đánh thần tốc có một không hai trong lịch sử, lập nên chiến công vĩ đại, ghi mốc son chói lọi ghi vào trang sử vàng bất khuất của dân tộc. Ông đã trở thành biểu tượng của đạo lý Việt Nam, tài trí và sức mạnh Việt Nam.

- Nghệ thuật khắc họa vẻ đẹp nhân vật : lối văn biền ngẫu kết hợp với những chi tiết hết sức chân thực sống động, cách kể chuyện, miêu tả linh hoạt, cách khắc họa chân dung nhân vật sắc sảo.

BÀI 3: TRUYỆN KIỀU

(Nguyễn Du)

Đề bài luyện tập:

Đề 1: Đề bài: phân tích đoạn trích Chị em Thúy Kiều để thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

Đề 2: Trong cảnh ngày xuân (Truyện Kiều) của Nguyễn Du đã làm tái hiện lại không khí lễ hội du xuân qua đoạn thơ sau:

Đề 3: Phân tích nghệ thuật tả cảnh, tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều

Đề 4: Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình? Phân tích 8 câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích để thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

Đề 5: phân tích cảm hứng nhân văn trong các đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Hướng dẫn làm bài:

Đề 1: Đề bài: phân tích đoạn trích Chị em Thúy Kiều để thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

Dàn ý

1. Mở bài

- Nguyễn Du là thiên tài văn học, danh nhân văn hóa, nhà nhân đạo chủ nghĩa, có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học Việt Nam. Truyện Kiều là kiệt tác văn học, kết tinh tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du.

- Đoạn trích Chị em Thúy Kiều nằm ở phần đầu tác phẩm Truyện Kiều đã cho thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

2. Thân bài

a) Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã rất thành công khi miêu tả nhân vật chính, nhân vật phụ, nhân vật chính diện, nhân vật phản diện. Đặc biệt miêu tả Thúy Kiều, Thúy Vân trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều- nhân vật chính diện, Nguyễn Du đã sử dụng thành công bút pháp ước lệ tượng trưng.

- Khi giới thiệu vẻ đẹp chung, Nguyễn Du đã chọn hình ảnh của mai và tuyết để tả cốt cách mảnh mai, yêu điệu, tinh thần trắng trong như tuyết của hai cô gái.

- Tả Thúy Vân, ông mượn hình ảnh mây, trăng, hoa, tuyết, ngọc để gợi lên vẻ đẹp đài các kiêu sa, đoan trang, dịu dàng, hài hòa với cảnh sắc thiên nhiên.

- Tả Thúy Kiều, ông mượn làn nước mùa thu, dáng núi mùa xuân để gợi ra một vẻ đẹp khiến cho thiên nhiên phải ganh tị hoa ghen, liễu hờn, một nhan sắc tuyệt thế giai nhân " nghiêng nước nghiêng thành " có một không hai.

Như vậy, mượn những hình ảnh ước lệ, tượng trưng, Nguyễn Du miêu tả được vẻ đẹp hoàn mỹ "mười phần vẹn mười" của các nhân vật.

b) Tài năng của Nguyễn Du còn thể hiện ở khả năng cá biệt hóa khi miêu tả chân dung hai cô gái.

Cá biệt hóa trong cách thức miêu tả:

+ Tả Vân, Nguyễn Du sử dụng nhiều chi tiết cụ thể: khuôn mặt, nét mày, nụ cười, giọng nói, làn da, mái tóc,...

+ Tả Thúy Kiều, ông chỉ đặc tả một đôi mắt, chủ yếu tả theo hướng đánh giá khái quát bằng cách nói dân gian: sắc sảo mặn mà, nghiêng nước nghiêng thành...

Với hai cách thức miêu tả khác nhau, Kiều và Vân đi cùng "mười phần vẹn mười",

nhưng ở mỗi cô gái lại có một vẻ riêng khác nhau.

- Cá biệt hóa trong cách so sánh tăng cấp : trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Kiều được miêu tả trước Vân. Trong đoạn thơ này, Nguyễn Du đã sáng tạo, tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước để người đọc yêu mến và ấn tượng về vẻ đẹp của Thúy Vân . Sau đó lấy vẻ đẹp của Vân làm nền để tôn lên vẻ đẹp của Thúy Kiều- nhân vật chính trong truyện.

- Cá biệt hóa trong việc miêu tả chân dung gắn với dự cảm về số phận nhân vật: khi miêu tả nhân vật, Nguyễn Du không chỉ ca ngợi vẻ đẹp hình thức, phẩm chất tâm hồn của Kiều và Vân mà còn dự báo được số phận của nhân vật với một thái độ trân trọng yêu thương,...

3. Kết bài

- Thông qua đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã thể hiện tài năng bậc thầy trong nghệ thuật miêu tả.

- Tác giả thể hiện thái độ trân trọng, đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói riêng và đối với con người nói chung.

Đề 2: Trong cảnh ngày xuân (Truyện Kiều) của Nguyễn Du đã làm tái hiện lại không khí lễ hội du xuân qua đoạn thơ sau:

... Thanh minh trong tiết tháng ba,

Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh .

Gần xa nô nức yến anh,

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.

Dập dìu tài tử giai nhân,

Ngựa xe như nước áo quần như nêm.

Ngõn ngang gò đống kéo lên,

Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay...

Từ lễ hội du xuân ở thế kỉ XIX, Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về lễ hội mùa xuân hiện nay.

Dàn ý

1. Mở bài

- Nguyễn Du là nhà thơ lớn của dân tộc, một danh nhân văn hóa thế giới. Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du cũng như của văn học Việt Nam.

- Nằm ở phần đầu Truyện Kiều, phần Gặp gỡ và đính ước, đoạn trích Cảnh ngày xuân đã miêu tả bức tranh thiên nhiên và lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng của tiết Thanh minh. Qua đó, người đọc cảm nhận được nét đẹp đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Nét đẹp ấy vẫn còn lại cho đến ngày hôm nay.

2. Thân bài

a) Lễ hội mùa xuân trong thơ Nguyễn Du.

- Những câu thơ đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã mở ra một không gian nền tuyệt đẹp của mùa xuân, để làm nổi lên không khí của lễ hội mùa xuân.

- Lễ hội Thanh minh diễn ra trong tháng ba, có :

+ Lễ tảo mộ: đi viếng mộ, đốt nhang, biếu tiền vàng cho người thân đã khuất để thể hiện tình cảm của người đang sống luôn nhớ tới người đã khuất. Đây là nét đẹp tâm linh của người Việt.

+ Hội đạp thanh: du xuân trên đồng cỏ xanh để ngắm cảnh.

- Không khí của lễ hội: đông vui, tưng bừng, náo nức như đàn chim yến, chim oanh.

- Người đi lễ hội: trên con đường nhộn nhịp, ngựa xe như nước chảy, người đi lễ hội là những chàng trai, cô gái đẹp. Trong đó có cả chị em Thúy Kiều.

Bằng một loạt các từ láy, từ ghép hai âm tiết là danh từ, động từ, tính từ ở mức độ dày đặc, kết hợp với nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhà thơ đã làm sống dậy không khí lễ hội du xuân. Đó là nét đẹp truyền thống văn hóa lễ hội của người Việt.

b) Suy nghĩ về lễ hội mùa xuân hôm nay.

- Từ không khí lễ hội du xuân trong thơ Nguyễn Du gợi cho chúng ta suy nghĩ về lễ hội mùa xuân hôm nay.

- Lễ hội mùa xuân hôm nay vẫn tiếp nối những nét đẹp truyền thống từ xa xưa:

+ Thời gian lễ hội: ba tháng mùa xuân.

+ Lễ hội diễn ra ở cả ba miền. Nơi nào cũng có những lễ hội đặc sắc tiêu biểu: lễ hội Yên Tử ở Quảng Ninh, lễ hội chùa Hương ở Hà Nội, lễ Cầu Ngư của những người dân vùng biển miền Trung, miền Nam,...

+ Người đi lễ hội không chỉ du xuân ngắm cảnh đẹp mà còn cầu mong cho cuộc sống an vui, tốt lành.

+ Ngày nay, trong tiết Thanh minh chúng ta vẫn đi viếng mộ, đốt nhang, tiền vàng cho người thân đã khuất. Điều này thể hiện truyền thống thờ cúng tổ tiên.

- Tuy nhiên, trong xã hội hiện nay cũng xuất hiện một số mặt trái:

+ Một số tệ nạn: mê tín dị đoan, lợi dụng lễ hội để phục vụ lợi ích cá nhân,...

+ Người đi lễ hội nhiều khi có hành động thiếu văn hóa: cướp lộc, chen lấn xô đẩy, ăn mặc phản cảm, vứt rác bừa bãi,...

- Bài học: trân trọng giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hóa dân tộc qua những lễ hội mùa xuân nói riêng và lễ hội nói chung.

3. Kết bài

- Bằng nghệ thuật tả cảnh tài hoa, tình yêu thiên nhiên, lòng thiết tha với những nét đẹp văn hóa dân tộc, Nguyễn Du đã gợi lại cảnh lễ hội mùa xuân tươi đẹp, cuốn hút.

- Ôn lại cái cũ để hiểu hơn cái mới đang diễn ra hôm nay, chúng ta càng phải trân trọng những giá trị tốt đẹp mà người xưa truyền lại, đi tìm về cội nguồn, làm sống lại những giá trị văn hóa dân tộc trong những lễ hội mùa xuân hôm nay.

Đề 3: Phân tích nghệ thuật tả cảnh, tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều

Dàn ý

1. Mở bài

- Truyện Kiều được đánh giá là tác phẩm đạt tới đỉnh cao về nội dung và nghệ thuật.
- Điều đó chứng tỏ tài năng sáng tạo nghệ thuật và cái tâm của một nghệ sĩ, một nhà văn hóa lớn của dân tộc: Nguyễn Du . Nghệ thuật tả cảnh, tả người trong Truyện Kiều được xem là đặc sắc nhất.

2. Thân bài

a) Bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du trong Truyện Kiều.

Sử dụng bút pháp truyền thống trong văn chương cổ điển: bút pháp ước lệ, chấm phá gợi tả hoặc tả cảnh ngụ tình.

- Tả cảnh để làm nổi bật tâm trạng nhân vật, thông qua tả cảnh để miêu tả tâm lí nhân vật. Dẫn chứng: tâm trạng náo nức xốn xang của người đi dự lễ hội du xuân, cảnh Thúc Sinh từ biệt Thúy Kiều, cảnh Kiều ở lầu Ngưng Bích,...

- Trong khi tả cảnh thiên nhiên, Nguyễn Du đã tạo ra những bức tranh thiên nhiên tuyệt mỹ bằng ngôn ngữ thơ ca. Điều đó cho thấy khả năng nghệ thuật và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của Nguyễn Du. Dẫn chứng: Cảnh ngày xuân, Kiều ở lầu Ngưng Bích,...

b) Bút pháp tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều.

Sử dụng bút pháp tả thực và ước lệ:

+ Tả thực: dùng cho loại nhân vật phản diện như: Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hồ Tôn Hiến,...

+ Ước lệ: thường dùng đối với các nhân vật chính diện như: Thúy Kiều, Thúy Vân, Kim Trọng, Từ Hải,...

- Trong khi tả người, nhà thơ đã thể hiện thái độ yêu ghét rạch ròi, phân minh:

+ Ghét cái xấu, cái ác, khinh bỉ các tầm thường, vô đạo; khinh bỉ khi miêu tả diện mạo trai lơ và bản chất con buôn, vô học của Mã Giám Sinh; ghê tởm Tú Bà nanh nọc, độc ác; vạch trần Sở Khanh trơ trẽn , lừa lọc; chê trách Hoạn Thư xảo trá, nham hiểm, ...

+ Trân trọng, yêu mến cái đẹp, người tài: dùng những ngôn từ đẹp để nhất đề ca ngợi tài sắc chị em Thúy Kiều, cảm phục Từ Hải,...

- Nhà thơ đã tạo ra những điển hình văn học có tính khái quát cao, có sức sống muôn đời: Thúy Kiều, Thúy Vân, Từ Hải, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hoạn Thư,...

3. Kết bài

- Truyện Kiều đã thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du.

- Tài năng nghệ thuật Nguyễn Du có cơ sở từ sự tiếp thu những tinh hoa trong văn chương cổ điển, văn hóa dân gian và khả năng sáng tạo của nhà thơ, hơn hết là xuất phát từ cái tâm của một nghệ sĩ lớn đối với con người và cuộc sống.

Đề 4: Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình? Phân tích 8 câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích để thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

Dàn ý

1. Mở bài

- Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du cũng như của văn học Việt Nam.

- Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích nằm ở phần thứ hai của Truyện Kiều (Gia biến và lưu lạc) . từ việc miêu tả tâm trạng của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đoạn trích đã thể hiện cảnh ngộ và tâm trạng của Thúy Kiều cũng như tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc tả cảnh ,tả tình.

Tám câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích đã cho thấy nghệ thuật tả cảnh ngụ tình rất đặc sắc của Nguyễn Du.

2. Thân bài

a) Thế nào là tả cảnh ngụ tình?

- Trong văn học trung đại, các tác giả đã coi tả cảnh ngụ tình là một trong những thủ pháp nghệ thuật quan trọng để biểu đạt ý tình và chứng tỏ khả năng hàm súc của ngôn ngữ thơ ca. Nhiều tác phẩm đã sử dụng thành công nghệ thuật tả cảnh ngụ tình: Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan; Thu vịnh, Thu điếu của Nguyễn Khuyến,...

- Tả cảnh ngụ tình là dùng cảnh thiên nhiên để diễn tả tình cảm con người. Như vậy, trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tình, cảnh là phương tiện miêu tả, tình là mục đích để tả.

b) Chứng minh:

- Tóm tắt ngắn gọn cảnh ngộ của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.

- Phân tích 8 câu thơ cuối .

Tám câu thơ là bốn bức tranh thiên nhiên gợi liên tưởng đến thân phận và tâm trạng nàng Kiều. Mỗi cảnh vật là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều:

+ Cảnh "cửa bể chiều hôm" gợi nỗi buồn hoang vắng , đơn côi của Kiều. Nên khi nhìn thấy cánh buồm thấp thoáng trong lòng Kiều sáng lên hy vọng: nàng sẽ có ngày trở lại quê hương. Nhưng khi "cánh buồm" vụt biến mất, hy vọng trở thành thất vọng.

+ Nhìn "dòng nước", nàng liên tưởng tới dòng đời. Cuộc đời mình như một cánh hoa trôi, không biết sẽ về nơi nao. Cảnh nước chảy hoa trôi gợi cảm nhận về thân phận trôi giạt, vô định và tâm trạng xót xa, bơ vơ của Kiều.

+ Nhìn ra "nội cỏ" trải tới chân trời, trong tâm cảm "rầu rầu", Kiều chỉ thấy một màu xanh xanh, lạnh lùng, âm đạm bủa vây lấy nàng.

+ Trông cảnh "gió cuốn mặt duềnh" nàng nghe thấy "âm âm tiếng sóng" kêu quanh như dự báo những điều khủng khiếp sắp xảy ra với nàng. Kiều đã rơi vào sự hoảng loạn sợ hãi,...

3. Kết bài

- Tám câu thơ, bốn cặp lục bát đã trở thành bức tranh tứ bình thiên nhiên, tứ bình tâm trạng. Mỗi bức tranh là một phần phong cảnh cũng là một khía cạnh nội tâm sâu sắc của nhân vật thấm thía vào từng câu chữ, nét cảnh.

- Bức tranh thiên nhiên và bức tâm cảnh trong Kiều ở lầu Ngưng Bích đã trở thành chuẩn mực thực cho nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong văn học.

Đề 5: phân tích cảm hứng nhân văn trong các đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Dàn ý

- 1. Mở bài**
- Nguyễn Du là thiên tài văn học, danh nhân văn hóa và là nhà nhân đạo chủ nghĩa. Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du, kết tinh những giá trị nhân văn cao cả của dân tộc và nhân loại.
 - Cảm hứng nhân văn trong Truyện Kiều được thể hiện rõ nét qua hai đoạn trích Chị em Thúy Kiều và Kiều ở lầu Ngưng Bích.

2. Thân bài

a) Giải thích:

Cảm hứng nhân văn trong tác phẩm Truyện Kiều được thể hiện:

- Sự đồng cảm, xót thương trước số phận bi kịch của con người.
- Tố cáo, lên án những thế lực xấu xa chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc chính đáng của con người.
- Khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người như khát vọng về quyền sống, khát vọng tự do công lý, khát vọng tình yêu, hạnh phúc.

b) Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều

- Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người: sử dụng bút pháp ước lệ thường thấy trong thơ cổ điển, lấy hình ảnh thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp và tài năng của chị em Thúy Kiều. Điều đó thể hiện lòng yêu mến và trân trọng của Nguyễn Du đối với nhân vật.
- + Vẻ đẹp chung: hình dáng thanh tú như cây mai,, tâm hồn trắng trong như tuyết, ẩn dụ so sánh làm toát lên vẻ đẹp cao quý của hai chị em Thúy Kiều.
- + Vẻ đẹp của Thúy Vân: miệng cười tươi như hoa nở, giọng nói trong như tiếng ngọc rơi trên mâm vang (hoa cười, ngọc thốt), tóc đen hơn mây, da trắng hơn tuyết. Đó là vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu hiếm có.
- + Vẻ đẹp của Thúy Kiều: tác giả nhấn mạnh cả sắc và tài của Thúy Kiều. Vẻ sắc đẹp thì: sắc sảo mặn mà, nghiêng nước nghiêng thành, đặc biệt đôi mắt nàng trong như nước mùa thu, lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Vẻ đẹp nàng lộng lẫy khiến hoa phải ghen, liễu phải hờn. Kiều thông minh, nhiều tài, tài nào cũng đạt đến đỉnh cao: cầm ,kỳ, thi, họa,... Đó là những tài năng lý tưởng của giới quý tộc xưa.
- Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích còn thể hiện ở niềm yêu thương, quan tâm cho số phận của con người:
- + Trong khi miêu tả vẻ đẹp và tài năng của hai chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã gửi gắm vào đấy những dự cảm, sự quan tâm về số phận con người:
- + Thúy Vân mang vẻ đẹp trong khuôn phép tạo hóa ban cho, dự báo trước cuộc đời nàng sẽ sung sướng, không sóng gió.
- + Vẻ đẹp của Thúy Kiều lộng lẫy khiến thiên nhiên phải ganh ghét với nàng hưởng chi con người. Vì vậy đời nàng tất sẽ long đong vất vả. Từ giọng điệu đến hình ảnh thơ đều phảng phất nỗi lo lắng, dự cảm của Nguyễn Du cho số phận của nàng, một

kiếp người tài hoa bạc mệnh. Chính niềm yêu thương, trân trọng và dự cảm ấy đã làm với đi một nỗi ám ảnh về triết lý "tài hoa bạc mệnh" và tạo nên nét tươi sáng cho cảm hứng nhân văn trong đoạn trích.

- Đọc đoạn thơ trái tim ta như hòa cùng cảm hứng nhân văn để rồi lòng mình có thêm niềm yêu thương, trân trọng con người nhiều hơn.

c) Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích

- Trân trọng đề cao vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.

+ Kiều là con người tình nghĩa, thủy chung trong tình yêu: miêu tả nỗi nhớ của Kiều với Kim Trọng-nỗi nhớ có sự day dứt vì Kiều thấy mình là người có lỗi. Nàng nhủ lòng luôn giữ một chữ son, một tình yêu thủy chung dành cho Kim Trọng.

+ Kiều là người con hiếu thảo, giàu đức hi sinh: trong hoàn cảnh cô độc, đáng thương, Kiều đã quên bản thân mình, xót thương khi hình dung cảnh cha mẹ già nơi quê nhà sáng chiều vẫn tựa cửa ngóng trông đứa con lưu lạc, lo lắng cho cha mẹ khi không biết có ai phụng dưỡng, chăm sóc.

- Nhà thơ thể hiện thái độ cảm thông sâu sắc cho nhân vật Kiều qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình ở 8 câu cuối:

+ Cảm hứng nhân văn được thể hiện ở bức tranh tứ bình, mỗi cặp lục bát là một bức tranh tâm trạng với những diễn biến nội tâm tinh tế.

+ Nguyễn Du đã thấu hiểu và đồng cảm nỗi đau khổ, tuyệt vọng của nàng, xót xa không biết thân phận của Kiều rồi sẽ đi về nơi đâu.

- Đoạn trích gián tiếp tố cáo bọn bất lương buôn thịt bán người: Mã Giám Sinh, Tú Bà.

Chính bọn chủ chứa lầu xanh đã đẩy Kiều vào cảnh ngộ cô đơn, bế tắc. Nguyễn Du đã thể hiện sự căm phẫn, lên án, tố cáo bọn người bất lương đã khiến người phụ nữ trong đó có Thúy Kiều rơi vào bất hạnh, khổ đau.

3. Kết bài

- Cảm hứng nhân văn là cảm hứng xuyên suốt tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du và được thể hiện rõ nét qua hai đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích.

- Tấm lòng yêu thương, quan tâm số phận con người; đồng cảm, trân trọng, ngợi ca những giá trị con người cao đẹp; bất bình, tố cáo cái ác, cái xấu đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc chính đáng của con người... là những cảm xúc nhân văn khẳng định sức sống của kiệt tác Truyện Kiều.

BÀI 4: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

(Trích Truyện Lục Vân Tiên-Nguyễn Đình Chiểu)

Đề bài luyện tập: Phân tích đoạn thơ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga để thấy tính cách tốt đẹp của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

Dàn ý

1. Mở bài

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) là nhà thơ lớn của dân tộc, là tấm gương sáng ngời về nghị lực sống và cống hiến cho đời, về tấm lòng yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm. Truyện Lục Vân Tiên là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Đình Chiểu, được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân.

- Đoạn thơ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga nằm ở phần đầu của Truyện Lục Vân Tiên đã thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả và khắc họa những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật chính: Lục Vân Tiên tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài; Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nét na, ân tình.

2. Thân bài

a) Hình ảnh Lục Vân Tiên.

* Là chàng trai, dũng cảm đánh cướp cứu dân lành:

- Tình huống: bọn cướp Phong Lai rất hung dữ, sống ở trên núi thường xuống làng cướp của, bắt những cô gái đẹp. Trên đường về thăm cha mẹ, gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành, Vân Tiên đã bất bình ra tay cứu giúp, không kịp suy nghĩ, dẫn đo.

+ Bọn cướp đông đảo đầy đủ vũ khí, dữ dằn hung tợn nổi tiếng đến nỗi "Người đều sợ nó có tài khôn đương" .

+ Vân Tiên chỉ có một mình, tay không vũ khí, chỉ "bẻ cây làm gậy" mà dám xông vào đánh bọn cướp.

Nếu là người hèn nhát, chàng có thể tránh xa; Nếu là kẻ ích kỷ, chàng có thể dừng dưng trước những cảnh bất bình, để mặc người lương thiện gặp nạn. Chàng đã quyết liệt xông vào đánh cướp. Điều đó, chứng tỏ Vân Tiên là một chàng trai dũng cảm, cương trực.

- Diễn biến trận đánh:

+ Chàng đã mắng bọn cướp "... Bớ đảng hung đồ- chớ quen làm thói hồ đồ hại dân", chủ động "tả đột hữu xông". Hình ảnh Vân Tiên được so sánh với hình mẫu lý tưởng Triệu Tử Long, một dũng tướng trong truyện Tam quốc được người Nam Bộ rất thần phục. Vân Tiên mang vẻ đẹp của một dũng tướng quả cảm. Chàng đã đánh cướp bằng tài võ nghệ điêu luyện và bằng cả tấm lòng trượng nghĩa của một đấng nam nhi.

+ Tên tướng cướp Phong Lai rất tức giận, hô quân bao vây Vân Tiên bốn phía, quyết giết chết chàng.

- Kết quả: bọn cướp bị đánh "vỡ tan", những tên sống sót quăng gươm giáo bỏ chạy. Tên tướng cướp Phong Lai do chủ quan nên bị một gậy của Vân Tiên mà chết.

Hành động đánh cướp của Vân Tiên bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa. Đó là cái đức của con người vì việc nghĩa quên thân mình, cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bên trong kẻ yếu, chiến thắng những thế lực tàn bạo.

* Lục Vân Tiên là con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm

nhân hậu:

- Sau khi đánh xong bọn cướp, Vân Tiên nghe thấy tiếng khóc, chàng đã dừng lại hỏi han, chứng tỏ chàng là người luôn biết quan tâm tới người khác.

- Thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng, Vân Tiên "động lòng" tìm cách an ủi, động viên "Ta đã trừ dòng lâu la".

- Khi nghe họ nói muốn được lấy tạ ơn:

+ Vân Tiên vội gạt đi ngay "khoan khoan ngồi đó chờ ra". Ở đây, trong thái độ của Vân Tiên có phần câu nệ của lễ giáo phong kiến (nam nữ thụ thụ bất thân), nhưng chủ yếu là do đức tính khiêm nhường, trong sáng, vô tư của chàng. Dám liều mình cứu người, lời lẽ đanh thép khi giao chiến với giặc cướp, để rồi trước một cô gái dịu dàng, Vân Tiên không tránh khỏi ngại ngùng bẽn lễn, điều đó thể hiện một lối sống lành mạnh, có giáo dục, nề nếp.

+ Lời nói, thái độ khiêm nhường, nhã nhặn của chàng: "Làm ơn há dễ trông người trả ơn", "nhớ câu kiến nghĩa bất vi- Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

Chàng không muốn nhận cái lấy tạ ơn của hai cô gái, từ chối lời mời về thăm nhà của Nguyệt Nga để cha nàng đền đáp, và ở đoạn sau, từ chối nhận chiếc trâm vàng của nàng, chỉ cùng nhau sướng họa một bài thơ rồi thanh thản ra đi, không hề vẩn vương. Dường như đối với Vân Tiên, làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên, con người trọng nghĩa khinh tài ấy không coi là công trạng. Đó là cách ứng xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán.

Với những nét tính cách đó, hình ảnh Lục Vân Tiên đã trở thành một hình ảnh đẹp mang tính lý tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin và ước vọng của mình về những con người tài đức, dám ra tay cứu nạn giúp đời.

b) Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga.

Kiều Nguyệt Nga vốn là một tiểu thư con quan, dung nham đẹp đẽ, thủy mị, nét na. Ở đoạn thơ này, hình ảnh Kiều Nguyệt Nga chỉ được biểu hiện qua những lời lẽ mà nàng giải bày với Lục Vân Tiên.

- Trước hết, đó là lời lẽ của một cô gái khuê các, thủy mị, nét na, có học thức:

+ Cách xưng hô "quan tử", "tiện thiếp" thể hiện sự khiêm nhường.

+ Cách nói năng văn vẻ, dịu dàng, mực thước: "Làm con đâu dám cãi cha", "Chút tôi liễu yếu đào tơ- Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần".

+ Cách trình bày vấn đề rõ ràng khúc chiết, vừa đáp ứng đầy đủ những điều thăm hỏi ân cần của Lục Vân Tiên, vừa thể hiện chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình: "Trước xe quân tử tạm ngồi- Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa".

- Kiều Nguyệt Nga là người con gái trọng ơn nghĩa: đối với Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga là người chịu ơn, không chỉ ơn cứu mạng, mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng (đối với người con gái, điều đó còn quý hơn tính mạng): "Lâm nguy chẳng gặp giải nguy- Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi".

Với ân nghĩa to lớn của Vân Tiên nàng rất băn khoăn, tìm cách trả ơn chàng, dù rằng có đền đáp đến mấy cũng chưa đủ: "Lấy chi cho phi tấm lòng cùng người". Và khi nghe Vân Tiên từ chối, Nguyệt Nga đã tặng Vân Tiên một chiếc trâm cài đầu làm kỷ niệm và xin họa lại bức hình của Vân Tiên. Sau này nàng đã tự nguyện gắn bó cuộc đời với chàng trai khảng khái hào hiệp đó và đã dám liều mình để giữ trọn ân tình, thủy chung với chàng. Nét đẹp tâm hồn đó đã làm cho hình ảnh Kiều

Nguyệt Nga chinh phục được tình cảm yêu mến của nhân dân, những con người bao giờ cũng rất xem trọng ơn nghĩa" Ôn ai một chút chẳng quên".

Như vậy, Nguyệt Nga là cô gái có học thức, hiểu biết, nét na, trọng ơn nghĩa. Nàng tiêu biểu cho vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến: công ,dung, ngôn, hạnh.

3. Kết bài

- Các nhân vật hầu như không được khắc họa chân dung, ngoại hình cũng như nội tâm; chủ yếu được miêu tả qua hành động, cử chỉ, lời nói. Ngôn ngữ miêu tả mộc mạc, bình dị, gần với lời nói thông thường và mang màu sắc địa phương Nam Bộ.

- Tuy nhiên, nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga hiện ra vẫn rất sinh động có sức khái quát lớn. Đó là những con người đẹp để mang màu sắc lý tưởng phong kiến, gửi gắm quan niệm thẩm mỹ của tác giả: " Trai thời trung hiếu làm đầu- Gái thời tiết hạnh làm câu chầu mình".